



Tác phẩm: PHẠM TAM QUỐC (Tập 2)

Tác giả: Dịch Trung Thiên

Nhà xuất bản: Nxb Công An Nhân Dân

Năm xuất bản: 05/2010

Số trang: 530

Khổ sách: 13 x 20.5cm

Giá bìa: ... đồng

➤ **Thông Tin Thực Hiện:**

Đánh máy: khanhnguyen

Hiệu chỉnh: thanhtradn91

Đóng gói: thanhtradn91

Hoàn thành: 27/04/2013

***“CHÂN THÀNH CẢM ƠN CÁC THÀNH VIÊN
ĐÃ THAM GIA DỰ ÁN EBOOK – VTBT”***



THƯ NGỎ CỦA NHÓM E-BOOK (VTBT)

Các bạn thân mến!

Trong thời đại công nghệ thông tin Internet ngày càng phát triển như hiện nay, Ebook như là một món ăn tinh thần không thể thiếu của cộng đồng mạng và không ai có thể phủ nhận những lợi ích mà nó mang lại. Chúng tôi – Nhóm *E-Book (VTBT)* đã cố gắng số hóa cuốn sách này với hy vọng mang đến cho các bạn những tiện ích nhất định khi sử dụng Ebook.

Đầu tiên, *E-Book (VTBT)* chân thành xin lỗi Tác Giả và NXB vì đã thực hiện Ebook khi chưa được sự đồng ý của bên liên quan.

Tiếp đến, mong các bạn sử dụng Ebook một cách hợp lí, tránh in ấn, photo nhân bản để giữ gìn giá trị vốn có của cuốn sách in.

Việc sử dụng Ebook này là miễn phí. Do đó, *E-Book (VTBT)* không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót gì trong quá trình biên tập Ebook.

Cuối cùng, chúng tôi hy vọng độc giả yêu sách nên sở hữu cho mình cuốn sách in để trải nghiệm và đánh giá được tốt hơn về Ebook lẫn sách in, cũng như ủng hộ về mặt tài chính cho Tác Giả và NXB.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng đến Tác Giả, NXB đã mang đến cho người đọc những cuốn sách vô cùng giá trị.

Và xin cảm ơn các độc giả đã ủng hộ *E-Book (VTBT)*.

Trân trọng!



DỊCH TRUNG THIÊN

PHẨM TAM QUỐC

Tập 2

MỤC LỤC

PHẦN 3: TAM QUỐC THÀNH THẾ CHÂN VẠC

Tập thứ hai mươi nhăm: GIỮA ĐƯỜNG PHẢI BỎ

Tập thứ hai mươi sáu: ĐƯỢC VOI ĐÒI TIÊN

Tập thứ hai mươi bảy: TIẾN THOÁI HẾT CHỖ TỰA

Tập thứ hai mươi tám: MUỘN DAO GIẾT NGƯỜI

Tập thứ hai mươi chín: CHÂN TƯỚNG MỆNH ÁN

Tập thứ ba mươi: TRANH GIÀNH ĐOẠT ĐÍCH

Tập thứ ba mươi một: NHÂN YẾU MÀ VÀO

Tập thứ ba mươi hai: ÂM MUÙ THÁNG TRẮNG MẶT

Tập thứ ba mươi ba: ÁO TRẮNG QUA SÔNG

Tập thứ ba mươi tư: BẠI VỀ MẠCH THÀNH

Tập thứ ba mươi nhăm: KHIẾU ĐÌNH DI HẬN

Tập thứ ba mươi sáu: Ở VĨNH AN GỬI CON

PHẦN BỐN: LẠI ĐƯỢC NHẤT THỐNG

Tập thứ ba mươi bảy: QUÂN THẦN ĐẶC BIỆT

Tập thứ ba mươi tám: NƯỚC LỬA KHÓ DUNG

Tập thứ ba mươi chín: ĐAU NHƯ CẮT RUỘT

Tập thứ bốn mươi: HỌA TỪ BÊN TRONG

Tập thứ bốn mươi một: LẤY CÔNG ĐỀ THỦ

Tập thứ bốn mươi hai: BẮT LỰC, VỀ TRỜI

Tập thứ bốn mươi ba: MÂY GIÓ GẶP NHAU

Tập thứ bốn mươi bốn: NGÒI MÀ QUYẾT VIỆC Ở ĐÔNG NAM

Tập thứ bốn mươi nhăm: TÌNH TRỜI HẬN BIÊN



Tập thứ bốn mươi sáu: ĐỜI NGƯỜI NÓNG LẠNH

Tập thứ bốn mươi bảy: NGƯỢC DÒNG MÀ LÊN

Tập thứ bốn mươi tám: ĐƯỜNG RIÊNG ĐỒNG QUY

LỜI KẾT THÚC: TRƯỜNG GIANG CUỒN CUỘN CHẢY VỀ ĐÔNG

I. Sĩ tộc thay thế quý tộc

II. Môn phiệt gặp phải quân phiệt

III. Miền Nam chống lại miền Bắc

IV. Đuổi hươu vị tất được hươu

V. Tháo chuông rồi lại buộc chuông

VI. Sóng sau biển thành sóng trước

Lời sau cùng



PHẦN 3: TAM QUỐC THÀNH THỂ CHÂN VẠC

Tập thứ hai mươi năm: GIỮA ĐƯỜNG PHẢI BỎ

Trận chiến Xích Bích giáng một đòn mạnh vào quân Tào, từ đó Tào Tháo mất thế ở miền Nam. Nhưng Tào Tháo không phải là người dễ dàng chịu nhận thất bại. Cái gọi là “Lực sĩ tuổi già, chí khí không mỏi” hoàn toàn không phải là lời khuếch trương. Chiến bại ở Xích Bích đã lôi kéo tính khí ngạo mạn bay bổng của Tào Tháo trở về với hiện thực, việc đáng làm Tào Tháo còn sẽ làm, còn nắm bắt thời cơ hơn nữa. Vậy, sau trận chiến Xích Bích Tào Tháo đã làm những gì?

Sau trận chiến Xích Bích, về mặt quân sự Tào Tháo đã làm ba việc quan trọng: phá Mã, Hàn; đánh Tôn Quyền; tấn công Trương Lỗ. Ba việc đó thành bại khác nhau, nhưng có một điểm chung là: Không làm tới cùng, hoặc không truy đuổi tàn quân, hoặc chưa lập công đã quay về, hoặc được rồi lại để mất, gọi là *Giữa đường phải bỏ*. Bởi vậy, chúng ta rất muốn biết vì sao lại như thế.

Trước tiên, nói tới việc thứ nhất.

Năm Kiến An năm XVI (Công nguyên năm 211), Tào Tháo quyết định đánh Mã Siêu và Hàn Toại ở phía tây. Đây là lần đầu tiên Tào Tháo ra quân với quy mô lớn sau trận chiến Xích Bích. Nói về lý, thì sau hơn hai năm chinh đồn, tích lương, lần nữa Tào Tháo phải đưa quân xuống miền Nam đánh Tôn Quyền và Lưu Bị, trừ họa trong lòng, rửa nhục ở Xích Bích, nhưng vì sao phải đánh về hướng Tây? Trong *Tào Tháo truyện*, ngài Trương Tác Diệu nói tới ba nguyên nhân. Thứ nhất, liên minh Tôn, Lưu đã biến thành hơi, sớm muộn gì cũng sẽ hết; thứ hai, Mã Siêu, Hàn Toại cầm quân ở Trung Nguyên, trước sau gì cũng phải bỏ; thứ ba, Tôn Quyền có ý muốn liên hợp với Mã, Hàn, nhưng chưa thực hiện được vì Chu Du ốm và qua đời. Theo *Tam quốc chí - Chu Du truyện*, vào tháng mười hai, Kiến An năm XV, Chu Du đã kiến nghị đoạt Thục (Lưu Chương), bình Trương (Trương Lỗ), liên Mã (Mã Siêu). Sáng tỏ điều này, chúng ta dễ dàng hiểu rõ vì sao mùa xuân năm XVI, Tào Tháo chuẩn bị ra tay với Mã Siêu và Hàn Toại.

Nhưng tấn công Mã Siêu, Hàn Toại không phải chuyện dễ. Vì họ đều là mệnh quan triều đình do Tào Tháo tiến cử, lại không có chứng cứ phản nghịch. Tự nhiên vô cớ ra quân đánh họ, nói sao cho lọt. Thế là Tào Tháo đành phải sử dụng âm mưu, quỷ kế. Theo *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ*, tháng ba năm đó, Tào Tháo lệnh Tư Lệ hiệu úy Chung Do tây chinh Trương Lỗ, lệnh Chinh Tây hộ quân Hạ Hầu Uyên ra khỏi Hà Đông hội quân với Chung Do cùng nhau tiến quân. Chúng ta biết, quân chủ lực của Trương Lỗ ở Hán Trung, tấn công Trương Lỗ tất phải đi qua địa phận của Mã Siêu, Hàn Toại. Vì vậy, lệnh vừa ban đã bị rất nhiều người phản đối (như Trị thư Thị ngự sử Vệ Ký, Thương Tào thuộc Cao Nhu). Họ cho rằng Mã Siêu, Hàn Toại là loại vũ phu tâm trí thấp hèn,



cầu an yên phận. Trương Lỗ ở nơi thâm sơn, đường sá cách trở. Triều đình ra quân xa xôi đánh giặc, chỉ e chưa diệt được quân Trương Lỗ đã kích động đến Mã Siêu, Hàn Toại thì phiền phức lớn. Tào Tháo nghe vậy, trong bụng cười thầm, bởi họ Tào đang muốn bức Mã, Hàn làm phản.

Cùng chuyện này trong *Tam quốc chí - Vệ Ký truyện*, Bùi Tùng Chi chú dẫn *Ngụy thư* lại nói cách khác. *Ngụy thư* nói người có chủ ý đó là Chung Do. Người này cho rằng bọn Mã Siêu, Hàn Toại “Bề ngoài thì tuân theo, nhưng bên trong thì chưa chắc”, nên mượn có tấn công Trương Lỗ buộc Mã Siêu phải nộp con tin: “có trách nhiệm cùng bắt con tin”. Tào Tháo cho Tuân Úc đi hỏi Vệ Ký, Vệ Ký phản đối. Nhưng Tào Tháo lại cho rằng Chung Do “trông coi công việc ấy” thì cứ làm. Kết quả là Quan Tây phản lớn. Tào Tháo đành tự dẫn quân đi dẹp loạn. Mấy vạn người chết mới được yên. Thế là Tào Tháo “hận đã không theo lời Ký”.

Đây đương nhiên cũng là một cách nói. Nhưng tôi cho rằng, một người quyền mưu như Tào Tháo e đã không cả tin Chung Do! Hồ Tam Tỉnh chú giải *Tư trị thông giám* lại cho rằng, cái gọi là: “nói đánh Trương Lỗ, nhưng ngầm đánh Mã, Hàn” là chủ ý của họ Tào. Đây là kế “đánh Quắc lấy Ngô”, mục đích buộc Mã Siêu, Hàn Toại phải làm phản, rồi đem quân tiến đánh: “nhanh chóng dẹp loạn, sau mới thêm quân”. Không cần bàn thêm điều này. Đúng là Chung Do vừa xuất quân, mười lộ Quan Tây của Mã Siêu, Hàn Toại đều nổi dậy làm phản. Mười vạn người hợp lại chiếm cứ Đồng Quan, chuẩn bị sống mái với họ Tào.

Lúc này danh chính ngôn thuận, Tào Tháo đã có cơ để đánh họ. Tháng bảy năm đó, sau những bố trí chiến lược, Tào Tháo lên ngựa, ngày đêm không nghỉ ra tiền tuyến. Lúc này Tào Tháo đã năm mươi bảy tuổi. Theo trích dẫn *Ngụy thư* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ*, lúc đó có người đã lưu ý Tào Tháo, nói: “Quân Quan Tây quen dùng mâu dài, rất lợi hại”. Tào Tháo thản nhiên nói: “Không hề gì! Quyền chủ động chiến tranh thuộc về chúng ta. Mâu dài tuy lợi hại, nhưng chúng không giết được ta, các vị cứ chờ xem!”.

Thực tế chiến tranh không diễn ra nhẹ nhàng như lời họ Tào. Tháng tám nhuận năm đó, Tào Tháo đã suýt mất mạng lúc vượt sông Hoàng Hà tiến quân lên Bắc. Theo chú dẫn *Tào Man truyện* và *Tư trị thông giám* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ*, họ Tào cho quân vượt sông Hoàng Hà trước, còn mình thì cùng hơn trăm tinh binh chặn hậu tại bờ nam. Vừa định sang sông, thì Mã Siêu thống lĩnh hơn vạn bộ, kỵ binh đánh tới, Tào Tháo “ra vẻ ngồi yên vuốt râu”. Hứa Chử, Trương Cáp thấy tình thế nguy cấp liền cùng mọi người đỡ nhanh Tào Tháo lên thuyền. Nước sông chảy xiết. Thuyền muốn sang bờ bắc nhưng đã bị nước cuốn đi hàng bốn, năm dặm. Mã Siêu cho quân truy bắn, “tên bay như mưa”. Các tướng sĩ hết thấy đều sợ hãi vì không biết họ Tào ở đâu. Chờ lúc Tào Tháo sang sông gặp mặt, mọi người buồn vui lẫn lộn, nước mắt



tuôn trào. Trái lại, Tào Tháo miệng cười khanh khách nói: “Hôm nay suýt nữa đã bị chết bởi tay một tên giặc cỏ”.

Nhưng đến tháng chín, tình thế đã khác hẳn. Toàn quân Tào đã vượt sông Vị Thủy, Mã Siêu cùng nhiều người khác còn gì để nói nữa. Theo *Tam quốc chí - Giả Hủ truyện*, lúc đó Mã Siêu có ý cắt đất cầu hòa, tình nguyện để con em làm con tin. Họ Tào hỏi ý Giả Hủ. Giả Hủ nói: “Có thể vờ bằng lòng (hứa giả)”. Tào Tháo lại hỏi: “Vờ bằng lòng và sau đó thì sao?”. Giả Hủ nói: “Li thôi mà”. Tào Tháo rõ ngay - dùng kế li gián.

Cần phải nói thêm một chút về bối cảnh, tức là đội quân phản nghịch của Mã Siêu, Hàn Toại, tuy gọi là mười vạn đại quân, người ngựa mười lộ, nhưng thực chất chỉ là một đội quân ô hợp. Giữa các vị chủ soái cũng không đồng tâm đồng đức. Mã Siêu là con Mã Đằng, quan hệ giữa Mã Đằng và Hàn Toại cũng phức tạp. Họ vốn là bạn bè cũ, tiếp đến lại thành thù địch. Sau này được Tào Tháo đứng ra hòa giải, điều Mã Đằng vào triều, Mã Siêu mới hòa hợp với Hàn Toại. Ở đây có điều thực đáng nói: Vừa lúc, Hàn Toại muốn gặp Tào Tháo. Họ Tào đã khéo léo lợi dụng cơ hội này. Theo *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ*, bấy giờ Tào Tháo và Hàn Toại từ quân doanh cưỡi ngựa đến nơi trung gian, thân mật trò chuyện rất lâu: “ngồi trên ngựa vừa đi vừa nói”. Họ nói những gì? “Không bàn về quân sự, chỉ nhắc tới bạn cũ ở kinh đô”. Điều đó cũng chẳng có gì là lạ. Tào Tháo và cha Hàn Toại là “Hiếu liêm cùng năm” và “cùng thời” với Hàn Toại, cùng nhau nhắc lại chuyện cũ cũng là việc bình thường. Hơn nữa, khi nói tới chuyện tâm đắc, cả hai còn “vỗ tay cười ầm lên”. Sau khi Hàn Toại trở về, Mã Siêu hỏi hai người đã nói những gì, Hàn Toại trả lời: “Không có gì đáng nói”. Đương nhiên “Không có gì đáng nói”, bởi vì họ có nói gì đâu, nhưng Mã Siêu và những người khác đều không tin. Mọi người đều tận mắt nhìn thấy hai người trò chuyện vui vẻ hồi lâu, sao bảo là “Không có gì đáng nói”?

Sau lúc Mã Siêu sinh nghi, họ Tào lại có tính toán mới. Theo lời chú dẫn *Ngụy thư* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ* và *Tam quốc chí - Hứa Chử truyện*, *Tam quốc chí - Mã Siêu truyện*, sang ngày thứ ba, Tào Tháo lại gặp mặt Hàn Toại. Lần này có cả Mã Siêu và thái độ Tào Tháo cũng khác lần trước. Tại hiện trường có một “hàng ngựa gỗ” làm bình phong, Tào Tháo cho Hứa Chử cầm dao đứng ở phía sau, rõ ràng là không tin tưởng Mã Siêu. Sự thực chứng tỏ họ Tào cảnh giác là đúng. Mã Siêu có ý tập kích Tào Tháo trong lần gặp mặt này, chỉ vì sợ Hứa Chử mà chưa dám ra tay.

Còn chuyện nữa cũng đáng nói trong lần gặp mặt này. Đó là lúc Tào Tháo ung dung xuất hiện trước mọi người, các thuộc tướng của Mã Siêu, Hàn Toại trên lưng ngựa đều chấp tay vái chào. Anh em binh sĩ giành nhau tụ thành một đám đông, mong được nhìn thấy Tào Tháo. Họ Tào cười, nói với mọi người: “Tào Tháo cũng chỉ là một người bình thường, không hề có bốn mắt, hai miệng, chỉ hơn một chút trí tuệ mà thôi”. Lũ bộ hạ của Mã Siêu, Hàn Toại nghe nói vậy mới đưa mắt nhìn trước sau, phát hiện thấy Tào



Tháo “ánh mắt ngời sáng, đã bố trí năm ngàn quân thiết kỵ vây quanh”, ai nấy kinh hồn lạc phách. Đấu chí sục giảm, sức chiến đấu rã rời.

Nhân đó, Tào Tháo lại sử dụng một kế khác. Họ Tào gửi cho Hàn Toại một bức thư, rồi cố ý khoanh chỗ nọ, đánh dấu chỗ kia, vờ như Hàn Toại đã sửa chữa. Tào Tháo nói những gì trong thư, chúng ta không biết và cũng không quan trọng. Quan trọng là mấy điểm ngài Trương Tác Diệu đã chỉ rõ: 1- Tào Tháo đoán biết thế nào Mã Siêu cũng xem thư; 2- Lời lẽ trong thư bóng bẩy, có nhiều cách hiểu khác nhau; 3- Nhìn thư biết ngay người nhận thư đã sửa chữa. Kết quả là Mã Siêu đã xem thư, đã nghi ngờ, hết tin Hàn Toại.

Chúng ta đều biết, trong lúc liên quân tác chiến, điều sợ nhất là chủ soái bất hòa. Hàn Toại, Mã Siêu nghi ngờ lẫn nhau, lòng quân dao động, trận đánh không thể thắng lợi. Tào Tháo nắm đúng thời cơ, một trận đã đuổi Hàn Toại, Mã Siêu ra tận Kinh châu. Sau thắng lợi, Tào Tháo để Hạ Hầu Uyên giữ Trảng An, còn mình trở về Nghiệp Thành vào năm sau, năm Kiến An thứ XVII (Công nguyên năm 212). Về sau Hàn Toại bị các tướng Tây Bình, Kim Thành giết chết, vào năm Kiến An thứ XX (Công nguyên năm 215) cũng là năm Tào Tháo đánh Trương Lỗ; Mã Siêu đầu hàng Lưu Bị vào năm Lưu Bị công phá Lưu Chương năm Kiến An thứ XIX (Công nguyên năm 214).

Sẽ nói tới sự kiện thứ hai - đánh Tôn Quyền.

Một trong những mục đích Tào Tháo đánh Hàn, Mã là trừ hậu họa. Quan Trung đã bình định, muốn bàn bạc trước khi tiến đánh Tôn Quyền. Trong lúc chuẩn bị, Tào Tháo để Nguyễn Vũ viết một bức thư dài cho Tôn Quyền, lời lẽ vừa cứng vừa mềm, đưa ra mấy điều kiện: 1- nếu có thể “Trong diệt Từ Bố, ngoài đánh Lưu Bị” thì ông sẽ mãi mãi cai trị vùng Giang Đông, còn được thăng quan, ban tước; 2- Nếu không nỡ giết Trương Chiêu, chỉ giết Lưu Bị cũng được. Đương nhiên, Tôn Quyền sẽ từ chối. Để chống lại Tào Tháo, ngay từ năm Kiến An thứ XVI, cũng là năm Tào Tháo đánh Hàn Toại, Mã Siêu, Tôn Quyền theo ý kiến của Trương sử Trương Hoàn dời đô từ Kinh Khẩu (nay là thị trấn Giang Thị, Giang Tô) về Mạt Lăng (nay là Nam Kinh, Giang Tô) và đổi tên thành Kiến Nghiệp. Còn nghe theo Lã Mông lập quân camp ở Nhu Tu Khẩu (nay huyện Vô Vi, An Huy). Thái độ Tôn Quyền là vậy, một lòng quyết chiến.

Thế là tháng mười năm Kiến An thứ XVII, Tào Tháo thống lĩnh đại quân bốn mươi vạn đi đánh Tôn Quyền. Tháng giêng năm Kiến An thứ XVIII (Công nguyên năm 213) đại quân tiến vào Nhu Tu Khẩu. Bây giờ thấy rõ Tào Tháo tính toán chưa hết về thiên thời, địa lợi trong cuộc chiến đó, nên vừa ra quân đã rơi vào thế bị động, hai quân trong trạng thái kinh địch chờ đợi. Theo lời chú dẫn *Ngô lịch* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện*, khi đó Tôn Quyền luôn khiêu chiến Tào Tháo. Tào Tháo thì “cố thủ không ra”. Thế là Tôn Quyền thân lên một chiếc thuyền nhỏ (tính ra



phải có một đội thuyền), từ Nhu Tu Khẩu đến trước thủy trại quân Tào. Họ Tào nhìn biết Tôn Quyền đã tới, chắc Tôn Quyền muốn thấy tận mắt trận thế của quân Tào “muốn biết đội ngũ quân ta đây”, liền hạ lệnh ba quân phải canh phòng cẩn mật, cung tên “không bắn bừa bãi”. Đội thuyền Tôn Quyền “Thuyền bè binh khí quân ngũ tề chỉnh”, đi chừng năm, sáu dặm trước doanh trại quân Tào rồi mới về. Trước lúc rút còn “Khua chiêng, gõ trống” ầm ĩ một hồi lâu. Tào Tháo tận mắt nhìn rõ tất cả, bất giác than rằng: “Sinh con phải được như Tôn Trọng Mưu, con cái Lưu Cảnh Thăng chỉ là loài chó lợn!”.

Nhưng trong *Ngụy lược* lại nói khác, nói khi Tôn Quyền đến xem doanh trại quân Tào đã đi thuyền to. Tào Tháo hạ lệnh bắn tên, không phải “cung tên không bắn bừa bãi”. Kết quả là thuyền của Tôn Quyền bị nghiêng về một bên vì bị dính nhiều tên. Thế là Tôn Quyền hạ lệnh quay thuyền để mặt kia cũng dính nhiều tên, “thuyền trở lại thẳng bằng” và Tôn Quyền đã lui về. Sau sự kiện này, La Quán Trung đã thêm mắm thêm muối biến nói thành những chiếc “thuyền cỏ mượn tên” của Gia Cát Lượng trong trận chiến Xích Bích. Thực ra, về mặt kỹ thuật không thể có loại “thuyền cỏ mượn tên” và Tôn Quyền cũng không “mượn tên”.

Bùi Tùng Chi đã chú thích cả hai sự kiện trên trong *Ngô chủ truyện*. Việc này không thể nảy sinh hai lần, nhiều học giả cho cách nói trong *Ngô lịch* là đúng. Điều này chúng ta cũng chưa hiểu. Nhưng dù là đúng hay sai thì khí phách anh hùng của Tôn Quyền cũng đã hiển hiện trên giấy. Đương nhiên, cách nói trong *Ngô lịch* có nhiều giá trị thẩm mỹ hơn. Nghĩ xem, Tôn Quyền đi trên chiếc thuyền con nhìn Tào Tháo, từ trong quân doanh Tào Tháo nhìn Tôn Quyền, cảnh tượng khiến mọi người phải suy nghĩ, khiến tôi nhớ tới *Đoạn chương* của Biện Chi Lâm: “Anh đứng trên cầu ngắm nhìn phong cảnh, ở trên lầu người ngắm phong cảnh lại nhìn anh. Trăng sáng làm đẹp song cửa nhà anh, anh làm đẹp giấc mơ người khác”. Đương nhiên, chiến tranh không phải là nghệ thuật, là thơ ca. Nếu nói Tôn Quyền làm đẹp giấc mộng Tào Tháo, thì e đó là ác mộng.

Theo lời chú dẫn *Ngô lịch* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện* thì sau khi trở về, Tôn Quyền đã gửi thư cho họ Tào nói: “nay xuân vừa tới, ông nên đi nhanh”. Còn viết thêm tám chữ: “túc hạ không chết, ta không được yên” vào một tờ giấy khác. Tào Tháo xem xong lấy làm cảm thán mãi. Đúng vậy, mùa xuân liên miên, lụt lội sắp tới, binh lính phương bắc tác chiến lúc này thật bất lợi. Quả thật “túc hạ không chết, ta không được yên”. Tào Tháo gật đầu nói với chư tướng: “Tôn Quyền không lừa ta”, rồi hạ lệnh lui quân. Tháng tư năm đó về tới Nghiệp Thành. Đương nhiên, sau này hai bên còn đánh nhau mấy lần nữa. Khi có dịp sẽ nói tiếp, còn bây giờ sẽ nói tới sự kiện thứ ba.

Sự kiện thứ ba: đánh Trường Lỗ tương đối đơn giản.



Tháng ba năm Kiến An thứ XX (Công nguyên năm 215), Tào Tháo khởi binh đánh Trương Lỗ. Lúc này Tào Tháo đã sáu mươi một tuổi, nhưng vẫn thân chinh, bốn ba nơi chiến trường. Tháng bảy, quân Tào đến cửa Dương Bình (phía Tây huyện Miễn, Thiểm Tây). Trương Lỗ nghe nói đã chuẩn bị đầu hàng, nhưng người em trai Trương Vệ không đồng ý, nên chiến tranh đã xảy ra. Trận đánh này gần như một vở kịch. Nghe nói lúc đó Tào Tháo phát hiện thấy cửa Dương Bình không dễ đánh như đường dây báo cáo, liền hạ lệnh lui quân. Sau khi lui quân lại đánh trở lại. Trương Vệ bị đánh toi bời, Trương Lỗ chạy tới Ba Trung. Sử sách ghi chép việc này không thống nhất *Tam quốc chí* - *Vũ đế* kỷ nói đánh quay lại là mật lệnh của Tào Tháo; *Lưu Hoa truyện* nói đó là ý kiến của Lưu Hoa; lời chú dẫn *Ngụy danh thần tấu* và *Thế ngữ* trong *Trương Lỗ truyện* lại nói là việc ngẫu nhiên. Trong *Ngụy danh thần tấu* dâng biểu văn của Đồng Trọng nói, bấy giờ vốn muốn lui quân, nhưng đội quân dẫn đầu lại lạc đường, lạc vào quân doanh Trương Vệ. Quân Trương Vệ tưởng quân Tào nhân đêm tối đến tập kích, nên sợ quá mà tan. Tào Tháo được tin, nhân lợi thế mà đổi lệnh lui quân thành lệnh tiến công. *Thế ngữ* lại nói, xông vào quân doanh Trương Vệ không phải là quân Tào mà là mấy ngàn hươu nai. Cao Tộ là bộ tướng của Tào Tháo cho đánh trống gõ chiêng tập hợp quân lính. Trương Vệ tưởng đại quân kéo tới, nên sợ quá đầu hàng. Tóm lại, lúc đầu Tào Tháo đánh Trương Lỗ rất khó khăn, nhưng tin vui thắng trận lại rất nhanh chóng. Vì vậy Vương Sán có thơ ca ngợi: “Người ta theo thần võ, sao được nhọc quân lâu”. Nhưng tôi cho rằng, nói Tào Tháo thắng lần này là “Theo thần võ”, không bằng nói tập đoàn Trương Lỗ đã mất hết ý chí chiến đấu.

Tập đoàn Trương Lỗ vừa đánh đã tan. Tháng mười một năm đó, Trương Lỗ đã đầu hàng, được Tào Tháo ưu đãi. Trương Lỗ đầu hàng, Hán Trung thuộc Tào Tháo. Hán Trung là cửa ngõ, là yết hầu của Ích châu. Lấy xong Hán Trung đã có thể ra tay với Thục quận. Cho nên vừa lấy xong Thục quận làm cho Lưu Bị đang chiến đấu tranh giành Kinh châu phải lo lắng, cả vùng Thành Đô vô cùng hoang mang. Theo chú dẫn *Phó tử* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí* - *Lưu Hoa truyện*, bấy giờ “trong Thục một ngày kinh động hàng mấy chục lần”, Lưu Bị (nói chính xác là Lưu Bị lưu giữ Thành Đô) luôn phải giết người mà vẫn không yên (Tuy Bị đã giết nhưng vẫn không yên). Trong tình hình đó, thừa thắng tiến tới, thừa thế vào Thục, đập bằng Ích châu, tiêu diệt Lưu Bị, phải nói đó là một phương án có thể nghĩ tới.

Hai vị chủ bạ (mặc liêu cao cấp tham dự cơ yếu) của Tào Tháo khi đó là Lưu Hoa và Tư Mã Ý đều đưa kiến nghị, mong chủ thực thi. Kiến nghị của họ được ghi riêng trong *Tam quốc chí* - *Lưu Hoa truyện* và *Tấn thư* - *Tuyên đế kỷ*. Lưu Hoa nói, sau khi mình công lấy xong Hán Trung, người Thục nghe mà khiếp đảm. Chỉ cần thúc quân tiến tới thì Thục quận có thể “truyền hịch mà lấy”. Lúc này Thục quận đang trong tay Lưu Bị. Lưu Bị là anh hùng, tiếc là phản ứng hơi chậm, vào Thục chưa lâu, uy vọng chưa cao. Với sự thần võ của mình công, với thịnh thế quân ta, vào Thục lúc này “không gì



ngăn cản nổi”. Nếu để lỡ thời cơ, để Lưu Bị kịp hoàn hồn thì phiền phức lớn. Vì sao vậy? Vì Lưu Bị có minh tướng Gia Cát Lượng, giỏi đường trị nước; võ có Quan Vũ, Trương Phi làm tướng cầm đầu ba quân. Gia Cát Lượng có thể an định dân Thục, Quan Vũ, Trương Phi biết giữ nơi hiểm yếu. Nước hiểm dân theo thì khó mà đánh đổ!

Tư Mã Ý cũng coi đây là thời cơ thuận lợi lớn. Lúc này hai nhà Lưu Bị, Tôn Quyền đang bày quân kinh địch giành Kinh châu. Đây là cơ hội tốt để Tào Tháo tiến quân. Vì vậy Tư Mã Ý nói, Lưu Bị do khôn khéo mới diệt được Lưu Chương, người Thục còn chưa quy thuận đã đi đánh Giang Lăng, cần phải nắm lấy cơ hội này. Họ Tư nói: “Thánh nhân không thể nhờ thời, không nên để mất thời cơ”. Cũng tức là, thời cơ chưa tới, điều kiện chưa thành thực bạn không thể đến. Khi có thời cơ, điều kiện thành thực thì không nên bỏ lỡ. Đối với một người không thể có hai lần gặp cùng một cơ hội.

Mấy lời đó thật đúng, nhưng Tào Tháo không theo. Theo *Tấn thư - Tuyên đế kỷ*, Tào Tháo vô cùng xúc động thốt thành lời: “Con người không biết thế nào là đủ, đã được Lũng còn muốn cả Thục!”.

Lời nói ngược với điển tích. Lúc trước Hán Quang Vũ đề Lưu Tú nói với đại tướng quân Sầm Bành câu đó. Theo *Hậu Hán thư - Sầm Bành truyện*, Kiến Vũ năm thứ VIII (Công nguyên năm 32), Sầm Bành theo Lưu Tú phá Thiên Thủy, vây Tây Thành, thắng lợi đã trong tầm tay. Không lâu sau, Lưu Tú quay về hướng Đông, có thư gửi Sầm Bành, nói: “Con người nếu chưa thấy đủ, thì được Lũng lại nhìn Thục”. Sầm Bành hiểu ý Lưu Tú, sau khi bình Lũng đã vào Thục giết chết Công Tôn Thuật. Rõ ràng ý Lưu Tú là: con người, luôn không biết thế nào là đủ, được Lũng phải nhìn vào Thục. Ý Tào Tháo là ngược lại: con người, không thể không biết thế nào là đủ, được Lũng thì không nên nhìn vào Thục!

Tào Tháo vừa lui quân, Lưu Bị liền thấy phân chấn. Lưu Bị vốn rất lo lắng. Theo *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện*, sau khi nghe tin “Tào công định Hán Trung, Trương Lỗ chạy sang Ba Tây” Lưu Bị liền giảng hòa ngay với Tôn Quyền, hai nhà phân chia Kinh châu (phần sau chúng ta còn nói tới chuyện này), còn cử ngay đại tướng quân Hoàng Quyền dẫn quân đón Trương Lỗ, tiếc là chậm mất một bước, Trương Lỗ đã đầu hàng. Nhưng quyết sách lui quân của Tào Tháo lại là cơ hội Lưu Bị có thể lợi dụng. Từ lâu tập đoàn Lưu Bị đã hiểu rõ tầm quan trọng của Hán Trung. Cuối Kiến An năm thứ XXII (Công nguyên năm 217), Lưu Bị phái Trương Phi, Mã Siêu đóng quân ở Hạ Biên (phía Tây huyện Thành, Cam Túc), năm sau thân lĩnh chủ tướng tiến quân, bắt đầu một chiến dịch quân sự quy mô lớn đối với Hán Trung.

Mưu thần số hai của Lưu Bị là Pháp Chính, người chủ mưu tiến quân đoạt lấy Hán Trung. Vì sao nói Pháp Chính là mưu thần số hai? Theo *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện*, thì Kiến An năm thứ XIX, Lưu Bị vào Thục là Ích châu mục, với “Gia Cát Lượng



là thân thích, Pháp Chính là mưu chủ, Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu là nanh vuốt”. Xem ra lúc này Gia Cát Lượng chính là Tổng lý quân chính; Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu nam chinh bắc chiến; Pháp Chính xuất mưu lập kế.

Theo *Tam quốc chí - Pháp Chính truyện*, sau lúc họ Tào lui quân, Pháp Chính tìm Lưu Bị và nói: “Lúc này trời đã giúp ta, không thể bỏ lỡ thời cơ”. Kết quả “Tiên chủ đã theo kế” thân chinh Hán Trung, Pháp Chính theo chân, Gia Cát Lượng lưu giữ Thành Đô. Quyết định của Lưu Bị là chính xác, đương nhiên là vậy. Chúng ta đều biết, trên đời này Lưu Bị chỉ sợ có một người là Tào Tháo. Lưu Bị không hề sợ bộ tướng của họ Tào, nói chi tới Hạ Hầu Uyên, hiện trấn thủ Hán Trung, một “tướng quân thùng rỗng” (một tướng lĩnh kém cỏi), hữu dũng vô mưu, không biết dùng quân. Vả Lưu Bị cũng biết rõ, có lấy được Hán Trung thì tình thế mới thay đổi cơ bản, thiên hạ mới có thể chia ba cùng Tào Tháo và Tôn Quyền. Vậy Lưu Bị quyết định phải đánh.

Nhưng chiến tranh vừa mở đầu đã bất lợi. Chủ tướng của Tào Tháo đánh nhau dữ dội với Lưu Bị ở Dương Bình quan. Lưu Bị nhận thấy, tuy không có Tào Tháo, nhưng không dễ đối phó với quân Tào. Lưu Bị vội vàng biên thư cho Gia Cát Lượng, quân sư tướng quân lúc đó để có thêm quân. Nhưng không hiểu vì sao, có thể vì vừa vào Thục hoặc vì thận trọng trong công việc, Gia Cát Lượng có phần do dự. Theo *Tam quốc chí - Dương Hồng truyện*, Lưu Bị “Thư gấp để phát binh”, Gia Cát Lượng cầm thư đến hỏi Dương Hồng - một vị quan trọng Thục, Dương Hồng nói: “Hán Trung là yết hầu của Ích châu, quan hệ tới tồn vong. Nếu không có Hán Trung thì cũng không có Thục (nếu không có Hán Trung tức là không có Thục vậy). Mất Hán Trung thì họa gần kề (họa bên cửa)! Lúc này con trai nên ra trận (nam đi chiến đấu), nữ lo việc hậu cần (nữ lo vận chuyển). Mong quân sư nhanh chóng ra quân, còn do dự gì nữa! (đừng nghi ngờ, phát binh ngay)”.

Dương Hồng đã nói tới điều cơ bản: “Nếu không có Hán Trung tức là không có Thục vậy”. Đây là điều khác biệt giữa Tào và Lưu: Tào Tháo có thể được Lũng thì không nhìn Thục, ngược lại, Lưu Bị không được Lũng, không thể giữ được Thục, một người có chí thì được, một người giữ được thì giữ. Vì vậy chiến tranh mở màn đã biết ngay thắng, bại. Thục tể thì trong hai năm quân Lưu luôn nắm quyền chủ động và tháng giêng Kiến An năm XXIV (Công nguyên năm 219) đã giết chết Hạ Hầu Uyên chủ soái quân Tào trên núi Định Quân. Vì vậy chờ đến tháng ba năm đó, khi Tào Tháo thân đến Hán Trung lần nữa thì cục thế đã hết đường cứu vãn. Tào Tháo nhìn thời thế mà thở dài rồi truyền khẩu lệnh “gân gà” ngay trong đêm, cho quân lui ngay về Trảng An. Từ đây Hán Trung thuộc họ Lưu. Tháng bảy năm đó, Lưu Bị xưng là Hán Trung vương. Đương nhiên, không bao giờ Tào Tháo chịu khoanh tay nhường cả thiên hạ cho người khác. Con người giỏi cầm quân này đã lập phòng tuyến ở Trần Thương, trên đường giao thông quan trọng giữa Hán Trung và Quan Trung. Trần Thương cũng là mảnh đất các binh gia



đều muốn có. Quyết sách đó không chế có kết quả đường tiến quân của Lưu Bị. Suốt đời Lưu Bị, Gia Cát Lượng không sao vượt khỏi được phòng tuyến này.

Tào Tháo được Lũng thì không nhìn Thục, kết quả đã mất luôn cả Lũng Hữu. Họ Tào mãi mãi mất hết khả năng vào Thục, từ đây lý tưởng thống nhất thiên hạ đã biến thành mây khói. Bởi thế chúng ta rất muốn biết cuối cùng là vì sao.

Có thể lời Pháp Chính là đúng. Ban đầu khi Pháp Chính khuyên Lưu Bị tấn công Hán Trung thì câu đầu tiên đã nói tới vấn đề này. Pháp Chính nói: “Tào Tháo vừa ra quân đã hàng phục được Trương Lỗ, bình định Hán Trung, không thừa thắng tiến quân lấy luôn Ba, Thục, lại vội vàng lui quân. Không phải Tào Tháo nghĩ không thấu, quân không đủ (không phải trí không nhanh, quân không đủ) nhất định là trong nội bộ có vấn đề khiến họ Tào cảm thấy bị uy hiếp”.

Vậy, sự việc đúng như thế chứ? Nếu là vậy thì Tào Tháo đã ứng phó ra sao?

Tập thứ hai mươi sáu: ĐƯỢC VOI ĐÒI TIỀN

Sau trận chiến Xích Bích, Tào Tháo còn tiến hành ba cuộc chiến tranh nữa: phá Mã, Hàn, đánh Tôn Quyền, tấn công Trương Lỗ. Tiến hành ba cuộc chiến tranh trong vòng một năm. Thậm chí Tào Tháo còn bằng lòng giữa đường phải bỏ để trở về Nghiệp Thành. Vì sao họ Tào phải làm như vậy? Lần nào Tào Tháo cũng vội vàng quay lại, có việc gì? Việc gì khiến Tào Tháo phải lo ngại?

Tập trước chúng ta biết Pháp Chính đã nói, Tào Tháo vừa ra quân đã bình định Hán Trung, Trương Lỗ đầu hàng, nhưng lại không tiến tiếp lấy Ba, Thục, mà “về ngay miền Bắc” thì nhất định vì “trong có điều phải lo nghĩ”. Điều đó là đúng. Hậu phương lớn của họ Tào rất không yên ổn. Đây là điểm khác biệt giữa Tào Tháo và Tôn Quyền, Lưu Bị. Tôn Quyền ở trong tình trạng tốt nhất. Người trong chính quyền Đông Ngô đều là người của Tôn Quyền. Không là các lão thần Tôn Kiên, Tôn Sách lưu lại như Trình Phổ, Hoàng Cái, Trương Chiêu, Chu Du thì là người do mình phát hiện, bồi dưỡng, cất nhắc như Lỗ Túc, Cam Ninh, Lã Mông, Lục Tốn. Tình hình bên Lưu Bị phức tạp hơn một chút. Sau khi lấy được Ích châu, chính quyền Thục Hán do ba bộ phận hợp thành. Một bộ phận Lưu Bị mang từ Kinh châu tới, có Gia Cát Lượng, có cả Quan Vũ, Trương Phi - những người đã vào sinh ra tử cùng Lưu Bị giành thiên hạ, tạm gọi là “tập đoàn Kinh châu”. Một bộ phận do Lưu Yên vào Xuyên mang tới, tạm gọi là “tập đoàn Đông Châu”. Còn một bộ phận ở ngay trên đất này, tạm gọi là “tập đoàn Ích châu”. Giữa ba tập đoàn này có mâu thuẫn. Về sau mâu thuẫn này là một trong số nguyên nhân khiến chính quyền Thục Hán diệt vong. Có điều trước lúc Lưu Bị vào Thục chưa có mâu thuẫn này. Sau khi vào Thục, mâu thuẫn cũng chưa ở mức độ gay gắt khiến Lưu Bị phải lo lắng.



Tào Tháo thì khác. Tào Tháo không phải là người tự lập như Tôn Quyền, Lưu Bị, chỉ là người “phụng thiên tử để lệnh kẻ chưa thần phục” hoặc “ép thiên tử để lệnh chư hầu”. Như vậy “hậu phương lớn” của Tào Tháo cũng luôn luôn là “tiền phương lớn”. Triều đình đều không phải là người của họ Tào. Ngược lại, luôn luôn có người miệt thị, ghen ghét, phản cảm, thù hận, theo dõi từng ánh mắt, từng tiếng cười của Tào Tháo. Trước trận chiến Xích Bích lực lượng của họ Tào rải rác khắp nơi, đánh trận luôn giành thắng lợi, nên phái phản đối không dám công khai phỉ báng. Lúc đó thái độ của Tào Tháo đối với hoàng đế với trăm quan tương đối ôn hòa, dã tâm chưa rõ ràng, số người bảo vệ Hán thất còn ủng hộ, còn hy vọng nhiều ở Tào Tháo. Sau trận chiến Xích Bích thì khác. Công lao của họ Tào không còn nhiều như trước, dã tâm cũng bộc lộ rõ ràng hơn. Mọi người cũng cảm thấy bất mãn. Trong triều, như chú dẫn *Tư trị thông giám* của Hồ Tam Tỉnh đã nói: “có người muốn mượn cơ bại trận ở Xích Bích để lật Tào Tháo, nhân đó mà thay thế (bại trận ở Xích Bích hy vọng của Tào Tháo đã tổn thất, người Trung Quốc muốn nhân đó mà thay); mặt khác, có người đã cảnh giác và hoài nghi về lòng trung và sự gian trá của Tào Tháo. Trước đây số người này không nhiều, không công khai. Sau trận chiến Xích Bích thì nhiều lắm, đâu đâu cũng có.

Tào Tháo thấy rõ điều này. Vì vậy, sau trận chiến Xích Bích trước lúc đánh Mã Siêu, Hàn Toại, vào tháng mười hai Kiến An năm thứ XV (Công nguyên năm 210), họ Tào đã cho ban bố một đạo giáo lệnh, tức là *Nhượng huyện tự mình bản chỉ lệnh* cũng gọi là *Thuật chỉ lệnh*, chúng ta đã nói rõ ở tập hai phần *Câu đố gian hùng*. Câu chuyện bắt nguồn từ việc Hán Hiến đế gia tăng đất phong cho Tào Tháo. Chúng ta đều biết, sau khi rước Hiến đế về huyện Hứa, Tào Tháo được phong là Vũ Bình hầu. Vũ Bình là một huyện lớn, thực vạn hộ. Bởi vậy Vũ Bình hầu là Huyện hầu cũng là Vạn hộ hầu. Đẳng cấp đó là rất cao, cao hơn cha và ông những hai cấp, phong tước của Tào Đăng và Tào Tung là Đình hầu (Phí Đình hầu), trên Đình hầu là Hương hầu, trên Hương hầu là Huyện hầu. Kiến An năm đầu (Công nguyên năm 196), Viên Thuật, Viên Thiệu, Lã Bố, Lưu Biểu vẫn nguyên, Tào Tháo đã là Huyện hầu, địa vị cao sang.

Thoáng cái đã mười lăm năm trôi qua, lúc này Tào Tháo đã không thỏa mãn với chức vị Vạn hộ hầu. Nhưng Huyện hầu đã là cấp bậc cao nhất, nếu phong nữa sẽ là tước công, tước vương. Điều đó là không thể hoặc tạm thời là không được. Thế là hoàng đế bù nhìn liền tăng thêm đất phong cho họ Tào, phong tặng thêm ba huyện hai vạn hộ ở Giáp Hạ (nay là huyện Thái Khang, Hà Nam), Thứ (nay là huyện Thứ Thành, Hà Nam), Hộ (phía đông huyện Lộc Ấp, Hà Nam). Tào Tháo ban bố *Nhượng huyện tự mình bản chỉ lệnh* có ý từ chối đất phong ba huyện hai vạn hộ.

Đây là màn kịch Tào Tháo tự biên tự diễn và cũng là mảnh khố thường dùng hòng tăng thêm danh vọng. Sự việc thực đơn giản, nếu không phải là diễn kịch làm trò, thì là nhường thực. Nhưng thực tế thì thế nào? Theo chú dẫn *Ngụy thư* của Bùi Tùng



Chi trong *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ*, ba huyện hai vạn hộ phong tặng Tào Tháo đã được thu hồi, nhưng mấy hôm sau ba người con của Tào Tháo lại được phong hầu. Tào Thực là Bình Nguyên hầu, Tào Cứ là Phạm Dương hầu, Tào Bảo là Nhiêu Dương hầu, thực ấp năm ngàn hộ. Bình Nguyên thuộc quận Bình Nguyên, Thanh châu, Phạm Dương thuộc quận Trác, U châu, Nhiêu Dương thuộc An Bình quốc, Ký châu. Bề ngoài thì Tào Tháo đã ít đi năm ngàn hộ, đổi lại là ba huyện hầu, mỗi người ở một châu. Đất phong đều là đất chiến lược quan trọng. Nói xem, như vậy là Tào Tháo lỗ hay lãi?

Hơn nữa, nếu quả mục đích của Tào Tháo thực là nhường phong, hoặc là nhường phong thì nên có biểu chương dâng lên hoàng đế. Nhưng đây Tào Tháo chỉ ban bố giáo lệnh cho quân thần. Như vậy là nhìn xuống, không phải tâu lên. Rõ ràng là họ Tào muốn nhân đó nói ra những điều muốn nói, chẳng khác gì ngày nay một nhân vật trong công chúng tạo ra một sự kiện để dễ bề mở hội nghị ban bố tin mới. Về điểm này, Tào Tháo không hề kiêng kị. Trong *Nhượng huyện tự mình bản chỉ lệnh* nói rất rõ, ban bố giáo lệnh để phá phản đối trong và ngoài triều đình không còn gì để nói nữa (muốn mọi người hết nói). Đây là lời nói quá thật. Ngoài ra trong lệnh còn nói, tuyệt không được nhường vị, nhường quyền.... cũng đều là lời thực. Bởi vậy, cũng không thể nói là họ Tào đã diễn kịch, làm trò. Vì Tào Tháo nhường huyện không phải bản chí nên một số học giả nói: *Nhượng huyện tự mình bản chỉ lệnh* không phải là lời thực. Như vậy, không khỏi có phần máy móc. Nên nhớ rằng Tào Tháo vốn luôn muốn thông qua việc gì đó nhằm đạt tới mục đích của mình nên việc gì phải nói đó là thực hay giả! Thực tế thì việc nhường huyện là giả, nhưng lời nói khi nhường huyện lại là thật, kịch thật làm giả, nửa giả nửa thật, lẩy giả loạn thật, đều là điểm mạnh của Tào Tháo.

Vậy Tào Tháo có bịt được miệng mọi người không? Không, không bịt nổi. Thực tế thì sau khi ban bố lệnh, lời phản đối không ít đi mà nhiều hơn; không nhỏ đi mà to hơn. Mấy lời “bàn tán” đó làm Tào Tháo hiểu được rằng, dư luận cố nhiên là quan trọng, quyền lực còn quan trọng hơn; bút mực cố nhiên là quan trọng, súng ống còn quan trọng hơn; muốn bịt miệng mọi người trong thiên hạ, chỉ bằng cứ tóm lấy đầu của họ. Vì vậy, đồng thời với việc lợi dụng, thậm chí tìm cơ hội để tạo nên dư luận, Tào Tháo còn tìm cách khống chế hoặc cướp lấy quyền lực.

Muốn cướp lấy hoặc khống chế quyền lực, nhất là quyền lực tối cao của chính phủ trung ương thì không được rời xa trung tâm chính trị lâu ngày. Vì vậy ở tập trên đã nói, trong ba lần xuất chinh đó, họ Tào đã dùng rất ít thời gian, thậm chí chưa lập công cũng về, giữa đường phải bỏ. Tháng bảy Kiến An năm thứ XVI Tây chinh Mã Siêu, Hàn Toại, tháng giêng năm sau đã về Nghiệp Thành, trước sau chưa quá bảy tháng; tháng mười Kiến An năm thứ XVII Nam chinh Tôn Quyền, tháng tư năm sau đã về Nghiệp Thành, trước sau không quá bảy tháng; tháng ba Kiến An năm thứ XX ra quân đánh



Trương Lỗ, tháng hai năm sau đã về Nghiệp Thành, thời gian dài hơn một chút, nhưng cũng không quá một năm.

Tào Tháo vội vàng vàng trở về Nghiệp Thành không phải vì vợ con. Cái chưa có được trên chiến trường, Tào Tháo muốn lấy nó nơi quan trường. Tây chinh Mã Siêu, Hàn Toại trở về, họ Tào được “Triều bái không phải xưng danh, vào triều không phải rảo bước, có thể đeo kiếm lên điện, như chuyện của Tiêu Hà”; Nam chinh Tôn Quyền trở về, họ Tào được phong là Ngụy công, thêm cử tịch, kiến xã tặc; đánh Trương Lỗ xong, Tào Tháo được “từ tước công thành Ngụy vương”. Gọi là “Triều bái không phải xưng danh”, lúc triều kiến thiên tử, quan Tư nghị chỉ báo quan hàm, không báo tên. Gọi là “vào triều không phải rảo bước”, lúc vào triều kiến thiên tử không phải bước ngắn, bước nhanh biểu lộ sự tôn kính. Gọi là “Đeo kiếm lên điện”, lúc triều kiến thiên tử vẫn được đeo kiếm, không phải cởi giày. Gọi là “như chuyện của Tiêu Hà”, được đãi ngộ như Tiêu Hà thời Lưu Bang. Phong Ngụy công, tấn Ngụy vương, tức là từ tước hầu thăng lên tước công, rồi lại từ tước công thăng lên tước vương. Trong ba sự kiện đó, sự kiện thứ nhất là vào thời Kiến An năm thứ XVII, sự kiện thứ hai vào thời Kiến An năm thứ XVIII, sự kiện thứ ba vào thời Kiến An năm thứ XX. Giữa những năm đó, thời Kiến An năm thứ XIX còn được “thiên tử coi Ngụy công cao hơn các chư hầu vương khác”, năm nào cũng có những điều mới, từng bước từng bước lên cao hơn.

Kiến An năm thứ XXII (Công nguyên năm 217), phần đãi ngộ về chính trị của Tào Tháo đã lên tới đỉnh điểm. Tháng tư, hoàng đế phê chuẩn cho “dùng cờ quạt như thiên tử, vào ra xưng cảnh tất”. Tháng mười, được hưởng “mũ đỉnh mười hai viên ngọc, ngồi xe sơn son dát vàng, có sáu ngựa kéo, bên cạnh có xe sơn khác màu”. Cảnh tất là tiếng hô khi thiên tử ra vào. Ra hô là cảnh, vào xưng là tất. Mũ đỉnh mười hai viên ngọc là mũ của thiên tử, theo chế độ thời Đông Hán, mũ miện hoàng đế đỉnh mười hai viên ngọc trắng; tam công chư hầu bảy viên ngọc xanh; khanh đại phu năm viên ngọc đen. Hoàng đế chuyên ngồi xe sơn son dát vàng. Xe có sáu ngựa kéo cũng là sự đãi ngộ của hoàng đế, chư hầu chỉ có bốn ngựa. Xe có màu khác là xe cùng đoàn với xe của hoàng đế, từ bốn phía xe được sơn đủ năm màu xanh, trắng, hồng, đen, vàng, Cờ quạt của hoàng đế thì khỏi phải nói. Sau khi được ban thưởng như vậy, về mặt nghi lễ Tào Tháo không khác gì hoàng đế. Hơn nữa, với sự độc chiếm đại quân, Tào Tháo đã là hoàng đế tuy chưa xưng hiệu, còn giống hoàng đế hơn cả hoàng đế bù nhìn kia.

Lúc này ai cũng nghĩ rằng Tào Tháo sẽ đánh Hán rồi tự lập làm đế, nhưng thực tế thì chưa bao giờ Tào Tháo làm việc đó. Vậy, vì sao họ Tào chưa xưng đế?

Về điều này, giới học thuật còn có ý kiến khác nhau. Nhiều người cho rằng, Tháo tuy có ý đó, nhưng do thức thời thấy khó, nên dừng lại, chuyển nhiệm vụ đánh Hán tự lập sang cho con trai, chứng cứ như lời chú dẫn *Ngụy lược* và *Ngụy thị Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ*. Theo hai cuốn sách trên, sau khi Tháo trở



thành hoàng để chưa có danh hiệu, tiếng hô đánh Hán tự lập bắt đầu bùng nổ. Kiến An năm thứ XXIV (Công nguyên năm 219), Trần Quân, Hoàn Giới, Hạ Hầu Đôn cầm đầu một đoàn đại biểu đã hết lời khuyên tiến. Trần Quân, Hoàn Giới cho rằng, triều Hán chỉ là hữu danh vô thực, từng tấc đất từng người dân dưới gầm trời này không còn là của Hán (tấc đất, người dân đều không còn), còn lại chỉ là hư danh (chỉ còn danh hiệu), lật đổ và thay thế có gì không được? Hạ Hầu Đôn nói: Thế nào là chủ của muôn dân? Là người mà ai nấy tin tưởng theo về biết trừ hại cho dân. Xưa nay đều như vậy. Điện hạ là người đó, còn do dự gì nữa? Phải nhanh chóng “theo mệnh trời, thuận lòng dân”. Tào Tháo trả lời rằng: Khổng Tử từng nói: tòng chính tức là thi hành chính sự (làm chính sự là theo chính). Nếu mệnh trời đoái tới, ta làm Chu Văn vương là tốt rồi (nếu thiên mệnh ở ta, ta làm Chu Văn vương thôi). Ai cũng rõ, thiên hạ chia ba Chu Văn vương có tới hai phần nhưng vẫn phụng sự Ân Thương. Con trai là Chu Vũ vương mới là người đánh Ân Thương tự lập. Vì vậy nhiều người trong giới học thuật cho rằng: Tào Tháo có ý để con là Tào Phi làm điều mà mình muốn. Quả nhiên, Tào Tháo tạ thế được chừng mấy tháng, Tào Phi bức Hán phải nhường ngôi.

Nhưng ý ngài Lã Tư Miễn lại khác, một đoạn của *Thế Ngụy Võ đế biện vu* trong *Tam Quốc sử thoại* của ngài Lã đã phủ nhận cách nói Tào Tháo có ý đánh Hán tự lập, cho rằng họ Tào không hề muốn thế, chỉ muốn mình như Chu Văn vương “Thấy rõ rằng họ Tào không chịu lật Hán”. Nhiều người trong giới học thuật cho Tào Tháo có ý ngầm để Tào Phi làm việc đó thì ngài Lã có lời bình: “Chẳng nhẽ không phải là giấc mơ”. Tôi rất kính phục ngài Lã Tư Miễn, trước đây đã nhiều lần tôi trích dẫn lời ngài làm luận cứ. Nhưng lúc này tôi không hiểu mấy câu nói trên. Chẳng phải Chu Vũ vương là con Chu Văn vương sao? Chẳng phải Chu Vũ vương đã diệt vương triều Ân Thương sao? Sao Tào Tháo lại ví mình với Chu Văn, chỉ có thể ông ta muốn là Tề Hoàn, Tấn Văn chăng?

Vậy thì, cuối cùng sự việc là thế nào?

Tôi cho rằng tự đáy lòng mình Tào Tháo có rất nhiều mâu thuẫn. Nếu nói chưa bao giờ Tháo có ý đánh Hán tự lập, e rằng không phải. Nói rằng họ Tào chưa đủ tư cách, chưa có điều kiện, lại càng không phải. Nhưng thực tế thì cả đời Tào Tháo chưa hề làm vậy. Nguyên nhân ở chỗ nào? Có trở ngại. Trong *Tào Tháo bình truyện*, ngài Trương Tác Diệu tổng kết ra bốn điều, tôi nói gọn lại thành mười hai chữ: không thuận lợi, muốn báo ân, khó mở miệng, chịu thiệt thòi. Nói cụ thể hơn: 1- Lúc còn trẻ Tháo luôn nói: “Việc phế lập trong thiên hạ thực khác nhau”. Lúc này, khi đã có tuổi có thể vẫn còn quan niệm đó. 2- Tào Tháo đời đời chịu ơn nhà Hán, hẳn còn muốn báo đáp. 3- Tào Tháo luôn thề rằng tuyệt không cướp ngôi nhà Hán, luôn không thể nuốt lời. 4- Lưu Bị, Tôn Quyền luôn coi Tào Tháo là một tấm gương, là một đối thủ, vừa mắng chửi Tào Tháo là giặc Hán vừa tiếc sao Tào Tháo không sớm xưng đế. Theo lời chú dẫn *Ngụy*



lược của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ*, Kiến An năm thứ XXIV (Công nguyên năm 219), lúc dâng biểu xưng thần, Tôn Quyền nói, thiên mệnh ở chỗ Tào Tháo. Tào Tháo rất tỉnh táo và hiểu rằng, nếu mình xưng đế, Lưu Bị, Tôn Quyền lập tức làm theo luôn. Và Tào mỗ này đã mắc tội danh “đoạt Hán”. Tào Tháo không muốn mình bị lừa. Hơn nữa, tuy lúc này Tào Tháo chưa phải là hoàng đế, nhưng là “trung ương”, Lưu Bị, Tôn Quyền chỉ là “địa phương”. Điều này không thể không tính đến. Vì vậy, họ Tào cảm thư của Tôn Quyền nói với mọi người: kẻ tiểu tử này muốn nấu lão phu trên bếp (là con muốn để ta lên bếp lò nóng)! Từ đây mới có câu nói: “nếu thiên mệnh ở ta, ta chỉ muốn làm Chu Văn vương”. Cũng tức là nói: nên chẳng diệt Hán tự lập, lập nên vương triều Đại Ngụy, phải nghe trời và tùy mệnh nữa! Nhưng phong công, kiến quốc, xưng vương, những việc đáng làm thì đã được, xưa nay chưa hề có.

Ở đây việc phong Ngụy công, thêm cử tịch, kiến xã tắc là quan trọng nhất vì đó là bước ngoặt. Phong công và phong hầu khác gì nhau đây? Bề ngoài chỉ là tước vị cao hơn một bậc, từ tước hầu thăng lên tước công, thực tế đã khác biệt nhau về chất. Phong hầu, bất quá được thêm một mảnh đất, một thực ấp, thậm chí chỉ là vinh dự (như Quan Nội hầu); phong công, có thể lập xã tắc và tông miếu xã tắc tức là xã thần và tắc thần, cũng tức là thổ thần và cốc thần. *Bạch Hổ Thông - Xã Tắc* nói: “người lập thổ người ăn gạo”. Có đất đai, có ngũ cốc là có quyền thống trị. Vì vậy ở Trung Quốc xưa, người thống trị đất nước nhất định lập xã để tế thổ thần, lập tắc để tế cốc thần, còn gọi là “xã tắc”, tức là xã đàn và tắc đàn. Tông miếu là nơi cúng tế liệt tổ liệt tông. Nguyên thủ đất nước Trung Quốc xưa (thiên tử hoặc chư hầu, hoàng đế hoặc quốc quân) đều là thế tập. Xây dựng tông miếu là để biểu thị nguồn gốc thống trị của công tộc, vương tộc hoặc hoàng tộc nào đó và mong muốn được kéo dài mãi mãi.

Tông miếu và xã tắc được xây dựng hai bên phía trước cung điện. Bên trái là tông miếu, bên phải là xã tắc “trái tổ phải xã”. Ở Trung Quốc xưa, nguyên thủ một đất nước độc lập có chủ quyền mới được đãi ngộ như vậy. Đồng thời những cái đó còn tượng trưng cho chủ quyền độc lập một đất nước. Vì vậy trong những cuộc chiến tranh thôn tính nước khác ở thời cổ Trung Quốc, một khi đã tiêu diệt được nước đó, sau khi chiếm được kinh đô, nhất định phải hủy diệt tông miếu và xã tắc, gọi là “hủy miếu diệt quốc”. Ngược lại khi thành lập một nhà nước mới thì nhất định phải xây dựng tông miếu, xã tắc luôn, gọi là “xây miếu dựng quốc”. Thời đầu nhà Tây Hán, các chư hầu vương mới được làm như vậy, hầu không được làm. Tức là, phong hầu là ban tước, phong công là dựng nước. Tào Tháo được phong hầu là ban tước, phong công là dựng nước. Tào Tháo được phong Ngụy công, văn bản quy định “theo chế độ của chư hầu vương thời đầu Hán”, tức là Tào Tháo được quyền xây dựng một công quốc tại Ngụy quận.

Đây là sự kiện kinh thiên động địa, tốn nhiều công sức chuẩn bị, không phải lúc nào cũng thuận lợi. Theo *Tam quốc chí - Đông Chiêu truyện*, chính Đông Chiêu đã nêu



việc này ra. Về con người Đồng Chiêu, chúng ta đã nói ở tập *Muru sâu kế xa*. Sự nghiệp của Đồng Chiêu chưa thể hiện là nhiều, nhưng con người này thường xuất hiện vào lúc then chốt. Kiến An năm đầu, Tào Tháo đến Lạc Dương yết kiến hoàng đế rồi rước thiên tử về Hứa huyện, biến nơi đây thành kinh đô thứ hai của vương triều Đại Hán. Đồng Chiêu góp nhiều công sức. Lần này Tháo được sách phong Ngụy công, về sau tấn tước Ngụy vương, cũng nhờ Đồng Chiêu đã đề xướng (là Chiêu nêu ra).

Lời kiến nghị trên là ý nghĩ của Đồng Chiêu hay do Tào Tháo gợi ý? Không rõ và cũng không quan trọng. Vả việc này cũng không cần phải sáng tạo nhiều, chỉ cần mô phỏng theo “giống chuyện của ai đó” là xong. Vì vậy theo tôi, có thể Đồng Chiêu đã hiểu thấu tâm can của họ Tào, mới làm vậy để lấy lòng. Thực tế thì từ lâu có thể Tào Tháo đã nghĩ tới việc này. Trước đó, Tào Tháo đã chuẩn bị ba việc: 1- Mở rộng đất đai. Kiến An năm thứ XVII (Công nguyên năm 212), Tào Tháo có được sự đãi ngộ “Triều kiến không phải xưng tên, vào chầu không phải bước rảo, được đeo kiếm lên điện, như chuyện của Tiêu Hà”, đồng thời còn được thêm mười lăm tòa thành, từ mười lăm thành gấp đôi lên ba mươi thành. 2- Được Bình châu. Tháng giêng Kiến An năm thứ XVIII (Công nguyên năm 213), từ mười bốn châu cũ biến thành chín châu. Hai châu Bình, U và bốn quận Hà Đông, Hà Nội, Phùng Dục, Phù Phong của Tư châu, hợp thành Ích châu do Tào Tháo làm châu mục. 3- Đây là việc làm đồng thời nhằm tạo dư luận. Đương nhiên việc này họ Tào không cần ra mặt, và cũng không cần thiết, tự nhiên có người đến giúp đỡ, như Đồng Chiêu. Ít ra từ Kiến An năm thứ XVII (Công nguyên năm 212) tức là sau khi Tào Tháo được “như chuyện Tiêu Hà”, trước tháng mười lăm Nam chinh Tôn Quyền, Đồng Chiêu bắt đầu du thuyết. Theo chú dẫn *Hiển đế Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Đông Chiêu truyện* và lời chú dẫn *Ngụy thư* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ*, bấy giờ Đồng Chiêu tìm Tào Tháo, tìm Tuân Úc, còn tìm nhiều người trong triều đình, cuối cùng hình thành nghị án và được thiên tử phê chuẩn.

Thế là tháng năm Kiến An năm thứ XVIII (Công nguyên năm 213), hoàng đế bù nhìn cử Khanh sử đại phu Si Lự tuyên chiếu sách phong Tào Tháo là Ngụy công, ban thưởng áo mũ, hết sức ưu ái. Tào Tháo trở thành Ngụy công, được nhận chức thừa tướng theo lệ và vẫn kiêm chức Ích châu mục. “Theo chế độ các chư hầu vương thời đầu Hán”, Tháo được xây dựng Ngụy quốc mới.

Đây mới là thứ Tào Tháo cần. Bởi thực quyền, thực lợi của Tào Tháo không hề ít đi chút nào, nhưng danh dự và địa vị đã cao hơn rất nhiều. Tào Tháo vẫn chủ trương “không mộ hư danh để chuốc họa thực”. Nhưng nếu danh lợi đều có, thực quyền thực lợi không nhỏ, sao lại không nhận? Hơn nữa hàm “Ngụy công” không phải hư danh, mà có nhiều quyền lợi. Vì vậy Tào Tháo trong lòng hẳn rất mừng nhưng bề ngoài vẫn khiêm nhường, trước sau nhường tới ba lần. Thế là, Chung Do, Mao Giới, Trình Dục, Giả Hủ,



Đồng Chiêu cả thầy hơn ba mươi người do Trung quân sư Tuân Du cầm đầu liên danh dâng thư khuyên can. Tào Tháo nói: “phong tước công, thêm cử tịch (ban thưởng chín loại đặc biệt) chỉ có Chu công mới được hưởng! Sao tôi dám nhận?”. Số người kia nói: “Đáng nhận, đáng nhận! Công lao của minh công còn nhiều hơn Chu công. Theo giấy tờ ghi chép lại thì chưa có ai công lao lớn hơn minh công”. Tào Tháo vẫn còn muốn nhường, chỉ nhận đất phong không nhận tước vị. Những người kia lại nói: “như vậy là minh công không tôn trọng hoàng thượng, không nể mặt chúng tôi (hay do Hán triều ban thưởng chưa xứng, khiến lời cầu xin của bọn Du không được nhận). Nói đến vậy, Tào Tháo mới đành phải nhận là Ngụy công.

Lúc này nhìn lại mới thấy vở diễn của Tào Tháo rất dở, khiến người ta khó chịu và cũng không hợp với tính cách của chính Tào Tháo. Nhưng còn cách nào khác, vì nó đã thành quy chế, thành thông lệ, một bước không thể không làm. Nếu không giả vờ nhường đi nhường lại như vậy thì hẳn là ông ta đã bị chửi là kẻ “mặt dày vô sỉ”. Hơn nữa Tào Tháo còn phải ứng phó với áp lực của dư luận. Việc phong công kiến quốc thời đó còn là việc động trời, tối kỵ, chắc gì mọi người đã tán thành. Điều đó khiến Tào Tháo càng phải thận trọng, thậm chí phải diễn kịch, làm trò.

Trên thực tế phái phản đối còn rất nhiều. Có một người mà Tào Tháo tín nhiệm, xem trọng, cũng tỏ ý phản đối. Trong những năm tháng trước đây, người này thường ủng hộ, giúp đỡ Tào Tháo trong những lúc khó khăn thì lúc này đang hát bài phản lại. Tào Tháo cảm thấy xót xa vì không nghĩ tới. Vậy người đó là ai?

Đó là Tuân Úc.

Trong trận doanh của Tào Tháo, Tuân Úc là nhân vật nặng ký tuyệt đối. Tào Tháo coi Tuân Úc chẳng khác gì Trương Lương. Năm hai mươi chín tuổi Tuân Úc chạy sang bên Tào, Tào Tháo đã nói: “Ôi Từ Phòng của ta”. Những năm tháng sau đó, Tuân Úc bày mưu tính kế, thậm chí vào sinh ra tử, không phụ lòng tin cậy của họ Tào. Theo *Vũ đế kỷ*, *Trình Dục truyện*, và *Tuân Úc truyện* trong *Tam quốc chí* vào mùa hạ Hưng Bình năm đầu (Công nguyên năm 194), Duyện châu mục Tào Tháo thống lĩnh toàn bộ binh lực đi đánh Đào Khiêm, để lại Tuân Úc, Trình Dục giữ Quyên Thành (nay là phía bắc huyện Quyên Thành, Sơn Đông). Lúc đó, hai người bạn cũ của Tào Tháo, Trương Mạc, Trần Cung đã trở mặt, liên hợp với Lã Bố đánh Duyện châu. Khắp nơi trong thành đã treo cờ hàng. Còn ba nơi chưa hàng là Quyên Thành, Phạm huyện (Phạm huyện, Hà Nam ngày nay) và Đông A (huyện Dương Cốc, Sơn Đông ngày nay). Nếu không giữ được ba tòa thành này thì Tào Tháo sẽ biến thành chó nhà có tang. Tuân Úc bàn với Trình Dục, rồi hai người chia nhau đi lo liệu. Trước hết Trình Dục lo ổn định Phạm huyện, sau đó mới cùng Tào Chi đi cố thủ Đông A. Tuân Úc nhanh chóng điều động Hạ Hầu Đôn thái thú Đông quận cùng giữ Quyên Thành. Hạ Hầu Đôn đến Quyên Thành liền “giết chết hơn chục kẻ phản loạn” trong một buổi tối, mới ổn định được tình hình.



Lúc này, Thử sử Dự châu Quách Công dẫn mấy vạn quân đến dưới thành đòi gặp Tuân Úc. Hạ Hầu Đôn nói, không được! Các hạ trấn thủ một châu, đi là nguy hiểm đến tính mạng. Tuân Úc bảo, đừng lo! Quách Công lúc thường chưa hề câu kết với Trương Mạc. Hắn đến gấp thế này, hẳn là chưa có chủ ý gì, nên ra khuyên giải hắn. Nếu không tranh thủ được hắn, cũng có thể để hắn ở thế trung lập. Nếu không ra gặp, hẳn cho chúng ta không tin tưởng, hắn sẽ từ xấu hổ thành thù hận. Thế rồi một mình Tuân Úc ra gặp. Quách Công thấy Tuân Úc không có vẻ gì là sợ sệt, cho rằng Quyên Thành không dễ phá, bèn cho lui quân. Quyên Thành được bảo toàn. Cử chỉ của Tuân Úc cũng đáng ca ngợi như chuyện Quan Vũ “một đao đi dự hội” trong truyền thuyết.

Trên thực tế, trong từng thời khắc mấu chốt Tào Tháo tiến hành đấu tranh chính trị hay quân sự, chúng ta đều thấy có tác dụng quan trọng của Tuân Úc. Ngay ngày đầu khởi binh, Đồng Trác uy hiếp thiên hạ, họ Tào thiếu lòng tin, Tuân Úc nói Đồng Trác: “vô năng, vì loạn mà chết”, việc xảy ra vào năm thứ II Sơ Bình (Công nguyên năm 191); thời kỳ phát triển, chư hầu cát cứ Trung Nguyên, Tào Tháo đi nước cờ có sơ hở. Tuân Úc chỉ ra mê luật giúp Tào hoạch định chiến lược, việc của năm đầu Hưng Bình (Công nguyên năm 194); Kiến An năm đầu (Công nguyên năm 196), Tào Tháo muốn đón thiên tử, chư tướng phân vân, Tuân Úc đã đưa ra ba cương lĩnh lớn về chính trị, giúp Tháo “Phụng thiên tử để lệnh kẻ chưa thần phục”; Kiến An năm thứ II (Công nguyên năm 197), Tào Tháo muốn đánh Viên Thiệu, tiếc là lực bất tòng tâm, Tuân Úc phân tích bốn nguyên nhân lớn dẫn tới thắng lợi, khích lệ ý chí họ Tào. Thậm chí tận năm Kiến An năm thứ XIIIV (Công nguyên năm 208) vẫn Tuân Úc là người giúp Tào Tháo vạch chiến lược Nam chinh Lưu Biểu.

Nhưng trong lúc Tào Tháo đang bùng bùng khí thế nhận phong công kiến quốc, Tuân Úc đã dội một gáo nước lạnh. Lúc Đồng Chiêu đến trưng cầu ý kiến riêng, Tuân Úc nói, Tào công đem nghĩa quân trừ bạo loạn, bình thiên hạ để phò trợ triều đình, ổn định đất nước (giúp triều yên nước). Tháo cần giữ sự trung thành (trung trình, thành ý), phải kiên trì khiêm nhường (thực bụng nhường lui). “Quân tử yêu người bằng đức!”. Nếu quả các vị yêu Tào công, nên giúp ông ta giữ được những điều tốt đẹp đó. Không thể công thành mà thân bại, chí ít cũng đừng được voi đòi tiên, sau “chuyện như Tiêu Hà” lại “chuyện như Chu công”. Vậy nên chuyện này e không thích hợp (không nên như vậy).

Thực kỳ lạ! Tuân Úc chẳng phải “Trương Lương” của Tào Tháo sao? Sao Tuân Úc lại hát điệu phản? Sau khi Tuân Úc làm như vậy thì kết quả sẽ ra sao?

Tập thứ hai mươi bảy: TIỀN THOÁI HẾT CHỖ TỰA

Về mặt chính trị, Tào Tháo đang từng bước dần tới đích, thì Tuân Úc - người bạn thân thiết nhất lại hát điệu phản và qua đời rất thần bí! Sự việc này đã xôn xao một thời,



khắp nơi bàn tán. Lời ghi trong chính sử lại mơ hồ, câu chuyện ngày một khó hiểu hơn. Vậy đằng sau sự kiện này đang ẩn giấu điều gì? Vì sao Tuân Úc lại quyết liệt với Tào Tháo như vậy? Điều đó liên quan gì tới việc Tào Tháo được phong công kiến quốc hay có ẩn ý gì?

Tập trước chúng ta đã nói, Đồng Chiêu và những người khác đang tạo dư luận giữa triều đình, chủ trương Tào Tháo được tiến tước quốc công. Đồng Chiêu đến gặp riêng Tuân Úc xin ý kiến, kết quả gặp phải đình. Thực tình thì ý nghĩ của bọn Đồng Chiêu rất rõ ràng, không chỉ mong được Tuân Úc giúp đỡ, còn mong được Tuân Úc đứng ra lo liệu. Vì Tuân Úc xuất thân danh môn Đông Hán, tiếng tăm và ảnh hưởng rất lớn. Hơn nữa, từ Kiến An năm đầu, sau khi họ Tào rước thiên tử về Hứa huyện, Tuân Úc luôn là Thượng thư lệnh (trước là tạm sau là thực) và “luôn là quan to trong triều”. Thượng thư lệnh tức là bí thư trưởng nơi cung đình. Đông Hán chính quy thượng thư, thượng thư lệnh là nhân vật đầu não trông coi việc triều chính, tuy không phải chức thừa tướng nhưng giống như thừa tướng. Đương nhiên, triều đình của Hán Hiến đế đã bị Tào Tháo khống chế. Kiến An năm thứ XIII bản thân Tào Tháo đã khôi phục lại chức vụ thừa tướng và tự mình đảm nhiệm, nhưng không thể nói Tuân Úc là “thừa tướng không chức thừa tướng”. Bây giờ Tào Tháo luôn luôn đem quân ra ngoài đánh trận, khi hồi quân lại luôn ở Nghiệp Thành. Triều chính hàng ngày thường giao Tuân Úc. Tuân Úc giúp Tào lo toan triều chính, coi giữ hoàng đế. Cái gọi là “Cư trung đặc trọng” có nghĩa như thế này (cư trung, là làm quan trong triều; đặc trọng, tức là chức vị thừa tướng).

Tuân Úc không chỉ giúp Tào trông nhà coi cửa, mà còn giúp tìm mưu định kế. Mỗi khi ra ngoài chinh chiến có vấn đề, họ Tào thường có thư về hỏi Tuân Úc. Tuân Úc cũng luôn có biện pháp, quyết sách giúp đỡ. Tuân Úc có vai trò chẳng khác gì Quách Gia, Giả Hủ theo quân ra trận. Cũng tức là nói, với Tào Tháo, Tuân Úc giống như Tiêu Hà và Trương Lương. So với Đồng Chiêu trong việc nghị án phong công kiến quốc thì Tuân Úc rõ ràng là thích hợp hơn nhiều và quan trọng hơn nhiều.

Nhưng Tuân Úc đã phản đối. Xét về ngữ khí câu nói “quân tử yêu người bằng đức, như vậy không tiện”, đó là câu mà Tuân Úc muốn nói với bọn Đồng Chiêu. Nhưng bằng vào sự thông minh hiểu biết, hẳn Tuân Úc biết rõ việc phong công kiến quốc bề ngoài là kiến nghị của Đồng Chiêu nhưng thực chất là ý muốn của Tào Tháo. Việc “bí mật hỏi riêng” của bọn Đồng Chiêu, thực chất là sự thăm dò giúp Tào Tháo. Vì vậy lời nói của Tuân Úc là lời nói để Tào Tháo nghe. Nhưng để lui lại một đường rút, Tuân Úc vờ như không biết đó là ý của Tào Tháo, mong Tào Tháo nghe ra mà xuống ngựa, ngăn hành động của bọn Trương Chiêu. Nhưng Tào Tháo vốn đã có quyết tâm, đâu còn chịu nghe! Kết quả không những vô cùng thất vọng, mà còn sinh bức dọc, cách nói trong *Tuân Úc truyện* là “Thái tổ trong lòng vô cùng bức dọc”.



Tào Tháo rất tức giận, hậu quả thật nghiêm trọng. Đúng lúc này lại phải Nam chinh Tôn Quyền, Tào Tháo dâng biểu lên triều để Tuân Úc lĩnh quân ở huyện Tiêu (nay là thị trấn Hào Xuyên, An Huy), với chức vụ là Thị trung kiêm Quang Lộc đại phu “tham thừa tướng quân sự”, nhưng thực tế là phế bỏ chức Thượng thư lệnh của Tuân Úc! Tuân Úc theo quân đến Thọ Xuân (nay là huyện Thọ, An Huy) thì ngã bệnh. Sau đó không lâu qua đời rất khó hiểu ở tuổi năm mươi.

Qua cái chết của Tuân Úc có hai cách nói. 1- Buồn rầu mà chết. 2- Bị bức phải tự sát. Cách nói thứ nhất như truyện Tuân Úc trong *Tam quốc chí*, “Buồn dẫn đến chết”. Cách nói sau như trích dẫn *Ngụy thị Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi, nói Tào Tháo gửi cho Tuân Úc một hộp thức ăn. Tuân Úc mở hộp thấy không có gì nên đã uống thuốc độc, tự sát. Chuyện này đã xôn xao một thời, khắp nơi bàn tán. Lời trích dẫn *Hiên đế Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi nói, sau khi Tuân Úc chết, có người thoát khỏi Thọ Xuân đến báo với Tôn Quyền rằng: “Tào Tháo muốn Tuân Úc mưu sát Phục hoàng hậu. Tuân Úc không chịu nên đã tự sát”.

Đương nhiên đó là lời đồn. Nhưng chúng ta cũng rất muốn biết cuối cùng vì sao Tuân Úc chết? Vì sao về sau Tào Tháo và Tuân Úc lại đến đoạn ấy? Đằng sau câu chuyện kín như bưng của các sử gia đã ẩn giấu điều gì?

Hãy nói chuyện “Hiên đế Xuân Thu” trước. Chuyện kể, Kiến An năm thứ V (Công nguyên năm 200), Xa Kỵ tướng quân Đồng Thừa bị giết vì “giấu chiếu trong đai áo”, Phục hoàng hậu viết thư cho cha là Phục Hoàn Đôn Kỵ hiệu úy, nói Tào Tháo giết Đồng Thừa, hoàng thượng vô cùng phẫn nộ. Phục Hoàn nhận thư và đưa cho Tuân Úc xem, Tuân Úc xem xong thấy bức đọc nhưng không nói câu nào. Về sau bức thư đó lại rơi vào tay Tào Tháo, nghe đâu người cậu của Phục Hoàn là Phàn Phổ đã niêm phong thư đó và gửi cho Tào Tháo. Tuân Úc lấy làm lo ngại, từ huyện Hứa chạy thẳng về Nghiệp Thành, kiến nghị với Tào Tháo việc gả con cho hoàng đế. Tào Tháo nói, “trong cung đã có hoàng hậu rồi! Sao lại có thể gả con gái cho hoàng thượng? Hơn nữa, Tào Tháo dựa vào chiến công lên làm thừa tướng, chẳng nhẽ lại muốn dựa vào quan hệ chiếc đai quần sao? Tuân Úc nói, Phục hoàng hậu không có con trai, bản tính hung tàn, tâm địa độc ác. Trong thư gửi cho Phục Hoàn lời lẽ khó nghe, công kích thừa tướng độc ác, có thể phế bỏ hoàng hậu!” Tháo hỏi có chuyện đó? Vì sao túc hạ không nói sớm? Tuân Úc làm bộ kinh ngạc, đã nói rồi mà! Tào Tháo nói, việc lớn như vậy, ta quên sao được? Tuân Úc lại kinh ngạc, có thể là chưa nói chăng? À, à, nhớ ra rồi! Chẳng phải lúc đó mình công còn tác chiến với Viên Thiệu ở Quan Độ sao? Úc không muốn thêm phần lo nghĩ cho mình công nên chưa nói. Tào Tháo lại hỏi, vậy sau trận chiến Quan Độ sao không nói? Tuân Úc yên lặng và đành phải nhận tội vì sai lầm. Kết quả Thái tổ đã hận Úc”.



Chuyện này không đúng. Bùi Tùng Chi đã nói: “đối với người thường cũng không như vậy”, huống chi đây là Tuân Úc. Hơn nữa án giấu chiếu trong đai áo của Đồng Thừa xảy ra tháng giêng Kiến An năm thứ V, tháng mười một Kiến An năm thứ XIX, Phục hoàng hậu bị giết. Hai sự kiện cách nhau mười lăm năm, làm sao có thể giấu thư lâu như vậy? Cuối Kiến An năm thứ XVII Tuân Úc mất, vậy ông ta đến nói chuyện với Tào Tháo vào lúc nào? Chậm nhất cũng là tháng mười năm đó, trước lúc Tào Tháo Nam chinh đánh Tôn Quyền. Vậy thì vì sao phải hai năm sau Tào Tháo mới giết Phục hoàng hậu? Kỳ thực, không chỉ chuyện Tuân Úc là giả mà ngay cả án “giấu chiếu trong đai áo” của Đồng Thừa và án lá thư của Phục hoàng hậu đều đáng nghi ngờ. Trong tập *Mơ xanh uống rượu*, tôi đã nói về nghi án giấu chiếu trong đai áo. Trong *Tam Quốc sử thoại*, ngài Lã Tư Miễn cũng đã phân tích về nghi án Phục hoàng hậu. Để làm rõ câu chuyện, chúng ta còn phải nhắc tới nó một lần nữa.

Theo *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ*, tháng mười một Kiến An năm thứ XIX (Công nguyên năm 214) có án mười bốn năm trước Phục hoàng hậu có thư cho cha là Phục Hoàn Đôn Kỵ hiệu úy, hoàng hậu bị phế, bị xử tội chết, anh em đều bị giết sạch. Sự việc xảy ra như thế nào đã được mô tả tương đối rõ trong lời chú dẫn *Tào Man truyện* của Bùi Tùng Chi. *Tào Man truyện* nói: bấy giờ Tào Tháo phái Hoa Hâm - người đảm nhiệm chức Thượng thư lệnh thay Tuân Úc đem quân đi bắt hoàng hậu, hoàng hậu đóng cửa trốn sau tường. Hoa Hâm phá cửa, làm sập tường, lôi hoàng hậu ra ngoài! Lúc này hoàng đế đang ngồi cùng Ngự sử đại phu Sĩ Lự, hoàng hậu đi chân không, tóc tai rối bời, kéo tay hoàng đế nói, không thể cứu được thiếp sao? Hoàng đế nói, trẫm cũng chưa biết tính mạng của trẫm sẽ kết thúc lúc nào, còn quay sang nói với Sĩ Lự, Sĩ công dưới gầm trời này có chuyện thế sao? Sĩ Lự nói gì không thấy ghi lại, chừng cũng chỉ là con rối gỗ chẳng?

Câu chuyện đó được ghi vào *Hậu Hán thư - Phục hoàng hậu kỷ* và thường được dẫn lại để chứng minh Tào Tháo tác loạn phạm thượng, Hoa Hâm hung hăng như hổ, Sĩ Lự chẳng còn tâm trạng nào. Nhưng ngài Lã Tư Miễn lại chỉ ra rằng biết ngay đó là lời phụ họa. Đặc biệt ngài Lã bảo rằng: “đừng tưởng chuyện này là thực vì đã được ghi trong *Hậu Hán thư*. Nói thế là đúng, có nhiều chỗ trong *Hậu Hán thư* còn thiếu căn cứ! Huống hồ những điều ghi trong *Hậu Hán thư* lại được lấy từ nguyên bản *Tào Man truyện* - một cuốn sách không đáng tin.

Đương nhiên, việc Phục hoàng hậu bị phế, bị giết là có thật. Có điều khởi đầu câu chuyện ra sao thì chưa rõ. Ý ngài Lã, nhất định chuyện này có nguyên nhân khác. Ngài Lã nói: mỗi khi có người làm việc lớn thì luôn có người nói tốt có người nói xấu, không thể ai ai cũng nói tốt. Vì vậy người làm việc lớn thường không kể gì đến tiếng khen lời chê. Huống hồ Tào Tháo là người ít để ý tới lời nói này lời nói nọ của người khác. Nếu vì người khác có thư nhục mạ là phải giết thì không biết Tào Tháo đã phải giết đến bao



nhieu người? Vì vậy, việc này còn có âm mưu về chính trị, có điều chân tướng thế nào không được lưu lại.

Lời ngài Lã rất có lý. Tôi cũng thấy, đằng sau sự việc này không chỉ có nguyên nhân khác, mà có thể là một âm mưu tày trời, nếu không, sao có thể động tới hoàng hậu. Ai cũng biết, hoàng hậu ở Trung cung, là mẫu nghi thiên hạ, có thể tùy tiện phế bỏ được sao? Càng không thể tự ý giết chết. Còn như cần phế cần giết là thuộc quyền lực của hoàng đế, lẽ nào thừa tướng lại đứng ra làm việc đó? Và hoàng hậu không hề có tội, hoàng hậu chỉ thuật lại mấy lời của hoàng đế. Hoàng đế nói mấy câu không hay về thừa tướng, thừa tướng thay hoàng đế xử lý hoàng hậu, làm gì có cái lý đó? có người nói: điều đó chứng tỏ rằng Hiên đế là bù nhìn vô năng, Tào Tháo quá can rờ. Nói như vậy tướng là đúng nhưng không phải. Hiên đế vô năng không giả, Tào Tháo can rờ là thật, nhưng khi cửa còn kín thì còn giữ được sĩ diện. Kiến An năm thứ XIX, quan hệ giữa Tào Tháo và hoàng đế đúng là rất mong manh, nhưng chưa đến đoạn công khai trở mặt. Tháng ba năm đó, hoàng đế vừa phong Tào Tháo “tước vị trên các chư hầu vương”; về sau hoàng đế bù nhìn vẫn còn tác dụng, làm sao Tào Tháo có thể quên bộ dạng giả nhân giả nghĩa của mình? Nói gì thì nói, bao biện thay hoàng đế phế hoàng hậu là làm mất sĩ diện của hoàng đế, ai cũng thấy như vậy là ép người thậm tệ. Tào Tháo không thể không biết làm vậy là rất nguy hiểm.

Bởi vậy chỉ còn một khả năng, đằng sau việc đó là một âm mưu tày trời. Âm mưu đó nhằm vào Tào Tháo, hoàng hậu bị cuốn vào trong, hoặc phải mượn cái đầu của hoàng hậu mới xong. Chính vì âm mưu quá lớn, thậm chí bản thân hoàng đế cũng dính vào, nên hoàng đế mới nhậm nhẹn ngồi nhìn Tào Tháo hoành hành bạo ngược. Cũng chính vì âm mưu quá lớn, không ai dám nói thẳng ra, đành phải áp dụng tìm cơ khác hòng lấp liếm. Tôi còn nghĩ rằng hoàng hậu không hề viết thư, chính Tào Tháo đã làm giả bức thư đó để hãm hại hoàng hậu. Kiến An năm thứ XIV, Phục Hoàn đã qua đời, tiếc là không còn ai để đối chứng. Bản thân hoàng đế nhu nhược, không dám nói ra sự thật, giương mắt ngồi nhìn Phục hoàng hậu biến thành oan hồn. Thương thay người con gái yếu đuối, thành vật hi sinh trong cuộc đấu tranh chính trị, làm con dê chịu tội thay cho những người đàn ông xấu xa.

Dương nhiên, trên lập trường của Tào Tháo thì gọi đó là “âm mưu”. Với lập trường khác, phải nói đây là sự “phản kháng”. Cũng có thể nói, bối cảnh của sự việc rất có thể là sự phản kháng vô bổ của Hiên hoàng đế. Chính vì thế Tào Tháo phải dùng thủ đoạn bạo ngược nhằm hạ uy thế của hoàng đế, giống như năm nào phải phụng mệnh giết chú của Kiên Thạc. Kết quả việc giết “gà” là để từ đó “khỉ” không dám nói năng bừa bãi, cuối cùng đành phải ngoan ngoãn nhường hoàng vị, đổi lấy thụy là chữ “Hiên”. Nhân tiện nói thêm, “Hiên” có nghĩa là ngoan ngoãn thức thời.



Có điều, cách nói trong *Hiển đế Xuân Thu* tuy là hoang đường, nhưng nói Tuân Úc không muốn mưu sát hoàng hậu là phù hợp với con người ông ta. Tuân Úc luôn chính phái, thẳng thắn, người người đều hài lòng. Lời chú dẫn *Tuân Úc biệt truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí* nói: Tuân Úc “đức hạnh đầy đủ, chăm lo chính đạo, nổi tiếng thiên hạ”, là anh tài tuấn kiệt của đất nước “không chú ý tới về ngoài”, Tư Mã Ý, Chung Do và những người khác đều tôn sùng. Bùi Tùng Chi chú dẫn *Điện lược* nói: Tuân Úc “Nhún mình trọng kẻ sĩ, chỗ ngồi không trải nhiều chiếu, ở trong đài các, không tự tiện theo ý muốn riêng”. Tuân Úc có người anh em họ, năng lực kém cỏi nên mãi không được dùng. Thế rồi có người nói với Tuân Úc, các hạ quan tới thượng thư lệnh, chẳng nhẽ không thể cho anh ta chức nghị lang (điều nghiên viên)? Tuân Úc cười nói: chức nghị lang đó không phải là không sắp xếp được, nhưng chức trách thượng thư lệnh là tuyển chọn nhân tài cho triều đình, cần phải chọn người hiền đức, tài giỏi. Nếu cứ làm theo tước hạ thì mọi người sẽ nhìn tôi ra sao đây?

Từ đó cho thấy không bao giờ Tuân Úc tham gia vào những việc như mưu sát hoàng hậu, Tào Tháo cũng không để ông ta đi làm việc đó. Để làm những việc không chính đáng đó, Tào Tháo thiếu gì người, cần gì phải dựa vào thế của Tuân Úc? Và Tuân Úc lại là người không muốn thế! Đương nhiên, chúng ta cũng chưa biết Tuân Úc có tán thành việc Tào Tháo bài trừ người khác hay không, sử sách không ghi chép điều này, có thể không đến đoạn như vậy. Có điều Tuân Úc không hề nghĩ rằng (ngay cả Tào Tháo cũng không nghĩ tới) ngày nào đó mình sẽ trở thành người “khác cánh” trở thành đối tượng bài trừ của Tào Tháo. Vậy thì vì sao quan hệ giữa Tuân Úc và Tào Tháo lại đổ vỡ, cuối cùng Tuân Úc mắc tội gì với Tào Tháo?

Vì chính kiến hai người khác nhau.

Thực ra từ lâu hai người đã khác nhau về chính kiến. Kiến An năm thứ IX (Công nguyên năm 204), Tào Tháo đánh phá Nghiệp Thành, làm Ký châu mục, cả Ký châu vốn thuộc Viên Thiệu, nay đã mang họ Tào. Bấy giờ có người kiến nghị, nên phục hồi chế độ chín châu lúc trước, như vậy địa bàn Ký châu sẽ rất lớn. Theo chế độ chín châu thời cổ đại hai châu Bình, U, bốn quận Hà Nội, Hà Đông, Bằng Dục, Phù Phong của Tư châu đều thuộc về Ký châu. Nghe xong Tào Tháo thấy xúc động, còn Tuân Úc thì phản đối. Tuân Úc cho rằng làm vậy sẽ bất lợi cho Tào Tháo nên mới không bằng lòng. Theo *Tam quốc chí*, lúc đó Tuân Úc nói: trước đây mình công phá Viên Thượng, bắt Thảm Phôi, làm “chấn động trong nước”. Nếu nay lại gộp đất đai người khác vào Ký châu thì buộc họ phải nghĩ “họ sẽ không giữ được đất đai, được quân lính”, nhất định mình công sẽ dần dần thanh toán họ (trừ dần từng người một), từ đó họ sẽ quyết liều mình chống lại, mình công sẽ “khó mà lấy được thiên hạ”. Tào Tháo nghe có lý, nên đã quên luôn chuyện đó.



Có điều trong lời nói của Tuân Úc còn có ý khác nữa, là chủ trương “khôi phục lại kinh đô cũ”. Với chủ trương đó, Tào Tháo không tán thành, không phản đối và bấy giờ cũng chưa có điều kiện để thực hiện. Nhưng đến lúc có điều kiện để thực hiện thì Tào Tháo không chỉ không làm, ngược lại đã tiến hành kế hoạch gộp châu, quận. Tháng giêng năm Kiến An thứ XVIII (Công nguyên năm 213), gộp mười bốn châu thành chín châu. Tư châu (Tư Lệ) bị chia làm ba: Hà Đông, Hà Nội, Phùng Dục, Phù Phong quy về Ký châu; Hoảng Nông, Hà Nam quy về Dự châu; Kinh Triệu quy về Ung châu. Chúng ta đều biết, kinh đô của vương triều Đại Hán vốn ở Tư châu, Tràng An và Lạc Dương cũng ở đây. Tràng An thuộc Kinh Triệu, Lạc Dương thuộc Hà Nam. Tào Tháo chia ba Tư châu, cũng tức là đã xóa sổ “châu sở” một của thiên hạ”, đã hủy diệt kinh đô của vương triều Đại Hán. Điều này là khác hẳn với lí tưởng ban đầu của Tuân Úc.

Đương nhiên, khi Tào Tháo hợp châu thì Tuân Úc đã qua đời. Vấn đề là, Tào Tháo hợp châu khi Tuân Úc đã mất, nhưng điều này đã được ấp ủ từ trước đó. Hơn nữa việc hợp châu còn liên quan tới việc Tào Tháo được phong công kiến quốc. Trên thực tế, Tào Tháo đem bốn quận của Tư châu và U châu, Tinh châu gộp vào Ký châu rồi trên cơ sở đó xây dựng một vương quốc (công quốc) đối địch với vương triều Đại Hán. Điều đó là một trò cười, chỉ ra rằng, quan hệ giữa Tào Tháo và Hiến đế đã thay đổi về cơ bản. Trước đó, Tào Tháo là thừa tướng vương triều Đông Hán, Ký châu và Ngụy quận là châu quận của vương triều Đông Hán. Tào Tháo, Hiến đế có quan hệ quân thân; Ký châu và triều đình có quan hệ trung ương và địa phương. Nhưng sau khi Tào Tháo được phong công kiến quốc thì Ký châu biến thành Ngụy công quốc, Tào Tháo trở thành Ngụy quốc công. Quan hệ giữa Ngụy quốc và Hán triều là quan hệ giữa quốc gia và quốc gia; quan hệ giữa Ngụy công và Hiến đế biến thành quan hệ giữa quốc công và hoàng đế. Nhưng lúc này Ngụy quốc công chưa hoàn toàn là quốc gia độc lập. về danh nghĩa Tháo vẫn là “thần tử” của vương triều Đông Hán, Hán Hiến đế vẫn còn là “quân chủ” của họ Tào. Có điều mọi người đều hiểu, lúc này Hán triều không còn một tác đất nào, lúc này hoàng đế không còn một chút quyền uy nào. Cái có thể có được chỉ là một bộ mặt, một danh phận. Nếu như lúc này đến danh phận cũng biến đổi thì cái gọi là “Vương triều Đông Hán” sẽ “vua không ra vua, tôi không ra tôi”.

Tuân Úc hoàn toàn không muốn thấy điều đó. Mọi người luôn coi Tuân Úc là “mưu sĩ hàng đầu” của Tào Tháo. Nhìn vào tác dụng của Tuân Úc thì điều đó không có sai lầm gì lớn. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng, con người Tuân Úc không thể coi là “mưu sĩ” đơn thuần. Nói chung “mưu sĩ là người bày mưu tính kế cho vua, giúp vua thực hiện mục tiêu, lý tưởng. Còn mục tiêu, lý tưởng đó là gì, mưu sĩ không quan tâm. Thật giống như một luật sư, lo giúp đương sự của mình thắng trong vụ kiện. Còn việc của đương sự làm đúng hay sai, họ không muốn biết. Đó là quy tắc nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp nói chung của mưu sĩ và luật sư. Cũng tức là nói theo đạo đức nghề nghiệp và quy tắc chơi, nói chung mưu sĩ đều lấy lý tưởng của vua làm lý tưởng, lấy mục



tiêu của vua làm mục tiêu, cũng giống luật sư, lấy lợi ích của đương sự là lợi ích, còn đương sự làm đúng sai, điều đó chẳng có gì là sai trái.

Nhưng, trong mưu sĩ và luật sư cũng có một loại người có lý tưởng, chủ trương và đường lối riêng của mình. Nếu chủ trương của đương sự xung đột với lý tưởng của họ hoặc phá vỡ đường lối của họ, dứt khoát họ sẽ không nhận án đó. Trong đó có những người tự yêu cầu rất cao, họ sẽ chọn vua, chọn đương sự, như Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng chọn Lưu Bị, ngoài một số nguyên nhân tôi đã nói ở tập *Mắt tinh đã thấy*, vẫn còn một nguyên nhân quan trọng, là lý tưởng chính trị, chủ trương chính trị giống với ông. Tuân Úc là người như vậy. Thực ra trong tập đoàn của Tào Tháo chỉ có Tuân Úc mới là nhân vật có thể cùng bình luận với Gia Cát Lượng. Đặc điểm chung của họ, có lý tưởng chính trị, chủ trương chính trị của riêng mình. Trong tập *Long trung đối sách* chúng tôi đã nói, lý tưởng chính trị, chủ trương chính trị của Gia Cát Lượng lo thành bá nghiệp để hưng Hán thất, trước chia ba sau thống nhất; Kiến An năm đầu (Công nguyên năm 196), lúc Tào Tháo chuẩn bị nghênh đón thiên tử, chủ trương chính trị của Tuân Úc tập trung thể hiện rõ, đề xuất ba cương lĩnh lớn với Tào Tháo: Tôn thờ thiên tử thuận theo ý dân (thờ chúa thượng để dân nhìn vào), chí công vô tư, hàng phục cường hào (lấy chí công, phục hùng kiệt), lấy chính nghĩa chiêu mộ anh hùng (nhờ trượng nghĩa, có anh tài). Ba cương lĩnh lớn đó Tuân Úc gọi là đại thuận, đại lược, đại đức. Những điều đó chưa phải sách lược, càng không phải mưu lược mà là lý tưởng, cương lĩnh. Hạt nhân của cương lĩnh đó, được Tuân Úc gọi là “cái ân giữ gốc”. “Gốc” gì? Gốc nước. Gốc nước ở đâu? Ở nơi hoàng đế.

Rõ ràng lý tưởng của Tuân Úc là phò tá anh hùng thời loạn, bình định thiên hạ, trợ giúp nhà Hán. Theo Tuân Úc, Tháo là một anh hùng như vậy. Bởi vì Tào Tháo không chỉ có năng lực đó, quan trọng hơn. Tháo có tâm tư đó. Chúng ta đều biết, lúc Đồng Trác làm loạn vào năm cuối Đông Hán, Tào Tháo là người đầu tiên kêu gọi nghĩa quân; lúc liên quân còn chần chừ ở Quan Đông, Tào Tháo đã ra sức giết giặc; lúc Viên Thiệu, Viên Thuật, Lã Bố, Lưu Biểu mặc sự sống chết của hoàng đế. Tào Tháo lại nghĩ mọi cách tìm kiếm hoàng đế, nghênh đón hoàng đế. Vì vậy Tuân Úc nói với hoàng đế, rõ ràng là lòng dạ tướng quân lúc nào cũng nghĩ đến vương thất (lòng luôn ở vương thất) nguyện vọng của ngài là muốn ổn định thiên hạ (chí hướng tướng quân là vỗ yên thiên hạ)! Đây không phải là lời tăng bốc, là thực sự cầu thị, Tuân Úc thành thực ca ngợi Tào Tháo và cũng là nguyện vọng sâu sắc kỳ vọng ở Tào Tháo.

Nhưng Tào Tháo đã làm Tuân Úc thất vọng.

Ở đây phải nói tới một quá trình dài. Năm Sơ Bình thứ II (Công nguyên năm năm 191), lúc Tuân Úc đến với Tào Tháo, Tào Tháo mới ba mươi bảy tuổi, là Thái thú Đông quận, là tướng yêu nước, đầy nhiệt huyết. Kiến An năm đầu (Công nguyên năm 196), lúc Tuân Úc chủ trương nghênh đón thiên tử, Tào Tháo mới bốn mươi hai tuổi, là Duyện



châu mục, là chư hầu gắn bó với vương thất. Kế đó là mười hai năm Nam chinh Bắc chiến, đánh Viên Thuật, giết Lã Bố, diệt Viên Thiệu, gọi hàng Trương Tú, bình định phương bắc. Tuân Úc cũng thấy là nên và phải làm như vậy, nên đã hết sức giúp đỡ. Kiến An năm thứ XIII (Công nguyên năm 208), Tào Tháo năm mươi tư tuổi là Tư Không, Ký châu mục, bỏ tam công nhận chức thừa tướng, nắm trọn quyền lớn, Tuân Úc coi là hợp tình, hợp lí, nên vẫn bày mưu tính kế giúp Tào Tháo Nam chinh Lưu Biểu. Thậm chí tháng giêng năm Kiến An thứ XVII (Công nguyên năm 212), Thừa tướng Tào Tháo đã năm mươi tám tuổi còn để mình được “lên triều không phải xưng danh, vào triều không bước rào, đeo kiếm lên điện, như chuyện Tiêu Hà”. Đồ rằng lúc này Tuân Úc vẫn còn hài lòng, cuối cùng thì Tiêu Hà vẫn là người trung với Lưu Bang. Nhưng lúc Tào Tháo ngằm đề hoặc ngằm bảo bọn Đồng Chiêu lo việc phong công kiến quốc thì Tuân Úc không đồng tình nữa. Một người nhay bén về chính trị như Tuân Úc đã nhận ra tính nghiêm trọng của sự việc. Tuân Úc hiểu rằng, một khi Tào Tháo lập nước, thì thiên hạ không thuộc họ Lưu nữa. Điều đó đã phá vỡ đường hướng của Tuân Úc, vì vậy tuyệt đối không thể, không chấp nhận được.

Thiên hạ chỉ có thể là họ Lưu, không thể là họ Tào. Nay nghe như chuyện cười, nhưng thời đó lại là chuyện đúng sai lớn lao. Về vấn đề này, chúng ta cần có một chút “hiểu biết về lịch sử”. Vì vậy tôi cho rằng, cuối cùng thì họ Tào không tự lập thay Hán, rất có thể còn một nguyên nhân nữa, Tào Tháo không thể đối mặt với đôi mắt ưu tư của Tuân Úc. Bởi ngay như thái độ lấp lửng của Tào Tháo trong việc “cướp Hán”, Tuân Úc đã không đồng ý, nói chỉ tới việc Tháo tự lập thay Hán. Tuân Úc mong muốn Tào Tháo khôi phục và chấn hưng vương triều Đại Hán. Lúc này thì lý tưởng đó đã hết hy vọng. Tuân Úc chết mà không nhắm được mắt!

Làm rõ điều này thấy không cần phải bàn xem Tuân Úc buồn mà chết hay bị bức chết vì kết quả có khác gì nhau. Đối với một người có lý tưởng như Tuân Úc thì không gì đau khổ hơn khi lý tưởng bị phá vỡ. Hơn nữa, Tuân Úc cũng chẳng còn cách nào khác, không thể chạy sang với Lưu Bị chứ? Thoái không được lại không thể cùng tiến với Tào Tháo, tiến thoái lưỡng nan, Tuân Úc chỉ còn “con đường chết”. Dù rằng buồn mà chết, hay bị bức chết, trước lúc chết hẳn Tuân Úc đã rất đau khổ. Thậm chí tôi chợt nghĩ, nếu Tuân Úc là người hiện đại biết hát, hẳn trước lúc lâm chung sẽ hát mấy câu cho Tào Tháo nghe “từ ngàn dặm tôi tìm tới ông. Nhưng ông lại không lưu tâm”. Đúng vậy, suốt đời Tuân Úc có con đường riêng, nhưng nhiệt tình của Tuân Úc sớm bị Tào Tháo lấy sạch. Dù là trong mơ, Tuân Úc cũng chỉ nghĩ tới Tào Tháo. Lúc này Tuân Úc chỉ có thể luôn luôn hỏi: cuối cùng thì ông tốt ở chỗ nào?

Đương nhiên Tuân Úc sẽ không hỏi. Mà dù có hỏi, Tào Tháo cũng sẽ không trả lời. Trên thực tế, hai người đều giống nhau ở chỗ tiến thoái lưỡng nan và Tào Tháo khó khăn hơn Tuân Úc. Tuân Úc chỉ có một mình, có thể chọn đường lui. Tào Tháo đại diện



cho lợi ích cả một tập đoàn, cho dù có muốn lui, người khác sẽ không cho. Huống chi lúc này Tào Tháo đã tẩu hỏa nhập ma, mê muội lú lẫn, đã bán linh hồn của mình cho ma quỷ. Chúng không hề bị giám sát, hạn chế, kìm thúc bởi bất cứ một quyền lực tối cao nào. Để cướp lấy, nắm giữ mãi mãi quyền lực đó, Tào Tháo chỉ có thể đi tiếp con đường đã vấy máu. Vì vậy, Tuân Úc chọn lấy cái chết, Tào Tháo tìm đến giết chóc. Tào Tháo tiếp tục giết người một cách không thương tiếc, kể cả với bạn bè thân hữu. Giết tới lúc máu chảy thành sông.

Vậy, Tào Tháo còn muốn giết ai nữa, vì sao phải giết?

Tập thứ hai mươi tám: MUỖN DAO GIẾT NGƯỜI

Tuân Úc chết và Tào Ngụy kiến quốc là hai dấu hiệu khác nhau, nó chỉ ra rằng, Tào Tháo hoàn toàn từ anh hùng thời loạn biến thành gian hùng thời loạn, rằng Tào Tháo đối phó với người khác cánh bằng những thủ đoạn tàn khốc hơn nữa. Trên thực tế Tào Tháo luôn tác chiến bằng hai mặt, tức là đối phó công khai với kẻ thù, đối phó ngầm ngấm với kẻ thù. Vậy thì, trước đây Tào Tháo đã làm như thế nào?

Ở tập ba chúng ta đã nói, Tào Tháo phá Mã, Hàn, đánh Tôn Quyền, tấn công Trương Lỗ, về mặt quân sự giữa đường phải bỏ; mở đầu “giống chuyện của Tiêu Hà”, tiếp đến là phong công kiến quốc, cuối cùng là tấn tước Ngụy vương, về mặt chính trị được voi đòi tiên. Tào Tháo đã chuyển trọng điểm chiến lược từ quân sự sang chính trị, từ chiến trường sang quan trường, càng đi càng xa so với con đường chọn lựa ban đầu. Đương nhiên đó là kết quả của dã tâm ngày càng lớn. Thế là tiến thoái không có chỗ tựa, không còn đường lui, phải tiếp tục giết người.

Thực tế thì từ lâu Tào Tháo đã giết người. Từ sau khi vào triều “phụng thiên tử để lệnh kẻ chưa thần phục” hoặc “ép thiên tử để lệnh chư hầu”, phái phản đối Tào Tháo luôn tồn tại. Không có gì là lạ. Một người nắm giữ triều chính, độc chiếm đại quyền, ung gì làm nấy, nếu không có ai phản đối mới là chuyện lạ. Huống chi Tào Tháo còn muốn tác chiến ở cả hai mặt, luôn đối phó với kẻ thù cả trong và ngoài triều. Ví như cái chết của Tuân Úc, người đương thời đã gây chuyện. Tôn Quyền công khai báo tin đó tới Lưu Bị, Lưu Bị nói luôn “giặc già chưa chết, họa loạn chưa hết”. Rõ ràng lúc đó, trước sau Tào Tháo đều có địch, trong ngoài câu kết, không mạnh tay trừng trị không xong.

Vấn đề là ở chỗ, Tào Tháo không phải là người không muốn nghe những ý kiến trái ngược. Tào Tháo hiểu rõ cái lợi khi nghe nhiều ý kiến khác với ý mình, vì vậy đã động viên mọi người nói nhiều, nói thật. Đã có những việc làm chứng minh điều đó. Tháng mười Kiến An năm thứ X (Công nguyên năm 205), Tào Tháo đã ban bố *Cầu trực ngôn lệnh*. Kiến An năm thứ XII (Công nguyên năm 207), Tào Tháo đã trọng thưởng người phản đối việc mình đánh Ô Hoàn, trước đây chúng ta đã nói rõ điều này.



Trong *Cầu trục ngôn lệnh* Tào Tháo đã nói, điều không thể chấp nhận được: một cấp dưới trước mặt thì bảo đúng, sau lưng lại nói sai; việc trọng thưởng người phản đối đánh Ô Hoàn muốn nói rõ với mọi người rằng, chỉ cần bạn có ý tốt, lại còn được thưởng.

Vậy phân biệt sao được đâu là “phản đối có thiện ý” đâu là “công kích với ác ý”? Trong hoàn cảnh khoan dung đó, làm sao để vừa khích lệ những lời phê bình chính đáng, vừa có thể ngăn chặn âm mưu lợi dụng dư luận làm điều xấu? Trong khi đã kích những thế lực đối địch nên chẳng phải để tất cả đồng lòng, người người thấy nguy, chim chóc cũng lặng tiếng? Điều này là tùy thuộc ở trình độ.

Có “ba điểm phân biệt” trong cách làm của Tào Tháo. 1- Phân biệt “đề xuất ý kiến” và “hát điệu phản”; 2- “Gây khó dễ” và “có âm mưu”; 3- Phân biệt “một cá nhân” và “một nhóm người”. Nếu là một cá nhân thì chỉ là gây khó dễ, thì dù có hát điệu phản, vị tất Tào Tháo đã phải giết, như Nễ Hành.

Nễ Hành, tự Chính Bình, người quận Bình Nguyên, huyện Bàn (phía tây nam thị trấn Nhạc Lăng, Sơn Đông ngày nay). *Hậu Hán thư* đem liệt vào truyện *Văn Phạm*, nói là người “ít tài hùng biện”, xem ra là văn nhân, còn là tài tử, bệnh thường của văn nhân kiêm tài tử là cậy tài ngạo mạn, chẳng coi ai ra gì. Nễ Hành càng như vậy, nên tuy bụng đầy kinh luân, nhưng chẳng ai dùng. Chỉ có Khổng Dung mê tài của Nễ Hành, nên đã dâng biểu lên triều ra sức tiến cử, nói Nễ Hành đáng là đệ nhất thiên hạ, về sau lại nhiều lần tiến cử với Tào Tháo. Bản thân họ Tào cũng rất mến người tài, cũng muốn xem mặt vị nhân sĩ này. Nhưng Nễ Hành gặp mặt, còn nói lời đại nghịch, châm chọc Tào Tháo. Làm sao Tào Tháo có thể chịu được như vậy? Nhưng nghĩ đến tài khí tiếng tăm của Nễ Hành họ Tào không nỡ giết, chỉ muốn đánh gục cái uy phong đó. Lại nghe Nễ Hành giỏi đánh trống, liền triệu Nễ Hành làm quan trống rồi cho duyệt nghe âm tiết trong một hội lớn đông đủ quan khách. Lúc này Nễ Hành mới chịu đến và tiếng trống mới âm vang tinh tế làm sao! Nghe nói là “thần thái khác thường, âm tiết bi tráng, người nghe thấy đều cảm kích”. Nễ Hành liền đi đến trước mặt Tào Tháo, nhưng quan phụ trách, lễ nghi đã ngăn lại, phải thay y phục chuyên dùng của quan trống đã, sao nghĩ có thể ăn mặc như thế này? Nễ Hành nói: đã vậy ta cứ cởi bỏ quần áo trước mặt Tào Tháo, rồi cởi bỏ dần dần từng cái một, người trần như nhộng, lại từ từ thay chế phục, không hề cảm thấy xấu hổ còn chơi trống lần nữa mới đi. Lúc này Tào Tháo không biết nên trốn đi đâu. Có điều Tào Tháo vẫn là Tào Tháo, họ Tào cười khả khả trước khi nói với quan khách: Ta định bụng làm nhục Nễ Hành, chẳng ngờ ta mới là kẻ bị nhục.

Khổng Dung cũng hết sức bất bình về chuyện này đã trách cứ Nễ Hành một thôi, đồng thời nhiều lần ca ngợi Tào Tháo là người trọng tài. Nễ Hành bằng lòng gặp Tào Tháo. Khổng Dung mừng rỡ vô cùng, chạy đến báo tin cho Tào Tháo. Tào Tháo cũng rất mừng, căn dặn gia nhân hễ Nễ Hành đến phải báo ngay. Nào ngờ cứ thế chờ cho đến chiều Nễ Hành mới tới, và không phải tới để xin lỗi, tới để mắng mỏ. Lúc đó Nễ Hành



mặc áo vải thường, đầu quấn khăn thô, tay cầm gậy gỗ, ngồi ngay trước cửa đại doanh, mở miệng chửi bới. Vừa chửi lại vừa đập gậy xuống đất, chửi bới có ngọn có ngành, ra âm ra sắc. Quả nhiên Tào Tháo nổi giận quay lại nói với Khổng Dung: thằng nhãi Nễ Hành là cái thứ gì thế này! Ta muốn giết hắn, bất quá chỉ như giết sê, giết chuột mà thôi!

Nễ Hành đúng là kẻ không biết điều. Ít ra cũng không nên bán rẻ Khổng Dung, làm cho Khổng Dung không còn ra người nữa, lại xem thường cả Tào Tháo. Có thể là do quá khinh bỉ và để không mang tiếng ác “không dung một ai” nên Tào Tháo đã không giết mà đẩy Nễ Hành sang chỗ Lưu Biểu. Lưu Biểu có tiếng khoan dung và yêu quý kẻ sĩ, sau khi đến đó, Nễ Hành như được thay cung đổi dây hòa thuận cùng nhau, có thể là một biện pháp rất hay. Nhưng tiếc thay giang sơn khó đổi, bản tính khó thay, cuối cùng thì Nễ Hành lại âm ỉ với Lưu Biểu, Biểu lại đẩy Nễ Hành sang chỗ Hoàng Tổ. Hoàng Tổ là người thô lỗ, chịu sao được cung cách của Nễ Hành. Trong một buổi yến tiệc, Nễ Hành lại có lời khiếm nhã. Hoàng Tổ liền trách cứ, Nễ Hành đã mắng chửi đối đáp. Hoàng Tổ quá giận, sai người lôi ra đánh. Lúc này Nễ Hành càng lồng lộn chửi mắng. Hoàng Tổ không thể nhẫn nhịn, hạ lệnh giết luôn. Chủ bạ của Hoàng Tổ cũng căm giận Nễ Hành đã giết ngay Nễ Hành. Lúc này Nễ Hành mới hai mươi sáu tuổi.

Nễ Hành chết, hậu thế đồng tình nhiều. Có ba nguyên nhân đồng tình. 1- Nễ Hành kiêu ngạo; 2- Nễ Hành chửi Tào Tháo; 3- Nễ Hành chết oan. Chết oan cũng có hai cách nói: 1, Nễ Hành không đáng chết; 2, Nễ Hành chết bởi tay Tào Tháo, Tháo mượn dao giết người. Thực ra, nói vậy tưởng là đúng, nhưng đã sai. Không phân tích thêm, sẽ bị mê hoặc bởi hiện tượng bề ngoài, từ đó sẽ hiểu sai.

Chúng ta nên phân tích thêm.

Vấn đề thứ nhất, Nễ Hành kiêu ngạo không? Hình như có, Nễ Hành thường mắng chửi người đứng đầu những nơi mình đến. Ở chỗ Tào Tháo thì mắng Tào Tháo, ở chỗ Lưu Biểu thì mắng Lưu Biểu, ở chỗ Hoàng Tổ thì mắng Hoàng Tổ. Mấy ai dám làm như vậy? Không có ai. Nhiều người lấy đó làm khâm phục. Nhưng chúng ta không thể hiểu vấn đề một cách đơn giản như vậy. Mắng người đứng đầu, đâu phải đã là kiêu ngạo. Thử hỏi: 1- Người đứng đầu đó đáng mắng hay không? 2- Vì sao người này phải mắng? 3- Phải chăng người này hay mắng người, và chưa bao giờ hợp tác với người cầm đầu? Hỏi như vậy, vấn đề sẽ rõ ràng hơn.

Trước hết, Nễ Hành không theo chủ nghĩa “bất hợp tác”. Thực tình thì Nễ Hành rất muốn hợp tác với nhà đương cục. *Hậu Hán thư - Nễ Hành truyện* nói: Nễ Hành vốn là người Kinh châu tị nạn. Khi đó, người Kinh châu tị nạn rất đông vì Lưu Biểu tạo ra một hoàn cảnh khá thoáng với nhân sĩ. Lúc này nếu Nễ Hành đúng là cao sĩ sẽ có thể có hai cách lựa chọn. Một thì như Gia Cát Lượng đã nói: mong giữ toàn được tính mạng trong thời loạn, không cầu được hiển đạt vang danh với chư hầu; một nữa như Gia Cát



Lượng đã làm, chờ cơ mà động, chọn thời mà ra. Nhưng Nễ Hành lại không như vậy. Nễ Hành không nén nổi xúc động trong lòng, rời Kinh châu xuôi xuống vùng Hứa. Nghe nói, những lúc ra ngoài tìm cơ hội phát triển, Nễ Hành “ngâm đem theo thứ”. Thứ, là mảnh giấy ghi tên, cũng gọi là danh thiếp. Cũng tức là nói, Nễ Hành luôn mang theo danh thiếp bên mình, chuẩn bị đến với ông chủ vừa ý. Như vậy có gì là không được, bấy giờ nhiều người cũng làm như thế. Nễ Hành ra sức tìm kiếm và không sao tìm được nơi có thể “thăng tiến”. Nễ Hành vô cùng thất vọng nên mới bắt đầu chửi bới!

Sử sách còn ghi, tại huyện Hứa vào năm Kiến An năm đầu (Công nguyên năm 196), Nễ Hành bắt đầu chửi bới. Theo chú dẫn *Diễn lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tuân Úc truyện*, lúc đó Tào Tháo vừa nghênh đón thiên tử, huyện Hứa vừa dựng đô, hào kiệt bốn phương đổ về, nhân tài vô số. Thế là có người tốt bụng đã khuyên Nễ Hành nên kết giao với Trần Quân, Tư Mã Lang, nào ngờ Nễ Hành đã vênh mặt lên nói, lẽ nào ta lại kết giao với bọn người đồ tể, bán rượu! Trần Quân tự Trường Văn, ông nội, cha, chú đều là danh sĩ đương thời. Trần Quân là bạn của Khổng Dung, cũng là quan trong triều, không phải là đồ tể. Tư Mã Lang tự Bá Đạt, xuất thân thế gia là trưởng huynh Tư Mã Ý, đương nhiên cũng không phải là kẻ bán rượu. Một người hỏi Nễ Hành, thế Tuân Văn Nhượng và Triệu Trĩ Trường thì sao? Tuân Văn Nhượng tức là Tuân Úc, một nhân tài, là mưu sĩ hàng đầu của Tào Tháo; Triệu là Đãng Khâu tướng quân thời đó, ăn rất khỏe. Thế là Nễ Hành bĩu môi nói luôn- với bộ mặt của họ Tuân đó chỉ đáng đọc điều văn tang lễ, và với cái bụng ấy họ Triệu kia có thể làm giám bếp mời khách. Các vị nghĩ xem, thế là thế nào? Tóm lại Nễ Hành chẳng coi ai ra gì, có thể vừa nãy, Nễ Hành cũng chẳng nể nang gì, thường nói với người khác, chỉ có thằng lớn Khổng Văn Tử (Khổng Dung), thằng bé Dương Đức Tổ (Dương Tu) còn hợp được, những thằng bé khác chẳng có gì đáng nói. Nễ Hành nói những câu đó lúc mới hơn hai mươi tuổi, Khổng Dung đã bốn mươi lại bị gọi “thằng lớn”! Đây đâu phải là kiêu ngạo? Rõ ràng là điên khùng!

Đến bây giờ chúng ta vẫn chưa rõ, đến đâu Nễ Hành cũng va vào tường nên mới chửi bới hoặc vì thích chửi bới nên mới va vào tường. Theo tôi phần lớn rơi vào tình trạng thứ hai, hoặc là cả hai, những mâu thuẫn ác liệt. *Hậu Hán thư* nói, Nễ Hành “từ trẻ đã có tài biện luận, song tính tình ngang ngạnh cao ngạo, khinh đời ngạo vật”, có nghĩa là xử sự nôn nóng, ngang bướng, cuồng ngạo, thích thời thượng hát điệu phản, có ý không hợp được với người khác, không coi ai ra gì. Theo chú dẫn *Diễn lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tuân Úc truyện* nói, Nễ Hành “cho mình có tài nên kiêu ngạo, không giao tiếp với mọi người”. Thường cho rằng người khác không bằng mình, nên không muốn cùng trò chuyện (thấy không bằng mình nên không nói), vì vậy mọi người đều ghét Nễ Hành (vì thế mọi người mới hận). Ghét bỏ Nễ Hành là đương nhiên. Một người vô lễ điên khùng như vậy thì không thể có quan hệ tốt với mọi người. Nhưng gần như Nễ Hành cũng không muốn có quan hệ tốt đó. Theo chú dẫn *Diễn lược* của Bùi



Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tuân Úc truyện* nói, lúc Nễ Hành bị Tào Tháo đuổi ra khỏi biên cảnh, những người đến tiễn đã nói với nhau: “Hành nhiều lần kiêu ngạo, nay lại đến muộn, nên không cần phải lễ nghĩa chào hỏi”. Vì vậy khi Nễ Hành tới, người ngồi cứ ngồi, nằm cứ nằm, vờ như không thấy. Nễ Hành liền ngồi phịch xuống và khóc rống lên. Mọi người hỏi vì sao khóc. Hành nói: người ngồi như nằm mồ, nằm như xác chết, ta bị kẹp giữa mồ mả và xác chết, không buồn sao được? Một người thích chửi bới, chửi bới cay độc như vậy, được ai quý mến đây? Vì vậy nhiều người hận Nễ Hành đến xương tủy (mọi người đều nghiến răng).

Hiển nhiên, ghét Nễ Hành không chỉ có Tào Tháo, Lưu Biểu, Hoàng Tổ, rất nhiều người ghét trừ Khổng Dung. Không phải Nễ Hành chỉ chống đối nhà đương cục mà chống đối với cả xã hội. Thực tế cái gọi là kiêu ngạo của Nễ Hành chỉ là sự bành trướng ghê gớm cái tôi của mình, không ngại hạ thấp người khác để đề cao bản thân. Điều đó nói lên điều gì? Nói Nễ Hành hết sức tự lợi. Nễ Hành tự cao tự đại, biểu hiện rõ sự tự tư tự lợi trong con người. Nễ Hành chỉ biết có mình, không biết đến người khác, xem thường hết thảy. Để biểu hiện sự kiêu ngạo của mình, Nễ Hành đã đẩy Khổng Dung - người bạn của mình vào hoàn cảnh khôn đốn. Như vậy không thể coi Nễ Hành là anh hùng, mà là kẻ ngu xuẩn.

Không phải Nễ Hành cứ thấy nhà đương cục là mắng chửi. Theo chú dẫn *Phó tử* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tuân Úc truyện*, Nễ Hành đã hết lời ca ngợi, đề cao công đức của Lưu Biểu. Nhưng sau này bệnh cũ tái phát, Nễ Hành lại nói những lời điên khùng. (Như trong *Hậu Hán thư* nói: “sau lại hối không cần Biểu”), Lưu Biểu liền đẩy Nễ Hành sang chỗ Hoàng Tổ. Đến chỗ Hoàng Tổ được Tổ khoản đãi chu đáo (Tổ đối xử tốt), đôi bên một thời hòa thuận. Nhưng rồi Nễ Hành lại có những lời khiếm nhã, còn mắng Hoàng Tổ là “đáng chết”. Hoàng Tổ mới giết Nễ Hành. Như vậy, không phải Nễ Hành chỉ có ngạo mạn mà bụng dạ khác thường, chửi bới quen miệng, gặp ai chửi người đó.

Một khi bối cảnh được làm rõ, chúng ta mới có thể trả lời vấn đề thứ hai, Tào Tháo có đáng bị chửi không?

Đúng là Tào Tháo có điểm đáng bị mắng, nhưng không có nghĩa Nễ Hành mắng Tào Tháo là trở thành anh hùng, phải xem Nễ Hành mắng gì, vì sao phải mắng? Đương nhiên, chúng ta cũng không rõ nội dung cụ thể. Có điều, cứ như con người của Nễ Hành thì e chẳng có gì là chính đáng. Có người nói Nễ Hành mắng Tào Tháo vì Tháo cướp Hán không, bản thân câu hỏi này đang là một vấn đề. Tính lại xem, Kiến An năm đầu, Tào Tháo chưa có hành động cướp Hán, là “Hán tặc”. Thực tình thì Tào Tháo có cướp Hán ngược lại còn rất tôn kính thiên tử. Cứ cho là Tào Tháo cướp Hán nên bị chửi, nhưng Tuân Úc luôn trung với Hán thất sao cũng bị chửi? Chỉ có thể nói Nễ Hành là người thích chửi bới. Thực tế thì Nễ Hành chửi Tào Tháo vì Nễ Hành miệt thị, chán



ghét Tào Tháo; vừa chán ghét vừa căm giận. Cách nói của *Hậu Hán thư* là “vừa gặp đã ghét”, theo chú dẫn *Văn sĩ truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tuân Úc truyện* thì “chán ghét luôn”. Vì sao lại miệt thị, chán ghét và thù hận? Không biết. Nhưng ngoài Không Dung, Dương Tu ra thì trên thế gian này không còn người nào mà Nễ Hành không miệt thị, không chán ghét và không thù hận. Huống hồ Tào Tháo là người chu đáo với Nễ Hành. Nễ Hành làm nhục Tào Tháo nhưng có hề gì đâu! Được tin Nễ Hành tới gặp, Tào Tháo rất mừng, ngồi chờ rất lâu (đợi rất muộn). Lễ hiền đãi sĩ như vậy sao còn bị mắng?

Bây giờ xin trả lời vấn đề thứ ba: Nễ Hành chết oan không? Tôi trả lời là, oan và không oan. Nói là oan, vì dù Nễ Hành có ác độc, đáng ghét đến mấy, cũng chưa đáng phải chết. Nói không oan, vì Nễ Hành tự mình chuốc lấy tội. Thực tế thì Nễ Hành luôn lớn tiếng chửi bới nên phải chết. Theo chú dẫn *Phó tử* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tuân Úc truyện*, khi đến với Lưu Biểu, Nễ Hành được coi là thượng khách. Nễ Hành hết lời tán thưởng Lưu Biểu và cũng không ngừng châm chọc thân tín của Lưu Biểu. Và thế là những người đó đã nói nhỏ với Lưu Biểu, rằng Nễ Hành ca ngợi tướng quân nhân ái khoan dung, thực chất ngầm chỉ tướng quân có lòng nhân của đàn bà, không biết quyết đoán, thế tất sẽ thất bại. Lời đó chích đúng vào điểm yếu của Lưu Biểu. Thực tế thì Nễ Hành không nói vậy. Nhưng cứ cho là Nễ Hành đã nói thì ai mà không tin. Kết quả Lưu Biểu tức giận, đuổi Nễ Hành sang chỗ Hoàng Tổ. Cách nói của *Hậu Hán thư* là, “Thái thú Giang Hạ Hoàng Tổ nóng nảy, mới đẩy Hành sang đó”. Chúng ta đều biết, Tào Tháo đẩy Nễ Hành sang chỗ Lưu Biểu vì biết Lưu Biểu khoan dung, có thể cho Nễ Hành một lối thoát. Tào Tháo mong muốn Nễ Hành sửa đổi. Tháo muốn biết sau này ra sao (nhìn xem thế nào). Lưu Biểu biết Hoàng Tổ thô bạo, nhưng vì không dung nổi, nên mới đẩy Nễ Hành sang đó, thậm chí có ý mượn dao giết người. Nhưng liệu Nễ Hành có hiểu Hoàng Tổ là người như thế nào không? Vì sao không chịu thu bớt kiêu đi? E rằng chỉ là bệnh nhân đã sắp chết, không màng người không sống nổi.

Vì vậy có ba nguyên nhân khiến Nễ Hành phải chết. 1- Nễ Hành tự tìm đến cái chết. 2- Lưu Biểu mượn dao giết người. 3- Xã hội thời đó là đen tối. Hơn nữa nói tới cùng, Nễ Hành chết vì không có pháp chế, không có nhân quyền. Thái thú Giang Hạ chỉ vì sĩ diện mà tùy tiện giết người, thế là chủ nghĩa gì? Là chuyên chế chủ nghĩa! Như vậy là xã hội gì? Là xã hội đen tối! Nhưng dù là một xã hội có pháp chế có nhân quyền thì cũng chẳng có ai quý mến Nễ Hành. Trong số văn sĩ chết oan thì Nễ Hành ít được đồng tình nhất. Bởi vì Nễ Hành không hề biết tôn trọng người khác, không biết làm người, mở miệng là những lời ngông cuồng, đã không nể mặt người khác, cũng không cho mình đường rút, đã kích khắp nơi, cũng tức là mất nhân dân. Nễ Hành phạm nhiều sai lầm.



Kết luận là: Nễ Hành không đáng chết, nhưng cũng không đáng để học tập, càng không nên ca tụng như một anh hùng.

Còn cái chết của Khổng Dung thì lại khác.

Các nhà bình luận thường coi Nễ Hành và Khổng Dung là nhân vật cùng loại. Trong số văn nhân đương thời, quan hệ của hai người này là rất tốt. Hai người đều lưu lại tiếng xấu. Theo *Hậu Hán thư - Khổng Dung truyện*, lúc Tào Tháo giết Khổng Dung, có người phát hiện, Khổng Dung và Nễ Hành luôn tâng bốc lẫn nhau. Nễ Hành coi Khổng Dung là “Trọng Ni bất tử”, Khổng Dung lại đề cao Nễ Hành là “Nhan Hôi phục sinh”. Nhiều tài liệu thường nói tới Nễ Hành, về một ý nghĩa nào đó thì án của Khổng Dung là sự nối tiếp án của Nễ Hành. Có điều án của Khổng Dung to hơn, vì Khổng Dung là cháu đời thứ XX của Khổng Tử; quan to, là người thợ lớn (bộ trưởng kiến thiết). Vì vậy Khổng Dung chết muộn hơn.

Khổng Dung không chỉ một lần đắc tội với Tào Tháo nên bị Tháo giết. Kiến An năm thứ II (Công nguyên năm 197), Viên Thuật xưng đế, Tào Tháo muốn lấy việc công báo thù riêng, nhân đó muốn giết chết Thái úy Dương Bưu - người có quan hệ hôn nhân với Viên Thuật. Sau khi biết tin, Khổng Dung tìm đến Tào Tháo, nói: *Chu thư* viết: “Cha con anh em, tội không liên can”, hướng chỉ Dương Bưu chỉ là thân gia của Viên Thuật. Tào Tháo nói thẳng luôn, đây là ý của hoàng thượng. Khổng Dung thầm nghĩ, phải vạch mặt người! Mới hỏi lại: Chẳng nhẽ Thành vương muốn giết Chiêu công, Chu công cũng nói là không biết? Nay thiên hạ kính nể ngài, vì ngài thông minh, nhân trí, làm việc công minh. Nếu như lạm dụng giết người vô cớ thì e người trong thiên hạ đều phải lo lắng. Việc thứ nhất, Khổng Dung này đường đường là nam tử hán nước Lỗ, ngày mai sẽ không lên triều! Tào Tháo thấy nói cũng có lý nên không giết Dương Bưu, nhưng từ đó trong lòng đã có vết ố.

Về phần mình, Khổng Dung quyết không để Tào Tháo yên, mỗi khi có dịp, liền tìm những sơ hở của Tào Tháo rồi bằng phương thức nhiễu loạn, đánh trúng tim đen nhằm xỏ hết những điều bất mãn với Tào Tháo. Theo chú dẫn *Ngụy thị Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Thôi Diễm truyện*, Kiến An năm thứ IX (Công nguyên năm 204), Tào Tháo công phá Nghiệp Thành, Tào Phi cướp Chân thị - vợ Viên Hi, về làm vợ. Khổng Dung liền có thư gửi Tào Tháo nói, năm đó Vũ vương đánh Trụ, đem Đất Kỷ thưởng cho Chu công. Tào Tháo biết Khổng Dung học rộng, nên cho chuyện đó là thật, liền hỏi đã đọc sách nào. Khổng Dung nói “Ngày nay chuyện xảy ra ngay trước mắt”. Theo chú dẫn *Hán kỷ* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Thôi Diễm truyện*, Tào Tháo muốn tiết kiệm lương thực nên hạ lệnh cấm tửu. Khổng Dung liền nhảy ra hát phản điệu, rằng trên trời có tửu tinh, dưới đất có tửu tuyến, nhân gian có tửu đức, vậy sao lại cấm tửu? Hơn nữa từ xưa thường vì đàn bà mà mất nước, vậy sao không cấm đàn bà?



Dĩ nhiên là họ Tào rất khó chịu về những lời đó. Nhưng vì Khổng Dung đầu to, tiếng tăm lớn, nên Tháo đành cho qua: “Bề ngoài khoan dung, bề trong thì bất bình”.

Nếu Khổng Dung chỉ nói mấy lời châm biếm đó hoặc nói năng nhẹ nhàng hơn thì có thể Tào Tháo đã nhẫn nhịn, cho qua. Tiếc rằng Khổng Dung còn muốn công kích vào cương lĩnh chính trị, đường lối chính trị của Tào Tháo. Mỗi khi Tào Tháo đưa ra một quyết sách to lớn, Khổng Dung đều phản đối. Làm sao Tào Tháo có thể nhẫn nhịn được. Ví như cuộc chiến Quan Độ, Khổng Dung rêu rao trong triều rằng không thể thắng được Viên Thiệu. Tuân Úc đã phản bác lại, xem *Tam quốc chí - Tuân Úc truyện*. Lại theo *Hậu Hán thư - Khổng Dung truyện*, Khổng Dung từng dâng thư lên triều đình nói nên theo chế độ thời cổ đại trong vòng ngàn dặm ở kinh đô không nên phong hầu. Tào Tháo nghĩ rằng họ đang nhắm vào mình, muốn đẩy tước hầu của mình ra ngoài ngàn dặm. Nên nhân lúc quan hệ giữa Khổng Dung và Lưu Bị có chỗ bất đồng, Tào Tháo quyết định tiêu diệt Khổng Dung trước khi dùng binh đánh Kinh châu.

Nhưng Khổng Dung vốn không phải là loại chuột bọ vô danh, muốn giết hẳn phải theo từng bước một. Vừa khéo vào tháng sáu năm Kiến An thứ XIII (Công nguyên năm 208), Tào Tháo cải cách quan chế, khôi phục chức thừa tướng và ngự sử đại phu. Người nhận chức ngự sử đại phu (bộ trưởng bộ giám sát) là Si Lự đã nói ở phần trước. Si Lự vốn đã bất hòa với Khổng Dung, được tin dùng nên đã hiểu ngay ý của Tào Tháo. Theo *Khổng Dung truyện*, Si Lự thu thập ngay tội chứng của Khổng Dung và cho một người là Lộ Túy báo tài liệu lên. Điều quan trọng nhất trong đó là câu nói bốc “Người có thiên hạ, cứ gì phải là mao kim đao” - Mao kim đao tức là chữ lưu. Đó là lời mưu phản, đương nhiên kẻ đáng giết phải giết. Thế là Khổng Dung bị nhốt ngay vào ngục, xử tử. Năm đó Khổng Dung năm mươi sáu tuổi, vợ, con đều bị giết sạch.

Có điều Tào Tháo giết Khổng Dung không vì tội danh “mưu phản”, mà vì tội danh “bất hiếu”. Theo chú dẫn *Ngụy thị Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Thôi Diễm truyện*, vì tiếng tăm Khổng Dung quá lớn, Tào Tháo sợ người khác không phục, nên đành phải công bố tội danh. Nghe nói Khổng Dung có hai câu nói “bất hiếu”. 1- Cha và con có ân tình gì? Bàn về ý nghĩa thì chẳng qua tình dục phát tác một lúc thôi mà. Mẹ và con có gì là tình yêu thương? Chỉ như vật dụng để tạm trong vai sành, sau khi lấy ra thì hết quan hệ. 2- Gặp lúc mất mùa, có chút gì ăn, nếu cha mẹ không tốt thì nên đem cho người khác. Nói như vậy rõ ràng là “bất hiếu” rồi! Nên trong lúc ban bố tội trạng, Tào Tháo đã hằn học nói: “Dung phạm trời trái đạo, nói năng loạn lẽ, tuy giết thị triều, nhưng hận là muộn” cũng tức là, Khổng Dung không những đáng giết mà còn giết quá muộn.

Đây là sự trị tội điển hình vì lời nói và cũng là nền chuyên chế chính trị điển hình. Trước hết, chúng ta không rõ có đúng là Khổng Dung đã nói như vậy không, bỏ cáo viết nghe Nễ Hành kể lại. Nễ Hành nghe Khổng Dung nói xong, đã kể lại ở khắp nơi, ảnh



hưởng thật tệ hại. Nễ Hành đã chết không còn người đối chứng, biết thế nào đây. Theo tôi, có thể đây là lời Nễ Hành nói cho Khổng Dung nghe, nhưng Tào Tháo lại bảo là Khổng Dung nói vậy, thì nhiều lắm cũng là lời nói quàng xiên, có sai nhưng không có tội. Nhưng đó là thời đại Tào Tháo không nghĩ tới nhân quyền, ngay như “phi báng âm thâm” cũng là có tội, huống chi đây lại là lời “công kích điên cuồng”! Đương nhiên là đáng chết, 3- Tào Tháo từng nói “có tài thì dùng”, cướp chị dâu nhận vàng, bắt nhân bắt hiếu có hề gì, vậy sao chỉ vì bắt hiếu mà giết người? Lẽ nào nói mà không làm, tự vả vào mặt mình? Hơn nữa đây chỉ là mấy lời bắt hiếu của Khổng Dung, Tào Tháo lại quy kết thành đường lối tổ chức, chính sách nhân sự, lẽ nào lại không đáng giết? Có điều, chúng ta lại không thể hỏi Tào Tháo mấy lời đó. Đúng như ngài Lỗ Tấn đã nói: “Nếu chúng ta đến hỏi Tào Tháo thì e rằng Tào Tháo sẽ giết nốt chúng ta!”.

Tào Tháo giết Khổng Dung với tội danh bắt hiếu là có dụng ý. Lần nữa chúng ta thấy Tào Tháo là chính trị gia đầy mưu kế, còn Khổng Dung làm việc như con mọt sách. Trước hết, Hán triều luôn chủ trương trị thiên hạ bằng đạo hiếu. Tào Tháo giết Khổng Dung, chúng ta thấy mình luôn ủng hộ hiếu đạo, ủng hộ hiếu đạo cũng tức là ủng hộ Hán thất. Việc làm quang minh chính đại, đồng thời còn rửa sạch được mọi nghi ngờ Tào Tháo “cướp quyền”. Về mặt chính trị Tào Tháo lại được thêm một phiếu. Thứ nữa, làm thế không chỉ tiêu diệt xong thể xác Khổng Dung, còn có thể hạ thấp danh dự Khổng Dung, nghĩ xem, là cháu đời thứ XX của Khổng Tử lại chủ trương bắt hiếu thì nhân phẩm còn giữ được không? Một người phản bội tổ tiên, lẽ nào lại không đáng chết? Hiển nhiên, Tào Tháo không chỉ muốn giết chết Khổng Dung mà còn muốn Khổng Dung mang tiếng xấu muôn đời. Chiêu này thực độc ác và lợi hại. Vì vậy khi Trần Thọ viết *Tam quốc chí* đã không dám đưa truyện Khổng Dung vào.

Nói thêm, Tào Tháo giết Khổng Dung, ngoài việc tiêu diệt kẻ khác phái, còn có mục đích muốn chỉnh phong sửa khí. Có điều phong khí chẳng có quan hệ gì với hiếu hay bắt hiếu, nhưng lại quan hệ lớn đến chính trị. Chúng ta đều biết, những năm cuối thời Đông Hán có danh sĩ gắng giữ mình trong sạch, và cũng có kẻ uốn gối cầu vinh. Nhưng bất kể là loại thanh lưu nào, đều có chung một đặc điểm, tài khí lớn tính khí cũng lớn hoặc không có tài khí nhưng tính khí lớn. Họ tự cho mình là thanh cao, không chịu đi lại với lũ tục nhân, cũng không chịu hợp tác với người cầm quyền, hoặc vờ không biết có sự hợp tác đó. Nếu chỉ là cá nhân giở trò thì không có gì đáng ngại, đằng này họ lại muốn đưa tác phong tính khí đó vào lĩnh vực chính trị, tạo nên ảnh hưởng lớn, khiến Tào Tháo nhiều lần phải đau đầu. Tào Tháo là người phi thường luôn làm những việc phi thường trong thời khắc đặc biệt. Tào Tháo muốn chuyên chính, lẽ nào lại chịu để người khác ngày ngày chửi rửa mình? Tào Tháo muốn dùng người sẽ không tha cho những ai không hợp tác. Cần phải giết để nhắc nhở mọi người, Khổng Dung chỉ là một con gà trống trong số đó.



Nễ Hành chết vào năm đầu Kiến An (Công nguyên năm 196); Khổng Dung chết năm Kiến An thứ XIII (Công nguyên năm 208); Tuân Úc chết năm Kiến An thứ XVII (Công nguyên năm 212). Sau này, Kiến An năm thứ XXI (Công nguyên năm 216) và Kiến An năm thứ XXIV (Công nguyên năm 219), Tào Tháo giết tiếp Thôi Diễm và Dương Tu. Bấy giờ thì đây là những án lớn, đồng thời là nghi án và không giống với ba án trước. Vậy thì, vì sao lại phải giết Thôi Diễm và Dương Tu?

Tập thứ hai mươi chín: CHÂN TƯỢNG MỆNH ÁN

Tào Tháo tạo ra án oan, giết chết Khổng Dung; ngấm tở dâm uy, bức chết Tuân Úc. Điều đó nói rõ Tào Tháo là nhân vật quyền cao thế mạnh trong lĩnh vực chính trị, quyết không cho phép bất kỳ ai phản đối đường lối chính trị của mình. Cả việc hoài nghi cũng không được; đồng thời cũng chỉ ra những nhược điểm chủ yếu về mặt chính trị của Tào Tháo. Vậy, từ nguyên nhân chính trị nào khiến Tào Tháo phải giết Thôi Diễm và Dương Tu?

Ở ba tập trước, chúng ta nói đến cái chết của Nễ Hành, Khổng Dung và Tuân Úc. Thấy ngay, nguyên nhân chết của ba người không giống nhau, cách chết cũng khác nhau. Nễ Hành tính khí bức dọc hay phá bình, quan hệ không rộng, chỉ là cá nhân, không hình thành một lực lượng chính trị nói chung hoặc một tập đoàn chính trị, nên Tào Tháo không giết. Tuân Úc đã hát điệu phản, nhưng cũng chỉ là cá nhân, không đại diện cho thế lực hoặc tập đoàn nào, còn là một đại công thần, nên Tào Tháo đã không giết công khai. Sau khi chết, Tuân Úc còn được hậu đãi “ban thụy là kính”. Khổng Dung luôn hát điệu phản, lại đại diện cho thế lực chống đối trong triều, ngoài xã hội, đối mặt trong một thời gian dài, nên Tào Tháo không chỉ công khai xử tội chết mà còn giết cả nhà, gia thêm tội danh, suốt đời mang tiếng xấu. Làm như vậy để nói lên điều gì? Tào Tháo đã vạch rõ ranh giới về mặt chính trị. Tào Tháo có thể nhẫn nhịn khi người khác làm mình mất sĩ diện (cũng có khi không nhẫn nhịn được) nhưng tuyệt đối không cho phép bất kỳ ai phản đối đường lối chính trị và công việc cụ thể của mình. Người nào cả gan dám phản đối, nhất định Tào Tháo sẽ giơ dao đồ tể tiêu diệt luôn, ngay cả một công thần như Tuân Úc cũng không ngoại lệ, nói chi tới Thôi Diễm, Dương Tu.

Án xử chết Thôi Diễm là án oan lớn thời đó, nhiều lúc Tào Tháo còn phải nhớ lại. Ngay như Trần Thọ - người không dám viết về Khổng Dung cũng phải thốt lời “cả thế gian phải thương tiếc, đến nay vẫn là oan”. Để làm rõ điều này, trước hết phải xem Thôi Diễm là loại người nào, rồi mới nói tới vì sao phải chết.

Tôi chỉ có thể nói về Thôi Diễm bằng mười sáu chữ: văn võ toàn tài, trọng thần triều đình, chính nhân quân tử, đức cao vọng trọng. Thôi Diễm tự Quý Khuê người thành Đông Vũ, Thanh Hà (nay là vùng Tây Bắc huyện Vũ Thành, Sơn Đông). *Tam quốc chí* - *Thôi Diễm truyện* nói: lúc nhỏ Thôi Diễm thích đánh kiếm, say mê võ thuật, không



thạo đường ăn nói. Năm hai mươi ba tuổi được làng xóm coi là “chính tốt”, hàng năm phải làm dao dịch (lao dịch) một thời gian (gồm lực dịch hoặc quân dịch). Sau lúc trở thành văn học đệ tử mới được miễn trừ dao dịch. Vì vậy năm hai mươi chín tuổi trở thành đệ tử của Kinh học đại sư Trịnh Huyền, sau này được Viên Thiệu gọi vào trong quân nhận chức Kỵ đô úy (quan thống soái Vũ Lâm kỵ binh). Chúng ta đều biết, Viên Thiệu là người nghe không lọt tai những lời trái ý. Thôi Diễm khuyên Thiệu không nên đánh Tào Tháo. Viên Thiệu không nghe, kết quả là bại trận ở Quan Độ. Sau khi Viên Thiệu mất, Viên Thượng và Viên Đàm giành nhau Thôi Diễm, họ Thôi đành phải “cáo bệnh từ chối”, kết quả là bị giam vào ngục. May sao được Trần Lâm cứu giúp mới thoát chết.

Sau khi Tào Tháo công phá Nghiệp Thành, Thôi Diễm liền theo Tào Tháo. Kiến An năm thứ XIII (Công nguyên năm 208), Tào Tháo phế bỏ tam công, phục hồi chế độ thừa tướng và tự nhận chức thừa tướng. Trong phủ thừa tướng có Đông Tào và Tây Tào lo việc tuyển chọn cán bộ. Tây Tào quản các bộ ở trung ương, Đông Tào quản việc địa phương và quân đội. Thôi Diễm từng làm việc ở cả hai nơi. Bùi Tùng Chi chú dẫn *Tiên hiền hành trạng* nói, lúc nhận chức ở Đông, Tây Tào, Thôi Diễm đã tuyển chọn được vô số nhân tài ưu tú “văn võ người tài đều được xem xét đề bạt”, tùy tài mà sử dụng, không dựa vào tình cảm, dẫn đến “Triều đình mạnh mẽ, thiên hạ thái bình”, tuyệt không dùng kẻ hủ bại, xây dựng một triều đình đầy hy vọng.

Bây giờ Thôi Diễm đúng là một danh sĩ đức cao vọng trọng. Thôi Diễm lúc nhỏ tính tình đôn hậu, ít lời nhỏ tiếng, tướng mạo đường đường, vẻ một nhân tài. *Tam quốc chí* từng nói; “thanh thể cao vời, đôi mắt ngời sáng, râu dài bốn thước, trông rất uy thế”; *Tiên hiền hành trạng* lại nói: Thôi Diễm “trong sáng ngời ngời, nhìn xa học rộng, hành sự đúng đắn, chính sắc trong triều”, cũng là thanh liêm trung trinh, nho nhã chuẩn xác, làm việc đúng đường, đáng vẻ đường hoàng, lẫm liệt ở trong triều. Nghe nói, không những người trong triều đều sùng kính Thôi Diễm (triều sĩ ngưỡng vọng) mà ngay cả Tào Tháo cũng phải nể phục (Thái tổ cũng kính nể). Thực tình, Tào Tháo muốn Thôi Diễm đến nhận chức ở Đông Tây Tào vì Diễm có thể biến đổi con người từ tham lam thành thanh liêm (người tham mộ danh thành thanh liêm), người dưng cảm được khích lệ thêm (tráng sĩ được khích lệ). Chính Tào Tháo đã nói như vậy. Tào Tháo coi Thôi Diễm là thủ lĩnh của mọi người, là tấm gương cho các quan, (có thể làm gương cả một thời) xem như là mẫu mực của thời đại.

Nhưng là một người như vậy mà vẫn bị Tào Tháo giết, vu khống để giết. Lý do để giết là “có bụng phỉ báng”. Coi “có bụng phỉ báng” làm tội danh để giết người vốn là sự suy luận bừa bãi, hơn nữa không thể nói là Thôi Diễm “có bụng phỉ báng”, làm gì có những lý do đó. Theo *Tam quốc chí - Thôi Diễm truyện* thì sự việc là thế này: sau khi Tào Tháo là Ngụy vương, có người tên là Dương Huấn có biểu ca tụng công đức của



Tào Tháo. Một số người bàn tán biểu chương, cho đó là sự ứng hợp quyền thế, lừa bịp dối trá. Họ bàn tiếp đến Thôi Diễm, cho là một “bộ trưởng tổ chức” đã không làm tròn nhiệm vụ trong vấn đề Dương Huấn làm quan. Thôi Diễm liền tìm đọc biểu chương của Dương Huấn, sau đó gửi cho Dương Huấn một bức thư ngắn nói, “xem biểu, việc coi như là được! Thời gian trôi qua sẽ có thay đổi”. Có người đem bức thư đó mật báo với Tào Tháo, từ đây mà có vụ án đó.

Vì sao Thôi Diễm lại viết bức thư này? Thôi Diễm có động cơ và suy nghĩ gì? Thực khó lòng để biết chính xác đó là gì? Trần Thọ cho rằng: Thôi Diễm có ý châm biếm những kẻ phản đối kia “kẻ bàn tán kia thực đáng trách, chẳng có tình lí gì”. Nhưng đúng là bức thư đó có phần hàm hồ, từ ngữ lơ mờ hiểu sao cũng được. Tạm dịch thế này: ta đã xem biểu chương, sự tình có thể coi là được. Thời gian ôi thời gian, sẽ biến đổi theo thời gian, nhất định tình huống sẽ biến đổi! Điều mấu chốt ở đây là: việc có thể coi là được kia là việc gì và tình huống sẽ biến đổi kia là tình huống nào. Những cái đó có thể hiểu như thế này: lời lẽ trong biểu chương của Dương Huấn có thể coi là được hoặc việc Dương Huấn dâng biểu chương có thể coi là được. Hiểu như vậy là hiểu qua sự việc, thuận lí thành lời.

Nhưng người báo mật kia lại giải nghĩa khác. Anh ta dịch ra như thế này: Ta đã xem biểu chương, những việc người họ Tào kia làm có thể coi là được! Thời gian a thời gian, rồi sẽ có biến. Vì vậy Tào Tháo tức giận nói: Trăm họ sinh con gái thường nói là “sinh con gái thôi”, cũng tức là sinh con gái mà, “tạm gọi là được”. Nhưng “thôi” là từ không hay. “Rồi sẽ có biến”, nói như vậy là thiếu khiêm tốn, có dụng ý khác! Thôi Diễm liền bị xử côn hình luân đồ, cắt tóc, làm lao dịch. Với một người nhân phẩm và tướng mạo hoàn hảo, địa vị và phẩm đức cao sang như Thôi Diễm thì đó là sự sỉ nhục to lớn. Tuy vậy, Thôi Diễm vẫn thản nhiên, hành vi sắc thái như thường, không hờn giận sợ sệt, không uốn gối van xin. Kẻ mật báo nọ lại đến nói với Tào Tháo, Thôi Diễm không hề nhận tội, hỏi cải. Tào Tháo liền hạ lệnh: Thôi Diễm tuy nhận hình phạt, nhưng vẫn kết giao với tân khách, nhà cửa đông đúc như ngoài chợ; vẫn vuốt râu khi nói năng, vẫn trừng mắt lúc nhìn người, bụng dạ như có nhiều điều bất mãn! Thế rồi ban Thôi Diễm tội chết. *Ngụy lược* kể lại tường tận chuyện này: Bấy giờ Tào Tháo phái người đến báo với viên quan phụ trách án, sau ba ngày phải có tin. Mấy hôm sau viên quan phụ trách việc giám sát đến báo nói: Thôi Diễm bình an vô sự. Tào Tháo tức giận nói: chẳng nhẽ Thôi Diễm nhất định để bản vương phải động dao động búa hay sao? Thôi Diễm nghe nói vậy liền gật đầu, đó là sai lầm của tôi, không biết Tào công lại có ý đó (giết tôi không thích hợp, không biết công có ý đó). Thế rồi thanh thản tự tận.

Không cần phải phân tích cái chết của Thôi Diễm, biết ngay đó là án oan. Tào Tháo như bị kích động, thất thường. Tội danh đã dùng cũng ngang như là “có thể có mà”. Vì vậy nhiều người đã phản đối. Theo *Tam quốc chí - Mao Giới truyện*, Mao Giới



- người đã ở Đông Tào duyệt cùng Thôi Diễm tuyển chọn cán bộ vô cùng bất mãn. Những kẻ mặt báo ti tiện và lũ người bội đờ đã báo chuyện đó với Tào Tháo, Tào Tháo lại bùng bùng nổi giận, tìm ra chỗ sơ suất để hạ ngục hỏi tội Mao Giới. Mao Giới vẫn thản nhiên bình tĩnh trình bày, xưa nay những người bị ghen ghét, bị hãm hại, bị giết oan không thể kể hết. Mao Giới, quan từ huyện lại nay là đại thần triều đình, đã mang tội với nhiều người, muốn tìm mấy sai sót có khó gì đâu? Mao Giới chỉ mong được một lần đáp trả giữa triều đình. Nếu Mao Giới phải quanh co ấp úng, thì xin xử thần cực hình, tức là gia quan tiền tước (ngày xử hình cũng là ngày được ban tặng), lấy thủ cấp của thần tức là thiên ân lòng lộng (ban kiểm đến, tức là trọng thưởng). Không thể phủ nhận được mấy lời đó của Mao Giới. Sau đó thì Hoàn Giai - người luôn ủng hộ Tào Tháo, còn chủ trương Tào Tháo nên làm hoàng đế (cùng với một số người khác nữa) đứng ra cứu giúp, Tào Tháo mới tha chết cho Mao Giới, nhưng vẫn phải bãi quan.

Có người không lấy làm ngạc nhiên về chuyện này, ví như Tôn Thịnh từng nói “Ngụy Võ luôn dùng hình, để mất chính”. Chúng ta cũng không hiểu, bởi vì điều đó khác hẳn với chủ trương và con người Tào Tháo trước đây. Xem ra khi có nhiều quyền lực và nhiều dã tâm thì lúc này Tào Tháo không còn là Tào Tháo năm xưa nữa! Nhưng vấn đề là Tào Tháo dù bị kích động thất thường, nhưng chưa đến đoạn thần kinh tác loạn, cũng chưa đến đoạn như một kẻ điên rồ vô duyên vô cớ giết người bừa bãi. Tào Tháo giết người luôn có nguyên nhân. Nhưng có điều lạ, án của Thôi Diễm rõ ràng là án oan, nhưng vì sao Thôi Diễm không muốn trình bày phản biện như Mao Giới, ngay cả giải thích cũng không chịu? Có thể có hai cách giải thích về lời nói của Thôi Diễm, vì sao Tào Tháo muốn quanh co hiểu nhầm? Cuối cùng thì Tào Tháo và Thôi Diễm có quan hệ gì? Vì sao Tháo phải giết Thôi Diễm, và vì sao Thôi Diễm phải tự sát?

Trần Thọ giải thích là “ý vào cái cũ mà bắt kính”. Trần Thọ nói: “Thái Tổ hay nghi, có gì mà không làm, Khổng Dung nước Lỗ, Hứa Du, Lâu Khuê Nam Dương đều ý vào cái cũ bắt kính mà bị giết. Còn mọi người luôn thương tiếc Diễm, đến nay vẫn là oan uổng”. Đúng là Hứa Du chết vì bắt kính, nhưng Khổng Dung thì không phải. Khổng Dung chết vì “chống đối”. Còn Thôi Diễm thì sao? Thôi Diễm không hề phản đối khi Tào Tháo được phong Ngụy công, tấn phong Ngụy vương. Ngay cả khi Tào Tháo lấy câu “việc cũng coi là được” để xem là hoặc để nói là “bắt kính”, cũng chưa chắc Thôi Diễm đã xung đột với Tào Tháo. Vậy thì cuối cùng vì sao Tào Tháo phải giết Thôi Diễm?

Có thể đoán ra ba lý do.

1- Thần kinh quá mất cảm. Chúng ta đều biết, việc Tào Tháo được phong Ngụy công rồi kiến Ngụy quốc, xưng Ngụy vương nhiều người không hài lòng. Nghĩ xem, một người trí tuệ như Tuân Úc đã công khai phản đối, những người khác thì bàn tán sau lưng. Điều đó khiến cho tinh thần Tào Tháo căng thẳng, luôn kinh hoàng hoảng hốt, lo



lắng sợ hãi, nghi thần nghi quỷ. Hơn nữa theo quan niệm truyền thống, chính nhân quân tử là người có trách nhiệm ủng hộ vương thất, ngăn ngừa chính biến. Tào Tháo rất cảnh giác, hoài nghi số người đạo đức cao thượng. Vừa khéo Thôi Diễm lại nằm trong số người đó. Vì vậy khi nghe lời nói của Thôi Diễm, Tháo không hề nghĩ về phía thiện ý mà chỉ nghi ngờ Thôi Diễm “công kích ác độc”.

Vấn đề là ở chỗ, vì sao Thôi Diễm không biện giải? Cũng có hai khả năng: 1- “không thèm chấp”. Chúng ta đều biết Thôi Diễm nhân phẩm cao thượng cao quý. Một người cao thượng cao quý thì không bao giờ kiêu ngạo, ngạo mạn. Quân tử có khí tiết, đại trượng phu coi cái chết như trở về, biện giải làm gì! Muốn giết thì giết đi, tự mình ra tay cũng được, nên đã ung dung tự tận. Còn một khả năng nữa là “không cần thiết”. Nghĩa là Thôi Diễm đã tính toán, sớm muộn gì thì Tào Tháo cũng sẽ giết mình, biện giải còn có tác dụng gì, chỉ bằng cứ ung dung mà chết. Do vậy, vì sao Tào Tháo phải giết Thôi Diễm, ngoài khả năng một ra, còn có khả năng thứ hai, thứ ba.

2- Giết người để báo thù. Thôi Diễm đã mắc tội với Tào Tháo chăng? Đã mắc tội, nhưng đó là việc trước kia. Theo *Tam quốc chí - Thôi Diễm truyện*, Kiến An năm thứ IX (Công nguyên năm 204), Tào Tháo công phá Nghiệp Thành, bình định Viên thị, lĩnh Ký châu mục. Thôi Diễm vừa được cứu từ ngục Ký châu ra, hiện làm biệt giá tòng sự của Tào Tháo, Tháo dương dương tự đắc nói với Diễm, hôm qua ta vừa xét lại hộ khẩu, thấy được thêm ba mươi vạn người, Ký châu quả là một châu lớn! Nào ngờ Thôi Diễm lại nói, nay thiên hạ li tán, chín châu tan rã, anh em họ Viên gây can qua, người dân Ký châu xác chết đầy đường. Nay vương sư tới đây, chưa nghe nói tới ban bố nhân nghĩa, hỏi han phong tục, cứu dân khỏi cảnh lầm than, đã nói tới được thêm bao nhiêu binh giáp, mở rộng thực lực, chẳng nhẽ đó là điều già trẻ gái trai trong châu kỳ vọng ở mình công sao? Lời nói nghiêm nghị đúng mực đó làm cho tân khách ở bên sợ hãi bạc mặt, Tào Tháo vội vã xin lỗi Thôi Diễm và sự tự đắc kia cũng biến mất. Đây là lời nói đúng, nói thẳng khiến mọi người phải nể phục, nhưng cũng từ đó, trong lòng người ta có u u nhọt. Lần này giết người là để báo thù năm đó. Trong cuốn *Phẩm nhân lục* tôi đã nói tới quan điểm này.

Có thể là như vậy chăng? Có thể. Đừng quên rằng trong thời đại chuyên chế những kẻ nắm quyền lực, luôn không thích có bộ hạ chống lại mình, họ luôn muốn đả kích báo thù, công báo tư thù, ngay cả những vị hoàng đế bất tài vô năng cũng luôn dùng thủ đoạn đó đối với quan viên. Đối với họ không có vấn đề nghĩ hay không nghĩ mà chỉ có vấn đề có thể hay không có thể; Cái khác nhau chỉ là, báo thù vào lúc nào. Có người thì trở mặt luôn, thi hành tức khắc; nhưng cũng có người vì mục tiêu xa hơn, lợi ích lớn hơn mà nhẫn nhịn, rồi tính sổ sau. Kẻ trở mặt ngay là kẻ thô lỗ nông cạn, người tính sổ sau là người gian hùng. Với cái chết của Thôi Diễm rõ ràng Tào Tháo là gian



hùng. Kiến An năm thứ IX kết án đến năm Kiến An thứ XXI mới giết người, Tào Tháo đã chờ mười hai năm, coi như đã biết chờ đợi.

3- Có thể là lo liệu hậu sự. Những năm cuối đời, Tào Tháo thường phải lo nghĩ việc lập người nối dõi, nên lập Tào Phi nhiều tuổi nhất, hay lập Tào Thực có tài nhất. Thế là có thư dán kín ngậm hỏi các quan, mong được nói rõ ý kiến của mình. Vì Tào Tháo muốn bí mật trung cầu ý kiến, nên mọi người cũng trả lời bằng thư dán kín. Duy có Thôi Diễm là thượng thư Ngụy quốc (bí thư chính trị) “đề lộ” (không dán thư) trả lời công khai. Thôi Diễm nói: theo nghĩa trong Xuân Thu, lập tự nên là trưởng, hơn nữa Ngũ Quan Trung lang tướng (Tào Phi) là người nhân hiếu, thông minh, nên thừa chính thống. Thôi Diễm tôi nguyện lấy cái chết giữ đúng đạo. Tào Tháo xem xong hết sức kinh ngạc. Bởi vì Tào Thực là cháu rể của Thôi Diễm. Thôi Diễm không tiến cử Tào Thực lại tiến cử Tào Phi, rõ là chí công vô tư. Tào Tháo “thở dài mãi” rồi bổ nhiệm Thôi Diễm là Trung úy Ngụy quốc (Vệ đội trưởng cung đình kiêm tư lệnh vệ thủ kinh đô).

Nhìn bề ngoài thấy, việc này không thể là nguyên nhân khiến Thôi Diễm bị giết, bởi vì Thôi Diễm đã nhất trí với chủ trương của Tào Tháo. Nhưng Bùi Tùng Chi lại có chú thích thêm mấy câu sau, theo *Thế ngữ* - vợ Tào Thực, cũng là cháu gái Thôi Diễm, chỉ vì mặc áo đẹp mà bị Tào Tháo khép tội “vi phạm quy chế”, ban tội chết. Thôi Diễm và cháu gái của mình đều liên quan đến Tào Thực, đều bị Tào Tháo “ban tội chết” không vì một nguyên nhân nào cả, khiến mọi người không thể không ngờ rằng bên trong có quan hệ gì đây. Thậm chí tôi còn cho rằng, Bùi Tùng Chi chú thích như vậy là muốn ám chỉ điều gì đó. Đương nhiên đây chỉ là phỏng đoán, nhưng không phải không có lý. Trong thực tế, đã có người chỉ vì thế mà chết. Như Dương Tu được coi là vật hi sinh trong việc tranh chấp của Tào Phi và Tào Thực.

Dương Tu chết có phần không rõ ràng. Dương Tu tự Đức Tổ là con của Dương Bru, cháu của Dương Tứ, là cháu bốn đời của Dương Bình, cháu sáu đời của Dương Chân. Dương Chân từng là tư không, thái úy; Dương Bình từng là thái úy; Dương Tứ từng là tư không, tư đồ, thái úy; Dương Bru cũng từng là tư không, tư đồ, thái úy. Vì vậy họ Dương cũng như bên Viên Thiệu, Viên Thuật đã là “tứ thế tam công” (cả bốn đời đều có chức vị tam công), còn là “Bốn đời có ba thái úy”, một mạch thừa tướng. Bối cảnh gia đình Dương Tu lại khác.

Dương Tu cũng là người thông minh tuyệt đỉnh, tài hoa có thừa, ngay như “cuồng vọng khâu quân” Nễ Hành cũng thừa nhận Dương Tu là một nhân vật, và thường gọi là “Tiểu nhi”. Dương Tu còn là người khiêm nhường, cung kính. Theo chú dẫn *Diễn lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tào Thực truyện* thì Dương Tu “khiêm cung tài bác”, con cái của Tào Tháo kể cả Tào Phi đều giành nhau làm bạn với Dương Tu. Dương Tu chết không phải vì đã đắc tội với ai. Nói chung các sử gia đều cho rằng Dương Tu chết là do việc tranh giành ngôi thái tử giữa Tào Thực và Tào Phi, vì Dương Tu giúp đỡ



Tào Thực. Sau khi Tào Tháo quyết định lập Tào Phi làm thái tử, để ngừa việc Dương Tu giúp Tào Thực tranh giành với anh, gây phiền hà, huynh đệ tương tàn, thêm nữa Dương Tu còn là cháu ngoại Viên Thuật, trước lúc tạ thế hơn một trăm ngày, Tào Tháo đã giết Dương Tu. *Tam quốc chí - Tào Thực truyện* và *Hậu Hán thư - Dương Tu truyện* đều nói như vậy.

Điều đó thật đáng ngờ. Đúng là Dương Tu có giúp Tào Thực, nhưng Dương Tu chưa phải tử đảng của Tào Thực. Theo chú dẫn *Diễn lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tào Thực truyện* thì sau khi Tào Phi được lập làm thái tử, Dương Tu muốn rời xa Tào Thực. Nhưng Tào Thực lại lôi kéo Dương Tu, Dương Tu “không dám chối từ”. Tào Thực là con cưng của Tào Tháo, tuy không làm được thái tử nhưng cũng không mắc tội. Dương Tu tuy xuất thân danh môn, bốn đời tam công, nhưng lúc đó ngay như hoàng đế cũng trở thành con rối trong tay Tào Tháo, thì việc Tào Tháo đả kích Dương Bưu có đáng kể chi? Theo *Hậu Hán thư - Dương Bưu truyện*, Kiến An năm thứ X (Công nguyên năm 205), Dương Bưu bị miễn chức; năm thứ XI (Công nguyên năm 206), những người nhờ “ân trạch” (không phải vì chiến công) được phong hầu, đều bị tước bỏ tước vị, trong đó có Dương Bưu. Ông này vừa bị bãi quan vừa bị đoạt phong, tuy chưa phải “xương khô trong nhà”, nhưng cũng chẳng còn gì là “đẹp đẽ”. Dương Tu có thể không dựa vào anh em họ Tào được chăng?

Và quan hệ giữa Dương Tu và Tào Phi cũng không tồi. Theo *Diễn lược*, Dương Tu từng tặng Tào Phi một thanh bảo kiếm. Tào Phi vô cùng thích thú luôn mang theo bên mình, về sau Tào Phi lên làm hoàng đế, đóng đô Lạc Dương, vẫn mang theo thanh bảo kiếm đó. Một hôm Tào Phi ra khỏi cung, nhìn vật nhớ người, bỗng nghĩ tới Dương Tu, liền ôm kiếm bảo dừng xe rồi quay lại nói với tả hữu: năm đó Dương Đức Tổ nói đây là thanh kiếm của Vương Mao. Vương Mao bây giờ ở đâu? Đến khi tìm thấy Vương Mao, Tào Phi đã ban cho Vương Mao lương thực và áo quần. Tục ngữ nói: yêu ai yêu cả nộ cười, đáng đi. Tào Phi yêu quý thanh bảo kiếm nên yêu quý luôn cả Vương Mao, còn muốn trọng thưởng; gọi Dương Tu bằng tự không phải bằng tên, rõ ràng là Tào Phi rất có cảm tình với Dương Tu. Tối thiểu cũng không có phản cảm. Người mà Tào Phi không muốn giết, việc gì Tào Tháo phải giết thay!

Cho nên tôi cho rằng, Tào Tháo vì mình nên đã giết Dương Tu.

Con người Dương Tu, tuy được mọi người thừa nhận là thông minh, nhưng thực ra chỉ thông minh vừa thôi. Theo *Hậu Hán thư - Dương Tu truyện*, Tu thân là thừa tướng chủ bạ nhưng không bao giờ muốn ngồi ở chỗ làm việc, luôn bỏ ra ngoài dạo chơi, nhưng lại sợ Tào Tháo có chuyện muốn hỏi, nên trước lúc ra ngoài, Dương Tu thường phỏng đoán tâm tư của Tào Tháo rồi viết đáp án để thị tòng chuyển giao. Sau một vài lần Tào Tháo thấy kỳ lạ: sao Dương Tu lại có thể trả lời nhanh như vậy? Cho người đến xem thì ra là thế. Tào Tháo bắt đầu ghen tị và hận Dương Tu.



Việc này còn được ghi lại. Theo lời chú dẫn *Văn sĩ truyện* của Lưu Hiếu Tiên trong *Thế Thuyết tâm ngữ - Tiệp Ngộ*, Dương Tu viết những đáp án đó đã mấy lần đúng với câu hỏi của Tào Tháo, nên lại theo thứ tự viết tiếp và dần dò thị tòng, nếu thừa tướng có lệnh truyền ra thì cứ theo thứ tự đó mà trả lời. Nào ngờ người tính không bằng trời tính. Một trận gió thổi tới làm đảo lộn cả mấy tờ đáp án. Thị tòng cứ theo thứ tự mới mà gửi đi, tự nhiên đáp án không đúng với câu hỏi. Tào Tháo nổi giận bùng bùng, cho gọi Dương Tu đến hỏi. Dương Tu không dám giấu phải nói thực hết. Kết quả là thế nào? Vì thông minh ít, nên đã lỡ chuyện lớn, Tào Tháo bắt mẫn là dễ hiểu.

Tệ hơn nữa là việc Dương Tu muốn thể hiện bản lĩnh của mình trước mặt mọi người. Theo *Thế Thuyết tâm ngữ - Tiệp Ngộ*, một lần Tào Tháo đi thị sát phủ tướng quốc mới xây, xem xong không nói gì, chỉ cho người viết một chữ “hoạt” trên cửa. Dương Tu liền cho tháo cửa ra làm lại. Giải thích rằng, chữ “hoạt” trong chữ “môn” là chữ “khoát”, thừa tướng chê cửa quá to. Một lần khác, có người biểu Tào Tháo một hộp pho mát đường, Tào Tháo ăn một miếng rồi viết chữ “hợp” lên nắp hộp và đưa cho mọi người. Mọi người chưa hiểu, Dương Tu cầm hộp và ăn luôn, còn nói: chẳng phải “mỗi người một miếng” sao? (chữ hợp gồm ba chữ: nhân, nhất, khẩu). Nếu nói đó chưa phải là hành động thô thiển, khiếm nhã thì những biểu hiện của Dương Tu trong quân đã làm Tào Tháo có ý muốn giết rồi. Theo chú dẫn *Cửu Châu Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ*, Kiến An năm thứ XXIV (Công nguyên năm 219), Tào Tháo thống lĩnh đại quân từ Trảng An ra Tà Cốc, tiến quân vào Hán Trung, chuẩn bị quyết chiến với Lưu Bị. Nào ngờ Lưu Bị lại ém quân chỗ hiểm, cố thủ không đánh. Tào Tháo muốn đánh nhưng không tiến được, muốn thủ lại không có chỗ, chiến thủ vô sách, tiến thoái đều khó. Một hôm bộ hạ xin khẩu lệnh trong quân, Tháo chỉ nói “kê lặc” (lườn gà). Dương Tu nghe xong, đi thu dọn hành trang luôn. Mọi người vội hỏi vì sao lại làm như vậy. Dương Tu nói: món lườn gà này ăn thì vô bổ vứt thì tiếc, Ngụy vương dự định về nhà.

Lần này Dương Tu lại đoán đúng, nhưng sợ lần này Dương Tu sẽ mất đầu. Quả nhiên, chưa đến nửa năm sau, Tào Tháo đã giết Dương Tu. Theo *Điện lược*, tội Dương Tu là “tiết lộ ngôn giáo, giao kết chư hầu”, tương đương với các tội tiết lộ bí mật quốc gia, câu kết bè đảng, nói lời mê hoặc dân chúng.

Nghe đâu trước khi chết Dương Tu từng nói với người khác: chết thế này còn là muộn. Nhưng nếu Dương Tu cho rằng mình chết do can hệ tới Tào Tháo thì chết như vậy là không rõ ràng. Dương Tu không hiểu mình đang sống trong thể chế chuyên chế mà Tào Tháo là một trong mấy kẻ “chúa nghi kỵ” trong thể chế đó. Loại nhân vật này luôn luôn nghi kỵ và đề phòng. Họ sợ nhất và hận nhất những ai đoán thấu tâm can của mình. Bởi vì muốn duy trì nền thống trị độc tài chuyên chính của mình thì phải thi hành chính sách ngu dân và đường lối chính trị đặc vụ. Họ muốn nắm vững tất cả về người



khác nhưng lại không muốn người khác biết được suy nghĩ của mình trừ cái mà họ muốn ám chỉ hoặc nhắc nhở. Tóm lại, kẻ độc tài cần phải thần thánh hóa mình, có vậy mới là “thiên uy khó lường” khiến người khác phải lo sợ, còn mình thì thoải mái hành sự. Dương Tu nhìn thấu tâm can Tào Tháo, còn đoán được Tào Tháo sẽ hỏi gì trước gì sau, như vậy thực đáng sợ. Có một nhân vật như vậy ở cạnh, Tào Tháo còn có thể chơi trò chính trị nữa không? Nếu Dương Tu đoán được nhưng không nói ra, có thể sẽ hay hơn. Đàng này Dương Tu lại nói khắp nơi, kích động một số người không thần phục, chỉ ít cho thấy Tào Tháo không sâu sắc. Vì vậy cái đỉnh đó trước sau gì cũng phải nhỏ. Hơn nữa Dương Tu còn là vây cánh của Tào Thực, nên không nhỏ không được, có thể nói, Nễ Hành chết vì không hiểu người; Dương Tu chết vì quá hiểu người. Nhưng cả hai đều không hiểu bản thân, và không hiểu giữa người với người phải xử sự như thế nào?

Thực tình, Thôi Diễm chết cũng như vậy, điều tối kỵ là đã phạm vào nền chính trị chuyên chế. Nhìn bề ngoài thì thấy, Thôi Diễm không đứng nhằm hàng trong vấn đề lập thái tử, vấn đề ở chỗ Thôi Diễm không nên nói thẳng ra. 1- Nền chính trị chuyên chế là nền chính trị bí mật, thích những thao tác ngầm. Bạn công khai là đã phá hoại quy chế. 2- Trong thời đại thao tác ngầm thì công khai không nhất định là thật, sự thật còn giấu ở sau màn. Thôi Diễm công khai vì nghĩ mình vô tư, nhưng đối với Tào Tháo lại có thể là ý khác, nếu không vì sao những người khác đều dán kín thư? 3- Thôi Diễm được coi là đường hoàng minh bạch, nhưng bạn làm như vậy, hóa ra Tào Tháo lại là người ngấm ngầm lén lút? Bạn là người quân tử đường hoàng, lẽ nào Tào Tháo là kẻ tiểu nhân khiếp nhược? Làm sao Tào Tháo có thể vui mừng được? Vì vậy Tào Tháo mới “thở dài mãi”, và từ đó mới có suy nghĩ khác.

Dương nhiên, đây là sự phỏng đoán. Cái gọi là “chân tướng lịch sử” sẽ để các nhà sử học tìm kiếm vậy! Điều tôi muốn nói, chính quyền chuyên chế giết người không hề tính tới đạo lý. Một khi đã nói tới hoàng quyền, hoàng vị thì đừng nói tới nhân tính, nhân tình, nhân quyền. Ngay cả cha mẹ, anh em, con cái khi cần giết cũng không run tay. Chẳng phải Hán Vũ đế cũng từng giết con sao? Đường Thái Tông từng giết anh em? Con Tào Tháo thì như thế nào?

Tập thứ ba mươi: TRANH GIÀNH ĐOẠT ĐÍCH

Trong những năm cuối đời của Tào Tháo, vấn đề người nối dõi luôn được nói tới hàng ngày; việc tranh giành đoạt đích giữa Tào Phi, Tào Chương, Tào Thực diễn ra hết sức dữ dội. Vì vậy Tào Tháo đã phải tạo ra những án oan và huyết án. Nhưng điều thấy khó hiểu là, Thôi Diễm ủng hộ Tào Phi đã bị giết, người ủng hộ Tào Thực là Dương Tu cũng bị giết, vậy cuối cùng thì Tào Tháo định lập ai là người nối dõi?

Tập trước chúng ta đã nói, trước khi qua đời hơn một trăm ngày, Tào Tháo đã giết Dương Tu “một đệ tử tài ba”. Thương cho họ Dương bốn đời tam công khuynh đảo



trong một lúc, nhưng đúng như người xưa nói: “gia tộc người quân tử chỉ được năm đời”.

Lúc này, Dương Bru - cha của Dương Tu còn sống- Dương Bru từng nhận chức tư không, tư đồ và còn là thái úy. Dương Bru nhận cả ba chức vụ gọi là “tam công”, rõ ràng là địa vị rất cao quý. Nhưng nay chỉ còn biết giương mắt ra nhìn người con yêu quý bị giết. Người đầu bạc tiền người đầu xanh, đau khổ biết chừng nào. Theo *Hậu Hán thư - Dương Bru truyện*, một hôm Tào Tháo gặp Dương Bru, Tào Tháo tỏ vẻ kinh ngạc khi thấy Dương Bru hình dung tiêu tụy. Tào Tháo liền hỏi vì sao lại gầy guộc đến như vậy? Dương Bru nói: tiếc không còn sáng suốt và do trong lòng luôn thương con. Thế là “Tháo thay đổi sắc mặt”.

Tào Tháo hỏi ra vẻ quan tâm. Dương Bru đáp là thực lòng. Điều đó làm họ Tào không thể không “thay đổi sắc mặt”. Lúc này tuy đã bị bãi quan đoạt phong, nhưng Dương Bru vẫn là vị nguyên lão. Một nhân vật như vậy mà không thể bảo toàn được người nhà, còn nói chi tới cái khác? Hơn nữa, Dương Bru có con để yêu, Tào Tháo không có sao? Dương Bru không thể bảo toàn được người nhà, Tào Tháo lại có thể chăng? Đừng tưởng lúc này Tào Tháo xưng bá một thời, uy phong lừng lẫy, quy luật “gia tộc người quân tử chỉ được năm đời” vị tất đã vô hiệu với ông ta. Điều đó không thể không làm cho Tào Tháo phải suy nghĩ nhiều hơn, xa hơn.

Trên thực tế Tào Tháo luôn phải suy nghĩ vấn đề người nối dõi. Nhưng tiếc là vấn đề đó rất khó giải quyết.

Theo thống kê, Tào Tháo có ít nhất là mười lăm người vợ và hai mươi năm người con. Người có tư cách nối dõi nhất là Tào Ngang, nhưng đã chết trận vào tháng giêng Kiến An năm thứ II (Công nguyên năm 197), người khác được Tào Tháo yêu quý là Tào Xung thì ốm và qua đời vào tháng năm Kiến An thứ XIII (Công nguyên năm 208). Các con khác thì chết yếu hoặc dung tục, Tào Tháo chỉ còn hy vọng vào Tào Phi, Tào Chương và Tào Thực. Theo *Tam quốc chí - Tào Xung truyện*, lúc Tào Xung ốm và qua đời là lúc Tào Tháo đau buồn nhất. Tào Phi bước đến an ủi cha, Tào Tháo nói: “người này làm ta buồn, còn nhữ Tào làm ta vui”. Cái gọi là “nhữ Tào” (các người mấy người) đương nhiên là Tào Phi, Tào Chương và Tào Thực.

Cả ba người đều muốn mình là người nối dõi. Trước hết họ đều là con của Biện phu nhân. Vợ cả của Tào Tháo họ Đinh, Đinh phu nhân không sinh con, con nuôi là Tào Ngang chết trận, bản thân đã li dị nên không phải suy nghĩ việc “lập đích”. Sau khi họ Đinh bị phế, Biện phu nhân thay thế địa vị chính thất. Theo nguyên tắc “lập đích” người nối dõi phải được chọn từ các con của họ Biện. Biện phu nhân có bốn người con, trong đó Tào Hùng chết sớm, còn có thể chọn một trong ba người là Tào Phi, Tào Chương và Tào Thực. Hai là, cả ba người này đều có năng lực, được việc và trình độ cao hơn hẳn



những người con khác của Tào Tháo. Như vậy, dù là “lập đích” hay “lập hiền”, họ có tư cách nhất. Việc “tranh giành đoạt đích” luôn xảy ra trong ba người con của Biện phu nhân.

Vậy Tào Tháo chọn ai?

Nhìn chung các sử gia đều cho rằng trước hết phải loại bỏ Tào Chương. Không thể phủ nhận Tào Chương là một nhân vật. Theo *Tam quốc chí - Tào Chương truyện*, người này từ bé đã giỏi cưỡi ngựa tài bắn tên, to gan lớn mật, chiến đấu nhiều trận lập nhiều chiến công. Kiến An năm thứ XXIII (Công nguyên năm 218), Ô Hoàn ở quận Đại làm phản, Tào Tháo bổ nhiệm Tào Chương là Bắc Trung lương tướng, Hành kiều kỵ tướng quân đi dẹp loạn. Trước lúc lên đường Tào Tháo nói với Chương: con à, ở nhà là cha con, thụ mệnh là quân thần, con biết phải làm như thế nào! Tào Chương hiểu rõ ý cha, nên trong chiến tranh Bắc phạt đã xông pha hiểm trận, dẫn đầu tướng sĩ, bắn thẳng vào Hồ Kỵ “kẻ trước người sau trúng tên gục ngã”. Bản thân Tào Chương “trúng mấy mũi tên”, nhưng “ý chí ngoan cường”, kết quả “đại phá quân địch”. Người Tiên Ti trung lập thấy Tào Chương anh dũng thiện chiến đã xin quy thuận. Vậy là “miền Bắc bình xong”. Sau thắng lợi, Tào Chương tặng thưởng lớn cho tướng sĩ, mặt khác khi hội báo với Tào Tháo lại theo kiến nghị của Tào Phi “quy công chư tướng”. Lúc này Tào Tháo vô cùng mừng vui đã tóm lấy chòm râu vàng của Tào Chương, nói: “Râu vàng con, con khá lắm”.

Thực tế thì Tào Tháo lấy làm kiêu hãnh khi có đứa con như thế. Theo chú dẫn *Ngụy lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tào Chương truyện*, trong cuộc chiến ở Hán Trung, Lưu Bị ẩn mình trong núi, cử Lưu Phong xuống núi khiêu chiến. Tào Tháo mắng lớn: kẻ bán giày cỏ kia, sao ngươi cứ cho con nuôi ra đánh trận (luôn cho con giả đánh với con ta)? Chờ đây, ta sẽ gọi đứa râu vàng đến!

Nhưng Tào Chương cũng có vấn đề, tức là hữu dũng vô mưu, không thích đọc sách. Điều này Tào Tháo đã bảo ban, nói: con chỉ thích bắn tên múa kiếm, ném ung đuổi chó, như vậy chỉ là cái dừng của kẻ thất phu, đâu thành được nghiệp lớn? Rồi sắp xếp cho Tào Chương đọc “Thi”, “Thư”. Tào Chương lại nói với người bên cạnh, nam tử hán đại trượng phu phải giống như Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, bằng trăm vạn quân ra nơi biên cương dựng công lập nghiệp, dựa gì vào mấy cuốn sách nát này làm người học rộng? Nghĩ như vậy rõ ràng không giống một “nhân quân”.

Tào Tháo đã tìm hiểu Tào Chương. Một lần Tào Tháo hỏi các con thích thú điều gì, từng người nói rõ ý của mình. Tào Chương trả lời “Thích làm tướng”. Tào Tháo lại hỏi: “Làm tướng phải thế nào?” Tào Chương nói: “Mặc giáp cầm giáo, gặp khó không ngại, dẫn đầu tướng sĩ, có công thì thưởng, có tội phải phạt”. Thế là “Thái tổ cả cười”. Ý nghĩ lập Tào Chương là thái tử nếu có, cũng chỉ một trận cười là hết. Vì Tào Tháo rất



rõ, Tào Chương là một tướng giỏi, nhưng vị tất là một quốc vương giỏi, một hoàng đế giỏi.

Còn lại Tào Phi và Tào Thục. Không ít người cho rằng, Tào Tháo vốn muốn lập Tào Thục làm thái tử, chỉ vì Tào Phi giỏi trò, bản thân Tào Thục có nhiều sai lầm, nên mới lập Tào Phi. Điều này không phải là không có căn cứ. *Tam quốc chí - Tào Thục truyện* đã nói vậy và nói rất rõ, là “mấy lần suýt nữa Tào Thục được là thái tử”. Có hai nguyên nhân: 1- Tào Thục có tài. 2- Tào Tháo rất thích Tào Thục. Hai nguyên nhân này có quan hệ nhân quả, chính vì “mỗi lần gặp, hỏi khó, trả lời được ngay” thế mới “đặc biệt đáng yêu”. Nhưng tôi cho rằng, với hai điều đó, lại có thể chứng minh rằng Tào Tháo không thể lập Tào Thục.

Nói sự thích thú trước. Đúng, Tào Tháo thích Tào Thục. Dù là vậy cũng không thể lập Tào Thục là thái tử. Vì sao vậy? Vì xưa nay có bốn cách lập thái tử: lập con đầu của vợ cả, lập trưởng, lập hiền, lập yêu. Theo quan niệm truyền thống người đáng lập nhất là con cả của vợ cả. Một người con, nếu là con của chính thê sinh ra, lại là con cả (tuổi tác lớn nhất) vậy đương nhiên người đó sẽ là thái tử, nếu con lớn không phải con vợ cả, con vợ cả không phải là con lớn nhất, đành phải lập con vợ cả ít tuổi hơn, được gọi là “lập tử lấy đích (con vợ cả) không lấy trưởng”. Nếu vợ cả có hai con trở lên hoặc vợ cả không sinh con, sẽ lập người lớn tuổi nhất, không tính đến phẩm hạnh và tài năng, gọi là “lập đích lấy trưởng không lấy hiền”. Đương nhiên, không phải tuyệt đối không lập hiền, vì lập hiền cũng có lý. Lập vua hiền là có lợi cho nhân dân cho đất nước, mọi người có thể đồng tình. Một khi đã hết cách mới lập yêu, vì đó hoàn toàn là do tình cảm, thế nào cũng gặp điều không hay. Tóm lại, việc lập thái tử phải theo lệ sau, trước tiên lập con vợ cả, thứ đến lập trưởng, thứ nữa lập hiền, cuối cùng lập yêu. Lập Tào Phi là lập con vợ cả và cũng là lập trưởng; lập Tào Thục là lập yêu. Bạn cho biết họ Tào sẽ lập ai? Đúng vậy, Tào Tháo là người không mấy trọng quy chế, không theo một quy trình nhất định, nhưng đâu dám mắc tội “lập yêu”, và Tào Tháo đâu chỉ yêu riêng một mình Tào Thục.

Có thể có người nói: Tào Tháo lập Tào Thục không phải “lập yêu”, mà là “lập hiền”. Tào Tháo luôn chủ trương “có tài là dùng” đâu chịu trói buộc bởi quan niệm truyền thống? Đương nhiên sẽ lập người tài hoa nhất là Tào Thục! Điều này tưởng như là thực, nhưng không phải. Đúng, Tào Thục là con người kỳ tài, nhưng là một thiếu niên tài tử. Theo *Tam quốc chí - Tào Thục truyện*, Tào Thục biết làm văn khi còn rất nhỏ. Tào Tháo đọc tác phẩm của Thục, đã vô cùng kinh ngạc, hỏi có phải đã nhờ người viết hộ không (mày nhờ người sao?) Tào Thục trả lời: “mở miệng thành câu, cầm bút thành bài, mong được thử ngay, việc gì phải nhờ”. Sau này khi đài Đồng tước xây xong, Tào Tháo lệnh các con lên đài làm thơ, Tào Thục “cầm bút thành bài, rất hay, Thái tổ thấy lạ”, rõ ràng là có tài về văn thơ.



Nhưng vấn đề là, chọn thái tử không phải là chọn chủ tịch hiệp hội nhà văn, không thể chỉ là viết lách tốt hay không tốt, còn phải xem xem có tài năng về chính trị không, về mặt này Tào Tháo từng đã thử thách Tào Thực và kỳ vọng ở sau này. Kiến An năm thứ XIX (Công nguyên năm 214), Tào Tháo đánh Tôn Quyền, để Tào Thực giữ Nghiệp Thành. Tào Tháo đã tâm sự với con, lúc hai mươi ba tuổi cha làm Đôn binh lệnh, lúc này hồi tưởng lại thấy không có gì phải hối hận. Lúc này con cũng hai mươi ba tuổi, tự biết phải làm gì! Tào Thực biểu hiện như thế nào đây? *Tam quốc chí - Tào Thực truyện* không nói gì, có thể là không tòi nên phần sau mới có câu “mấy lần suýt nữa được là thái tử”. Nhưng sau này biểu hiện lại không tốt, kết quả là thất sủng.

Ở đây còn nhiều điểm đáng ngờ. 1- Lúc Tào Thực lưu giữ Nghiệp Thành đã có những biểu hiện đột xuất gì? Nếu có, sao không thấy sử sách ghi chép? 2- Lúc đầu Tào Thực thể hiện không tồi, vì sao sau này lại trở thành kém cỏi? Đáng tiếc, mấy đoạn ghi trong “*Tam quốc chí*” lại quá hàm hồ, không rõ ràng, khiến chúng ta có cảm giác đang che giấu việc gì đó! Tôi cho rằng, nếu Tào Thực có những biểu hiện đột xuất về mặt chính trị, thế nào cũng lộ ra. Trên thực tế, Tào Thực cũng không thể làm được việc gì to lớn khiến trời rung đất chuyển. Một là, bản thân Tào Tháo là người mạnh mẽ, các con ông ngoài Tào Chương có thể cầm quân đánh trận, còn lại đều khó làm nên chuyện. Hai là, Tào Thực cũng không phải là người hiểu biết nhiều về mặt chính trị. *Tam quốc chí - Tào Thực truyện* nói đến nguyên nhân Tào Phi đoạt đích thành công, Tào Thực thất sủng, Xuân Thu nói là “Thực làm việc theo cảm tính, không biết kiềm chế, uống rượu bừa bãi” còn Tào Phi “biết làm ra vẻ, tự biết khống chế, người người trong cung thấy đều vui vẻ”, cũng tức là khéo vờ vĩnh, khống chế bản thân, thu phục lòng người, vì vậy Tào Tháo quyết định lập Tào Phi là người nối dõi.

Tào Phi là như vậy nên số đông đồng tình với Tào Thực, không đồng tình thậm chí là xem thường Tào Phi. Không còn nghi ngờ gì, chúng ta cũng thấy “làm việc theo cảm tính” rõ ràng là đáng yêu hơn “tự biết khống chế”. “Tự biết khống chế” không chỉ là không đáng yêu mà còn là đáng sợ. Nhưng đó là cách nhìn của chúng ta, không phải là cách nhìn của Tào Tháo. Không phải lúc đó Tào Tháo muốn chọn “ai là người đáng yêu nhất” mà là nghĩ xem “ai là người đáng tin cậy nhất”. Đáng tin cậy về mặt nào? Tin cậy về mặt chính trị. về mặt chính trị tin cậy có nghĩa là gì? Là có thể đảm bảo cho chính quyền Tào Ngụy tồn tại mãi mãi. Điều đó không thể xét về “tính tình” mà phải xét về mặt “tâm kế”. Người không có cách nhìn đúng đắn không thể chọn làm người nối dõi của chính quyền Tào Ngụy, “làm việc theo cảm tính” không phải là phẩm chất cần có của nhà chính trị. Có người nói Tào Tháo cũng “làm việc theo sở thích”, Tào Thực “làm việc theo cảm tính” lẽ nào lại không “có phần giống nhau”? Đúng vậy, Tào Tháo “làm việc theo sở thích”, nhưng đừng quên Tào Tháo còn có mặt “gian dối xảo trá”, đúng là không thể vừa có được tay gấu vừa có được cá. Đó mới là “điều khó xử”. Kết quả của đấu tranh tư tưởng, lý trí đã chiếm ưu thế. Thời đó, thiên hạ loạn lạc, trước sau chính



quyền Tào Ngụy đều có địch. Chọn được người có tâm kế, rõ ràng là yên tâm hơn. Trong *Tào Tháo bình truyện*, ngài Trương Tác Diệu nói: “xét về đại kế trị quốc, thì rõ ràng Tào Thực không bằng Tào Phi”, kết luận như vậy tôi cho là đúng.

Xét về góc độ tài năng, cũng nên chọn Tào Phi chứ không phải là Tào Thực. Ba người con của Biện phu nhân, Tào Phi, Tào Chương, Tào Thực, đều là những nhân tài, nhưng không giống nhau. Trần Thọ miêu tả Tào Chương “võ nghệ cao cường, có thể tướng lĩnh”; mô tả Tào Thực là “văn tài chói sáng, đúng là một người tài hoa”. Tức là, hai người họ, một văn tài, một võ giỏi, Tào Phi được coi là văn võ song toàn. Lúc đó Tào Phi là thi nhân nổi tiếng, cùng Tào Tháo, Tào Thực xưng là “Tam Tào”. Đương nhiên trong “Tam Tào” thơ của Tào Phi không bằng cha và em, nhưng địa vị trong văn học sử lại không hề thấp. Một là có sáng tạo, như bài “Yến hành ca” được coi là tổ của loại thơ thất ngôn. Hai là có lí luận, như *Diễn luận - Luận văn* được coi là kinh điển phê bình sử trong nền văn học Trung Quốc. Trong lúc giảng văn học sử, ngài Lỗ Tấn còn gọi Ngụy Tấn là “thời đại Tào Phi”, nhận định Tào Phi là đại diện cho tinh thần “văn học tự giác”. Một người có hai điều “làm mốc thời đại”, đó là Tào Phi.

Võ công của Tào Phi cũng rất khá, cưỡi ngựa múa kiếm đều có hạng. Tào Phi bắn tên cũng tài, đạt tới trình độ “đuổi thú từ mười dặm, trăm phát trăm trúng”; kiếm thuật cũng giỏi, có thể so kiếm đấu võ với cao thủ võ lâm thời đó. Theo *Diễn luận - Tự thuật*, Tào Phi từng cầm cây mía thay kiếm so tài với Uy Vũ tướng Đặng Triền, kết quả là đánh bại đối thủ. Vì vậy, không thể vì Tào Thực có tài mà bảo là Tào Phi vô năng. Ngược lại, chúng ta còn phải thừa nhận Tào Phi toàn diện hơn Tào Chương, Tào Thực.

Huống hồ Tào Phi còn có một ưu thế nữa, nhiều tuổi nhất. Lập đích lấy trưởng, đó là truyền thống là quy chế, ngay như Cao hoàng đế Lưu Bang cũng không thể không theo. Lúc Tào Tháo trung cầu ý kiến thì ý của phái chính thống cũng là vậy. *Thôi Diễm truyện*, *Mao Giới truyện*, *Hình Ngung truyện*, *Giả Hủ truyện* trong *Tam quốc chí* đều ghi lại những ý kiến đó. Tập trước chúng ta đã nói tới ý kiến của Thôi Diễm. Thái độ của Mao Giới cũng như Hình Ngung cũng rất rõ ràng, đều cho rằng lập đích lấy trưởng là điều muôn thuở; cả, thứ không rõ ràng thì hậu họa khôn lường. Mao Giới còn nhấn mạnh bài học từ chỗ Viên Thiệu. Nhưng Giả Hủ là người có ý hay nhất. Tào Tháo từng hỏi riêng Giả Hủ, cuối cùng nên chọn ai là thích hợp nhất, Giả Hủ yên lặng. Tào Tháo nói: ta đang hỏi ái khanh, sao ái khanh không nói gì cả? Giả Hủ nói: đang mãi nghĩ tới một chuyện! Tào Tháo hỏi: nghĩ chuyện gì? Giả Hủ nói: chuyện của Viên và Lưu Biểu. Chúng ta đều biết, Viên Thiệu và Lưu Biểu vì lập thứ không lập trưởng, làm nội bộ mâu thuẫn, dẫn tới diệt vong. Điều đó, đương nhiên là Tào Tháo rõ. Cuối cùng thì “Thái tử cười lớn, thế là ngôi vị thái tử đã được chọn”.

Thực tế thì không phải Tào Tháo không nghĩ tới điều này. Kiến An năm thứ XVI (Công nguyên năm 211), mấy người con của Tào Tháo đều được phong hầu kẻ cả Tào



Thực, Tào Phi không được phong, chỉ được bổ nhiệm là Ngũ Quan trung lang tướng “về vị trí coi là phó thừa tướng”. Phẩm cấp Ngũ Quan trung lang tướng không cao, chỉ là phân đội trưởng đội thị vệ cung đình, không có tư cách thiết lập quan viên thuộc hạ, càng không thể trở thành phó thủ của thừa tướng. Tào Tháo sắp xếp như vậy, như ngày nay gọi là “chức thấp quyền cao”, chức vị rất thấp, nhưng địa vị rất cao, quyền lực rất lớn, thậm chí còn hơn cả Vạn hộ hầu. Hiển nhiên, với Tào Phi, Tào Tháo đã đối xử khác với các con khác. Vì vậy, Kiến An năm thứ XX (Công nguyên năm 217) tháng mười, Tào Tháo ban bố “Cáo tử văn” là, “các con đều là hầu, riêng Tử Hằng không phong, chỉ là Ngũ Quan trung lang tướng, thế là thái tử vậy”. Có thể nói, đó là tâm kế. Ba điều kiện của Tào Phi, văn võ song toàn; con trưởng là nguyên nhân chủ yếu được Tào Tháo chọn lựa.

Nếu nói Tào Phi thắng lợi còn có nguyên nhân nào khác thì đó là được cao nhân chỉ điểm. Trên thực tế, kể từ lúc Tào Phi, Tào Thực bắt đầu tranh giành ngôi vị thái tử, nội bộ tập đoàn Tào Tháo đã hình thành hai tập đoàn nhỏ hoặc nói là hai phe chính trị, một phe ủng hộ Tào Phi, phe kia ủng hộ Tào Thực. Như *Tam quốc chí - Giả Hủ truyện* nói: “ai có đảng nấy”. Bên phía Tào Thực chủ yếu là các mưu sĩ Đinh Nghị, Đinh Dị, Dương Tu. Bên Tào Phi chủ yếu là Ngô Chấn. Tiếc là Đinh Nghị, Đinh Dị, Dương Tu “ba tay thợ vụng về” không những đấu không nổi “Gia Cát Lượng” mà ngay cả Ngô Chấn cũng phải bó tay.

Ngô Chấn tự Quý Trọng, người Tế Âm (Định Đào, Sơn Đông ngày nay). Theo chú dẫn *Ngụy lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Ngô Chấn truyện*, Ngô Chấn “tài học thông tuệ” được Tào Phi và chú hầu vô cùng yêu quý. Trong việc tranh giành đoạt đích giữa Tào Phi và Tào Thực, Ngô Chấn hướng vào Tào Phi. Ngô Chấn có chủ ý cho Tào Phi, cụ thể là hai điều, một là “tỏ ra thành tâm”, hai là “gây mối nghi ngờ”. Theo chú dẫn *Thế ngữ* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Ngô Chấn truyện*, một lần Tào Tháo xuất chinh, Tào Phi, Tào Thực đều đứng bên đường đưa tiễn. Tào Thực chơi trò thông minh, ca tụng công đức, lời lẽ hoa mỹ, mọi người đều tán thưởng, Tào Tháo cảm thấy thoải mái dễ chịu, chỉ có Tào Phi không hài lòng. Lúc đó, Ngô Chấn nói nhỏ vào tai: “Vua ra đi, phải khóc chứ!” Tào Phi theo kế “vừa khóc vừa lạ”, tiếng khóc thấu tới trời đất, Tào Tháo và mọi người thấy đều rơi lệ. Kết quả đã rõ, Tào Tháo càng thêm xúc động, ai cũng thấy “lời nói hoa mỹ không bằng tiếng khóc chân thành”. Thực không hổ với cái tên của mình, Ngô Chấn đã đánh bại Tào Thực bằng phương thức đơn giản nhất, chất phác nhất, chẳng đáng là bao.

Ngô Chấn thực lợi hại. Phe cánh Tào Thực coi Ngô Chấn như cái đinh trong mắt, họ luôn chú ý đến từng hành động của Ngô Chấn. Theo chú dẫn *Thế ngữ* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tào Thực truyện*, một lần Tào Phi ngầm đưa Ngô Chấn vào trong phủ bằng cái sọt vớt đi (sọt được đan bằng nhánh cây leo, nhành trúc hoặc cành



liều) để bàn cách đối phó Tào Thực, Dương Tu phát hiện, đem chuyện báo với Tào Tháo. Có điều lúc đó không kịp xét, nên cho qua, Tào Phi thấy căng thẳng, hỏi Ngô Chắt nên làm thế nào? Ngô Chắt nói: sợ gì! Cứ thế mà làm là xong. Sau đó mấy hôm, Tào Phi lại cho khênh “sọt” vào phủ. Dương Tu lại đi báo cáo. Lập tức có người đến tra xét. Khi mở ra thì trong sọt toàn là lụa, kết quả “Thái Tổ bắt đầu nghi ngờ”. Nghi vấn điều gì? Nghi ngờ Tào Thực, Dương Tu và những người khác âm mưu hãm hại Tào Phi.

Hiển nhiên là Ngô Chắt thành công, vì ông không lạ gì Tào Tháo. Ngô Chắt biết Tào Tháo tuy trọng tài, nhưng còn trọng tình hơn, vì vậy mới để Tào Phi “tỏ ra thành tâm”. Ngô Chắt còn biết con người Tào Tháo rất đa nghi, càng là người thông minh Tào Tháo càng nghi ngờ; vì vậy mới để Tào Phi “gây mối nghi ngờ”. Nếu so sánh thì Dương Tu còn kém xa. Dương Tu luôn chơi trò thông minh vặt, đưa ra những chủ ý cũ kỹ. Chúng ta đã nói ở phần trước, Dương Tu rất thích dò đoán tâm tư của Tào Tháo, tiếc là đoán được nhưng không làm được. Theo chú dẫn *Thế ngữ* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tào Thực truyện*, giống như mình đã đối phó với Tào Tháo, Dương Tu giúp Tào Thực dự đoán trước nhiều vấn đề, và viết lời giải. Mỗi khi Tào Tháo hỏi đến, Tào Thực liền chọn những đáp án thích hợp đã chuẩn bị sẵn và cho người mang đi, mong Tào Tháo có ấn tượng là “tài ba nhạy bén”. Nhưng Dương Tu không cẩn thận, không nắm vững các tình tiết, dẫn tới “vừa hỏi đã trả lời ngay”. Kết quả là Tào Tháo sinh nghi, Tào Thực có thông minh đến mấy cũng không thể nhanh như vậy! Cho người kiểm tra, chân tướng rõ ràng. Từ đó Tào Tháo nhìn Tào Thực với con mắt khác và cũng ghét cay ghét đắng Dương Tu.

Và mọi điều phỏng đoán của Dương Tu chưa phải hoàn toàn chuẩn xác. Theo chú dẫn *Thế ngữ* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tào Thực truyện*, một lần Tào Tháo lệnh anh em Tào Phi, Tào Thực ra khỏi Nghiệp Thành làm việc, đồng thời mật lệnh cho lính gác không mở cửa thành. Dương Tu đoán đúng ý đồ của Tào Tháo, nên Dương Tu dẫn trước Tào Thực, vịn nhất lính gác không để ngài ra, ngài đã có vương mệnh, thì cứ giết luôn đi. Kết quả Tào Thực ra ngoài còn Tào Phi phải ở lại. Nhưng lần này Tào Tháo muốn khảo sát tổng hợp về hai đứa con của mình. Xem xét về tài và quan trọng hơn là về đức. Bề ngoài thì lần này Tào Thực đã thắng lợi, nhưng thực tế đã thua, vì Tào Tháo đã có ấn tượng, Tào Phi nhân hậu, Tào Thực tàn nhẫn. Dương Tu biết một không biết hai, nhìn nhận thiên cận, vì vậy mới là thông minh vặt. Dương Tu thông minh vặt đương nhiên sẽ không đấu nổi Ngô Chắt thông minh lớn. Hơn nữa, Tào Phi chỉ có Ngô Chắt là mưu sĩ, Tào Thực hình thành cả phe đảng. Tào Tháo cũng không chấp nhận điều này.

Có điều, theo tôi, Ngô Chắt tuy là cao hơn Dương Tu một bậc, nhưng lại kém Giả Hủ một tầng. Bởi vì Ngô Chắt chỉ cho Tào Phi “cái thuật”, Giả Hủ cho Tào Phi lại là “cái đạo”. Theo *Tam quốc chí - Giả Hủ truyện*, Tào Phi từng cho người đến thỉnh giáo Giả Hủ, phải làm gì để có thể giữ được địa vị, Giả Hủ trả lời luôn, chỉ mong tướng quân



có thể nâng cao đạo đức, bồi dưỡng khí tiết, thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của kẻ sĩ, ân cần khẩn thiết, không biết mệt mỏi, không vi phạm những điều hiếu đạo, thế là được (mong tướng quân thành người đức độ, tận trách của một kẻ sĩ, sớm tối hết lòng, không phạm đạo lý. Thế là đủ). Một số người cho đó là những lời nguyên tắc, nhưng thực chất thì đó là những lời chí tình chí lý, Giả Hủ đã nói tới những điều rất cơ bản. Trong thực tế, dù bạn làm gì, làm công, làm quan, buôn bán, học vấn thì quy kết lại vẫn là làm người. Làm người là điều cơ bản nhất. Làm người thành công thì làm việc gì cũng sẽ thành công, bằng không, chỉ có thể nổi lên được một lúc. Đó chính là điểm sáng của Giả Hủ. Tôi từng nói, Gia Cát Lượng dùng sự thông minh tài trí vào việc trị nước, Giả Hủ lại dùng nó vào quân mưu. Nhưng so với “ba người thợ vụng về kia” thì Giả Hủ là người trí tuệ lớn.

Tào Phi gắng công rèn luyện theo lời dạy của Giả Hủ, (ngày ngày mài dũa), cuối cùng được Tào Tháo tín nhiệm. Nhưng dù được Giả Hủ thức tỉnh, nhưng rồi cái đuôi con hồ ly của Tào Phi cũng lộ ra. Theo chú dẫn *Thế ngữ* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tân Tỉ truyện*, khi được lập làm thái tử, Tào Phi bắt thần ôm lấy cô Nghi lang Tân Tỉ: Tân quân ôi Tân quân, biết tôi sung sướng thế nào không? Thời đó cho như vậy là tiểu nhân đặc chí, chí ít cũng là kẻ thất thường. Ngược lại có hai người đàn bà lại rất lạnh lùng, lý trí và lặng lẽ. Một người là Biện phu nhân, mẹ của Tào Phi, trong tập *Trăm sông về biển* đã nói tới; còn một người nữa là Hiến Anh con gái Tân Tỉ. Tân Tỉ về nhà kể với Hiến Anh những biểu hiện của Tào Phi, Hiến Anh thở dài nói: Sao thái tử lại như vậy? Thái tử là thế nào? Thái tử là người sẽ nhận ngôi vua trị vì đất nước. Thay vua thì phải cảm thấy đau khổ (ý là nhiệm vụ quá nặng nề). Lẽ ra phải đau khổ, sợ hãi, đàn ông này lại vui mừng hơn hờ, như vậy liệu có được lâu không? E Ngụy quốc không thể phồn vinh cường thịnh mãi mãi!

Bây giờ mới thấy rõ, Hiến Anh đã buồn bã mà nói ra điều đó. Tháng mười Kiến An năm thứ XXII (Công nguyên năm 217), Tào Phi được lập làm thái tử, tháng giêng Kiến An năm thứ XXV (Công nguyên năm 220) kế thừa ngôi vua, cùng tháng mười năm đó bức Hán Hiến đế nhường ngôi, sau sáu năm yên vị ở ngôi hoàng đế, Hoàng Sơ năm thứ VII (Công nguyên năm 226) tạ thế, thọ bốn mươi tuổi. Bốn mươi năm năm sau khi Tào Phi qua đời, tức là Tấn Vũ đế Thái Thủy năm đầu (Công nguyên năm 265) Ngụy vong.

Dương nhiên, việc Tào Phi vui mừng hơn hờ lúc đó không phải là nguyên nhân khiến Ngụy đoản mệnh, mà chính là vấn đề chế độ. Cần phải chỉ ra rằng, một trong những nguyên nhân khiến Tào Phi “cướp Hán” thành công là do đã thi hành cửu phẩm trung chính chế, cụ thể là để sĩ tộc lũng đoạn quan trường. Tào Phi coi đó là phiếu bảo đảm để được sĩ tộc ủng hộ. Nhưng tiếc là thành cũng do Tiêu Hà mà bại cũng do Tiêu Hà. Cuối cùng thì Tào Ngụy cũng mất trong tay sĩ tộc. Ngược lại, chính quyền Thục



Hán lại thi hành chế độ Hán sơ, bỏ cửu phẩm trung chính chế kết quả không được sĩ tộc ủng hộ, nên cũng diệt vong. Cho nên, chế độ đó là nguyên nhân Ngụy vong, cũng là nguyên nhân Thục vong.

Có điều lúc này nên quay lại nhìn đến Tôn - Lưu. Sau trận chiến Xích Bích, Lưu Bị và Tôn Quyền như thế nào? Họ làm gì để phát triển lực lượng của mình? Trong quá trình đó, họ có còn là một liên minh vững chắc như ban đầu để chống lại Tào Tháo không?

Tập thứ ba mươi mốt: NHÂN YẾU MÀ VÀO

Sau trận chiến Xích Bích, Tào Tháo, Lưu Bị và Tôn Quyền chia ba Kinh châu, và mục tiêu tranh giành lại là Ích châu, Lưu Bị giành thắng lợi cuối cùng. Vì sao Lưu Bị có thể giành thắng lợi trong cuộc tranh chấp này? Vì sao Tào Tháo và Tôn Quyền lại chẳng được gì? Lưu Chương nguyên ở Ích châu vì sao lại để mất địa bàn?

Sau trận chiến Xích Bích, lại là chiến tranh, mặc cả, thỏa thuận, cuối cùng Lưu Bị chiếm được một nửa quận Nam và bốn quận: Vũ Lăng (trị sở ở Thường Đức ngày nay); Trường Sa (trị sở tại Trường Sa ngày nay); Quế Dương (trị sở ở Sâm Châu ngày nay); Linh Lăng (trị sở tại Linh Lăng ngày nay), lên làm Kinh châu mục; Chu Du công phá Giang Lăng, Tôn Quyền không chế tây từ Di Lăng (nay là Nghi Xương, Hà Bắc) đông đến phòng tuyến Trường Giang của Tam Dương (nay là Cửu Giang, Giang Tây), chiếm cả quận Giang Hạ; Tào Tháo lui về phương Bắc, vẫn chiếm quận Nam Dương và một nửa quận Nam, trung tâm là Tương Dương. Tào, Lưu, Tôn chia ba Kinh châu. Lúc đó, chẳng ai nuốt được ai, họ có ý đánh vào Ích châu.

Ích châu bao gồm Hán Trung, Quảng Hán, Ba quận, Thục quận, là một trong hai châu lớn nhất Đông Hán, ruộng đất phì nhiêu bát ngát, còn gọi là đất nước thiên phủ. Thêm vào đó, người chủ là Lưu Chương không mấy bản lĩnh, sẽ giữ không nổi, chẳng khác gì con dê mà bầy lang sói muốn ăn tươi nuốt sống. Sau hồi tranh đoạt, Lưu Bị lấy được Ích châu, Tôn, Tào hệt hẫng. Từ đây hình thành ba nước theo thế chân vạc. Chúng ta đều biết, Lưu Bị ở thế yếu nhất trong ba nhà, chiếm hữu bốn quận Kinh châu cũng là nơi nghèo khổ nhất. Nhưng người mạnh thì về không, người yếu lại được, vì sao như vậy?

Có bốn nguyên nhân.

Thứ nhất, Tôn Quyền có khó khăn. Sau khi lấy Thục, Tôn Quyền có hai con đường. 1- Lên bắc qua An Khang vào Hán Trung. 2- Theo đường nam dọc theo Trường Giang, Tây tiến. Nhưng hai đường này đều bị tắc. Theo đường nam phải đi qua địa bàn của Lưu Bị; lên miền Bắc, Tào Tháo không chấp nhận. Tôn Quyền có biện pháp là liên hợp với Lưu Bị, cùng nhau lấy Thục. Theo *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện*, lúc đó Lưu



Bị, em rể của Tôn Quyền đã thương lượng với thủ hạ, có người bằng lòng, vì nếu không, Tôn Quyền sẽ không thể vượt qua địa bàn chúng ta, chiếm lĩnh Ích châu, Ích châu đã là của chúng ta rồi (Ngô không thể vượt Kinh để có Thục). Nhưng có người tên là Ân Quan lại không đồng ý, Ân Quan nói: Kinh châu liên hợp đánh Thục, chúng ta nhất định là quân tiên phong. Lấy được Ích châu thì tốt, nếu không lấy được, quân Đông Ngô ở mặt sau, chúng ta lâm vào thế ba mặt đều có địch.

Ân Quan nói đúng ý nghĩ của Tôn Quyền. Liên hợp lấy Thục cái gì? Thục ra chỉ muốn điều Lưu Bị ra khỏi Kinh châu, đương nhiên, Lưu Bị sẽ không bị lừa. Ngay cả khi liên hợp lấy Thục thành công, Lưu Bị cũng không muốn. Theo chú dẫn *Hiển đế Thiên Thu* của Bùi Tùng Chi nói: ý của Lưu Bị là “muốn tự mình lấy Thục” sao có thể hợp tác cùng Tôn Quyền? Có điều lúc đó không thể đắc tội với Tôn Quyền. Và rồi Ân Quan lại hiến kế, chúng ta ủng hộ Tôn Quyền đánh Thục, nhưng không ra quân. Cho hay chúng ta vừa lấy bốn quận, tình thế chưa ổn định, không thể khinh suất manh động và chắc họ cũng không dám vượt qua phòng tuyến của chúng ta để lấy Thục. Lưu Bị theo kế đó, quả nhiên Tôn Quyền đã vứt bỏ ý định của mình (Tiên chủ nghe theo, Quyền đã bỏ kế).

Đó là cách nói trong *Tiên chủ truyện*. Tình hình thực tế có thể còn phức tạp hơn. Theo lời chú dẫn *Hiển đế Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi về chuyện đó, bây giờ Lưu Bị có thư trả lời Tôn Quyền, nêu ra hai lí do không thể đánh Thục. 1- Thục dân giàu nước mạnh, dễ giữ khó lấy, e là Ngô Khởi, Tôn Vũ cũng khó đối phó. 2- Quân Tào Tháo lớn mạnh còn đó, Kinh Ngô cần phải liên hợp với Thục (Lưu Chương) với Hán (Trương Lỗ), không thể để Tào Tháo có cơ hội. Lưu Bị nói, Tào Tháo tuy là gian tặc dã tâm to lớn (không coi vua ra gì), nhưng bề ngoài vẫn là tôn phụng thiên tử, về danh nghĩa vẫn là thần tử Đại Hán (có tiếng là thờ vua), có ưu thế về mặt chính trị. Có người nói: Tào Tháo thất lợi ở Xích Bích, sức cùng lực kiệt, hùng tâm tráng khí mất sạch, kỳ thực không phải. Nay, Tào Tháo “thiên hạ chia ba đã có hai phần”, lại đang chuẩn bị “cho ngựa uống nước ở biển cả, xem duyệt binh ở Ngô Cối”, sao có thể ngồi nhà chờ chết (đâu chịu ngồi yên đến lúc già)? Nếu chúng ta cùng Lưu Chương, Trương Lỗ tàn sát lẫn nhau, Tào Tháo nhất định sẽ nhân yếu mà vào, đây không phải là kế lâu dài.

Đương nhiên là Tôn Quyền không ăn phải bả, vẫn cử Phấn Vũ tướng quân Tôn Du đến đóng quân ở Hạ Khẩu. Tất nhiên, Lưu Bị sẽ không để Tôn Du đi qua, và thi hành đường lối cương nhu. Theo *Tam quốc chí - Lỗ Túc truyện*, Lưu Bị lại gửi thư cho Tôn Quyền, nói: Lưu Bị tôi và Lưu Chương đều vì tôn thất Đại Hán, đồng tâm hợp hiệp lực phò trợ vương triều Đại Hán. Nay Lưu Chương đắc tội với tướng quân, Lưu Bị hết sức lo sợ, mong tướng quân rộng lòng khoan dung. Còn như việc đánh lấy Ích châu, Lưu Bị này thực không thể nghe theo. Nếu tướng quân không tha cho Lưu Chương thì Lưu Bị đành phải xoắn tóc vào núi ẩn cư.



Đương nhiên đó chỉ là cái kim giấu trong bọc, đi đôi với nó phải có những hành động quân sự tương ứng! Lưu Bị phái Quan Vũ ra đóng quân ở Giang Lăng, Trương Phi ra Ti Quy, Gia Cát Lượng ra Nam quận, còn mình thì đến Chiêm Lăng. Tôn Quyền đã hiểu, liền để Tôn Du lui quân. Nhưng khi Tôn Du vừa đi khỏi, Lưu Bị có ý đánh luôn Ích châu. Kiến An năm thứ XVI (Công nguyên năm 211), Lưu Bị dẫn quân vào Thục. Theo *Tam quốc chí - Lỗ Túc truyện*, Tôn Quyền biết tin đã chửi ầm lên, nói Lưu Bị là giáo hoạt dám dùng gian kế (đồ mọi rợ dám dối trá).

Trên lập trường của riêng mình, Tôn Quyền đã nói vậy. Nhưng với lập trường của Lưu Bị có thể là “binh không thể không dối trá”. Không hề có chuyện trượng nghĩa hay không, thành thực hay không. Không thể nói Ích châu là nơi Tôn Quyền cần lấy, Lưu Bị không thể lấy? Chỉ có điều Tôn Quyền muốn lấy Ích châu là rất khó khăn, còn Lưu Bị thì thuận lợi hơn nhiều. Lưu Bị tuy có thuận lợi, nhưng Ích châu là của người khác, sao có thể muốn lấy là lấy được ngay?

Cần phải nói tới nguyên nhân thứ hai mà Lưu Bị có trong tay - Lưu Chương ương hèn.

Quả thực Lưu Chương tương đối ương hèn, hoặc nói là tương đối ôn hòa, nhu nhược. Lưu Chương giống Lưu Biểu chỉ muốn giữ lấy ba tác đất của mình. Nhưng bất hạnh là cả hai đều giống nhau, đều không giữ được. Theo *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện*, Kiến An năm thứ XVI (Công nguyên năm 211), Lưu Chương nghe nói Tào Tháo muốn Tây chinh Trương Lỗ (thực tình là muốn Mã Siêu, Hàn Toại làm phản, đã nói ở tập *Giữa đường phải bỏ*), cảm thấy hoang mang lo sợ. Lúc đó bộ hạ là Trương Tùng chạy đến nói, Tào công là vô địch thiên hạ! Một khi lại có thêm quân nhu và quân lính của Trương Lỗ, tới đánh Ích châu, thử hỏi ai là người chống cự nổi? Lưu Chương nói: không thấy ta cũng đang rất buồn sao? Trương Tùng nói: có thể dựa vào Lưu Dự Châu. Lưu Dự Châu là người nhà của tướng quân, là đối thủ sống chết với Tào Tháo, lại giỏi dùng binh, chỉ bằng mời ông ta đi đánh Trương Lỗ. Đánh xong Trương Lỗ, Ích châu sẽ hùng mạnh, sợ gì Tào Tháo đến đánh. Lưu Chương thấy có lí, nên nghe theo Trương Tùng, cử Pháp Chính đem bốn ngàn quân, nghênh đón Lưu Bị.

Ý của Trương Tùng chỉ có lợi cho bên ngoài, chí ít cũng là ý kiến chẳng hay ho gì! Lưu Bị vốn là “thiên hạ kiêu hùng”, ai mà chẳng biết, mời Lưu Bị vào Thục, chẳng phải là “dẫn sói vào nhà”? Bước đầu cũng là “mời thần dễ, tiễn thần khó”. Vì vậy nhiều người đã lo ngại, nhiều người đã phản đối. Theo chú dẫn *Linh Lăng tiên hiền truyện* và *Lưu Chương truyện* trong *Tam quốc chí - Hoàng Quyền truyện*, *Lưu Ba truyện*, Hoàng Quyền và mấy người đã ra sức can ngăn Lưu Chương thi hành kế đó. Hoàng Quyền nói: Tả tướng quân (chỉ Lưu Bị) từng nổi tiếng, tướng quân mời ông ấy đến, thử hỏi phải đối đãi thế nào? Coi là bộ hạ chẳng, ông ta không vừa ý (như gặp bộ hạ, chắc sẽ bắt mất); ngồi ngang hàng chẳng, trong một đất nước không thể có hai vua (muốn đãi như tân



khách, một nước không thể có hai vua). Hai anh hùng sánh vai, đối phương vững như Thái Sơn, còn ta như quả trứng chên vên (nếu không yên như Thái Sơn thì chỉ như quả trứng xếp chồng), đừng bao giờ dùng kể đó. Lưu Ba cũng nói: Lưu Bị là người có hùng tâm tráng khí “vào tất có hại” không nên mời. Còn một người nữa là Vương Lự, Vương Lự rất kiên quyết “dù có phải ngã dưới cửa châu cũng can gián”. Và theo *Hoa Dương đồng chí*, cuối cùng thì Vương Lự đã “tự vẫn dưới cửa châu, để làm rõ”.

Ý kiến của Hoàng Quyền, Lưu Ba, Vương Lự rõ ràng là đúng, nhưng Lưu Chương đã bịt tai không nghe. Thực kỳ lạ! Dù Lưu Chương uơ hèn tới đâu cũng không thể hồ đồ tới mức không hiểu rằng những lời nói đó là đúng, vì sao vẫn cứ nhất nhất làm theo?

Thì ra Lưu Chương còn có tính toán khác. Theo *Tam quốc chí - Lưu Chương truyện*, Trương Tùng còn nói nữa với Lưu Chương, lúc này các tướng trong châu như Bàng Hy, Lý Dị “đều cậy công ngạo mạn” còn muốn thông với địch làm loạn (có ý khác). Nếu chúng ta không mời Lưu Dự Châu đến, thì một khi “địch đánh ngoài, dân đánh trong”, phiền phức to.

Câu nói đánh đúng tim đen của Lưu Chương. Đối với Ích châu chính quyền mà Lưu Chương và người cha Lưu Yên dựng lên vẫn là chính quyền ngoại lai. Khi Lưu Yên vào Xuyên, thân bằng cố hữu đi theo rất nhiều. Lưu Yên coi những người này là cốt cán, còn biên chế những người từ Trảng An, Nam Dương theo đến thành đội ngũ gọi là “Đông Châu binh”, hình thành “Tập đoàn Đông Châu” của “Khách tịch”. Đồng thời tầng lớp sĩ tộc địa phương cũng hình thành “tập đoàn Ích châu” của “Thổ Trước”. Mâu thuẫn giữa hai tập đoàn này rất lớn. Lúc Lưu Yên còn sống đã phải trấn áp họ. Sau khi kế vị, Lưu Chương cũng phải trấn áp, nhưng vẫn không yên. Vì vậy Lưu Chương mới nghe theo Trương Tùng, đúng như lời của ngài Lã Tư Miễn trong *Tần Hán sử*, vì lo có nội loạn (chư tướng trong Thục có thể gây họa bất cứ lúc nào), nên mới mong được Lưu Bị trong tôn thất ra tay giúp đỡ. Nhưng vô duyên vô cớ mời Lưu Bị đến thì e “mọi người sẽ sinh nghi”, vì vậy mới mượn cớ đi đánh Trương Lỗ. Đối với Lưu Chương mà nói, thế là nhất cử lưỡng tiện, chỉ có lợi không có hại. Lưu Chương nghĩ nên để Lưu Bị đi đánh Trương Lỗ. Đánh xong, Lưu sẽ phải đợi ở Hán Trung. Trường hợp Trương Lỗ bội phản thì Hán Trung cũng chẳng còn. Để Trương Lỗ chiếm Hán Trung chỉ bằng giao Hán Trung cho Lưu Bị. Lưu Bị là đối thủ sống mái của Tào Tháo. Để ông ta trông coi Bắc môn thì chỉ việc kê cao gối mà ngủ. Hơn nữa Hán Trung và Thục quận tuy cùng một châu nhưng lại có chính quyền riêng. Lưu Bị ở Hán Trung, mình ở Thục thì làm gì còn chuyện “một nước không thể hai vua” như Hoàng Quyền nói. Ngược lại còn có thể dựa giẫm, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau hình thành một lực lượng có thể uy hiếp (tướng Thục) bên trong, (Tào Tháo) bên ngoài. Vì vậy, ngài Lã mới nói: “với Chương thì đó là kế hay”.



Tiểu là tình hình lại khác hẳn. Lưu Bị vào Xuyên, không những không giúp Lưu Chương trông coi nhà cửa mà ngược lại đã ăn tươi nuốt sống Lưu Chương. Xét về cơ bản, Lưu Chương không nên có ý nghĩ lợi dụng người khác. Anh lợi dụng người ta, người ta không biết lợi dụng anh? Anh tính toán với người khác, người khác không biết tính toán với anh? Lợi dụng người khác tất bị người khác lợi dụng, tính toán với người khác tất bị người khác tính toán lại, kết quả của việc dẫn sói vào nhà nhất định là chơi với lửa sẽ bị lửa thiêu. Từng có những bài học về điều này. Xa không nói, gần là vết xe người trước, Hà Tiến, Viên Thiệu đưa Đổng Trác vào Lạc Dương. Cuối cùng vẫn là, làm người phải thành thực, không nên coi người khác là xác pháo. Nhưng lại nói tới việc cụ thể của Lưu Chương, Lưu Chương tính sai vì có hai điều “không nghĩ tới”.

Điều thứ nhất “không nghĩ tới”, đâu ngờ Lưu Bị không nghe theo sự chỉ huy của mình. Điều thứ hai “không nghĩ tới”. Trương Tùng và Pháp Chính vốn chẳng phải là đại trung thần gì, từ lâu họ đã có ý dâng Ích châu cho Lưu Bị. Trương Tùng căm ghét Tào Tháo nên đã câu kết với Lưu Bị; Pháp Chính câu kết với Lưu Bị vì bất mãn với Lưu Chương. Kiến An năm thứ XIII (Công nguyên năm 208), Trương Tùng được Lưu Chương cử đi gặp Tào Tháo để tỏ thiện chí, kết quả là xúi quẩy, bị xỉ nhục. Từ đó Trương Tùng luôn nói xấu Tào Tháo và chủ trương liên hợp với Lưu Bị. Pháp Chính thì luôn không hài lòng khi ở bên Lưu Chương. Trong *Tam quốc chí* đã nói rõ “vừa không được dùng vừa bị người trong châu phi báng, nói mà không làm, thực bất đắc chí”, cũng tức là Lưu Chương không trọng dụng, phe “Thổ trước” và “khách tịch” đều kể xấu, Pháp Chính rất bất mãn. Trương Tùng bị Tào Tháo làm nhục, Pháp Chính bất mãn về Lưu Chương, hai người thân thiết với nhau và đều cho rằng Lưu Chương chẳng nên com cháo gì (Lưu Chương sẽ chẳng làm được gì), họ trở thành “nội tuyến” của Lưu Bị ở Ích châu, dâng cả bản đồ cho Lưu Bị. Ai đem dâng tấm bản đồ đó? *Tam quốc diễn nghĩa*, theo chú dẫn *Ngô thư* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện* nói là Trương Tùng, nhưng các nhà học thuật lại cho hay, mấy điều ghi trong *Ngô thư* không đáng tin cậy. *Tư trị thông giám khảo di* của Tư Mã Quang nói: Trương Tùng không hề gặp Lưu Bị, trong *Lưu Bị truyện* của ngài Trương Tác Diệu cũng nói: mấy truyện kể trong *Tam quốc diễn nghĩa* “đều không tồn tại”. Vậy có khả năng Pháp Chính đã dâng tấm bản đồ đó. Sau khi từ chỗ Tào Tháo về, Trương Tùng luôn chủ trương phải kết hợp với Lưu Bị và đề cử Pháp Chính làm “người liên lạc”. Theo *Tam quốc chí - Pháp Chính truyện*, Pháp Chính từ chỗ Lưu Bị trở về, luôn ca tụng Lưu Bị hùng tài đại lược (nói Tiên chủ là hùng lược) với Trương Tùng. Hai người ngầm bàn nhau tôn Lưu Bị làm vua (cùng mật bàn, nguyện cung phụng). Có thể là lần này, Pháp Chính đã “dâng bản đồ”.

Xem ra, lần này Lưu Chương cử Pháp Chính đem bốn ngàn quân nghênh đón Lưu Bị vào Thục, không chỉ là “dẫn sói vào nhà” mà còn là “mang lễ vật ra tận cửa”. Theo *Tam quốc chí - Pháp Chính truyện* và *Tư trị thông giám*, Pháp Chính gặp Lưu Bị.



Pháp Chính nói: bằng vào sự anh minh của tướng quân, có thêm bọn Trương Tùng làm nội ứng, đối phó với Lưu Chương nhu nhược, hoàn thành đại nghiệp chẳng dễ như trở bàn tay sao?

Lưu Bị nghe lời Pháp Chính nhưng còn do dự (Bị nghi chưa quyết). Lại có thêm Bàng Thống đến hùn vào. Bàng Thống tự Sĩ Nguyên, người Tương Dương. *Tam quốc chí* nói: Bàng Thống từng là bộ hạ của Lưu Biểu. *Giang Biểu truyện* nói: Bàng Thống còn là bộ hạ của Chu Du, chức vụ đều là Công tào. Công tào là quan văn lo chuyện hàng ngày. Sau khi Lưu Bị nhận chức Kinh châu mục, Bàng Thống đến với Lưu Bị là “tòng sự” kiêm chức huyện lệnh Lỗi Dương, vẫn là một biện sự viên, về sau bị bãi quan. Theo *Tam quốc chí - Bàng Thống truyện*, bấy giờ Lỗ Túc có thư gửi Lưu Bị nói: Bàng Thống không chỉ để làm huyện quan, mà nên trọng dụng mới có cơ thể hiện hết tài năng. Gia Cát Lượng cũng nói như vậy. Lưu Bị mới nói chuyện với Bàng Thống, thấy rõ “đại khí”, liền để Bàng Thống và Gia Cát Lượng đảm nhiệm chức vụ quan trọng (cùng Lượng là quân sư Trung lang tướng), thân cận đãi ngộ chỉ dưới có Gia Cát Lượng (thân đãi thấp nhiều so với Gia Cát Lượng).

Việc này có mấy điểm đáng ngờ. Thứ nhất, theo *Tương Dương ký* của Tập Tạc Xỉ người Tấn, ngài Bàng Đức từng nói: Gia Cát Lượng là Ngọa Long, Bàng Thống là Phượng Sồ. *Tam quốc diễn nghĩa* mượn lời ngài Thủy Kính nói: “hai người được một là có thể yên thiên hạ”, nhưng sao lúc họ ở chỗ Lưu Bị, đãi ngộ ban đầu lại khác biệt đến như vậy? Thứ hai, Lưu Bị là người cầu hiền như khát nước, khi nghe nói “Ngọa Long”, “Phượng Sồ” sao có thể xem thường Bàng Thống? Thứ ba, người đầu tiên tiến cử Bàng Thống với Lưu Bị sao lại là Lỗ Túc? Vì sao sau khi Lỗ Túc đã tiến cử Gia Cát Lượng mới “có lời với tiên chủ”? Trong *Lưu Bị truyện* của Trương Tác Diệu đã hỏi vấn đề này. Có điều chúng ta cũng không rõ lắm, có nhiều khả năng là cách nói trong *Tương Dương ký* không chuẩn xác. “Ngọa Long” thì có, nhưng “Phượng Sồ” thì không.

Trong thực tế cũng không thể xét Bàng Thống ngang Gia Cát Lượng. Bàng Thống chỉ có công giúp Lưu Bị lấy được Ích châu. Theo chú dẫn *Cửu Châu Xuân Thu* và *Tư trị thông giám* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Bàng Thống truyện*, Pháp Chính hiến kế, Lưu Bị do dự, Bàng Thống liền ra sức cổ vũ. Bàng Thống nói: Kinh châu này (chỉ bốn quận Kinh châu Lưu Bị đang có) vừa không giàu có vừa không lớn mạnh, cần tiền không có tiền, cần người không có người, mặt đông có Tôn Ngộ, mặt bắc có Tào Tháo, rất khó hình thành nên thế chân vạc. Ích châu “nước giàu dân mạnh, hàng trăm vạn dân”, dân khỏe ngựa mạnh đủ để chi dùng, muốn thành đại nghiệp tất phải có nó.

Lưu Bị vẫn lưỡng lự, nói: không được đâu! Nay thế của Tào Tháo như nước và lửa với chúng ta. Tào Tháo gay gắt, chúng ta phải khoan hòa; Tào Tháo tàn bạo, chúng ta phải nhân từ; Tào Tháo gian trá, chúng ta phải trung hậu. Từng việc chúng ta phải khác với Tào Tháo mới thành công (phải ngược với Tháo, việc mới thành). Nếu chỉ vì



một nguyên nhân nhỏ mà thất tín với thiên hạ thì không nên làm! Ngài Trương Tác Diệu cho là “nói không thật lòng”. Còn tôi thì cho là nửa giả nửa thật. Theo Gia Cát Lượng, lấy Ích châu làm căn cứ, thực hiện mơ ước thành bá nghiệp, hưng Hán thất, có thể coi là “chuyện nhỏ” được sao? Rõ ràng là “việc lớn”! Nhưng Lưu Bị vẫn thấy vướng, đó là thực, bởi Lưu Bị luôn tương phản với Tào Tháo - “Tháo lấy cấp, ta lấy khoan; Tháo lấy bạo, ta lấy nhân; Tháo lấy gian, ta lấy trung”. Chữ “lấy” làm động từ, có nghĩa ngang như chữ “mun”. Tức là Lưu Bị lấy “ngược với Tháo” làm tiêu chuẩn, làm sách lược. Lúc này Lưu Chương mời, muốn ta giúp đỡ, nếu ta diệt họ thì ăn nói sao đây. Có điều theo quy hoạch của Gia Cát Lượng, trước sau gì cũng phải lấy Ích châu. Việc Lưu Chương mời, không thể nói đây không phải là cơ hội. Huống hồ, đúng như lời Gia Cát Lượng nói trong *Tam quốc chí - Pháp Chính truyện*, lúc đó Lưu Bị bị kẹp giữa Tào Tháo và Tôn Quyền, bên cạnh còn có Tôn phu nhân nhìn ngó, có nhiều khó khăn, không thể không phát triển về hướng tây. Vì vậy, Lưu Bị vừa muốn làm, lại vừa phải suy nghĩ. Vì lẽ đó, khi ghi lại mấy lời này Tư Mã Quang đã sửa đi một chút, từ câu phủ định chừa thành câu phản vấn, không còn là “Ta không lấy” mà là “làm sao đây”, có thể nói là tinh tế và chuẩn xác.

Bàng Thống hiểu rõ những suy nghĩ đó, nên đã giúp Lưu Bị giải tỏa được nhiều điều. Bàng Thống nói: phạm là việc phải có đường lối, có quyền lực, không nên cứ cố chấp (lúc quyền biến không thể chỉ nói một câu là xong). Thôn tính nhược tiểu, công kích ngu muội, là điều muôn thuở. Chỉ cần phong cho họ một nước lớn, thế là xứng đáng rồi! Nay chúng ta không lấy, sớm muộn gì người khác cũng lấy.

Nói vậy là cả vú lấp miệng em, giàu đồ bìm leo. Cướp đất người khác còn gọi là “báo nghĩa”, “không thất tín”, đúng là cách nói của lũ cướp. Kỳ thực thì Bàng Thống hoàn toàn có thể nói năng hay ho hơn. Bàng Thống có thể nói, nghĩa, không thể không cần, không thể không nói tới. Nhưng cũng có nhiều loại nghĩa. Có chính nghĩa, có đạo nghĩa, có tín nghĩa, có tình nghĩa, không thể làm được tất cả các điều đó. Nếu không thể cùng lúc có được vừa tay gấu vừa tay cá, thì nên bỏ nghĩa nhỏ mà lấy nghĩa lớn. Chống lại giặc Tào, hưng phù Hán thất, bình định thiên hạ, đó là nghĩa lớn. So sánh một chút, ân nghĩa với Lưu Chương là nghĩa nhỏ. Đạo lý lớn quản đạo lý nhỏ. Vì sự tồn vong của thiên hạ, đành phải đụng tới Lưu Quý Ngọc. Và cái chúng ta muốn là đất chứ không phải là đầu của Lưu Chương. Hơn nữa, đối với tướng quân Quý Ngọc, bị Tào Tháo thôn tính không bằng nhường cho chúng ta, chí ít chúng ta cũng cư xử thỏa đáng hơn!

Có điều Bàng Thông đã không nói như vậy và Lưu Bị cũng không hỏi thêm. Xem ra cái mà Lưu Bị cần lúc đó chính là câu nói này. Chỉ cần nói qua thôi hoặc bản thân thấy được là xong. Và đúng là “hôm nay không lấy, người khác sẽ được lợi”. Và Lưu Chương cũng chẳng thể giữ được Ích châu. Nếu vậy để Tào Tháo, Tôn Quyền chiếm, không bằng để Lưu Bị ta chiếm! Đối với phía Tôn Quyền cũng dễ giải thích. Vì lần ra



quân này không phải để chiếm địa bàn, mà là được mời đến giúp Lưu Chương, chỉ ít về danh nghĩa là như vậy.

Rồi vào tháng mười hai năm Kiến An năm thứ XVI (Công nguyên năm 211), Lưu Bị để Gia Cát Lượng, Quan Vũ, Trương Phi giữ Kinh châu, Triệu Vân lo hậu cần, còn mình và Bàng Thống dẫn quân ngược dòng lên phía tây, tiến về phía Ích châu. Do trước đó đã có lời mời của Lưu Chương, nên Lưu Bị Tây tiến trên đường có treo đèn xanh. Theo *Tam quốc chí*, Lưu Bị “nhập cảnh như về nhà”, tiến vào nước khác như về nhà mình. Lưu Chương thân tự Thành Đô đến huyện Phù (nay là thị trấn Cẩm Dương, Tứ Xuyên) nghênh tiếp, chủ khách vui mừng gặp mặt. Lưu Chương còn giúp Lưu Bị rất nhiều vật tư. Theo *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện*, Lưu Bị lúc đó “hơn ba vạn quân, xe giáp binh khí vật tư rất nhiều” đủ để đối phó với Trương Lỗ. Vậy Lưu Bị đã đi chưa?

Chưa.

Lưu Bị nhận xong vật tư của Lưu Chương thì đưa quân lên bắc, đến huyện Phù của Lưu Chương và vùng Gia Manh (nay là vùng biên Quảng Nguyên, Tứ Xuyên), giáp ranh giữa Bình Dương quan và Trương Lỗ thì dừng lại. Lưu Bị dừng ở Gia Manh để làm gì, liệu có tiến đánh Trương Lỗ hay không?

Phải nói tới nguyên nhân thứ ba khiến Lưu Bị thành công. Lưu Bị thật lợi hại.

Như trên đã nói, Lưu Bị từ lâu đã muốn lấy Ích châu. Lưu Bị và Gia Cát Lượng đã bàn chuyện này ở Long Trung. Nay có thêm cơ hội là lời mời của Lưu Chương. Lời khuyên của Pháp Chính, Bàng Thống như thêm gió để phát cờ. Nhìn lại thấy Lưu Bị không hổ là một nhà chính trị. Trương Tùng, Bàng Thống chỉ được coi là chính khách. Theo *Tiên chủ truyện* và *Bàng Thống truyện* trong *Tam quốc chí*, lúc hai họ Lưu gặp mặt ở huyện Phù, Trương Tùng và Bàng Thống kiến nghị Lưu Bị nên giết luôn Lưu Chương (Pháp Chính nói lại, ý Trương Tùng là vậy). Lưu Bị nói với Pháp Chính “đây là việc lớn, không thể làm bừa”, còn nói với Bàng Thống “vừa vào nước người, ân tín chưa lớn, không làm như vậy”, về mặt chính trị, Lưu Bị cao minh hơn cánh Trương Tùng và đã lưu lại Gia Manh “trời rải ân đức, thu phục lòng dân”, chờ đợi thời cơ.

Cơ hội nói đến là đến. Theo *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện*, tháng mười Kiến An năm thứ XVII (Công nguyên năm 212), Tào Tháo Nam chinh Tôn Quyền. Tháng mười hai, Tôn Quyền cầu cứu Lưu Bị. Lưu Bị liền viết thư cho Lưu Chương nói: Tôn Quyền với mình như môi với răng, Quan Vũ ở Kinh châu thế đơn lực mỏng, Trương Lỗ bắt quá chỉ là tên giặc cổ thủ không đáng ngại, nên nhờ Lưu Chương cấp cho một vạn binh mã, quân trang quân dụng để trở về cứu viện Kinh châu. Lưu Chương vốn đã nghi ngờ việc làm của Lưu Bị ở Gia Manh, nay lại nói “muốn đi về đông” nên lại càng nghi. Vì vậy Lưu Chương chỉ cho bốn ngàn quân, những thứ khác đều giảm một nửa. Được tin, Trương Tùng thất kinh, liền viết thư cho Pháp Chính nói: việc của chúng ta đã sắp thành



công, sao lại có thể bỏ đi (đại sự sắp thành, vì sao lại bỏ đi)? Kết quả bị anh trai là Trương Túc thái thú Quảng Hán tố giác. Lưu Chương cho giam Trương Tùng vào ngục và chém đầu.

Với sự hồ nghi của Lưu Chương và sự nóng vội của Trương Tùng, Lưu Bị đã có cơ để đánh Thục. Bấy giờ, Bàng Thống đưa ra thượng, trung và hạ ba sách cho Lưu Bị. Thượng sách là chọn lựa tinh binh, ngày đêm hành quân, đột kích vào thành Đô; hạ sách là lui về Bạch Đế củng cố Kinh châu, tính kế lâu dài. Lưu Bị thực hiện trung sách, giết tướng giữ cửa Bạch Thủy (nay là biên trại Quảng Nguyên, Tứ Xuyên) của Lưu Chương, sau đó quay lại đánh mạnh vào huyện Phù. Tháng năm, Kiến An năm thứ XVIII (Công nguyên năm 213), từ huyện Phù, Lưu Bị để Quan Vũ giữ Kinh châu, Gia Cát Lượng, Trương Phi, Triệu Vân đưa quân vào Thục, chia nhau chiếm đất. Mùa hạ, Lưu Bị công phá Lạc Thành (nay thuộc phía bắc Quảng Hán, Tứ Xuyên) rồi hội quân cùng Gia Cát Lượng, Trương Phi, Triệu Vân, tiến vào Thành Đô. Lúc này Mã Siêu đã sang hàng Lưu Bị, Lưu Chương trở thành cá trong chậu. Theo *Tam quốc chí - Lưu Chương truyện*, bấy giờ Lưu Chương nói: cha con chúng ta hơn hai mươi năm nay ở Ích châu, chưa có ân đức gì với dân, nay trăm họ lại phải khổ sở trong ba năm chiến tranh, lòng ta thực không nổi! Liên cho họ mở cổng thành đầu hàng. Các sử gia đánh giá khác nhau việc Lưu Bị đoạt Ích châu, đuổi Lưu Chương và Lưu Chương nhục nhã đầu hàng. Phần tôi, tôi có cùng quan điểm với ngài Trương Tác Diệu trong *Lưu Bị truyện*. Lưu Bị lòng dạ luôn ân hận vì đã phải dùng nhiều thủ đoạn bỉ ổi để đoạt Ích châu, đuổi Lưu Chương, nhưng xét về đại cục cũng không đáng trách. Lưu Chương chịu nhục đầu hàng để nhân dân tránh được tai nạn của chiến tranh, người đời sau lại trách là yếu đuối, vô năng. Không thể trách người đó là nhu nhược. Đối với nhân vật lịch sử cần phải có “sự đồng tình của lịch sử”.

Ở đây có thể bổ sung thêm hai sử liệu. 1- Theo *Tam quốc chí - Bàng Thống truyện*, sau khi chiếm xong Phù huyện, Lưu Bị mở tiệc chúc mừng, uống rượu làm vui, còn nói với Bàng Thống: “hội hôm nay có thể coi là vui lắm!”. Bàng Thống nói: chiếm địa bàn người khác làm vui, e không phải là “quân nhân nghĩa”? Lúc này Lưu Bị đã say, liền nổi giận nói: Vũ vương đánh Trụ, trước ca sau múa, lẽ nào cũng không phải là người nhân? Ra chỗ khác! Lúc sau Lưu Bị cảm thấy không thỏa, liền triệu Bàng Thống trở lại. Bàng Thống cũng không xin lỗi, ngồi xuống luôn, lại ăn uống như thường. Lưu Bị hỏi, vừa nãy ai sai? Bàng Thống nói: quân thần đều sai. Lưu Bị cười ầm lên và tiếp tục uống rượu làm vui. 2- Lúc Lưu Bị tiến công Thành Đô, có người tên là Trịnh Độ kiến nghị Lưu Chương phải củng cố thành trì, di dân, làm vườn không nhà trống nhưng Lưu Chương không đồng ý. Lưu Chương nói: “ta cự địch an dân, chưa nghe chuyện phải động dân để tránh địch”. Kết quả, toàn bộ kho tàng, mùa màng dọc đường đi, đều thuộc về Lưu Bị. Nên nhìn nhận thế nào hai sự kiện đó, tin rằng độc giả sẽ xét rõ. Tóm lại,



Lưu Chương dẫn sói vào nhà, Lưu Bị nhân yếu mà vào là nguyên nhân chủ yếu khiến Ích châu phải đổi chủ.

Còn một nguyên nhân nữa giúp Lưu Bị thắng lợi, Tào Tháo đã sai lầm. Tào Tháo lấy Thục phải qua đường bắc. Muốn thế trước tiên phải tiêu diệt Mã Siêu, Hàn Toại, Trương Lỗ, lấy Hán Trung. Đây là khó khăn của Tào Tháo. Nhưng tính toán chưa đủ về Lưu Bị thì không thể không nói là sai lầm. Lưu Bị cần ba năm để lấy Thục. Tào Tháo không có bất kỳ một động tác nào (ví dụ hạn chế việc quấy nhiễu), ngược lại còn giều võ dương oai với Tôn Quyền. Tào, Tôn như trai, cò tranh nhau, ngư ông Lưu Bị được lợi, đây coi như là nhân yếu mà vào!

Lưu Bị lấy xong Ích châu, Tôn Quyền biết ngay là việc lớn đã hỏng. Tôn Quyền chửi Lưu Bị là bội tín bội nghĩa, còn cho người đến đòi lại Kinh châu. Như vậy Lưu Bị đã mượn Kinh châu của Tôn Quyền? Lưu Bị mượn như thế nào, vì sao Tôn Quyền lại cho mượn, bây giờ có đòi được không? Nếu như đòi không được thì sẽ ra sao?

Tập thứ ba mươi hai: ÂM MƯU THÁNG TRĂNG MẬT

Trong thời gian trận chiến Xích Bích, Tôn Quyền và Lưu Bị đã kết thành liên minh chống kẻ thù chung. Đó là nguyên nhân quan trọng để hạn chế địch, giành thắng lợi. Nhưng đây là nguyên nhân không bền vững. Một khi kẻ địch uy hiếp mạnh thì tạm thời hòa hợp; lúc lợi ích hai bên phát sinh mâu thuẫn, liên minh luôn có cơ bị vỡ. Thực tế, ngay trong “kỳ trăng mật”, những ngày vui vẻ của hai nhà Tôn, Lưu, rất nhiều âm mưu chính trị đã lần lượt xuất hiện. Vậy, phía Tôn Quyền đã sử dụng mưu kế gì đối với Lưu Bị?

Như phần trên đã nói, trận chiến Xích Bích kết thúc bằng thất bại của Tào Tháo, Tôn Quyền và Lưu Bị thừa cơ khuyếch đại kết quả thắng lợi của mình. Và ngay trong năm đó Lưu Bị đã lấy xong bốn quận: Vũ Lăng, Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng, cử Gia Cát Lượng là quân sư Trung lang tướng, tổng đốc ba quận Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng lo “việc thuê má lấy tiền sung quân”. Chu Du qua đời vào năm này, tháng mười hai năm sau phá xong Giang Lăng. Lưu Bị dâng biểu triều đình, tiến cử Tôn Quyền “Hành xa kỵ tướng quân, nhận Từ châu mục”, Tôn Quyền đồng ý để Lưu Bị “chức Kinh châu mục”, còn gả em gái cho Lưu Bị, liên minh Tôn, Lưu bước vào “thời kỳ trăng mật”.

Nhưng đây lại là “kỳ trăng mật” đầy âm mưu. Trong thời gian này có ba sự kiện đáng chú ý, Tôn Quyền gả em gái, Chu Du xuất chiêu độc, Lỗ Túc cho mượn Kinh châu. Từ ba sự kiện này thấy rõ quan hệ giữa Tôn, Lưu là mong manh. Trước tiên, nói tới sự kiện thứ nhất - Tôn Quyền gả em gái.



Tôn Quyền gả em gái là âm mưu chẳng? Thực khó nói. *Tam quốc diễn nghĩa* nói đó là một âm mưu, còn nói đó là chủ ý của Chu Du. Khổng Minh đoán biết âm mưu đó, và tương kế tựu kế, thế rồi Lưu Huyền Đức động phòng ân ái, Chu Công Cẩn xin lỗi phu nhân và lui quân. Nhưng đó là diễn nghĩa, thật khó tin. Còn về đoạn hôn nhân này, *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện* chỉ vắn vắn có mấy chữ: “(Lưu) Kỳ ốm chết, mọi người đưa Tiên chủ làm Kinh châu mục, trị Công An. Quyền hơi sợ, gả em để giữ”. Công An là huyện Công An, Hồ Bắc, vốn tên là Du Giang khẩu, còn là Du Khẩu. Lưu Bị đã đổi tên thành Công An. Trị sở Kinh châu đặt tại Tương Dương, nhưng Tào Tháo đã chiếm Tương Dương, nên trị sở chức Kinh châu mục tự phong của Lưu Bị đành phải để ở Công An.

Lưu Bị có được bốn quận trong số bảy quận của Kinh châu và tuy là bốn quận nghèo nhất, nhưng dần dà Tôn Quyền đã không dám xem thường (Quyền hơi sợ), thế nên “gả em để giữ”, tức là muốn thông qua quan hệ hôn nhân để củng cố liên minh. Đây là ý tốt, ít nhất cũng không phải ác ý. Hơn nữa đó cũng là biện pháp đã có từ xưa, Tào Tháo và Tôn Quyền đã có loại quan hệ đó. Vậy, gọi là “hôn nhân chính trị” còn được; gọi là “âm mưu chính trị” e không thoả đáng. Nếu cần, chỉ có thể gọi là “kế mưu” hoặc “dương mưu”.

Có điều, phần hôn nhân đó có hạnh phúc không, đôi vợ chồng đó có hợp được không, có thể bàn xem. Ít ra thì tuổi tác cũng không hợp. Lúc Tôn Quyền gả em gái, bản thân mới hai mươi chín tuổi, em gái mới chừng mười chín tuổi, Lưu Bị đã bốn mươi chín tuổi. Vì vậy, lúc kịch diễn tới đoạn lấy vợ, Lưu Bị được “Kiều Quốc lão” bảo lấy thuốc ô tu nhuộm cho râu đen lại. Thực ra không có việc này, vì Lưu Bị làm gì có râu. *Tam quốc chí - Chu Quần truyện* nói rất rõ: “Tiên chủ không có râu”. Sách đó còn viết, lúc Lưu Bị và Lưu Chương gặp mặt ở huyện Phù, cùng ngồi còn có một người nữa là Trương Dục. Dục râu đầy mặt. Lưu Bị còn châm biếm người này bằng một câu nói vui, ý là “lông lợn che kín cả miệng” cũng nói với câu nói kiêu đó, ý của Trương Dục là “không có lông lộ ra cái mõm lợn”. Lưu Bị cứ canh cánh trong lòng việc đó, về sau đã kiếm cơ giết Trương Dục, Gia Cát Lượng ra mặt cứu, nhưng cứu không được. Cách nói của Lưu Bị là, dù là hoa lan, nhưng nếu vướng cửa, cũng phải nhổ đi! Đương nhiên đó là chuyện sau này hoặc chỉ là tình tiết thêm vào, chúng ta nên nói sang chuyện em gái Tôn Quyền!

Em gái Tôn Quyền nghe nói tên là Tôn Nhân. Tên không có chữ đệm giống bốn người anh của mình: Tôn Sách, Tôn Quyền, Tôn Dực, Tôn Khung. Tôn Nhân xuất thân trong gia đình Tôn thị, được gả cho châu mục Kinh châu, là tiểu thư số một Giang Đông, là đệ nhất phu nhân Kinh châu, nên không thể xem thường. Theo *Tam quốc chí - Pháp Chính truyện*, Tôn tiểu thư “tài dũng mãnh, như mấy người anh”. Người hầu hạ ở cạnh có hơn trăm, ai nấy cầm dao đứng thành hai hàng. Mỗi lần Lưu Bị vào phòng của tiểu thư thì thường là “lo lắng lắt lắt”. Lắt lắt, *Từ Hải* giải nghĩa là mặt lạnh lạnh, mặt



lo ngại, mặt kinh hãi, loại giải thích thứ ba cũng chính là đoạn viết trên. Tức là, một người đã trải qua trăm trận như Lưu Dự châu, mỗi lần vào gặp vị phu nhân này đều cảm nhận một luồng khí lạnh, trong lòng thấy kinh hãi. Loại kinh hãi này nói như chú dẫn *Tư trị thông giám* của Hồ Tam Tỉnh là “sợ bị người khác giết”.

Về điểm này, Gia Cát Lượng và Lưu Bị đều đã rõ. Vẫn theo *Tam quốc chí - Pháp Chính truyện*, về sau khi nhớ lại đoạn lịch sử này, Gia Cát Lượng nói: “sợ Tôn phu nhân sinh biến ngay bên cạnh”; còn Lưu Bị để Triệu Vân ở gần đề phòng bất trắc. Theo chú dẫn *Vân biệt truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Triệu Vân truyện*, bấy giờ vị phu nhân này ý mình là em gái Tôn Quyền nên vô cùng “kiêu ngạo”. Bà ta đem theo nhiều quan viên và quân lính Đông Ngô (nhiều tướng Ngô, quan binh), tự do “tung hoành bất pháp”. Lưu Bị chẳng còn biện pháp nào, đành phải để Triệu Vân - một người nghiêm chỉnh, thận trọng làm “Nội vụ bộ trưởng” (nắm vững nội vụ), giúp mình đối phó và trông coi Tôn phu nhân - con người bỏ thì thương, vương thì tội.

Sự thực cho hay, Lưu Bị, Gia Cát Lượng lo lắng không thừa. Tháng mười hai Kiến An năm thứ XVI (Công nguyên năm 211), Lưu Bị đưa quân vào Thục. Tôn Quyền được tin đã chửi rủa Lưu Bị bội tín bội nghĩa, còn cho đội thuyền đi đón em gái, Tôn phu nhân chuẩn bị mang theo cả Lưu Thiện. Nhưng vì Triệu Vân và Trương Phi “đem quân chặn sông”, nên việc không thành. Việc này thấy trong dã sử *Vân biệt truyện*, nhưng *Tư trị thông giám* lại tin, nên coi là thực. Theo chú dẫn *Hán Tấn Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tiên chủ mục hậu truyện* lại nói Gia Cát Lượng cử Triệu Vân đi ngăn sông. Điều này có trong hồi sáu mươi một “Triệu Vân chặn sông giằng lại A Đầu” trong “Tam quốc diễn nghĩa”. Rõ ràng, sau khi họ Tôn được gả sang Kinh châu thì phía Kinh châu không thoải mái. Đúng như lời ngài Trần Nhĩ Đông trong *Nhàn thoại tam phân*: “Gia Cát Lượng lặng lẽ chú ý phía sau, Triệu Vân ra vào canh giữ mặt trước, lúc nào cũng canh cánh trong lòng”.

Người em gái họ Tôn tự mình làm vậy hay do Tôn Quyền chỉ dẫn? Thực chẳng rõ ràng gì cả. Nếu là ý sau thì cuộc hôn nhân này là “âm mưu tháng trăng mật” trăm phần trăm; còn nếu là ý trước thì chúng ta không thể không khâm phục Tôn phu nhân là bậc “nữ nhi anh hùng”. Trong *Đại trí đại dũng Tôn phu nhân*, ngài Chúc Tú Hiệp nói: nữ nhân tài trong ba nước, Tôn phu nhân là số một. Tuy nhiệm vụ chưa hoàn thành, nhưng tiến thoái tùy ý, uy phong mọi mặt, lấy chồng nước khác mà như đến chỗ không người, dễ gì một người con gái bình thường làm được? Đúng là như vậy. Nhưng tôi cảm thấy một người đàn bà như vậy là bất hạnh. Lấy chồng không tự nguyện, li dị cũng không phải ý mình. Trong thực tế không thấy nói tới sau lúc trở về, Tôn phu nhân sẽ ra sao? Đương nhiên Tôn phu nhân và Lưu Bị không thể lại “Uyên ương trùng phùng” và người khác cũng rất khó để có được cái gọi là “Lang Kiêu di mộng” hoặc “Hồn đoạn Lam Kiêu”.



Trên thực tế, Tôn phu nhân không chỉ là vật hi sinh uống phí mà ngay cả việc cướp Lưu Thiển làm con tin, bên phía Tôn Quyền cho là hạ sách, bắt đắc dĩ, cũng không làm được. Họ vẫn muốn bắt Lưu Bị làm con tin. Vì vậy phải nói tới sự kiện thứ hai - Chu Du ra chiêu độc.

Theo *Tư trị thông giám*, tháng mười hai năm Kiến An thứ XIV (Công nguyên năm 204) (cũng là thời gian Tưởng Cán đến Chu doanh ngầm cổ động Chu Du), Tôn Quyền gả em gái. Năm sau, tháng mười hai năm Kiến An thứ XV (Công nguyên 210), Lưu Bị tự đến Kinh Khẩu (thị trấn Trăn Giang, Giang Tô ngày nay), gặp ông cậu lớn của mình là Tôn Quyền. Việc này có ghi trong *Tiên chủ truyện* nói: mục đích chuyến đi lần này của Lưu Bị là muốn chức “đô đốc Kinh châu”. Chúng ta đều biết, sau khi Chu Du lấy được Giang Lăng, Tôn Quyền bổ nhiệm Chu Du là Thái thú Nam quận, đóng ở Giang Lăng. Lúc này, Lưu Bị đã dâng biểu tiến cử Tôn Quyền là “Hành xa kỵ tướng quân, là Từ châu mục”, Tôn Quyền cũng đồng ý Lưu Bị “nhận Kinh châu mục”, Chu Du nhường Lưu Bị vùng bờ Nam, Lưu Bị phải đặt trị sở Kinh châu mục của mình ở Công An. Nhưng Lưu Bị bị không hài lòng, nên mới đến Kinh Khẩu tìm địa bàn. Theo chú dẫn *Giang Biểu truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tiên chủ truyện*: “Bị thấy Du nhường ít đất, không đủ để an dân, mới theo Quyền mượn mấy quận ở Kinh châu”. Đó là điều người ta thường gọi là “mượn Kinh châu”.

Nói là “mượn Kinh châu” đã đúng chưa? Chúng ta sẽ nói tới ở phần sau. Lưu Bị cũng không muốn “mượn” Kinh châu, Lưu Bị cần là cần Nam quận, Nam quận khống chế Trường Giang, bắc có thể đánh Trung Nguyên, nam có thể tiến vào Ích châu, là vùng đất binh gia thường tranh giành, đương nhiên Lưu Bị cũng muốn có. Nhưng Lưu Bị không tiện nói ra như vậy, chỉ có thể nói tôi muốn “đô đốc Kinh châu”. Nghĩa là thế nào? Tức là, hiện nay tôi chẳng phải là Kinh châu mục sao? Kinh châu mục phải đến làm việc ở trị sở Kinh châu. Trị sở Kinh châu ở đâu? Ở Tương Dương. Tương Dương thuộc quận nào? Thuộc Nam quận. Nhưng hiện nay Tào Tháo đã chiếm mất Tương Dương. Không thể tới đó, đành phải tìm nơi khác ở Nam quận. Nơi nào vậy? Giang Lăng. Vì Giang Lăng là trị sở của Nam quận. Không đến được trị sở của Kinh châu, đến trị sở của Nam quận coi là tạm được. Vì vậy Lưu Bị mới nói “cầu đô đốc Kinh châu”. Cũng là nói, Lưu Bị “mượn Kinh châu”, kỳ thực là mượn Nam quận, muốn có Giang Lăng.

Chu Du chẳng lạ gì, họ muốn mượn da hổ. Chu Du phải mất sức gần một năm mới lấy được Giang Lăng, sao có thể cho Lưu Bị? Đương nhiên, Lưu Bị muốn có Giang Lăng cũng không phải là vô lý, bởi Chu Du đánh Giang Lăng, Lưu Bị có góp sức, lời chú dẫn *Ngô lục* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Chu Du truyện* nói rõ điều này. Chu Du không cho là vậy, miếng mỡ đã đến miệng, dễ gì đem cho người khác. Không những không cho mà còn quyết ngăn Lưu Bị. Theo *Tam quốc chí - Chu Du truyện*, Lưu



Bị từ Công An đến Kinh Khẩu, Chu Du dưng sớ lên Tôn Quyền nói, Lưu Bị “có thể kiêu hùng”, Quan Vũ, Trương Phi đều “là tướng hổ, gấu”, đâu muốn cúi mình để người khác lợi dụng lâu dài? Chi bằng để Lưu Bị đến huyện Ngô (thị trấn Tô Châu, Giang Tô ngày nay) cấp cho nhà sang, gái đẹp, để Lưu Bị suốt ngày chìm đắm trong tửu sắc. Sau đó điều Quan Vũ, Trương Phi đi, mỗi người mỗi nơi cách biệt. Lại cử một người như Chu Du này đem họ đi giết giặc, công việc thế là xong! Ngược lại, nếu cắt đất giúp họ, để họ bên nhau như lúc này thì e rằng khi gặp mây mưa, họ sẽ không là giao long trong đầm nữa. Đây là chiêu độc của Chu Du, nhưng tiếc là không được thực hiện. Ngăn Lưu Bị không khó, nhưng ngăn Lưu Bị để điều Quan Vũ, Trương Phi đi thì khác gì kẻ ngốc nằm mơ. Quân lính thời Tam Quốc luôn trung thành với chủ tướng. Quân của Lã Bố chỉ nghe Lã Bố, quân của Mã Siêu chỉ nghe Mã Siêu, quân của Quan Vũ, Trương Phi cũng chỉ nghe Quan Vũ, Trương Phi, lẽ nào họ lại nghe Chu Du? Đương nhiên Quan Vũ, Trương Phi càng không bao giờ phục tùng Chu Du. Họ trung thành với một người, đó là Lưu Bị. Nghĩ xem, lúc trước Tào Tháo đối với Quan Vũ thế nào? Cuối cùng Quan Vũ vẫn bỏ Tào Tháo. Lúc này, lại muốn giam lỏng Lưu Bị, còn muốn họ phải phục tùng, thì khác gì muốn trời sụp? Sợ rằng họ sẽ đánh tới đoạt Lưu Bị về. Đoạt không được, sẽ kết thành mối tử thù. Vì vậy, đó là chủ ý sai lầm. Có thể Tôn Quyền cũng nhận ra, thêm vào đó là sự phản đối của Lỗ Túc và những người khác, nên mới không thực hiện, *Chu Du truyện* nói: “Quyền có Tào cộng ở bắc, muốn thu phục anh hùng, gặp Bị khó phục, nên mới không theo”. Tôn Quyền rõ ràng là sáng suốt khi quyết định như vậy. Qua việc này, về sau Lưu Bị mới thấy sợ. Theo chú dẫn *Giang Biểu truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Bàng Thống truyện*, một lần Lưu Bị chuyện phiếm với Bàng Thống, hỏi: lúc trước ông là công tào chỗ Chu Công Cẩn phải không? Nghe nói khi cô tới Kinh Khẩu, có người muốn Trọng Mưu giữ cô lại, có chuyện đó không? Ngại gì, cứ nói thẳng ra xem nào. Bàng Thống nói là có. Lưu Bị thở dài nói: lúc đó cô chẳng còn cách nào khác! Muốn cầu xin người khác mà! Vì vậy không thể không đi, suýt nữa đã rơi vào tay Chu Du. Người cơ mưu trong thiên hạ, người anh hùng ý kiến gần giống nhau. Lúc đó, Khổng Minh luôn khuyên cô đừng đi, lời lẽ rất khẩn thiết, Khổng Minh suy nghĩ thấu đáo vô cùng. Lúc đó cô nghĩ, chẳng phải là kẻ thù của Tôn Trọng Mưu ở phương bắc sao? Chẳng phải họ Tôn muốn dựa vào cô sao? Thế mới “quyết chí không nghi nữa”. Nhìn lại mới thấy cô thật mạo hiểm, không phải là “kẻ vạn toàn”!

Bây giờ nhìn lại, e rằng đó cũng là một nguyên nhân để Lưu Bị đoạt Ích châu. Phần trước đã nói: Lưu Bị từ khách thành chủ, đoạt Ích, đuổi Chương, việc làm có chút mờ ám, nhưng Lưu Bị chẳng còn cách nào khác. Không xây dựng được căn cứ địa vững chắc cho mình thì khó tránh khỏi bị kẻ khác thanh toán hoặc tống cổ. Nói tới cùng, chỉ trách cái đạo lý thời đó. Nếu là những năm tháng hòa bình thì với con người và tài năng của Lưu Bị, Lưu Bị đã có thể là viên quan địa phương giỏi.



Lưu Bị thoát lần đó, Chu Du không quên và quyết không thôi. Kế đó không thành, Chu Du lại nghĩ ra kế khác và lập tức đến Kinh Khẩu gặp Tôn Quyền, Chu Du đưa ra chiến lược quan trọng: đoạt Thục (Lưu Chương), bình Trương (Trương Lỗ) và liên Mã (Mã Siêu). Theo *Tam quốc chí - Chu Du truyện* Chu Du nói, với Tôn Quyền, Tào Tháo bại trận ở Xích Bích đang lo nội bộ sinh biến, còn sức đâu để đánh nhau với chúng ta. Lúc này là cơ hội tốt nhất. Vì vậy, mong tướng quân phê chuẩn để Chu Du và Phán vũ tướng quân (tức là Tôn Du con của Tôn Tĩnh, Tôn Tĩnh là em út của Tôn Kiên) cùng nhau đánh Thục, diệt xong Lưu Chương sẽ diệt nốt Trương Lỗ. Sau đó, tướng quân để Tôn Du lưu giữ Ích châu, Chu Du sẽ quay về cùng tướng quân cố thủ Tương Dương, uy bức Tào Tháo và có thể “định được phương bắc”.

Kế hoạch này, bề ngoài như là đối địch với Tào Tháo, nhưng thực tế là muốn ngầm thanh toán Lưu Bị. Vì nếu Chu Du có thể lấy được Ích châu thì thượng và hạ du Trường Giang đều thuộc về Tôn Quyền. Lưu Bị bị kẹp vào giữa, thì dù có lợi hại đến mấy cũng chẳng làm được gì. Và chúng ta cũng chưa biết, Chu Du sẽ đi đường nào để đánh Thục, liệu có phải giữa đường sẽ quay lại đánh Lưu Bị? Trong “Tần Hán sử”, ngài Lã Tư Miễn từng nói: “kế của Du có thể coi là hùng”. So sánh một chút thấy, nó gần như mưu kế liên Lưu lấy Thục vậy.

Tôn Quyền phê chuẩn phương án của Chu Du, Chu Du quay về Giang Lăng chuẩn bị hành trang. Nhưng thực bất hạnh, khi về đến Ba Khẩu (thị trấn Nhạc Dương, Hồ Nam ngày nay), Chu Du lâm bệnh và qua đời lúc ba mươi sáu tuổi. Trước lúc lâm chung, Chu Du còn dâng sớ lên Tôn Quyền nói: Một là đề cử Lỗ Túc kế nhiệm; hai là không hề quên được Tào, Lưu. Theo chú dẫn *Giang Biểu truyện* của Bùi Tùng Chi, Chu Du nói: “Tào công ở bắc, biên cương không yên; Lưu Bị ở nhờ, khác gì nuôi hổ”. Chu Du coi Tào Tháo và Lưu Bị là hai kẻ thù lớn của Đông Ngô.

Lỗ Túc lại nghĩ khác.

Lỗ Túc và Chu Du là bè bạn thân thiết. Trước trận chiến Xích Bích, hai người có chung quan điểm, cần phải liên hợp với Lưu Bị, chống lại Tào Tháo. Nhưng sau đó, tình hình lại khác. Chu Du chủ trương nuốt Lưu để lớn mạnh, Lỗ Túc kiên trì liên Lưu chống Tào, thế là tập đoàn Giang Đông đã biến thành hai phái, phái “nuốt Lưu” Chu Du cầm đầu, phái “liên Lưu” Lỗ Túc cầm đầu. Tuy vậy, trước lúc lâm chung Chu Du vẫn đề cử Lỗ Túc thay mình. Đó là điều khiến chúng ta luôn phải kính trọng Chu Du. Vì thế, không hay sau này Lỗ Túc có biết đền ơn đáp nghĩa mà thay đổi thái độ chẳng?

Lúc này phải nói tới điều kiện thứ ba - Lỗ Túc cho mượn Kinh châu.

Sau khi thay chân Chu Du, Lỗ Túc đã điều chỉnh chính sách, thuyết phục Tôn Quyền đưa Giang Lăng cho Lưu Bị. Đó gọi là “cho mượn Kinh châu”. Phần trước đã nói, “cho mượn Kinh châu” là cách nói chưa thật đúng. 1- Lưu Bị đâu có muốn cả Kinh



châu. Lưu Bị muốn cũng không được, Tôn Quyền cũng không cho. Nam Dương và một phần Nam quận đã thuộc Tào Tháo, Lưu Bị làm sao có thể mượn ở Tôn Quyền? Thực tế, cái mà Lưu Bị “mượn” chỉ là Nam quận, và là một phần của Nam quận là Giang Lăng. Vì vậy, không thể nói là “cho mượn Kinh châu”, chỉ có thể nói là “mượn Giang Lăng”. 2- Cứ coi là “cho mượn Giang Lăng”, nhưng cũng chưa đúng, bởi vì Lưu Bị muốn có Giang Lăng, nhưng không thể gọi là “cho mượn”. Điều này đã có người giải thích. “Chấp Nhị Sử Lễ Ký - cho mượn Kinh châu là sai” của Triệu Dực đời Thanh nói: thế nào gọi là “cho mượn”? Bạn có một vật nào đó, tạm cho người khác dùng, đấy mới gọi là “mượn” (vật vốn là của tôi, tạm đưa cho người khác). Vậy, Kinh châu cũng được, Giang Lăng cũng được, đều là của Tôn Quyền? Không, Kinh châu vốn của Lưu Biểu. Lưu Biểu chết, lại thuộc về người con. Vì vậy, sau trận chiến Xích Bích, Lưu Bị dâng biểu đề cử Lưu Kỳ là Thứ sử Kinh châu, và chưa hề nói Kinh châu là của mình, về sau Lưu Kỳ lâm bệnh, qua đời, Lưu Bị được mọi người đề cử thay thế là Kinh châu mục. Theo quan hệ kế thừa, Kinh châu phải là của Lưu Bị. Kinh châu là của Lưu Bị, Giang Lăng và Nam quận đương nhiên phải là của Lưu Bị. Chỉ vì Giang Lăng bị Chu Du chiếm, nên mới đến đòi lại. Vì vậy, “Tư trị thông giám” không nói là “mượn Quyền một số quận Kinh châu” mà nói là “cầu đô đốc Kinh châu”. Vì vậy xét từ quan hệ kế thừa và quan hệ thuộc quyền, Lưu Bị muốn có Giang Lăng từ Tôn Quyền, chỉ có thể nói là “đòi Kinh châu”, không thể nói “mượn Kinh châu”.

Vậy thì từ đâu lại nói là “cho mượn Kinh châu”? Từ *Tam quốc chí - Lỗ Túc truyện* nói: “Bị đến Kinh gặp Quyền, cầu đô đốc Kinh châu, duy Túc khuyên Quyền cho mượn, cùng nhau chống Tào”. Sau này Lỗ Túc gặp Quan Vũ cũng nói: “vốn đã cho bên nhà mượn đất”. Chú dẫn *Giang Biểu truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tiên chủ truyện* cũng nói: “Từ Quyền mượn mấy quận Kinh châu”. Rõ ràng đây là cách nói bên phía Đông Ngô. Họ nói vậy là theo lý của họ. Trong những năm chiến tranh, không còn gì là “quyền thừa kế” nữa. Ai lấy được vùng đất nào bằng vũ lực thì vùng đất đó là của họ. Bạn muốn lấy hoặc muốn đòi lại thì phải dùng vũ lực. Lưu Bị không thể dùng vũ lực với Tôn Quyền, nên đành phải nhẫn nhịn nói là “mượn”. Đương nhiên, chúng ta cũng không rõ lúc đó Lưu Bị đã nói những gì? Có thể là áp dụng bằng mấy từ “cầu đô đốc Kinh châu”, về phía Tôn Quyền có thể hiểu là “mượn Kinh châu”.

Nhưng cũng vì chữ mượn đó, mấy nét bút, gây mầm họa, cuối cùng đã phá vỡ liên minh Tôn, Lưu. Bởi vì Tôn Quyền không muốn cho Lưu Bị mượn lâu dài, về phần mình, Lưu Bị lại không muốn “trả”. Lưu Bị nghĩ, Nam quận và Giang Lăng vốn là của mình, sao lại phải “trả”? Coi như là “mượn” đi, nhưng là “hồ mượn lộn”. Nghĩ rằng cả hai phía Tôn, Lưu đều hiểu rõ cái lý đó. Thế là, chúng ta lại có một câu hỏi: Vì sao Tôn Quyền lại đồng ý cho Lưu Bị mượn Kinh châu?



Điều chủ yếu là để đối phó với Tào Tháo. Theo chú dẫn *Hán Tấn Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Lỗ Túc truyện*, lúc Lưu Bị đến Kinh Khẩu “cầu đô đốc Kinh châu”, Chu đề nghị giam lỏng Lưu Bị, Lã Phạm có cùng chủ trương đó, Lỗ Túc ngược lại, không đồng ý. Lý do Lỗ Túc thuyết phục Tôn Quyền là “uy lực Tào công quá lớn”, cần có thêm lực lượng của Lưu Bị để chống lại Tào Tháo. Khuyên Tôn Quyền cho Lưu Bị mượn đất cũng với nguyên nhân ấy, tức là “cùng cự Tào công”. *Lỗ Túc truyện* còn nói: nghe được tin này, Tào Tháo đang viết, đã để “rơi bút xuống đất”. Những điều này tuy được ghi trong chính sử, nhưng vẫn có người không tin. *Tư trị thông giám khảo dị* của Tư Mã Quang nói: “e Tháo không sợ đến như vậy”. Nhưng rõ ràng việc này là điều bất lợi với Tào Tháo!

Người hời nhất là Lưu Bị. Lưu Bị có mảnh đất chiến lược đó, tiến có thể đánh, lui có thể giữ. Tôn Quyền cũng được lợi (không lợi đã không làm). 1- Cùng cố liên minh Tôn - Lưu, Tào Tháo không dám tùy tiện xuống phía nam; 2- Giải trừ được mối lo từ phía sau, có thể rảnh tay giải quyết vấn đề nội bộ; 3- Với danh nghĩa cho “mượn đất”, có thể triển khai thế lực đến các vùng chiếm đóng của Lưu Bị. Điều lợi thứ ba này đã được ngài Trương Tác Diệu kể tường tận trong *Lưu Bị truyện*. Tóm lại, Tôn Quyền và Lỗ Túc cho “mượn Kinh châu” chẳng phải bụng dạ bồ tát gì, hay là thích Lưu Bị. Họ luôn xem Lưu Bị là kẻ thù giấu mặt, chẳng qua là Lưu còn có giá trị sử dụng. Cũng tức là: họ cũng giống Lưu Chương muốn để Lưu Bị trông nom nhà cửa giúp họ.

Tiếc rằng bàn tính thì ai cũng có thể gõ, nhưng cách tính thì khác nhau. Tôn Quyền có cách tính của Tôn Quyền, Lưu Chương có cách tính của Lưu Chương, tất nhiên Lưu Bị cũng có cách tính của Lưu Bị. Kết quả của các phép tính đó, Lưu Bị được lãi, Tôn Quyền, Lưu Chương đều bị lỗ. Lưu Chương thảm hại nhất - Công ty phá sản, thân bại danh liệt; Tôn Quyền giương mắt nhìn Lưu Bị tọa hưởng kỳ thành - thu lời hai châu (vừa là Kinh châu mục vừa là Ích châu mục), được voi đòi tiên. Lưu Bị không những không trông coi nhà cửa cho Lưu Chương mà còn quay lại lấy sạch của Lưu Chương.

Tôn Quyền thì khác. Theo *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện* và “*Tư trị thông giám*”, tháng năm, Kiến An năm thứ XX (Công nguyên năm 215), Tôn Quyền cử Gia Cát Cẩn là anh Gia Cát Lượng đến gặp Lưu Bị đòi lại Kinh châu. Lưu Bị không trả, nói: hiện ta đang chuẩn bị đánh phá Lương châu. Chờ khi lấy được Lương Châu, ta sẽ trả tất cả các vùng đất Kinh châu cho các vị. Tôn Quyền nói: rõ là mượn Kinh châu không muốn trả hay không trả nữa, nên cử luôn quan viên đến ba quận Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng hiện Lưu Bị đang quản lý. Lúc này Quan Vũ đang là tổng đốc Kinh châu. Quan Vũ đâu có chịu cảnh đó? Quan Vũ liền đuổi luôn mấy viên quan Tôn Quyền phái đến ra khỏi biên cảnh. Tôn Quyền tức giận, lập tức cử Lã Mông đưa hai vạn quân đi lấy ba quận Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng; lệnh Lỗ Túc đưa một vạn quân vào giữ Ba



Khâu (thị trấn Nhạc Dương, Hồ Nam ngày nay) chống lại Quan Vũ, còn mình thì đóng ở Lục Khẩu (từ phía tây nam sông Lục Thủy, thị trấn Gia Ngư, Hồ Bắc ngày nay) để chỉ huy điều động. Được tin, Lưu Bị biết tình thế căng thẳng, liền để Gia Cát Lượng ở lại giữ Thành Đô, còn mình thống lĩnh năm vạn đại quân và chừng tháng sáu về tới Công An, đồng thời lệnh Quan Vũ thông lĩnh ba vạn quân đến đóng ở Ích Dương, quyết sống mái với Tôn Quyền.

Trước lúc vào trận có cuộc hội đàm giữa Lỗ Túc và Quan Vũ. Theo *Tam quốc chí - Lỗ Túc truyện*, lúc đó hai bên quy định, hai quân cách nhau trăm bước, từng người xách dao vào hội (không phải chỉ có một mình Quan Vũ). Lỗ Túc trách Quan Vũ, nói: bĩ quốc có ý tốt cho quý phương mượn đất (quốc gia lấy đất cho bên khanh mượn), vì quý quân vừa bại trận, lại từ xa đến, không có chỗ đặt chân. Lúc này các vị đã lấy được Ích châu thì nên trả Kinh châu. Bên tôi chỉ cần ba quận, các vị đều không chịu trả! Lời vừa dứt, một người bên phía Quan Vũ đã xen vào nói, đất đai trong thiên hạ chỉ thuộc về người có đức, có cái gì là vĩnh hằng bất biến! Lỗ Túc nghiêm mặt trách mắng người đó, Quan Vũ liền cầm dao đứng dậy nói với người này, đây là điều chúa công suy nghĩ, người hiểu cái gì! Rồi ra hiệu cho người đó ra chỗ khác, hội đàm không có kết quả?

Thực ra, Lỗ Túc nói không đúng. Khi Lưu Bị “mượn Kinh châu” đâu phải “quân bại từ xa đến, không còn thứ gì”. Ba quận mà Tôn Quyền đòi - Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng đâu phải của Đông Ngô, mà là của Lưu Bị lấy được, vậy bằng vào cái gì mà phải trả lại? Lẽ nào chỉ “mượn” Nam quận thì coi là Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng cũng là “mượn” hay sao? Chính lời chú dẫn *Ngô thư* của Bùi Tùng Chi mới có phần hợp lý. Theo *Ngô thư*, Quan Vũ nói: trong trận chiến Xích Bích, Tả tướng quân (Lưu Bị) thân ra trận dũng mãnh chống địch, lẽ nào lại là công cốc, đến một chút địa bàn cũng không có, có một chút bên ấy lại đến đòi? Lỗ Túc nghe xong, lại chống chế. Lỗ Túc, Quan Vũ bàn bạc chẳng đi tới đâu, chỉ còn một cách gặp nhau ngoài chiến trường.

Chiến tranh, chừng sắp nổ ra.

Lỗ Túc rất đau khổ về chuyện đó. Là lãnh tụ “phía liên minh” bên Đông Ngô (Gia Cát Lượng là lãnh tụ “phía liên minh” bên Lưu Bị), Lỗ Túc không muốn có kết quả đó, Gia Cát Lượng ở tận Thành Đô chắc cũng không muốn thế.

Lúc này Tào Tháo đang giúp đỡ họ. Tháng ba năm đó Tào Tháo tây chinh Trương Lỗ, tháng bảy tiến vào Hán Trung. Tin tức truyền đến, lập tức Lưu Bị hiểu rõ lúc này không phải là lúc trở mặt với Tôn Quyền, nên đã phái người đến cầu hòa với Tôn Quyền. Tôn Quyền cũng không muốn giao tranh với Lưu Bị, nên đã phái Gia Cát Cẩn đi đàm phán. Cuối cùng hai bên đã đi tới thỏa thuận, phân chia Kinh châu lấy Tương Thủy làm ranh giới. Từ phía đông Trường Giang, Giang Hạ, Quế Dương quy về Tôn Quyền, từ phía tây Nam quận, Linh Lăng, Vũ Lăng quy về Lưu Bị, Nam Dương và Tương Dương



Nam quận vẫn thuộc về Tào Tháo. Lưu Bị mất khu vực phía đông Tương Thủy, nhưng tránh được Tào Tháo và Tôn Quyền kẹp đánh từ hai phía, có thể coi là “bỏ đất đổi lấy hòa bình”.

Lần tranh đấu này, Tôn Quyền không đòi được Kinh châu, chỉ đón được em gái về, đương nhiên Tôn Quyền không cam lòng. Huống hồ trong tập đoàn Giang Đông vẫn còn nhiều người muốn đoạt lại Kinh châu, như Lã Mông. Vậy, Lã Mông là người thế nào? Có thể thay Tôn Quyền đoạt lại Kinh châu không? Nếu được, Lã Mông sẽ phải làm gì?

Tập thứ ba mươi ba: ÁO TRẮNG QUA SÔNG

Việc tranh giành Kinh châu vào năm Kiến An năm thứ XX được kết thúc do Tôn Quyền, Lưu Bị thỏa hiệp, cùng nhau chia đất, nhưng cả hai đều không thỏa mãn. Tôn Quyền nghe theo Lã Mông, lấy việc đoạt Kinh châu làm nhiệm vụ hàng đầu; Quan Vũ lại lợi dụng một cơ hội có lợi, phát động chiến tranh đoạt lấy Tương Dương, Phàn Thành từ tay Tào Tháo. Ba nhà Tào, Tôn, Lưu đã mở rộng cuộc đấu tranh vừa trí vừa dũng trên cả vùng Kinh châu. Vậy, kết quả của cuộc đấu tranh đó như thế nào?

Kiến An năm thứ XXII (Công nguyên năm 217), Lỗ Túc qua đời, Lã Mông là người thay thế.

Đây là câu chuyện thú vị. Phần trên đã nói, sau trận chiến Xích Bích, nội bộ tập đoàn Giang Đông chia thành hai phái: phái “nuốt Lưu” và phái “liên Lưu”. Sau khi Chu Du phái “nuốt Lưu” qua đời, Lỗ Túc người chủ trương “liên Lưu” thay thế. Sau khi Lỗ Túc phái “liên Lưu” qua đời, lại được thay thế bằng Lã Mông, người chủ trương “nuốt Lưu”. Đúng là ba mươi năm Hà Đông lại ba mươi năm Hà Tây, phong thủy luân lưu thay đổi, tiếng hô “nuốt Lưu đoạt Kinh” bắt đầu vang dậy ở Giang Đông.

Vậy Lã Mông là ai, vì sao Lã Mông lại chủ trương “nuốt Lưu đoạt Kinh”?

Lã Mông cũng coi như là bạn của Lỗ Túc, họ đi lại với nhau kể ra có nhiều điều vui. Theo *Tam quốc chí - Lã Mông truyện*, cuối năm Kiến An năm thứ XV (Công nguyên năm 210), Chu Du lâm bệnh qua đời, Lỗ Túc thay thế, Lỗ Túc đường đến Lục Khẩu phải đi qua đất của Lã Mông. Bấy giờ, có người đề nghị Lỗ Túc phải đến chào Lã Mông. Người đó nói: Lã tướng quân lúc này công lao, danh tiếng ngày càng lớn, chúng ta không thể cư xử với tướng quân như trước. Lỗ Túc nghĩ cũng phải, đã đi thăm Lã Mông, nhưng thực sự trong thâm tâm không mấy quan tâm. Chúng ta đều biết, Lã Mông xuất thân bản hàn, không học hành, không đọc sách. Nếu muốn dâng sớ, viết thư thì cứ đọc đã có người khác chấp bút. Mọi người luôn có cảm giác Lã Mông là kẻ vũ phu hữ dũng vô mưu. Lỗ Túc có phần xem thường (có ý xem nhẹ Mông).



Nhưng lần gặp mặt này làm Lỗ Túc thấy sợ. Lỗ Túc đến thăm Lã Mông, Lã Mông bày tiệc tiếp đón. Sau ba tuần rượu, Lã Mông nói: lần này các hạ nhận trọng trách, lại ở cạnh Quan Vũ, xin hỏi đã có những mưu kế gì để phòng bất trắc? Lỗ Túc vốn xem thường Lã Mông, nên đã thuận miệng nói luôn, tùy cơ ứng biến là được. Lã Mông nói: có lẽ không nên! Lúc chúng ta và Lưu Bị bề ngoài như người một nhà, kỳ thực Quan Vũ là hổ, gấu, lẽ nào không có phòng bị? Còn đưa ra năm cơ mưu với Lỗ Túc. Lỗ Túc nghe xong, đã bỏ chỗ ngồi đến bên Lã Mông, tay vuốt lưng Lã Mông miệng nói: Lã Tử Minh ôi Lã Tử Minh, thực không ngờ tài lược người anh em đã tới mức này! Rồi, Lỗ Túc vào nhà trong bái kiến mẹ Lã Mông, từ đó hai người kết thành bè bạn thân thiết rồi mới tạm biệt.

Trong chú dẫn *Giang Biểu truyện* của Bùi Tùng Chi đã nói tỉ mỉ chuyện này. Nghe nói khi đó Lỗ Túc sờ lưng Lã Mông nói: người anh em lớn à, vẫn tưởng ông chỉ biết đánh trận! Thì ra học vấn cũng nhiều, không còn là “Ngô hạ A Mông” năm nào! Lã Mông nói: “lâu không gặp, mọi thứ đã thay đổi”! Đại ca (anh cả) nghĩ xem Quan Vũ là người như thế nào? Cần mẫn hiếu học, thuộc lòng *Tả truyện*, cương nghị quyết đoán, hùng khí mười mười, nhưng cũng thanh cao tự phụ, cả tiếng sĩ nhục người khác. Đối phó với một người như vậy có thể không cần một kế sách đặc biệt, hơn người hay sao? Rồi hiến kế cho Lỗ Túc. Lỗ Túc “kính mà nhận, giữ kín không lộ ra”.

Vậy thì vì sao Lã Mông có thể từ một người “trẻ tuổi thô lỗ” trở thành “người mưu lược”? Chính là nhờ Tôn Quyền chỉ dẫn bảo ban. Theo *Giang Biểu truyện*, Tôn Quyền từng nói với Lã Mông và Trương Khâm, hai người lúc này đã làm quan, cần phải đọc sách nhiều hơn. Lã Mông nói: việc quân nhiều vô kể, còn đâu thời gian mà đọc sách! Tôn Quyền nói: cô đâu có muốn hai người phải là tri thức, là bác sĩ? Cũng chỉ là hiểu thêm một chút lịch sử thôi! Hai người bận việc chẳng nhẽ lại bận hơn cả cô đây? Quang Vũ để Nam chinh Bắc chiến tay không rời sách, Tào Mạnh Đức là nguyên lão trong triều mà vẫn ham học, sao các người không gắng sức? Thế rồi Lã Mông bắt đầu đọc sách, đọc nhiều hơn nhiều nho sinh.

Lã Mông vốn là người có trí nhớ tốt, thấu hiểu rất nhanh, là người từng trải. Một khi đã đọc sách là thấu lý lẽ. Có điều, cái lý mà Lã Mông hiểu lại khác với Lỗ Túc. Lỗ Túc cho rằng, Tào Tháo là kẻ thù hàng đầu, cần phải hiệp đồng với Lưu Bị, cùng nhau chống giặc, Lã Mông khác ý. Lã Mông cho rằng: Quan Vũ là một đại anh hùng, luôn có bụng nuốt Ngô để phát triển. Lưu Bị luôn có lợi vì ở trên thượng du, liên minh với họ sẽ không lâu dài, nên đã “ngâm có mật kế” cho Tôn Quyền. Theo *Tam quốc chí - Lã Mông truyện*, “mật kế” nói tới hai vấn đề, 1- Đối kháng với Tào Tháo có nhất thiết phải dựa vào Quan Vũ không; 2- Quan Vũ có đáng tin cậy không? Lã Mông nói với Tôn Quyền: chúa công có thể phái cử Tôn Hiệu ra đóng ở Nam quận, Phan Chương ra Bạch Đế, Trương Khâm thống lĩnh một vạn quân tuần tra vùng thượng du Trường Giang, bản



thân mặt tướng xin thay chúa công ra đóng ở Tương Dương. Chỉ cần bố quân như vậy thì sợ gì Tào Tháo (không phải lo lắng về Tháo) hà tất còn phải dựa vào Quan Vũ (không cần dựa vào Vũ)?

Hơn nữa Quan Vũ không đáng tin. Lã Mông nói: Quan Vũ là quân thần, khéo biết cường đoạt, phản phúc không lường, không bao giờ được coi là người của mình (không được coi như tâm phúc). Sớm muộn gì họ cũng sẽ trở mặt với chúng ta. Sở dĩ lúc này họ còn chưa ra tay vì còn chúa công thân vũ thánh minh, còn mặt tướng và những người khác. Nếu lúc này không hạn chế ngay đi, chờ khi mọi người chúng ta đều ô hô ai tai, thì còn kịp nữa không?

Tôn Quyền thấy như vậy là đúng, nhưng ít nhiều còn băn khoăn vì giữa Kinh châu và Từ châu chưa biết nên lấy cái nào trước. Lã Mông nói: lấy Từ châu thì không khó, nhưng khó là có giữ được hay không. Từ châu là vùng đất dễ lấy, thích hợp để kỵ binh miền Bắc tung hoành. Nay chúng ta lấy Từ châu thì mai Tào Tháo sẽ đến cướp. E rằng bảy tám vạn người cũng không giữ được. Chỉ bằng trừ khử Quan Vũ trước, chiếm cứ cả vùng Trường Giang, thế lực chúng ta sẽ lớn mạnh. Tôn Quyền cảm thấy lý luận đó hết sức tinh tế.

Trên lập trường của tập đoàn Giang Đông, Lã Mông rất chuẩn xác. Theo *Tam quốc chí tuyền chú* của ngài Miêu Việt, Lã Mông nói những lời đó vào năm Kiến An năm thứ XVI (Công nguyên năm 211). Lúc đó Lưu Bị đã vào Thục, nhưng chưa lấy được Thục. Nhưng sau khi lấy được Thục, Lưu Bị vẫn không trả Kinh châu, Tôn Quyền cũng không đòi được, đúng là “Không nên coi như tâm phúc”, cũng đúng là tập đoàn Giang Đông chỉ có thể đoạt lại Kinh châu bằng vũ lực. Lã Mông sáng suốt đã đoán trước được điều đó.

Có điều Quan Vũ vẫn là Quan Vũ, đâu muốn trừ khử là trừ khử được, cần có thời cơ. Năm Kiến An thứ XXIV (Công nguyên năm 219) mới có cơ hội. Theo *Tư trị thông giám*, tháng năm năm đó, Lưu Bị đoạt được Hán Trung từ tay Tào Tháo; tháng bảy, tự xưng là Hán Trung vương đưa quân về Thành Đô, cử Hứa Tĩnh là Thái phó, Trương Phi là Hữu tướng quân, Mã Siêu là Tả tướng quân, Hoàng Trung là Hậu tướng quân. Hàng loạt những tin vui đã cổ vũ tập đoàn Lưu Bị, thêm vào đó, Tôn Quyền đang tiến công Hợp Phì ở phía Đông, Quan Vũ liền thừa thế phát động chiến tranh Tương, Phàn đoạt lấy Tương Dương và Phàn Thành.

Cuộc chiến này thực kinh hồn lạc phách. Lúc này, Tào Tháo vừa từ Hán Trung, lui quân về đến Trảng An, nghe tin Quan Vũ đánh phá Phàn Thành, liền phái Tả tướng quân Vu Cấm đem quân tăng viện. Tướng giữ Tương, Phàn Tào Nhân để Vu Cấm và Lập nghĩa tướng quân Bàng Đức giữ phía bắc Phàn Thành. Vu Cấm là tướng yêu được Tào Tháo cất nhắc, *Tam quốc chí - Vu Cấm truyện* nói Vu Cấm là “danh tướng ngang



như Trương Liêu, Nhạc Tiến, Trương Cáp, Từ Hoảng”, thậm chí Tào Tháo còn khen Vu Cấm “là danh tướng cũ, có thể cất nhắc”. Bàng Đức vốn là thuộc hạ của Mã Siêu đã hàng Tào Tháo trong chiến dịch Vị Nam. Vì vậy được phong là “Lập nghĩa tướng quân”. Theo *Tam quốc chí - Bàng Đức truyện*, trong trận chiến Tương Phàn, Mã Siêu đã về với Lưu Bị, Bàng Nhu người anh họ của Bàng Đức đang làm việc dưới trướng Lưu Bị, nên tướng giữ Phàn Thành đã nghi ngờ lòng trung của Bàng Đức. Bàng Đức nói: nhận hậu ân của đất nước, ta nguyện chết ngoài chiến trường. Hôm nay ta không giết Quan Vũ, thì Quan Vũ sẽ giết ta. Sau đó hai người giao chiến, một mũi tên đã bắn trúng trán Quan Vũ, quân lính của Quan Vũ đều gọi Bàng Đức là “Bạch mã tướng quân”, nghe tên đã sợ mất mật. Có hai viên tướng như thế này giữ mạn bắc Phàn Thành, có thể chống đỡ được.

Nhưng trời xanh đã không giúp. Tháng tám, trời mưa như trút, nước sông Hán Thủy dâng cao, tràn ra ngoài đê, Phàn Thành bị nước lũ vây kín, Vu Cấm cùng Thất quân bị chìm trong nước, gọi là “thủy dìm Thất quân”. Nhưng *Tam quốc chí - Quan Vũ truyện* chỉ nói “Thu, mưa lớn, Hán Thủy ngập tràn, Cấm cùng Thất quân bị dìm”, không nói Quan Vũ đã khơi nước, càng không nói Quan Vũ đã biết trước có lũ lụt. *Tư trị thông giám* cũng không nói như vậy. Sự thực, cái gọi là “nước dìm Thất quân” chỉ là thiên tai, Quan Vũ thừa cơ tấn công, kết quả Vu Cấm bị bắt và hàng phục, Bàng Đức bị bắt nhưng vẫn giữ nghĩa. Theo *Tam quốc chí - Bàng Đức truyện*, lúc đó Bàng Đức không chịu quy, Quan Vũ hết lời khuyên. Quan Vũ nói: anh túc hạ đang ở Hán Trung, bản soái cũng muốn mời túc hạ làm tướng, vì sao túc hạ vẫn chưa chịu hàng? Bàng Đức chửi ầm lên, kẻ nô bộc kia, nói cái quái gì thế? Ngụy vương có trăm vạn hùng binh, uy trấn thiên hạ, xưa nay vô địch. Lưu Bị các người là gì chứ? Là một kẻ tầm thường, không thể là đối thủ của Ngụy vương chúng ta! Bàng Đức ta nguyện làm quý của triều đình, quyết không làm tướng giặc! Quan Vũ đành phải giết Bàng Đức. Tin tức truyền sang bên Tào, Tào Tháo “nghe mà buồn đến rơi lệ”.

Vu Cấm hàng, Bàng Đức chết, tướng giữ thành Tào Nhân đau đớn như mất cả hai tay. Thêm vào đó tường thành bị ngâm nước làm đổ sập, quân lính trong thành đều hoang mang. Theo *Tam quốc chí - Mãn Sủng truyện*, lúc đó có người kiến nghị Tào Nhân, nhân lúc thế hợp vây của Quan Vũ chưa hoàn thành, rút khỏi Phàn Thành khi trời tối, nhưng Mãn Sủng nói: lũ lụt ư, đến nhanh và rút cũng nhanh, không lâu đâu. Quan Vũ ư, sẽ không dám tiến công bừa, bởi vì hậu phương của họ không an toàn. Nếu hôm nay chúng ta rút thì vùng đất phía nam Hoàng Hà này sẽ không bao giờ là của triều đình nữa. Tào Nhân nói, đúng! Mãn Sủng cho lệnh giết Bạch Mã cùng tướng sĩ thê ra sức tử chiến. Vừa hay lúc đó viện quân của Từ Hoảng kéo đến, Quan Vũ đành phải lui quân.

Tạm thời Quan Vũ ngừng việc bao vây Phàn Thành, nhưng chiến tranh không hề kết thúc, Quan Vũ chưa bỏ qua. Đối với tập đoàn Tôn Quyền. Từ lâu có quyết tâm đoạt



lại Kinh châu, thì đây là cơ hội tốt. Bởi vì Quan Vũ muốn cắn miếng xương cứng là Trương Dương và Phàn Thành, đối phó với hai viên đại tướng Tào Nhân, Từ Hoảng thì binh lực phải đủ, mạnh. Nhưng một khi điều quân ở hậu phương thì Nam quận sẽ suy yếu. Nhưng nếu không đủ binh lực thì tiền phương sẽ rất căng thẳng? Đây là chỗ khó của Quan Vũ. Thế là Lã Mông nói luôn với Tôn Quyền, trước hết hãy suy nghĩ cách dồn hết quân lính của Quan Vũ về phía Trương, Phàn, sau đó nhân yếu mà vào, đâm một nhát vào sau lưng họ. Nghĩ như vậy là rất đúng, nhưng vấn đề là tập đoàn Giang Đông có thể dồn được Quan Vũ không?

Có thể.

Thực ra thì từ lâu Lã Mông đã dồn được Quan Vũ. Theo *Tam quốc chí - Lã Mông truyện*, tuy Lã Mông luôn chủ trương phải tiêu diệt Quan Vũ, nhưng sau khi thế chức vụ của Lỗ Túc, thì bề ngoài lại là “thêm ân dày và kết với Vũ”. Chúng ta đều biết, năm đó lúc hai quân Lỗ Túc, Quan Vũ ở gần nhau, do giữa mình quân còn nghi ngờ lẫn nhau (nhiều lần hồ nghi), hai bên thường tranh giành ở biên giới (gây sự ở cương trường), tranh giành cái cọ là không ít, nhiều lần Lỗ Túc phải hòa giải (Túc thường vui vẻ, vồ về). Vì vậy, Lã Mông “thêm ân dày”, không làm cho Quan Vũ phải hoài nghi, mà cho rằng chính sách của Lỗ Túc đang tiếp tục thực hiện. Đó là chiêu thứ nhất của Lã Mông - vờ hòa thuận.

Chiêu thứ hai của Lã Mông là vờ ốm. vẫn theo *Tam quốc chí - Lã Mông truyện*, Lã Mông dâng thư lên Tôn Quyền, nói: Quan Vũ Bắc chinh Phàn Thành nhưng vẫn để lại nhiều quân, nhất định là sợ Lã Mông đánh vào sau lưng mình. Mọi người nghe xong đều hiểu, Lã Mông vốn người không khỏe, thường ốm đau luôn. Lúc này xin chúa công cho phép thân đem quân về Kiến Nghiệp trị bệnh. Quan Vũ biết tin, tất sẽ điều hết quân ở Nam quận đến Trương Dương. Bây giờ chúng ta “cho đại quân vượt sông, hành quân ngày đêm, tập kích vào chỗ không người” như vậy sẽ lấy được Nam quận, bắt sống được Quan Vũ. Thế rồi Lã Mông kêu mình bệnh nặng, Tôn Quyền có công văn, có ý không dán kín, triệu Lã Mông về, quả nhiên Quan Vũ mắc bẫy.

Chiêu thứ ba vờ làm Tôn Tử. Có điều Lã Mông không thực hiện chiêu này mà là Lục Tốn. Lục Tốn tự Bá Ngôn, người quận Ngô, huyện Ngô (thị trấn Tô Châu, Giang Tô ngày nay), đời đời là đại tộc ở Giang Đông, bản thân là cháu rể của Tôn Quyền (Quyền gả con gái của Sách cho Tốn). Theo *Tam quốc chí - Lục Tốn truyện*, Lã Mông vờ ốm trở về Kiến Nghiệp, khi ngang qua Vu hồ, Lục Tốn rẽ vào thăm. Lục Tốn nói: Quan Vũ phòng giữ thượng du tiếp giáp với khu vực của tướng quân. Nay tướng quân chạy tới hạ du, lẽ nào tiền phương không có điều gì đáng lo ngại? Lã Mông nói: tức hạ nói rất đúng, có điều bệnh của bề nhân quá nặng, không thể không về Kiến Nghiệp trị bệnh. Lục Tốn nói: tướng quân về Kiến Nghiệp trị bệnh là điều nên làm, có điều Lục Tốn mong rằng khi gặp chúa công tướng quân nên nói rõ ràng. Quan Vũ thường ý thế



kiêu dũng anh vũ để si nhục người khác. Nhất là lúc này, Quan Vũ đang vây khốn Phàn Thành, gọi hàng Vu Cấm, giết chết Bàng Đức, chiến công huy hoàng, là lúc đắc chí hài lòng. Lúc này họ đang nghĩ tới chuyện Bắc phạt, chẳng để ý đến chúng ta (nghĩ việc Bắc tiến, không nghĩ chúng ta). Nghe tướng quân bệnh nặng, càng coi chúng ta chẳng ra gì. Nếu nhân đây, xuất kỳ bất ý giáng cho chúng một đòn, sẽ tóm được chúng như chơi. Lã Mông thâm tâm cho là phải, nhưng đây là việc cơ mật, không tỏ thái độ ngay, chỉ cố nói, đối phó với Quan Vũ đâu có dễ dàng như thế? 1- Quan Vũ anh dũng thiện chiến, nổi tiếng thiên hạ, đó là uy phong; 2- Quan Vũ đã “chiếm Kinh châu, ân tín nổi khắp”, đó là uy vọng; 3- Quan Vũ vừa đánh đã báo thắng, cực kỳ gan dạ, đó là uy lực. Con người như vậy, chỉ sợ “khó mà thắng”.

Lã Mông nói vậy, nhưng trong lòng rất coi trọng Lục Tốn. Vừa về tới Kiến Nghiệp, Lã Mông đã tiến cử Lục Tốn với Tôn Quyền. Lúc đó Tôn Quyền hỏi Lã Mông, sau khi rời chức, ai là người có thể thay thế trấn thủ Lục Khẩu. Lã Mông nói: Lục Tốn thích hợp nhất vì hai lẽ. 1- Lục Tốn là nhân tài hiếm hoi, Lã Mông đánh giá Lục Tốn “ý tưởng sâu sắc, có tài nhưng chưa có tiếng, cuối cùng rất được việc”. “Ý tưởng” nói tới ở đây tức là ý niệm, sự suy nghĩ. Gọi là “ý tưởng sâu sắc” cũng là nghĩ sâu, nghĩ xa. Và đối với chiến tranh, Lục Tốn đã quen, đã thành thục, đương nhiên là người được chọn thích hợp nhất. 2- Lục Tốn tuy “có tài đáng trọng dụng”, nhưng “chưa có tiếng”, Quan Vũ sẽ không nghi ngờ gì “Vũ không nghi”, có thể tiếp tục lung lạc Quan Vũ. Cho nên Lã Mông nói: không có ai thích hợp hơn Lục Tốn (không ai hơn).

Theo đó, Tôn Quyền bổ nhiệm Lục Tốn là Biên tướng quân, hữu đô đốc, thay thế Lã Mông. Lã Mông có sách lược cho Lục Tốn “bề ngoài thì che giấu, bên trong lo quan sát mọi diễn biến”, tức là bề ngoài vờ Tôn Tử, sau lưng mài dao. Lục Tốn làm đúng như vậy. Vừa tới Lục Khẩu, Lục Tốn bằng hết khả năng biên thư luôn cho Quan Vũ. Lời trong thư hết sức bóng bẩy, nhưng ý tứ lại đơn giản. Một là ca tụng Quan Vũ, nói chiến tích của tướng quân chưa hề có trong lịch sử, ngay như Hàn Tín cũng không bằng; hai là hạ thấp mình, nói mình chỉ là một thư sinh, chưa xứng với chức vụ này, mong được tướng quân dạy bảo nhiều; ba là vờ vui vẻ để chúc mừng, nói thắng lợi của mình quân là hết sức có lợi, bên phía Giang Đông thấy đều vỗ tay tán thưởng; bốn là vờ vĩnh nhắc nhở Quan Vũ, nói: Tào Tháo gian ngoan狡 hoạt, tướng quân không nên xem nhẹ, thực tế muốn dồn quân Quan Vũ ra tiền tuyến.

Lần này thì Quan Vũ mắc bẫy, bị lừa. Quan Vũ cảm thấy bên phía Đông Ngô đời đời khác hẳn nhau. Khởi đầu, tướng lĩnh thủ quân là Chu Du. Người này hùng tài, dạ sỏi, tiếc là phải chết sớm, là “con quỷ đoản mệnh”. Chu Du chết, đổi thành Lỗ Túc, tuy cũng rất lợi hại nhưng là “kẻ hòa nhã”. Lỗ Túc chết, đổi thành Lã Mông, tuy cũng là một viên chiến tướng, nhưng là “mầm bệnh”. Lúc này đổi là Lục Tốn, chưa có tiếng tăm



và là “con một sách”. Đúng là bên phía Tôn Quyền đã hết cái hay, chẳng đáng bận tâm. Quan Vũ từng bước điều quân ra phía Phàn Thành.

Tin Quan Vũ vừa rút quân được Lục Tốn báo ngay đến Tôn Quyền, kèm theo là kế hoạch vây bắt và tiêu diệt, Tôn Quyền cũng bắt đầu điều binh khiển tướng, còn Quan Vũ thì hoàn toàn như người ngồi trong trống. Quan Vũ không hề biết, bề ngoài là “mầm bệnh” ôn hòa, khiêm nhường và “con một sách”, kỳ thực là “lũ cáo” lòng dạ lang sói; bề ngoài là minh quân đang vỗ tay tán thưởng chiến tích ở Phàn Thành, kỳ thực là kẻ thù nhanh chóng đang mài dao ở phía sau. Đương nhiên Quan Vũ không hề nghĩ rằng, người bạn đồng minh này đang câu kết với kẻ thù, cùng nhau liên hợp nhằm lấy đầu mình.

Tôn Quyền câu kết với Tào Tháo, không chỉ nằm ngoài ý nghĩ của Quan Vũ, còn làm cho rất nhiều người thấy khó hiểu. Chẳng phải Tôn Quyền là kẻ thù của Tào Tháo và là đồng minh của Lưu Bị hay sao? Sao có thể từ thù thành bạn với Tào Tháo, trở mặt coi Lưu Bị thành thù? Thực ra trong quan hệ chính trị của nhiều phía, chưa hề có gì là bạn vĩnh viễn, là thù vĩnh viễn. Trong trận chiến Xích Bích, Tào Tháo là mối uy hiếp lớn nhất thì đương nhiên phải liên minh với Lưu Bị. Nhưng lúc này, sau khi Lưu Bị “mượn” để có Nam quận, rồi đoạt Ích châu, đóng ở Hán Trung, lại chiếm nốt Phòng Lăng (nay là huyện Phòng, Hồ Bắc) rồi Thượng Dung (nay là Trúc Sơn, Hồ Bắc), địa bàn của Lưu Bị ngày một lớn và nối liền thành một dải. Nếu Quan Vũ lấy nốt Tương Dương, Phàn Thành sẽ trở thành mối uy hiếp lớn đối với Giang Đông. Là chính quyền cát cứ vùng hạ du sông Trường Giang, tập đoàn Giang Đông không thể cứ giương mắt nhìn Lưu Bị, Quan Vũ càng ngày càng mạnh trên vùng thượng du của mình. Đây không còn là vấn đề “nuốt Lưu” để “tự mạnh” mà là vấn đề “ngăn đường Lưu” để “tự bảo vệ”.

Nhưng, chỉ với lực lượng của tập đoàn Tôn Quyền thì không đủ để ngăn cản Lưu Bị. Giống lúc ở Xích Bích, chỉ có liên hợp với Lưu Bị mới có thể chống lại Tào Tháo và lúc này chỉ có liên hợp với Tào Tháo mới có thể loại bỏ được sự uy hiếp của Lưu Bị và Quan Vũ. Vừa đúng lúc bên phía Tào Tháo cũng đang mong có sự liên hợp. Tại Phàn Thành, Quan Vũ đã gọi hàng Vu Cấm, chém đầu Bàng Đức, vừa đánh vừa thắng người người đều thấy, khắp nơi kinh động, *Tam quốc chí - Quan Vũ truyện* nói: “Vũ uy hiếp Hoa Hạ, Tào công định về Hứa Đô để lánh nạn”. Cũng tức là nói: Tào Tháo đã phải nghĩ tới chuyện dời đô. Tần Hán sử của ngài Lã Tư Miễn cho rằng, nói vậy chưa hẳn đã đúng, bất quá chỉ là “lời đồn”, nhưng sự thực thì đúng là Tào Tháo đã cảm thấy căng thẳng. Biện pháp tốt nhất là liên hợp với Tôn Quyền, Nam Bắc cùng kẹp đánh, khiến Quan Vũ đầu đuôi khó tránh, giữ chỗ nọ thì mất chỗ kia. Đây là chủ trương của một số mưu sĩ bên phía Tào Tháo. Theo *Tam quốc chí - Tưởng Tế truyện*, lúc Tào Tháo bàn chuyện dời đô cùng bộ hạ, Tư Mã Ý và Tưởng Tế nói với Tào Tháo, Lưu Bị và Tôn Quyền bề ngoài là thân mật, thực chất là xa lánh. Quan Vũ đắc chí, Tôn Quyền tất không



vui. Chi bằng cho người đến khuyên Tôn Quyền đánh lên vào phía sau Quan Vũ và hứa phong cho Quyền đất Giang Nam thì Phàn Thành sẽ được giải vây, khỏi phải bàn tới việc dòi dõ.

Tào Tháo thực hiện ý đó, giờ canh tám ra trước Tôn Quyền. Tôn Quyền bằng lòng ngay, còn viết thư cho Tào Tháo, hứa sẽ đánh Quan Vũ báo đáp triều đình, *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện* nói: “xin đánh Vũ để báo đáp”. Theo *Tam quốc chí - Đông chiêu truyện*, bây giờ Tôn Quyền bảo đảm với Tào Tháo, nhất định sẽ đưa quân lên miền tây đánh lên Quan Vũ, mong phía Tào Tháo giữ kín, phòng Quan Vũ có chuẩn bị. Tào Tháo hỏi ý kiến bộ hạ, mọi người đều nói phải giữ bí mật, riêng người mưu sâu kế xa như Đông Chiêu lại chủ trương phải để lộ. Đông Chiêu cho rằng, bảo mật là có lợi cho Tôn Quyền, lộ ra thì có lợi cho Tào Tháo. Vì sao? Bởi vì sau khi biết tin, có thể Quan Vũ sẽ có hai phản ứng. Một, đưa ngay quân về cứu viện, Phàn Thành lập tức được giải vây, còn có khả năng bọn họ sẽ đánh nhau, chúng ta ngồi hưởng lợi. Nhưng con người Quan Vũ vốn hoành hành bá đạo, phần nhiều sẽ không chịu lui quân ngay. Lúc này nếu thủ quân trong thành không biết đã được cứu thì rất bất lợi cho chúng ta. Vì vậy, nói bằng lòng bảo mật, nhưng thực tế lại cố ý làm lộ tin. Tào Tháo hoàn toàn nghe theo, liền lệnh Từ Hoảng sao thư của Tôn Quyền thành nhiều bản rồi bắn tin vào Phàn Thành và quân doanh Quan Vũ, công bố tin tức Tôn Quyền sẽ lên đánh Giang Lăng, Công An.

Đông Chiêu dự liệu rất đúng. Thủ quân trong thành được tin, sĩ khí tăng bội, quyết tâm giữ thành càng lớn, còn Quan Vũ thì do dự, chưa quyết. Vì sao Quan Vũ lại lưỡng lự? Quan điểm của Hồ Tam Tỉnh trong lời chú dẫn *Tư trị thông giám* là Quan Vũ cho rằng Tôn Quyền “không dễ phá” được Giang Lăng, Công An, thành trì kiên cố; còn Phàn Thành đã bị nước lũ bao vây, như miếng thịt đã đến miệng, lẽ nào phải vứt bỏ công lao đã có? Thực không cam lòng.

Quan Vũ do dự, Từ Hoảng đã có cơ hội. Từ Hoảng nhận lệnh đến cứu Phàn Thành, nhưng vẫn án binh bất động, một mặt vì binh lực “không đủ để giải vây” mặt khác thời cơ chưa đến. Vừa khéo lúc này Tào Tháo lại cử thêm mười hai doanh nữa, thế là Từ Hoảng quyết định tấn công. Theo chú dẫn *Thực ký* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Quan Vũ truyện*, lúc đó Từ Hoảng và Quan Vũ đang đứng xa nhau ngoài chiến trường, nói chuyện phiếm “nói chuyện cũ không nói chuyện quân”, vì hai người trước đây là bạn bè khi còn dưới quyền Tào Tháo. Nhưng, chỉ trong nháy mắt, Từ Hoảng đã xuống ngựa đọc lệnh “chặt đầu Quan Vân Trường, thưởng ngàn cân vàng”. Quan Vũ ngăn người, sao đại ca lại nói như vậy? Từ Hoảng nói: đây là việc công. Cũng tức là, việc tư là việc tư, việc công là việc công, Từ Hoảng làm việc công quyết không nương tay. Kết quả, Quan Vũ bị đánh toi bời, đành phải rút khỏi Phàn Thành.

Phàn Thành được giải vây, nhưng Tào Tháo lại không thừa thắng truy kích. Đó không phải vì Tào Tháo nhân từ hoặc nghĩ tình cũ mà chỉ muốn ngồi nhìn hai hổ đấu



với nhau. Tào Tháo tin rằng: Tôn Quyền đã mài dao từ lâu, tất sẽ không buông tay bỏ cuộc.

Tào Tháo dự liệu hoàn toàn chính xác. Quan Vũ do dự, Tôn Quyền không do dự. Không chỉ không do dự mà động tác nhanh nhẹn, kế hoạch tỉ mỉ. Theo *Tam quốc chí - Lã Mông truyện*, sau khi Lã Mông phụng mệnh đến Tầm Dương, nhằm che mắt địch, tinh binh ẩn trong thuyền lớn, để binh sĩ mặc áo trắng chèo thuyền, biến quân nhân thành thương nhân, binh thuyền cải trang thành thương thuyền. Lén tiêu diệt hết những vọng gác của Quan Vũ ở dọc đường và thần không biết quỷ không hay cả đoàn đã đến Nam quận. Sĩ Nhân giữ Công An, Mi Phương giữ Giang Lăng. Hai người này vừa bắt mẫn vừa sợ hãi Quan Vũ. Vì vậy khi đại quân Lã Mông vừa tới, họ đã lần lượt ra hàng. Chờ khi Quan Vũ hiểu ra, Nam quận đã thuộc về họ Tôn. Đây chính là *Áo trắng vượt sông*.

Quan Vũ được tin Nam quận thất thủ, vội vã quay về, nhưng tất cả đã muộn, Lã Mông đã giành được lòng người Nam quận. Bây giờ nhìn lại, thấy rõ Lã Mông là người rất có đầu óc chính trị. Sau khi vào Nam quận, Lã Mông vỗ về dân chúng, với chính sách mềm mỏng đã nhanh chóng ổn định được tình thế. Vậy Lã Mông đã làm những gì? 1- Hạn chế binh sĩ, kỷ luật nghiêm minh, không tư hào của dân; 2- Xuống với trăm họ, hỏi han tình hình, chăm sóc sức dân; 3- Niêm phong kho tàng của Quan Vũ, chờ đợi Tôn Quyền; 4- Hậu đãi gia quyến Quan Vũ và các tướng sĩ, thu phục lòng dân. Theo *Tam quốc chí - Lã Mông truyện*, bây giờ Quan Vũ vừa lo quay về vừa lo cử người đến liên hệ với Lã Mông. Mỗi lần như vậy, Lã Mông luôn hậu đãi sứ giả, để họ đi dạo ở trong thành, có thể thăm hỏi từng hộ từng nhà, thậm chí còn chuyển hộ thư tín của người nhà cho họ, khiến tùy viên của Quan Vũ biết được gia đình vẫn bình an, sinh hoạt khá khá. Kết quả, Quan Vũ không về được, bộ hạ đã “mất hết ý chí”, không còn ai muốn liều mạng vì Quan Vũ.

Cùng lúc này, bên Lục Tồn cũng đã khai hoàn. Tướng giữ thành của Lưu Bị, người chạy đã chạy (như Nghi Đô Thái thú Phàn Hữu), người bại đã bại (như Phòng Lăng Thái thú Đặng Phụ), kẻ hàng đã hàng (như tướng Thục Trần Phụng). Theo *Tam quốc chí - Lục Tồn truyện*, Lục Tồn “trước sau giết, chiêu nạp, có đến mấy vạn”. *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện* nói, sau khi lấy xong Nghi Đô, Lục Tồn chiếm nốt Tỉ Quy, Kỳ Giang, Di Đạo, đóng quân ở Di Lăng, canh giữ Giáp Khẩu, phòng quân Thục tấn công. Theo *Tam quốc chí - Lã Mông truyện*, không lâu sau, Tôn Quyền đến Nam quận, lo việc chỉ huy, mở rộng mạng lưới, chờ Quan Vũ đến nộp mạng.

Lúc này Quan Vũ trước sau đều có địch. Lúc Quan Vũ rời khỏi Phàn Thành, bộ hạ của Tào Nhân chủ trương thừa thắng truy đuổi, bắt giết Quan Vũ, chỉ có Triệu Nghiễm phản đối, chủ trương lưu giữ Quan Vũ làm mối hòa đối với Tôn Quyền (giữ lại nhằm hại Quyền). Triệu Nghiễm là nghị lang, nhiệm vụ là “giúp (Tào) Nhân về quân sự”, Tào Tháo phái Triệu đến chỗ Tào Nhân nhằm thực hiện ý đồ của mình. Về mặt



thực tế, ý nghĩ của Tào Tháo và Triệu Nghiễm hoàn toàn giống nhau, để Tôn Quyền tiêu diệt Quan Vũ, Lưu Bị sẽ có mối thù sâu với Tôn Quyền. Vậy, bản thân Tào Tháo đã thực hiện được chưa? Chờ đợi Quan Vũ, số phận sẽ như thế nào?

Tập thứ ba mươi tư: BẠI VỀ MẠCH THÀNH

Cuộc giao tranh ở Kinh châu vào năm Kiến An thứ XXIV, do Tào Tháo và Tôn Quyền ngầm câu kết khiến cho tình thế nhanh chóng chuyển biến rất cơ bản. Tào Tháo và Tôn Quyền kẹp đánh từ hai phía nam, bắc, Quan Vũ trước sau đều có địch, tiến không thể tiến, thoái không thể thoái, cuối cùng thất bại chạy về Mạch Thành, hi sinh mạng sống, tập đoàn Lưu Bị cũng vì đó mất hẳn Kinh châu. Vậy, một hổ tướng từng “uy chấn Hoa Hạ” vì sao phải thảm bại? Về phía Lưu Bị, ai là người chịu trách nhiệm về lần thảm bại này?

Tập trước đã nói Lã Mông áo trắng qua sông, đánh lên vào Nam quận, giải cứu Phàn Thành. Tình trạng Quan Vũ lúc này nói theo *Lưu Bị truyện* của ngài Trương Tác Diệu là, “đã mất địa bàn, lại mất tướng sĩ”, mất cả lòng dân”. Bị “mất ba cái”, Quan Vũ đã cùng đường, chỉ còn cái chết.

Chừng như Quan Vũ cũng đã hiểu được điều này. Theo *Tam quốc chí - Lã Mông truyện*, Quan Vũ hiểu là mình đã thế đơn, lực mỏng, cùng đường mặt lộ (Vũ tự biết, cô cùng), liền chạy về Mạch Thành (phía sau huyện Đương Dương, Hồ Bắc ngày nay), rồi lại chạy khỏi Mạch Thành. Theo *Ngô chủ truyện*, sau khi Quan Vũ vào Mạch Thành, Tôn Quyền đã gọi hàng. Quan Vũ một mặt vờ đồng ý, mặt khác lại dựng cờ làm người giả trên tường thành rồi bỏ chạy. Trên đường, số binh sĩ bỏ trốn cũng nhiều, cuối cùng còn lại hơn chục người (lính trốn nhiều, còn lại hơn mười kỵ binh). Trong *Lã Mông truyện* gọi là “tây đến Chương Hương, chúng đều bỏ Vũ ra hàng”, cũng tức là từ Mạch Thành chạy về tây (Tây Bắc), khi đến Chương Hương (phía đông bắc huyện Đương Dương, Hồ Bắc ngày nay) lũ bộ hạ đều bỏ Vũ phản biến đầu hàng.

Tôn Quyền sớm biết Quan Vũ sẽ bỏ chạy nên đã sai Chu Nhiên, Phan Chương “chặn đường”. Theo *Phan Chương truyện* và *Chu Nhiên truyện* trong *Tam quốc chí*, Phan Chương và Chu Nhiên tiến tới Lâm Thụ (tây bắc huyện Viên An, Hồ Bắc ngày nay), hạ trại ở Giáp Thạch (Đông bắc huyện Đương Dương, Hồ Bắc ngày nay). Tháng mười hai, Quan Vũ và con là Quan Bình cùng đô đốc Triệu Lụy bị bộ hạ của Phan Chương là Mã Trung bắt, về sau đều bị giết.

Sử sách ghi lại cái chết của Quan Vũ còn chưa thống nhất. Ai giết Quan Vũ, Quan Vũ chết ở đâu, mọi người còn tranh luận. Nguyên nhân tranh luận, vì cách nói trong “Tam quốc chí” không rõ ràng, tài liệu chú dẫn của Bùi, nhiều chỗ mâu thuẫn. *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện* nói: “Mã Trung bắt được Vũ và con là Bình cùng đô đốc Triệu Lụy ở Chương Hương”. *Tam quốc chí - Quan Vũ truyện* nói: “Quyền sai tướng đánh Vũ,



chém Vũ và con ở Lâm Thư”. Chương Hương và Lâm Thư là hai địa danh. Còn ai giết Quan Vũ thì theo *Quan Vũ truyện* phải là Phan Chương - người phụng mệnh đi “đánh Vũ”, thậm chí dứt khoát phải là Mã Trung bộ hạ của Phan Chương. Nhưng vẫn là truyện này, Bùi Tùng Chi chú dẫn *Thực ký* lại nói là Tôn Quyền quyết định. Hơn nữa, lúc đầu Tôn Quyền không định giết, nói là để “Vũ sống, địch lại Lưu, Tào”. Có điều bộ hạ đều không đồng ý, nói là “sói không thể nuôi, về sau có hại”, chẳng phải Tào công không kịp thời trừ khử Quan Vũ, nên suýt nữa đã phải dời đô sao? Lúc này Tôn Quyền mới chịu giết Quan Vũ.

Nói như vậy thì nhận định của Bùi Tùng Chi là sai. Bùi Tùng Chi nói: bây giờ Tôn Quyền lệnh cho Phan Chương ngăn Quan Vũ, hạ lệnh “Vũ đến là giết”, đương nhiên khi bắt được Vũ, lập tức giết ngay. Vả lại, Lâm Thư cách Giang Lăng hai, ba trăm dặm, làm gì có chuyện không giết ngay, làm sao còn phải bàn nên giết hay không nên giết (lẽ nào không giết ngay, việc gì phải bàn việc sống chết)?

Ngài Trương Tác Diệu cũng không cho điều đó là đúng. *Lưu Bị truyện* nói: nhiệm vụ của Phan Chương chỉ là cản đường, không có quyền giết, các chuyện trong Tam quốc chí cũng không thấy ghi chép việc Tôn Quyền hạ lệnh “Vũ đến là giết”. Hơn nữa, từ Lâm Thư hoặc Chương Hương đến Giang Lăng, đường thủy cũng không quá trăm dặm, hoàn toàn có thể thỉnh thị. Ngoài ra, ngài Trương còn lấy ví dụ trong *Tam quốc chí - Ngô Phạm truyện* để bảo vệ quan điểm của mình. Ngô Phạm có thể coi là “người dự báo” khá thông thạo, ông thường “nói mấy lời trước khi có họa, và nhiều phần đúng”. Tôn Quyền và Lã Mông bàn định lên đánh Quan Vũ, nhiều người cho là không thể? Ngô Phạm nói có thể. Quan Vũ xin hàng Tôn Quyền, Tôn Quyền hỏi Ngô Phạm thật hay giả, Ngô Phạm nói giả. Tôn Quyền phái Phan Chương đi cản đường, thám tử cho hay Quan Vũ đã chạy, Ngô Phạm nói chạy không thoát. Tôn Quyền hỏi bao giờ thì bắt được, Ngô Phạm nói trưa mai. Trưa ngày thứ hai, gió làm rung tấm rèm che, Ngô Phạm vỗ tay nói: “Vũ đến rồi!”, trong nháy mắt, phía ngoài có tiếng hô vạn tuế, “báo đã bắt được Vũ”. Căn cứ vào đó, ngài Trương cho rằng, chính Tôn Quyền đã giết Quan Vũ.

Cách nói của ngài Trương vẫn còn phải bàn. Nói là “Vũ đến rồi!”. Không có nghĩa là Quan Vũ đã bị giải đến đại bản doanh của Tôn Quyền, chỉ có nghĩa là đã bắt được. Bởi vì trước đó không thể không có bất kỳ tin tức nào về Quan Vũ và vừa có tin thì người cũng được giải đến. Cái gọi là “báo đã bắt được Vũ”, tức là đã có tin bắt được Vũ. Hơn nữa quan điểm của Bùi Tùng Chi không phải là không có lý, cách nói trong *Thực ký* mới đáng ngờ. Nào là “Vũ sống để đối địch với Lưu, Tào”! Lợi dụng Quan Vũ đối phó với Tào Tháo thì còn được, muốn Quan Vũ đối phó với Lưu Bị, chỉ là kẻ ngốc nằm mơ!

Vì vậy tôi nghĩ, Phan Chương hoặc Mã Trung đã giết Quan Vũ, nhưng không phải “tự ý” mà là “theo lệnh”. Một khả năng, trước đó Tôn Quyền đã có lệnh “Vũ đến



là giết”. Tuy sử sách không ghi lại việc này, nhưng không phải là không có. Vì vậy, có thể là Mã Trung đã giết Quan Vũ. Một khả năng khác, sau khi được tin Quan Vũ bị bắt, Tôn Quyền đã truyền lệnh đó. Theo *Ngô chủ truyện*, Quan Vũ bị bắt ở Chương Hương; theo *Quan Vũ truyện*, Quan Vũ bị giết ở Lâm Thụ; còn như *Phan Chương truyện*, Phan Chương và Chu Nhiên “ngăn đường Vũ, đến Lâm Thụ, ở Giáp Thạch”, lấy Lâm Thụ làm quân doanh, mai phục ở Giáp Thạch. Giáp Thạch ở về phía tây bắc Chương Hương. Từ đó có thể suy ra, sau khi Phan Chương bắt được Quan Vũ ở Chương Hương đã áp giải Vũ về quân doanh Lâm Thụ. Lúc này, lệnh của Tôn Quyền cũng vừa tới, Phan Chương đã giết Quan Vũ. Vì vậy, nói Tôn Quyền giết Quan Vũ hoặc do Phan Chương giết đều được.

Thực ra, nếu nói việc giết Quan Vũ là do Phan Chương hoặc Mã Trung “tự ý”, Tôn Quyền vẫn phải chịu trách nhiệm, bao giờ Lưu Bị cũng ghi nợ lên đầu Tôn Quyền. Vì thế Tôn Quyền mới thấy sợ. Tôn Quyền liền nghĩ cách gạt tội sang người khác. Theo chú dẫn *Ngô lịch* của Bùi Tùng Chi trong *Quan Vũ truyện*, sau khi Quan Vũ bị giết, Tôn Quyền cho đem thủ cấp Quan Vũ sang chỗ Tào Tháo. Rõ ràng Tôn Quyền muốn đánh lạc hướng, muốn để mọi người hiểu, Tào Tháo đã giết Quan Vũ. Một mẹo nhỏ của Tôn Quyền lẽ nào Tào Tháo lại không nhìn ra? Tháo liền cho hậu táng Quan Vũ theo lễ của chư hầu. Ngang như tuyên bố với mọi người, ta không giết Quan Vũ. Nhưng vì sao Tào Tháo lại không đem thủ cấp Quan Vũ trả lại cho Tôn Quyền? 1- Làm như vậy có phần quá đáng, là trở mặt với Tôn Quyền, và lúc này hai bên còn có minh ước liên hợp cùng đánh Quan Vũ. 2- Lúc này Tào Tháo đang là thừa tướng vương triều nhà Đại Hán, là đại diện của “trung ương”, không lý gì lại đem trả vật mà “địa phương” dâng lên “trung ương”. Tào Tháo chỉ còn cách là hậu táng Quan Vũ để thanh minh cho bản thân.

Bất kể là thế nào, Quan Vũ chết thì Kinh châu cũng mất. Rõ ràng đây là tổn thất nặng nề của tập đoàn Lưu Bị. Vì vậy cũng phải hỏi, cuối cùng thì ai là người bên phía Lưu Bị chịu trách nhiệm về cuộc thảm bại này?

Có nhiều cách nói. Có người bảo do Quan Vũ, có người bảo do Lưu Bị, cũng có người bảo do Gia Cát Lượng. Có ba vấn đề lớn dẫn tới có nhiều cách nói khác nhau. Một là, Quan Vũ có cần phải phát động cuộc chiến ở Tương, Phàn không? Hai là, Lưu Bị có nên để Quan Vũ đô đốc Kinh châu không? Ba là, một mình Quan Vũ đơn độc tác chiến, sao tập đoàn Lưu Bị không cho quân cứu viện? Vấn đề thứ nhất là vấn đề hết sức cơ bản, chúng ta bắt đầu từ vấn đề này.

Chúng ta đều biết, nguyên nhân trực tiếp khiến Quan Vũ bại trận chạy đến Mạch Thành là Lã Mông và Lục Tốn lên đánh vào Nam quận, tập đoàn Tôn Quyền đâm một nhát vào lưng. Có điều, nếu Quan Vũ không tấn công Tương Dương, Phàn Thành thì những mưu kế từ lâu kia của Tôn Quyền và Lã Mông, Lục Tốn cũng chẳng có cơ hội để thực hiện. Cũng tức là không có chiến tranh Tương Phàn ở phía trước thì cũng không



có bại trận chạy đến Mạch Thành ở phía sau. Ở đây lại có ba vấn đề nhỏ: 1- Ai quyết định đánh Tương Phàn? 2- Vì sao phải đánh Tương Phàn? 3- Có nên gây ra cuộc chiến ở Tương Phàn hay không?

Trước tiên nói tới vấn đề nhỏ thứ nhất, về vấn đề này có hai ý kiến khác nhau. *Lưu Bị truyện* của ngài Trương Tác Diệu cho rằng, “Quan Vũ với sự gợi ý của Lưu Bị, Gia Cát Lượng” đã phát động chiến tranh. Sau đó thì Lưu Bị và Gia Cát Lượng không có một biện pháp phối hợp nào. Không những không có biện pháp ứng cứu nào mà cũng không bố trí quân sự tương tá, họ phóng tay để Quan Vũ một người hữu dũng vô mưu, quá tin vào sức mình “tự lo liệu”. Vì vậy Lưu Bị và Gia Cát Lượng khó tránh được trách nhiệm trong lần thất bại này, thậm chí “phải gánh lấy trách nhiệm chủ yếu”.

Tam quốc chí của ngài Hà Tư Toàn lại có quan điểm khác. Ngài Hà nói: “Quan Vũ tiến công Tương Dương, Phàn Thành, gần như không bàn bạc trước với Lưu Bị và Gia Cát Lượng”. Nói vậy là đúng. Bởi vì rà soát lại *Tam quốc chí* không hề thấy có “mệnh lệnh” nào hoặc “gợi ý” nào của Lưu Bị, Gia Cát Lượng để Quan Vũ tấn công Tương Phàn. Một quyết sách lớn lao như vậy sử sách không nên bỏ sót, vì vậy chỉ có thể giải thích là Quan Vũ tự nghĩ ra việc này. Có điều không thấy Lưu Bị trao quyền hoặc góp ý, cũng không thấy phản đối. Nếu có phản đối, chắc sử sách đã ghi lại. Nếu Lưu Bị kiên quyết phản đối, Quan Vũ sẽ phải thôi. Xem ra thái độ Lưu Bị lúc đó, nghe đó bỏ đó, hoặc ngầm cho phép, thậm chí là tán thành. Vì vậy, Lưu Bị không thể nói không có một chút trách nhiệm nào.

Gia Cát Lượng không chịu trách nhiệm. Theo *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện*, lúc đó trận chiến Tương Phàn quan hàm của Gia Cát Lượng “quân sự tướng quân” lo việc trong “phủ Tả tướng quân”. Lưu Bị sau khi chiếm Thành Đô đã sắp xếp như vậy. Lúc này quan hàm của Lưu Bị là Tả tướng quân, nha môn tại phủ Tả tướng quân. Gia Cát Lượng lo việc trong “phủ Tả tướng quân” chính là “Tổng lý đại thần” hoặc “đại quản gia” của Lưu Bị, nhiệm vụ là giúp Lưu Bị hoàn thành công việc, yên dân yên nước, lúc Lưu Bị ra ngoài thì “Trấn thủ Thành Đô, lo đủ lương thực lo đủ quân lính”. Tức là, Gia Cát Lượng không phải “Tổng tư lệnh ba quân” hoặc “Tổng tham mưu trưởng” của Lưu Bị, nhiệm vụ chủ yếu là hành chính, dân chính, không dính đến quân sự, vậy Gia Cát Lượng có trách nhiệm gì?

Có người nói, Quan Vũ phát động chiến tranh Tương Phàn là làm theo chiến lược tổng thể của Gia Cát Lượng. Làm theo phương châm định sẵn của Gia Cát Lượng mới có được Kinh, Ích châu, trong “Long Trung đối” đã nói rõ. Vì vậy Gia Cát Lượng cũng có trách nhiệm. Nói vậy là không đúng. “Long Trung đối” của Gia Cát Lượng chỉ là quy hoạch tổng thể, không phải phương án thực hiện. Gia Cát Lượng không trực tiếp hạ lệnh Quan Vũ tiến công Tương Phàn, và ông cũng không có quyền đó. Nếu chỉ vì Gia Cát



Lượng có đôi sách trong Long Trung mà đổ trách nhiệm lên đầu ông là không công bằng.

Hơn nữa trong Long Trung đôi nói thế nào? Gia Cát Lượng đã nói rất rõ: “thiên hạ có biến, nên lệnh một thượng tướng cùng dân chúng Kinh châu đến Uyển, Lạc, tướng quân (Lưu Bị) dẫn dân chúng Ích châu ra khỏi Tần Xuyên”. Ý muốn nói tới quy hoạch của Gia Cát Lượng: một là, nếu thiên hạ có biến, hai là, cần đưa quân ra hai đường. Xin hỏi, lúc Quan Vũ tiến công Tương Dương và Phàn Thành thiên hạ có biến không? Không. Đưa quân ra hai đường chẳng? Cũng không. Vậy sao có thể nói là quán triệt cách bố trí chiến lược của Gia Cát Lượng. Hơn nữa theo tôi, Quan Vũ không những không quán triệt ý đồ chiến lược của Gia Cát Lượng, mà còn phá hoại cách bố trí chiến lược đó. Bởi vì mất Kinh châu là vĩnh viễn mất luôn khả năng tiến quân bằng hai đường lên bắc tiêu diệt Tào Tháo, thống nhất thiên hạ!

Tôi nghĩ, không phải Gia Cát Lượng không hiểu điều này. Vậy vì sao Gia Cát Lượng lại không ngăn cản hành động của Quan Vũ? Điều nuối tiếc này, chúng ta sẽ nói tới sau. Lúc này hãy trả lời vấn đề nhỏ thứ hai đã nói tới: vì sao phải phát động cuộc chiến tranh ở Tương Phàn?

Ngài Lã Tư Miễn cho đó là việc làm nhằm phối hợp với hành động của Lưu Bị ở Hán Trung. “Tần Hán sử” của ngài Lã nói: “binh có lợi khi cùng ra quân, đầu đuôi tương ứng, tiếc là quân Lưu Bị chưa về, quân Quan Vũ đã nổi dậy”. Đối với điều này, tôi thấy có gì đó chưa đúng. Lưu Bị tiến quân Hán Trung vào năm Kiến An thứ XXIII (Công nguyên năm 218). Chém Hạ Hầu Uyên ở núi Định Quân vào tháng giêng năm Kiến An thứ XXIV (Công nguyên năm 219). Tào Tháo đến gần Hán Trung vào tháng ba năm đó, tháng năm đã đưa quân về Trảng An. Nếu Quan Vũ có ý hạn chế Tào Tháo, vì sao không ra tay sớm hơn? Chờ đến tháng bảy, lúc Lưu Bị đã chiếm Hán Trung, tự xưng là Hán Trung vương mới tấn công Tương Phàn, chẳng phải là thừa sao?

Vì vậy, hành động của Quan Vũ chỉ có thể hiểu là được voi đòi tiên. Nói dễ nghe là thừa thắng tiến tiếp, giành thắng lợi nữa; nói khó nghe là tham lam không biết lượng sức. Vậy cuối cùng rơi vào tình trạng nào? Điều này liên quan tới vấn đề nhỏ đã nói ở phần trước, tức là có nên tiến đánh Tương Phàn hay không?

Đã có hai ý kiến về vấn đề này. Một loại cho rằng “nên đánh”, có hai nội dung: 1- Theo quy hoạch đã bàn ở Long Trung cho Lưu Bị của Gia Cát Lượng, Tương Dương và Phàn Thành sớm muộn gì cũng phải lấy. Lấy Tương Phàn mới có được cả Kinh châu. Cái đó gọi là “tất phải đánh”; 2- Quan Vũ không phải hoàn toàn không có khả năng lấy Tương Phàn, chí ít là có điều kiện: 1. Hơn nửa năm trước đã có sự kiện phản lại Tào Tháo ở vùng Nam Dương, rõ ràng là nền thống trị của Tào Tháo ở phía bắc Kinh châu không ổn định; 2. Lưu Bị đã có Hán Trung, lại có thêm Thượng Dung, lòng quân phần



chấn, khí thế bừng bừng; 3. Ở phía đông Tôn Quyền tiến công Hợp Phì, có thể trống giông cờ mở. Bên phía Tào Tháo, vừa rút khỏi Hán Trung vừa phải đối phó với Tôn Quyền, không tránh khỏi, giữ chỗ này mất chỗ kia, thế gọi là “có thể đánh”. Cần phải đánh thêm có thể đánh, vậy kết luận là “nên đánh”.

Nhưng ngài Hà Tư Toàn lại có cách nhìn khác. Ông cho rằng, cuộc chiến Tương Phàn của Quan Vũ là cuộc chiến “mạo hiểm về quân sự, không đúng thời cơ”. Theo quan điểm của ngài Hà trong *Tam quốc sử*, Lưu Bị vừa đoạt Hán Trung đang cần ổn định thế cục, dưỡng quân nghỉ ngơi, đâu có thể vừa đánh lại đánh tiếp? Đó là điều một. Lưu Bị định xong Hán Trung. Quan Vũ đi lấy Tương Phàn, một trước một sau, không phải ra quân bằng hai đường, đông tây cùng kẹp đánh, hơn nữa thiên hạ không có biến động, không phù hợp với thiết kế của Gia Cát Lượng. Đó là điều hai. Quân của Quan Vũ, tiếng là đông đảo hùng mạnh, nhưng thực tế lực lượng có hạn. Nếu không có trận lữ giúp sức, thì e cũng không thể hàng phục Vu Cấm, chém đầu Bàng Đức. Đã vậy, Phàn Thành vẫn chưa bị hạ, và khi Từ Hoảng đem quân đột nhập, Quan Vũ đành phải rút. Cũng có nghĩa, uy lực của Quan Vũ đã được phóng to hơn. Vì vậy ngài Hà mới nói: Tôn Quyền lên đánh Nam quận, trận đánh quá dễ dàng. Nếu không có quân Tôn Quyền tập kích ở phía sau, Tào Tháo vẫn có thể phản kích, Quan Vũ cũng sẽ thất bại, có điều không phải thảm bại như thế này.

Riêng tôi cho rằng, ngài Hà đã rất đúng. Từ những điều đã nói, chúng ta có thể rút ra kết luận cho vấn đề lớn thứ nhất: Một là, Quan Vũ đã phát động chiến tranh Tương Phàn, Lưu Bị không trao quyền không góp ý, nhưng cũng không phản đối. Hai là, nguyên nhân Quan Vũ phát động chiến tranh Tương Phàn: mê muội trước những thắng lợi, đánh giá sai tình huống, cho rằng có thể thắng tiếp, một trận là sạch không; còn tập đoàn Lưu Bị thì như Lữ Bật đã dẫn lời Hoàng Ân Đồng trong *Tam quốc chí tập giải*, “mải vui vì thắng, không lường được bại” đã để mặc cho Quan Vũ tấn công. Ba là, phát động chiến tranh Tương Phàn là sai lầm, vì không đúng thời cơ, chuẩn bị không đủ. Quan Vũ vì quá vui mừng trong thắng lợi nên đã phán đoán sai lầm. Từ đó chúng ta lại có thêm một vấn đề: Lưu Bị có nên để Quan Vũ là đô đốc Kinh châu không?

Đây là vấn đề rất khó trả lời, bởi vì không thể nói Lưu Bị đã chọn nhầm người. Trước hết, Quan Vũ rất trung thành, đúng như vậy. Thứ nữa, Quan Vũ giỏi giang. Từ lúc Lưu Bị ra quân, Nam chinh Bắc chiến, bất kể lúc nào, không chia quân thì thôi, một khi chia quân thì nhất định mình một cánh, Quan Vũ một cánh, rõ ràng Quan Vũ có tài. Ba là, Quan Vũ có nghề. Giữ Kinh châu, cần người biết về thủy quân, lại chính là Quan Vũ biết nghề này. Năm đó Lưu Bị bại trận ở Trường Bản, may nhờ Quan Vũ đem thủy quân tiếp ứng mới thoát được nguy hiểm. Quan Vũ là người phương bắc vừa đến miền Nam đã nắm được thủy quân, rõ ràng là người giỏi giang. Trung thành, giỏi giang, có



nghe, Lưu Bị vào Thục, cần để một đại tướng ở lại giữ Kinh châu, tính toán kỹ người đó phải là Quan Vũ.

Nhưng về tính cách thì Quan Vũ có vấn đề, Quan Vũ tự cao tự đại, quá sức tự tin, say mê chiến công, muốn được đề cao. Theo *Tam quốc chí - Quan Vũ truyện*, năm Kiến An thứ XIX (Công nguyên năm 214), Lưu Bị tiến công Thành Đô, Mã Siêu đến hàng. Vì không biết Mã Siêu, Quan Vũ đã viết thư cho Gia Cát Lượng hỏi về tài năng của Mã Siêu, có thể so sánh với ai. Gia Cát Lượng biết Quan Vũ thích hơn người (Lượng biết Vũ thích hơn người), nên trả lời, Mã Mạnh Khởi (Mã Siêu tự Mạnh Khởi) văn võ song toàn, mạnh mẽ hơn người, gọi là “tuần kiệt một thời”, có thể ngang với Trương Dực Đức (Trương Phi) nhưng chưa thể là “tuyệt luân siêu quần” Mỹ Nhiệm Công (Quan Vũ)! Quan Vũ xem xong mừng rỡ vô cùng đã đưa thư của Gia Cát Lượng cho vị khách xem.

Có nhiều cách đánh giá về vấn đề này. Có người nói, Gia Cát Lượng giao hoạt, muốn được lòng cả đôi bên. Tôi nghĩ không phải thế. Ngược lại, lúc này Gia Cát Lượng tuy chưa phải là thừa tướng nhưng đã biểu hiện tài của thừa tướng. Nhiệm vụ của thừa tướng là gì? Là “điều tiết âm dương”, tức là xử lý tốt mọi mối quan hệ. Mã Siêu vừa sang hàng, trong lòng còn băn khoăn lo lắng, cần phải khẳng định và vỗ về, và Mã Siêu đúng là nhân tài, lẽ nào lại hạ thấp? Còn Quan Vũ không muốn ai hơn mình, nên chỉ có thể coi Mã Siêu là “tuần kiệt một thời” và “tuyệt không sánh bằng”.

Đương nhiên nói vậy, Gia Cát Lượng đã gây nên tác dụng phụ, tức là đã quá “nuông chiều” Quan Vũ. Nhưng đây cũng không phải trách nhiệm của Gia Cát Lượng. Tập đoàn Lưu Bị và bản thân họ Lưu đều phải có trách nhiệm. Vì họ đều nhường Quan Vũ, quá đề cao Quan Vũ hoặc lấy biện pháp đề cao để đối phó với Quan Vũ. Tháng bảy Kiến An năm thứ XXIV (Công nguyên năm 219), Lưu Bị tự xưng Hán Trung vương, phong Quan Vũ Tiền tướng quân, Trương Phi là Hữu tướng quân, Mã Siêu là Tả tướng quân, đồng thời còn phong Hoàng Trung là Hậu tướng quân. Ngay lúc đó, Gia Cát Lượng hiểu là Quan Vũ không vui. Vì nói về quan hệ, Hoàng Trung không bằng được Trương Phi; về danh tiếng Hoàng Trung không bằng Mã Siêu. Quan Vũ đâu chịu “cùng hàng”? Lưu Bị nói: Không sao, ta sẽ có cách. Lưu Bị cử Phí Thi tới đó. Theo *Tam quốc chí - Phí Thi truyện*, Phí Thi vừa tới chỗ Quan Vũ, quả nhiên Quan Vũ đã lòng lên nói: đại trượng phu sao có thể ngồi cùng hàng với tên lính già! Phí Thi từ từ nói, nhà vua dùng người không câu nệ. Hán vương (Lưu Bị) phá lệ cất nhắc Hoàng Hán Thăng (Hoàng Trung) chỉ vì ông ấy vừa lập công lớn. Nhưng tận đáy lòng Hán vương Hán Thăng sao bì được với quân hầu (Quan Vũ). Quân hầu và Hán vương có quan hệ gì nào? Lòng dạ cùng nhau, máu thịt gắn kết, như là một người. Hán vương vinh nhục là quân hầu vinh nhục, Hán vương họa phúc cũng là họa phúc của quân hầu, lẽ nào quân hầu còn phải ngã giá với Hán vương? Phí Thi này chỉ là người đưa tin, quân hầu không tiếp



nhận, Phí Thi xin về, chỉ sợ rằng quân hầu sẽ phải hối hận. Quan Vũ nghe xong đã hiểu ra, liền bái lạy nhận phong.

Phí Thi nói vậy, ngang như tập đoàn Lưu Bị đã dám sờ vào móng hổ, nhưng vẫn là vượt lòng thôi. Rõ ràng xưa nay tập đoàn Lưu Bị luôn chiều chuộng Quan Vũ, Quan Vũ biến thành “đứa trẻ hư vì được nuông chiều”. Một đứa trẻ như vậy sẽ có hai đặc điểm, một là phóng túng, hai là ngây thơ. Bởi được nuông chiều nhiều nên phóng túng; vì là trẻ con nên ngây thơ. Quan Vũ là loại người đó. Vì phóng túng nên mới phát động chiến tranh Tương Phàn; vì ngây thơ nên mới bị Lã Mông và Lục Tồn dụ dỗ. Vì vừa phóng túng vừa ngây thơ mới phạm sai lầm trong xử lý quan hệ giữa ta với kẻ thù hoặc bè bạn.

Có hai ví dụ để nói rõ vấn đề này. Theo chú dẫn của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Quan Vũ truyện*, trong trận chiến Tương Phàn, Tôn Quyền chủ động có ý muốn giúp Quan Vũ, nhưng vẫn có ý đồ riêng. Tôn Quyền dặn quân sĩ không được hành quân quá nhanh, đồng thời sai sứ báo tin cho Quan Vũ. Quan Vũ không biết lợi dụng cơ hội đó làm yên lòng Tôn Quyền hoặc lợi dụng Tôn Quyền hạn chế Tào Tháo, ngược lại đã căm hận Tôn Quyền một cách phi lí. Quan Vũ nổi giận đùng đùng trước người vừa đến hàng là Vu Cẩm, mở miệng chửi ầm lên, đồ vô lại! Người dám chân chừ (tiểu tử vô lễ)! Chờ ta lấy Phàn Thành xong, sẽ tiêu diệt ngươi!

Bùi Tùng Chi không thừa nhận việc này. Bởi vì từ lâu Tôn Quyền và Lã Mông đã có ý đánh lén Quan Vũ. Nếu lấy cớ đến trợ chiến thì việc gì còn phải len lén áo trắng qua sông? Nhưng có một việc khác lại đúng, đó là việc Tôn Quyền muốn bàn việc hôn nhân với bên Quan Vũ, Quan Vũ đã mắng chửi sứ giả. Theo *Quan Vũ truyện* nguyên nhân là: “Quyền sai sứ đến hỏi con Vũ cho con trai mình, Vũ hạ nhục sứ giả và từ chối”. Chúng ta đều biết, xưa nay những loại hôn nhân đó đều vì chính trị, mục đích duy nhất là ủng hộ quan hệ liên minh. Tôn Quyền có thể gả em gái cho Lưu Bị thì sao Quan Vũ lại không thể gả con gái cho con trai Tôn Quyền? Đương nhiên, có thể Quan Vũ xem thường hoặc căm giận Tôn Quyền (Lúc này Tôn Quyền đã gọi em gái về), vẫn có thể từ chối hôn sự bằng lời lẽ ngoại giao, không nên mắng chửi.

Trong thực tế “đứa trẻ hư vì luôn được nuông chiều” còn có một đặc điểm, rất thích mắng chửi người khác. Chúng ta đã nói trong tập trước, quân Lã Mông vừa đến Nam quận thì hai viên tướng giữ thành đã đầu hàng. Một trong những nguyên nhân, hai người vừa bất mãn vừa khiếp sợ trước Quan Vũ. Theo *Quan Vũ truyện*, Quan Vũ không hề ghen tị, nhưng luôn tỏ ra xem thường họ, vì vậy họ “mới hiềm Vũ xem thường”. Quan Vũ ra trận, yêu cầu hai người phải “cung cấp quân lương”. Vì bất lực trong công việc nên họ bị Quan Vũ nhục mạ, còn nói “sẽ trừng trị”, kết quả hai người “thấy khiếp sợ”, Lã Mông gọi hàng, họ theo ngay. Nghĩ xem, bạn ra tiền phương đánh trận, để họ ở



lại hậu phương trông nhà, một nhiệm vụ thật quan trọng, không thể nhẹ nhàng với họ một chút sao?

Qua những chuyện đó thấy rõ, cử Quan Vũ giữ Kinh châu là không hợp. Đúng. Quan Vũ có năng lực, có hiểu biết về một mặt nào đó, nhưng là ở giai đoạn đầu sự nghiệp Lưu Bị, không giữ nổi một thành nhỏ (như Hạ Phi), đánh thắng nổi địch (như Nhan Lương). Còn như giữ mảnh đất chiến lược như Kinh châu, đối phó với những kẻ gian hùng giao hoạt như Tào Tháo, Tôn Quyền, phải tác chiến cùng lúc trên cả hai mặt chính trị và quân sự thì Quan Vũ không đủ sức. Quan Vũ không có đầu óc chính trị, không có nhãn quan chiến lược, chỉ dương dương tự đắc, làm việc đơn độc, về cơ bản không phù hợp với trách nhiệm một thừa tướng; hơn nữa với tính ngây thơ, phóng túng, ngang bướng kiêu ngạo sẽ có nhiều sơ hở trước kẻ thù. Nói cách khác, với tính cách ấy Quan Vũ chỉ có thể là một “đại hiệp” lang bạt giang hồ, không thể trở thành “đại soái” giành giật ở Trung Nguyên.

Như vậy, Lưu Bị và Gia Cát Lượng dùng người không hợp chăng? Cũng không phải thế. Gia Cát Lượng không có trách nhiệm gì, vì lúc này ông không có quyền dùng người, ông cũng không phải là người nói gì làm gì Lưu Bị nhất nhất nghe theo như mọi người từng nghĩ. Lưu Bị đương nhiên là có trách nhiệm, nhưng không phải là nặng. Bởi vì Lưu Bị cũng không thể nghĩ được xa. Lưu Bị cũng không ngờ, một khi lấy được Ích châu, Kinh châu sẽ đứng trước một áp lực chưa từng có; mà Quan Vũ thì không thể gánh nổi. Có thể, sau khi Lưu Bị làm chủ Thành Đô, cần phải nhanh chóng cử người giúp đỡ và hạn chế Quan Vũ. Nhưng Lưu Bị có thể cử ai đây? Gia Cát Lượng không đi được (chính quyền mới thành lập ở Ích châu phải trông cậy vào Gia Cát Lượng), Bàng Thống đã chết, Pháp Chính không quen Quan Vũ, vậy cử Trương Phi, Triệu Vân, Mã Siêu hay Hoàng Trung? E đều không được! Nói đi nói lại, Lưu Bị cũng chẳng còn cách nào khác. Và lúc này Lưu Bị cũng đang say sưa trong thắng lợi.

Bây giờ chúng ta trả lời câu hỏi cuối cùng: Vì sao tập đoàn Lưu Bị thấy Quan Vũ đơn độc chiến đấu mà không cho quân cứu viện? Theo tôi có ba chữ: “Không ngờ tới”. Ngài Lã Tư Miễn nói trong *Tần Hán sử*: Vũ bại trận, Tào Tháo chưa kịp nghĩ tới, còn Tôn Quyền cũng chưa có kế khiến Vũ bại trận nhanh như vậy”. Cũng tức là, không ngờ tới, một người như Quan Vũ, kẻ thù nghe tiếng đã khiếp sợ, lại vừa đại phá quân Tào ở Phàn Thành, uy trấn thiên hạ, bức Tào Tháo suýt nữa phải dời đô, mà lại bại trận như núi lở. Tào Tháo không ngờ tới? Đúng, cũng không ngờ tới. So với Tào Tháo, Tôn Quyền thì Lưu Bị càng không ngờ tới. Đúng là Lưu Bị không hề biết Tào Tháo và Tôn Quyền đã ngầm ngầm câu kết, Lã Mông, Lục Tốn ra quân từ hai đường, áo trắng qua sông, lên đánh Nam quận, đúng là sấm gài không kịp bịt tai. Đúng vậy, tháng bảy Kiến An năm thứ XXIV (Công nguyên năm 219), tiến đánh Tương Phàn, tháng mười hai cùng năm bại trận chạy về Mịch Thành, thời gian chưa đến nửa năm. Nhưng tình thế



chiến tranh lại thay đổi trong nháy mắt. Nên nhớ, trước khi Tào Tháo phát tán lá thư của Tôn Quyền, Quan Vũ vẫn tin rằng mình sẽ thắng. Ngay cả khi đã biết ý đồ của Tôn Quyền, Quan Vũ vẫn chưa chịu rời bỏ Phàn Thành. Nghĩa là Quan Vũ cũng chưa nghĩ rằng mình sẽ thất bại, bên phía Lưu Bị chỉ nghe toàn tin thắng lợi thì việc gì phải cử viện binh. Chờ khi Quan Vũ chúng phản thân li, bại trận chạy về Mạch Thành, Lưu Bị có muốn cứu cũng không kịp, trừ phi Lưu Bị có quân lính từ trên trời xuống.

Kết luận cuối cùng là: Thất bại chạy về Mạch Thành, bỏ mất Kinh châu là kết quả việc Tôn Quyền và Tào Tháo liên kết nhằm ngăn cản tập đoàn Lưu Bị. Bên phía tập đoàn Lưu Bị, Quan Vũ chịu trách nhiệm trực tiếp. Lưu Bị chịu trách nhiệm của người lãnh đạo. Gia Cát Lượng không chịu trách nhiệm. Nhưng bất kể là ai chịu trách nhiệm, Lưu Bị không thể nhận tất cả và cũng không chịu buông xuôi. Vậy Lưu Bị đã làm gì và kết quả sẽ như thế nào?

Tập thứ ba mươi năm: KHIẾU ĐÌNH DI HẠN

Tháng mười hai, Kiến An năm thứ XXIV, Lưu Bị trong tình trạng không có chuẩn bị gì về tư tưởng đã mất Quan Vũ lại mất luôn cả Kinh châu. Đối với Lưu Bị, người vừa lấy được Ích châu chưa lâu, đang dự định mở rộng địa bàn, thì đây là một đòn đả kích nặng nề. Nửa năm sau, Lưu Bị - người không dễ cam chịu, đã phát động cuộc chiến ở Di Lăng với ý đồ đoạt lại Kinh châu. Nhưng binh bại thân vong mà kết thúc. Vậy đó là trận chiến thế nào, và Lưu Bị tưởng đã nắm chắc phần thắng vì sao phải thất bại thảm hại?

Tập trước chúng ta nói tới trận chiến giành Kinh châu. Kết quả, Lưu Bị mất cả Quan Vũ lẫn Kinh châu. Quan Vũ là tướng yêu của Lưu Bị, Kinh châu là vận mệnh của Lưu Bị, đương nhiên Lưu Bị sẽ không cam chịu. Thế là nửa năm sau, Lưu Bị đồng chinh, phát động chiến tranh đánh phá Tôn Quyền vào tháng bảy âm lịch, Công nguyên năm 221. Trước đó, tháng mười âm lịch, Công nguyên năm 220, Tào Phi xưng đế, cải nguyên là Hoàng Sơ. Tháng tư năm sau, Lưu Bị xưng đế, kiến nguyên Chương Vũ. Vì vậy, thời gian phát động chiến tranh, sử sách ghi là “tháng bảy Hoàng Sơ năm thứ II” hoặc “Tháng bảy Chương Vũ năm đầu”. Bấy giờ, Lưu Bị đóng quân ở Khiếu Đình (phía bắc Nghi Đô, Hồ Bắc ngày nay) hoặc Di Lăng (phía đông nam thị trấn Nghi Xương, Hồ Bắc ngày nay). Vì vậy sử sách ghi chép là “chiến tranh ở Di Lăng, Khiếu Đình” đơn giản là “chiến tranh Di Lăng” hoặc “chiến tranh Khiếu Đình”.

Chiến tranh ở Di Lăng, Khiếu Đình là chiến dịch quan trọng như cuộc chiến ở Quan Độ, ở Xích Bích. Hơn nữa cuộc chiến lần này cũng giống như cuộc chiến ở Quan Độ, cuộc chiến ở Xích Bích, đều kết thúc từ thất bại của người phát động chiến tranh. Viên Thiệu phát động cuộc chiến ở Quan Độ, kết quả Viên Thiệu thất bại, Tào Tháo phát động cuộc chiến ở Xích Bích, kết quả Tào Tháo thất bại, Lưu Bị phát động cuộc



chiến ở Di Lăng, ở Khiếu Đình, kết quả Lưu Bì thất bại và sau đó thì qua đời. Vậy, vì sao Lưu Bì phải thất bại? Theo tôi có ba nguyên nhân: 1- Tôn Quyền có chuẩn bị nên vô hại; 2- Lưu Bì ra quân đơn độc; 3- Lục Tốn chỉ huy chắc chắn, về ba điểm này, chúng ta chỉ cần xem quá trình quyết sách của cuộc chiến và quá trình tiến hành cuộc chiến thì rõ ràng ngay.

Hãy nói điểm thứ nhất trước: Tôn Quyền có chuẩn bị nên vô hại.

Sau trận chiến giành Kinh châu, liên minh Tôn Lưu vốn yếu ớt đã bị vỡ. Tôn Quyền rất hận Lưu Bì, dứt khoát trở mặt với Lưu Bì, nghiêng hẳn sang phía Tào Tháo. Theo *Lưu Chương truyện*, *Ngô chủ truyện* trong *Tam quốc chí* và lời chú dẫn *Ngụy lược* của Bùi Tùng Chi trong *Vũ đế kỷ*, sau khi đoạt lại Nam quận, Tôn Quyền tuyên bố không thừa nhận chức Ích châu mục của Lưu Bì, vẫn coi Lưu Chương là Ích châu mục, đóng tại Tỉ Quy. Tào Tháo cũng tiến cử Tôn Quyền là Phiêu kỵ tướng quân, giá tiết, lĩnh Kinh châu mục, phong Nam Xương hầu; Tôn Quyền dâng biểu xưng thần, còn chủ trương Tào Tháo nên xưng đế. Tức là Tôn Quyền thừa nhận Tào Tháo là “trung ương”, Tào Tháo thừa nhận Kinh châu là của Tôn Quyền, Tôn Quyền không thừa nhận Ích châu là của Lưu Bì. Chúng ta đều biết, trước đó Lưu Bì là “mục của hai châu”, vừa là Kinh châu mục vừa là Ích châu mục. Lúc này, theo lập luận của Tào Tháo và Tôn Quyền, Lưu Bì chẳng là gì cả, đương nhiên Lưu Bì sẽ không chịu.

Tôn Quyền cũng biết Lưu Bì sẽ không chịu. Cho dù Tôn Quyền có thừa nhận Lưu Bì là Ích châu mục, Lưu Bì cũng sẽ không chịu. Vì lợi, Lưu Bì phải đoạt lại Kinh châu; vì nghĩa, Lưu Bì sẽ trả thù rửa hận. Khó tránh khỏi một trận đánh lớn, Tôn Quyền không thể không có chuẩn bị.

Vì vậy Tôn Quyền đã có chuẩn bị đầy đủ về cả hai mặt chính trị và quân sự. Về mặt chính trị, điều quan trọng là Tôn Quyền tích cực dựa hẳn vào Tào Ngụy. Kỳ thực, trước khi nổ ra chiến tranh giành giật Kinh châu, Tôn Quyền đã ngầm liếc mắt đưa tình với Tào Tháo. Mùa xuân năm Kiến An thứ XXII (Công nguyên năm 217), Tôn Quyền đã cử người sang “xin hàng” Tào Tháo, Tào Tháo cũng đánh tiếng sẽ lại kết làm thân gia với Tôn Quyền (thề lại kết hôn). Vì vậy mới có sự câu kết giữa hai bên khi nổ ra cuộc chiến giành Kinh châu. Sau trận chiến đó, Tôn Quyền vẫn tiếp tục dựa vào Tào Ngụy. Tháng mười, năm Kiến An thứ XXV, (Công nguyên năm 220), Tào Phi thay Hán xưng đế, tập đoàn Lưu Bì phản đối mãnh liệt, xỉ vả Tào Phi, nhưng phía Tôn Quyền vẫn giữ yên lặng. Đến tháng bảy, Tào Phi Hoàng Sơ năm thứ II (Công nguyên năm 221), lúc Lưu Bì đánh Ngô, thì tháng sau, Tôn Quyền đã dâng biểu xưng thần lên Tào Phi, và tháng mười một thì nhận xưng hiệu Ngô vương do Tào Phi sách phong, năm sau kiến nguyên là Hoàng Vũ. Lúc này, Tào Phi và Lưu Bì đã xưng đế, Tôn Quyền trở thành quốc vương một vương quốc độc lập, hình thế ba nước chân vạc đã hình thành.



Có điều về mặt danh nghĩa, lúc này Tôn Quyền chỉ là phiên vương của vương triều Tào Ngụy (Công nguyên năm 229 mới xưng đế). Đạt tới mức này, đối với Tôn Quyền chẳng dễ dàng gì. Bởi vì điều một, coi như đã thừa nhận Tào Phi “cướp Hán” là chính đáng. Điều hai, chứng tỏ quan hệ giữa Tào Phi và Tôn Quyền là quân thần. Vì vậy trong nội bộ tập đoàn Giang Đông mới có ý kiến khác nhau. Theo chú dẫn *Giang Biểu truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí- Ngô chủ truyện*, Tôn Quyền nói luôn với bộ hạ, nghĩ xem năm đó chẳng phải Lưu Bang cũng đã nhận phong hiệu của Hạng Vũ, là Hán vương sao? Chẳng qua chỉ là hợp thời, tùy cơ ứng biến mà thôi, quan trọng gì đâu?

Hiển nhiên, Tôn Quyền nhận phong hiệu của Tào Ngụy chỉ là kế tạm thời. Một khi thời cơ chín muồi, Tôn Quyền cũng sẽ xưng đế. Nhưng lúc này, Tôn Quyền chỉ có thể hòa hảo với Tào Phi, để tập trung sức lực đối phó với Lưu Bị. Trong thực tế, đồng thời với việc chuẩn bị về chính trị, Tôn Quyền đã chuẩn bị cả về mặt quân sự. Theo *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện*, trước đó bảy tháng, tức là vào tháng tư Hoàng Sơ năm thứ II (Công nguyên năm 221), sau khi Lưu Bị xưng đế Tôn Quyền đã dời bộ chỉ huy của mình từ Công An đến Ngạc Thành (thị trấn Ngạc Châu, Hồ Bắc ngày nay), đổi tên là Vũ Xương (không phải khu Vũ Xương thị trấn Vũ Hán, Hồ Bắc bây giờ), Vũ Xương quận gồm có sáu huyện: Vũ Xương, Hạ Trĩ, Tam Dương, Dương Tân, Sài Tang, Sa Tiệp. Vào tháng tám, Tôn Quyền đã giải thích về điểm này. Tôn Quyền nói: các bậc tiên hiền, tiên triết đã dạy, ở yên phải nghĩ đến nguy, (tồn đừng quên vong, an tất nghĩ đến nguy, lời dạy của người xưa). Huống chi đang ở bên lang, sói, có thể không chuẩn bị để ứng biến sao? Vì vậy, Tôn Quyền không kể tới những lời phản đối, “thà uống nước Kiến Nghiệp chứ không ăn cá Vũ Xương” đã kiên quyết dời đô đến Vũ Xương, và sau khi Lưu Bị xuất quân đã lập những phòng tuyến dọc theo Trường Giang. Mới hay, Tôn Quyền luôn luôn đề phòng Lưu Bị. Và cũng rõ, Tôn Quyền đã chuẩn bị chu đáo cho trận đánh.

So sánh để thấy, Lưu Bị chuẩn bị chưa đủ. Sau trận chiến Kinh châu, Lưu Bị vừa tức vừa hận, nhưng lại không bình tĩnh rút kinh nghiệm, không để binh mã được nghỉ ngơi, lại sức, đã vội vàng xưng hoàng đế. Tháng tư năm Bính Ngọ, Tào Ngụy Hoàng Sơ năm thứ II (ngày 15 tháng 5 Công nguyên năm 221), Lưu Bị lên ngôi hoàng đế tại núi Vũ Đán phía tây bắc Thành Đô. Nghi lễ kết thúc vội vã, và ngay trong tháng sáu đã điều binh khiển tướng, tháng bảy ngự giá thân chinh, còn lệnh Trương Phi đem quân hội hợp ở Giang Châu (nay là Trùng Khánh). Kết quả, Trương Phi chưa kịp hành động, đã bị bộ hạ giết chết, thủ cấp được đưa đến cho Tôn Quyền.

Trương Phi chết rõ ràng là một tổn thất nặng nề đối với Lưu Bị. Chúng ta đều biết số tướng lĩnh bên phía Lưu Bị có mấy người được coi là “Ngũ hổ thượng tướng”. Thực ra thì sau khi xưng vương, Lưu Bị chỉ phong bốn viên thượng tướng, là Tiền tướng quân



Quan Vũ, Hữu tướng quân Trương Phi, Tả tướng quân Mã Siêu, Hậu tướng quân Hoàng Trung, không có Triệu Vân. Triệu Vân vẫn chỉ là Dục quân tướng quân. Có điều khi viết *Tam quốc chí*, Trần Thọ đã đưa cả Triệu Vân và Quan Trương Mã Hoàng vào trong một truyện, nên dân gian mới nói là “Ngũ hổ thượng tướng”. Trương Phi chết, trong cái gọi là “Ngũ hổ thượng tướng” của Lưu Bị đã mất ba người. Còn lại Mã Siêu phải phòng Ngụy ở phía bắc, Triệu Vân không được tín nhiệm (sau này sẽ nói tới nguyên nhân). Trong đội ngũ Đông chinh không hề có những tướng lĩnh xứng đáng. Ngoài ra, Bàng Thống đã chết trận vào năm Kiến An năm thứ XIX (Công nguyên năm 214), Pháp Chính qua đời năm Kiến An thứ XXV (Công nguyên năm 220), Gia Cát Lượng trấn thủ Thành Đô không dứt ra được, vì vậy đội ngũ Đông chinh không có quân sư hoặc mưu thần. Có thể nói, Lưu Bị phát động chiến tranh quá vội vàng, ra quân bất lợi, tướng soái không đủ. Vậy, vì sao Lưu Bị vẫn muốn đánh trận này?

Điều này liên quan tới vấn đề thứ hai chúng ta sắp nói, Lưu Bị quá đơn độc.

Thực tế thì hàng loạt quyết định của Lưu Bị lúc đó, như việc Đông chinh, kể cả việc xưng đế, không ít người tỏ thái độ phản đối. Như Phí Thi đã nói ở phần trên. Còn có Thượng thư lệnh Lưu Ba và chủ hạ Ung Mậu, đều không tán thành Lưu Bị xưng đế. Dục quân tướng quân Triệu Vân và Tòng sự tể tửu Tần Mật phản đối Đông chinh. Nếu nói, lời nói của Tần Mật có thể coi là vọng ngôn (trong *Tam quốc chí - Tần Mật truyện* ghi là “nói là có thiên thời nhưng thực là bất lợi”) thì ý kiến của Triệu Vân là đúng. Theo chú dẫn *Vân biệt truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Triệu Vân truyện*, Triệu Vân nói với Lưu Bị, quốc tặc là Tào Tháo, không phải là Tôn Quyền. Nếu diệt xong Tào Ngụy thì Đông Ngô không thành chuyện. Lúc này tuy Tào Tháo đã chết, nhưng Tào Phi là con lại càng hư, vì vậy “không nên bỏ qua Ngụy, đánh Ngô trước”. Hơn nữa chiến tranh mà mở màn thì e khó giải quyết, khó kết thúc.

Đó là những lời nói chối tai. Chúng ta đều biết, lúc này Lưu Bị đã ở vào tuổi “thuận tai” như Khổng Tử nói: “thuận tai” tức là nói kiểu gì cũng lọt tai. Nhưng không hiểu vì sao Lưu Bị lại không “thuận tai”. Kết quả, Phí Thi bị giáng chức, Ung Mậu bị giết, Tần Mật “bị nhốt vào ngục” (về sau được tha), Lưu Ba sợ đến nỗi không dám nói gì nữa (sợ bị nghi ngờ, luôn giữ yên lặng, không gặp riêng ai, không là việc công không nói), Triệu Vân mất tín nhiệm, không được Đông chinh.

Nói ra cũng chẳng có gì là lạ. Thực tình thì Lưu Bị và Tào Tháo cũng giống nhau, đều là những nhân vật cường quyền, không muốn người khác phản đối phương châm chiến lược và đường lối chính trị của mình, vấn đề là đường lối, phương châm đó đúng hay sai. Hãy chưa bàn đến việc xưng đế, nói tới việc Đông chinh. Vì sao Lưu Bị phải Đông chinh? Một số người nói vì muốn báo thù cho Quan Vũ. *Tam quốc chí - Pháp Chính truyện* cũng nói “rửa nhục cho Vũ” hoặc vì tức giận. Nói vậy là không đúng. *Tam quốc sử thoại* của ngài Lã Tư Miễn nói, báo thù thay cho nghĩa đệ “rõ ràng là nói đùa”,



nói quân Lưu là đoàn quân phần nộ “cũng chưa hẳn là vậy”. Tôi thấy ngài Lã nói có lý. Vì sao? 1- Con người kiên định, khó lay chuyển như Lưu Bị sẽ không làm việc theo cảm tính. 2- Sau khi Quan Vũ bị hại, Lưu Bị không tỏ ra đau đớn lắm hoặc đập bàn tức giận mà đang mải mê với việc xung đột của mình, cũng không kịp phong hầu cho Quan Vũ, năm Cảnh Diệu thứ III (Công nguyên năm 260), hậu chủ Lưu Thiện mới truy ích Quan Vũ là Tráng mầu hầu. 3- Lúc Lưu Bị ra quân là nửa năm sau khi Quan Vũ mất, vậy đâu phải là sự rung động của tình cảm? Chỉ có thể nói đó là phương châm đã định.

Nhưng chúng ta đều biết, theo kế sách Long Trung của Gia Cát Lượng, phương châm định sẵn của Lưu Bị là liên Ngô chống Tào, Triệu Vân cũng nói: “hợp lòng dân phải sớm lấy Quan Trung”, không nên bỏ qua Tào Ngụy, đánh Đông Ngô trước. Vậy vì sao Lưu Bị làm việc không theo quy hoạch chiến lược của Gia Cát Lượng, cũng không nghe theo Triệu Vân? Ngài Lã cho rằng, rất giống với chủ trương của Lã Mông không đánh Từ châu mà đánh Kinh châu, giống như ăn thị phải chọn quả thật chín. Nói vậy là có lý. Tào Ngụy là kẻ thù mạnh đã có cả nửa thiên hạ, đâu phải miếng ăn dễ nuốt? Rõ ràng là phải tính toán. Vì vậy Lã Mông thấy dễ đối phó với Quan Vũ hơn, Lưu Bị thấy dễ lấn lướt với Tôn Quyền hơn. Lã Mông, người làm cho Lưu Bị, Quan Vũ bị hốt to, thì sau khi tranh đoạt Kinh châu kết thúc, chưa kịp lĩnh thưởng đã qua đời, người thế chân là thư sinh Lục Tốn, chẳng nhẽ lại khó đối phó?

Bên phía Tào Ngụy đã có người thấy rõ điểm này. Theo *Tam quốc chí - Lưu Hoa truyện*, vào năm thứ hai sau khi Quan Vũ bị hại, tức là Ngụy văn đế hiệu Hoàng Sơ năm đầu (Công nguyên năm 220) Lưu Bị ra quân, Tào Phi xuống chiếu quần thần, mong họ đoán xem phải chăng Lưu Bị ra quân đánh Ngô để trả thù cho Quan Vũ, mọi người đều cho là không phải. Họ nói, Thục là nước nhỏ, một mình Vũ là đại tướng, nay Vũ chết, ai là người dám ra quân? Lưu Hoa khẳng định sẽ có người dám. Lưu Hoa nói, tuy Thục vừa nhỏ vừa yếu, nhưng sách lược của Lưu Bị lại là, phải bằng vũ lực để mạnh hơn, nên họ sẽ mở cờ giống trống, điều võ giương oai để tỏ rõ sức mạnh có thừa. Hơn nữa, Lưu Bị và Quan Vũ “nghĩa là quân thần, ân là cha con”, Quan Vũ chết nếu không báo thù thì coi sao được.

Lưu Hoa nói cũng có lý, có thể lúc đó Lưu Bị cũng nghĩ như vậy. Tóm lại, tôi thấy có ba nguyên nhân khiến Lưu Bị đánh Ngô: thứ nhất, tình cảm Quan Vũ và Lưu Bị như tay chân, cùng sống cùng chết, thù đó không thể không báo. Thứ hai, trong thời đại cá lớn nuốt cá bé, Lưu Bị bé nhỏ, tất phải lấy công để thủ; Tào Ngụy quá mạnh, chỉ có thể công kích Đông Ngô. Đương nhiên, ở đây còn một nguyên nhân quan trọng nữa, không thể không đoạt lại Kinh châu. Phần trước đã nói, Kinh châu là mạng sống của Lưu Bị, chẳng nhẽ cứ để ở trong tay Tôn Quyền? Nguyên nhân thứ ba chính là điều này.

Đương nhiên muốn đoạt lại Kinh châu phải tính kế lâu dài, phải chuẩn bị kỹ. Chí ít cũng phải đầy đủ mọi mặt trong quá trình chiến tranh. Theo *Tam quốc chí - Hoàng*



Quyền truyện, Biên tướng quân Hoàng Quyền lúc đó lo ngại từ xa đánh thẳng vào là có phần mạo hiểm, từng nói với Lưu Bị nên đánh đâu chắc đó. Hoàng Quyền nói: quân Ngô kiêu dũng thiện chiến, đối phó không dễ; quân ta tiến xuống theo đường sông, tiến dễ lui khó. Vì vậy vì thần xin làm tiên phong thăm dò nông sâu trước, bề hạ chỉ huy ở hậu phương là được. Lưu Bị không nghe, còn điều Hoàng Quyền đến Giang Bắc, và mặc tất cả, tự mình tiếp tục tiến tới.

Lưu Bị đã sai lầm. Thực tế thì trong cả trận đánh ở Khiếu Đình tình cảm Lưu Bị bộc lộ bằng hai chữ: nôn nóng. Tất nhiên, nếu đối phương cũng nôn nóng thì còn được. Tiếc rằng chủ soái của đối phương không những không nôn nóng, mà hết sức trầm tĩnh. Hơn nữa, Lưu Bị càng nôn nóng, đối phương càng lạnh lùng. Đây cũng là nguyên nhân thứ ba khiến Lưu Bị thất bại trong trận Khiếu Đình. Lục Tốn chỉ huy chắc chắn.

Lục Tốn là tổng chỉ huy quân Ngô trong trận Khiếu Đình. Theo *Tam quốc chí - Lục Tốn truyện*, sau khi Lưu Bị đưa quân xuống phía đông, Tôn Quyền lệnh Lục Tốn là đại đô đốc, giá tiết, (ý là có thượng phương bảo kiếm), sai Chu Nhiên, Phan Chương, Tống Khiêm, Hàn Đang, Từ Thịnh, Tôn Hoàn, Tiên Vu Đan lĩnh năm vạn quân ngược lên chống giặc. Lúc này nhìn lại, thấy quyết sách của Tôn Quyền là hoàn toàn chính xác, cách dùng người hết sức thỏa đáng. Thực tế cho hay, nếu trận đánh này không do Lục Tốn chỉ huy thì có khả năng kết quả sẽ khác.

Chúng ta hãy xem xem Lục Tốn đã dùng binh như thế nào?

Theo *Tam quốc chí- Tiên chủ truyện*, Thục, Chương Vũ năm thứ II, tức Ngô Hoàng Vũ năm đầu, tháng giêng Ngụy, Hoàng Sơ năm thứ III (Công nguyên năm 222), tiền quân Lưu Bị đã đến Đi Lăng (thành cổ về phía đông nam thị trấn Nghi Xương, Hồ Bắc ngày nay). Tháng hai, Lưu Bị đến Khiếu Thành (cách ba mươi dặm về phía bắc thị trấn Nghi Đô, Hồ Bắc ngày nay). Theo chú dẫn *Ngô thư* và *Tư trị thông giám* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Lục Tốn truyện* và trong chuyện này, bấy giờ tướng lĩnh bên Ngô nhao nhao đòi đánh, nhưng Lục Tốn không đồng ý. Lục Tốn hiểu rõ, Lưu Bị vừa đến còn rất mạnh, cần phải bình tĩnh ứng chiến, còn nói với tướng lĩnh, đại quân Lưu Bị vừa xuôi dòng tới đây, khí thế đang hăng, nhuệ khí đang vượng, chiếm vùng cao điểm, ở nơi hiểm yếu, không thể dễ dàng phá được chúng, giành toàn thắng lại càng khó. Nếu ra quân bất lợi, ảnh hưởng toàn cục, vấn đề sẽ nghiêm trọng. Có điều, quân Thục hành quân trên núi, triển khai khó khăn, lâu ngày sẽ thành quân mệt mỏi, hãy chờ xem tình thế diễn biến thế nào. Tướng lĩnh nghe xong lại cho Lục Tốn là kẻ nhát gan sợ việc, “đều thấy phẫn nộ”.

Lục Tốn đã có suy nghĩ của riêng mình. Lục Tốn lệnh toàn quân lùi sâu về phía sau, nhường hàng mấy trăm dặm sườn núi hiểm trở cao ngất cho Lưu Bị, quân Ngô giữ vững trước trận ở Khiếu Đình, không ra ứng chiến. Chẳng còn cách nào khác, Lưu Bị



đàn ông phải lệnh tướng Ngô Ban lĩnh hàng mấy ngàn quân hạ trại chỗ đất bằng. Các tướng lĩnh bên Ngô đều nói: lúc trước quân Thục ở trong núi không đánh được, bây giờ trên đất bằng có thể đánh rồi chứ? Lục Tồn lại nói: khoan đã! Lưu Bị làm vậy tất có gian trá. Quả nhiên, Lưu Bị thấy mình không giấu được Lục Tồn, bèn cho cả tám ngàn quân mai phục trong hang núi đánh thẳng ra. Lúc này tướng lĩnh bên Ngô mới vỡ lẽ, bái phục Lục Tồn liệu việc như thần.

Thực ra chỗ hơn người của Lục Tồn không chỉ ở biết thần cơ diệu toán mà còn có sự trầm tĩnh. Ai đã đọc *Tào Quê luận chiến* đều rõ: “chiến tranh cần dừng khí. Một ra oai, hai yếu dần, ba cạn kiệt”. Quân Thục xuôi xuống, khí thế hung dữ, hận là không thể nuốt nốt Đông Ngô. Nhưng khi họ đến Di Lăng, đến tiền tuyến Khiếu Đình đã bị quân Ngô chốt chặt, suốt trong mấy tháng không tìm được cơ hội quyết chiến. Thêm vào đó, việc vận chuyển khó khăn, không đủ lương thực. Khí trời nóng bức, tinh thần ngày càng bạc nhược, sĩ khí cũng ngày càng sa sút. Lúc này Lục Tồn mới tuyên bố, giờ phút phản công đã tới.

Theo *Tam quốc chí - Văn đế kỷ* và *Nhị Thập sử* *sóc nhuận biểu* của Trần Viên, tháng sáu nhuận năm đó Lục Tồn quyết định phản công. *Lục Tồn truyện* nói: lúc đó tướng lĩnh quân Ngô lấy làm khó hiểu. Họ cho rằng, lúc Lưu Bị vừa nhập cảnh mới là lúc tiến công Lưu Bị. Lúc này kẻ địch đã vào sâu năm, sáu trăm dặm, hai bên đã kinh địch bảy, tám tháng trời. Lúc này Lưu Bị đã vững chân, gia cố xong những nơi hiểm yếu, còn có thể đánh được không? Lục Tồn nói, Lưu Bị là kẻ xảo hoạt (Bị thật gian xảo), Kinh nghiệm phong phú, hiểu biết rộng (trải nhiều việc), lúc mới đến suy nghĩ chu đáo hơn, vì vậy chúng ta không nên giao đấu. Sau mấy tháng, quân sĩ đã mệt mỏi, ý chí giảm sút, chẳng còn chiêu gì đáng kể (binh mệt chí giảm, mưu kế đã hết). Nay chính là lúc chúng ta tiêu diệt lũ giặc đó.

Nói là vậy, nhưng Lục Tồn vẫn quyết định hành sự thận trọng, “đánh trước một doanh”, kết quả “bất lợi”. Chư tướng đều nói: xem kìa, chết uống mất nhiều người. Lục Tồn cho là không phải chết uống. Vì Lục Tồn đã thấy được chỗ sơ hở của Lưu Bị tìm được biện pháp để phá giặc.

Vậy, Lưu Bị bố trận có sơ hở gì, Lục Tồn có chiêu gì mới để phá địch? Sau khi đến tiền tuyến, Lưu Bị lệnh cho quân lính lập vô số những doanh trại san sát bên nhau hàng bảy trăm dặm từ Vu Hiệp đến Di Lăng. Theo *Tam quốc chí - Văn đế kỷ*, lúc đó Tào Phi cũng đoán Lưu Bị sẽ bại. Tào Phi nói: Lưu Bị không hiểu cách dùng binh (Bị không biết dùng binh), doanh trại san sát cách hàng bảy trăm dặm đâu có thể chống lại địch? Hơn nữa, không nên lập doanh trại ở đó. Chẳng bao lâu nữa sẽ có tin thắng trận của Tôn Quyền.



Tào Phi ở Lạc Dương xa xôi còn nhìn thấy sơ hở của Lưu Bị, lẽ nào chỉ cách nhau gang tấc, Lục Tồn lại không thấy? Theo *Tam quốc chí - Lục Tồn truyện*, trong lúc hai bên còn kinh địch nhau, Lục Tồn từng dâng sớ lên Tôn Quyền trình bày kế sách của mình. Trong bản sớ tâu Lục Tồn nói: điều làm thần lo ngại nhất là Lưu Bị “thủy lục cùng tiến”. Nào ngờ Lưu Bị đã bỏ qua điều kiện thuận lợi đó, ngược lại để thủy quân lên bờ, hạ trại san sát bên nhau trong rừng núi. Điều đó khác gì tự mình chui vào đất bẫy. Vì vậy, sau lần trinh sát bằng hỏa lực đó, Lục Tồn đã có cách.

Biện pháp của Lục Tồn khá đơn giản - nổi lửa, trong trận chiến Xích Bích liên quân Ngô - Lưu đã từng dùng. Theo *Tam quốc chí - Lục Tồn truyện*, Lục Tồn lệnh từng binh sĩ mang theo một bó cỏ, và phóng hỏa gần doanh trại quân Bị, đồng thời tấn công luôn. Cùng với thế lửa rừng rực, các cánh quân khác nhất loạt xuất kích. Thế rồi Lục Tồn phát lệnh, chủ lực quân Ngô tề tập ở Khiếu Đình, tiến công quân Lưu, một lúc xóa sạch hơn bốn mươi doanh trại. Không kịp đề phòng, Lưu Bị kinh hồn lạc phách, chạy tới Mã Yên Sơn (phía tây bắc thị trấn Nghi Xương, Hồ Bắc ngày nay). Lục Tồn ra sức đánh tiếp, đốc thúc các quân áp sát từ bốn phía. Quân Thục “như băng tan núi lở, quân chết hàng mấy vạn”, Lưu Bị cùng một số tùy tùng chạy suốt ngày đêm về thành Bạch Đế. Thuyền bè, khí giới, vật tư của Lưu Bị “bỗng chốc sạch không”; thi thể quân lính “trôi nổi khắp trên mặt sông”. Lưu Bị thảm bại vừa xấu hổ vừa phẫn nộ đã ngẩng mặt nhìn trời than rằng: trăm đã bị Lục Tồn hạ nhục, e đây là ý trời (không phải là ý trời sao)!

Xem ra Lưu Bị đã hoàn toàn không phục khi “bị Tồn làm nhục”. Có thể trong mắt Lưu Bị và Quan Vũ, Lục Tồn chỉ là một thư sinh, không đáng ngại, nói chi tới phải bại trận. Thực tình, Lục Tồn không phải thư sinh, mà là nho tướng, là nhà chính trị nhà quân sự bên phía Đông Ngô. Lục Tồn thành công không phải do ý trời mà do “mưu kế”. Phần trên đã nói: Lục Tồn từng có sớ dâng lên Tôn Quyền. Trong bản sớ đó, trước hết Lục Tồn đã nêu rõ tính chất quan trọng của cuộc chiến. Chúng ta đều biết, phía tây Lăng Hiệp là vùng cực đông ngã ba sông Trường Giang, cửa đông của tây Lăng Hiệp là huyện Di Lăng. Vì vậy Lục Tồn nói: Di Lăng là vùng đất chiến lược quan trọng, cùng là cửa lớn phía tây của vương quốc Đông Ngô chúng ta. Vùng này dễ chiếm và cũng dễ mất. Một khi không giữ được thì không chỉ mất một quận mà còn ảnh hưởng tới an toàn của cả Kinh châu, thực đáng lo ngại. Vì vậy trận này không thể thất bại, nhất định phải thắng (cuộc chiến này tất phải thắng). Đây chính là nguyên nhân thứ nhất khiến Lục Tồn thành công. Vô cùng coi trọng, có chí thì nên.

Rõ ràng Lục Tồn rất coi trọng cuộc chiến này, nhưng chẳng lẽ Lưu Bị lại không biết có chí thì nên sao? Thế là Lục Tồn lại phải tâu rõ với Tôn Quyền ba nhược điểm lớn của Lưu Bị. Thứ nhất, Lưu Bị vi phạm luật, không giữ sào huyệt, ra quân viễn chinh, là tự dẫn thân vào chỗ chết; thứ hai, Lưu Bị chinh chiến cả đời, bại nhiều thắng ít, từ đó



mà suy, lần này cũng không đáng ngại; thứ ba, “bỏ thuyền lên bộ, doanh trại khắp nơi”. Vì vậy, Lục Tồn mong Tôn Quyền cứ kê cao gối mà ngủ, chờ tin thắng trận. Đây lại là nguyên nhân thứ hai khiến Lục Tồn thành công, biết mình biết ta, sớm có ý đồ.

Nguyên nhân thứ ba là “trầm tĩnh ứng chiến, sau mới không chế”, tình hình cụ thể thế nào phần trước đã nói. Lúc này chỉ muốn nói, làm được điều này không phải dễ. Theo *Tam quốc chí - Lục Tồn truyện*, lúc Lục Tồn và Lưu Bị còn kinh địch thì Tôn Hoàn đã bị quân Lưu Bị bao vây ở Di Đạo (thuộc tây bắc Chi Thành, Hồ Bắc ngày nay). Tôn Hoàn là cháu họ của Tôn Quyền (cha Hoàn là Tôn Hà có họ với Tôn Kiên), Hoàn là An Đông trung lang tướng. Vì vậy, Tôn Hoàn cầu viện với Lục Tồn, chủ tướng đều nói nên ra quân, nhưng Lục Tồn vẫn án binh bất động. Lục Tồn nói: An Đông rất được lòng người, Di Đạo tường cao hào sâu, lương thực đầy đủ, không gì phải lo. Chờ khi cơ mưu của bản soái được thi triển, quân vây Di Đạo không đánh cũng tan. Quả nhiên, lúc Lục Tồn vừa phóng hỏa, bên chỗ Tôn Hoàn đã được giải vây. Theo *Tam quốc chí - Tôn Hoàn truyện* và *Lục Tồn truyện*, sau khi được giải vây, Tôn Hoàn đã xẻ núi bắc cầu, khơi thông dòng chảy để nhanh tới cản đường Lưu Bị, khiến Lưu Bị phải vượt suối băng rừng mới thoát hiểm. Về sau Lưu Bị từng bức dọc nói: lúc trầm đến Kinh Khẩu, Tôn Hoàn còn là đứa bé (lúc hai bên đánh nhau, Tôn Hoàn mới hai mươi năm tuổi), bây giờ hắn đã bức trầm ghê vậy! Tôn Hoàn nói với Lục Tồn, Tôn mỗ cầu viện không được đã oán hận tướng quân, nghĩ lại mới thấy, tướng quân thật biết cách điều động!

Đúng là Lục Tồn bình tĩnh, có cách điều quân, nhất là biết nhẫn nhịn trước, chế ngự người khác sau, bảo đảm bên Ngô ra quân là thành công, giành toàn thắng. Lục Tồn là người nhìn xa trông rộng nên mới làm được như vậy. Số tướng lĩnh dưới quyền Lục Tồn lúc đó nếu không phải là chư tướng nguyên lão thì cũng là hoàng thân quốc thích, người người đều không biết sợ, không dễ phục tùng. Lục Tồn đã mở hội nghị, tay cầm bảo kiếm, giọng nói đanh thép. Lục Tồn nói: Lưu Bị là người nổi tiếng, ai cũng biết, ngay cả Tào Tháo cũng có phần nể sợ. Lúc này Lưu Bị lĩnh đại quân xâm phạm lãnh thổ nước ta, đó là đối thủ đáng gờm, không thể xem thường! Chư vị mang ân đất nước nên phải cùng ta chống kẻ thù chung, có lý gì không theo sự chỉ huy của ta? Lục mỗ tuy là thư sinh nhưng được phục mệnh chúa thượng. Chúa thượng xem trọng Lục Tồn vì Lục Tồn có thể nhẫn nhục gánh vác việc lớn. Nay nhiệm vụ không được thoái thác; quân lệnh như sơn, không thể vi phạm. Bản soái có lời nói trước!

Lời Lục Tồn như có đánh có thép, thêm vào đó Lục Tồn có tài cầm quân, nên ai nấy đều thần phục. Thế rồi Tôn Quyền đã hỏi, chư tướng không nghe chỉ huy, sao tướng quân không báo với quả nhân? Lục Tồn trả lời nói: vi thần tuy bình thường yếu đuối, nhưng từng được nghe chuyện của Lạn Tương Như, Khâu Tuân. Tôn Quyền cười lớn, thăng Lục Tồn làm phò quốc tướng quân, lĩnh Kinh châu mục, phong Giang Lăng hầu. Trong *Lưu Bị truyện* ngài Trương Tác Diệu tổng kết việc thành bại trong trận chiến



Khiếu Đình cho rằng, có bốn nguyên nhân dẫn tới thắng lợi của Tôn Quyền, một trong số đó “chọn soái đúng người” (ba điều khác là chiến bị đầy đủ, chiến lược chính xác, địa thế có lợi).

Trận chiến Khiếu Đình là đòn đánh mạnh vào Lưu Bị. Theo *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện*, tháng tám Chương Vũ năm thứ II (Công nguyên năm 223), Lưu Bị bại trận lui về huyện Vu (Vu sơn thị trấn Trùng Khánh ngày nay), sau về thành Bạch Đế (phía đông Phụng Tiết, Trùng Khánh ngày nay), ít lâu sau thì nhiễm bệnh, liệt giường. Tháng hai Chương Vũ năm thứ III (Công nguyên năm 224), Lưu Bị biết mình sắp rời trần thế, đã cho triệu Gia Cát Lượng đến Vĩnh An (nguyên là Ngự Phục, huyện Trị, Bạch Đế thành) để bàn về hậu sự. Đây lại là việc làm để lại ảnh hưởng sâu rộng. Vậy Lưu Bị đã sắp đặt như thế nào? Đằng sau việc đó có vấn đề gì?

Tập thứ ba mươi sáu: Ở VĨNH AN GỬI CON

Sau khi bại trận ở Khiếu Đình, tháng tư năm sau, Lưu Bị ốm và qua đời ở cung Vĩnh An. Trước đó, Lưu Bị đã sắp đặt hậu sự ổn thỏa, truyền ngôi cho Lưu Thiện, gửi con cho Gia Cát Lượng, còn nói nếu nó bất tài, thì ngài hãy tự thay đi. Về điểm này sử sách có hai cách nhận xét khác nhau. Vậy mục đích và suy nghĩ của Lưu Bị là gì? Phía sau việc gửi con ở thành Bạch Đế còn ẩn giấu điều gì sâu xa khó nói?

Tháng sáu nhuận Thục Hán niên hiệu Chương Vũ năm thứ II (Công nguyên năm 222), Lưu Bị bại trận ở Khiếu Đình lui về huyện Vĩnh An, đóng quân trong thành Bạch Đế. Lúc này Lưu Bị sức cùng lực kiệt, thân lại nhiễm bệnh, nằm liệt giường. Lưu Bị tự biết sắp phải xa rời trần thế, nên đã bắt đầu sắp đặt hậu sự. Vấn đề chủ yếu của “hậu sự” là trao chính quyền Thục Hán cho ai. Theo quy chế thế tập, hoàng vị đương nhiên phải trao cho Lưu Thiện. Nhưng lúc này Lưu Thiện mới mười bảy tuổi, vị thành niên, tài năng thì gần như không bao giờ sánh bằng Lưu Bị, cần có người phò tá. Lưu Bị đã chọn Gia Cát Lượng và Lý Nghiêm. Trong *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện* đã nói rất rõ về điều này, “Tiên chủ bệnh nặng, gửi con cho thừa tướng Lượng, Thượng thư lệnh Lý Nghiêm là phó”. Gửi con xong, Chương Vũ năm thứ III, ngày hai mươi tư tháng tư (Công nguyên ngày 10 tháng 6 năm 223), Lưu Bị băng hà tại cung Vĩnh An, thọ sáu mươi ba tuổi.

Lưu Bị gửi con là việc lớn trong sử Tam Quốc, bởi vì nó đã chia lịch sử không quá dài của tập đoàn Lưu Bị và chính quyền Thục Hán từ một thành hai: thời kỳ đầu, người lãnh đạo là Lưu Bị; về sau, người quan trọng là Gia Cát Lượng. Việc phân thành hai kỳ là kết quả trực tiếp quá trình gửi con ở cung Vĩnh An. Theo *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện*, lúc thấy bệnh đã nặng, Lưu Bị triệu gấp Gia Cát Lượng từ Thành Đô về cung Vĩnh An “bàn hậu sự” và đã thổ lộ lòng mình. Lưu Bị nói với Gia Cát Lượng: tiên sinh tài năng gấp mười lần Tào Phi (tài gấp mười Phi), nhất định có thể yên nước



yên dân, xây dựng nghiệp lớn (có thể yên nước, dựng xong nghiệp lớn). Vì vậy mong tiên sinh lo liệu mọi việc. Nếu Lưu Thiện còn được thì xin phò tá hần (nếu nó còn được thì phò tá). Nếu đứa trẻ này chẳng ra gì (nếu bất tài), tiên sinh đừng ngại, cứ làm cho đúng (ngài hãy tự thay đi). Gia Cát Lượng nghe mà nước mắt giàn giụa, nói không thành tiếng: nhất định vì thần sẽ toàn tâm hết sức phò tá hoàng thượng (thần xin dốc hết sức), trung trinh một lòng báo đền quốc gia (hết lòng trung trinh) với cả sinh mạng của mình (cho tới chết). Lưu Bị liền xuống chiếu bảo ban Lưu Thiện, từ nay phải nghe lời thừa tướng như nghe lời cha (làm việc với thừa tướng như làm việc với cha).

Đó là việc *Ở Vĩnh An gửi con nổi tiếng*, cũng từ đây sử sách đã bàn cãi rất nhiều.

Trước hết, Trần Thọ là người khẳng định và tán thưởng. Lời bình của Trần Thọ trong *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện* nói: việc làm của Lưu Bị là hình mẫu về chí công vô tư lớn nhất trong quan hệ quân thần từ xưa tới nay (quân thần vì việc công, là mẫu mực xưa nay). Vì sao vậy? Vì Lưu Bị hoàn toàn yên tâm giao phó đất nước cùng đứa con đẻ vào tay Gia Cát Lượng (gửi con và nước cho Gia Cát Lượng), Lưu Bị một lòng tin tưởng (một lòng một dạ). Theo tôi, Trần Thọ nói vậy hẳn đã dựa vào câu nói “nếu hần bất tài, ngài hãy tự thay đi”. Câu nói của Lưu Bị ngầm chỉ điều gì, Trần Thọ không nói rõ, chúng ta cũng không nên đoán mò, nhưng nhìn chung có thể giải thích là, nếu Lưu Thiện “vực mà không dậy nổi”, thì mong Gia Cát Lượng cứ giữ mà thay đi. Trong thời đại quân chủ cha truyền con nối bất di bất dịch thì điều đó không chỉ khó thấy, còn có thể coi là vô cùng vĩ đại. Điều đó có nghĩa, đặt lợi ích nhân dân đất nước trên tất cả. Vì quốc gia, dân tộc nguyện hi sinh gia tộc mình, vứt bỏ quyền lực mà trời đã ban tặng. Đúng là chí công vô tư (quân thần chí công), đúng là không tiền khoáng hậu (mẫu mực xưa nay).

Nhưng có thể là như vậy không?

Theo tôi thì không thể. Thứ nhất, trong sử Trung Quốc chưa hề có lệ này. Bất kể là Tần Hoàng Hán Vũ trước thời Lưu Bị hay Đường Tống Tông Tổ sau thời Lưu Bị chưa có hoàng đế nào lại loại bỏ con mình, trao giang sơn xã tắc cho người khác. Các hoàng đế thường đêm ngày suy nghĩ, làm gì để giữ nền thống trị của gia tộc mình, để truyền lại cho con cháu muôn đời mai sau. Đó là đặc điểm chung của mọi hoàng đế xưa nay, Lưu Bị sao có thể là ngoại lệ? Thứ hai, coi Lưu Bị là ngoại lệ, nhưng chúng ta không hiểu do đâu Lưu Bị có những ý nghĩ như vậy. Bởi vì các bậc đế vương trong sử Trung Quốc chỉ suy nghĩ để “thay triều đổi đại” và chưa hề có quan niệm dân chủ “luân phiên cai trị”. Nếu nghĩ như vậy thật, thì Lưu Bị há chẳng phải là Washington sao? Thứ ba, cho dù Lưu Bị muốn trở thành Washington thì Gia Cát Lượng cũng không dám làm Adams hoặc Jefferson, vì không có ai coi việc thay thế đó là chính đáng. Tôn Quyền khuyên Tào Tháo thay nhà Hán, Tào Tháo liền nói: Tôn Quyền có ý xấu; Lưu Bị để Gia Cát Lượng “tự thay đi”, thế chẳng phải đã nướng Gia Cát Lượng trên bếp lửa sao? Hơn



nữa lúc đó Tào Tháo chỉ là chỗ dựa của hoàng đế, đã bị chửi là “Hán tặc”; nếu đúng là Gia Cát Lượng tự thay Lưu Thiện, sẽ bị người đời coi là cái gì?

Vì vậy, hậu thế có nhiều người ý kiến khác với Trần Thọ. Trước hết là Tôn Thỉnh thời Tấn rất nghi ngờ, Tôn Thỉnh cho việc gửi con của Lưu Bị là việc hoang đường (Bị sai Lượng, làm loạn chế). Theo chú dẫn của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện*, Tôn Thỉnh có bài dài bàn về chuyện này. Theo ông mấu chốt việc gửi con là chọn đúng người, và việc gì còn phải nói như vậy. Nếu đã chọn đúng người thì không cần phải nói gì nữa, vì không nói, đôi phương cũng sẽ một lòng trung trinh, (gửi đúng người hiền thì không phải hối); còn như chọn sai người thì càng không thể nói như vậy, vì nói thế là ngang như mở đường cho kẻ đó phản nghịch cướp ngôi (chọn sai thì không nên mở đường thoán nghịch). Vì vậy Tôn Thỉnh nói: xưa nay chưa hề có việc gửi con như vậy (lời cổ mệnh phải là lời chân tình, lời giả dối không phải lời gửi con). Có điều Lưu Bị đã gặp vận, may sao Lưu Thiện không mấy có chủ ý, không hay nghĩ ngợi lung tung (may sao Lưu Thiện tốt dạ, không mấy nguy hại), Gia Cát Lượng uy vọng cao lớn, đủ để trấn an (Gia Cát uy lược, đủ để chống lại kẻ khác), nên không xảy ra chuyện gì. Nếu không, cả thành đã lời ra tiếng vào, lòng người xao xuyến.

Lúc này nhìn lại thấy lời bình của Tôn Thỉnh không thật chân tình, coi Lưu Bị đã “lờ lờ”. Vì vậy, trong *Tam quốc chí - tập giải* gần đây của Lư Bật đã có lời phản bác lại Tôn Thỉnh, cho rằng lời gửi con của Lưu Bị là “xuất phát từ tình cảm”, có cảm xúc mới thành lời (có cảm xúc mới nói nên lời), không kịp nghĩ ra điều gì khác (thốt lời không có giả dối)! Lư Bật cho rằng, điều Lưu Bị quan tâm lúc đó là “con không khá”, điều lo lắng là “cơ nghiệp suy sụp”, cứ nghĩ đến là “bực, lo tìm người hiền”, còn bụng dạ nào mà quanh co; dựa vào cái gì để nghi ngờ Lưu Bị giả dối (vì gì để ngờ có dối trá)?

Đương nhiên đây cũng chỉ là một cách nghĩ và có phần hợp lí. Nhưng cũng phải nói: cái gọi là “xuất phát từ tình cảm” cũng chỉ là lời suy đoán. Cuối cùng, chúng ta đều không phải là Lưu Bị, ai có thể khẳng định Lưu Bị đã nghĩ như vậy. Lư Bật có thể suy đoán thì đương nhiên người khác cũng có thể. Như trong *Lưu Bị truyện* của ngài Trương Tác Diệu cho rằng Lưu Bị có dụng ý khác, hơn nữa “ý tứ thực rõ ràng”, tức là một cách nói buộc Gia Cát Lượng phải biểu lộ sự trung thành. Ngài Trương cho rằng, Lưu Bị “có nghi ngờ lớn” đối với Gia Cát Lượng. Để đảm bảo hoàng vị của con mình vững như núi Thái Sơn, Lưu Bị đã “bức Gia Cát Lượng không còn chỗ để suy nghĩ khác”, chỉ còn cách nước mắt giàn giụa, quỳ xuống mà thề thốt. Đúng như Vương Phu Chi đã nói trong *Độc thông giám luận*, Lưu Bị đã nói đến như vậy thì Gia Cát Lượng còn có cách gì để giải tỏa mối nghi ngờ đó, ngoại trừ việc moi ruột gan ra cho Lưu Bị xem (lấy máu trong tim ra, mới hết được nghi ngờ)! Vì vậy, mấy lời gửi con gửi nước của Lưu Bị không phải là “một lòng một dạ”, ngược lại “ngầm có ngụ ý”.



Ở đây có vấn đề then chốt là tám chữ “nếu hấn bắt tài, hãy tự thay đi” rốt cuộc có ý gì. Về điểm này, ngày nay ngài Phương Bắc Thần có suy nghĩ khác. Trong *Tam quốc chí - chú thích* ngài Phương nói: chữ thay trong “hãy tự thay đi” không có nghĩa là thay thế mà là chọn lựa. Câu nói “nếu hấn bắt tài, hãy tự thay đi” có thể giải thích thành, nếu đứa trẻ này chẳng ra gì, ngài có thể chọn lựa mà xử lý. Và cách xử lý cũng rất đơn giản, ngài có thể chọn một đứa khác trong số các con của Lưu Bị thay làm hoàng đế. Cũng tức là Lưu Bị cho Gia Cát Lượng được quyền phế lập, không phải muốn Gia Cát Lượng tự lập làm vua.

Như vậy là hợp lý. Thứ nhất, ngoài Lưu Thiện ra chỉ ít Lưu Bị vẫn còn hai người con nữa, Lỗ vương Lưu Vĩnh, Lương vương Lưu Lý, vẫn còn người để chọn. Thứ hai, theo chú dẫn *Gia Cát Lượng tập* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện*, trước lúc lâm chung Lưu Bị đã gọi Lỗ vương Lưu Vĩnh đến, nói: sau khi trẫm mất, anh em người phải “coi thừa tướng như cha, người phải nghe lời thừa tướng”. Lưu Bị như muốn nói với Lưu Thiện, phía sau người còn có người khác, cũng có thể hiểu Lưu Bị coi trọng Lưu Vĩnh, coi là “đội thay thứ hai”. Thứ ba, ban cho Gia Cát Lượng được quyền phế lập, coi như Lưu Bị đã bắt chấp luật lệ, đã tín nhiệm đặc biệt, vậy làm gì còn có chuyện nhường cả hoàng vị.

Vì vậy, tôi cho rằng ngài Phương giải thích hợp lý, ít ra cũng là lời nói của người thân. Theo lời giải thích đó thì đúng là Lưu Bị đã gửi nước, gửi nhà, gửi con và chính quyền cho Gia Cát Lượng và đúng là Lưu Bị “một lòng một dạ”, là “quân thần chí công, mẫu mực xưa nay”. Gia Cát Lượng nghe mấy câu nói của Lưu Bị, đương nhiên cũng không phải vì bị bức tới góc tường nên đã “mọi gan mọi ruột ra để bộc lộ”, Gia Cát Lượng rơi lệ vì xúc động thực sự. Vì vậy, ở phần trên chúng ta đã không giải thích câu nói “hãy tự thay đi” thành “ngài có thể giữ mà thay đi”, mà giải thích là “ngài có thể quyết định mọi việc”. Trong thực tế, ban cho thần tử quyền quyết định mọi việc, khi đó coi như được nhận hoàng ân sâu xa, ân trọng như núi.

Nhưng vẫn còn vấn đề chúng ta phải bàn.

Vấn đề thứ nhất: nếu ý của Lưu Bị chỉ là ban cho Gia Cát Lượng quyền phế lập, không phải được lấy và thay thế thì vì sao Lưu Bị lại nhắc tới Tào Phi? Tào Phi không hề là “cố mệnh đại thần” gì đó, càng không phải là “tấm gương tốt” của một thần tử. Và mọi người đều rõ, lúc này Tào Phi đã hạ bệ Hán Hiến đế lên làm hoàng đế. Phần trước Lưu Bị nói “ngài tài gấp mười Tào Phi”, phần sau lại nói “nếu hấn bắt tài, hãy tự thay đi”, mọi người có thể hiểu là, việc mà Tào Phi làm, ngài là người có tài gấp mười lần Tào Phi, cũng có thể làm! Trẫm để ngài làm, cứ làm là được!

Vấn đề thứ hai: Cách nói của Lưu Bị không phải trước kia chưa có ai nói. Lúc gửi con cho Trương Chiêu, Tôn Sách đã nói như vậy. Theo chú dẫn *Ngô sử* của Bùi



Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Trương Chiêu truyện*, Tôn Sách đã nói: “nếu Trọng Mưu không được việc, ngài hãy tự tay nhận lấy”. Đúng, không đơn lẻ mà thành đôi! Và ý của Tôn Sách là, có thể lấy mà thay thế. Tất nhiên Tôn Sách nói: “tự tay nhận lấy”, Lưu Bị nói là “tự thay đi”. Chẳng nhẽ chỉ vì khác nhau có một chữ mà ý tứ lại khác nhau vời vợi?

Vấn đề thứ ba: Cho dù ý của Lưu Bị chỉ là ban cho Gia Cát Lượng quyền phế lập thì thời đó đã là việc làm chết người. Những năm cuối thời Đông Hán, ai là người làm việc phế lập? Đồng Trác. Ai là người hạ bệ hoàng đế đương nhiệm để thay thế? Tào Phi. Vì vậy gọi là “tự thay đi”. Không phải Tào Phi thì là Đồng Trác, Gia Cát Lượng cũng có thể làm những việc như vậy sao? Ngài Phương Bắc Thần nói: Lưu Bị cũng không có ý để Gia Cát Lượng làm Đồng Trác mà muốn Gia Cát Lượng làm Hoắc Quang. Hoắc Quang là quyền thần thời Tây Hán. Trước lúc lâm chung, Hán Vũ đế đã gửi con cho ông, Hoắc Quang đã trung thành phò tá (mười ba năm phò tá Chiêu vương), còn làm việc phế lập (phế Xương Ấp vương Lưu Hạ, lập Tuyên đế Lưu Tuân). Nhưng sau Hoắc Quang qua đời, cả gia tộc đã bị hủy diệt, trong đó có vợ của Hoắc Quang, mọi người trong nhà gần như bị giết sạch. Rõ ràng là Hoắc Quang cũng không tránh khỏi tai họa khủng khiếp. Nếu là chúng ta chắc cũng kinh hồn lạc phách, toát mồ hôi hạt, chỉ có thể phủ phục mà nói, “thần xin ra sức, hết lòng trung trinh cho tới chết”.

Xem ra, dù giải thích là hãy tự thay đi hay được tự quyết mọi việc; dù để Gia Cát Lượng là Hoắc Quang hoặc là Tào Phi thì bốn chữ “hãy tự thay đi” cũng là một áp lực cực kỳ to lớn đối với Gia Cát Lượng. Vì vậy, chúng ta muốn hỏi: Lưu Bị “có ý gây áp lực” hay là “vô tâm mà nhớ lời”? Hoặc là “thực tâm gửi gắm” hay là “ngắm ngẫm cái bấy”?

Điều này chỉ có Lưu Bị mới rõ được, nhưng cũng có thể suy đoán xem sao. Và cũng từ suy đoán, Trần Thọ nói: “một lòng một dạ”, Lư Bật nói: “xuất phát từ tình cảm”. Họ kết luận như vậy bởi theo họ, quan hệ giữa Lưu Bị và Gia Cát Lượng như cá gặp nước, lòng dạ hòa hợp, không hề ngăn cách. Trước lúc lâm chung gửi con là việc thổ lộ nỗi niềm, chân thành cư xử. Nhưng các ngài đáng mến đã quên mất một điều, quan hệ dù tốt đến đâu thì quân thần vẫn là quân thần, vua dù tin tưởng thần tử tới đâu thì vẫn là vua. Huống chi, Lưu Bị lại không phải là vị vua bình thường. Lưu Bị ra sức giành giật mới có được giang sơn này, với mọi người Lưu Bị là “thiên hạ kiêu hùng”. Vì vậy, e không nên hiểu tâm tư của Lưu Bị quá đơn giản như mây thư sinh.

Phải nói là vua mới hiểu nhất tâm tư của vua. Vì vậy, nên lưu tâm tới lời bình của hoàng đế Khang Hi. Theo *Ngự phê thông giám tập lãm*, Khang Hi nhìn thấy trong lời của Lưu Bị có lời, ngoài lời ra còn có lẽ, hơn nữa còn tỏ ra hẹp hòi, ngờ vực. Khang Hi nói: chẳng phải Chiêu Liệt (Lưu Bị) thường nói mình và Gia Cát Lượng tình sâu như cá với nước? Lẽ nào Lưu Bị lại không hiểu Gia Cát Lượng luôn trung trinh như nhất? Vậy



sao khi gửi con còn phải nói những lời quái gở, nghi ngờ lẫn lộn như vậy (nói lời nghi ngờ)? Khang Hi kết luận: phẩm hạnh người trong thời đại Tam Quốc vô cùng quý quý (người Tam Quốc lấy dối trá làm đầu, đáng ghét)!

Đó là kết luận của Khang Hi. Cách nói được coi là giống nhau. Thực tình thì lời gửi con của Lưu Bị đâu phải là “tật xấu của Tam Quốc”? Nói chính xác thì đó là “tâm tư đế vương”. Tôn Sách tuy chưa phải là đế vương nhưng tâm tư cũng là vậy. Tôn Sách tuy chưa phải là hoàng đế nhưng cũng là vua chúa, vua chúa tự mình giành được giang sơn. Những người như vậy, không hề muốn cơ nghiệp khó khăn mới giành được của mình rơi vào tay người khác. Nhưng thật đáng tiếc, như trong *Nhàn thoại tam phân* ngài Trần Nhĩ Đông nói: số phận Lưu Bị và Tôn Sách đều không tốt. Hai người thay thế, Tôn Quyền mười tám, Lưu Thiện mười bảy đều là vị thành niên (chưa đến tuổi đội mũ). Tuổi trẻ có trấn áp nổi mấy “ông chú” vốn là kiêu binh dũng tướng, khai quốc nguyên huân kia không? Không thể yên tâm được. Không yên tâm nên phải gửi con. Người được ủy thác không thể chọn tùy tiện, phải là người có quan hệ tốt, uy vọng cao, năng lực mạnh. Không thể ủy thác cho những người không có quan hệ tốt. ủy thác cho người uy vọng không cao, năng lực yếu cũng chẳng có ích gì. Nhưng người uy vọng cao, thế lực mạnh sẽ không phải là người nhân lúc cô nhi quả phụ, giang sơn chưa ổn định rồi lấy mà thay thế chứ? Không gửi hoặc gửi đều rất khó khăn. Vì khó khăn nên phải đánh bài ngựa. Hoặc nói như ngài Trần, “có gì nói hết – thấu triệt”. Thế nào là thấu triệt? “Nếu hấn bất tài, ngài hãy tự thay đi”. Nói tới mức ấy, mọi người sẽ chẳng có gì để nói nữa.

Đây là chiêu thức cao siêu. Như trên đã nói, quan hệ dù tốt đến mấy thì quân thần vẫn là quân thần, vua tin tưởng thần tử đến mấy thì vẫn là vua. Huống chi như ngài Trần Nhĩ Đông nói: đối với “người anh hùng” như Lưu Bị và Tôn Sách, người được tin tưởng nhất cũng là người bị nghi ngờ nhất, bởi vì cả hai bên đã hiểu nhau đến chân tơ kẽ tóc. Về điểm này, người làm vua hiểu rõ nhất và người là thần cũng hiểu rõ nhất. Nếu ai cũng giữ kín trong lòng, sẽ sinh ra xa cách và nghi ngờ; và trong lúc gửi con thì không thể có xa cách và nghi ngờ; vậy tốt nhất là nói thẳng ra, nói cho hết. Nói thẳng nói hết, thì hai bên sẽ hiểu, ai cũng yên tâm. Lưu Bị yên tâm ra đi, Gia Cát Lượng yên tâm mà làm việc, chẳng vẹn cả đôi đường, công tư đều có lợi sao? Đương nhiên, trên “lập trường cổ xưa” mà xét, chiêu “cao minh” này không phải là “góc nhìn hiện đại”, nhưng cũng chỉ có thể như vậy. Chúng ta không thể yêu cầu Lưu Bị là Washington.

Cũng có thể có người nói: quan hệ quân thần, tâm tư đế vương bạn nhắc tới đó là nói chung, còn như quan hệ của Lưu Bị và Gia Cát Lượng không thể coi là quan hệ đặc biệt được sao? Nên biết rằng, hai người gặp nhau, trước đó “ba lần đến lều tranh”, sau có “ở Vĩnh An gửi con”, có thể coi là gan ruột giải bày, sướng khổ cùng chịu, lẽ nào chỉ là quan hệ chung chung? Rất nhiều người xưa kia đã biết điều này. Trong lời chú dẫn *Gia Cát Lượng truyện* của Bùi Tùng Chi có nói: “Quân thần tương ngộ của Lượng được



coi là hiểm có”. Theo *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện*, Lưu Bị cũng nói: “Cô có Khổng Minh, như cá gặp nước vậy”. Đã vậy, sao lúc gửi con còn phải ngờ vực, còn phải thầu triệt đây?

Xem ra, chúng ta vẫn còn phải nói tới quan hệ giữa Lưu Bị và Gia Cát Lượng.

Vậy, quan hệ giữa Lưu Bị và Gia Cát Lượng là thế nào? Mỗi quan hệ đó có thực là “hiểm có” không? Nhưng đó chỉ là “tương ngộ” ban đầu; đúng là từng như cá gặp nước, và cũng chỉ là trước cuộc chiến Xích Bích. Về sau thì khó nói. Trong *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện* ghi chép rất rõ, sau ba lần đến lều tranh Lưu Bị và Gia Cát Lượng thường tựa gối tâm tình, hai bên “tình ngày một thắm thiết” dẫn tới “Quan Vũ Trương Phi cũng không vui”. Trước trận chiến Xích Bích, Gia Cát sang sứ Đông Ngô, ngoại giao đàm phán, gây dựng liên minh Tôn Lưu, giúp Lưu Bị ngăn giặc giành thắng, thoát cảnh gian nan, có thêm bốn quận Giang Nam ở Kinh châu, nhận làm quân sư Trung lang tướng. Giai đoạn này được coi là “kỳ trắng mật” của Lưu Bị và Gia Cát Lượng.

Nhưng từ trận chiến Xích Bích (Công nguyên năm 208) đến gửi con ở thành Bạch Đế (Công nguyên năm 223), trong mười lăm năm này, ít khi chúng ta nhìn thấy bóng dáng cùng tiếng nói của Gia Cát Lượng. Lưu Bị vào Thục có Bàng Thống đi theo; tấn công Hán Trung mang theo Pháp Chính. Công việc của Gia Cát Lượng lúc “lo việc thuế má, có lương nuôi quân” lúc “trấn giữ Thành Đô, đủ quân đủ lương”, thứ nữa cùng Trương Phi, Triệu Vân đưa quân vào Thục “cùng vây Thành Đô”, khiến người khác có cảm giác họ đã “lui về tuyến hai”.

Đương nhiên, điều này cũng chưa nói rõ được quan hệ giữa Lưu Bị và Gia Cát Lượng có vấn đề gì. Ngược lại, địa vị của Gia Cát Lượng lúc này đã ngang như địa vị của Tiêu Hà năm nào. Theo *Sử ký - Tiêu tướng quân thế gia*, lúc Lưu Bang chinh chiến thiên hạ, Tiêu Hà cũng không cùng nam chinh bắc chiến, chur tướng cho là “chưa phải vất vả gì, chỉ bàn luận bằng bút mực”. Nhưng bình công luận thưởng lúc xong việc, bao giờ Lưu Bang cũng để Tiêu Hà là số một. Sau khi Lưu Bị xưng đế, trong số các đại thần Gia Cát Lượng cũng ở vị trí số một. Trên thực tế, lúc đầu giữ Kinh châu cũng vậy, sau này giữ Thành Đô cũng vậy, lúc nào trách nhiệm cũng nặng nề. Bởi vì Kinh châu và Thành Đô đều là căn cứ địa, đại bản doanh của Lưu Bị, cần có người mưu lược già dặn, cẩn trọng tin cậy trông giữ. Lo liệu thuế má, thực túc binh cường cũng là việc hết sức quan trọng, binh mã chưa hành động, lương thảo đã phải đầy đủ. Không có lương thảo thì đánh chác thế nào. Hơn nữa, theo cách nói của Trần Thọ trong *Gia Cát Lượng tập* thì đặc điểm tài năng của Gia Cát Lượng là “kế đánh giặc hay hơn kỳ mưu, lo cho dân sinh tốt hơn tướng lược”. Vậy thì, để người giỏi quản lý dân trông giữ hậu phương lớn, để người giỏi kỳ mưu theo quân ra trận, chẳng phải đã rõ Lưu Bị giỏi nhìn người giao việc sao? Vì vậy không có vấn đề.



Có điều sau trận chiến Xích Bích, quan hệ giữa Lưu Bị và Gia Cát Lượng có chút khó hiểu.

Chúng ta đều biết, Gia Cát Lượng từng quy hoạch chiến lược cho Lưu Bị và nổi tiếng nhất là “Long Trung đối”. Theo lý, sau trận chiến Xích Bích, Lưu Bị có khả năng đã thực hiện quy hoạch chiến lược này, Gia Cát Lượng phải thấy vẻ vang mà vui mừng mới phải. Nhưng không hiểu vì sao Gia Cát Lượng trở nên trầm lặng hẳn. Vào Thục, Bàng Thống được thả sức thao túng, bày mưu vạch kế; tiến công Hán Trung. Pháp Chính vào sinh ra tử, đề xuất chủ trương. Vì vậy, Bàng Thống tử trận, Lưu Bị “thương nhớ đến rơi lệ”; Pháp Chính ốm mất, Lưu Bị “nước mắt giàn giụa”. Pháp Chính, Bàng Thống gần như là người dốc sức nhiều nhất cho Lưu Bị, tình cảm sâu đậm nhất với Lưu Bị.

Dù vậy cũng không có gì lạ. Gia Cát Lượng là người lập ra quy hoạch, nhưng không nhất thiết phải chấp hành; Bàng Thống, Pháp Chính theo Lưu Bị nam chinh bắc chiến, tình cảm ngày một sâu sắc cũng là lẽ thường. Nhưng điều kỳ lạ là, Quan Vũ đánh Trương Phàn, Lưu Bị tiến công Đông Ngô, sự thực đã chỉ rõ đều là những quyết sách sai lầm, nhưng vì sao Gia Cát Lượng không phản đối? Lúc Quan Vũ đánh Ngụy (Công nguyên năm 219), Pháp Chính hãy còn (là Thượng thư lệnh, kiêm Hộ quân tướng quân), đương nhiên Quan Vũ phải nghe theo Pháp Chính. Nhưng lúc Lưu Bị đánh Ngô (Công nguyên năm 221), Bàng Thống không còn, Pháp Chính cũng đã mất (mất vào Công nguyên năm 220), vì sao Gia Cát Lượng vẫn không nói một lời nào? Theo *Pháp Chính truyện* chúng ta biết, sau khi Lưu Bị bại trận ở Khiếu Đình, Gia Cát Lượng từng thở dài nói: nếu Pháp Hiếu Trực (Pháp Chính) còn sẽ không như thế này. Nhất định Pháp Chính sẽ ngăn được hoàng thượng không để hoàng thượng Đông chinh (ngăn được chúa thượng, lệnh không đi về hướng đông). Và nếu cứ Đông chinh, cũng không thảm bại thế này (tắt không đổ vỡ hoàn toàn)!

Đây là thái độ của Gia Cát Lượng sau trận chiến Khiếu Đình và đây cũng là tài liệu duy nhất còn ghi lại trong sử sách. Phải chăng đây là điều sau này Gia Cát Lượng mới hiểu được? E không phải. Nhưng nếu là đúng thì lẽ nào chờ “xong việc Gia Cát Lượng mới nói”? Trên thực tế thì Gia Cát Lượng có điều khó nói. Mọi người đều biết, trong quy hoạch chiến lược của mình Gia Cát Lượng chủ trương “giao hảo với Tôn Quyền”, với Tôn Quyền “có thể giúp, không thể lấy”. Xét về điểm này, Gia Cát Lượng không mấy tán thành việc đánh Ngô. Nhưng lại không nói. Vì sao không nói? Có thể là Gia Cát Lượng không muốn mất Kinh châu hoặc mang tâm lý may rủi trong trận chiến Khiếu Đình. Nhưng cũng không thể loại bỏ một khả năng nữa, biết, nhưng nói thì có tác dụng gì, chi bằng không nói.

Vậy, có chứng cứ gì về khả năng sau cùng không? Có. Chứng cứ có ngay trong câu nói của Gia Cát Lượng: “nếu Pháp Hiếu Trực còn thì có thể ngăn được chúa thượng”. Ý tứ câu nói đã rất rõ: thứ nhất, Lưu Bị chỉ nghe theo Pháp Chính. Nếu Pháp



Chính phản đối, Lưu Bị sẽ không đánh Ngô. Thứ hai, Pháp Chính không còn, Lưu Bị không nghe lời người khác, kể cả lời của Gia Cát Lượng. Hiển nhiên, quan hệ của Pháp Chính, và Gia Cát Lượng với Lưu Bị có khác nhau. Lưu Bị coi Gia Cát Lượng “kính trọng như khách”, đối với Pháp Chính thì “nghe lời theo kế”. Và đây cũng có thể coi là một trong những nguyên nhân khiến Gia Cát Lượng im tiếng khi Quan Vũ đánh Tương Phàn.

Vẫn còn một sự kiện nữa nhằm nói rõ quan hệ giữa hai người có phần khó hiểu. Theo *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện*, sau khi Lưu Bị xưng đế, Gia Cát Lượng được làm thừa tướng, thêm là Lục thượng thư sự, giá tiết, kiêm luôn Tư Lệ hiệu úy sau khi Trương Phi mất. Nhìn bề ngoài thì thân phận, địa vị hay quyền lực về mọi mặt, Gia Cát Lượng là số một trong số các quần thần trong chính quyền Thục Hán, không ai sánh bằng. Nhưng xin lưu ý, Gia Cát Lượng là thừa tướng không “khai phủ”, chỉ “khai phủ” lúc Lưu Bị đã tạ thế. Chúng ta đều biết, thời Đông Hán không có chức thừa tướng, thời Tây Hán mới có chế độ thừa tướng, đặc điểm là có thể “khai phủ trị sự”. Gọi là “khai phủ” là lập phủ đệ, có thuộc quan, tức là có cơ cấu làm việc riêng, có các quan chức dưới quyền. Điều đó có ý nghĩa gì? Tức là, thừa tướng có “tướng phủ” độc lập với “hoàng cung”; thừa tướng có “tướng quyền” độc lập với “hoàng quyền”. Vì vậy, Tào Tháo khôi phục chế độ thừa tướng rồi tự làm thừa tướng, sự thực là muốn lấy bớt quyền trong tay Hán Hiến đế. Vậy thì Lưu Bị để Gia Cát Lượng làm thừa tướng nhưng không “khai phủ” chỉ có thể hiểu như lời ngài Trương Tác Diệu “ham ý không phải Lưu Bị lo nghĩ khi quyền lực bị chia sẻ mà là Lưu Bị chưa hoàn toàn tin tưởng Gia Cát Lượng”. Cũng tức là, Lưu Bị không “tín nhiệm vô hạn” hoặc “hoàn toàn tín nhiệm” mà là “tín nhiệm có hạn” hoặc “tín nhiệm có bảo lưu” đối với Gia Cát Lượng.

Quan hệ giữa Gia Cát Lượng và Lưu Bị có chút biến đổi, nếu chỉ vì Lưu Bị “có mới nới cũ” thì không sao. Đáng sợ nhất là hai người có xung đột về ý niệm chính trị. Mọi người đều rõ, Gia Cát Lượng là nhà chính trị vĩ đại. Một trong những điều khác biệt giữa chính trị gia và chính khách là, chính trị gia có lý tưởng, chính khách chỉ quan tâm tới lợi ích. Gia Cát Lượng có lý tưởng là “phục hưng Hán thất”. Lý tưởng đó xuyên suốt cả cuộc đời. Còn như Lưu Bị có lý tưởng không? Có thể lúc đầu đã có, nhưng về sau đã quên mất. Theo *Độc thông giám luận* của Vương Phu Chi, sau khi có được hai châu Kinh, Ích, Lưu Bị đã quên mất lý tưởng (được Kinh, Ích thì quên mất). Lúc này Lưu Bị chỉ muốn lợi ích, không còn lý tưởng, nên mới đánh Ngô bỏ đánh Ngụy. Vì vậy Vương Phu Chi nói: “chí kiến của Tiên chủ là thừa thời tự lập làm vua”. Cái gọi là “không cùng Hán tặc” chỉ là chiêu bài để tự xưng vương xưng đế.

Lưu Bị đã quên mất lý tưởng của mình (hoặc lúc trước không có), Gia Cát Lượng vẫn còn nhớ. Nhưng điều đáng tiếc là, không ai muốn nói ra điều thay đổi nho nhỏ đó. Lưu Bị vờ như không hề quên, Gia Cát Lượng cũng không muốn nhắc nhở hoặc nói



thăng ra. Ai nấy đành phải giấu kín trong lòng. Gia Cát Lượng phải ra sức để hoàn thành mọi công việc, Lưu Bị thì dựa vào Pháp Chính giành nhiều lợi ích hơn nữa.

Vấn đề là hiện nay Pháp Chính đã khuất. Trong số các mưu thần, Bàng Thống, Hứa Tĩnh, Lưu Ba, Mã Lương đều đã mất; trong số võ tướng, Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu, Hoàng Trung cũng đã mất. Người còn lại có năng lực và tiếng tăm nhất, trừ Gia Cát Lượng ra chỉ còn Triệu Vân và Ngụy Diên. Lưu Bị vô cùng tín nhiệm Ngụy Diên, mỗi khi Tiên chủ xuất chinh vẫn có Pháp Chính, võ có Ngụy Diên, nhưng vì sao vẫn không thể gửi con cho Ngụy Diên? Người có thể gửi con chỉ có thể là Gia Cát Lượng, và lúc này Gia Cát Lượng còn là thừa tướng, Lục thượng thư sự, giá tiết, kiêm Tư lệ hiệu úy. Nhưng quan hệ quân thần lúc này đã khác trước, nên mới có màn mở đầu đó, mới có phương án “phức tạp khác” - “Thượng thư lệnh Lý Nghiêm là phó”. Lý Nghiêm nguyên là thái thú Kiến Vi, tháng mười năm Chương Võ thứ II (Công nguyên năm 222) lên làm thượng thư lệnh, sau lúc bại trận ở Khiếu Đình tới nay là bốn tháng, trước khi gửi con ở Vĩnh An là sáu tháng, rõ ràng đây là sự sắp đặt đặc biệt của Lưu Bị. Về sự sắp xếp đặc biệt này, ngài Điền Dư Khánh giảng viên đại học Bắc Kinh có cách nói khác, chúng ta sẽ nói tới sau.

Phần trên là nhận xét của tôi về việc Ở Vĩnh An gửi con, nhưng đây vẫn chỉ là sự suy đoán. Nhưng dù là gì thì Lưu Bị cũng đã gửi con cho Gia Cát Lượng và Gia Cát Lượng cũng đã nhận trách nhiệm nặng nề với chính quyền Thục Hán. Đối với một chính trị gia kiệt xuất mà nói, đây không chỉ là cơ hội thực hiện nhiệm vụ chính trị, lý tưởng chính trị, đồng thời đây cũng là một trách nhiệm nặng nề, một áp lực to lớn. Hiển nhiên, là một chính trị gia muốn trị lý đất nước, củng cố chính quyền thì trước hết phải xử lý tốt mọi mối quan hệ. Vậy, Gia Cát Lượng đã làm gì, và từ đó, chúng ta có thể có được những gợi ý gì?



PHẦN BỐN: LẠI ĐƯỢC NHẤT THÔNG

Tập thứ ba mươi bảy: QUÂN THẦN ĐẶC BIỆT

Sau khi Lưu Bị bệnh và qua đời ở Vĩnh An. Lưu Thiện kế thừa vương vị chỉ là trên danh nghĩa, mọi quyền hành quân chính đều trao vào tay Gia Cát Lượng, chính quyền Thục Hán thời đó đã bước vào “thời đại Gia Cát Lượng”. Đây là thời kỳ đặc biệt trong lịch sử Trung Quốc, quan hệ quân thần giữa Lưu Thiện và Gia Cát Lượng cũng là một quan hệ đặc biệt. Vậy quan hệ giữa họ là thế nào? Đằng sau mối quan hệ đặc biệt đó còn điều gì bí ẩn đây?

Ngày hai mươi tư tháng tư năm Chương Võ thứ III (mùng 10 tháng 6 Công nguyên năm 223), Lưu Bị băng hà tại cung Vĩnh An, trước lúc lâm chung đã “gửi con cho thừa tướng Lượng, Thượng thư lệnh Lý Nghiêm là phó”, chính quyền Thục Hán bước vào thời đại mới.

Có thể gọi đó là *thời đại Gia Cát Lượng*. Bởi vì Lưu Bị không chỉ gửi con của mình mà còn gửi cả chính quyền Thục Hán. Đối với Gia Cát Lượng, có thể coi đây là cơ may và là cuộc chiến sinh tồn. Một mặt, Gia Cát Lượng có thể bắt đầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, lý tưởng chính trị của mình; mặt khác, Gia Cát Lượng cũng phải đối mặt với bao nhiêu vấn đề khó khăn. Chúng ta đều biết, Gia Cát Lượng là chính trị gia kiệt xuất. Thế nào là chính trị? Chính trị là quan hệ. Cũng có thể nói, chính trị là xử lý mọi mối quan hệ. Ít nhất cũng có bốn mối quan hệ mà Gia Cát Lượng cần giải quyết: quan hệ quân thần, quan hệ đồng僚, quan hệ bè bạn và quan hệ đối với kẻ thù. Đây đều là những mối quan hệ rất quan trọng, nhưng theo chế độ của một đất nước có vua chúa thì mối quan hệ đầu tiên, gay gắt nhất là mối quan hệ quân thần giữa Gia Cát Lượng và Lưu Thiện.

Ở đây rõ ràng là có nhiều vấn đề. Bởi vì cách gửi con của Lưu Bị là khá đặc biệt, vừa có sự bàn giao “người làm việc với thừa tướng, phải coi thừa tướng như cha” vừa có sự sắp xếp “nếu hấn bất tài, ngài hãy tự thay đi”, đúng là không chung chung. Vì vậy xuất hiện ngay vấn đề thứ nhất: Lưu Thiện chấp hành di chúc của Lưu Bị như thế nào?

Đáp án là khẳng định. Trong *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện* còn ghi, “Kiến Hưng năm đầu, phong Lượng Võ hươu hầu, khai phủ làm việc. Ít lâu sau lĩnh Ích châu mục. Chính sự, mọi việc đều do Lượng quyết”. Rõ ràng, Lưu Thiện không chỉ làm theo di chúc của Lưu Bị mà còn làm hơn thế nữa. Chúng ta nên tìm hiểu từng việc từng việc một.

1- Phong Võ hươu hầu. Võ hươu, người xưa giải thích là hang Võ Hươu ở Nam Trịnh, ngài Miêu Việt cho là sai lầm, phải là huyện Võ Hươu quận Lang Nha. Vì Gia Cát Lượng là người quận Lang Nha, nên phong cho Gia Cát Lượng huyện Võ



Hương, quận Lang Nha; giống như Trương Phi người quận Trác thì phong Lang Nha Trương Phi là Tây Hương hầu. Tây Hương và Võ Hương đều là huyện. Ngày nay huyện Tây Hương nằm về phía tây nam Phòng Sơn, Bắc Kinh, thời Tây Hán huyện Võ Hương thuộc quận Lang Nha, sau này bị xóa bỏ. Vì vậy Trương Phi và Gia Cát Lượng đều là huyện hầu, không phải là Hương hầu. Có người nói: huyện Võ Hương quận Lang Nha không thuộc đất Thục sao có thể phong được? Thực ra đây là một loại chế độ đất thời đó, gọi là “dao lĩnh”, giống như Lưu Vĩnh - con của Lưu Bị được phong là Lỗ vương, Lưu Lý phong là Lương vương. Sau này Tôn Quyền cũng phong chư vương theo cách thức đó. Phong như vậy có hai ý nghĩa. Một là nâng cao địa vị của người được phong, hai, muốn chứng tỏ mình là chủ thiên hạ. Còn một ý nghĩa nữa đối với chính quyền Thục Hán, chứng tỏ mình là chính thống.

2- Khai phủ làm việc. Khai phủ, tức là dựng phủ đệ, chọn quan viên, cũng tức là xây dựng hệ thống quan viên và một cơ cấu làm việc tương đối độc lập của riêng mình. Thời đầu nhà Tây Hán, thừa tướng, thái úy, ngự sử đại phu, cả ba chức “Tam công” này đều được khai phủ. Về sau đại tướng quân cũng khai phủ. Tào Tháo khôi phục chế độ thừa tướng, lên làm thừa tướng cũng để được khai phủ; Lưu Bị để Gia Cát Lượng làm thừa tướng nhưng không khai phủ. Ở đây có sự khác biệt rất lớn. Khai phủ sẽ có tướng quyền tương đối độc lập với hoàng quyền, không khai phủ sẽ không có. Vì vậy, ý nghĩ của việc này là lớn lao nhất, sau này sẽ nói tiếp.

3- Lĩnh Ích châu mục. Chúng ta đều biết, cái gọi là “Thục Hán” kỳ thực chỉ là Ích châu. Nơi mà thừa tướng Thục Hán quản và nơi mà Ích châu mục quản chẳng khác gì nhau. Vậy thì, thừa tướng kiêm Ích châu mục chẳng phải chỉ thêm rườm rà hay sao? Đương nhiên là không phải, về mặt địa lý, Thục Hán tức là Ích châu; nhưng về thể chế nhà nước thì Thục Hán là Thục Hán, Ích châu là Ích châu. Sự khác biệt là ở chỗ nào? Thục Hán là vương triều, Ích châu là quận huyện; thừa tướng Thục Hán là chức quyền ở trung ương. Ích châu mục là quan viên địa phương. Người trước, có đủ quyền hành chính trung ương, người sau, có quyền hành chính địa phương. Quyền hạn của hai chức vụ trên không giống nhau, trách nhiệm cũng khác nhau. Châu mục là quan “quản dân”, thừa tướng là quan “quản quan”. Đương nhiên, châu mục cũng “quản quan” (quản lý thái thú và huyện lệnh), nhưng thừa tướng thì không “quản dân”. Vì vậy xét về mặt chế độ thì đó là hai chức vụ khác nhau.

Nhưng Lưu Thiện đã giao cả hai chức vụ đó cho Gia Cát Lượng. Điều đó rất có ý nghĩa. Nhìn lại thấy: phong Võ Hương hầu là ban cho Gia Cát Lượng địa vị tôn quý; khai phủ làm việc là để Gia Cát Lượng có tướng quyền độc lập; lĩnh Ích châu mục là cho Gia Cát Lượng quyền quản dân. Điều đó ngang như trao cả nước Thục từ trên xuống dưới cho Gia Cát Lượng.



Trên thực tế, Gia Cát Lượng không chỉ đứng trên mọi người mà còn nắm trọn quyền lớn. Theo chú dẫn *Ngụy lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Hậu chủ truyện*, sau khi kế vị, Lưu Thiện đã xác định rõ ràng: “chính, do họ Cát; tế, do quả nhân”. Như vậy nghĩa là gì? Nghĩa là: mọi việc quan trọng về quân, chính đều do Gia Cát Lượng xử lý, mình chỉ là một nguyên thủ quốc gia trên danh nghĩa. Nếu nói trong chính sử không thấy ghi mấy lời đó, chắc gì đã là thực. Vậy sự thực thì trong *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện* đã ghi: “chính sự dù to nhỏ, do Lượng giải quyết tất”.

Điều này giống hệt như bên chỗ Tào Tháo. Tào Tháo đứng đầu và chức vụ thì sao? Võ Bình hầu (huyện hầu), thừa tướng (khai phủ), lĩnh Ký châu mục. Còn Gia Cát Lượng? Võ Hương hầu (huyện hầu), thừa tướng (khai phủ); lĩnh Ích châu mục. Như vậy là trùng hợp hết chỗ nói. Duy có điều khác nhau là: chỉ ít Tào Tháo cũng tự giành được một nửa những cái mà mình có, riêng Võ Bình hầu là do Hán Hiến đế phong cho, còn những cái mà Gia Cát Lượng có đều do Tiên chủ và Hậu chủ ban tặng.

Nhưng tự nguyện cũng tốt, buộc phải cũng tốt, về mặt bản chất thì hai vị hoàng đế Lưu Thiện và Lưu Biện chẳng khác gì nhau, đều là “con dậu cao su”. Vì vậy chúng ta cần phải hỏi câu hỏi thứ hai: cảm giác của Lưu Thiện như thế nào?

Tôi nghĩ là không vui. Có chứng cứ không? Có. Theo chú dẫn *Tương Dương ký* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện*, sau khi Gia Cát Lượng tạ thế khắp nơi người người đều yêu cầu lập miếu cổ thừa tướng, nhưng không được phê chuẩn. Nhân dân quần chúng đều phải “chọn ngày cúng tế riêng” ở khắp mọi nơi. Và rồi có người nói: dựng miếu ở khắp nơi là không cần, nhưng lập miếu ở Thành Đô thì có thể, “Hậu chủ vẫn không theo”. Dư luận xôn xao, bất bình, triều dã chia thành phe phái đối lập, may sao đã có người đứng ra dàn xếp ổn thỏa. Họ dâng biểu lên Lưu Thiện, nói: sùng bái thánh hiền, truy ân công thần là mỹ đức tốt đẹp xưa nay. Và Gia Cát Lượng công lao cái thế, sự tồn vong của vương thất đều nhờ cả vào ông. Hơn nữa cứ để nhân dân quần chúng cúng tế khắp nơi, đầu đường cuối ngõ, trong vườn dưới ruộng “cúng ở ngõ”, “tế ngoài đồng” là không phải. Đương nhiên, lập miếu ở Thành Đô là không hợp lý, vì theo lệ miếu của hoàng đế mới được dựng ở đây. Làm sao đây? Nên lập miếu thừa tướng Gia Cát Lượng ngay trước mộ (gần mộ của người), trên núi Định Quân (dựng ở Miện Dương). Còn có quy định, mọi người dân muốn cúng tế Gia Cát Lượng đều phải đến miếu (ở tại miếu), không thể tùy tiện “cúng tế riêng”. Tức là, vẫn nên lập miếu, nhưng không phải ở Thành Đô, ở khắp mọi nơi trong cả nước mà ở trước mộ thừa tướng. Lúc này Lưu Thiện mới đồng ý (bắt đầu nghe theo).

Người dâng biểu là Binh bộ hiệu úy Tập Long, Trung thư lang Hương Sung, không phải là nhân vật tầm cỡ gì. Đọc kỹ tờ biểu mới thấy họ đã phải lao tâm khổ tứ, bàn bạc kỹ lưỡng để được toàn vẹn như thế nào? Trước hết lấy cổ nhân làm lệ (người Chu nhớ công đức của Triệu Bá mà không đánh Cam Đường; Việt vương nhớ công



Phạm Lãi đã cho đúc tượng vàng giữ lại), sau là giải thoát cho Lưu Thiện (dựng miếu ở kinh sư là bức tông miếu, khiến bệng thánh sinh nghi), cuối cùng mới có phương án khiến Hậu chủ có thể tiếp nhận được: quy định chỉ được dựng miếu và cúng tế ở trước mộ Gia Cát Lượng. Nghĩ xem, mộ của Gia Cát Lượng xa xôi tận núi Định Quân Hán Trung thì sẽ có mấy người tới đó? Như vậy, không thể hoàn toàn cấm “Toàn dân tế riêng”, nhưng Lưu Thiện lại có thể tiếp nhận được. Rõ ràng là Lưu Thiện không mấy thích thú với chuyện này.

Có người nói: Lưu Thiện không phê chuẩn việc lập miếu Gia Cát Lượng là có căn cứ, căn cứ đó là lễ pháp. *Tương Dương ký* nói rất rõ, “triều nghị lấy lễ mà không theo”! Điều này thực khó hiểu! Biểu văn của Táp Long và mấy người khác đã nói như thế nào? Bốn trăm năm vương triều Đại Hán đã dựng bia, viết truyện, tạc tượng lập miếu cho bao người ít nhiều có công có đức (tự Hán hưng lại đây bao người được tạc hình lập miếu vì ít nhiều có công có đức), lẽ nào một hoàng đế Đại Hán xưa nay chưa từng nói tới lễ nghĩa, quy phạm sao? Dù chỉ ít nhiều có công có đức đã được tạc tượng, dựng miếu, đằng này thừa tướng Gia Cát Lượng đại ân đại đức, dựng miếu cho ngài là phạm luật chẳng? Hơn nữa, Lưu Thiện chưa hẳn là người luôn giữ quy chế. Sau khi Khổng Minh tạ thế, Lưu Thiện đã bãi bỏ chế độ thừa tướng, đình chỉ việc bắc phạt Trung Nguyên, vậy sao không thể phá lệ một lần cho Gia Cát Lượng? Nói thẳng ra rằng, Lưu Thiện có phần hẹp hòi, có điều gì không vui trong lòng.

Vì vậy chúng ta cần hỏi về vấn đề thứ ba: Vì sao Lưu Thiện không vui?

Có ba nguyên nhân. Thứ nhất, như là bị giam lỏng. Cậu bé Lưu Thiện sau khi kế vị, có ý không bao giờ ra khỏi cung. Mỗi hơn một năm sau khi Gia Cát Lượng tạ thế, tức là vào tháng tư năm Kiến Hưng thứ XIV (Công nguyên năm 236), lần đầu đến đập Đô Giang xem Mân Giang. Sau này Trần Thọ trình trọng ghi chuyện đó vào *Tam quốc chí - Hậu chủ truyện*. Chúng ta đều biết, đập Đô Giang là công trình thủy lợi nổi tiếng thời cổ ở Trung Quốc, là vua của vương triều Thục Hán, đến thị sát là việc hoàn toàn nên làm, nhưng cũng có lời phê bình. Lúc chú dẫn *Tư trị thông giám*, Hồ Tam Tỉnh đã nói: không còn Gia Cát Lượng (Gia Cát Lượng mất) nên Lưu Thiện mới chạy ra ngoài du ngoạn (Hán chủ du quan), tất nhiên, không ai ngăn được người (không ai dám cản). Rõ ràng, khi Gia Cát Lượng còn, Lưu Thiện không dám đi. Hoặc muốn đi cũng bị Gia Cát Lượng ngăn lại. Lưu Thiện lên ngôi hoàng đế lúc mười bảy tuổi, tới khi Gia Cát Lượng qua đời. Lưu Thiện mới hai mươi chín tuổi. Mới gần này tuổi mà ngày nào cũng bị nhốt trong cung, không buồn sao được? Hơn nữa, một người sắp tham chính lại không ra ngoài tìm hiểu tình hình hay sao? Vì vậy, ngài Trần Nhĩ Đông nói: Gia Cát Lượng làm cho “Lưu Thiện thấy uất”.

Thứ hai, luôn được dạy bảo. Năm Kiến Hưng thứ V (Công nguyên năm 227), Gia Cát Lượng chuẩn bị Bắc phạt. Trước khi lên đường, Gia Cát Lượng có biểu ra quân lên



Lưu Thiên. Biểu ra quân lời văn hoa mỹ, ý tứ sâu xa lưu lại thiên cổ, mỗi khi đọc lại, ai nấy đều cảm thấy mến phục, xúc động không dứt. Nhưng Lưu Thiên lại là người không thấy thế. Bởi vì, khẩu khí Gia Cát Lượng trong văn biểu hoàn toàn như lời dạy trẻ con. Nào là “không nên sơ suất, dẫn tới mất nghĩa”, nào là “không nên tư túi”, “không nên cư xử khác biệt”, toàn là những lời khó nghe. Cũng có người nói: khó nghe thì đã làm sao? Lời trung thì nghịch nhĩ mà! Xin lỗi, thế là bạn đã lạc đề. Ở đây tôi không muốn bàn xem Gia Cát Lượng nói đúng hay sai, chỉ muốn bàn Lưu Thiên nghe xong vui hay không vui. Gia Cát Lượng nói đúng, nhưng Lưu Thiên nghe xong không vui, có thể là như vậy. Hơn nữa, trong lời nói của mình, Gia Cát Lượng luôn nhắc tới “tiên đế”. Bạn xem, trong lời biểu ngắn gọn đó có tới hơn mười chỗ nhắc tới “tiên đế”. Như vậy, lúc thường cũng luôn không vui. Lúc nào cũng tiên đế là như vậy còn trăm thì sao?

Thứ ba, khó lòng thân chính. Chúng ta đều biết, Gia Cát Lượng chỉ là cố mệnh đại thần, không là nhiếp chính vương, càng không là hoàng đế. Nhiệm vụ Gia Cát Lượng là phò tá Lưu Thiên, không thay thế Lưu Thiên. “Gửi con” tức là vua mới còn nhỏ nên mới phải gửi. Sau khi vua trưởng thành nên để vua thân chính. Vả, Lưu Bị đã nói rất rõ: “nếu hấn bắt tài, ngài hãy tự thay đi”. Vậy, nếu Lưu Thiên “tài” thì sao? Đương nhiên, không thể “tự thay đi”. Nhưng chúng ta không hề thấy Gia Cát Lượng có dự định trả chính quyền lại cho vua, và cũng không biết, trong kế hoạch của mình, bao giờ Gia Cát Lượng mới để Lưu Thiên từ một “Hoàng đế kiến tập” biến thành “Hoàng đế tại chức”. “Thời gian thực tập” của Lưu Thiên hầu như chưa đủ, hầu như không thể “chuyển thành chính thức”. Xin hỏi, nếu bạn là Lưu Thiên, liệu có vui được không?

Như bị giam lỏng, luôn được dạy bảo, khó lòng thân chính, cả ba điều này cộng lại thì hẳn là Lưu Thiên không vui. Vì vậy, chúng ta muốn hỏi vấn đề thứ tư: Vì sao Gia Cát Lượng không chịu trả lại chính quyền cho vua?

Cách nói thông thường là Lưu Thiên quá kém. Một Lưu A Đầu vực mãi không xong! Giao cả nước Thục cho hấn, chẳng phải là hết sao? Có chứng cứ gì mà nói vậy? Có. Có bốn chứng cứ. Thứ nhất, thân tín là lũ tiểu nhân. Điều này, mọi người đều biết, không cần phải nói. Hơn nữa, thân tín là tiểu nhân e đã được dự báo từ trước, nếu không thì sao trong *Biểu ra quân* của mình Gia Cát Lượng đã phải nói Tiên Hán, Hậu Hán như thế này như thế kia.

Thứ hai, không đánh mà hàng. Điều này, mọi người cũng đã biết. Hơn nữa, theo chú dẫn *Hán Tấn Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Hậu chủ truyện*, khi Lưu Thiên chuẩn bị đầu hàng, người con thứ năm - Bắc Địa vương Lưu Thâm đã tỏ rõ thái độ phản đối. Lưu Thâm nói với phụ hoàng, cho dù chúng ta đã cùng đường, bại trận, thì cũng nên vua tôi, cha con đồng tâm hiệp lực, xả thân vì đất nước đánh trận cuối ở Bối Thủy. Như vậy mới xứng với Tiên đế! Nhưng Lưu Thiên vẫn không nghe, Lưu



Thầm chạy thẳng tới miếu Lưu Bị khóc lóc, rồi sau đó cả nhà cùng tự sát. Sánh với hành động của Lưu Thâm phải chăng Lưu Thiện càng tỏ ra hèn yếu?

Thứ ba, vong ân bội nghĩa. Theo chú dẫn *Vân Biệt truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Hậu chủ truyện*, năm Cảnh Diệu thứ III (Công nguyên năm 260), Lưu Thiện truy ích cho các tướng quân quá cố, Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu, Hoàng Trung đều được truy tặng. Quan Vũ là Tráng hầu, Trương Phi là Hoàn hầu, Mã Siêu là Uy hầu, Hoàng Trung là Cương hầu, chỉ mình Triệu Vân là không được phong. Về sau nhờ có Khương Duy và mấy người khác tố thái độ bất bình, nên mãi tới năm thứ hai mới truy ích Triệu Vân là Thuận Bình hầu. Triệu Vân là đại công thần trong tập đoàn Lưu Bị và còn là đại ân nhân của Lưu Thiện. Truy ích cho cố nhân, nhưng lại không nhớ tới Triệu Vân, phải nhờ người khác nhắc nhở, thế chẳng phải là vong ân bội nghĩa sao?

Thứ tư, không có tình cảm. Theo chú dẫn *Hán Tấn Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Hậu chủ truyện*, sau khi đầu hàng, Lưu Thiện đến Lạc Dương và được phong là “An Lạc hầu”. Tư Mã Chiêu mở tiệc chiêu đãi Lưu Thiện, và cho diễn tấu khúc nhạc của nước Thục (nói lên cái hay của nước Thục cũ). “Ca kỹ của nước Thục buồn bã nhảy múa trước cung nhà Ngụy”, tình cảnh hết sức ai oán, bi thương! “Mọi người chung quanh đều cảm thấy buồn thương”, riêng Lưu Thiện “tươi cười sung sướng”. Tư Mã Chiêu thấy thế lấy làm chướng mắt. Tư Mã Chiêu nói với lũ bộ hạ, con người sao có thể vô tình đến như vậy (cũng không nên vô tình đến như vậy)! Rồi một hôm Tư Mã Chiêu hỏi Lưu Thiện: chắc là nhớ nước Thục lắm? Lưu Thiện nói: ở đây rất vui, không nhớ nước Thục nữa (ở đây vui, không nhớ Thục). Đúng là chẳng ra gì. Thế rồi Hí Chính một cựu thần theo chân Lưu Thiện vào Lạc Dương đến nói: lần sau được hỏi chúa công nên nói phần mộ tiên nhân còn ở đó nên ngày nào cũng nhớ, sau đó thì nhắm mắt lại. Sau này Tư Mã Chiêu lại hỏi chuyện đó, Lưu Thiện đã nói đúng như mấy lời Hí Chính đã bảo. Tư Mã Chiêu nghe xong lấy làm ngờ nói: nghe sao giống giọng của Hí Chính thế? Lưu Thiện mở mắt ra, nói luôn, ngài đoán đúng rồi, đúng là ông ấy (ngài dạy quả không sai)! Kết quả là mọi người có mặt đều cười (tả hữu đều cười). Bạn nói xem, đúng là Lưu Thiện chẳng có chút tình cảm nào?

Chúng ta vẫn có thể bàn bạc về những chuyện này. Thứ nhất, liệu có hoàng đế thời nào không có những kẻ tiêu nhân bên cạnh? Hán Văn đế có không? Hán Vũ đế có không? Bên cạnh Chiêu Liệt hoàng đế Lưu Bị lẽ nào lại không có? Ví như Pháp Chính nọ, nhiều người bảo ông ta là tiểu nhân. Gia Cát Lượng, Tưởng Uyển, Phí Y, Đồng Doãn, gọi là “tứ anh”, trước sau cùng phò tá Lưu Thiện. Chính quyền Lưu Thiện chẳng phải “nội các hiền nhân” sao?

Thứ hai, cũng có thể bàn chuyện không đánh mà hàng. Trong lịch sử những kẻ không đánh mà hàng không phải chỉ có Lưu Thiện, Lưu Chương là một ví dụ. Lẽ nào



Lưu Chương không đánh đã hàng là bỏ chỗ tối ra chỗ sáng, Lưu Thiện không đánh đã hàng là vớt quyền nhục nước sao? E không hợp lý chăng? Đương nhiên, Lưu Thiện và Lưu Chương có chỗ khác nhau. Lưu Chương từng nói rất rõ: hơn hai mươi năm nay cha con họ Lưu ở đất Ích châu, chưa làm được điều gì cho dân sung sướng, ngược lại trăm họ luôn khổ ải vì chiến tranh, không sao chịu nổi! Đó là sự thực. Còn Lưu Thiện không hề nghĩ như vậy. Lưu Thiện mãi nghĩ tới việc sống chết của mình, nên mới định tháo chạy. Chỉ vì chạy không được nên mới đầu hàng. Vì vậy không còn gì đáng nói khi Lưu Thiện không đánh mà hàng. Nhưng việc Thục Hán mất nước không phải là trách nhiệm của một mình Lưu Thiện, không thể vì Lưu Thiện là vua mất nước mà nói tới cạn tàu ráo máng.

Thứ ba, không truy ích cho Triệu Vân là có nguyên nhân, vì lúc xưng vương, Lưu Bị chỉ phong bốn viên đại tướng: Tiền tướng quân Quan Vũ, Hữu tướng quân Trương Phi, Tả tướng quân Mã Siêu và Hậu tướng quân Hoàng Trung, không có Triệu Vân cũng không có cái gọi là “Ngũ hổ thượng tướng”. Thực tế thì cả đời Triệu Vân chưa có được “danh hiệu tướng quân”, lúc Lưu Bị còn sống, chỉ là Dục quân tướng quân, Trấn đông tướng quân, sau này vì “thất lợi ở Kỳ Cốc” nên bị giáng xuống làm Trấn quân tướng quân. Vì vậy, địa vị của Triệu Vân luôn không bằng Quan, Trương, Mã, Hoàng. Lưu Thiện truy ích cho các tướng quân quá cố là theo lệ và danh sách bốn viên đại tướng. Đó cũng là kế thừa cách làm của cha mình. Đương nhiên, như vậy là vong ân bội nghĩa, là điều làm cho Triệu Vân buồn khổ. Nhưng món nợ này phải đổ lên đầu Lưu Bị trước, không thể chỉ trách một mình Lưu Thiện. Hơn nữa cuối cùng Lưu Thiện đã truy ích cho Triệu Vân, phải nói là việc làm đúng mực, sao còn là sai lầm lớn?

Thứ tư, biểu hiện của Lưu Thiện trước Tư Mã Chiêu thực ác độc. Dù là vua mất nước cũng không nên hèn yếu như vậy, mất cả cốt cách, lòng không trung thực. Lưu Thiện hàng Ngụy được mười ba năm thì Ngô đế Tôn Hạo cũng hàng Tấn, được phong là “Quy mệnh hầu”, thấp hơn Lưu Thiện một cấp. Theo *Tấn thư - Vũ đế kỷ*, Tôn Hạo đến Lạc Dương lên điện bái kiến Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm. Tư Mã Viêm cho Tôn Hạo ngồi rồi nói: trăm ngôi đây chờ túc hạ, chờ lâu rồi. Ai ngờ Tôn Hạo xuống ngựa nhưng không tháo yên, cựa cuống chết đến đít vẫn còn cay, đã uốn lưỡi châm luôn, ở miền Nam thần cũng ngồi chờ bệ hạ! Người ta thường nói: tướng bại trận không dám nói cứng. Tôn Hạo là vua mất nước, đối mặt với người thắng mình vẫn cứng cỏi nhường ấy, lời nói còn có “giá trị thẩm mỹ” hơn Lưu Thiện.

Nhưng Lưu Thiện tuy hèn yếu, nhưng tuyệt không yếu trí. Lưu Thiện không có cốt cách, nhưng không phải không có cách nhìn. Nói trắng ra, Lưu Thiện vờ điên vờ ngốc. Lưu Thiện rất rõ, là vua mất nước thì mãi mãi không thể trở về, giữ được tính mạng đã là may. Lưu Thiện cũng rõ, muốn giữ được tính mạng, phải làm cho người khác hiểu mình không còn bụng dạ báo thù. Không còn tưởng nhớ nước Thục nữa. Đúng



như *Tam quốc chí* tập giải dẫn lời Vu Thận Hành nói: “lòng nhớ Thục, (Tư Mã Chiêu cũng không muốn nghe”. Vì vậy, Lưu Thiện cần phải tỏ ra “vui mà quên Thục”. Hơn nữa, Lưu Thiện còn phải tỏ ra, dù có lòng nhớ Thục cũng là do người khác dạy cho, còn mình chỉ học mà cũng không giống. Kết quả, khi mà “tả hữu đều cười” thì cái chức “An Lạc công” kia mới thực là “an lạc”. Câu nói: “một người trung thành” không chỉ chứng tỏ mình không nhớ Thục, còn chứng tỏ mình chẳng còn bụng dạ nào, đúng là “nhất cử lưỡng tiện”. Làm được như vậy rất khó. Nghĩ xem, sau khi Lưu Thiện nói lời mà Hí Chính đã bảo, nếu Tư Mã Chiêu không hỏi “sao mà giống lời của Hí Chính” thì sẽ thế nào đây? Điều này nói rõ, Lưu Thiện cũng bạo gan, dám cá cược thế này; phải là người có trí, mới đoán được Tư Mã Chiêu sẽ hỏi như vậy. Bất luận là thế nào, chứng tỏ Lưu Thiện không phải là bao cỏ.

Kỳ thực thì Gia Cát Lượng đã từng nói về trí lực của Lưu Thiện. Theo chú dẫn *Gia Cát Lượng tập* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện*, trước lúc lâm chung Lưu Bị từng có di chiếu cho Lưu Thiện, nói thừa tướng cho con là “trí nhớ rất tốt”, chẳng mấy chốc sẽ “được như mong muốn”. Nếu đúng vậy thì trăm cũng yên lòng. Gia Cát Lượng không hề sợ hãi, Lưu Bị cũng là người hiểu biết, nên nói như vậy là có cơ sở. Hoặc có người nói: đó là Gia Cát Lượng an ủi Lưu Bị “nói không có thiệt ý”. Cũng có khả năng là vậy. Nhưng dù có nói không tới đâu cũng không phải là “trí nhớ rất tốt”. Cũng tức là nói nhiều lắm thì Lưu Thiện cũng chỉ là người bình thường, trí nhớ không tồi.

Sự thực thì Lưu Thiện không phải là người không có đầu óc. Trong bài *Lưu Thiện và Gia Cát Lượng*, ngài Doãn Vận Công đã nêu hai sự kiện để nói rõ điều này. Sự kiện thứ nhất, sau khi Gia Cát Lượng qua đời, Lưu Thiện không cắt cử thừa tướng để khỏi mất đại quyền lần nữa. Cách làm của Lưu Thiện cũng rất tinh tế. Năm Kiến Hưng thứ XII (Công nguyên năm 234), Lưu Thiện để Tể tướng là Thượng thư lệnh, thay Gia Cát Lượng “quản xuyên việc nước”. Tháng tư năm Kiến Hưng thứ XIII (Công nguyên năm 235), cử Tể tướng là Đại tướng quân, Lục thượng thư sự, khôi phục chế độ sau Hán Vũ đế. Năm Diên Hi thứ II (Công nguyên năm 239), cử Tể tướng là Đại tư mã. Năm Diên An thứ VI (Công nguyên năm 243), cử Thượng thư lệnh Phí Y là Đại tướng quân, còn là Lục thượng thư sự. Đại tư mã Tể tướng quản về hành chính, kiêm quản quân sự. Đại tướng quân Phí Y quản về quân sự, kiêm quản hành chính. Hai vị đại thần quyền lực giao nhau, khắc chế lẫn nhau, trách nhiệm nặng nề. Cung cách sắp đặt chức quyền, phân phối quyền lực sáng suốt như vậy, phải chăng một người kém cỏi có thể nghĩ ra? Hơn nữa, theo chú dẫn *Ngụy lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Hậu chủ truyện*, năm Diên Hi thứ IX (Công nguyên năm 246), sau lúc Tể tướng qua đời, Lưu Thiện “tự nắm việc nước”. Đoạt lại quyền lực của vua trong tay quyền thần phò tá một cách nhẹ nhàng như vậy, đâu phải là việc làm của người kém cỏi?



Sự kiện thứ hai là: tháng sáu, Diên Hi năm đầu (Công nguyên năm 238), Tư Mã Ý dẫn quân tới Liêu Đông đánh Công Tôn Uyên. Dưới con mắt người Thục lúc đó, đây là cơ hội Bắc phạt có lợi. Nhưng Lưu Thiện lại có lệnh cho Tưởng Uyển một cách bình tĩnh và khách quan. Trong *Tam quốc chí - Tưởng Uyển truyện*, Lưu Thiện nói: năm đó Trần Thắng, Ngô Quảng đã khởi nghĩa dấy lên làn sóng phản Tào khắp trong ba quận ở Liêu Đông! Xem ra trời xanh đã muốn hủy diệt Tào Ngụy rồi. Mong ái khanh chuẩn bị hành trang, thống lĩnh ba quân tiến vào Hán Trung. Chờ khi quân Ngô bắt đầu hành động (bên Ngô cử động), đông tây hai mặt cùng ứng hợp (đông tây ở thế ỷ giốc) và khi nội bộ nước Ngụy xuất hiện vấn đề là có thể bắt đầu tấn công (thừa dịp chúng sơ hở). Tốt nhất là chờ “bên Ngô cử động, đông tây ở thế ỷ giốc, thừa cơ địch sơ hở”! Thực ra đây là lời cảnh giới Tưởng Uyển, không nên khinh xuất, manh động, kéo lại rơi vào vết xe đổ người đi trước, vất vả mà chẳng ăn thua gì. Người kém cỏi lại biết vậy sao? Không!

Từ đó cho thấy, Lưu Thiện không hề kém cỏi như mọi người từng nghĩ. Sở dĩ Lưu Thiện phải tỏ ra kém cỏi bởi vì đất nước (Lưu Bị, Gia Cát Lượng) và đối thủ (Tôn Quyền, Tư Mã Ý) quá mạnh, và mình chỉ là vua mất nước. Nếu là thời bình, thiên hạ là một thì Lưu Thiện rất có thể là “vị vua giữ thành” rất tốt.

Lúc này chúng ta lại cần phải hỏi tiếp: vì sao Gia Cát Lượng lại độc chiếm đại quyền, không chịu hoàn trả cho vua?

Một cách nói là, Lưu Thiện chưa có kinh nghiệm chấp chính. Như trong chú dẫn *Ngụy lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Hậu chủ truyện*, nói: Gia Cát Lượng “nắm quyền trong ngoài, vì sợ Thiện chưa quen chấp chính”. Quen giống như thuần thực. Gọi là “chưa quen” cũng tức là chưa quen thuộc. Lưu Thiện chưa từng làm hoàng đế, đương nhiên là chưa quen với công việc hành chính. Vậy, nếu “quen” thì sao? Hơn nữa, không để Lưu Thiện thực tập, thực hành cụ thể thì “quen” thế nào được? Vì vậy, lời nói đó không hợp lý, hoặc đó chỉ là lời giải thích không mấy thuyết phục.

Tôi đoán, có thể có ba nguyên nhân khiến Gia Cát Lượng làm như vậy.

Một là “buổi đầu nhà Hán, vua giả tướng thật”. Trong cuốn *Đế quốc đích trù trưởng*, tôi từng nói, trong lịch sử Trung Hoa đế quốc cơ cấu chính quyền trung ương buổi đầu thời Tây Hán là cơ cấu tốt nhất. Điều hợp lý nhất là phân chia thành “cung đình” và “triều đình” hoặc “hoàng quyền” và “tướng quyền”. Hoàng đế là nguyên thủ quốc gia, tượng trưng cho việc thống nhất đất nước; tể tướng là đầu não của chính phủ cùng các quan quản lý quốc gia, chịu trách nhiệm thực tế về mọi mặt chính trị. Hoàng đế cầm quyền nhưng không phụ trách, tể tướng phụ trách nhưng lại không có chủ quyền, một khi đất nước có chuyện, hoàng đế với danh nghĩa là người cầm quyền có thể trách vấn tể tướng và chính phủ, tể tướng và chính phủ cũng không thể không thừa nhận trách nhiệm chính trị. Như vậy, chính phủ do tể tướng cầm đầu có khả năng trở thành “nội



các có trách nhiệm” hoặc “chính phủ bị trách vấn”. Giai đoạn mà Gia Cát Lượng chủ chính trong chính quyền Thục Hán là như vậy. *Xuất sư biểu* nói: “Xin bệ hạ cho thần đi đánh giặc để phục hưng; nếu không kết quả sẽ trị tội thần, bầm cáo với tiên đế”. Như vậy là tốt nhất, vừa được “nắm quyền” vừa được “trách vấn”. Ngược lại, hoàng đế thân chính là không hay. Hoàng đế tự mình nắm quyền lại tự mình thân chính thì một khi đất nước có chuyện thì không có người phụ trách, không biết trách vấn ai, như vậy là không hay. Vì vậy cần phải “vua ngồi đây tướng làm việc”, như Lưu Thiện từng nói: “chính, do họ Cát, tể, do quả nhân”. Tiếc rằng, Gia Cát Lượng vừa tạ thế thì người mất, chính nghỉ. Phải nói là rất đáng tiếc.

Hai là “đường xa việc nặng, không dám rời tay”. *Xuất sư biểu* nói: “tiên đế biết thần thận trọng, trước khi băng hà đã giao việc lớn. Từ lúc nhận lệnh ngày đêm lo nghĩ, chỉ e việc giao không thành, phương hại đến sự sáng suốt của Tiên đế”. Đây là lời thực, Gia Cát Lượng là người rất có trách nhiệm. Sợ việc làm không tốt, Gia Cát Lượng không yên tâm với người khác. Thà chịu mệt mỏi, không chịu buông tay. Có thể trong mắt Gia Cát Lượng, Lưu Thiện chỉ là đứa trẻ, sao có thể phó thác đất nước cho Lưu Thiện?

Ba là “trong ngoài đầy khó khăn, nguy cơ từ bốn phía”. “*Xuất sư biểu*” nói: “Thiên hạ chia ba, Ích châu mệt mỏi, nguy cấp tồn vong đang cận kề”. Đây cũng là lời thực. Lúc Gia Cát Lượng tiếp quản toàn bộ chính quyền Thục, nước Thục có nhiều khó khăn. Bắc có Tào Ngụy, đông có Đông Ngô, bên ngoài thì nội bộ chính quyền Thục Hán là hòa thuận, nhưng thực tế thì có nhiều mâu thuẫn nặng nề. Chính vì nhiều mối mâu thuẫn phức tạp nặng nề đó, Gia Cát Lượng bị áp lực lớn, cần phải thận trọng tỉ mỉ xử lý quan hệ giữa mình và đồng僚, giải quyết nhiều vấn đề gay gắt căng thẳng. Và cũng chỉ có Gia Cát Lượng mới có thể xử lý tốt. Đó cũng là một trong số nguyên nhân khiến Gia Cát Lượng không thể dễ dàng trả lại chính quyền cho vua.

Vậy, trong nội bộ chính quyền Thục Hán có những mâu thuẫn gì? Điều cốt lõi ở đó là thế nào? Gia Cát Lượng đã giải quyết ra sao?

Tập thứ ba mươi tám: NƯỚC LỬA KHÓ DUNG

Trước lúc bệnh và qua đời ở cung Vĩnh An, Lưu Bị đã sắp đặt một cơ cấu phò thân “Lượng chánh, Nghiêm phó”, rồi gửi con cho Gia Cát Lượng với Thượng thư lệnh Lý Nghiêm là phó. Nhưng, sau khi Lưu Bị mất, Lý Nghiêm không thể có được tác dụng của phò thân. Ngược lại, tám năm sau, Lý Nghiêm bị phế truất và lưu đầy. Vì sao Gia Cát Lượng phải làm như vậy? Đằng sau quyết định cứng rắn đó có nguyên nhân sâu xa nào về mặt chính trị không?

Tập trước chúng ta nói tới quan hệ quân thần giữa Gia Cát Lượng và Lưu Thiện, tập này nói việc Gia Cát Lượng xử lý mối quan hệ thứ hai: quan hệ với đồng僚. Ở nước Thục, Gia Cát Lượng có rất nhiều đồng僚, nhưng Lý Nghiêm là người quan



trọng nhất. Vì sao? Vì đều là cố mệnh, đều nhận di chiếu. Theo *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện*, trước lúc lâm chung, Lưu Bị từng “gửi con cho thừa tướng Lượng, với Thượng thư lệnh Lý Nghiêm là phó”. *Lý Nghiêm truyện* cũng nói: Lý Nghiêm “cùng thừa tướng Lượng nhận di chiếu phò tá thiếu chúa”, hơn nữa Lưu Bị còn “để Nghiêm là Trung đô hộ, coi việc quân trong ngoài, lưu giữ Vĩnh An”. Cách sắp đặt này, giống hệt như tình hình sau lúc Tôn Sách qua đời. Theo *Trương Chiêu truyện* và *Chu Du truyện* trong *Tam quốc chí*, trước lúc lâm chung Tôn Sách từng gửi con cho Trương Chiêu, Chu Du cũng “là Trung hộ quân cùng nắm quyền với Trưởng sử Trương Chiêu”. Gia Cát Lượng nhận chức thừa tướng và Trương Chiêu nhận chức Trưởng sử đều là quan văn hoặc là trưởng quan hành chính; Lý Nghiêm nhận chức Trung đô hộ và Chu Du nhận chức Trung hộ quân đều là quan võ hoặc trưởng quan quân sự. Chu Du và Trương Chiêu “cùng nắm quyền”, Lý Nghiêm và Khổng Minh “cùng nhận di chiếu”, một văn một võ, một chánh một phó, thực giống hệt nhau! Ở đây nói lên điều gì? Nói rằng, trong mắt Lưu Bị, Lý Nghiêm tức là Chu Du hoặc hy vọng Lý Nghiêm sẽ là Chu Du.

Vậy, Lý Nghiêm có được tác dụng như Chu Du không?

Không. Lý Nghiêm không những không thể cùng Gia Cát Lượng phò tá Lưu Thiện, ngược lại tám năm sau khi Lưu Bị qua đời còn bị phế truất, thân bại danh liệt. Điều đó khác hẳn với tình hình của Chu Du và cũng là nghi án còn lưu lại trong lịch sử. Ở đây, chúng ta sẽ nói tới nghi án này. Bởi vậy, chúng ta cần nói tới quá trình Lý Nghiêm bị phế truất.

Theo *Tam quốc chí - Lý Nghiêm truyện*, nói chung sự việc là thế này: Thục Hán năm Kiến Hưng thứ IX (Công nguyên năm 231), bốn lần Gia Cát Lượng ra Kỳ Sơn, bắc phạt Tào Ngụy, Lý Nghiêm lo việc vận chuyển lương thực. Lúc này Lý Nghiêm đã đổi tên là Lý Bình (để tiện cho độc giả chúng ta vẫn gọi là Lý Nghiêm), với danh phận là Trung đô hộ, thay thừa tướng lo việc ở tướng phủ, trong đó có việc lo vận chuyển lương thảo. Tiếc là vận khí Lý Nghiêm rất kém. Lúc này đã gần hết hạ sang thu, mưa to gió lớn, không có cách gì để quân lương ra tiền phương đúng hạn. Thế rồi, Lý Nghiêm cử người ra nói rõ tình hình và suy nghĩ của mình, mong Gia Cát Lượng hồi quân (mong Lượng trở về), Gia Cát Lượng đồng ý (thừa tướng lui quân). Nhưng lúc tin tức lui quân truyền về, Lý Nghiêm lại vờ kỳ lạ: ái chà, quân lương đầy đủ thế, sao lại lui quân (quân lương sung túc, có chi lại về)? Sau đó còn dâng biểu lên Lưu Thiện nói: Gia Cát Lượng triệt quân là “vờ lui”, mục đích là dụ địch vào sâu (dụ địch để đánh). Đương nhiên là sai sự thực, mọi người hoài nghi. Gia Cát Lượng chỉ còn cách bỏ hết thư tín, bút tích trước sau của Lý Nghiêm ra cho mọi người xem (đưa hết thư tín, bút tích trước sau ra). Lý Nghiêm không còn gì để nói nữa (tắt cả đầu hết), đành phải cúi đầu nhận tội (cúi đầu tạ tội).



Đó là toàn bộ câu chuyện Lý Nghiêm bị phế bỏ, những người hiểu biết tỏ ý nghi ngờ các tình tiết đó. 1- Động cơ phạm tội không rõ ràng. *Tam quốc chí* nói: Lý Nghiêm thoái thác trách nhiệm (giải thích việc mình không làm) và đổ vạ cho người khác (Lượng có tội không tiền quân). Ý trước nghe còn được, nhưng ý sau có vấn đề. Văn biểu của Lý Nghiêm nói rất rõ, Gia Cát Lượng triệt quân để “dụ địch để đánh”. Rõ ràng là dụ địch vào sâu lấy thoái để tiến, sao có thể là “Lượng có tội không tiền quân”? 2- Cách thức đổ tội cho người khác kém cỏi. Nếu Lý Nghiêm muốn hãm hại Gia Cát Lượng, sao có thể nói năng tiền hậu bất nhất, còn lưu lại bao nhiêu chứng cứ. Một người thông minh như Lý Nghiêm há lại không biết Gia Cát Lượng sẽ “đưa hết thư tín, bút tích trước sau ra”? 3- Đây chỉ là những lời từ một phía. Chúng ta đều rõ, thời Thục Hán không có Sử quan, cũng không có người biên văn tập cho Lý Nghiêm. Vì vậy, Lý Nghiêm nghĩ gì, nói gì, chúng ta không thể biết. Có điều, như trong *Lý Nghiêm hưng phế và cách dùng người của Gia Cát Lượng* giáo sư Điền Dư Khánh đại học Bắc Kinh đã nói: Trong câu chuyện trên “Quá ư xăng bậy, không như thường tình”, không giống với hành vi của Lý Nghiêm. Vì vậy, ngài Điền cho rằng: “Ở đó có thể còn có vấn đề khác”.

Dương nhiên là có vấn đề khác. Nền chính trị thời cổ Trung Quốc là nền chính trị bí mật còn ẩn giấu nhiều điều. Những tài liệu đã công bố thường không nói rõ được chân tướng sự việc, thậm chí còn che giấu nhiều sự thực khác. Như bức thư của Phục Hoàng hậu, tôi ngờ rằng có thể do Tào Tháo tạo ra. Dương nhiên, Gia Cát Lượng không thể ngụy tạo ra thư của Lý Nghiêm, nhưng không có nghĩa “tội hành” và “tội chứng” của Lý Nghiêm chỉ dựa vào mấy bức thư đó. Cũng tức là khẳng định Lý Nghiêm có vấn đề và vấn đề không đơn giản như vậy. Nhưng điều đó không quan trọng. 1- Lý Nghiêm “tất cả đã hết, cúi đầu tạ tội”. Điều đó nói rõ, chỉ ít Gia Cát Lượng đã nắm được thóp của Lý Nghiêm. 2- Quần thần ủng hộ. Theo chú dẫn của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Lý Nghiêm truyện*, lúc Gia Cát Lượng dâng thư, có tới hơn hai mươi người khác liên danh, trong số đó có Ngụy Diên, Dương Nghi, Đổng Chi, Lưu Ba, Phí Y; Khương Duy. Thế rồi Lý Nghiêm bị phế truất xuống làm dân thường, lưu đày đến Tử Đồng (tên quận, nhiệm sở tại huyện Tử Đồng, Tứ Xuyên ngày nay). Ba năm sau, tức là vào thời Thục Hán năm Kiến Hưng thứ XII (Công nguyên năm 234), nghe nói Gia Cát Lượng tạ thế, Lý Nghiêm cũng phát bệnh mà chết.

Lý Nghiêm bị phế, rõ ràng là sự kiện lớn đối với chính quyền Thục Hán, và băng dầy ba thước không phải cái lạnh của một ngày. Cũng tức là nói: Gia Cát Lượng từ lâu đã muốn giải quyết vấn đề Lý Nghiêm. Việc lần này là thêm vào một cơ hội mà thôi. Vì vậy, chúng ta lại muốn hỏi: vì sao Gia Cát Lượng phải phế bỏ Lý Nghiêm?

Có hai quan điểm. Một quan điểm cho rằng, Lý Nghiêm bị phế vì muốn tranh quyền đoạt lợi, tự chuốc họa diệt vong. Quan điểm khác lại nói, Gia Cát Lượng giờ trò



quyền thuật bài xích người khác nhau. Hai chiếc đỉnh nhọn đối đầu nhau. Trước hết chúng ta cần phải làm rõ mọi tình huống.

Tình huống nói chung là thế này. Theo *Gia Cát Lượng truyện* và *Lý Nghiêm truyện* trong *Tam quốc chí*, sau lúc được triệu về Vĩnh An nhận lời gửi con của Lưu Bị, Gia Cát Lượng trở về Thành Đô, Lý Nghiêm lưu giữ Vĩnh An. Lưu Thiện kế vị, phong Gia Cát Lượng là Võ Hương hầu, Lý Nghiêm là Đô Hương hầu. Gia Cát Lượng khai phủ làm việc, lĩnh Ích châu mục; Lý Nghiêm có giá tiết (có thượng phương bảo kiếm) thêm hàm Quang lộc huân (Vệ đội trưởng cung đình). Năm Kiến Hưng thứ IV (Công nguyên năm 226), Lý Nghiêm từ Phò Hán tướng quân thăng lên Tiền tướng quân. Phò Hán tướng quân là “Tập hiệu tướng quân”, cấp bậc thấp. Tiền tướng quân là “đanh hiệu tướng quân” cấp bậc tương đối cao. Hơn nữa, Quan Vũ từng đảm nhiệm qua chức vụ này, có thể nói Lý Nghiêm càng thêm mát mặt. Năm Kiến Hưng thứ VIII (Công nguyên năm 230), Lý Nghiêm lại từ Tiền tướng quân thăng lên Phiêu Kỵ tướng quân. Theo chú dẫn *Hậu Hán thư - Bách quan chí*, trong số các tướng quân thứ bậc từ cao đến thấp là, Đại tướng quân, Phiêu Kỵ tướng quân, Xa Kỵ tướng quân, Vệ tướng quân và Phiêu Kỵ tướng quân “xếp sau thừa tướng”; Xa Kỵ tướng quân, Vệ tướng quân rồi Tiền, Hậu, Tả, Hữu tướng quân “xếp sau thượng khanh”. Lý Nghiêm từ Tiền tướng quân thăng làm Phiêu Kỵ tướng quân, địa vị được tăng thêm một bậc. Hơn nữa, người con là Lý Phong còn được là Giang Châu đô đốc, thống soái quân đội Giang Châu.

Vậy thì ở đây có vấn đề gì?

Nhìn bề ngoài thì thấy, Lý Nghiêm đang từng bước lên cao. Nhưng so với Gia Cát Lượng thì mọi mặt đều không bằng. Trước hết, Gia Cát Lượng trong triều, Lý Nghiêm ở ngoài. Gia Cát Lượng ở gần vua, nắm việc triều chính, bất kể lớn bé, Gia Cát Lượng lo liệu mọi việc (chính sự bất kể là lớn bé đều do Lượng quyết), Lý Nghiêm không thể thêm, bớt được một lời nào, vì Lý Nghiêm lưu giữ Vĩnh An (Phụng Tiết ngày nay), về sau lại dời đến Giang Châu (Trùng Khánh ngày nay), có thể nói luôn ở xa trung tâm chính trị, trung tâm quyền lực. Điều này thật bất lợi cho Lý Nghiêm. Ở xa Thành Đô, Lý Nghiêm không được tham gia triều chính, khó lòng phò tá thiếu chúa, tách khỏi quan hệ quan trường, không còn cơ hội để tự thể hiện. Việc Nam chinh Bắc chiến Lý Nghiêm không biết, việc tuyển chọn nhân tài Lý Nghiêm cũng không có phần; hết đường gần gũi với người trên kẻ dưới, mất hết khả năng nêu danh tỏ chí. Theo cách nói ngày nay, Lý Nghiêm có nguy cơ bị “gạt ra rìa”. Sau này trong cuộc đấu tranh nơi quan trường Lý Nghiêm lại thất bại, không thể nói đó không phải là một nguyên nhân tiềm ẩn.

Ở đây như có một câu đố, vì sao Lý Nghiêm không vào triều? Lý Nghiêm không muốn hay Gia Cát Lượng không cho? Sau lúc gửi con, Gia Cát Lượng trở về Thành Đô nắm giữ triều chính, Lý Nghiêm lưu giữ Vĩnh An, trấn thủ biên quan. Xét từ câu nói “để Nghiêm là Trung Đô hộ, lo việc quân trong ngoài, lưu giữ Vĩnh An thì đây là sự sắp đặt



của Lưu Bị. Vậy, vì sao Lưu Bị lại sắp đặt như thế? Là sự sắp đặt tạm thời hay lâu dài? Nếu là tạm thời thì vì sao sau này không thay đổi? Nếu là lâu dài thì Lưu Bị đã suy nghĩ những gì? Tiếc là, chúng ta không thể biết về những điều này.

Điều có thể khẳng định là, tuy đều là cố mệnh đại thần nhưng về nhiều mặt, Lý Nghiêm không thể bằng Gia Cát Lượng. Ví dụ, Gia Cát Lượng có đầy đủ cơ quan hành chính, hệ thống quan lại của riêng mình (khai phủ làm việc), Lý Nghiêm không có; Gia Cát Lượng kiêm nhiệm quan viên địa phương (lĩnh Ích châu mục), Lý Nghiêm không thể. Thêm nữa, một người trong triều, một người ở ngoài, rõ ràng Lý Nghiêm không sao sánh kịp. Điều này sẽ dẫn tới bất bình. Có thể Lý Nghiêm đã nghĩ, ngài là chánh cố mệnh đại thần có thể kiêm nhiệm Châu mục, còn ta là phó sao không là thứ sử? Nhưng lúc bấy giờ Thục Hán mới chỉ có một châu là Ích châu và trong một châu thì không thể vừa có châu mục vừa có thứ sử. Nhưng rồi Lý Nghiêm cũng có cách. Theo *Tam quốc chí - Lý Nghiêm truyện* và *Hoa Dương quốc chí*, sau khi dời về Giang Châu, Lý Nghiêm từng đề xuất với triều đình, lấy Giang Châu làm trung tâm chia thành năm quận, ngoài ra thành lập Ba châu, tự mình là thứ sử, kết quả “thừa tướng Gia Cát Lượng không theo”. Đương nhiên, Lý Nghiêm sẽ rất buồn. Mấy năm sau, Lý Nghiêm lại xin được khai phủ. Lý do rất chính đáng: thời Tào Ngụy, có bốn vị cố mệnh đại thần được nhận di chiếu của Ngụy Văn đế Tào Phi, cùng nhau phò tá Ngụy Minh đế Tào Duệ, cả bốn vị Tào Chân, Trần Quân, Tào Hưu, Tư Mã Ý đều được khai phủ. Kết quả, yêu cầu này cũng bị từ chối. Có điều, Gia Cát Lượng cũng bù đắp cho Lý Nghiêm, bằng cách cắt cử Lý Phong - con của Lý Nghiêm, chức Giang Châu đô đốc, nâng cao mức đãi ngộ (bồi bổ cao hơn).

Đại thể mối quan hệ giữa Lý Nghiêm và Gia Cát Lượng là như vậy. Từ đó, một số nhà sử học cho rằng, Lý Nghiêm tự mình đã chuốc lấy họa bị phế truất. Vì sao? Lý Nghiêm thân là cố mệnh đại thần nhưng chưa bày mưu vạch kế xây dựng đất nước, cũng chưa hề vào sinh ra tử bảo vệ đất nước, chỉ thấy mưu lợi, tranh quyền đoạt thế bằng mọi thủ đoạn. Ví dụ, Lý Nghiêm “cầu lấy năm quận, thứ sử Ba châu” là lúc nào? Vào thời Thục Hán năm Kiến Hưng thứ V (Công nguyên năm 227). Lúc này, Ngụy Văn đế Tào Phi vừa tạ thế, Ngụy Minh đế Tào Duệ lên kế vị. Nhân dịp đó, Gia Cát Lượng muốn Bắc phạt, điều quân Lý Nghiêm vào Hán Trung, Lý Nghiêm nhận lệnh và cứ kéo dài, lần nữa, còn yêu cầu vạch ra năm quận, lập Ba châu, để mình làm thứ sử. Như vậy nếu không phải là mặc cả thì là gì? Năm Kiến Hưng thứ VIII (Công nguyên năm 230), Gia Cát Lượng chuẩn bị đi về hướng tây ra Kỳ Sơn, muốn để Lý Nghiêm trấn thủ Hán Trung. Nhân đó, Lý Nghiêm nói chuyện Tư Mã Ý và những người khác khai phủ, thực ra là mượn Tư Mã Ý để nói mình. Như vậy chẳng phải ỷ thế mưu đồ tư lợi thì là gì?

Theo chú dẫn *Gia Cát Lượng tập* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Lý Nghiêm truyện* thì đây mới là điều nghiêm trọng. Trước đó, Lý Nghiêm từng có thư cho



Gia Cát Lượng, khuyên “lúc nhận cửu tích, nên tiến tước xưng vương”, nhưng đã bị cự tuyệt. Vì sao Lý Nghiêm lại bừa bãi muốn Gia Cát Lượng xưng vương? Có khả năng muốn làm quan, nên khích lệ người khác làm quan trước. Khả năng nữa là, muốn đẩy Khổng Minh vào chỗ bất nghĩa. Chúng ta đã nói ở tập trước, quyền lực địa vị của Gia Cát Lượng lúc này ngang như Tào Tháo năm đó. Tào Tháo tước phong Huyện hầu (Võ Bình hầu), quan là thừa tướng, khai phủ làm việc, kiêm lĩnh châu mục (Ký châu mục). Gia Cát Lượng cũng là tước phong Huyện hầu (Võ Hương hầu), quan là thừa tướng, khai phủ làm việc, tiến tước xưng vương thì có khác gì Tào Tháo lúc trước. Dù là khả năng nào thì rõ ràng ý của Lý Nghiêm là không tốt.

Từ đó mà xét, nhân phẩm của Lý Nghiêm thật đáng ngờ. Vì vậy, trong *Gia Cát Lượng truyện* của ngài Từ Minh Hiệp từng nói: Lý Nghiêm “hoàn toàn là kẻ gian trá tư lợi, nham hiểm tàn nhẫn, không coi trọng việc nước”. Bị phế truất là điều không thể tránh khỏi.

Có điều còn có hai cách nói về việc này. Thứ nhất, nói Lý Nghiêm tự tư tự lợi (muốn lo việc nhà), lạm ban ân huệ (dù là ân nhỏ), lo đường danh dự (an phận cầu danh), không coi trọng việc nước (không lo quốc sự) chỉ là tiếng nói từ phía Gia Cát Lượng, không có căn cứ. Thứ hai, Lý Nghiêm không có tác dụng của phò thần, vì Lý Nghiêm không có mặt ở triều đình, không đủ sức, trách sao được. Thứ ba, Lý Nghiêm muốn làm thứ sử, muốn khai phủ, không thể nói đơn giản là tranh quyền đoạt lợi, chạy chọt làm quan. Bởi vì quyền lực, địa vị và đãi ngộ giữa hai vị “phó cố mệnh đại thần” và “chánh cố mệnh đại thần” có một khoảng cách quá xa. Vì vậy, trong bài *Lý Nghiêm bị phế*, ngài Doãn Vận Công cho rằng, Lý Nghiêm “quang minh chính đại, thẳng thắn bộc trực”, lên tiếng đòi lại quyền lợi hợp pháp của mình; vì thế mà Lý Nghiêm đã có những suy nghĩ chẳng ra gì, khuyên Gia Cát Lượng “nhân nhận cửu tích, tiến tước xưng vương”. Theo ngài Doãn, Lý Nghiêm làm vậy là “có ý đẩy Gia Cát Lượng vào chỗ khó xử”. Kết quả, Gia Cát Lượng “lấy làm lo ngại”, phải nhanh chóng có thư tỏ rõ lòng mình. Gia Cát Lượng nói: nếu diệt xong Tào Ngụy, giết chết Tào Duệ, sẽ cùng các vị nhận phong, dầu mười lần ban thưởng tôi cũng dám xin nhận, chứ huống gì chín lần (dù là thập mệnh cũng nhận, huống chi chín). Lời nói thực mạnh mẽ đại nghĩa, nhưng đã phạm vào điều cấm kỵ. Thế nào là “Thập mệnh cũng nhận”? Tào Tháo chỉ vì nhận chín mệnh đã bị người đời chửi cho gần chết; nếu đúng là Gia Cát Lượng sẽ nhận thập mệnh thì sẽ thế nào đây?

Từ đó mới thấy Lý Nghiêm sốt ruột đến chừng nào. Xét từ góc độ những người tán thành Gia Cát Lượng thì đó là sự “tiến công điên cuồng”. Nhưng xét từ góc độ người tán thành Lý Nghiêm thì đó chỉ là “hành động vì quyền”. Ngài Doãn Vận Công cho rằng, Lý Nghiêm đã biết Gia Cát Lượng “không coi vị đồng sự được gửi con này ra gì”, luôn “bài xích, áp chế lạnh nhạt”. Một phó thủ như Lý Nghiêm luôn luôn “bị phản kích”,



đương nhiên Lý Nghiêm sẽ “tỏ ra mạnh mẽ, không phục không theo, tìm cơ hội phản kích lại”.

Cũng có thể có người hỏi: vì sao Gia Cát Lượng không thể cho Lý Nghiêm một ít quyền lực? Ngài Doãn Vận Công cho rằng, vì Gia Cát Lượng là “một chính trị gia muốn có quyền lực cao nhất”. Tác phong của Gia Cát Lượng là “quyền lớn độc chiếm, quyền nhỏ không phân chia” (đúng là “chính sự dù lớn bé, đều do Lượng quyết”). Cho dù là người cùng được gửi con cũng phải cách xa ra, còn Lý Nghiêm lại không chịu được cảnh đó. Bi kịch của Lý Nghiêm chính ở chỗ không muốn là một cổ mệnh đại thần hữu danh vô thực. Còn “Gia Cát Lượng, người say mê quyền lực” lại “không hề muốn người khác dính vào quyền lực tối cao”, vì vậy mới là nước lửa không thể dung. Kết quả, “người giỏi chơi trò quyền lực như Gia Cát Lượng” đã tóm đúng “sơ hở của Lý Nghiêm”, ra tay cho Lý Nghiêm đo ván, không gượng dậy nổi.

Thế là lúc này chúng ta đã có hai ý kiến khác nhau rõ rệt. Theo ngài Từ Minh Hiệp đại diện các nhà sử học thì thực chất cuộc đấu tranh giữa Nghiêm Lượng là, Lý Nghiêm tiến công điên cuồng nhằm tranh quyền đoạt lợi, Gia Cát Lượng xét về toàn cục thì cái gì có thể nhường đã nhường. Nhưng cuộc đấu tranh đó lại diễn ra theo một đường vòng: tấn công, nhường nhịn; lại tấn công, lại nhường nhịn; cho tới lúc Lý Nghiêm tự chuốc họa vào thân. Ngược lại, theo ngài Doãn Vận Công đại diện các sử gia khác, thực chất cuộc đấu tranh giữa Nghiêm Lượng, là Gia Cát Lượng say mê quyền lực, áp chế đồng sự, Lý Nghiêm theo lý về quyền lực, ra sức chống lại. Cuộc đấu tranh đó diễn ra theo đường vòng: áp chế, chống áp chế; lại áp chế, lại chống áp chế, tận khi Lý Nghiêm ra quân bất lợi dẫn tới máu chảy đầu rơi.

Xem ra điều này thực thú vị.

Từ Minh Hiệp và Doãn Vận Công là hai sử gia nghiêm túc, tài liệu họ dùng đều có ghi chép trong chính sử, những điều họ nói không phải là không có lý, nhưng hai kết luận của họ lại khác hẳn nhau. Điều này nói lên cái gì? Nói lên rằng, đem nhân phẩm đạo đức của con người mà xét sự kiện lịch sử là không đúng. Lấy việc để nói việc cũng không được. Chúng ta đều biết, ngòi lửa dẫn đến những cuộc đấu tranh về chính trị thường là những sự việc nhỏ. Sự việc nhỏ dẫn đến sự kiện lớn, đằng sau nó phải có nguyên nhân lớn. Huống hồ Gia Cát Lượng là nhà chính trị lớn, người đứng đầu chính quyền Thục Hán tất phải nghĩ đến đại cục, toàn cục. Vì vậy, nhận định Lý Nghiêm là tiểu nhân là “phần tử ghê gớm”, coi cuộc đấu tranh giữa Lý Nghiêm và Gia Cát Lượng là việc tranh giành giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân cũng là cách nhìn xem nhẹ Gia Cát Lượng. Huống hồ cũng khó nói: Lý Nghiêm là tiểu nhân hay không?

Vậy, đại cục mà Gia Cát Lượng nghĩ tới là cái gì?



Muốn hiểu điều này, phải ngược lên lúc Lưu Bị gửi con. Cũng tức là nói: vì sao lúc gửi con, Lưu Bị phải sắp xếp Lý Nghiêm, một nhân vật được ngài Doãn Vận Công coi là “cây vĩ cầm số hai”? Ai cũng biết, Lưu Bị là “thiên hạ kiêu hùng”, một đời chinh chiến, hiểu rộng biết nhiều, suy nghĩ chu toàn. Việc sắp đặt của Lưu Bị không thể là sự bông bột chốc lát, mà là sự suy nghĩ sâu xa. Vấn đề ở chỗ: Lưu Bị đã suy nghĩ những gì?

Ngài Điền Dư Khánh trả lời là mầm họa tiềm ẩn từ bên trong. Cuốn *Thực sử tứ đế* của ngài Điền cho rằng sắp đặt gửi con “Lượng chánh, Nghiêm phó” là nhằm tiêu trừ mầm họa, củng cố chính quyền; mầm họa tiềm ẩn lớn nhất của chính quyền Thục Hán không phải là Tào Ngụy, Tôn Ngộ, mà là nội bộ chính quyền Thục Hán. Chính vì mâu thuẫn nội bộ này mà Lưu Bị phải gửi con một cách khác thường.

Thế là chúng ta lại phải hỏi: Đúng như vậy sao?

Đúng. Chúng ta đều rõ, từ ba thế lực chính trị, Lưu Bị đã xây dựng nên vương triều Thục Hán hoặc chính quyền Thục Hán. Nhóm thứ nhất là “thế lực tại chỗ”, bao gồm các quan viên ở Ích châu, ở Lạc Dương, các hào kiệt địa phương, chúng ta gọi chung là “tập đoàn Ích châu”. Nhóm thứ hai, “bộ cũ của Lưu Chương” gồm những người theo cha con Lưu Yên vào Thục và những người sau này của Lưu Chương, chúng ta gọi chung là “tập đoàn Đông Châu”. Nhóm thứ ba là “thân tín của Lưu Bị”, bao gồm những cốt cán (như Quan Vũ, Trương Phi) của Lưu Bị và những người sau này theo Lưu Bị (như Mã Siêu), chúng ta gọi chung là “tập đoàn Kinh châu”. Ba nhóm thế lực này, hình thành mối quan hệ đến trước sau, hình thành những mâu thuẫn chủ khách, mới cũ vô cùng phức tạp. Lúc cha con Lưu Yên vào Thục, tập đoàn Ích châu là chủ là cũ; tập đoàn Đông Châu là khách, là mới. Chủ khách, mới cũ đã từng gặp nhau bằng đao bằng kiếm. Sau khi Lưu Bị vào Thục, quan hệ đã thay đổi. Tập đoàn Đông Châu vốn là khách, là mới, nay trở thành chủ, thành cũ. Mâu thuẫn giữa chủ khách, mới cũ đã biến thành mâu thuẫn giữa tập đoàn Kinh châu và Ích châu, giữa Đông Châu và Ích châu vẫn luôn luôn tồn tại. Chính quyền Thục Hán của Lưu Bị được xây dựng trên ba mối mâu thuẫn nặng nề đó, rõ ràng không phải là việc dễ chơi.

Càng không dễ chơi là việc Lưu Bị thảm bại ở Khiếu Đình và Di Lăng khiến một số kẻ xuẩn ngốc vốn bất mãn từ trước bắt đầu manh động. Theo *Hoa Dương quốc chí*, sau khi Lưu Bị bại trận lui về Vĩnh An, tháng mười một sinh bệnh, tháng mười hai Hán gia Thái thú Hoàng Nguyên làm phản (tháng ba năm sau thì bị bắt). Và theo *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện*, sau khi Lưu Bị qua đời, các quận ở khu vực Nam Trung đều đứng lên làm phản (các quận ở Nam Trung đều phản loạn). Có thể nói, Lưu Bị dựng nước trên cơ sở yếu; Di Lăng chiến bại làm trời long đất lở.



Rõ ràng đây là việc làm Lưu Bị lo nghĩ nhiều và chỉ có Gia Cát Lượng mới san sẻ bớt được nỗi buồn đó. Đây chính là nguyên nhân Lưu Bị “gửi con cho Gia Cát Lượng”. Vậy, vì sao còn phải để Lý Nghiêm làm phó? Bởi không thể không nghĩ tới hai nhóm có thể lực khác. Tức là, trong số “người cũ” cũng cần phải có đại biểu và Lý Nghiêm là nhân vật thích hợp nhất. Theo *Tam quốc chí - Lý Nghiêm truyện*, Lý Nghiêm nguyên là người Kinh châu (Nam Dương), từng làm việc dưới quyền Lưu Biểu, là người năng nổ, nổi tiếng một thời (có tài cán). Tào Tháo xuống phía nam, Lưu Tôn đầu hàng, Lý Nghiêm chạy về hướng tây, đến chỗ Lưu Chương. Lưu Bị vào Thục Lý Nghiêm sang hàng Lưu Bị. Vì vậy, Lưu Bị chọn Lý Nghiêm ngoài ba nguyên nhân nói trong *Nghĩa Môn độc thư ký* của Hà Trác đời Thanh: “Cự thần đất Thục, đáng được khích lệ”; “Đất Kinh về Tào, riêng Nghiêm chạy về hướng Tây”; “quản dân trị giặc, mưu lược có thừa”, e còn vì trong số “người cũ”, Lý Nghiêm có quan hệ mật thiết, tốt nhất với “tập đoàn Kinh châu” của Lưu Bị.

Đương nhiên, điều quan trọng nhất là Lý Nghiêm có nhiều tính chất đại diện. Phần trên đã nói: chính quyền Thục Hán được xây dựng từ ba thế lực chính trị khác nhau. Trong con mắt của Lưu Bị sức mạnh của ba lực lượng đó là khác nhau. Trong cơ cấu chính quyền lúc đó dễ dàng nhận thấy, tập đoàn Kinh châu là chủ thể, tập đoàn Đông Châu là đối tượng đoàn kết, tập đoàn Ích châu là đối tượng phải lưu tâm. Không có gì là lạ, bởi vì tập đoàn Kinh châu do Lưu Bị cầm đầu là thế lực mới, từ ngoài đến. Họ cần có điều kiện để vững chân ở Ích châu, không thể không đoàn kết, dựa vào thế lực đến sớm hơn họ. Đó chính là tập đoàn Đông Châu. Tập đoàn Đông Châu nửa mới nửa cũ, vừa là khách vừa là chủ, họ có thể có tác dụng làm thông suốt hai bên mới, cũ. Và như vậy, Lý Nghiêm vừa thuộc tập đoàn Đông Châu vừa gần gũi với tập đoàn Kinh châu. Lý Nghiêm trở thành người được chọn, gửi gắm hy vọng sau này.

Trong thực tế, Lưu Bị đã suy nghĩ trước việc sắp xếp đó. Trước hết đã thể hiện được nguyên tắc cơ bản trong xử lý mới, cũ. Nguyên tắc này tuy không được ghi chép rõ ràng, nhưng từ cách sắp xếp quan chức trong chính quyền Thục Hán, ta thấy: “Người đến sau ngồi trước, không được thay đổi; lấy người của mình làm chủ, thêm người ba phía”. Vì phải “lấy người của mình làm chủ” nên Gia Cát Lượng là chánh; vì phải “thêm người ba phía”, nên Lý Nghiêm là phó. Cũng tức là nói, việc gửi con chính là di chúc chính trị của Lưu Bị về cách dùng người. Đó cũng là nguyên tắc “người đến sau ngồi trước” - một cơ sở chính trị để sau này Gia Cát Lượng có thể phế bỏ vị cố mệnh đại thần khác khi có chuyện.

Nhưng đây chỉ là điều “đầu tiên” vẫn còn điều “thứ hai”. Thứ hai là “tâm tư đế vương” của Lưu Bị. Theo *Lý Nghiêm truyện*, *Tiên chủ truyện* và *Gia Cát Lượng truyện* trong *Tam quốc chí*, chừng vào tháng mười năm Chương Vũ thứ II (Công nguyên năm 222), Lưu Bị triệu Lý Nghiêm đến Vĩnh An và phong làm Thượng thư lệnh. Năm sau



mới triệu Gia Cát Lượng về Vĩnh An, tức là vào tháng hai năm Chương Vũ thứ III (Công nguyên năm 223). Từ thời gian hai người đến Vĩnh An và từ câu nói “Nghiem và Gia Cát Lượng cùng nhận di chiếu” hiểu rằng, lúc Lưu Bị nói với Gia Cát Lượng “nếu hần bắt tài, ngài cứ tự lấy”, nhiều khả năng Lý Nghiêm cũng có mặt hoặc ít nhiều cũng nắm được tình hình. Điều đó thực có ý nghĩa. Có ý nghĩa gì? Một là, Lưu Bị có ý răn đe Lý Nghiêm: Gia Cát Lượng là người trăm tin tưởng nhất, tin tưởng tới mức ngài có thể “tự lấy”, không nên ghen tị địa vị với ông ta! Vì Lý Nghiêm là đại biểu của số “người cũ”, có khả năng hòa giải giữa mới và cũ, cũng có khả năng thúc đẩy người cũ có hành động khác. Đây là con dao hai lưỡi, không thể không phòng họa. Vì vậy ngài Điền Dư Khánh cho rằng: vai trò của Gia Cát Lượng chính như Chung Quỳ đuổi quỷ và “quỷ đó chính là Lý Nghiêm”.

Có điều, “ý kiến của kẻ tiểu nhân” tôi, e sự việc không đơn giản như vậy. Hoặc nói, chưa chắc Lý Nghiêm đã hiểu như vậy. Cũng có thể Lý Nghiêm cho rằng, Lưu Bị đang “dùng quyền lực của vua để đối phó với quyền lực của thần”, bằng không sao phải để mình lưu giữ Vĩnh An? Không phải đang ngầm bảo, nếu đúng Gia Cát Lượng bỏ Lưu Thiện và thay thế, thì Lý Nghiêm này có thể xuất quân từ Vĩnh An để cứu vua. Đây là khí thế chính trị để Lý Nghiêm dám chống lại Gia Cát Lượng. Chính vì vậy, Lý Nghiêm mới đòi khai phủ, đòi làm thứ sử Ba châu, mới viết thư muốn Gia Cát Lượng tiếp nhận cử tịch, tấn tước xưng vương, còn là để xem Gia Cát Lượng “có bụng không thần phục” hay không. Lý Nghiêm cho rằng mình đã chấp hành di huấn chính trị của Lưu Bị, do vậy mới mạnh mẽ khí thế.

Đương nhiên, đó là những điều phỏng đoán. Chúng ta luôn muốn tin rằng: nguyện vọng của Lưu Bị là mong sao người mới người cũ cùng hòa hợp, ba tập đoàn Kinh châu, Đông Châu, Ích châu đồng tâm hiệp lực.

Lúc này nhìn lại mới thấy, Lưu Bị tuy đã lao tâm khổ tứ, nhưng nguyện vọng đó được thực hiện không nhiều. Một mặt, Gia Cát Lượng quá ư chặt chẽ, chỉ nhường danh không nhường quyền. Mặt khác, người người luôn thất vọng về Lý Nghiêm. Thứ nhất, tự thấy mình quá cao, khó khăn cộng tác. Thời đó dân gian còn có câu “Người Lý có vẩy lân, khó khăn dễ gần gũi”, ý là, trên người Lý Nghiêm có vẩy lân, đụng vào không dễ (Hương đảng cho rằng không thể gần). Trong *Thái Bình ngự lãm* dẫn *Giang Biểu truyện* và *Tam quốc chí – Trần Chấn truyện* đều có ghi điểm này. Thứ hai, sớm Tần tới Sở, gây chuyện li gián. Theo *Tam quốc chí – Trần Chấn truyện*, Gia Cát Lượng từng có thư cho Tưởng Uyển và Đông Doãn, ta thường nghĩ Lý Nghiêm chỉ là khó hợp tác, cho rằng (người có vẩy lân thì không nên phạm vào), nào ngờ lại còn “có việc như Tô Trương”. Cũng “lo việc ngoại giao” như Tô Tần, Trương Nghi. Như vậy là phá hoại sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ chính quyền. Thứ ba, còn có cả binh quyền hòng chống lại triều đình. Ví như chuyện Lý Nghiêm muốn làm thứ sử Ba châu, Gia Cát Lượng cho



là muốn lập một vương quốc riêng. Lý Nghiêm muốn khai phủ, Gia Cát Lượng cho là muốn chống lại trung ương.

Gia Cát Lượng cảm thấy khó xử. Gia Cát Lượng hiểu rõ, là thừa tướng phải làm gì để củng cố vai trò của người mới, ổn định tình cảm người cũ, mới cũ phải hòa hợp, không còn ranh giới giữa cũ và mới. Đó là nguyên nhân để Gia Cát Lượng nhượng bộ Lý Nghiêm hết lần này đến lần khác. Nhưng không thể đoàn kết mà bỏ hết nguyên tắc. Lý Nghiêm đã chống lại nguyên tắc “người mình phải làm chủ, người đến sau phải ngồi trước”, chỉ còn cách mượn lý do nào đó để phế bỏ Lý Nghiêm, dù là “không còn giữ được chữ tín” (lời của ngài Điền Dư Khánh).

Lúc này đã có thể kết luận: có nguyên nhân gần, nguyên nhân xa, có nguyên nhân bên ngoài có nguyên nhân cơ bản khiến Gia Cát Lượng phải phế truất Lý Nghiêm. Nguyên nhân cơ bản là mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Thục Hán vốn được xây dựng từ ba lực lượng chính trị Ích châu, Đông Châu, Kinh châu. Việc Gia Cát Lượng thắng tay phế truất Lý Nghiêm, chung quy lại là để giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn đó, thi hành trị Thục bằng luật. Trị Thục bằng luật là chính sách cơ bản để Gia Cát Lượng giải quyết mâu thuẫn mới và cũ. Vì vậy, ngay từ lần đầu Bắc phạt, Gia Cát Lượng đã trừng trị Mã Tắc sai lầm ở Nhai Đình theo luật, rồi tự xin được xử trị. Gia Cát Lượng tỏ rõ là người chấp pháp nghiêm minh, thưởng phạt rõ ràng, tất nhiên làm được như vậy thực không đơn giản. Vậy, đằng sau việc Gia Cát Lượng “gạt lệ chém Mã Tắc” còn có điều gì đây?

Tập thứ ba mươi chín: ĐAU NHƯ CÁT RUỘT

Lý Nghiêm bị phế truất còn là một nghi án, thì cái chết của Mã Tắc cũng là một câu đố. Tam quốc chí có ba cách ghi chép lúc Mã Tắc thất thế; lịch sử cũng có ý kiến khác nhau về việc Gia Cát Lượng “gạt lệ chém Mã Tắc”. Vậy, vì sao Gia Cát Lượng phải thắng tay trừng trị Mã Tắc và vì sao còn phải rơi lệ? Ngoài việc quân kỷ nghiêm minh, chấp pháp như sơn, đằng sau việc Gia Cát Lượng “giết Tắc để tạ chúng” liệu còn có điều gì khó nói, không muốn cho mọi người hay?

Tập trước chúng ta nói Lý Nghiêm bị phế, tập này nói đến cái chết của Mã Tắc.

Ở Trung Quốc nhà nhà người người đều biết chuyện của Mã Tắc. Diễn nghĩa có *Gạt lệ chém Mã Tắc*, kinh kịch có *Mất Nhai Đình*, *Không Thành Kế*, *Chém Mã Tắc*, gọi chung là *Thất Không Trảm*, là những vở diễn để đời. Không kể là tiểu thuyết hay vở diễn, về mặt nghệ thuật đều hết sức tinh tế. Nhưng nếu muốn nói rõ về chân tướng lại là việc hết sức khó khăn. Như sau bại trận ở Nhai Đình, Mã Tắc sống hay chết cũng không nói được rõ ràng. Chúng ta đều biết, trong *Tam quốc chí* không có truyện về Mã Tắc. Chỉ có thể qua truyện của người khác mà biết về kết cục của Mã Tắc, những ghi chép liên quan trong *Tam quốc chí* lại không thống nhất. *Gia Cát Lượng truyện* nói: sau



khi đưa quân về Hán Trung, Gia Cát Lượng đã “giết Tắc để tạ chúng”. *Vương Bình truyện* cũng nói “Thừa tướng Lượng giết luôn Mã Tắc”. Theo đó, chính Gia Cát Lượng đã giết Mã Tắc. *Mã Lương truyện* lại nói: “Lượng, quân không tiến được, phải lui về Hán Trung, Tắc bị giam vào ngục và chết, Lượng đã rơi lệ”. Như vậy Mã Tắc bị hạ ngục và chết trong ngục. Cách nói trong *Hương Lăng truyện* còn khác hơn, “Tắc bỏ trốn, Lăng biết nhưng không nói, Lượng bức bội, cho miễn quan Lăng trả về Thành Đô”. Theo đây thì Mã Tắc đã chạy, liên lụy tới bạn thân, Lăng bị bãi quan. Cùng là một người (Trần Thọ), cùng là một cuốn sách (Tam quốc chí) với ba cách nói khác nhau. Xem thế mới biết ghi chép sử sách là việc khó khăn.

Vậy, cuối cùng thì Mã Tắc thế nào? Trốn chạy, bị giết hay chết ở trong ngục?

Theo tôi, Mã Tắc bị giết. Bởi vì những điều ghi trong *Gia Cát Lượng truyện* là đúng, hơn nữa cách nói trong ba truyện khác cũng có thể thống nhất. Trên thực tế, “giết Tắc để tạ chúng”, cũng có thể là phán xử tử hình, không nhất thiết phải làm rõ thân phận, trời giải ra hình trường, chém đầu thị chúng. Như vậy, coi như đã rõ. Ví như có người cho rằng sự việc phải như thế này: Gia Cát Lượng phán xử Mã Tắc tội chết (giết Tắc để tạ chúng), Mã Tắc biết tin đã trốn chạy, nhưng lại bị bắt giam vào ngục và chưa kịp chấp hành án thì đã chết (hạ ngục và đã chết). Tôi thấy khả năng này không nhiều. Vì theo chú dẫn *Tương Dương ký* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Mã Lương truyện*, trước lúc lâm chung, Mã Tắc từng có thư gửi Gia Cát Lượng, nói: Minh công đối xử với Mã Tắc như đối xử với con đẻ của mình, Mã Tắc tôn kính minh công như với cha mình. Vì vậy xin minh công xử trí Mã Tắc như Đại Thuấn xử trí Côn bắt lặc về trị thủy (mong được như Côn đã có công với Vũ), để không phụ ân tình sâu nặng cha con (khiến cho quan hệ lúc sinh thời không mất đi). Như vậy, Mã Tắc coi như đã chết và không ân hận (Tắc tuy chết nhưng không hận dưới mồ). Thái độ của Mã Tắc là vậy, sao có thể trốn chạy để bị bắt lại?

Có điều, không có nhiều khả năng Mã Tắc đã bỏ trốn sau khi bị bắt, nhưng không có nghĩa Mã Tắc không chạy. Vì có khả năng đã bỏ chạy trước khi bị bắt. Mọi người nghĩ xem, Mã Tắc đã viết bức thư này vào lúc nào? Trong *Tương Dương ký* ghi trước lúc “lâm chung”, cũng tức là sau khi bị giam vào ngục, bị xử tử hình. Trước đó, là tướng bại trận, có thể xuất phát từ bản năng đã bỏ chạy. Nhìn lại, sự việc có thể là thế này: Sau khi để mất Nhai Đình, Mã Tắc đã bỏ trốn (Tắc trốn chạy), nhưng về sau lại bị bắt, hoặc ra đầu thú. Mã Tắc tự biết không thể thoát tội, mới có thư lên thừa tướng (mong được như Côn đã có công với Vũ). Gia Cát Lượng theo phép đã tuyên bố xử Tắc tội chết để tạ lỗi quốc dân (giết Tắc để tạ chúng). Có điều, lệnh chưa thi hành, Mã Tắc đã chết ở trong ngục (hạ ngục và chết).

Suy đoán như vậy có phần hợp ý hơn so với cách nói trước, cũng tạm coi là xong. Đương nhiên, ở đây vẫn còn thiếu một số tình tiết, như Mã Tắc bị bắt hay ra đầu thú,



không có tài liệu cho hay. Mã Tắc chạy trốn trước khi bị bắt hay sau đó, cũng không xác định được. Nhưng bất kể là thế nào, Gia Cát Lượng phán xử tử hình, chừng như là sự thực. Điều này đã có bằng chứng, vẫn theo *Tương Dương ký*, sau khi Mã Tắc chết, Tưởng Uyển đến Hán Trung nói với Gia Cát Lượng, lúc này thiên hạ chưa thực ổn định, là lúc cần người. Lúc này, giết một người kiệt xuất như vậy, thật đáng tiếc (thiên hạ chưa định giết người trí mưu, tiếc thay). Sau khi nghe mấy lời của Tưởng Uyển, Gia Cát Lượng đã rơi lệ kể ra nhiều lý do khiến phải giết Mã Tắc! Nếu Gia Cát Lượng không giết Mã Tắc thì sao phải giải thích nhiều như vậy. Từ đó thấy rõ, dù là chết ngoài pháp trường hay chết trong ngục, đều do Cát Lượng xử Mã Tắc tội chết. Vì vậy, trong *Gia Cát Lượng truyện* mới nói, Gia Cát Lượng “giết Tắc để tạ chúng”, *Vương Bình truyện* nói là “thừa tướng Lượng đã giết Mã Tắc”. Vì vậy, nếu không cần đi vào những vấn đề hóc búa không đâu thì cách nói “gạt lệ chém Mã Tắc” hoàn toàn có thể tin được.

Từ đây lại có hai vấn đề khác. Một, Mã Tắc có đáng phải chết không? Hai, Gia Cát Lượng muốn giết không?

Nói tới có đáng phải chết không. Trước lúc đó đã có nhiều tranh luận, về sau mỗi người nói một kiểu. Tưởng Uyển cho là không nên giết. Nhà sử học Tập Tạc Xỉ thời Đông Tấn đã có bài viết khá dài, thậm chí còn cho rằng Gia Cát Lượng không thể thắng được Tào ngụy, nguyên nhân là ở đây (Gia Cát Lượng không thể chiếm được thượng quốc, không dễ chút nào). Tập Tạc Xỉ nói, Thục Hán vốn bé nhỏ (một vùng hẻo lánh), rất ít nhân tài (ít người tài như thượng quốc), nhưng lại “giết người tuấn kiệt”! Dùng người như vậy, muốn thành sự nghiệp, chẳng phải khó sao? Vì vậy Tập Tạc Xỉ nói, đối xử với Mã Tắc như vậy, Gia Cát Lượng thực không phải là người sáng suốt (khó nói là người có trí).

Tưởng Uyển là thân tín của Gia Cát Lượng, Tập Tạc Xỉ là người đầu tiên trong lịch sử coi Tào Tháo là kẻ “thoán nghịch” và chủ trương lấy Thục Hán là chính thống. Họ không thành kiến gì với Gia Cát Lượng, nhưng đều phê phán việc giết Mã Tắc, thực đáng suy nghĩ. Trong những năm tháng chiến tranh, không nên tùy tiện giết các tướng lĩnh. Vì thắng bại là sự thường của binh gia mà nhân tài là của quý để giành thắng lợi. Nếu cứ bại trận là giết, thì liệu sẽ có bao nhiêu người để ngài giết đây? Và lại bên ta giết một nhân tài thì bên địch lại thêm một phần thắng lợi, lẽ nào không phải là việc làm người thân sinh đau khổ, kẻ thù thêm sung sướng sao? Đó chính là nguyên nhân để Tưởng Uyển và Tập Tạc Xỉ phê bình Gia Cát Lượng. Ví như Tưởng Uyển nói, “Sở giết Đắc Thần, Văn Công vui sướng biết chừng nào”. Tập Tạc Xỉ cũng nói “Sở Thành giết Đắc Thần để càng thêm bại”. Hai người cùng nhắc tới một điển tích, một trận đánh ở Thành Bộc giữa hai quân Sở, Tấn, câu chuyện được ghi trong *Xuân Thu* và *Tả truyện* vào thời Hi Công năm thứ XXVIII. Nhân vật trong truyện là Đắc Thần còn gọi là Từ Ngọc, là thống soái quân Sở lúc đó, quân Sở bại trận, Sở Thành vương sai sứ đến gặp



Đắc Thần, nói: Các hạ trở về đất phong, không biết bà con làng xóm nghĩ thế nào đây (đại phu trở về gặp lại người già trẻ nhỏ ra sao đây)? Như Đỗ Dự nói trong *Tập giải*, “gặp lại các bậc phụ lão sao đây”. Đắc Thần chẳng còn cách nào khác là tự sát. Tuy nói là Đắc Thần tự sát, nhưng là do Thành vương bức chết, vì vậy *Xuân Thu* nói, “Sở giết đại phu Đắc Thần”. Kẻ thù lấy làm phần khởi (Tấn hầu hay tin vui mừng biết mấy!), bên phía nước Sở lại thất bại liên tiếp (bại nữa) như Tập Tạc Xi từng nói, ý nghĩa câu chuyện này thật rõ ràng: Sở Thành vương giết Đắc Thần, Tấn hầu vui mừng khôn xiết; Gia Cát Lượng giết Mã Tắc, lẽ nào bên phía Tào Ngụy lại không vỗ tay vui mừng?

Đương nhiên, Mã Tắc làm mất Nhai Đình, làm hỏng việc lớn, tất sẽ phải xử lý, nhưng không nhất thiết phải chặt đầu. Ví như nói, có thể giáng chức bãi quan hoặc phạt tội trước ba quân, cho lập công chuộc tội. Đó cũng là các biện pháp xử lý các tướng bại trận. Từ ý nghĩa này mà xét, không giết Mã Tắc cũng được hoặc đáng giết mà không giết.

Có thể không giết Mã Tắc, Gia Cát Lượng cũng không muốn giết, thấy rõ điều đó ở chỗ rơi lệ. *Nhàn thoại Tam Quốc* của ngài Trần Nhĩ Đông đã tổng kết ra bốn nguyên nhân vì sao Gia Cát Lượng phải rơi lệ. Thứ nhất, Mã Tắc có hy vọng. Theo *Tam quốc chí - Mã Lương truyện*, Mã Tắc là em Mã Lương. Anh em Mã Lương, Mã Tắc gồm có năm người và đều là nhân tài (tài danh gồm đủ), Mã Lương là kiệt xuất nhất. Thời đó còn có câu ca “Họ Mã năm người, mi trắng nhất Lương”. Mi trắng chỉ Mã Lương. Tiếc rằng, trong trận chiến Di Lăng, Mã Lương đã phải chết. Vì vậy Mã Tắc - em Mã Lương, thuộc “gia đình liệt sĩ”. Quan hệ giữa Mã Lương, Gia Cát Lượng là cực kỳ tốt, tới mức độ xưng anh xưng em. Bùi Tùng Chi còn cho rằng, hai người hầu như đã kết nghĩa hoặc vốn là thân thích. Sau khi Mã Lương hy sinh, Gia Cát Lượng hết sức quan tâm tới người em là Mã Tắc. Trước lúc lâm chung, Mã Tắc có thư gửi Gia Cát Lượng, “minh công coi Tắc như con, Tắc coi minh công như cha”, nói lên mối quan hệ giữa họ. Xét về tuổi tác, cách nói đó có vẻ không hợp. Vì Mã Tắc gọi Gia Cát Lượng là “Tôn huynh”, Mã Tắc kém Gia Cát Lượng bảy tuổi nhưng ở Trung Quốc có lệ coi “anh cả như cha, dâu cả là mẹ”, Lưu Hoa cũng nói, Lưu Bị và Quan Vũ “ân như cha con”. Rõ ràng với Mã Tắc, Gia Cát Lượng là anh cả như cha.

Vì vậy có người còn nói, Gia Cát Lượng trọng dụng Mã Tắc “như với người thân”. Nói vậy là không đúng, bởi vì Mã Tắc thực sự là người tài. Theo *Tam quốc chí - Mã Lương truyện*, con người Mã Tắc “tài khí hơn người, giỏi bàn quân cơ”, thừa tướng Gia Cát Lượng “hiểu rõ điều tài”, nên “mỗi lúc bàn luận, gần như thấu đêm”. Mọi người nghĩ xem, Gia Cát Lượng thường công vụ bận bịu, đâu còn thời gian để thề non hẹn biển, bày trận Long môn? Gia Cát Lượng thường cùng Mã Tắc bàn luận thấu đêm, đương nhiên vì Mã Tắc có những hiểu biết đáng ghi nhận. Trong thực tế, Gia Cát Lượng từng làm theo ý kiến của Mã Tắc. Theo chú dẫn *Tương Dương ký* của Bùi Tùng Chi trong



Tam quốc chí - Mã Lương truyện, vào năm Kiến Hưng thứ III (Công nguyên năm 225), Gia Cát Lượng đi đánh Nam Trung, Mã Tắc đưa tiễn hàng mấy dặm đường. Trước lúc chia tay, Gia Cát Lượng nói với Mã Tắc: “Hai chúng ta tuy bàn bạc đã nhiều năm (cũng tính kể nhiều năm), nhưng ta nghĩ nhất định hôm nay ngươi sẽ có ý hay (nay có kế hay)”. Mã Tắc liền đề xuất “phương châm mười sáu chữ” nổi tiếng: “công tâm là trước, công thành là sau, tâm chiến là trước, binh chiến là sau”. Gia Cát Lượng “nhận kế đó”, nên có được “bảy lần bắt Mạnh Hoạch” sau này.

Đương nhiên không có ý kiến của Mã Tắc, tôi nghĩ Gia Cát Lượng cũng sẽ làm như vậy. Nhưng Mã Tắc có thể có cùng suy nghĩ với Gia Cát Lượng, chẳng phải anh hùng có cùng mưu lược sao? Rõ ràng Mã Tắc là nhân tài, là người tài mới có hy vọng, vẫn theo *Tương Dương ký*, khi Mã Tắc mất, có cả hơn chục vạn người rơi lệ, Mã Tắc đâu chỉ có một mình Gia Cát Lượng và rõ ràng Mã Tắc có thể không phải chết.

Ở đây lại có ba vấn đề: Đã vậy, vì sao Gia Cát Lượng cứ phải giết Mã Tắc?

Phản trước đã nói, Tưởng Uyên đã hỏi Gia Cát Lượng về vấn đề này. Gia Cát Lượng đã trả lời thế nào? Gia Cát Lượng nước mắt lưng tròng, nói: Tôn Vũ là người chấp pháp nghiêm minh nên không hề có kẻ thù, nay thiên hạ phân chia, ly tán (bốn biển chia lìa), không biết bao giờ mới hết chiến tranh (mới hết binh đao). Nếu không tôn phép giữ luật, chúng ta biết dựa vào đâu để chiến thắng kẻ thù (nếu lại bỏ pháp, thì lấy gì để đánh giặc).

Nếu nói vậy thì hiển nhiên để “trị Thục theo phép”, Gia Cát Lượng phải “gạt lệ chém Mã Tắc”. Muốn “trị Thục theo phép” thì phải làm theo nguyên tắc trị pháp - vương tử phạm pháp cũng tội như thứ dân. Phải thiết diện vô tư, phải chấp pháp như sơn, quyết không vì thân mà bỏ pháp, quyết không vì tình mà quên pháp. Về mặt này, Gia Cát Lượng là mẫu mực thiên cổ. Sau khi rút về Hán Trung, Gia Cát Lượng xem xét kỹ về trách nhiệm để mất Nhai Đình. Theo *Vương Bình truyện* và *Triệu Vân truyện* trong *Tam quốc chí*, ngoài việc hạ ngục xử tử Mã Tắc, còn giết tướng quân Trương Tu, Lý Thịnh, đoạt binh quyền từ tay tướng quân Hoàn Tập, giáng chức Triệu Vân từ Trấn đông tướng quân thành Trấn quân tướng quân. Duy nhất có Vương Bình được thăng chức, thêm là tam quân, thống lĩnh năm bộ (thống soái quân tinh nhuệ gồm một vạn người Thanh Khương), là Doanh sự (phụ trách đại bản doanh của Gia Cát Lượng), lên làm Thảo khấu tướng quân (nguyên là Tì tướng quân), phong Đình hầu. Bản thân Gia Cát Lượng cũng bị xử lý. Theo *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện*, theo thỉnh cầu “xin giảm ba bậc” của Gia Cát Lượng, triều đình quyết định giáng làm Hữu tướng quân, vị trí có phần thấp hơn Lý Nghiêm được thăng làm Tiền tướng quân vào năm Kiến Hưng thứ IV (Công nguyên năm 226).



Một loạt xử lý như vậy rõ ràng là việc làm chấn động triều dã thời đó, ngày nay cũng khiến chúng ta phải kinh hồn lạc phách. Chúng ta cũng thấy Gia Cát Lượng có nhiều điểm hơn người.

Thứ nhất, nghiêm khắc cả với mình. Đồng thời với việc xử lý Mã Tắc và những người khác, Gia Cát Lượng dâng sớ lên Lưu Thiện xin được xử lý. Trong *Sớ từ Nhai Đình xin giáng chức* nổi tiếng, Gia Cát Lượng gần như nhận mọi trách nhiệm chiến bại về mình. Gia Cát Lượng nói, với tài năng bình thường vi thần bất hạnh đảm đương trọng trách quá sức (thần tài hèn sức mọn), thân cảm quyền thống soái ba quân (thần cảm giáo thống soái ba quân nhưng chưa thể răn phép tắc (chưa thể huấn chương minh pháp), cũng chưa thể khiến ba quân biết thận trọng, biết lo sợ (gặp việc mà sợ hãi) dẫn tới tướng lĩnh không tuân lệnh trong trận Nhai Đình (dẫn tới phạm lệnh ở Nhai Đình), quân giữ Kỳ Cốc không nghe lời răn (Kỳ Cốc chênh mảng nên đã mất). Tất cả là do thần sai lầm trong cách dùng người (bởi thần chưa biết nhận dạng). Thần nhìn người chưa rõ (chưa biết về người), gặp việc còn sơ sài hồ đồ. Theo “đại nghĩa trong Xuân Thu” (trách soái *Xuân Thu*), mỗi khi chiến bại phải hỏi tới trách nhiệm của chủ soái, thần phải gánh hết mọi trách nhiệm (thần là chủ soái). Vì vậy, xin được giáng xuống ba bậc, để giúp thần sửa chữa những sai lầm (để sửa chữa sai lầm).

Về chuyện này, mọi người thấy phải kính phục! Trước đây tôi đã nói, Tháo sở dĩ thành công vì biết nhìn thẳng vào sự thật, thừa nhận sai lầm của mình, dù có lúc sự thừa nhận còn mơ hồ. Nhưng biết nhìn vào sự thực là tốt rồi. Gia Cát Lượng còn hơn thế, dám nhận hết trách nhiệm của người khác về mình (ví như để mất Nhai Đình là do Mã Tắc, bại trận ở Kỳ Cốc là việc của Triệu Vân). Có người nói, Gia Cát Lượng xin “giáng ba bậc”, và Tào Tháo “cắt tóc thay đầu” là như nhau, đều là làm trò. Vì đúng là chấp pháp như sơn thì Tào Tháo phải chặt đầu, còn Gia Cát Lượng tuy bị giáng là Hữu tướng quân, nhưng vẫn là thừa tướng (làm việc của thừa tướng), quyền lực không nhỏ một chút nào (vẫn quán xuyên như trước), đây chẳng phải là giả dối sao? Như vậy là không hiểu về chính trị, không hiểu về lịch sử. Nền chính trị cổ đại Trung Quốc luôn được chỉ đạo bằng tư tưởng Nho gia học thuyết. Về phương pháp luận, tư tưởng Nho gia nói những gì? Nói về “Kính” và “Quyền”. Kính là phải kiên trì, Quyền thì có thể linh hoạt. Cũng tức là chính sách vừa có tính nguyên tắc lại vừa có tính linh hoạt. Vì vậy, *Xuân Thu đại nghĩa* đã có quy định “chiến bại trách soái” lại có cả cách nói “phạt không thăng chức”. Vì nếu không trách soái thì mọi người không có trách nhiệm; còn như chính pháp với chủ soái, thể tất người thân sẽ đau khổ, kẻ thù sẽ vui sướng, là giúp đỡ kẻ thù. Vì vậy, khi chủ soái phạm sai lầm, cần phải xử lý với một mức độ vừa phải. Vì thế, Tào Tháo không thể tự sát, chỉ có thể cắt tóc thay đầu; Gia Cát Lượng cũng chỉ “tự giáng ba bậc”, đồng thời vẫn “làm việc của thừa tướng, quán xuyên như trước”. Trên thực tế, Tào Tháo “cầm kiếm cắt tóc ném xuống đất”, ngang như tự phán xử tội phải cắt tóc; Gia Cát Lượng giáng làm Hữu tướng quân cũng không phải nhẹ. Không thể coi đó là làm trò.



Thứ hai, dám nhận sai. Với cách nói ngày nay thì “sự sơ suất ở Nhai Đình” là bản kiểm điểm của Gia Cát Lượng. Người Trung Quốc thích viết kiểm điểm, giỏi viết kiểm điểm, ngay như hoàng đế cũng có “chiếu kê tội mình”, những người hối lỗi sâu sắc thì ít, người nói năng dối trá thì nhiều. Bản *sơ suất ở Nhai Đình* của Gia Cát Lượng không có chỗ nào nói quá, đều là thực sự cầu thị, tự đáy lòng. Ở đó có mấy điểm đáng lưu tâm: 1- Nhận mọi trách nhiệm “tất cả là do thần”. 2- Nêu rõ mấu chốt của vấn đề (nhận nhiệm vụ nhưng không có biện pháp). 3- Định ra chế độ vấn trách (*Xuân Thu* trách soái). 4- Sử dụng biện pháp cải tà quy chính. Điểm này không có trong bản kiểm điểm, nhưng đã làm. Sau thất bại Nhai Đình, Gia Cát Lượng ra tiền tuyên để chỉ huy, sẽ hết cảnh “nhận nhiệm vụ nhưng không có biện pháp” hoặc “vi lệnh”, “mất cảnh giác”. Đây là điểm hơn người của Gia Cát Lượng. Thực tế thì, con người không thể không phạm sai lầm, Gia Cát Lượng cũng không ngoại lệ. Cái hay là Gia Cát Lượng biết nhìn thẳng vào sai lầm, tránh việc mất bò mới lo làm chuồng. Người xưa nói: “Biết sai để sửa mới là điều quan trọng”. Từ trận chiến Nhai Đình, Gia Cát Lượng biết tổng kết kinh nghiệm có được bài học mới là giỏi.

Thứ ba, thưởng phạt phân minh. Mã Tắc trực tiếp làm mất Nhai Đình, xử tử, Triệu Vân tuy để “thất lợi ở Kỳ Cốc”, nhưng vì “mình yếu địch mạnh” lại biết “cùng quân cố thủ, chưa đến đại bại”, giáng chức; Vương Bình trước trận đánh “có lời can Tắc”, sau lúc bại trận đã “gan dạ đứng vững”, ngăn Trương Cáp tấn công, trọng thưởng. Là gì đây? Là: “Trị Thục theo phép, chấp pháp như sơn”.

Nhưng ở đây vẫn còn có vấn đề - Gia Cát Lượng làm việc đúng đắn như vậy, nhưng vì sao còn phải khóc?

Điều này không thể giải thích bằng việc “Trị Thục theo phép”. Ai cũng hiểu, trị nước theo phép, tất phải chấp pháp như sơn, mà chấp pháp như sơn sẽ không tránh khỏi vì đại nghĩa diệt thân. Gia Cát Lượng hẳn rõ điều này. Đương nhiên, đại nghĩa diệt thân không có nghĩa là không đau khổ. Tào Tháo đã rơi lệ lúc giết Trần Cung, Gia Cát Lượng giết Mã Tắc lẽ nào lại không rơi lệ? Vấn đề là, nếu Mã Tắc thực đáng chết thì chỉ khóc một lần là hết, làm gì đến đoạn cứ nhắc tới lại khóc. Lần thứ hai, lúc ngồi với Tưởng Uyển Gia Cát Lượng lại khóc. Vấn đề được thảo luận, nhân tài quan trọng hay pháp chế quan trọng. Tưởng Uyển nói nhân tài quan trọng, Gia Cát Lượng cho rằng pháp chế mới quan trọng. Vì sao lại phải rơi lệ lúc bàn về chuyện này? Tôi cho là đã có ân tình gì đây.

Thực tế, từ lâu đã có người nói, việc Gia Cát Lượng rơi lệ không đơn giản, như ngài Trần Nhĩ Đông tổng kết ra bốn nguyên nhân: Thứ nhất, thương tiếc Mã Tắc; Thứ hai, nhớ tới tướng sĩ; Thứ ba, tự mình hối hận; Thứ tư, truy ân tiên đế. Phần trước đã nói tới thương tiếc Mã Tắc, tướng nhớ tướng sĩ cũng là đương nhiên. Vậy, vì sao lại thấy hối hận, truy ân tiên đế? Vì theo *Tam quốc chí - Mã Lương truyện*, lúc còn sống, Lưu Bị từng nhiều lần can ngăn Gia Cát Lượng: “Mã Tắc thường nói bốc, không nên



dùng vào việc lớn, ông nên lưu tâm!”. Tiếc rằng Gia Cát Lượng luôn tán thưởng Mã Tắc, không mấy nhớ lời Lưu Bị, kết quả là sai lầm lớn. Qua đó *Tam quốc diễn nghĩa* có đoạn nói chuyện giữa Gia Cát Lượng và Tào Uyên. Tào Uyên hỏi, Mã Tắc mắc tội đáng phải chính pháp, vì sao thừa tướng lại khóc? Gia Cát Lượng nói, ta không khóc vì Mã Tắc (ta không vì Mã Tắc mà khóc) mà vì “giận mình tối tăm, nhớ tiên đế sáng suốt”. Ý muốn nói, Gia Cát Lượng vì hận mình không nghe lời Lưu Bị, đương nhiên là hối hận, nhớ đến tiên đế.

Nói như vậy là có lý, và chúng ta có thêm một điều nữa: Tiếc mất cơ may. Xin hỏi Gia Cát Lượng giết Mã Tắc vào lúc nào? Vào lần đầu Bắc phạt. Cuộc chiến vừa mở đầu là thuận lợi. Theo chú dẫn *Ngụy lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện* và *Gia Cát Lượng truyện*, Gia Cát Lượng Bắc phạt lần này, bên phía Tào Tháo không hề có chuẩn bị về tư tưởng. Vì trong mắt họ chỉ có Lưu Bị (trong Thục chỉ có Lưu Bị) không có Gia Cát Lượng. Và từ sau khi Lưu Bị qua đời, nhiều năm nay bên phía Thục Hán không động tĩnh gì (nhiều năm yên lặng), lâu ngày sinh lời lỏng (không chuẩn bị gì). Không ngờ Gia Cát Lượng không những dám tiến công mà còn giỏi trị quân, lại tự dẫn đại quân “hàng ngũ tề chỉnh, thưởng phạt phân minh, hiệu lệnh rõ ràng”, ra đường Kỳ Sơn. Bên phía Tào Ngụy “Triều dã lo sợ”, ba quận Nam An, Thiên Thủy, An Định “nhất tề hưởng ứng”, kết quả “Quan Trung chấn động”. Nhiều năm nay Gia Cát Lượng đã phải lao tâm khổ tứ, bàn bạc chuẩn bị nên mới có được kết quả này và đây cũng là cơ may không lâu nữa sẽ giành thắng lợi lớn. Nhưng cuối cùng đã ngược lại, Mã Tắc làm mất tất cả, Gia Cát Lượng đau đớn như cắt da, cắt ruột!

Vậy, phải chăng tất cả những cái đó đều là nguyên nhân khiến Gia Cát Lượng phải đau đớn, khóc lóc?

Không phải. Trong *Tam quốc thoại*, ngài Nghiêm Lãm cho rằng còn nguyên nhân khác. Nguyên nhân gì? Ngài Nghiêm Lãm nói, nguyên nhân nằm trong năm chữ “giết Tắc để tạ chúng”. Trong *Gia Cát Lượng truyện*, tạ chúng như có nghĩa là “để trấn an được sự phẫn nộ của dân chúng”! Thế là ngài Nghiêm Lãm hỏi, việc giết Mã Tắc theo quân pháp có quan hệ gì với “tạ chúng”? Thì ra Gia Cát Lượng sử dụng Mã Tắc là “vi chúng”. Theo *Tam quốc chí - Mã Lương truyện*, lúc đó dưới trướng Gia Cát Lượng không phải không có tướng tài. Như Ngụy Diên và Ngô Nhất xứng đáng là tiên phong, (ai cũng thấy xứng đáng là tiên phong) ai cũng nghĩ như vậy. Nhưng Gia Cát Lượng lại không theo, cứ sử dụng Mã Tắc. Gia Cát Lượng là thừa tướng, là chủ soái. Gia Cát Lượng sử dụng Mã Tắc, mọi người chịu, nhưng không có nghĩa không xì xầm sau lưng, không suy nghĩ khác. Nếu như Mã Tắc thành công, đương nhiên mọi người hết nói. Nhưng tiếc là Mã Tắc chẳng ra gì, để mất Nhai Đình, bại trận tháo chạy. Lúc này thì phiền phức to. Phần trước đã nói, lúc sinh thời Lưu Bị từng lưu ý về việc sử dụng Mã Tắc. Mọi người cũng không tán thành dùng Mã Tắc, bỏ Ngụy Diên và Ngô Nhất, nhưng



Gia Cát Lượng đã tự quyết theo ý mình, đã “vì chúng dùng Tắc”, kết quả là mất tất, xin hỏi Gia Cát Lượng sẽ giải thích thế nào đây? E rằng có đến hàng trăm cái miệng đi nữa cũng chẳng xong!

Vào thời đó, hẳn là cả thành đã xôn xao. Nghĩ xem, Ngụy Diên là người thế nào? Tiên đế sùng tín. Ngô Nhất là người thế nào? Quốc cữu đương thời. Mã Tắc là người thế nào? Tiên đế đã dặn, “không thể trao việc lớn”. Không dùng Ngụy Diên, Ngô Nhất lại dùng Mã Tắc thế là có ý gì? Vi phạm di chiếu tiên đế, không theo chủ trương của quần chúng, nên truy cứu hay không? Đương nhiên là nên. Vì vậy, Gia Cát Lượng không những phải giết Mã Tắc, còn phải xin giáng ba bậc. Đó là nguyên nhân khiến Gia Cát Lượng phải giết Mã Tắc, nghiêm minh luật pháp và một nguyên nhân quan trọng hơn là dẹp mối phần nộ của quần chúng. Như lời ngài Nghiêm Lãm “vì quần chúng tức giận nên không thể không giết”. Cũng chính vì không thể không, nên mới nảy sinh thứ “tình cảm vừa thương vừa giận”, không sao kìm nén được.

Nói vậy là có lý. Giết Mã Tắc không đơn thuần là vấn đề pháp luật mà còn là vấn đề chính trị nên chúng ta không thể đơn giản hóa. Tôi nghĩ, Gia Cát Lượng “gạt lệ chém Mã Tắc” không đơn giản là “tạ chúng” mà còn vì mục đích chính trị. Hoặc là nói, Gia Cát Lượng giết Mã Tắc không chỉ vì “vì chúng” khi chọn tiên phong. “Chúng” mà Gia Cát Lượng muốn “tạ” cũng không chỉ là Ngụy Diên, Ngô Nhất và những người chủ trương Ngụy Diên, Ngô Nhất là tiên phong mà còn là những nhân vật quyền thế trong chính quyền Thục Hán. Phần trên tôi đã nói, chính quyền Thục Hán được hợp thành bởi ba thế lực chính trị. Thế lực thứ nhất là tập đoàn Kinh châu, Lưu Bị - Gia Cát Lượng là đại biểu, ngồi trong giao y hàng đầu của chính quyền Thục Hán, gọi hẳn là “đệ nhất thế lực”. Thế lực thứ hai là tập đoàn Đông Châu, Lý Nghiêm - Ngô Nhất là đại biểu, ngồi trên giao y thứ hai, gọi là “đệ nhị thế lực”. Thứ ba là tập đoàn Ích châu, Bành Dạng (người Quảng Hán), Đỗ Quỳnh (người Thành Đô), Tiều Chu (người Lăng Trung) là đại biểu, địa vị thấp nhất, ngồi ở giao y thứ ba, thậm chí còn gọi nôm na là “đệ tam thế lực”. Sau khi Lưu Bị mất, Gia Cát Lượng tiếp quản chính quyền, nắm giữ quyền lớn, đứng đầu quần thần, nhiều người không phục. Không chỉ “đệ tam thế lực” có bụng bất mãn, mà “đệ nhị thế lực” cũng ngầm ngầm muốn độ sức, ngay cả một số người nào đó (như Ngụy Diên) trong “đệ nhất thế lực” cũng có cách nhìn khác. Trước tình hình đó, người “thay mặt quân quyền” như Gia Cát Lượng thì cách chọn lựa chính xác là thực hành “pháp trị”. Phải “y pháp trị nước” một cách công khai, công bằng, công minh mới yên được quan hệ giữa ba thế lực lớn, yên được lòng dân, củng cố được chính quyền. Cho nên, Gia Cát Lượng y pháp trị Thục không đơn giản là vấn đề pháp luật mà còn là vấn đề chính trị.

Làm rõ điều này, chúng ta sẽ dễ dàng giải thích được vì sao Gia Cát Lượng phải giết Mã Tắc, vì sao phải xin giáng chức ba bậc, vì sao còn phải đau khổ khóc lóc. Gia



Cát Lượng là “tráng sĩ đứt tay” mà! Thực tế thì Mã Tắc bị giết vào năm Kiến Hưng thứ VI (Công nguyên năm 228) cách năm Kiến Hưng thứ IX (Công nguyên năm 231), năm Lý Nghiêm bị phế có ba năm. Và chừng một năm trước đó, năm Kiến Hưng thứ V (Công nguyên 227), Lý Nghiêm bắt đầu ngã giá với Gia Cát Lượng, muốn phân chia năm quận, thành lập Ba châu và làm thứ sử. Hãy đoán xem, có thể lúc này Gia Cát Lượng đã suy nghĩ phải giải quyết vấn đề Lý Nghiêm như thế nào? Gia Cát Lượng chủ trương trị nước theo pháp luật. Đối với nhân vật cực kỳ quan trọng như Lý Nghiêm không thể dùng thủ đoạn phi pháp, chỉ có thể điều chỉnh bằng pháp luật. Điều đó đòi hỏi việc chấp pháp phải công bằng. Vì thế Gia Cát Lượng đã phải xử lý hai nhân vật quan trọng. Một người là Liễu Lập thuộc tập đoàn Kinh châu, một người là Lai Mẫn thuộc tập đoàn Đông Châu. Hai người phe phái khác nhau, nhưng lại có cùng một sai lầm, tức là bất mãn về cách sắp xếp nhân sự rồi gây mâu thuẫn nội bộ, phá hoại sự đoàn kết nhất trí. Kết quả, Liễu Lập bị phế, Lai Mẫn bị bãi quan. Việc này chứng tỏ Gia Cát Lượng chấp pháp nghiêm minh.

Thực dễ hiểu, trong tình trạng đó, chuyện của Mã Tắc đã đẩy Gia Cát Lượng vào một khó khăn rất lớn, chịu một áp lực nặng nề! Gia Cát Lượng hiểu rõ, xử lý Mã Tắc không đúng, không nhanh thì biết nói với dân thế nào, sẽ không thể trị nước bằng pháp luật. Vì ai cũng rõ Mã Tắc là người của Gia Cát Lượng. Bỏ qua Mã Tắc thì không chỉ có Ngụy Diên - Ngô Nhất không phục, mà Liễu Lập - cũng sẽ không phục, Lý Nghiêm và những người khác sẽ càng bừa bãi, nghi kỵ. Nghĩ tới đại cục, Gia Cát Lượng chỉ còn cách rút dao chém chết Mã Tắc để tạ chúng và chém luôn mình, xin được giáng xuống ba bậc. Mã Tắc hiểu rõ đại nghĩa, chủ động cầu xin Gia Cát Lượng xử tử mình để tạ quốc dân. Điều đó không chỉ như đứt một cánh tay mà còn như đứt từng khúc ruột. Đó là hành vi vừa bi vừa tráng, là sự việc khiến người ta cảm thấy xót xa. Hận rằng chúng ta không được cùng khóc với Võ hầu!

Từ đây có thể thấy, Gia Cát Lượng “gạt lệ chém Mã Tắc”, nguyên nhân trực tiếp là Mã Tắc làm mất Nhai Đình và nguyên nhân cơ bản là sự đấu tranh trong nội bộ chính quyền Thục Hán. Gia Cát Lượng đặt mình trong nguyên tắc, trị quốc bằng pháp luật một cách công khai, công tâm, công bằng nên khi ông còn sống nước Thục về đại thể coi là thái bình. Nhưng cây muốn lặng mà gió chẳng dừng, vào tháng tám năm Kiến Hưng thứ XII (Công nguyên năm 234), Gia Cát Lượng lâm bệnh và qua đời trong quân Bắc phạt. Tang lễ còn chưa kịp tiến hành thì Ngụy Diên và Dương Nghi người cùng tập đoàn Kinh châu đã động binh đao, lao vào cuộc chiến một sống một chết. Vậy, cuộc đấu tranh giữa Ngụy Diên và Dương Nghi là thế nào? Con người Ngụy Diên đâu lại như *Tam quốc diễn nghĩa* từng nói, một kẻ “phản tặc”?



Tập thứ bốn mươi: HỌA TỪ BÊN TRONG

Lý Nghiêm bị phế, Mã Tắc bị giết, Ngụy Diên làm loạn là ba nghi án lớn trong “thời đại Gia Cát Lượng”. Xưa nay luôn có nhiều ý kiến khác nhau về giai đoạn lịch sử này. Có người nói Ngụy Diên trung thành hết mực, vô có bị hại, hàm oan chịu nhục; có người nói Ngụy Diên là loạn thần tặc tử, chết chưa hết tội, không phải xét lại; cũng có người nói, án của Ngụy Diên là từ “tranh chấp nội bộ”, mỗi bên đáng phải đánh năm chục roi. Vậy đâu là cách nói gần với sự thật lịch sử nhất?

Tập trước đã nói, do việc tranh giành quyền lực lúc lên lúc xuống, lúc ẩn lúc hiện trong nội bộ chính quyền Thục Hán, Gia Cát Lượng đã phải lao tâm khổ tứ, tìm trăm phương ngàn kế hòa giải các bên, thậm chí đã phải dùng cả biện pháp mạnh, dứt khoát. Năm Kiến Hưng thứ VI (Công nguyên năm 228), Mã Tắc bị giết; năm Kiến Hưng thứ IX (Công nguyên năm 231) Lý Nghiêm bị phế. Hai đòn nặng đó, tuy tạm thời vỗ yên được mối quan hệ giữa ba tập đoàn lớn Kinh châu, Đông Châu, Ích châu, nhưng bệnh thì chưa trị được tới gốc tới ngọn. Do vậy “cuộc đấu tranh riêng” trong nội bộ chính quyền Thục Hán đã dẫn tới cái gọi là “Ngụy Diên mưu phản”.

Nhiều người đã hiểu rõ sự kiện “mưu phản” của Ngụy Diên. Bởi vì *Tam quốc diễn nghĩa* đã miêu tả sự kiện này thực có thanh có sắc, tinh tế dễ nghe về mặt văn học, nên đã đi vào lòng người. Nhưng nếu lại coi đó là lịch sử thì không chỉ oan uổng cho Ngụy Diên, còn oan uổng cho cả Gia Cát Lượng.

Vì sao lại nói như vậy? Trước hết, chúng ta xem sử sách nói thế nào đã.

Tam quốc chí - Ngụy Diên truyện cho ta hay: Tháng tám năm Kiến Hưng thứ XII (Công nguyên năm 234), Gia Cát Lượng lâm bệnh và qua đời trong quân Bắc phạt. Lúc bệnh đã nặng, Gia Cát Lượng triệu Trưởng sử Dương Nghi, Tư Mã Phí Y, Hộ quân Khương Duy bàn về bố trí lui quân sau khi mình qua đời. Lệnh đề Ngụy Diên đoạn hậu, thứ đến là Khương Duy. Nếu Ngụy Diên không theo lệnh, thì mặc, quân lệnh cứ xuất phát (nếu Diên không theo lệnh, quân cứ xuất phát). Sau lúc Gia Cát Lượng qua đời, Dương Nghi giữ kín không phát tang, phái Phí Y đi xem Ngụy Diên nghĩ thế nào. Quả nhiên Ngụy Diên không theo lệnh, đã nổi giận: Thừa tướng tuy qua đời, nhưng Ngụy Diên ta còn sống (Thừa tướng mất, ta vẫn còn) vẫn có thể tác chiến với Ngụy quân (ta sẽ thống lĩnh ba quân đánh giặc), vì sao để lỡ mất việc lớn thiên hạ vì một người đã mất? (vì sao một người mất lại bỏ việc thiên hạ). Hơn nữa, Ngụy Diên ta là ai mà phải nghe Dương Nghi chỉ huy, phải đoạn hậu cho Dương Nghi (Ngụy Diên là ai mà phải nghe, phải đoạn hậu cho Dương Nghi)!

Thế rồi Ngụy Diên mặc tất cả, bố trí lại quân ngũ, còn muốn Phí Y liên danh đề bố lệnh. Tất nhiên, Phí Y không ký tên, còn nói lừa rằng, để tôi về khuyên họ vậy! Dương Nghi là thư sinh (Trường sử là quan văn), chưa hề đánh trận (ít có việc quân),



chắc không chống lệnh của tướng quân (chắc không vi lệnh). Ngụy Diên nghĩ cũng phải, liền để Phí Y về lại đại bản doanh. Phí Y ra khỏi cửa đã phóng ngựa chạy như bay. Ngụy Diên nghĩ lại thấy hối, cho người đuổi theo nhưng không kịp (Diên thấy hối, đuổi theo nhưng không kịp). Sau cho người đi nghe ngóng, Dương Nghi đã chuẩn bị lui quân, bỏ mặc Ngụy Diên, theo lời dặn của Gia Cát Lượng (theo lời dặn của Lượng, các doanh theo thứ tự đã lui quân). Ngụy Diên tức giận hết chỗ nói, đã dẫn quân về nước trước cả Dương Nghi (lúc quân chưa đi đã đưa quân về Nam), hơn nữa qua sông là chặt cầu, đi khỏi là đốt sạn đạo¹ (đi xong là đốt sạn đạo). Ngụy Diên không chỉ công khai trở mặt với bọn Dương Nghi mà còn làm mất đường rút của đối phương. Đồng thời Ngụy Diên còn dăng biểu tuyên bố Dương Nghi mưu phản. Dương Nghi bị Ngụy Diên tranh lên trước, chặn mất đường rút, dồn vào chân tường, nên cũng tố cáo Ngụy Diên là mưu phản. Kết quả “chỉ trong một ngày, hịch cấp đều tới”, tin hăm của hai bên liên tiếp đến trước ngự tiền, đều nói đối phương “phản nghịch”. Đương nhiên Lưu Thiển chẳng biết thật giả, đành phải hỏi Đồng Doãn, Trương Uyển. Những người được hỏi đều nói, Dương Nghi không thể làm phản và không có ai đồng tình với Ngụy Diên (bảo vệ Nghi, nghi ngờ Diên).

Lúc này thì Ngụy Diên thực khó thoát. Một mặt, triều đình lệnh Trương Uyển đem Túc vệ doanh “ra hướng Bắc” nghênh chiến; Mặt khác, Dương Nghi lệnh công binh chặt cây sửa đường “ngày đêm hành quân”, đuổi gấp ở phía sau. Ngụy Diên đến trước, đóng quân ở cửa Nam Cốc (cửa Nam đường bao Tà Cốc ở phía tây bắc thị trấn Hán Trung, Thiểm Tây ngày nay), chặn đánh Dương Nghi. Dương Nghi lệnh Hà Bình chống trả ở phía trước. Hà Bình tức là Vương Bình, mẹ họ Hà, bản thân từng được nuôi dưỡng ở nhà ngoại, nên mang họ Hà. Vừa trông thấy Ngụy Diên, Hà Bình đã xông lên trước, lớn tiếng: “tang lễ thừa tướng còn chưa làm, các người đã dám thế này (thừa tướng mất, thân còn chưa lạnh, các người sao dám thế này)”! Bộ hạ của Ngụy Diên nghe xong, biết là phía Ngụy Diên đã sai, nên họ không muốn liều mạng, đã hò nhau tản hết. Chẳng còn cách nào khác, Ngụy Diên đành mang con cùng một số thân tín chạy về Hán Trung, cuối cùng bị Mã Đại giết. Mã Đại theo lệnh của Dương Nghi đã mang thủ cấp của Ngụy Diên về. Dương Nghi được thủ cấp, bất thần đứng dậy chân đạp vào thủ cấp rồi vừa giã vừa chửi rủa: “Đồ chó má, xem người còn làm được chuyện xấu xa nữa không (dung nô, còn làm điều ác nữa không)! Lại cho diệt cả ba họ Ngụy Diên.

Trên là lời ghi chép về bản án trong *Tam quốc chí - Ngụy Diên truyện*. Từ những ghi chép đó dễ dàng thấy cái gọi là “Ngụy Diên mưu phản”, có thể nói, việc thì có nguyên nhân, nhưng không có chứng cứ. Vì sao nói “việc thì có nguyên nhân”? Thứ nhất, quân nhân lấy phục tùng làm thiên chức. Trong những năm tháng chiến tranh, không phục tùng mệnh lệnh của thống soái, tự mình hành động thì khó tránh khỏi mang

¹ Ván gỗ xếp hai lần bên sườn núi, dùng để đi qua các khu vực núi non hiểm trở.



tiếng mưu phản. Thứ hai, quay đầu súng, đưa quân xuống miền Nam, tự mình hành động, ai biết là bạn sẽ làm gì? Thứ ba, đại quân Bắc phạt vốn là một khối, đơn độc hành động còn tạm được, nhưng vì sao bạn phải triệt đường lui của người khác? Mọi người sẽ đoán rằng, Ngụy Diên muốn đánh về Thành Đô lật đổ Thục Hán, không để bọn Dương Nghi quay về cứu giá. Đồng Doãn, Tưởng Uyển nghi ngờ Ngụy Diên là có lý. Cuối cùng, lúc hai bên tố cáo lẫn nhau là “phản nghịch” thì bên Dương Nghi không thấy có dấu hiệu gì (thực tình cũng không có khả năng đó), phía Ngụy Diên không giải thích nổi. Trong tình trạng chưa rõ sự thực và cũng khó làm rõ sự thực, để giữ yên đất nước, đành phải giả định Ngụy Diên mưu phản.

Nhưng nếu nói Ngụy Diên làm phản thật thì chưa đủ chứng cứ và không logic. Rất đơn giản, với thực lực, khả năng lúc đó của Ngụy Diên, việc tự lập làm hoàng đế e chưa được. Bản thân Ngụy Diên cũng sẽ không suy nghĩ như vậy. Ngụy Diên muốn làm phản, chỉ có thể phản Hán hàng Ngụy. Nếu đúng thế thì biện pháp tiện nhất cho Ngụy Diên là lợi dụng thế “đoạn hậu” để hàng Ngụy, sau đó sẽ là đội quân trước ngựa của Tư Mã Ý rồi quay lại đánh Dương Nghi. Đó chính là việc Tư Mã Ý có cầu cũng không được. Chúng ta đều biết, giống như Lưu Bị, sinh thời chỉ sợ một mình Tào Tháo, Tư Mã Ý cũng chỉ sợ Gia Cát Lượng. Vì vậy vừa nghe tin Gia Cát Lượng tạ thế, Tư Mã Ý sinh quần đã muốn hành động ngay. Theo chú dẫn *Hán Tấn Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện* lúc Dương Nghi từ chiến trường lui quân, Tư Mã Ý đuổi theo nhưng đã bị Khương Duy “giọng trống mở cờ” đánh lui, dân gian có câu ca “Gia Cát chết thì Trọng Đạt sống”. Lúc này nếu Ngụy Diên thực sự phản biến hàng giặc, quay kích lại đánh, thì tình hình sẽ ra sao, chúng ta đều rõ. Chỉ ít thủ cấp bị xéo dưới chân phần nhiều là Dương Nghi, không phải Ngụy Diên. Nhưng Ngụy Diên không làm thế chỉ là giành đi về Nam trước. Hơn nữa, sau khi bị Vương Bình đánh bại, cũng không ngược lên Bắc mà vẫn chạy thẳng về Hán Trung, hướng Nam. Điều này nói rõ Ngụy Diên không muốn hàng Ngụy. Không muốn hàng Ngụy, sao gọi là mưu phản?

Vì vậy, Đồng Doãn, Tưởng Uyển cũng chỉ nghi ngờ Ngụy Diên “mưu phản”, không hề khẳng định. Ngụy Diên không nghe chỉ huy, tự tiện hành động, nên bị nghi ngờ; Theo cách nói của mình, có hai nguyên nhân để Ngụy Diên làm thế: 1- Kiên trì Bắc phạt (ta soái chủ quân đánh giặc, vì sao một người chết lại bỏ cả việc lớn của thiên hạ). 2- Không phục Dương Nghi (Ngụy Diên là ai, sao phải thuộc Dương Nghi, làm tướng đoạn hậu). Nguyên nhân thứ nhất nói rõ Ngụy Diên không muốn phản, nhưng nghĩ kỹ, như vậy không phải không có vấn đề. Vì nếu thực sự kiên trì Bắc phạt thì ở lại chiến đấu tiếp, vì sao phải giành về Nam trước? Cũng vậy, nguyên nhân thứ hai là có vấn đề. Vì nếu chỉ là không phục Dương Nghi thì ngài đi đường Dương Quan của ngài, Dương Nghi đi theo cầu Độc Mộc của ông ta, ngài giành về Nam trước cũng được, nhưng vì sao phải “qua rồi liền đốt hết đường sạn đạo”? Rõ ràng là muốn đặt Dương Nghi vào chỗ chết! Đương nhiên, điều đó không hề mâu thuẫn gì với suy nghĩ của Ngụy



Diên. Giết Dương Nghi, đoạt quân thì càng có thể tiếp tục Bắc phạt diệt Ngụy theo suy nghĩ của mình. Vì vậy, hai nguyên nhân Ngụy Diên đã nói đều có lý. Nhưng vào thời đó, nguyên nhân thứ hai có giá trị hơn, có điều lúc hành động lại nổi lòng giết chóc.

Đương nhiên, như vậy là đáng trách, nhưng vụ là mưu phản thì thực là oan uổng; và giết hết ba họ là hình phạt thái quá. Về điều này, có thể về sau chính quyền Thục Hán đã nhận ra, có hai chứng cứ. Chứng cứ thứ nhất là kết luận của Trần Thọ khi viết truyện Ngụy Diên. Trần Thọ cho rằng, sở dĩ Ngụy Diên không lên Bắc mà xuống Nam, vì lúc bấy giờ suy nghĩ là vậy, chỉ là muốn giết bọn Dương Nghi (Diên không nghĩ lên Bắc hàng Ngụy mà về Nam, nhưng lại muốn trừ giết Nghi). Ngụy Diên suy nghĩ là vậy, không hề có ý mưu phản (nghĩ là thế, không muốn bội phản). Chúng ta đều biết, là nhà sử học nghiêm túc, Trần Thọ không dễ gì đưa ra kết luận đó. Có thể đây là nhận thức chung lúc bấy giờ, cũng có thể là sự thực sau lúc triều đình Thục Hán đã tra xét rõ.

Chứng cứ thứ hai, là di chỉ trên sườn núi Thạch Mã ngoài cửa Bắc thành Hán Trung. *Nam Trịnh huyện chí* được biên soạn lại vào Triều Càn Long đời nhà Thanh cho rằng, di chỉ này có nhiều khả năng là mộ Ngụy Diên do triều đình Thục Hán “lấy lễ hậu táng”. Vì sao phải “lấy lễ hậu táng” đây? vì Tưởng Uyển và những người khác đều phát hiện “Ngụy Diên mưu phản” là án oan (Tưởng Uyển cho rằng ý của Ngụy Diên chỉ là muốn giết Dương Nghi, không bội phản). Thêm vào đó Ngụy Diên là Túc tướng, có chiến công, đương nhiên là phải “nhắc lại công lao trước”, lấy lễ hậu táng. Tức là đã rửa sạch tội của Ngụy Diên.

Đương nhiên, đây chưa phải là hai bằng chứng quá chặt chẽ. Bằng chứng chặt chẽ phải là văn bản chính thức của triều đình Thục Hán. Nhưng chỉ sợ không bao giờ chúng ta tìm được. Có điều, chúng ta vẫn có thể đưa ra một bằng chứng phụ, đó là cái chết của Dương Nghi. Thông thường thì nếu Ngụy Diên mưu phản thật, hoặc triều đình Thục Hán đã xác nhận là thật, thì Dương Nghi là đại anh hùng “có công bình phản”, sau khi về triều tất sẽ được trọng thưởng. Bản thân Dương Nghi hẳn cũng nghĩ vậy. *Tam quốc chí - Dương Nghi truyện* nói Dương Nghi “vừa đưa quân về, lại vừa giết Diên, tự nghĩ công lao to lớn, đáng được thay Lượng lo chính”. Nhưng sự thực là thế nào? Chỉ được phong Trung tướng quân, hữu chức vô quyền, trong tay không còn một tên lính (có gì mà thống lĩnh), thực tế là nhàn rỗi (rỗi rãi mà thôi). Thay thế Gia Cát Lượng lại là Tưởng Uyển, một người tư cách từng trải, tài năng và công hiến đều không bằng Dương Nghi.

Dương Nghi thấy vậy, dùng dùng nổi giận, lòng dạ xồn xang, nộ khí ngút trời. Cách nói trong *Tam quốc chí - Dương Nghi truyện* là “oán hận thành lời, tiếng than thở phát ra từ nội tạng”, cũng tức là oán trách phần nộ hiện ra mặt, những lời bất mãn hẳn trên miệng. Kết quả là mọi người sợ Dương Nghi nói lời sai trái, mất tiết chế, phạm hủ kỵ, không dám đến gặp (người thời đó sợ nói lời bất tiết, không dám đến theo), còn mỗi



Hậu quân sư lui tới an ủi. Dương Nghi đã âm ỉ với Phí Y, nói rất nhiều, nói đủ chuyện. Còn Phí Y, chỉ nghe mà không nói. Cuối cùng, Dương Nghi đã nói, nghĩ lại lúc thừa tướng vừa qua đời, ta đưa toàn quân “đến với họ Ngụy” thì làm gì có cảnh đơn độc chán chường như bây giờ? có hồi cũng đã muộn!

Dương Nghi nói lời “phản động cực đỉnh”, Phí Y cũng không thể vì “tình riêng mà không báo”. Phí Y đã mật báo và kết quả là, vào năm Kiến Hưng thứ XIII (Công nguyên năm 235), Dương Nghi bị phế làm dân thường, đày tới quận Gia - Dương Nghi ra quận Gia, không chịu hồi cải, lại dâng thư phi báng triều đình, nói năng bừa bãi, triều đình phải hạ lệnh bắt giam vào ngục. Cuối cùng, Dương Nghi tự sát, vợ và con trở về Thục quận. Lúc này cách lúc Ngụy Diên bị giết (tháng tám năm Kiến Hưng thứ XII) chưa đầy một năm. Theo tôi, lúc này chính là lúc triều đình Thục Hán có thể bình phản cho Ngụy Diên.

Dương nhiên, ở đây có một vấn đề không thể nói rõ được, tức là hai chữ “họ Ngụy” trong câu nói của Dương Nghi “nếu như ta cất quân đến với họ Ngụy” là chỉ Tào Ngụy hay Ngụy Diên? Nếu là chỉ Tào Ngụy thì mưu phản không phải Ngụy Diên mà là Dương Nghi. Nếu là chỉ Ngụy Diên thì hẳn là Ngụy Diên không có ý phản. Bởi vì nếu Ngụy Diên muốn phản Thục hàng Ngụy, vậy, thống lĩnh toàn quân truy đuổi Ngụy Diên, há chẳng phải cũng là “phản tặc”? Câu nói “nếu như ta cất quân đến với họ Ngụy” của Dương Nghi lẽ nào không phải tự nhận là mưu phản? Dương Nghi không ngốc đến vậy, triều cũng không xử Nghi theo “tội mưu phản” (vợ con Nghi đã về Thục). Nên câu nói đó chỉ có thể hiểu là “nếu ta đưa toàn quân đuổi theo Ngụy Diên”. Dương Nghi hận đã không đuổi kịp Ngụy Diên không có ý mưu phản, vì vậy, Ngụy Diên đang bị Dương Nghi truy đuổi hẳn cũng không muốn mưu phản.

Không nghi ngờ gì, Dương Nghi không thể đuổi kịp Ngụy Diên, câu nói “nếu ta đem toàn quân đến với họ Ngụy” chỉ là câu nói bừa. Nhưng chính câu nói đó đã làm rõ sự thanh bạch của Ngụy Diên. Từ đây thấy rõ, án Ngụy Diên không phải là “mưu phản” mà là “mâu thuẫn nội bộ”. Và đây là cuộc “đấu tranh nội bộ” điển hình. Ngụy Diên, Dương Nghi hận thù nhau đến tận xương tủy, muốn đưa đối phương vào chỗ chết mới vui, thậm chí đã mạnh tay không kể gì đến sự an nguy của đất nước.

Thục kỳ quái! Ngụy Diên và Dương Nghi đều thuộc “đệ nhất thế lực” (tập đoàn Kinh châu) trong chính quyền Thục Hán, đều được Lưu Bị, Gia Cát Lượng coi trọng (Ngụy Diên là Tiền quân sư, Chinh tây đại tướng quân, giá tiết, phong Nam Trịnh hầu, Dương Nghi là thừa tướng trưởng sử, Tuy quân tướng quân). Giữa họ không có chuyện tranh giành lợi ích phe phái, tập đoàn, cũng không có sự khác biệt về phương châm, đường lối. Đến đây chúng ta muốn hỏi, vì sao giữa họ lại có thù sâu hận lớn đến như vậy?



Thực tình cũng không có gì. Nguyên nhân sinh mâu thuẫn giữa hai người chỉ là tính khí và cung cách làm việc. *Tam quốc chí - Ngụy Diên truyện* nói, Ngụy Diên là người yêu mến tướng sĩ, dũng mãnh hơn người, bản tính kiêu căng cao ngạo, nhiều người đương thời luôn nhường nhịn Ngụy Diên, riêng Dương Nghi không phục (chỉ Dương Nghi là không theo), Ngụy Diên liền ghét cay ghét đắng Dương Nghi, luôn như nước với lửa (dẫn tới thù hận như nước với lửa). Vậy, mâu thuẫn của hai người đã đến mức độ nào? Tới mức không thể ngồi lại để nói chuyện. *Tam quốc chí - Phí Y truyện* nói, hai người cứ ngồi với nhau là cãi nhau. Cãi nhau một lúc rồi Ngụy Diên rút kiếm ra như như về phía Dương Nghi (giơ kiếm về phía Nghi), Dương Nghi liền khóc âm lên (nước mắt đầm đìa). Lúc đó, Phí Y là người đứng ra hòa giải. Phí Y đứng ngay vào giữa hai người rồi vừa khuyên giải vừa kéo họ ra. Bạn nói xem, còn ra thể thống gì nữa!

Việc “đấu tranh nội bộ” giữa Ngụy Diên và Dương Nghi là việc xấu loang xa, Tôn Quyền cũng biết chuyện và không lấy làm lạ. Theo chú dẫn *Tương Dương ký* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Đông Doãn truyện*, một lần Phí Y sang sứ Đông Ngô, Tôn Quyền bày tiệc thết đãi. Lúc đã ngà ngà say, Tôn Quyền mới nói với Phí Y, Dương Nghi và Ngụy Diên là hai kẻ tiểu nhân tí tiện. Tuy cũng có chút ít bản lĩnh, nhưng mỗi khi đắc chí thì sẽ quên hết. Nếu bên quý quốc không có Gia Cát Lượng thì hai kẻ này nhất định đã làm loạn, vì sao các vị không nhanh chóng phòng ngừa họa nạn sau này? Phí Y quá bất ngờ đã cứng lưỡi, hắng họng (bản thân nhìn khắp nơi, không nói được). Phó đại sứ Đông Khôi bảo Phí Y nói, đó chỉ là “mâu thuẫn nội bộ nhân dân” (Nghi, Diên không thỏa hiệp, sinh tử thù nhau), không giống như Kinh Bó, Hàn Tín khó bề chế ngự (không như Kinh, Hàn khó chế ngự), không nên vì thế mà mất ăn mất ngủ, không nên bận tâm thêm nữa.

Phí Y trả lời qua quýt cho đỡ mất mặt, lời nói của Tôn Quyền có phần châm chọc. Rõ ràng Ngụy Diên, Dương Nghi có thiếu sót, có sai lầm, có vấn đề, nhưng Dương Nghi có tài, Ngụy Diên kiêu dũng, không thể coi là “loại tiểu nhân”. Thực tế thì Ngụy Diên và Dương Nghi đều là những người được Lưu Bị, Gia Cát Lượng quý mến, coi trọng. *Ngụy Diên truyện* nói, năm đó sau khi xưng vương ở Hán Trung, Lưu Bị chuẩn bị về Thành Đô, chỉ để lại một viên Đại tướng ở lại giữ Hán Trung. Lúc đó hầu như ai cũng nghĩ, người gánh trách nhiệm nặng nề đó nhất định phải là Trương Phi (mọi người bàn luận phải là Trương Phi), nhưng Lưu Bị đã phá lệ chọn Ngụy Diên, kết quả “mọi người kinh ngạc”. Lưu Bị biết mọi người không phục, liền mở hội quân thần và hỏi Ngụy Diên: “Quả nhân ủy thác trọng trách, ái khanh có dự định gì không?” Ngụy Diên nói: “nếu Tào Tháo ra khỏi ổ, mặt tướng xin thay đại vương ngăn hấn (chống cự)! Nếu phái một Thiên tướng thống lĩnh mười vạn quân đến, mặt tướng xin thay đại vương ăn tươi hấn (nuốt sống)!” Đúng là khí lấp sơn hà! Thực tế thì Ngụy Diên anh dũng thiện chiến. Vì vậy khi Gia Cát Lượng Bắc phạt, Ngụy Diên từng “độc tiên bộ” cũng từng “là tiên phong”.



Dương Nghi cũng là người có khả năng. *Dương Nghi truyện* nói, Gia Cát Lượng nhiều lần ra quân, thường là Dương Nghi quy hoạch, lo việc bố trí, thu xếp lương thảo, tính toán quân phí (quy hoạch phân bổ, dự toán lương thực), hơn nữa không tốn nhiều công sức, một ít công sức là xử lý xong (không suy tính nhiều, mọi chuyện đã xong). Vì vậy, khi Dương Nghi và Ngụy Diên có mâu thuẫn, Gia Cát Lượng đã phải đau đầu (Lượng tiếc thềm Nghi tài cán, Diên thường kiêu dũng, mà hận hai người bất bằng). Gia Cát Lượng không nhẫn tâm bên trọng bên khinh, chỉ còn cách ra sức giữ yên bát nước (không muốn có sự thiên lệch). Tiếc thay, Gia Cát Lượng đã hết sức giữ thăng bằng, Phí Y hòa giải, hai người vẫn ngầm ngầm tranh đấu, kết quả là cả hai đều bại hoại, thương tổn. Cố nhiên Ngụy Diên nhà tan người mất, Dương Nghi cũng thân bại danh liệt. Khổ sở biết chừng nào!

Điều đáng buồn hơn, sau khi đã chết hai người còn bị xỉ vả. Ngụy Diên bị chửi là “phản tặc”, tội danh này còn được *Tam quốc diễn nghĩa* nói như đinh đóng cột, cơ hồ “đời đời không thể mở mặt”. Dương Nghi bị chửi là “tiểu nhân”, nhiều người hận thay cho Ngụy Diên chửi rửa. Rõ ràng cái gọi là “Ngụy Diên mưu phản” là án oan, vậy, oan có đầu nợ có chủ. Dương Nghi trực tiếp tạo ra án oan đó phải có trách nhiệm. Đúng như ngài Trần Nhĩ Đông nói, Ngụy Diên thân là đại tướng cả đời chinh chiến, có thể coi là “có công lớn, không có tội lớn”, nhưng “gặp họa lớn, bị vu khống”, oan uổng khôn cùng, vậy sao Dương Nghi, người còn phải giết hết diệt tận cả ba họ nhà người ta? Vì vậy người đời sau đã hết sức bất bằng. Ví như Hách Kinh cho rằng, Dương Nghi “vì tư thù mà giết đại tướng”, tội nặng hơn Ngụy Diên (tội hơn Diên). Lưu Gia Lập cũng nói, Ngụy Diên “công không thể mất, giết ba họ, thật quá nặng” xem *Tam quốc chí tập giải*. Thêm nữa, giết người bất quá là đầu rơi xuống đất. Dương Nghi, người giết Ngụy Diên, còn đập, day đầu người ta, thật quá đáng?

Về phần mình, Dương Nghi cũng có phần ảm ức. Thứ nhất, Dương Nghi tranh chấp với Ngụy Diên, đơn thuần chỉ là ân oán cá nhân, khó nói ai đúng ai sai. Bình tĩnh mà xét, trách nhiệm của Ngụy Diên có phần lớn hơn. Vì nguyên nhân khiến hai người bất hòa hoàn toàn là do Ngụy Diên, tính khí ngang bướng, nhục mạ người khác, duy có Dương Nghi là không khuất phục. Dương Nghi không có trách nhiệm gì. Ngụy Diên, người có thể kiêu căng phóng túng, lẽ nào Dương Nghi lại không được độc lập, tự do? chưa nói tới chuyện mỗi lần tranh cãi là mỗi lần Dương Nghi bị hạ nhục. Một đại nam nhi, mỗi lần bị sỉ nhục lại khóc lóc, rơi lệ, người nói xem lòng dạ Dương Nghi lúc này thế nào? Chẳng trách sau này Dương Nghi đã cư xử với Ngụy Diên như vậy. Dương Nghi đã oán hận quá sâu nặng!

Thứ hai, buổi đầu của vụ án, Dương Nghi gần như không có sai lầm. Dương Nghi hành động theo sự sắp xếp của Gia Cát Lượng. *Tam quốc chí - Ngụy Diên truyện* nói rất rõ trước lúc lâm chung, Gia Cát Lượng “lệnh Diên đoạn hậu, thứ đến Khương Duy; nếu



Diên không theo lệnh, cứ cho quân xuất phát”. Dương Nghi làm theo đó, thì có gì là sai? Ngụy Diên không nghe sự chỉ huy, tự nhiên hành động “đi xong lại đốt sạn đạo”, cắt đường rút lui của Dương Nghi, chẳng nhẽ Dương Nghi cứ ở yên để chờ chết? Ngụy Diên không chỉ đẩy Dương Nghi vào chỗ chết, còn tố cáo Dương Nghi mưu phản, chẳng nhẽ Dương Nghi lại không có quyền tự vệ? Cùng lúc này Ngụy Diên, Dương Nghi tố cáo lẫn nhau, vắn vồ trong triều “bảo vệ Nghi, nghi ngờ Diên” chẳng nhẽ đây lại là sai lầm của Dương Nghi?

Theo đó, Ngụy Diên đã sai lầm khi để xảy ra án này. Nhưng ở đây lại cũng có vấn đề, vì cũng có khả năng là Ngụy Diên đã hành động theo sự sắp xếp của Gia Cát Lượng. Theo chú dẫn *Ngụy lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Ngụy Diên truyện*, trước lúc lâm chung, Gia Cát Lượng chỉ định Ngụy Diên thay mình, không phải là Dương Nghi. Và Gia Cát Lượng còn có lệnh rõ ràng, để Ngụy Diên “lo việc của mình, chôn cất bí mật”. Ngụy Diên tuân lệnh, bí mật hành động, đường đến Bao Khẩu (là cửa Nam Cốc, nói ở phần trước) mới phát tang. Lúc này Dương Nghi thấy lo lắng, lo Ngụy Diên “nắm việc quân” sẽ hại mình (sợ bị hại), nên đã tố cáo trước, tạo dư luận Ngụy Diên phản biến hàng giặc (luôn nói là Diên đem quân theo lên Bắc), không chế trước, công kích Ngụy Diên (đem quân đánh Diên). Ngụy Diên vốn không có ý phản, nên không đánh nhau với Dương Nghi (không đánh), chỉ có thể rút lui (quân đi), kết quả đã bị hại (đuổi rồi giết đi).

Việc trở nên nghiêm trọng! Nếu những lời trên là đúng. Không thể phủ nhận những điều ghi trong *Tam quốc chí*, vậy Gia Cát Lượng có trách nhiệm lớn. Gia Cát Lượng ra hai lệnh mâu thuẫn nhau, một mặt lệnh Ngụy Diên “lo việc của mình, chôn cất bí mật”, mặt khác lệnh Dương Nghi để Ngụy Diên đoạn hậu, nếu “Diên không theo lệnh, cho quân xuất phát”. Như vậy chẳng phải đẩy Ngụy Diên, Dương Nghi đến chỗ tàn sát lẫn nhau? Vì vậy *Lưu Bị truyện* của ngài Trương Tác Diệu nói án oan của Ngụy Diên “hoàn toàn do một tay Gia Cát Lượng dựng nên”.

Theo logic đó, Gia Cát Lượng không chỉ “tạo nên” án oan cho Ngụy Diên mà còn “dẫn tới” bi kịch của Dương Nghi. Trước đây đã có sự so sánh với Tưởng Uyển, Dương Nghi già dặn hơn (hơn tuổi Uyển), năng lực mạnh (tài năng hơn), công lao lớn (công huân quá lớn), hoặc không có công lao cũng có khổ lao (vất vả hơn), hơn nữa còn có công “bình phản”, nhưng sao địa vị lại thấp hơn Tưởng Uyển? Vậy, vì sao Tưởng Uyển lại thay thế chức quyền của Gia Cát Lượng (trừ chức thừa tướng), Dương Nghi lại là người nhân nhã? Tất cả đều do cách sắp xếp của Gia Cát Lượng. *Tam quốc chí - Dương Nghi truyện* nói ý nghĩ tận đáy lòng Gia Cát Lượng (lúc sinh thời) luôn cho rằng Dương Nghi tính tình không tốt, nóng nảy hẹp hòi, không bằng Tưởng Uyển (Nghi hẹp hòi nóng giận không bằng Uyển), kết quả Tưởng Uyển thắng nhiệm, Dương Nghi dừng lại, cuối cùng diệt vong.



Thật khủng khiếp! Gia Cát Lượng “từ hai cánh đào giết ba kẻ sĩ”, một mũi tên trúng hai đích, vừa trừ được Ngụy Diên vừa trừ được Dương Nghi, thực nham hiểm và ác độc? Chúng ta muốn biết: có đúng thế không?

Không.

Nói TƯỚNG UYỄN làm việc tiếp, Dương Nghi nhân nhĩa là rất đáng ngờ. *Tam quốc chí - Dương Nghi truyện* nói về cách sắp xếp này, là căn cứ vào “mật chỉ lúc sinh thời” của Gia Cát Lượng. Nhưng chúng ta muốn hỏi, làm sao họ có thể biết Gia Cát Lượng luôn suy nghĩ, luôn cho là như vậy? Đương nhiên, *Tam quốc chí* đã nói rõ việc này. Theo *Tướng Uyển truyện*, lúc sinh thời Gia Cát Lượng thường nói với mọi người, Công Viêm (tự của Tướng Uyển) vừa trung trinh vừa cao nhĩa (Công Viêm chí cao, trung thành), là người có thể cùng ta phò tá hoàng thượng gây dựng nghiệp lớn (cùng ta gây dựng vương nghiệp). Đây là việc tạo dư luận. Gia Cát Lượng còn bí mật dâng thư lên Lưu Thiện nói “nếu thần bất hạnh, hậu sự nên giao Uyển). Coi đây là sự sắp đặt.

Nhưng chúng ta lại muốn hỏi: Đã vậy, sao trước lúc lâm chung Gia Cát Lượng không cho công bố suy nghĩ đó, lại phải có “mật biểu lên hậu chủ”? Chúng ta đều rõ, lúc Tướng Uyển thay thế, mọi người đều không phục, về sau “nhìn vào mới dần phục”. Chữ “dần” ở đây nói rõ, Tướng Uyển thay thế có phần đột ngột, có phần miễn cưỡng. Vì vậy, trong *Tam Quốc sử thoại*, ngài Lã Tư Miễn nói, bằng địa vị danh vọng của mình, nếu trước đó Gia Cát Lượng công khai dặn dò thì không sợ có người phản đối, và sự việc sẽ thỏa đáng hơn. Nhưng vì sao Gia Cát Lượng lại không làm như vậy? Ngài Lã kết luận, việc Gia Cát Lượng bí mật tiến cử Tướng Uyển là “không thực tình”.

Đương nhiên, có thể là như vậy. Trong lịch sử cổ đại Trung Quốc, phạm là những việc liên quan đến thay đổi quyền lực, thì không tránh khỏi có hư hư thực thực, úp úp mở mở và cũng còn một khả năng nữa, Gia Cát Lượng có phần lo ngại. Lo ngại ai? Dương Nghi. Phần trước đã nói, Dương Nghi già dặn hơn Tướng Uyển, năng lực mạnh hơn Tướng Uyển, công lao nhiều hơn Tướng Uyển, còn là người hết sức tự tin. Nếu trước lúc lâm chung, Gia Cát Lượng tuyên bố để Tướng Uyển thay thế thì liệu Dương Nghi có nhảy lên không? Đúng vậy, lúc còn Gia Cát Lượng, Dương Nghi không dám nhảy. Lúc Gia Cát Lượng tạ thế thì sao? Nhảy hay không nhảy? Nên nhớ, lúc này Tướng Uyển không ở trong quân, Ngụy Diên ở tiền phương, Dương Nghi có quân lính trong tay. Bên cạnh là Phí Y, là Khương Duy, nên sợ là không trấn nổi. Vả dù có trấn được thì việc Dương Nghi nổi dậy cũng chẳng có khó khăn gì. Vì vậy, chỉ có thể chờ đại quân về triều rồi mới nói tiếp. Cũng vì vậy, Gia Cát Lượng chỉ có thể “mật biểu với hậu chủ”.

Vậy thì sao Gia Cát Lượng còn lệnh Ngụy Diên “lo việc của mình, bí mật chôn cất”? Chẳng nhẽ cũng là để đối phó với Dương Nghi? Theo tôi, chuyện này không tin được. Nguyên nhân không tin được lại không hoàn toàn như Bùi Tùng Chi nói, tức là



“lời đồn đại ở nước địch không thể tranh thẩm với bản truyện”, còn vì không có khả năng này. Lúc Gia Cát Lượng mất, Ngụy Diên không ở cạnh, chỉ có một mình Dương Nghi. Gia Cát Lượng lệnh Ngụy Diên “lo việc của mình” bằng cách nào? Bằng cách nào Ngụy Diên có thể “bí mật chôn cất”? Hơn nữa, Gia Cát Lượng bệnh và chết ở Vũ Công Ngũ Trượng Nguyên. Ngụy Diên “bí mật chôn cất” “đường đến Bao Khẩu”, đã đi rất xa về hướng Nam, vì sao Dương Nghi lại nói Ngụy Diên “muốn đưa quân theo lên Bắc”? Vì vậy, không tin được cách nói trong *Ngụy lược*.

Không thể tin được mấy lời ghi trong *Ngụy lược* của Ngư Hoạn, còn cách nói trong *Tam quốc chí - Ngụy Diên truyện* là chân thực chăng? Nếu đúng, Gia Cát Lượng phải chịu trách nhiệm trước cái chết của Ngụy Diên; bằng không, phải trả lời xem chân tướng là gì. Lịch sử có ba ý kiến và thái độ khác nhau về chuyện này. Quan điểm thứ nhất cho rằng, những điều ghi trong *Ngụy Diên truyện* là thực, Gia Cát Lượng nghĩ thế tất Ngụy Diên sẽ phản nên mới sắp xếp như vậy. *Tam quốc diễn nghĩa* có thể đại diện cho cách nói này. Quan điểm thứ hai cũng cho rằng điều nói trong *Ngụy Diên truyện* là thực, vì vậy Gia Cát Lượng “một tay hoạch định” đã gây ra án oan cho Ngụy Diên. *Lưu Bị truyện* của Trương Tác Diệu có thể đại diện cho cách nói này. Quan điểm thứ ba cho rằng, điều ghi trong *Ngụy Diên truyện* không phải là sự thực, sự thực khác hẳn. *Tam quốc sử thoại* của ngài Lã Tư Miễn và *Nhàn thoại tam phân* của ngài Trần Nhĩ Đông có thể đại diện cho cách nói này. Nếu đồng ý với quan điểm thứ nhất, Ngụy Diên bị oan; đồng ý với quan điểm thứ hai, cần phải phê phán Gia Cát Lượng; đồng ý với quan điểm thứ ba, sẽ phải phủ nhận *Tam quốc chí*. Mọi người cảm thấy rất khó khăn. Vậy, liệu có cách giải thích thứ tư nào đáng tin không?

Tập thứ bốn mươi một: LẤY CÔNG ĐỀ THỦ

Trong án của Ngụy Diên có một câu đố chưa được giải, vì sao trước lúc lâm chung, Gia Cát Lượng lại có sự bố trí lui quân bất lợi cho Ngụy Diên. Phải chăng cách bố trí này quan hệ tới đường lối quân sự giữa hai người có khác nhau? Vì sao lúc Bắc phạt, Gia Cát Lượng không theo “kế hay ở Tí Ngộ cốc” của Ngụy Diên? Đàng sau sự khác nhau đó có ẩn tình gì khó nói ra chăng? Gia Cát Lượng mấy lần ra Kỳ Sơn, vất vả mà chẳng được gì, nhưng vì sao vẫn phải Bắc phạt, cuối cùng là vì sao?

Tập trước chúng ta đã nói tới án của Ngụy Diên. Về đại thể tính chất của vụ án lúc này đã rõ ràng, Ngụy Diên đã “tác loạn” không phải “mưu phản” và là “đấu tranh nội bộ”. Người có trách nhiệm trực tiếp chính là Dương Nghi và Ngụy Diên. Nhưng Gia Cát Lượng cũng không thoát khỏi có can hệ, vì trước lúc lâm chung, Gia Cát Lượng đã đưa ra cách sắp đặt kỳ quái. Theo *Tam quốc chí - Ngụy Diên truyện*, lúc bệnh nặng, Gia Cát Lượng đã bí mật triệu tập “Hội nghị bên sập”. Đến dự có Trưởng sử Dương Nghi, Tư mã Phí Y, Hộ quân Khương Duy... Gia Cát Lượng nói rõ, sau khi ta mất thì lập tức



lui quân, Ngụy Diên đoạn hậu. Nếu Ngụy Diên không phục tùng mệnh lệnh thì mặc, quân lính cứ xuất phát.

Việc này rất đáng ngờ. Mọi người đều rõ, trong quân Bắc phạt lúc đó, ngoài Gia Cát Lượng, địa vị Ngụy Diên là cao nhất, là Tiền quân sư, Chinh tây đại tướng quân, giá tiết, được phong Nam Trịnh hầu. Nam Trịnh hầu là Huyện hầu, tước vị cao nhất; Đại tướng quân là thực chức, quân hàm cao nhất; giá tiết là có thượng phương bảo kiếm, quyền uy cao nhất. Theo phép thường, người thay thế Gia Cát Lượng chỉ huy toàn quân hành động, đương nhiên phải là Ngụy Diên. Nhưng Gia Cát Lượng lại chỉ định Dương Nghi. Chức vụ của Dương Nghi là thế nào? Thừa tướng trưởng sử thêm Tuy quân tướng quân. Thừa tướng trưởng sử là bí thư trưởng trong phủ thừa tướng, thực tế là một quan gia. Tuy quân tướng quân là “tư lệnh không có quân”, không thống soái quân lính, thực tế là quan văn trong quân đội. Cách bố trí của Gia Cát Lượng là không trao quân quyền cho quân nhân, mà trao cho văn nhân, không trao cho quan to, mà trao cho quan nhỏ, không trao cho “phó thống soái”, mà trao cho “bí thư trưởng”. Thay đổi, lộn xộn như vậy, không phải là kỳ quặc sao?

Vì vậy, chúng ta lại hỏi: 1- Vì sao Gia Cát Lượng không dùng Ngụy Diên mà dùng Dương Nghi? 2- Gia Cát Lượng triệu tập “hội nghị bí mật trước sập”, sao không thông báo để Ngụy Diên tham gia? 3- Vì sao Gia Cát Lượng đoán biết được Ngụy Diên sẽ không phục tùng mệnh lệnh và yêu cầu quân lính cứ xuất phát, mặc Ngụy Diên? Điều kỳ quái nhất ở đây là: “Nếu Diên không theo lệnh, quân cứ xuất phát”. Ai cũng thấy, thực chất là muốn đẩy Diên vào chỗ chết hoặc bức Diên phải làm phản, chí ít cũng là chuẩn bị để loại bỏ Diên! Gia Cát Lượng không phải là không biết điều lợi hại ở đây. Vậy, vì sao Gia Cát Lượng phải làm như vậy?

Cũng có ba cách giải thích. *Tam quốc diễn nghĩa* nói, Gia Cát Lượng biết Ngụy Diên sẽ tạo phản. Rõ ràng điều này có thể giải thích mọi nghi vấn ở đây. Nhưng thật khó tin lời nói của một tiểu thuyết gia. Trong thực tế không có nhà sử học nghiêm túc nào dùng cách nói này. Ngay cả một số học giả vốn tôn sùng Gia Cát Lượng (như ngài Dư Minh Hiệp) cũng nói thực chất cái gọi là “Ngụy Diên mưu phản” là “án oan lớn thời đó” (xem *Gia Cát Lượng bình truyện*). Vậy, không nên nói như thế.

Nhưng Ngụy Diên không mưu phản sẽ rắc rối với Gia Cát Lượng – thống soái định vứt bỏ phó thống soái, thế là thế nào? Cho nên, một nhà sử học nào đó - người vừa nói Ngụy Diên oan uổng vừa ủng hộ Gia Cát Lượng nói, mấy điều ghi trong *Tam quốc chí* là không đúng sự thực. Ví như *Tam Quốc sử thoại* của ngài Lã Tư Miễn nói, Gia Cát Lượng lúc bệnh nguy cấp chưa hề định ra kế hoạch lui quân đã đột nhiên qua đời. Cái gọi là “lệnh Diên đoạn hậu, thứ đến Khương Duy” là kế hoạch của Dương Nghi, không phải kế hoạch của Gia Cát Lượng. Mặc Ngụy Diên, quân lính cứ xuất phát, hẳn cũng là chủ trương của Dương Nghi, không phải chủ trương của Gia Cát Lượng. Gia



Cát Lượng không hề áp đặt bằng câu nói “nếu Diên không theo lệnh, quân lính cứ xuất phát”, có khả năng Dương Nghi và mấy người khác đã giả truyền “Thừa tướng di mệnh”.

Nói thế là đúng. Ngụy Diên không ở đó, Khổng Minh đã chết không còn người đối chứng. Loại “Khẩu dụ” như “thừa tướng di mệnh” còn không phải tự miệng Dương Nghi nói ra sao? Hơn nữa, nói như vậy còn có cái hay, việc lớn mà xong thì mọi việc khác đều xong, việc gì cũng giải quyết được. Tiếc rằng đây chỉ là phỏng đoán, suy luận, không hề có bất cứ chứng cứ nào.

Chúng ta không thể không đối diện với khả năng thứ ba: Gia Cát Lượng đã bí mật triệu tập “hội nghị trước sập”, đúng đã có bố trí “Lệnh Diên đoạn hậu, thứ đến Khương Duy; nếu Diên không theo lệnh, quân cứ xuất phát”. Còn như vì sao Gia Cát Lượng có sự sắp đặt bất lợi cho Ngụy Diên thì *Lưu Bị truyện* của ngài Trương Tác Diệu đã giải thích, Gia Cát Lượng không tin tưởng Ngụy Diên. Vì sao không tín nhiệm? Vì giữa họ có sự “khác biệt về chiến thuật quân sự”.

Có chứng cứ gì không mà nói như vậy? Có. *Tam quốc chí – Ngụy Diên truyện* nói, mỗi lần xuất chinh (mỗi khi theo Lượng xuất chinh), Ngụy Diên luôn yêu cầu Gia Cát Lượng cho quân (muốn có vạn quân) để tự mình dẫn quân đi theo đường khác, xuất kích từ hai phía, hội sư ở Đồng Quan (khác đường với Lượng và hội hợp ở Đồng Quan), giống như năm nào Hàn Tín giúp Lưu Bang lấy thiên hạ (như truyện Hàn Tín) nhưng không bao giờ Gia Cát Lượng nghe theo (khổng chế và không cho). Ngụy Diên liền cho rằng Gia Cát Lượng nhát gan, sợ việc (Lượng nhát gan), lấy làm bất bằng vì tài không gặp được tài (hận vì có tài không được tận dụng).

Còn một việc nữa làm cho hai người có sự khác biệt, đó là “kỳ mưu ở Tý Ngọ cốc”. Chúng ta đều biết, quân Thục từ Hán Trung Bắc tiến vào Trung Nguyên tất phải qua Tần Lĩnh. Có ba đường để vượt Tần Lĩnh. Thứ nhất là đường Tý Ngọ cốc ở mặt đông, dài hơn sáu trăm dặm, đến thẳng Trảng An. Đường thứ hai là Trú Cốc ở giữa, dài hơn bốn trăm dặm đến thẳng Võ Công. Một đường nữa là Tà Cốc ở mặt tây, dài gần năm trăm dặm, đến Mi quốc (huyện Mi). Ở đoạn giữa Tà Cốc có một đường nhánh rẽ về hướng bắc gọi là Kỳ Cốc. Từ Kỳ Cốc ra Tần Quan là đến Trần Thương. Mùa xuân năm Kiến Hưng thứ VI (Công nguyên năm 228), Gia Cát Lượng đến Hán Trung từ lâu, quyết định tấn công, mở đầu cuộc Bắc phạt lần thứ nhất. Đi theo đường nào là một vấn đề.

Theo chú dẫn *Ngụy lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí – Ngụy Diên truyện*, lúc bấy giờ Gia Cát Lượng đã triệu tập hội nghị quân sự tại Nam Trịnh. Ở đây, lần đầu Ngụy Diên chủ trương chia quân làm hai đường. Cụ thể, Ngụy Diên thống lĩnh năm ngàn tinh binh, năm ngàn người khác vận chuyển lương thảo xuất phát từ Bao Trung, men theo Tần Lĩnh về đây, theo Tý Ngọ cốc lên bắc. Chưa đến mười hôm đã



đến Tràng An. Cùng lúc đó, Gia Cát Lượng thân dẫn đại quân theo Tà Cốc vào Mi Quốc, Trần Thương. Ngụy Diên nói, trấn giữ Tràng An là Hạ Hầu Mậu, con rể Tào Tháo. Mậu là công tử chẳng ra gì (nhút nhát, vô mưu). Nghe nói mặt tướng là thần binh từ trời xuống hẳn sẽ quay đầu biến mất (lên thuyền trốn chạy). Quan viên trong thành Tràng An cũng chẳng đâu ra đâu (duy có ngụy sử, thái thú Kinh Triệu), nhưng tiền lương thì khá sung túc, đủ để mặt tướng chống đỡ một trận. Chờ khi quân thừa tướng đến, hai quân hội hợp, chẳng phải từ phía tây Hàm Dương trở đi coi như xong (một đòn định được từ phía tây Hàm Dương)? Gia Cát Lượng không nghe.

Đây chính là “Kỳ mưu Tý Ngọ cốc”. Đây là một đoạn công án nổi tiếng trong “thời đại Gia Cát Lượng”, cũng là một vấn đề các nhà sử học bàn luận mãi. Rất nhiều người không hiểu vì sao Gia Cát Lượng không theo kiến nghị của Ngụy Diên, xuất kỳ binh từ Tý Ngọ cốc đánh một trận, Tào Tháo không kịp trở tay. Kiến nghị của Ngụy Diên gồm hai nội dung. Một là chia quân (Ngụy Diên thống lĩnh một vạn quân đi đường Tý Ngọ cốc, Gia Cát Lượng thống lĩnh đại quân đi từ Tà cốc), hai là kỳ tập (đánh thẳng tới Tràng An). Vì vậy, án này gồm hai vấn đề. Một, vì sao Gia Cát Lượng không để Ngụy Diên chia quân, hai, vì sao Gia Cát Lượng không đi đường Tý Ngọ cốc.

Nói tới việc chia quân trước. Chia quân thực ra cũng là chuyện thường. Lưu Bị và Quan Vũ cũng luôn chia quân, *Long Trung đối* cũng nói, “Lệnh một thượng tướng chia quân Kinh châu cho Uyển, Lạc, tướng quân thân lĩnh quân chúng Ích châu ra đường Tần Xuyên”, bản thân Ngụy Diên cũng nói “như chuyện Hàn Tín”. Rõ ràng Ngụy Diên coi Gia Cát Lượng như Lưu Bang, Lưu Bị, coi mình như Hàn Tín, Quan Vũ, tất cả là trung thành, là thoả đáng. Đây là điều một. Điều hai, cũng không phải Gia Cát Lượng tuyệt không chia quân. Theo *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện*, quyết sách sau này của Gia Cát Lượng là nói vớng rằng sẽ tấn công Mi quốc theo đường Tà cốc, nhưng lại phái Triệu Vân, Đặng Chi chiếm cứ Kỳ cốc, còn mình thì lĩnh đại quân tiến công phía tây Kỳ Sơn. Vì vậy, chia quân không phải là việc không nên làm. Nhưng Gia Cát Lượng phái Triệu Vân, Đặng Chi, không phái Ngụy Diên, ai nấy đều nghĩ Gia Cát Lượng không tin Ngụy Diên.

Có thể xem xét chuyện này. Bởi vì thứ nhất, quân của Triệu Vân và Đặng Chi chỉ là “nghị binh”, không nhất thiết phải cử ai đó. Huống chi, địa vị của Triệu Vân lúc này không hề thấp hơn Ngụy Diên (Niên hiệu Kiến Hưng năm đầu hai người đều được phong Đình hầu, chức vụ Triệu Vân là Trung hộ quân, Trấn đông tướng quân, chức vụ Ngụy Diên là thừa tướng tư mã, Lương châu thứ sử). Phái Triệu Vân không phái Ngụy Diên, không thể nói là không tin Ngụy Diên. Thứ hai, từ lí lịch của Ngụy Diên, ta biết Ngụy Diên là người được Gia Cát Lượng trọng dụng, sinh thời, Lưu Bị quý mến Ngụy Diên, được coi là “trọng thần của tiên chủ”. Dưới thời Lưu Bị, Ngụy Diên đã từ Nha môn tướng quân, Trấn viễn tướng quân làm tới Trấn bắc tướng quân. Lúc Gia Cát Lượng,



phò tá Lưu Thiển, còn được phong là Đô đình hầu. Năm Kiến Hưng thứ V (Công nguyên năm 227), Gia Cát Lượng vào ở Hán Trung, phái cử Ngụy Diên là Tiền bộ chỉ huy quan (đốc tiền bộ), kiêm nhiệm thừa tướng Tư mã, Lương châu thứ sử. Năm Kiến Hưng thứ VIII (Công nguyên năm 230), lại thăng Ngụy Diên làm Tiền quân sư, Chinh tây đại tướng quân, giá tiết. Tước vị cũng thăng lên hai bậc, từ Đình hầu (Đô đình hầu) thăng làm Huyện hầu (Nam Trịnh hầu). Ngoài ra, *Tam quốc chí - Lưu Diễm truyện*, lúc Lưu Diễm và Ngụy Diên sinh mâu thuẫn, Gia Cát Lượng liền trách cứ Lưu Diễm. Cho nên, nói như vậy e không được.

Lại nói về Tỵ Ngộ cốc. Đây cũng là vấn đề mà lịch sử bàn luận nhiều. Tiêu điểm bàn luận là xem xem kỳ mưu của Ngụy Diên có thể thực hiện được không. Một phái nói, thực tiếc là Gia Cát Lượng đã không dùng kế của Ngụy Diên. Chúng ta đều biết, đối với lần Bắc phạt này của Gia Cát Lượng, bên phía Tào Tháo không hề có chuẩn bị (không có chuẩn bị). Chờ khi quân Thục xuất hiện ở ba quận Kỳ Sơn, Nam An, Thiên Thủy, đồng thời “quân phản Ngụy hưởng ứng Lượng”, kết quả “Quan Trung chấn động”, tập đoàn Tào Ngụy “triều dã khiếp sợ”. Lúc này, nếu năm ngàn tinh binh của Ngụy Diên cũng xuất hiện ở Trảng An thì tình hình sẽ như thế nào? Tiếc rằng Khổng Minh đã thận trọng quá mức, làm mất cả cơ may. Nói như vậy, đương nhiên là có lý. Có điều chúng ta cũng đừng xem thường ý kiến của phái phản đối. Họ cho rằng, phương án của Ngụy Diên còn nhiều sơ xuất. Ví dụ, Ngụy Diên cho rằng Hạ Hầu Mậu sẽ bỏ thành tháo chạy. Nhưng vạn nhất hắn không chạy thì sao? Hoặc Hạ Hầu Mậu chạy, nhưng các tướng lĩnh vẫn cố thủ thì sao? Vả lại danh tướng nước Ngụy như Quách Hoài vẫn ở gần đây. Một khi Trảng An tử thủ, Quách Hoài đến cứu, thì đội quân không có nhiều lương thảo của Ngụy Diên hẳn sẽ bị vây khốn. Ngụy Diên nói, đại quân của Gia Cát Lượng từ Tà Cốc lên bắc sẽ đến ngay sau đó, nhưng nếu không đến được thì thế nào? Nên nhớ, bất luận là Tỵ Ngộ hay Tà Cốc đều phải qua đỉnh cao sườn dốc, đường đi hiểm trở, khí hậu thất thường, hành trình thực khó chính xác. Đường xa tập kích, cơ hội khó lường. Dùng binh ngàn dặm, càng phải thận trọng. Huống chi quân lính của Ngụy Diên phải trèo đèo lội suối, gian khổ muôn phần, đến Trảng An thì như dây cung đã căng hết cỡ, làm sao địch nổi Hạ Hầu Mậu kiên trì ngồi bên gốc cây chờ thả, lấy sức nhàn địch sức kiệt? Vì vậy, Gia Cát Lượng không dùng kế của Ngụy Diên là đúng.

Theo tôi, mấy cách nói trên đều có lý nhưng chưa cơ bản. Cơ bản là gì? Là vấn đề chính trị. Chiến tranh là tiếp nối của chính trị, huống chi Gia Cát Lượng mở đầu là nhà chính trị. Điều tính đến đầu tiên của nhà chính trị khi tiến hành chiến tranh là chính trị rồi mới đến quân sự. Đó là điều quyết định khiến Gia Cát Lượng theo Ngụy Diên hay không.

Vậy vấn đề chính trị mà Gia Cát Lượng tính toán là gì?



Trước hết phải làm rõ một vấn đề lớn: Vì sao phải Bắc phạt. Trong *Xuất sư biểu* đã nói rõ. Theo cách hiểu thông thường, mục đích Bắc phạt là 16 chữ ghi trong “Xuất sư biểu”: Bắc định Trung Nguyên, trừ bỏ gian hùng, phục hưng Hán thất, về lại đô cũ. Đó là lý tưởng đúng đắn của Gia Cát Lượng. Tôi nói lại, chính lý tưởng đó là điểm Gia Cát Lượng khác với các mưu sĩ khác và Gia Cát Lượng luôn ghi nhớ lý tưởng đó.

Nhưng chúng ta lại muốn hỏi: Gia Cát Lượng có thực hiện được lý tưởng của mình không?

Không. Nhiều lần Gia Cát Lượng Bắc phạt. Tuy có giành được một ít thắng lợi như lấy được Vũ Đô, Âm Bình, giết chết Vương Song, Trương Cáp, nhưng nhìn chung, là công cốc, được không bù mất, mục tiêu “phục hưng Hán thất, về lại đô cũ” ngày càng xa dần. Đương nhiên, không phải vì Gia Cát Lượng vô năng, không gắng sức, mà vì thế tất phải thế.

Có ba điểm để nói cái “Thế” ở đây.

Thứ nhất, Tào Ngụy không thể nhanh chóng diệt vong.

Trong con mắt, miệng lưỡi, lòng dạ Lưu Bị và Gia Cát Lượng thì Tào Ngụy là “Hán tặc” là “tội nhân”. Về mặt lập trường chính trị chưa bao giờ họ bỏ qua (Tôn Quyền đã bỏ qua). Theo *Gia Cát Lượng tập*, sau khi Lưu Bị qua đời, một số người bên phía Tào Ngụy, bao gồm Tư đồ Hoa Hâm, Tư không Vương Lăng, Thượng thư lệnh Trần Quân, Thái sử lệnh Hứa Chi có thư khuyên hàng tới Gia Cát Lượng, nhưng Gia Cát Lượng luôn công khai tỏ rõ thái độ “chính nghĩa”. Qua câu cuối cùng “theo chính đạo đánh kẻ có tội” trong bài phát biểu khẳng khái, hùng hồn của Gia Cát Lượng, chúng ta thấy rõ tính chất các cuộc Bắc phạt. Gia Cát Lượng cho rằng mình đã phát động chiến tranh chính nghĩa.

Không có gì lạ về câu nói của Gia Cát Lượng. Nếu không thế, đã không phải là Gia Cát Lượng. Câu nói “Theo chính đạo đánh kẻ có tội” có thể là khẩu hiệu chính trị, là lời động viên binh sĩ. Nhưng thực chất đó chỉ là câu nói theo sách. Những năm cuối thời Đông Hán, thiên hạ đại loạn. Lúc này, bất kể là ai đứng ra lo việc đất nước, thống nhất về một mối, khiến dân chúng được an cư lạc nghiệp thì đó là chính nghĩa. Nhưng sau khi đất nước đã chia ba theo thế chân vạc thì lại khác. Đứng ra thì cả ba nhà Ngụy, Thục, Ngô đã muốn thống nhất Trung Quốc; mặt khác, họ đều muốn độc bá thiên hạ. Ta không thể nói, chỉ có Thục Hán đứng ra thống nhất mới là “chính đạo”. Tào Ngụy thống nhất là “có tội”. Hơn nữa, Thục Hán tự cho mình là “chính đạo” còn vì mình mang họ Lưu. Vậy Lưu Bị mang họ Lưu, còn Lưu Biểu, Lưu Chương có mang họ Lưu không? Kinh châu và Ích châu “Giang sơn đôi chủ”, chẳng lẽ vì Lưu Bị “chính nghĩa”, còn Lưu Biểu, Lưu Chương là “có tội”? Không phải thế chứ! Đúng như trong bài “Nhìn lại Long Trung đối” của ngài Điền Dư Khánh, Lưu Bị nhờ vào “sự dối trá lúc dở sống dở chết ở



Mang Đẳng”, “sự ngu muội, hèn kém của đối thủ” đã nuốt sống cha con Lưu Biểu cùng thế lực của Lưu Chương. Làm rõ điều này thì liệu ngài Khổng Minh còn dám lớn tiếng nói “theo chính đạo đánh kẻ có tội” nữa không?

Trên thực tế phía Tào Ngụy không hề nghĩ thế nào là “có tội”. Năm đó, Tào Tháo tuyệt không dám xưng đế vì cả trong lẫn ngoài đang có nhiều khó khăn. Không phải vì Tào Tháo tự biết “Lật Hán là có tội” mà vì những mâu thuẫn trong giai cấp sĩ tộc. Sĩ tộc xem thường Tào Tháo “kẻ hình dung xấu xí” (lời Trần Lâm), cũng không thích câu nói “có tài là dùng” của Tào Tháo. Nhưng Tào Phi đã giải quyết được những vấn đề này. Dựa vào “chế độ cửu phẩm”, Tào Phi hoà giải với sĩ tộc, giai cấp sĩ tộc đã ủng hộ chính quyền Tào Ngụy. Bên phía họ, đã thành một khối “đoàn kết yên định”! Gia Cát Lượng đã tính tới điểm này. Lúc chú giải *Tư trị thông giám*, Hồ Tam Tỉnh đã nói, mọi người đều cho rằng, Gia Cát Lượng vì nhát gan, ngại việc (Gia Cát Lượng vì sợ nên không dùng kế của Ngụy Diên), kỳ thực không phải thế. Khi đánh trận phải hiểu rõ vua, tướng bên đối phương là ai (phạm lúc động binh phải biết chúa của địch, tướng của địch). Sở dĩ Gia Cát Lượng “không dùng kế của Ngụy Diên” vì đã biết “Ngụy chủ minh lược, còn có Tư Mã Ý, không thể xem nhẹ”. Tào Ngụy không dễ ngả nghiêng, đây là đồ.

Thứ hai, Ích châu không phải là nơi tiên thủ.

Mọi người đều biết, Thục Hán tuy ở trong vùng chính, nhưng thực tế, đó chỉ là một châu, chiếm được một góc. Hãy nhớ, không phải “yên được một góc”, mà là “chiếm được một góc”. Tôi thấy ngài Điền Dư Khánh nói chiếm được là tinh tế và chính xác. Đây cũng chính là điểm khác biệt giữa Thục Hán và chính quyền cát cứ các vùng đất khác trong lịch sử. Thục Hán là “nước nhỏ có hùng tâm”, không hề thay đổi cách nghĩ “Bắc định Trung Nguyên, về lại đô cũ” (ít ra ở cửa miệng là vậy). Vì thế mới là “chiếm được”, không phải là “yên được”. Sau khi Gia Cát Lượng tạ thế, tình hình đã thay đổi ít nhiều. Lưu Thiện, Tưởng Uyển, Phí Y đều không còn hứng thú với việc Bắc phạt. Thậm chí Khương Duy muốn dựng lại nghiệp cũ thì “chiếm” cũng không được, mà “yên” cũng không thành.

Cũng chẳng còn cách nào khác. Nhớ lại lúc Công Tôn Thuật, xưng hiệu, lập quốc ở Thành Đô (Đông Hán Quang Vũ đế, Kiến Võ năm đầu đến năm thứ XII), 12 năm bần cư trên đất Thục, nhiều lần vào ra Tam Hiệp cũng chưa thể vượt qua Kinh châu, về sau lúc vào Thục, Lưu Yên đành phải tránh loạn thế giữ yên thân. Nguyên nhân vì đất Thục, lánh nạn thì được, giữ thành thì được, nhưng không thể trở thành nguồn mạch, căn cứ địa để “Bắc định Trung Nguyên”. Nhìn vào bản đồ thì rõ, phía bắc Ích châu có Hán Trung, phía đông có Tam Hiệp, Kiếm Các dễ thủ, Quỷ Môn hiểm trở, đường Thục lại khó đi, ngăn người cũng chính là ngăn mình! Vì vậy người ở đất Thục, đóng cửa lại, sống qua ngày thì không sao. Còn như xông ra ngoài để lấy thiên hạ thì khó. Nói cách khác, Lưu Bị vào Thục là vào rương có bảo hiểm, là vào một ngõ cụt.



Từ đây mới thấy, đối với Lưu Bị, Gia Cát Lượng thì đoạt được Ích châu từ tay Lưu Chương vừa là hạnh phúc vừa là bất hạnh. Hạnh phúc vì đã có được mảnh đất để yên thân, dựng nước, không còn sợ kẻ thù ngăn cản, vây ráp; bất hạnh vì sự nghiệp quy hoạch trong *Long Trung đối* đã tới giới hạn và đỉnh điểm. Đúng như trong *Nhận thức lại (Long Trung đối)* của ngài Điền Dư Khánh nói: “Lịch sử quyết định Lưu Bị chỉ là vai diễn chạy nạn và muốn sống, lịch sử chỉ cho Gia Cát Lượng vũ đài chính trị là nước nhỏ, dân thưa”. Đương nhiên, nước nhỏ cũng phải chiếm được, vào Thục là ứng với điều đó. Nhưng, “Bắc định Trung Nguyên, về lại đô cũ”... chỉ có thể hư trương thanh thế, lấy công để thủ, không phải là thực. Sự thực thì như ngài Điền Dư Khánh đã nói, “Lưu Bị ra Hiệp, toàn quân bị tiêu diệt; Gia Cát Lượng Bắc phạt, nhiều lần không thành”. Điều đó không liên can gì đến tài năng và tố chất của hai người; mà là điều kiện đã cản trở. Hoặc nói như Ôn Đình Quân “Trung Nguyên được hươu không do người”.

Thứ ba, Gia Cát Lượng không phải là tướng tài thao lược.

Tào Ngụy không thể diệt vong nhanh chóng vì không có thiên thời; Ích châu không phải là đất tiền thủ vì không được địa lợi. Ưu thế có được bên Thục Hán chỉ là “Nhân hoà”. Nhưng đáng tiếc, ngay cả ưu thế đó cũng không còn mấy giá trị. Không còn nghi ngờ gì nữa, sau khi chấp chính, Gia Cát Lượng luôn lấy mình làm mẫu, trị nước theo phép, nên nước Thục không còn cảnh hỗn loạn như thời cha con Lưu Yên, Lưu Chương. Có điều, khi Bắc phạt lần đầu, vẫn còn thế lực của Lý Nghiêm, vẫn còn bất mãn, không phục Gia Cát Lượng. Chỉ tới lúc Gia Cát Lượng giết Mã Tắc, phế Lý Nghiêm, về cơ bản, thế cục mới yên tĩnh. Nhưng vấn đề mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Thục Hán vẫn tồn tại. Và cũng vì mâu thuẫn đó, Thục Hán cuối cùng đã diệt vong. Điều thứ nhất là như vậy.

Điều thứ hai, bản thân Gia Cát Lượng chưa có đủ điều kiện thống lĩnh ba quân đoạt thiên hạ, Gia Cát Lượng là nhà chính trị kiệt xuất, nhưng chưa hẳn đã là nhà quân sự kiệt xuất. Điều này là có nguyên do. Trần Thọ đã nói rất rõ, đặc điểm của Gia Cát Lượng là “Trị quân là sở trường, kỳ mưu là sở đoản; lo liệu việc dân hơn là lo liệu việc tướng”. Cũng tức là, tài năng về chính trị của Gia Cát Lượng hơn hẳn tài năng về quân sự. Trong tài năng quân sự, giỏi trị quân hơn là dùng quân. Vì vậy, để Gia Cát Lượng lo việc nước là hay nhất; để Gia Cát Lượng trị quân cũng không có vấn đề gì. Nhưng muốn có kỳ mưu, xuất kỳ binh thì đều không phải là điểm mạnh của Gia Cát Lượng (tướng lược ứng biến, không phải là sở trường của Gia Cát Lượng).

Đây vốn là sự đánh giá mạnh dạn và đầy đủ, nhưng về sau hậu thế còn nhiều tranh cãi. Phái phản đối dựa chính vào những điều ghi trong *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện*, lúc Tư Mã Ý đi thị sát quân doanh của Gia Cát Lượng, từng thốt lời khâm phục “đúng là thiên hạ kỳ tài”. Thực tình thì Tư Mã Ý rất tán thưởng tài trị quân của Gia Cát Lượng. Còn về cách dùng binh của Gia Cát Lượng lại có cách đánh giá khác. Lời bình



đó được ghi trong *Tán thư - Tuyên đế kỷ*, nguyên văn như sau “Lượng chí lớn nhưng không biết thời cơ, nhiều mưu nhưng ít quyết, thích quân nhưng không quyền”. Tạm dịch ra là: con người Gia Cát Lượng, chí hướng lớn lao nhưng không nắm bắt được thời cơ, mưu trí rất nhiều nhưng thiếu quyết đoán, thích dùng binh nhưng không biết quyền biến, nói đơn giản là chí lớn tài sơ, không giỏi đánh trận. Vì vậy Tư Mã Ý mới nói, đừng thấy Gia Cát Lượng người đông thế lớn, khí thế bừng bừng mà ngại, cứ chờ đây rồi sẽ bị tiêu diệt trong ngày một ngày hai (có mười vạn quân, nhưng đã trúng kế, tất sẽ bị phá). Rất nhiều nhà sử học đã nói tới sai lầm trong cách dùng binh của Gia Cát Lượng trong những lần Bắc phạt. Chúng ta không cần phải nói thêm.

Ba điều trên là nguyên nhân chủ yếu khiến Gia Cát Lượng Bắc phạt không thành công. Còn như nhà lý học thời Tống từng trách cứ Gia Cát Lượng “đạo không thuần, lý không hết”, lời nói này không có cơ sở, không đáng phải phản bác.

Vấn đề là, chính Gia Cát Lượng có thấy được những điều này không?

Đã thấy Gia Cát Lượng vô cùng thông minh. Sự thực bày ra trước mắt, lẽ nào lại không thấy! Có thể, lần đầu Bắc phạt, Gia Cát Lượng còn tương đối lạc quan (nhưng cũng rất thận trọng), nhưng về sau đã tỉnh táo hơn. Trên thực tế, lúc quy hoạch cho Lưu Bị ở Long Trung năm đó, Gia Cát Lượng đã nói rất rõ, Bắc định Trung Nguyên, phục hưng Hán thất, một mong thiên hạ có biến, hai mong ra quân bằng hai đường. Lúc này, thiên hạ không biến động, Kinh châu đã mất, lẽ nào đó lại là lúc có thể Bắc phạt để diệt Ngụy?

Nói như thế lại có vấn đề: Đã vậy thì vì sao Gia Cát Lượng vẫn một mực phải Bắc phạt?

Đáp án đã có trong *Xuất sư biểu*. *Xuất sư biểu* nói ngay trong phần mở đầu: “Tiên đế sáng nghiệp nửa chừng đã khuất. Thiên hạ chia ba, Ích châu khốn khó, trở thành nguy cấp tồn vong”. Đó là sự thực. Nhưng nếu cho rằng “nguy cấp tồn vong” vì Tào Ngụy uy hiếp, là một sai lầm lớn. Sau trận chiến Xích Bích, phía Tào Ngụy chưa hề phát động tấn công Lưu Bị hoặc Thục Hán (với Tôn Quyền đã có mấy lần). Ngược lại, Lưu Bị đã tấn công Hán Trung, Quan Vũ vây Tương Phán, Khổng Minh ra Kỳ Sơn, mấy lần khiêu chiến. Vì vậy, “Ích châu khốn khó” không thể đổ hết lên đầu Tào Ngụy. Phía Đông Ngô cũng không có uy hiếp. Sau lúc Gia Cát Lượng chấp chính, liên minh Ngô Thục đã được khôi phục, hai bên chung sống hoà bình, yên ổn vô sự. Vì vậy, chính do nội bộ, mới có sự “khốn khó” ở Ích châu.

Trên thực tế, một nguyên nhân quan trọng khiến Gia Cát Lượng phải Bắc phạt là “muốn yên trong phải quấy bên ngoài”. Chiến tranh là thủ đoạn tốt nhất để chuyển dịch sự chú ý, để tăng cường sức ngưng tụ. Thực dễ dàng quản lý hay trị lý một đất nước



trong trạng thái chiến tranh. Muốn trừng trị hoặc trấn áp phe phản đối cũng dễ dàng hơn. Đó là một lẽ.

Thứ hai, tuy là Tào Ngụy và Tôn Quyền không trực tiếp uy hiếp, nhưng Thục Hán vẫn là nước yếu nhất trong ba nước. Trong thời đại cá lớn nuốt cá bé thì kẻ yếu phải cố gắng ra vẻ mình mạnh. *Hậu Xuất sư biểu* nói: “Không đánh giặc thì vương nghiệp sẽ mất. Ngồi chờ mất thì chi bằng cứ đánh”. Có thể Gia Cát Lượng không nói câu đó, nhưng nói vậy là đúng (*Hậu Xuất sư biểu* nghi là giả). Đúng vậy, “lấy yếu làm mạnh để tự bảo vệ” (*Hoa Dương quốc chí. Hậu chủ chí*). Nếu không chủ động tấn công là ngồi yên chờ chết. Hơn nữa trong quá trình tấn công có thể có cơ hội thắng. Vì vậy trong *Độc Thông giám luận* của Vương Phu Chi nói, Gia Cát Lượng Bắc phạt là để “lấy công mà thủ”. Một mặt, thông qua chiến tranh để bảo vệ mình (cũng cố để tồn tại); mặt khác, thông qua chiến tranh hòng tìm cơ hội (lấy tiến để chờ thời). Vương Phu Chi nói, chính từ đây có thể nói, Gia Cát Lượng là người biết nhìn xa trông rộng (công giỏi tính toán là ở chỗ này).

Thứ ba, Gia Cát Lượng là người có lý tưởng và lý tưởng đó không bao giờ thay đổi. Đối với một người có lý tưởng thì một khi có cơ hội, họ sẽ ra sức để thực hiện lý tưởng đó. Vấn đề là ở chỗ, lý tưởng không đổi nhưng tình thế đã biến đổi. Vì vậy, mục tiêu và sách lược cũng phải thay đổi. Tức là, một mặt giơ cao ngọn cờ “phục hưng Hán thất, về lại đô cũ”, giữ vững nguyên tắc “không chung sống với Hán tặc”, không ngừng Bắc phạt; mặt khác, lại phải tuân thủ nhi tiến, biết dừng đúng lúc, thận trọng, từng bước thận trọng, không thể như Quan Vũ làm mất Kinh châu hay như Lưu Bị thất bại nặng nề ở Khiếu Đình.

Muốn yên trong phải quấy ngoài, nước nhỏ cần phải làm ra mạnh, phải giữ vững lý tưởng, cả ba điều đó nói gọn lại là “lấy công để thủ”. Chữ “thủ” là giữ vững chính quyền Thục Hán, là giữ vững tập đoàn Kinh châu và còn là giữ vững đạo đức. Lẽ nào lại có thể nói hết mọi điều phức tạp đó với Ngụy Diên? Nói sao cho rõ ràng? Nói như Vương Phu Chi “công có điều khó nói, không thể nói rõ từng việc với Ngụy Diên”. Gia Cát Lượng biết rõ Ngụy Diên có chí lớn diệt Tào, mong mỗi được lập công (sau này chính Ngụy Diên đã nói “ta muốn lĩnh chư quân đi đánh giặc”). Biết rõ mọi điều thì chắc là Ngụy Diên sẽ phải nhảy lên!

Hơn nữa, Gia Cát Lượng cũng cần có những “phần tử chống Tào” kiên quyết như Ngụy Diên. Luôn có những người biết xông lên trước là điều hay trong việc thực hiện kế hoạch “lấy công để thủ”. Vì vậy, không cần và cũng không thể nói hết mọi chuyện với Ngụy Diên.

Ngụy Diên là “phần tử chống Tào” kiên định nhất, có cùng một lý tưởng chính trị như Gia Cát Lượng, vậy vì sao Gia Cát Lượng còn phải nói “nếu Diên không theo



lệnh, quân cứ xuất phát”? Về điều này, chỉ có thể suy đoán. Theo tôi, có hai nguyên nhân: một là ngăn không được, hai là giữ Thục Hán. Chúng ta đều biết, Ngụy Diên không chỉ là “phần tử chống Tào” kiên định mà còn là người tự thấy mình cao siêu, phi phạm; có thể chỉ có Gia Cát Lượng mới giữ được Ngụy Diên. Về phần mình, Ngụy Diên khẩu phục nhưng tâm không phục Gia Cát Lượng, luôn ca cẩm sau lưng. Vì vậy, Gia Cát Lượng mới nghĩ Ngụy Diên sẽ không theo lệnh, mới đoán Ngụy Diên sẽ tiếp tục Bắc phạt (tiếc rằng Ngụy Diên không như vậy). Ngăn không được thì cứ để cho đi. Vì vậy, Gia Cát Lượng mới không nói “Nếu Diên không theo lệnh thì giết đi” mà nói “Nếu Diên không theo lệnh, thì mặc ông ta”. Điều quan trọng lúc này, đại quân phải về gấp để bảo vệ Thục Hán. Điều này quan trọng hơn việc tiêu diệt Tào Ngụy. Có giữ được Thục Hán, mới nói tới chuyện tiêu diệt Tào Ngụy.

Tiếc thay việc không do người. Gia Cát Lượng mất được 30 năm thì Thục Hán cũng mất nốt. Vì sao Thục Hán diệt vong?

Tập thứ bốn mươi hai: BÁT LỰC, VỀ TRỜI

Công nguyên năm 263, vua tôi Lưu Thiện không đánh mà hàng. Đây là câu đố cuối cùng không có lời giải trong lịch sử Thục Hán. Quang Lộc đại phu Tiều Chu, có chức không quyền, là người có tác dụng quan trọng lúc đó. Vì sao Tiều Chu ra sức chủ trương đầu hàng Tào Ngụy? Vì sao Lưu Thiện phải nghe lời ông ta? Vì sao triều đình Thục Hán còn ít người muốn chống lại, nhiều người đã mất hết ý chí? Đằng sau việc Thục Hán nhanh chóng diệt vong có nguyên nhân chính trị, bối cảnh chính trị nào không?

Ở đây chúng ta nói về sự diệt vong của Thục Hán.

Thục Hán là nước đầu tiên diệt vong trong ba nước, nhiều nhà sử học cảm thấy khó nghĩ. Thứ nhất, các sử gia luôn thấy rằng, Thục Hán là nước có sự trị lý tốt nhất, vì sao lại diệt vong sớm nhất? Thứ hai, đất Thục “vững chắc vì hiểm trở” (lời Đặng Chi trong *Tam quốc chí - Đặng Chi truyện*) không đánh được người khác, chẳng nhẽ lại không giữ được? Thứ ba, từ lúc Tào Ngụy ra quân đến lúc Lưu Thiện đầu hàng, vên vẹn có hai tháng, vì sao Thục Hán mất nước nhanh như vậy? Mọi người lấy làm khó hiểu.

Có điều, khó vẫn chỉ là khó, suy nghĩ vẫn chỉ là suy nghĩ. Kết luận có được gồm bốn điều, Lưu Thiện hôn dung, Hoàng Hạo lộng quyền, Trần Chi loạn chính, Tiều Chu lụy nước. Tất cả đều có chứng cứ. Chúng ta đều biết, tháng tám niên hiệu Cảnh Nguyên thứ IV (Công nguyên năm 263, nửa năm đầu là Thục Hán Cảnh Diệu năm thứ VI, nửa năm sau là Thục Hán Viêm Hưng năm đầu), quân Ngụy xuất phát từ Lạc Dương, quyết định đánh Thục vào tháng năm. Theo *Tam quốc chí - Khương Duy truyện*, sau khi biết tin, Khương Duy dâng biểu lên Lưu Thiện, đề xuất biện pháp bố phòng (năm thứ VI, Duy dâng biểu lên Hậu chủ), mong Lưu Thiện nhanh chóng phái Trương Dực và Liêu



Hoá ra giữ cửa Dương An và đầu cầu Âm Bình “đề phòng trước”. Nào ngờ lúc này Lưu Thiển chỉ nghe Hoàng Hạo. Hoàng Hạo lại tin lời thầy mo. Thầy mo cho hay quân thù sẽ không tới. Hoàng Hạo tin theo và để Lưu Thiển huỷ tờ công văn đó, kết quả là văn võ cả triều không hay biết đại hoạ sắp tới gần (quần thần không biết). Thế là Lưu Thiển hôn dung, Hoàng Hạo lộng quyền!

Hoàng Hạo là ai vậy? Là hoạn quan Lưu Thiển tin tưởng. Mọi người đều biết, một trong những nguyên nhân khiến Đông Hán diệt vong là hoạn quan can dự triều chính. Một bài học không dễ gì quên được. Vì vậy, lúc sinh thời Gia Cát Lượng luôn đề Đồng Doãn, con của Đồng Hoà, là “Tổng quản Đại nội” (lo việc trong cung). Theo *Tam quốc chí - Đồng Doãn truyện*, Gia Cát Lượng cử Đồng Doãn là Thị trung, Hồ Tôn Trung lang tướng, thống soái Túc vệ thân binh và trong *Xuất sư biểu* còn dặn dò Lưu Thiển đề Thiển lưu tâm “nghe rõ mọi việc lớn bé trong cung”. Đồng Doãn không phụ sự kỳ vọng đó, trông nom Lưu Thiển, Hoàng Hạo chặt chẽ (trên thì giúp vua đúng đường, dưới thì quả trách Hoàng Hạo). Kết quả, lúc còn Đồng Doãn, Lưu Thiển và Hoàng Hạo đều không dám bừa bãi.

Vào năm Diên Hi thứ IX (Công nguyên năm 246), Đồng Doãn qua đời, tình hình liền biến đổi. Trần Chi là Thị trung thay thế Đồng Doãn, đã cùng Hoàng Hạo “trong ngoài ăn cánh”, gian dối xảo trá. Trần Chi “trên thừa chỉ vua, dưới được bọn hoạn quan giúp sức”, từ đó, Hoàng Hạo “bắt đầu tham chính, thao túng quyền uy”. Hai người cùng bài xích Khương Duy. Khương Duy lo sợ không dám trở về Thành Đô, mà trốn ở Đạp Trung theo nghề cày cấy (người nói là Cam Túc ngày nay, người nói là Thanh Hải). Một đất nước ra nông nổi đó, lẽ nào lại không mất? Vì vậy, ngoài việc Lưu Thiển hôn dung, Hoàng Hạo lộng quyền khiến Thục Hán diệt vong còn một điều nữa là: Trần Chi loạn chính.

Tất cả đều có lý, nhưng cũng chưa phải hoàn toàn như vậy. Thứ nhất, theo *Hoa Dương quốc chí*, *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện* và chú dẫn *Dị đồng tạp ký* Tôn Thịnh của Bùi Tùng Chi trong *Lượng truyện*, bấy giờ không chỉ có Hoàng Hạo chủ trương triệu Khương Duy về để đoạt lấy binh quyền, còn có Gia Cát Chiêm và Đồng Quyết. Gia Cát Chiêm là con trai Gia Cát Lượng, đã anh dũng hi sinh trong cuộc chiến tranh đó; Đồng Quyết được Gia Cát Lượng coi là “lương sĩ”, đương nhiên cũng không phải là “tiểu nhân” gì. Nhưng họ đều chủ trương triệt tiêu chức vụ đại tướng quân của Khương Duy, đều nhân nhượng với Hoàng Hạo (Đồng Quyết còn theo Lưu Thiển đầu hàng Tào Ngụy). Vì vậy, không thể bàn về đạo đức, cũng không thể đổ mọi chuyện lên đầu Hoàng Hạo. Thứ hai, tuy Hoàng Hạo làm nhỡ việc, nhưng không hề can dự vào việc quân của Khương Duy ở tiền phương, việc đánh trận là do Khương Duy. Lúc chú thích *Tư trị thông giám*, Hồ Tam Tỉnh cho rằng, Khương Duy có trách nhiệm trong việc Thục Hán diệt vong. Đương nhiên, có thể bàn luận thêm, nhưng ít ra cũng thấy vấn đề tương



đổi phức tạp. Thứ ba, Hoàng Hạo chỉ làm nhờ việc, không hề lụy nước, vì Hoàng Hạo không chủ trương đầu hàng. Chủ trương đầu hàng là Tiều Chu. Vì vậy, nhiều người cho rằng, một nguyên nhân khiến Thục Hán diệt vong là do Tiều Chu làm lỡ việc nước.

Có đúng là Tiều Chu làm lỡ việc nước không?

Có lẽ phải nhắc lại tình hình lúc đó. Phần trước đã nói, tháng tám niên hiệu Cảnh Nguyên năm thứ IV (Công nguyên năm 263), quân Ngụy xuất phát từ Lạc Dương. Khoảng tháng mười, quân Đặng Ngải xuất phát từ Âm Bình (nay là huyện Văn, Cam Túc) qua Giang Do (nay là Vũ Bình, Tứ Xuyên), Cẩm Trúc (nay là thị trấn Đức Dương, Tứ Xuyên), đánh thẳng tới huyện Lạc (nay là thị trấn Quảng Hán, Tứ Xuyên). Toàn quân đã đến cổng lớn của Thành Đô. Theo *Tam quốc chí - Tiều Chu truyện*. Lúc này quân thần Thục Hán đã bị Hoàng Hạo dối trá, cho rằng quân Ngụy không đến được ngay (địch không đến được), không chuẩn bị gì (không có kế hoạch giữ thành). Nào ngờ quân của Đặng Ngải đã “đến ngay trước mắt”, ai nấy cuống quýt, cư dân trong thành kinh hoàng thất sắc, tán loạn khắp nơi, không sao cản nổi (trăm họ nhiễu loạn, khắp đồng, khắp núi, không cấm đoán nổi). Lưu Thiện mở hội quân thần, tất cả “không có kế sách”. Một phe chủ trương “chạy sang Ngô”, vì Đông Ngô là liên minh bằng hữu (Thục và Ngô, hai nước hoà hảo), có thể họ thu nhận mình; một phe chủ trương “chạy về nam”, vì “bảy quận ở phía nam, địa thế, dễ dàng giữ yên”, hoặc có thể tránh đi một thời. Cuối cùng, nên “chạy sang Ngô” hay “chạy về nam”, cả triều bàn luận sôi nổi, nhưng không thống nhất được.

Lúc này, Tiều Chu lên tiếng.

Tiều Chu không đồng ý “chạy sang Ngô” cũng không chủ trương “chạy về nam”. Vì sao không nên “chạy sang Ngô”? Tiều Chu nói, từ xưa không có chuyện sang nước khác, đến với một hoàng đế khác, gửi mình dưới trướng họ, còn có thể làm thiên tử ư? (thiên tử không gửi thân ở nước khác). Vì vậy, hoàng thượng của chúng ta sang bên Ngô, chỉ có thể xưng thần (nếu sang Ngô chỉ là thần phục). Đã xưng thần, sao lại không chọn nước lớn mà chọn nước nhỏ (là xưng thần nhỏ, to sao được?). Vả quy luật đấu tranh chính trị, xưa nay vẫn là nước lớn nuốt nước bé (chính lý là thế, lớn nuốt bé, tự nhiên là vậy). Rồi sẽ thấy, nước Ngụy có thể nuốt nước Ngô, nước Ngô không thể nuốt nước Ngụy, đó là điều chắc chắn (Ngụy có thể nuốt Ngô, Ngô không thể nuốt Ngụy, rõ là vậy). Tới lúc đó, chúng ta sẽ phải hàng lần nữa chăng? Nếu nói đầu hàng là nhục, vậy, chịu nhục hai lần, so với một lần, cái nào đỡ nhục hơn (nhục một lần nữa sao bằng nhục một lần)? Vì vậy, không thể “chạy sang Ngô”.

Còn như “chạy về nam”, Tiều Chu nói, không thể nói là không được, nhưng cần phải chuẩn bị (kế hoạch từ trước, sau đó mới thực hiện). Lúc này, quân địch sẽ nhanh chóng đến dưới thành (đại địch đã gần kề), họa lớn sẽ lập tức rơi xuống đầu chúng ta



(hoạ bại đến gần). Số binh sĩ ít ỏi kia, số quan dân nhỏ nhoi kia, không còn ai có thể tin tưởng được (liệu còn tin được số người ít ỏi kia, dù chỉ là một). Chỉ sợ chúng ta ra tới cửa chúng đã ra tay (e chúng sẽ ra tay, biến đổi khôn lường), làm gì còn xuống được miền Nam (liệu có xuống nam được không)?

Quân thần Lưu Thiện không một ai phản đối mở lý luận trên của Tiêu Chu. Cá biệt có người lên tiếng hỏi, lúc này Đặng Ngải đã sắp tới Thành Đô, e sẽ không cho chúng ta hàng, làm gì bây giờ (e không nhận hàng, làm sao đây)? Tiêu Chu nói, lúc này Đông Ngô chưa thuận phục, nhất định Đặng Ngải sẽ nhận hàng, không thể không nhận. Sau khi nhận hàng, không thể không gặp chúng ta. Nếu nước Ngụy không phong đất, tước vị cho bệ hạ, Tiêu Chu này sẽ đến kinh sư tranh đấu theo lý theo lẽ (Chu tự đến kinh đô, tranh đấu theo cổ nghĩa). Kết quả, quân thần Lưu Thiện đều phải yên lặng (mọi người không thay đổi được ý của Chu). Lưu Thiện vẫn còn do dự, có ý muốn chạy về nam. Thế là Tiêu Chu lại có sớ lên Lưu Thiện nói, đừng bao giờ đến miền Nam. Các dân tộc thiểu số ở đó vốn đã không phục (còn thù hận nữa), thấy ta “cùng quẫn” tất sẽ làm phản. Lưu Thiện không nghĩ ngợi gì nữa.

Đã không thể “chạy sang Ngô”, cũng không thể “chạy về nam”, cách duy nhất là đầu hàng. Rõ ràng, Tiêu Chu can hệ lớn đến việc Lưu Thiện đầu hàng. Còn có thể nói, Tiêu Chu đã khuyên Lưu Thiện đầu hàng. Như lời Trần Thọ, cả nhà Lưu Thiện bình an vô sự (Lưu thị hết sợ), trăm họ Thục Hán khỏi cảnh chiến loạn (cả nước yên ổn), đều do mưu kế của Tiêu Chu (do kế của Chu).

Trên đây là cách nói công khai chính diện. Là thần tử của Tây Tấn và là học trò của Tiêu Chu, Trần Thọ chỉ nói được như vậy. Nhưng những người khác với lập trường đó lại nói Tiêu Chu là tên “giặc đầu trò bán nước”. Vì vậy, họ lên tiếng xỉ vả Tiêu Chu là “lụy nước”, là “vô sỉ”, là “tiểu nhân ti tiện”. Những lời xỉ vả đó còn lưu lại trong lịch sử, mãi mãi văng vẳng bên tai. Tiêu Chu đời đời là “cây cột sỉ nhục trong lịch sử”.

Có lẽ cũng nên bàn bạc thêm. Thứ nhất, lúc đó triều đình đang bàn xem chính quyền Thục Hán nên đi đâu, làm gì, quân thần Lưu Thiện đã mất hết ý chí chiến đấu. Cái khác giữa họ và Tiêu Chu là, mọi người chủ trương chạy, Tiêu Chu chủ trương hàng. Thậm chí mọi người cũng không phản đối hàng, ngại là hàng không được (sợ không nhận hàng thì làm sao). Sau đó, Tiêu Chu vỗ ngực đảm bảo, mọi người không biết nói gì thêm. Rõ ràng, nếu không có Tiêu Chu thì e họ cũng sẽ hàng. Thứ hai, lời nói của Tiêu Chu tuy là “lí luận đầu hàng”, nhưng không thể coi là “lí luận bán nước”. Và dù có là “lí luận bán nước” thì cũng không thể coi là “một phái nói năng lung tung”. Trên thực tế, Tiêu Chu nói nhiều câu rất có lý, như “tâm tư của số người ít ỏi đó, không tin được”, miền Nam vẫn là “người có hại cho nước”, “tất lại phản loạn”. Điều là sự thực. Thứ ba, cứ coi Tiêu Chu là “bán nước” nhưng chắc gì đã là “tiểu nhân”. Vì lúc đó, trên “ba nước” còn là “thiên hạ”. Cuối cùng thì thiên hạ là quy về một mối. Trong quá



trình thống nhất thiên hạ, người đầu hàng lẽ nào là thiếu số, bao hàm cả Đồng Quyết, người được Gia Cát Lượng coi là “lương sĩ”. Nếu đều bị coi là “giặc bán nước” thì e diện đả kích sẽ quá rộng?

Thực tế thì Tiều Chu cũng không phải là “tiểu nhân” gì. Từ *Tam quốc chí - Tiều Chu truyện*, chúng ta biết, Tiều Chu mồ côi, sống cùng mẹ và anh trai, lúc trưởng thành say mê sách cổ, chuyên tâm học hành (tìm học sách cổ), cuối cùng trở nên vô cùng uyên thâm, *Tam quốc chí - Đổng Quỳnh truyện* gọi Tiều Chu là “thông Nho”. Đương nhiên, học vấn tốt không có nghĩa là nhân phẩm tốt. Chúng ta từng thấy vô khối người học vấn rất tốt nhưng nhân phẩm lại rất kém. Nhưng Tiều Chu thì không thế. Tiều Chu không chỉ không có gì gọi là “bất lương”, ngược lại có nhiều điểm đáng ca ngợi. Ví như gia cảnh có phần nghèo khổ, nhưng không hề ảnh hưởng tới lòng say mê học thuật, trong truyện nói là “nhà nghèo, không màng tới sản nghiệp, mãi đọc điển tịch, cười vui một mình, quên lúc nóng lạnh”. Một người an bần lạc đạo như vậy, giống tiểu nhân chăng? Lại như nói, con người Tiều Chu trông không có dáng, nói năng cứ thẳng tuột (thể mạo bình thường, nói thực không màu mè). Vì vậy, lần đầu gặp Gia Cát Lượng, mọi người đều cười Tiều Chu. Lời chú dẫn *Thực ký* của Bùi Tùng Chi nói, quan chấp pháp lúc đó, yêu cầu xử lý số người cười Tiều Chu. Gia Cát Lượng nói, thôi thôi, ta cũng không nhin được huống hồ người khác (ta cũng không nhin được, trách gì tả, hữu)! Nhưng, lúc Gia Cát Lượng bệnh và qua đời thì Tiều Chu là người đầu tiên chạy ra tiền tuyến lo việc tang lễ. Điều này, giống tiểu nhân chăng? Lại như, sau khi Gia Cát Lượng qua đời, Lưu Thiện thường ra ngao du ngắm cảnh, còn tăng thêm người trong ban hát cung đình. Lúc đó, là quan ở chỗ thái tử, Tiều Chu đã dâng sớ can gián, mong Lưu Thiện “trên theo những việc làm của tiên đế, dưới làm gương tiết kiệm cho con cháu”. Lại giống như tiểu nhân chăng?

Đã không phải là tiểu nhân thì sao có thể bảo Tiều Chu là kẻ “bán nước”? Chỉ có thể giải thích là, Tiều Chu cho rằng “nước” này đáng “bán” rồi. Hoặc nói, Tiều Chu cho rằng Thục Hán nên mất từ lâu và mong cho Thục Hán diệt vong. Vì sao Thục Hán nên mất? Vì thiên hạ cần phải thống nhất, tất sẽ thống nhất. Cũng theo Tiều Chu, người có thể thống nhất được thiên hạ là Tào Ngụy, không phải Thục Hán mà là Tào Ngụy. Tào Ngụy thay Hán “quy về một mối theo mệnh trời”.

Có căn cứ gì để nói như vậy? Có. Căn cứ có trong *Đổng Quỳnh truyện* của *Tam quốc chí*. Đổng Quỳnh học vấn uyên bác, là tiền bối của Tiều Chu, Tiều Chu thường đến học hỏi. Một lần, Tiều Chu đến hỏi câu “Thay nhà Hán ấy là chỗ cao ở giữa đường”, “Thay nhà Hán ấy là chỗ cao ở giữa đường” là câu ca dao chính trị cuối thời Đông Hán. Có ý nói, Đại Hán rồi phải thay, nhất định là đại lộ thênh thang, cao ráo và hùng vĩ. Câu nói nhanh chóng lan truyền và được Viên Thuật lợi dụng. Vì Viên Thuật tự là “Công lộ”. Dưới con mắt Viên Thuật thì công lộ “là chỗ cao giữa đường”. Nhưng Viên Thuật



không làm nên chuyện. Vì vậy phải giải thích lại, mới mẻ hơn, thế nào là “chỗ cao giữa đường”. Giới học thuật ở Ích châu đã giải thích, “chỗ cao giữa đường” tức là Ngụy.

Chu Thư, người học vấn uyên bác ở Ích châu, từ lâu đã có lời giải thích mới mẻ như vậy. Câu nói lưu truyền ra khắp đất Thục. *Tam quốc chí - Chu Quần truyện* nói: “bọn học giả hương đảng tư truyền lời đó”. Nhưng Chu Thư chỉ nói: “cao giữa đường tức là Ngụy”, không giải thích vì sao là Ngụy. Tiều Chu đến hỏi Đỗ Quỳnh. Đỗ Quỳnh nói, ý nghĩa không hề đơn giản? Ngụy là tên của Khuyết (tên Ngụy là khuyết)! Cần phải giải thích thêm, ngoài cửa cung hai bên đường các chư hầu, thiên tử xưa thường có kiến trúc cao to, gọi là “khuyết” hay là “quan”. Vì có hình khối cao to, khôi vĩ, nguy nga đồ sộ nên gọi là “ngụy” hay “ngụy khuyết”. Hai bên ngụy khuyết là nơi treo chính lệnh, nên còn gọi là “tượng ngụy”. Vì vậy ngụy khuyết hay tượng ngụy còn là tên gọi thay chữ triều đình. Như thiên “nuông vua” trong “Trang Tử” nói tới những người sống trong dân gian nhưng không hề quên triều đình, “thân tại giang hải, lòng vẫn ở ngụy khuyết”. Ngụy khuyết hoặc tượng ngụy là đường chính, cao to và khôi vĩ, lẽ nào lại không phải là “chỗ cao giữ đường”? Đỗ Quỳnh giải thích cho Tiều Chu là vậy (ngụy tên là khuyết, như vậy là chỗ cao giữa đường). Đỗ Quỳnh nói thêm, đó là cách nói ẩn dụ của các bậc tiên hiền (thánh nhân nói đại thể là vậy)!

Nghe Đỗ Quỳnh nói xong, Tiều Chu còn do dự nhiều. Đỗ Quỳnh lại hỏi, vẫn còn điều gì đó lạ lùng chẳng? Tiều Chu nói, học trò vẫn chưa thật hiểu. Đỗ Quỳnh nói, còn gì chưa rõ! Nghĩ xem, quan phủ, quan viên thời cổ đều gọi là “Tào” phải không? Sau thời Hán thì sao? Đều gọi là “Tào”. Cần phải giải thích thêm, theo chế độ thời Hán, chỗ ở của hoàng đế gọi là cung, thuộc quyền là thượng (như thượng thư); nơi tể tướng ở gọi là phủ, thuộc quyền là Tào (như đông Tào, tây tào). Được gọi là hoàng cung tướng phủ, cung thượng phủ tào. Phủ tức là chính phủ. Nơi chính phủ làm việc gọi là “tào”, trưởng quan của tào gọi là “tào duyên”, lại viên là “thuộc tào”, quân cần vụ là “thị tào”. Như lời Đỗ Quỳnh thì “tên quan đều là tào, lại là thuộc tào, tốt là thị tào”. Chữ “tào” ở đây đương nhiên không phải là “tào” trong Tào Tháo. Nhưng sao lại có điều trùng hợp như vậy? Đỗ Quỳnh bảo đó là ý trời (ý trời vậy)! Theo Đỗ Quỳnh thì, thuộc tào, thị tào đều thuộc Tào thị, phải hầu hạ Tào thị. Vừa là “thuộc tào”, “thị tào”, vừa “là chỗ cao giữa đường”. Tiều Chu liền hiểu là: Trời xanh muốn Tào Ngụy phải thống nhất thiên hạ!

Thế rồi Tiều Chu bắt đầu lan truyền những câu nói đại loại như vậy, còn đưa cả tên cha con Lưu Bị vào truyện. Tiều Chu nói, Tiên đế của chúng ta gọi là gì? Là Bị. Bị có ý gì? Là sẵn sàng. Nói rõ hơn, là “đầy đủ rồi”. Nay thánh thượng tên là gì? Thiên. Thiên có ý gì? Là thiên nuông. Nói rõ hơn, tức là “nuông đi thôi”!

Điều sau đây mới đáng nói, một năm trước lúc nước Thục diệt vong, niên hiệu Cảnh Diệu thứ V (Công nguyên năm 262), cây đại thụ trước cung Lưu Thiên vô cớ bị gãy, Tiều Chu liền viết biểu ngữ phản động” lên cột, nói là “chúng to lớn, hạn đã tới, đủ



thì nhường, còn gì nữa”. Câu nói trước Trần Thọ giải thích, chúng là Tào, vì Tào có ý là quân. Ý nghĩa của chúng nói trong Quảng vận, hào vận là: “Tào, chúng cũng là quân vậy”. Lớn tức là nguy, bởi vì “nguy” giống như “nguy” (trong nguy nga), đều có nghĩa là to lớn. Đủ tức là sẵn sàng, cụ bị, cũng tức là Lưu Bị. Nhường, tức là thiên nhường, cũng tức là Lưu Thiện. Vì vậy, “chúng to lớn, hạn đã tới”, tức là nói, Tào Ngụy hồi Tào Ngụy, đã đông đúc lại to lớn, thiên hạ mong muốn được tụ tập về đó. Còn “đủ thì nhường, còn gì nữa”, tức là nói, Thục Hán ơi Thục Hán đã đủ rồi thì chuẩn bị nhường đi, làm gì còn có “người sau này”?

Đó là suy nghĩ và lời nói của Tiều Chu, cũng là nguyên nhân để sau này Tiều Chu “bán” nước Thục chủ trương đầu hàng. Rõ ràng, Tiều Chu “bán nước” không phải là vấn đề phẩm chất đạo đức, là vấn đề lập trường chính trị. Nói rõ ra, Tiều Chu muốn ủng hộ Tào Ngụy, phản đối Thục Hán. Không nghi ngờ gì, Chu Thư cũng vậy, Đỗ Quỳnh cũng vậy, kể cả Tiều Chu, đều phụ họa theo thế nói mạnh đoạt lý, giả thần giả quỷ. Nhưng, thứ nhất, thời đó đang hứng chuyện này; thứ hai, người người đều thích chuyện này. *Tam quốc chí - Đỗ Quỳnh truyện* nói, sau lúc Thục Hán diệt vong, mọi người đều nói Tiều Chu suy đoán rất chuẩn (lời Chu thực nghiệm). Kỳ thực có gì là chuẩn, chỉ là số người đó đều mong Tào Ngụy thắng lợi, Thục Hán diệt vong.

Vậy, Thục Hán đã mang tội gì với họ?

Có tới bốn điểm.

Thứ nhất, “chia lợi không đều”. Nếu biết những người phản đối Thục Hán là ai thì dễ dàng hiểu được điều này. Chu Thư người Lăng Trung, Ba Tây; Đỗ Quỳnh người Thành Đô, Thục quận; Tiều Chu người Tây Sung, Ba Tây, những người đã “loan tin phản động”. Ngoài ra còn có Bành Dạng từng tính chuyện sai trái, bị Gia Cát Lượng giết; Trương Dục người Thục quận, từng khăng định tướng Đông Hán chết, Lưu Bị để mất Kinh châu, về sau bị Lưu Bị giết; Đỗ Vi người Phù huyện, Tử Đông, thời kỳ Lưu Bị đã giả câm giả điếc “đóng cửa không ra ngoài”, khó khăn lắm Gia Cát Lượng mới mời xuống núi, nhưng sau lại “cáo bệnh cũ xin về”. Rất rõ ràng, đều là những người ở Ích châu.

Lại xem những người được Lưu Bị, Gia Cát Lượng tín nhiệm và trọng dụng, ngoài Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu, Hoàng Trung, Triệu Vân còn có Bàn Thống người Tương Dương, Kinh châu; Pháp Chính người huyện Mi, Phù Phong; Hứa Tĩnh người Bình Hưng, Nhữ Nam; Mi Trúc người huyện Cừ, Đông Hải; Đồng Hoà người Chi Giang, Nam quận; Ngụy Diên người Nghĩa Dương, Kinh châu; Dương Nghi người Tương Dương, Kinh châu; Mã Tắc người Nghi Thành, Tương Dương; Tưởng Uyển người Tương Hương, Linh Lăng; Phí Y người huyện Minh, Giang Hạ; Khương Duy người huyện Ký, Thiên Thủy. Trong số này có người thuộc tập đoàn Kinh châu, có



người thuộc tập đoàn Đông châu, đều không phải là người của Ích châu. Đương nhiên cũng có người ở Ích châu được tín nhiệm, như là Phí Thi người Nam An, Kiên Vi; Hoàng Quyền người Lăng Trung, Ba Tây; Vương Bình người Đãng Cừ, Ba Tây. Có điều, họ được tín nhiệm nhưng bị đánh giá thấp hoặc trước đó không được tín nhiệm (như Vương Bình) hoặc lại mất tín nhiệm (như Hoàng Quyền) hoặc giữa chừng có vấn đề (như Phí Thi).

Bình tĩnh mà xét, không phải Gia Cát Lượng không thấy vấn đề hoặc không làm gì cả. Chính Gia Cát Lượng đã cất nhắc Dương Hồng người Vũ Dương, Kiên Vi. Theo *Tam quốc chí - Dương Hồng truyện*, bấy giờ Lý Nghiêm là thái thú ở Kiên Vi, Dương Hồng là thuộc hạ làm công tào (biện sự viên). Vì phản đối quận chính quyền dọn nhà nên Dương Hồng chia tay với Lý Nghiêm, đến Thành Đô và được Gia Cát Lượng phát hiện là nhân tài. Kết quả, Lý Nghiêm vẫn ở Kiên Vi, Dương Hồng đã là thái thú Thục quận (Nghiêm chưa đi khỏi Kiên Vi, Hồng đã lên Thục quận). Dương Hồng cất nhắc môn hạ là Hà Chi (nhân viên sao chép văn thư), sau mấy năm người này đã là Quảng Hán thái thú, lúc này Dương Hồng vẫn là thái thú Thục quận (Hồng vẫn ở Thục quận). Vì vậy, nhân sĩ ở Ích châu lúc đó phục Gia Cát Lượng biết tận dụng tài năng của từng người. Ngoài ra còn một số nhân sĩ ở Ích châu cũng được Gia Cát Lượng tín nhiệm, trọng dụng, và họ cũng hết sức kính trọng phục tào Gia Cát Lượng, như Trương Duệ người Thành Đô, Thục quận...

Có điều, những cố gắng đó vẫn chưa đủ để giải quyết vấn đề một cách cơ bản, và cũng chưa đủ để thay đổi đường lối tổ chức định sẵn của Lưu Bị (Kinh châu số một, Đông châu số hai, Ích châu số ba), càng không thể xoá bỏ được sự ghen tị của tập đoàn Ích châu. Họ tính sổ rất rõ ràng: quả trứng dù có to đến mấy mà nhiều người ăn, thì đến miệng cũng không được bao nhiêu, huống hồ “phân lợi lại không đều”! Dưới thời Lưu Chương, họ là “thần dân loại hai”. Lưu Bị vừa đến, họ đã biến thành “loại ba”, bằng lòng sao được? Chi bằng cứ để Tào Ngụy thống trị.

Vậy thì Tào Ngụy đã đến và tập đoàn Ích châu không thể biến thành “thần dân loại bốn”? Không thể. Vì Tào Ngụy muốn đoạt thiên hạ, không phải chiếm Ích châu để làm vua. Hơn nữa, sau khi thay thế, Tào Phi thực hiện “chế độ cử phẩm trung chính”, tức là danh lưu các nơi tự đảm nhiệm “quan trung chính” của quận, phụ trách tiến cử các nhân sĩ tại chỗ. Sĩ tộc Ích châu được lợi. Quả nhiên, sau khi diệt Thục, Tư Mã Chiêu và tập đoàn Đông châu về Trung Nguyên, thực hiện “người Thục trị Thục”. Lúc này tập đoàn Ích châu mới cảm thấy họ phản đối Thục Hán là rất đúng.

Thứ hai, “Trị Thục quá nghiêm”. Mọi người đều biết, Gia Cát Lượng chấp chính, thực hiện trị nước theo phép, hành lệnh nghiêm chỉnh, chấp pháp như sơn. Làm thế là đúng, nhưng không tránh khỏi có một số người bất mãn. Theo chú dẫn *Thục ký* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện* có câu: “Lượng hình pháp gay



gắt, hà khắc với bách tính, từ quân tử đến tiểu nhân mang bụng oán than”. Rất nhiều người không tán thành cách nói này. Vì một là, Bùi Tùng Chi cho rằng số liệu này là không thực, cách nói của Bùi Tùng Chi là “chưa nghe nói thiện chính lại khắc nghiệt”. Hai là, Trần Thọ nói khác, trong lời bình *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện*, ông nói: “Hình chính tuy nghiêm nhưng không người oán”, rõ ràng là mâu thuẫn. Trong tình trạng đó, chúng ta tin chính sử, không tin dã sử, tức là “người Thục không oán”.

Theo tôi, hai cách nói trên không mâu thuẫn. Vì Gia Cát Lượng trị Thục tuy “nghiêm”, nhưng cơ bản của “nghiêm” là công bằng (đương nhiên, cũng có lúc chưa công bằng, như giết nhảm Thường Phòng, hào tộc Ích châu. (Bùi Tùng Chi cho là “giết nhảm người vô tội”). Gia Cát Lượng công bằng nên được lòng dân. Trần Thọ giải thích về điều này nói, vì sao Gia Cát Lượng “Hình chính tuy nghiêm nhưng không có người oán than”? Bởi vì Gia Cát Lượng “dụng tâm bình, khuyên giới minh”. Bình, tức là công chính; minh, tức là công khai. Đã công chính lại công khai, tức là công bằng. Có điều, công bằng không có nghĩa là không nghiêm (thực tế thì Trần Thọ cũng thừa nhận là “nghiêm”). Vì vậy, dân chúng không oán vì không công bằng nhưng vẫn oán vì quá nghiêm (từ quân tử đến tiểu nhân đều mang lòng oán than). Cũng vì vậy mới thấy cách nói trong *Tam quốc chí* trong *Thục ký* là đúng.

Thứ ba là “chiến sự quá nhiều”. Gia Cát Lượng “mấy lần ra Kỳ Sơn”, Khương Duy “chín lần đánh Trung Nguyên”, đều là những việc tập đoàn Ích châu phản đối, Tiều Chu đã phát biểu *Thù quốc luận*. Ở đây Tiều Chu chỉ rõ, lúc này không phải là cuối triều Tàn (không phải lúc hỗn loạn như cuối Tàn) mà là thời đầu của Chiến Quốc (sáu nước cùng chung sống). Vì vậy, chúng ta không thể là Hán Cao Tổ, nhiều lắm cũng chỉ là Chu Văn vương (được là Văn vương, khó là Hán tổ). Nếu không thức thời độ thế, cứ lo cùng binh độc võ (lấy võ tham chiến), thế tất sẽ đổ vỡ (như đất lở), thần tiên cũng không thể cứu kịp (người có trí cũng đành bó tay)!

Đây là bản tuyên ngôn phản chiến đầu tiên. Tiều Chu đại diện tập đoàn Ích châu biểu lộ bất mãn mạnh mẽ đối với Gia Cát Lượng, Khương Duy không tự lượng sức, gây chiến liên miên và cũng là lời phản đối công khai của tập đoàn Ích châu với nhà đương cục Thục Hán. Thực kỳ lạ, Tiều Chu không những không bị xử lý, mà về sau quan tới nhất phẩm, trở thành Quang Lộc đại phu, chức dưới Cữu Khanh. Từ đây cho hay, luận điệu của Tiều Chu đã có đất sống, nhiều người trong triều cũng ngầm ngầm tán thưởng.

Thứ tư, “dân chúng khổ ải”. Đúng như lời trong *Tam quốc chí - Tiều Chu truyện*, “quân ra mấy lần”, kết quả tất nhiên là “trăm họ tiều tụy”, vì chiến tranh cần chi rất nhiều tiền. Tiền đó không xuống từ trời mà ra từ đất, là mồ hôi, nước mắt của trăm họ. Theo chú dẫn *Thục ký* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Hậu chủ truyện*, lúc Lưu Thiện đầu hàng, dân Thục có 28 vạn hộ, gần 94 vạn nhân khẩu, có 10 vạn 2 ngàn quân,



4 vạn viên quan. Như vậy, bình quân cứ 9 người dân phải nuôi một binh sĩ, cứ 7 hộ phải cung phụng một viên quan. Điều đó thực quá nặng đối với dân Thục!

Đương nhiên, do Gia Cát Lượng luôn là mẫu mực, nên quan viên Thục Hán nói chung là liêm khiết. Nếu không thì chính quyền đó đã đổ từ lâu rồi. Nhưng, phải nhớ rằng, điều mà người dân quan tâm là no bụng. Xem ra, nhà đương cục Thục Hán không làm được điều này. Theo chú dẫn *Hán Tấn Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí – Tiết Tống truyện*, Tiết Hứa sang sứ nước Thục thời đó, trở về nói với Tôn Quyền, xem ra nước Thục sẽ chẳng còn được bao lâu nữa. Là vì sao? Trong triều không còn nghe lời nói thẳng (vào triều không nghe chính ngôn), ra đồng không thấy sắc mặt khoẻ mạnh (dân ngoài đồng sắc mặt xanh như tàu lá). Đúng, một đất nước như vậy, lý nào lại không mất? Dù Gia Cát Lượng có sống lại cũng phải bó tay!

Vì vậy khi Đặng Ngải và Chung Hội vừa xuất quân đã có người tên là Trương Để đoán chắc rằng Thục Hán sẽ diệt vong. Lí do một là, đương cục cùng binh tham võ (tham võ vờn giặc), dân chúng thì khổ sở vô cùng (dân cùng quân kiệt). Trong lời chú dẫn *Tương Dương ký* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Tôn Hạo truyện* và trong *Tư trị thông giám* có ghi lời nói của Trương Để. Trương Để và Tiết Hứa đều là người Ngô, họ đoán Thục Hán sẽ mất, quả nhiên là mất. Vậy, Đông Ngô của họ sẽ thế nào?

Tập thứ bốn mươi ba: MÂY GIÓ GẶP NHAU

Giống như Lưu Bị sáng lập nên Thục Hán, cha con Tôn Kiên, Tôn Sách dựng nên một chính quyền ngoại lại, còn chưa vững trên đất Giang Đông. Lúc trong ngoài còn phức tạp, nguy cơ bốn phía, Tôn Quyền đã phải thay thế cầm quyền khi mới mười tám tuổi. Tôn Quyền không chỉ đứng vững bằng đôi chân của mình, còn phát triển “bá nghiệp” của cha, anh thành “đế nghiệp”, cùng Tào Ngụy, Thục Hán thành thế chân vạc. Vậy Tôn Quyền đã vượt qua khó khăn như thế nào, đã thành công ra sao đây?

Chúng ta hãy quay lại nhìn về phía Đông Ngô.

Tôn Quyền là chủ Đông Ngô, con đường của Tôn Quyền không hề bằng phẳng.

Chúng ta đều biết, vào năm Kiến An thứ V (Công nguyên năm 200), Tôn Quyền tiếp nhận quyền lực và cơ nghiệp của cha, anh. Theo *Tư trị thông giám khảo dị* có thể là vào ngày mùng bốn tháng tư. Lúc này Tôn Quyền mới mười tám tuổi, theo lễ “đội mũ ở tuổi hai mươi” còn “vị thành niên”. Con người “vị thành niên” đó có nhiều nét đặc biệt, từ nhỏ đã theo anh cả Tôn Sách Nam chinh Bắc chiến, mười lăm tuổi là huyện trưởng huyện Dương Tiễn (nay là Nghi Hưng, Giang Tô). Theo biên chế quan chức thời Hán, huyện có nhân khẩu trên vạn hộ thì trưởng quan là huyện lệnh huyện chưa đủ vạn hộ thì trưởng quan gọi là huyện trưởng. Dương Tiễn tuy là huyện nhỏ, nhưng huyện trưởng lại là trưởng quan. Có điều, Tôn Quyền mới mười tám tuổi đã làm huyện trưởng,



rõ ràng ở phía sau có Tôn Sách, một chỗ dựa vững chắc. Lúc này Tôn Sách đã mất, như trời long đất lở. Mới mười tám tuổi, Tôn Quyền đã phải nhận một gánh nặng, thực không dễ dàng chút nào. Có người nói, Tôn Sách lên ngôi thay cha lúc mười bảy, mười tám tuổi (chưa rõ Tôn Kiên mất vào năm nào, xem *Tự Trị thông giám khảo dị*). Tôn Sách có thể thay thế, sao Tôn Quyền lại không? Lý lẽ thật đơn giản. Sau lúc Tôn Kiên tạ thế, quân đội vào tay Viên Thuật, Tôn Sách không còn gì. Tôn Quyền tiếp nhận một chính quyền cát cứ một vùng có quy mô. Tôn Sách tay trắng dựng nghiệp, gánh nặng tâm lý nhỏ hơn. Tôn Quyền tiếp tục phát triển, gánh nặng tâm lý có phần lớn hơn. Chưa nói tới cái khác, chỉ riêng việc có điều khiển được các cự thần lão tướng của Tôn Sách hay không, đã thành một vấn đề.

Tình hình lúc Tôn Quyền thay thế cũng không tốt. Ở cuối thiên *Tam quốc chí - Tôn Sách truyện*, có mấy lời của Tôn Thịnh, miêu tả chính xác chính quyền lúc Tôn Quyền tiếp nhận, “nghiệp không có tích đức cơ bản, bang không có cơ sở vững chắc”. Có chứng cứ về mấy điều đó. *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện*, nói rất rõ, lúc bấy giờ tập đoàn Tôn thị chỉ khống chế được năm quận ở Giang Đông: Cối Kê, Ngô quận, Đan Dương, Dự Chương, Lư Lăng và ngay cả ở những vùng này, số “sơn tặc” lánh mình nơi thâm sơn cùng cốc vẫn chưa thần phục (mấy nơi hiểm sâu chưa thần phục hết); số đại tộc thế gia rải rác khắp nơi (anh hào thiên hạ tại các châu, quận) cùng các nhân sĩ từ phương bắc đến lánh nạn, chỉ lo tới việc an nguy của mình (các nhân sĩ nhờ vậy chỉ lo việc an nguy) đều chưa coi anh em Ngô thị là vua chúa của mình (chưa có quan hệ quân thần bền chặt). Lời chú dẫn *Ngô thư* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Trương Chiêu truyện* cũng nói, Tôn Sách vừa tạ thế (một khi nghiêng ngả), vùng Giang Đông có cơ tan vỡ (sĩ dân khốn đốn, mỗi người một ý). Theo chú dẫn *Giang biểu truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện*, Lý Thuật thái thú Lư Giang khi đó còn làm phản. Sau khi Tôn Sách qua đời, Lý Thuật không những không thần phục Tôn Quyền (sau khi Sách mất, Thuật không làm việc với Quyền), còn chiêu hàng nạp phản, luôn chứa chấp những kẻ muốn phản lại Tôn Quyền (nhận lũ muốn phản). Như vậy, chẳng phải là “bang cơ sở không vững” sao? Bấy giờ, Tôn Quyền mới mười tám tuổi, khác gì đang ngồi trong chảo nóng.

Vì sao sự thế lại như vậy? Vì sao Tôn Sách vừa mất, vùng Giang Đông “sĩ dân khốn đốn, mỗi người một ý”? *Ngô thư* nói, chính quyền Tôn Sách xây dựng còn mới (ngày chưa nhiều), ân huệ tưới rải chưa sâu, khắp (ân trạch chưa khắp). Chưa nên tin vào mấy lời đó. Tác giả *Ngô thư* là Vi Diệu, thái sử lệnh nước Ngô đương nhiên là phải che đậy cho Tôn Sách. Nguyên nhân cơ bản là “bang không có cơ sở vững chắc” “nghiệp không có tích đức cơ bản”. Vì sao vậy? Bởi vì cái mà Tôn Sách xây dựng cũng giống như Thục Hán do Lưu Bị sáng lập, đều là chính quyền xây dựng bằng vũ lực, bao gồm nhiều người từ ngoài đến. Có người nói, Tôn thị vốn là người Ngô, người Ngô xây dựng chính quyền Ngô, đương nhiên là “chính quyền người Ngô”. Lời nói như đúng mà sai,



thực ra không phải thế. Thứ nhất, Tôn gia tuy là người Ngô nhưng không phải là sĩ tộc, là hàn tộc. Nói như Trần Thọ là “cô vi phát tích”. Thứ hai, nơi Tôn Kiên phát tích không phải là Giang Đông (“Giang Nam” ngày nay), quân chủ lực cũng không phải “con em Giang Đông”, đều là “tinh binh Hoài, Tứ” chiêu mộ thành. Thứ ba, Tôn Kiên là bộ hạ của Viên Thuật và Viên Thuật có ác danh là “nghịch thần”, thế lực lại ở “Giang Tây” (nay là “Giang Bắc”). Viên Thuật là người “Giang Tây”, Tôn Kiên là bộ hạ của Viên Thuật đương nhiên cũng là người Giang Tây. Sĩ tộc Giang Đông không thừa nhận Viên Thuật - “giặc lớn của đất nước”, người ở “Giang Tây Dương châu”, thì đương nhiên cũng không thừa nhận Tôn Sách là “người của mình”. Vì vậy, khi Tôn Sách đưa tàn quân của Tôn Kiên sang sông, người Giang Đông không thừa nhận họ đã “về nhà” mà nói Tôn Sách “thâm nhập”. Đúng như lời ngài Diên Dư Khánh nói trong *Con đường dựng nước của Tôn Ngô*, khắp Giang Đông, đâu đâu Tôn Sách cũng nghe những lời ác ý.

Không được hoan nghênh thì Tôn Sách rắn đe bằng chết chóc. Theo chú dẫn *Phó tử* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện* nói, Tôn Sách “giết các danh hào, uy tới nước láng giềng”; chú dẫn *Cối Kê điển lục* của Bùi Tùng Chi trong *Tôn Thiệu truyện* nói, Tôn Sách “bình định Ngô Cối, giết các anh hào” (Ngô Cối tức là Ngô quận, Cối Kê quận), *Quách gia truyện* nói, Tôn Sách “giết các anh hùng hào kiệt, để được người khác liềm mạng cho mình”, có thể thấy người bị giết là loại người nào. Điều này khiến cả Giang Đông chấn động, các nước láng giềng phẫn nộ và đó cũng là cơ để sau này Tào Tháo đánh Tôn Quyền. Giết người thì phải đền mạng, có áp bức thì có phản kháng. Lúc Tôn Sách còn sống, người người sợ uy, dám giận mà không dám nói. Một khi Tôn Sách mất, người người lại không vùng dậy sao? Rõ ràng, vấn đề Tôn Quyền gặp lúc này đâu phải Tôn Sách “ân rải chưa khắp?” Rõ ràng là “tích oán quá nhiều”, thậm chí “dân oán như sóng cồn”.

Tôn Sách đã có tính toán về điểm này. Vì vậy, Tôn Sách không chọn Tôn Dực - người có tác phong, tính cách giống mình, mà chọn Tôn Quyền - người có thể “dùng người hiền tài, hết lòng hết sức, gìn giữ Giang Đông”. Tôn Sách hiểu rõ, chính quyền thành lập nhờ võ lực và giết chóc là “nghịch không có đức bền vững”. Sinh ra nhiều phái phản đối như vậy là “bang không có cơ sở vững chắc”. Vì vậy, dù đã chọn Tôn Quyền nhưng Tôn Sách vẫn chưa yên tâm, nên trước lúc lâm chung đã gửi con cho Trương Chiêu. Theo chú dẫn *Ngô lịch* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Trương Chiêu truyện*, lúc đó Tôn Sách nói với Trương Chiêu, nếu đưa em đó không gánh nổi trọng trách (nếu Trọng Mưu không được việc), thì ngài nhận lấy quyền lãnh đạo (quân hãy tự thay nhận lấy). Như vậy, dù chúng ta không thể thành công ở Giang Đông (không thắng được ở đây), vẫn có thể nghĩ cách về Giang Tây (trở lại miền tây), có gì phải bận tâm (có gì phải lo nghĩ). Như vậy, chính quyền Tôn thị có đứng vững được ở Giang Đông hay không, Tôn Sách chưa chắc chắn lắm.



Chính quyền Tôn thị không chỉ có nội loạn, mà còn có ngoại hoạ. Lúc Tôn Sách tạ thế, Tào Tháo, Viên Thiệu đang kinh địch ở Quan Độ. Bất kể ai thắng ai thua, nhất định kẻ thắng sẽ đánh xuống Giang Đông. Đó là ở miền Bắc. Ở miền tây có Lưu Biểu “có hơn mười vạn quân, cách đó chừng mấy ngàn dặm”, ngồi nhìn hai hổ đấu nhau, hai quân Tào và Viên đang phô diễn. Đại tướng Hoàng Tổ thủ hạ của Lưu Biểu, người có cha bị anh em Tôn Sách giết hại, lúc này cũng đang hăm hè ở Giang Hạ. May sao Lưu Biểu không phải hùng kiệt, thiếu chí lớn, nếu không, một khi Tôn Sách mất, Hoàng Tổ đã đánh thẳng tới đó.

Tôn Quyền - người thay thế lúc đó, có thể nói “tuổi nhỏ, thế cô, nội loạn, ngoại hoạ”. Xa có địch mạnh (Tào Tháo), gần có thù đời (Lưu Biểu), trong còn loạn lạc (sĩ tộc Giang Đông không phục), chưa có công gì (giang sơn không phải tự mình đoạt được), cái nhận được chỉ là miếng khoai nước rất lười. Có phần giống như Gia Cát Lượng tiếp nhận chính quyền Thục Hán, viễn cảnh không mấy lạc quan. Lúc nói tới Thục Hán, tôi đưa ra mười sáu chữ: Lưu Bị dựng nước, cơ sở không vững; Di Lăng bại trận, núi rung đất động. Mấy chữ này cũng thích hợp với Tôn Quyền: Tôn thị vào Ngô, cơ sở không vững; anh cả vừa mất, núi rung đất động. Vì vậy, trong *Ngô chủ truyện* hay trong *Trương Chiếu truyện* của *Tam quốc chí* đều nói, lúc đó Tôn Quyền đã khóc hết nước mắt. Tiếng khóc kinh hãi, vừa lo lắng vừa bi thương. Gia Cát Lượng trở thành nhà chính trị lão luyện khi tiếp nhận chính quyền Thục Hán, còn Tôn Quyền lúc này mới vị thành niên, không khóc sao được?

Nhưng họ đã thành công. Gia Cát Lượng thành công vì biết liên Ngô chống Ngụy, lấy thủ để công, trị nước theo phép, yên nội nhiều ngoại, xử lý đúng đắn hàng loạt những mâu thuẫn trong lẫn ngoài. Vậy vì sao Tôn Quyền cũng thành công?

Mọi người thường nói, Tào Tháo có thiên thời, Tôn Quyền có địa lợi, Lưu Bị có nhân hoà. Thực đáng ngờ, vì đây là lời các tiểu thuyết gia. Tào Tháo có thiên thời đúng không? Từ lâu đã có người hoài nghi. Lưu Bị có nhân hoà đúng không? Theo tôi, chưa chắc. Thế nào là “thiên thời”? Là xu thế phát triển của xã hội. Xu thế phát triển lúc đó như thế nào? Giai cấp địa chủ sĩ tộc sẽ trở thành vai chính trên vũ đài chính trị. Tào Tháo đại biểu cho xu thế đó chăng? Không. Tư Mã Ý đại diện cho xu thế đó. Tào Tháo đại diện cho giai cấp đó chăng? Cũng không. Viên Thiệu là người đại diện cho giai cấp đó. Đã vậy, sao lại nói Tào Tháo “có thiên thời”?

Chắc gì Lưu Bị đã có “nhân hoà”. Lúc đầu là có. Lưu, Quan, Trương thân như anh em; Gia Cát Lượng Bàng Thống, Pháp Chính hết lòng phò tá. Nhưng sau này thì khó nói, “đấu tranh nội bộ” luôn nổ ra, Lý Nghiêm bị phế, Bành Dạng bị giết, ngay cả con nuôi là Lưu Phong cũng bị ban tội chết, Ngụy Diên và Dương Nghi đều lao vào chỗ chết. Trong thực tế, nội loạn là nguyên nhân quan trọng khiến Thục Hán diệt vong. Tập đoàn Đông châu ngoài hợp trong li, tập đoàn Ích châu li tâm li đức, nhân sĩ Ích châu thì



mong mỗi Tào Ngụy sớm đến “giải phóng” cho, mong cho Thục Hán nhanh chóng diệt vong, sao lại nói là “có nhân hoà”?

Tôn Quyền thành công chắc gì vì “có địa lợi”. Thời kỳ đầu, điều lo lắng lớn của Tôn Quyền không phải là miền Bắc (Tào Tháo, Viên Thiệu), cũng không phải là miền tây (Lưu Biểu, Lưu Chương) mà là Giang Đông. Vậy có “địa lợi” gì đáng nói ở đây? Trên thực tế, trước hết vì “có nhân hoà”, Tôn Quyền mới có thể đứng vững, tiếp tục tồn tại và phát triển. *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện* nói rất rõ, Tôn Quyền vừa thay thế đã có hai anh hùng cái thế, một văn một võ nhận định “có thành nghiệp lớn” và tình nguyện ủng hộ phò tá (hết lòng phụng sự), còn giúp Tôn Quyền xác lập quyền uy của mình, lẽ nào đó không phải là “nhân hoà”?

Chúng ta đều biết, đó là Chu Du và Trương Chiếu.

Đây là trường hợp vô cùng cảm động. Theo *Ngô chủ truyện*, *Trương Chiếu truyện*, lúc Tôn Quyền “khóc gần hết hơi” thì Trương Chiếu xuất hiện nói, hiểu lắm ời, chẳng nhẽ lúc này là lúc khóc ư? Nay hồ lang, gian tặc đang hoành hành, nếu tiêu tướng quân cứ lo khóc anh trai thì ngang như đã mở cửa mời giặc vào. Đây chẳng phải là “nhân ái” gì (không thể coi là nhân)! Điều quan trọng với người thay thế là biết tiếp nhận cái trước rồi mở rộng và phát triển hoàn thành đại nghiệp, vậy sao cứ khóc lóc mãi như đám thất phu thất phụ kia (tình cảm như lũ thất phu)? Thế rồi Trương Chiếu để Tôn Quyền thay trang phục, đổi mặc nhung trang (cải mặc quyền phục), đỡ Tôn Quyền lên ngựa, bày nghi trượng (dàn quân) tuần sát ba quân (kiểm tra quân lính). Không thể hiểu được, Tôn Quyền đã phản ứng rất nhanh, xuất hiện trước mọi người trong tư thế anh vũ uy nghiêm, hệt như một đấng quân vương. Mọi người biết đó là chúa mới (lòng mọi người đã có chỗ dựa). Trương Chiếu “cùng mọi người lo phò tá”.

Cùng lúc đó, Chu Du cũng từ Ba Khâu (huyện Hạp Giang, Giang Tây ngày nay, không phải Ba Khâu của thị trấn Nhạc Dương, Hồ Nam ngày nay, nơi mà sau này quân Tào bị dịch và Chu Du ốm, qua đời) trở về huyện Ngô (nay là Tô Châu, Giang Tô) với chức danh Trung Hộ quân (tư lệnh quân cận vệ) cùng Trương Chiếu (bí thư trưởng) ở cạnh Tôn Quyền “cùng nhau lo liệu”. Theo *Chu Du truyện*, lúc đó Tôn Quyền chỉ là tướng quân. Vì vậy bề hạ và tân khách luôn đơn giản và tùy tiện mỗi khi có lễ với Tôn Sách. Riêng Chu Du thì khác, luôn hành lễ theo quan hệ vua tôi, (một mình tận kính theo lễ thần tử), dẫn đầu trong việc xác lập quyền uy của vua Tôn Quyền. Một người “cùng mọi người lo phò tá”, một người “một mình tận kính theo lễ thần tử”, Tôn Quyền một lúc đứng trên vai hai người, bỗng chốc trở nên cao lớn.

Việc Trương Chiếu và Chu Du ủng hộ là cực kỳ quan trọng vì hai người đó đều không phải là người “Giang Đông”, lại đại diện cho hai thế lực chính trị. Chúng ta đều biết, cũng giống như chính quyền Thục Hán được Lưu Bị xây dựng sau khi vào Thục,



chính quyền Đông Ngô do Tôn Quyền thành lập cũng bao gồm ba phái. Có điều, khi Tôn Quyền thay thế ba phái này chỉ là ba thế lực chính trị. Chúng ta cần phải nói thêm về ba thế lực chính trị này, nếu không sẽ không sao rõ được rất nhiều tình hình ở Đông Ngô. Tất nhiên chỉ có thể nói qua. Nếu muốn biết tường tận hơn, xin đọc *Con đường Tôn Ngô lập nước* của ngài Điền Dư Khánh.

Thế lực chính trị thứ nhất là “Tập đoàn quân sự Hoài, Tứ”, gọi tắt là “Hoài Tứ tướng lĩnh”, bao gồm quân cũ của Tôn Kiên và Tôn Sách, nói rõ hơn là số người từ rất sớm đã theo cha con Tôn Kiên, Tôn Sách Nam chinh Bắc chiến giành thiên hạ. Trong số này người cũ của Tôn Kiên là: Trình Phổ người huyện Thỏ Ngân quận Hữu Bắc Bình; Hoàng Cái người huyện Tuyên Lăng, quận Linh Lăng; Hàn Đương người huyện Lệnh Chi, quận Liêu Tây. Quân cũ của Tôn Sách gồm có: Tưởng Khâm người huyện Thọ Xuân, quận Cửu Giang; Chu Thái người huyện Hạ Thái, quận Cửu Giang; Trần Võ người huyện Tùng Tư, quận Lư Giang. Chu Du là nhân vật đại biểu cho phái hệ này. Chu Du người huyện Thục, quận Lư Giang, từ nhỏ đã “thân tình” với Tôn Sách, cùng Tôn Sách từ “Giang Tây” vượt sông đánh tới đây, vừa là “anh em thân thiết” vừa là “anh em cọc chèo” với Tôn Sách, trở thành lãnh tụ của phái hệ này.

Thế lực chính trị thứ hai là “tân khách ngụ cư ở đây”, gọi là “Bắc sĩ lưu vong”. Họ vốn từ phương bắc, chạy loạn tới Giang Đông, lúc đầu nhờ cậy vào thái thú, châu mục ở Giang Đông, về sau theo về với tướng lĩnh Hoài Tứ hoặc đại tộc Giang Đông, nên gọi là “tân khách đến ngụ cư”, như Trương Chiêu người Bành Thành; Gia Cát Cẩn người huyện Dương Đô, quận Lang Nha; Bộ Chất người huyện Hoài Âm, quận Lâm Hoài; Trương Hoàn người quận Quảng Lăng; Nghiêm Tuấn người Bành Thành; Thị Nghi người huyện Doanh Lăng, Bắc Hải. Họ đều đến “Giang Đông lánh nạn”, nên gọi là “Bắc sĩ lưu vong”. Thế lực chính trị này tuy là một phái hệ phân tán, thậm chí không thành phái hệ, nhưng vì họ là nhân sĩ từ phương bắc, nên ảnh hưởng thật khó lường.

Thế lực chính trị thứ ba là “đại tộc thế gia Giang Đông”, gọi là “Giang Đông sĩ tộc”, ở đây, quan trọng nhất là “tứ đại gia tộc”: Ngu, Ngụy, Cố, Lục. Ngu thị và Ngụy thị ở quận Cối Kê, Ngu xếp trước, Ngụy xếp sau, nhân vật đại biểu là Ngu Phiên và Ngụy Đằng. Cố thị và Lục thị ở quận Ngô, Cố xếp trước, Lục xếp sau, nhân vật đại biểu là Cố Ung và Lục Tồn. Cơ ngơi của “tứ đại gia tộc” này khác nhau, số phận của bốn nhân vật đại biểu trên cũng khác nhau. Lục Tồn, Cố Ung “ra trận vào triều đều là tướng”, đứng đầu văn võ trong chính quyền Đông Ngô; Ngu Phiên hai lần bị giáng, cuối cùng chết ở nơi đi đày; Ngụy Đằng cũng hai lần suýt bị giết. Có một lần Tôn Sách định giết Ngụy Đằng, may được Ngô phu nhân cứu sống. Chuyện này đã nói trong tập *Cơ nghiệp Đông Ngô*.

Đây là “bản đồ chính trị” khu vực Giang Đông sau khi Tôn Sách vượt sông. Ở đó có nhiều chỗ đánh dấu bằng “ba màu” đỏ, vàng, lam. Màu đỏ là “tướng lĩnh Hoài Tứ”,



vàng là “Bắc sĩ lưu vong”, lam là “sĩ tộc Giang Đông”. Hồng là vũ khí, vàng là bút mực, lam là tiền bạc. Thái độ của họ đối với chính quyền của Tôn Sách cũng khác nhau. “Tướng lĩnh Hoài Tứ” (vũ khí) thì ủng hộ; “Bắc sĩ lưu vong” (bút mực) thì chờ xem; “sĩ tộc Giang Đông” (túi tiền) thì chống lại. Phần trước đã nói rõ nguyên nhân, Tôn Sách là hàn tộc ở Giang Đông, phát tích ở Giang Tây, nghịch thần ác bá, xâm nhập quê hương, còn răn đe giết hại anh hào. Chính vì thế mà sĩ tộc Giang Đông phản cảm, cảnh giác, hãi hùng và bài xích.

Nhưng Tôn Quyền muốn thành đại nghiệp, cần phải cắm rễ ở Giang Đông, cần phải được sĩ tộc Giang Đông ủng hộ. Lúc này là buổi đầu chưa có được điều đó, nên phải tìm đến sự ủng hộ khác. Như vậy biểu hiện của Chu Du và Trương Chiêu mang tính chất quyết định. Phần trước đã nói, Chu Du là lãnh tụ “tướng lĩnh Hoài Tứ”. Chu Du ủng hộ Tôn Quyền, Tôn Quyền có vũ khí, sự việc được giải quyết quá nửa. Sự ủng hộ của Trương Chiêu cũng rất quan trọng, Trương Chiêu vốn là “tân khách ngụ cư”, thuộc thế lực chính trị thứ hai. Trương Chiêu tuy không là “lãnh tụ” nhưng lại có sức ảnh hưởng có sức hiệu triệu, có “tác dụng mô phạm dẫn đầu”. Trên thực tế, sau khi Trương Chiêu “đưa đồng liêu đến phò tá” thì số “Bắc sĩ lưu vong” còn có thái độ thăm dò trong thời Tôn Sách, đã bắt đầu bước vào mào phủ của Tôn Quyền. Như vậy, Tôn Quyền đã có bút mực. Có người được Tôn Quyền chiêu mộ (Thị Nghi), có người tự tìm đến (Gia Cát Cẩn), có người được Trương Chiêu giới thiệu (Nghiêm Tuấn).

Chu Du tiên cử Lỗ Túc với Tôn Quyền, Tôn Quyền và Lỗ Túc, quân thần gặp mặt. Theo *Tam quốc chí - Lỗ Túc truyện*, Chu Du đã phải làm việc với cả hai phía. Một mặt, nói Tôn Quyền luôn kính trọng người hiền (thân người hiền, quý kẻ sĩ), thu nhận người kỳ tài (nhận người tài), tương lai đại nghiệp sẽ thành công (cuối cùng có cơ sở là đế). Mặt khác lại nói với Tôn Quyền, “Lỗ Túc có tài phò tá”, cần có nhiều người tài như vậy (phải tìm kiếm những người như vậy), để hoàn thành đại nghiệp (cơ nghiệp mới thành), không thể để họ phiêu bạt đến chỗ khác (không thể để họ đi). Kết quả Tôn Quyền và Lỗ Túc vừa gặp như đã quen, hợp phách hợp điệu, như cá gặp nước, cuối cùng trở thành một cặp quân thần bền chặt.

Một sự kiện mang ý nghĩa trọng đại. Trước hết, Lỗ Túc là “nhân tài siêu việt” khó kiếm vào thời đó. Lỗ Túc luôn mưu lợi cho đất nước, giỏi đường trị quân, tinh thông ngoại giao, có tầm nhìn chính trị và chiến lược, có thể vừa là nhà chính trị, ngoại giao vừa là nhà quân sự. Lỗ Túc có nhiều đóng góp đặc biệt cho tập đoàn Tôn Ngô. Lỗ Túc đề xuất mục tiêu chiến lược “dựng hiệu để vương nhằm lấy thiên hạ”; quy hoạch chiến lược “chia ba thiên hạ” với Tào, Lưu (chỉ Lưu Biểu lúc đó, sau điều chỉnh là Lưu Bị) và cũng chính Lỗ Túc dựng nên “liên minh Tôn - Lưu” (bao gồm chống Tào Tháo và cho mượn Kinh châu) tuy sau này có nhiều cách đánh giá khác nhau (về sau Tôn Quyền cho là “một thiếu sót”), nhưng lúc “đòi lại” Kinh châu, Lỗ Túc một mình đến hội, khuất



phục Quan Vũ, không hề mất đi phong độ một đại tướng, bản sắc một anh hùng. Vì vậy, về sau trong lúc trò chuyện với Lục Tôn, Tôn Quyền nói trình độ Lục Tôn còn cao hơn Trương Nghi và Tô Tần (cao hơn Trương xa hơn Tô); địa vị lịch sử của Lỗ Túc ngang hàng với Đặng Vũ - đứng đầu các nguyên huân khai quốc thời Đông Hán) (xem *Tam quốc chí - Lã Mông truyện*).

Nhưng những điều đó chưa phải là điều quan trọng nhất. Điều quan trọng nhất là thân phận của Lỗ Túc và thời cơ, con đường Lỗ Túc đến tham gia với Tôn Quyền, cùng những chức vụ sau đó.

Nói về thân phận trước. Trong *Tam quốc chí - Lỗ Túc truyện* nói, Lỗ Túc người huyện Đông Thành, quận Lâm Hoài. Vì không muốn nhận chức huyện trưởng huyện Đông Thành theo sắp xếp của Viên Thiệu, Lỗ Túc liền đem theo cả nhà cùng hơn trăm thanh niên hiệp nghĩa (cả nhà cùng hơn trăm người nghĩa hiệp) xuống miền Nam Cư Sào theo Chu Du (đến miền Nam Cư Sào theo Chu Du), (có người nói Cư Sào là đông bắc thị trấn Sào Hồ, An Huy, có người nói Cư Sào thuộc đông nam thị trấn Đồng Thành, An Huy). Đồng Thành nay là đông nam huyện Định Viễn, An Huy, vì vậy Lỗ Túc là “người Giang Tây”, không phải là “người Giang Đông”, về điều này, Lỗ Túc giống các tướng lĩnh Hoài Tứ, cùng thứ ngôn ngữ với Chu Du. Lỗ Túc xuống miền Nam theo Chu Du, nên là “tân khách ngụ cư”, về điều này, Lỗ Túc giống các Bắc sĩ lưu vong, cùng thứ ngôn ngữ với Trương Chiêu. Lỗ Túc cự tuyệt sự sắp đặt của Viên Thuật, nên lập trường chính trị lại giống với sĩ tộc Giang Đông, có thể có cùng một tiếng nói với họ. Trong tập đoàn Tôn thị xưa nay chưa hề có ai cùng lúc có ba thân phận như vậy. Tôn Quyền muốn điều hoà “ba màu” trên “bản đồ chính trị của mình”, nên rất cần loại người này. Tất nhiên, chưa hẳn Lỗ Túc đã có được tác dụng như vậy, nhưng việc Lỗ Túc đến tham gia, ít ra cũng có ý nghĩa tượng trưng.

Thứ đến là thời cơ. Phần trên đã nói, sĩ tộc Giang Đông luôn bài xích tập đoàn Tôn thị; Bắc sĩ lưu vong luôn giữ thái độ bảo lưu. Lỗ Túc là “tân khách ngụ cư”, cùng với họ, xem thường tập đoàn Lưu thị. Chúng ta đều biết, lúc Chu Du vượt sông sang đông, Lỗ Túc cũng vượt sông, nhưng khi đến Giang Đông, Lỗ Túc không theo Tôn Sách. Lời chú dẫn *Ngô thư* của Bùi Tùng Chi nói, Lỗ Túc đã gặp Tôn Sách. Ngài Miêu Việt cho rằng không phải thế. Sự thực, lúc đến Khúc A (nay là thị trấn Đan Dương, Giang Tô), Lỗ Túc đã dừng lại (cả nhà ở lại Khúc A). Khúc A là trị sở của Lưu Do được triều đình cử đến làm Dương châu mục, là vùng đất có nhiều ý nghĩa. Trị sở của Dương châu vốn ở Thọ Xuân (nay là huyện Thọ, An Huy). Lúc Viên Thuật chiếm Thọ Xuân, Lưu Do đành phải dời trị sở về Khúc A “Giang Đông”. Lập tức hình thành hai Dương châu, là Giang Đông (Giang Nam) và Giang Tây (Giang Bắc). Nói về phái hệ thì Tôn Sách thuộc “Giang Tây Dương châu”. Lỗ Túc ngụ ở trị sở “Giang Đông Dương châu” có ý nghĩa chính trị gì không, chúng ta chưa rõ. Sau khi Tôn Sách qua đời, Lỗ Túc không



nghĩ chuyện về với Tôn Quyền, đó là sự thực. Lỗ Túc chuẩn bị đến với một người là Trình Bảo theo ý của Lưu Tử Dương (một người bạn của Lỗ Túc). Trình Bảo là ai? Không biết. Xem ra cũng không phải là người ghê gớm gì. Lỗ Túc tình nguyện sang với Trình Bảo, không đến với Tôn Quyền, rõ ràng là chưa biết gì về Tôn Quyền.

Nhưng cuối cùng thì Lỗ Túc đã đến với Tôn Quyền, rõ ràng là có lời khuyên của Chu Du cộng với sự đồng ý của chính Lỗ Túc. Theo tôi, trước đó Lỗ Túc đã phải suy nghĩ nhiều, không phải đơn thuần “Túc nghe lời khuyên”. Lời khuyên đó chỉ có thể là một tín hiệu, cho hay “tân khách ngụ cư” đã thừa nhận Tôn Quyền, thậm chí có thể theo tới đó. Tục ngữ có câu, đến sớm không bằng đến đúng lúc. Với Tôn Quyền, Lỗ Túc đến như là trong tuyệt có lửa. Hướng hồ khi hai bên gặp nhau, Lỗ Túc nói nhiều về “dựng hiệu để vương để đoạt thiên hạ”, đề xuất bản *Long Trung đối của Đông Ngô* “tân khách ngụ cư” nhằm “chia ba thiên hạ”. Tôn Quyền đã hết sức cảm kích, thậm chí là cảm động. Vì vậy, sau nhiều năm, lúc trò chuyện với Lục Tốn, Tôn Quyền nói “Ta cùng nói vui thì đã bàn ngay đến nghiệp lớn để vương, đó là cái khoái nhất vậy”.

Lại nói tới con đường và chức vụ đến với tập đoàn Tôn thị, không phải bắt đầu từ Lỗ Túc, cũng không phải chỉ có mình Lỗ Túc. Nhưng họ hoặc là được Tôn Quyền chiêu mộ (như Bộ Trắc), hoặc là được Đông Nhân tiên cử (như Nghiêm Tuấn) và đa phần đảm nhiệm chức văn (như Gia Cát Cẩn là trưởng Sử, Bộ Trắc là chủ ký). Lỗ Túc do Chu Du tiến cử, về sau nhận chức võ. Chính quyền tập đoàn Tôn thị vốn là cơ cấu do Trương Chiêu cầm đầu văn, gồm đa phần là Bắc sĩ lưu vong; Chu Du cầm đầu võ, đa phần là tướng lĩnh Hoài Tứ. Lỗ Túc xuất hiện và nhận chức đã phá vỡ lệ đó. Ít ra cũng chứng tỏ là “thế lực thứ nhất” (tướng lĩnh Hoài Tứ) và “thế lực thứ hai” (Bắc sĩ lưu vong) đã hợp lại. Hơn nữa, Bắc sĩ lưu vong đã có thể nhập vào hệ thống quân sự do tướng lĩnh Hoài Tứ làm chủ, vậy thì sau này sĩ tộc Giang Đông sao lại không thể? Trên thực tế, đã có Lục Tốn - một danh tướng sau Chu Du, Lỗ Túc, Lã Mông, xuất thân từ sĩ tộc Giang Đông, một tộc lớn nhất trong “tứ đại gia tộc” ở Ngô quận.

Phân tích như vậy mới thấy ý nghĩa to lớn của việc Lỗ Túc tham gia liên minh, mới thấy vai trò của Lã Mông. Lã Mông là một trong “tứ đại anh tướng” của Tôn Quyền (bốn vị thượng du thống soái, là Chu Du, Lỗ Túc, Lã Mông, Lục Tốn). Lã Mông là người thay thế chức quân của Lỗ Túc, cũng là người tiến cử Lục Tốn thay thế mình. Cuộc đời Lã Mông cũng khá đặc biệt. Theo *Tam quốc chí - Lã Mông truyện*, chúng ta biết, Lã Mông người huyện Phú Pha, quận Nhữ Nam (nay là thị trấn Phụ Dương, An Huy), không thuộc “sĩ tộc Giang Đông”. Từ nhỏ theo anh rể Đặng Dương qua sông xuống miền Nam. Gia cảnh lúc đó nghèo hèn (nghèo khổ không nhà cửa), không được đi học (ít đọc sách), vì vậy không thuộc “Bắc sĩ lưu vong”, chỉ là “bình dân vượt sông xuống Nam”. Tôn Sách phát hiện ra Lã Mông, luôn cho làm thị vệ ở cạnh, về sau được



Trương Chiêu tiến cử, lúc anh rể qua đời, được thay làm Biệt bộ tư mã. Lã Mông đã có chức vụ nhỏ và được coi là người trong “tập đoàn quân sự Hoài Tứ”.

Trên thực tế, phải vất vả lắm Lã Mông mới có chức, tuy “Biệt bộ tư mã” chỉ là chức đầu mục trong quân. Sau khi thay thế, Tôn Quyền đã tinh binh giản chính, lúc này “tiểu tư mã” có cơ phải “dịch chuyển ra Quan Đình”. Lã Mông biết điều đó, nên đã vay tiền sắm quân trang, lo luyện quân, khiến Tôn Quyền vô cùng thích thú khi đến thị sát. Từ đó Tôn Quyền bắt đầu chú ý đến Lã Mông, dạy Lã Mông đọc sách, cho Lã Mông quân đội, giúp Lã Mông trưởng thành trong chiến đấu. Lã Mông không phụ sự kỳ vọng đó, để Lỗ Túc gặp mặt mọi người. Vì vậy, về sau mỗi lần trò chuyện với Lục Tốn, Tôn Quyền đều nói, cô chỉ nghĩ Từ Minh (Lã Mông) không sợ gian khó, gan dạ (quả cảm không từ nan), không ngờ Lã Mông “có học vấn, tài mưu lược”, chẳng mấy chốc sẽ như Chu Công Cẩn! Thực tình thì Tôn Quyền có nhiều công sức trong chuyện này. Xét theo nghĩa đó thì Lã Mông là người được Tôn Quyền phát hiện và bồi dưỡng.

Từ đây cho thấy, Lỗ Túc ít nhiều quan hệ với ba thế lực chính trị, tướng lĩnh Hoài Tứ, Bắc sĩ lưu vong, sĩ tộc Giang Đông, còn Lã Mông thì không. Vì vậy, nếu nói đại diện cho ba thế lực chính trị trên “bản đồ chính trị” của Tôn Quyền là ba màu đỏ, vàng, lam, thì đại diện cho Lỗ Túc, Lã Mông là màu nâu.

Nhưng Tôn Quyền rất cần màu nâu. Lúc đầu, Tôn Quyền cần màu nâu để có thể điều hoà với ba màu kia. Sau này càng cần màu nâu làm màu quá độ, để điều hoà màu sắc chủ đạo trong chính quyền, từ màu hồng của tướng lĩnh Hoài Tứ, màu vàng của Bắc sĩ lưu vong dần dần biến thành màu lam của sĩ tộc Giang Đông. Ngải Diên Dư Khánh nói, con đường dựng nước của Tôn Quyền là quá trình “Giang Đông hoá”. Để làm rõ quan điểm này có thể nhìn vào bốn vị từng nhận chức Thượng du thống soái; Trước hết là Chu Du (tướng lĩnh Hoài Tứ) đến Lỗ Túc (Bắc sĩ lưu vong), đến Lã Mông (bình dân qua sông xuống nam) thứ đến Lục Tốn (sĩ tộc Giang Đông).

Đây là sự phân tích của người đời sau. Còn đối với các nhân vật lịch sử thì đây chỉ là lần mây gió gặp nhau. Đúng như Chu Du nói với Lỗ Túc “là lúc tráng sĩ tựa rồng như gió bay lên”. Chu Du còn mượn lời Mã Viện trả lời Quang Vũ đế thời Đông Hán: “lúc này, quân không chọn thần, thần cũng sẽ chọn quân”. Vậy, vì sao Chu Du và Lỗ Túc lại chọn Tôn Quyền? Ở con người đó có điểm gì hơn người, khiến anh hùng hào kiệt khắp nơi phải tìm đến?

Tập thứ bốn mươi bốn: NGÔI MÀ QUYẾT VIỆC Ở ĐÔNG NAM

Khác với Tào Tháo và Lưu Bị - tay trắng, gian khổ dựng nghiệp, từ lúc vị thành niên, Tôn Quyền đã tiếp nhận cả một cơ nghiệp do cha, anh để lại, có cự thủ ủng hộ, người mới phò tá. Nhưng Tôn Quyền lại là người xưng đế cuối cùng trong ba nước Ngụy, Thục, Ngô. Vì sao Tôn Quyền phải hoãn đi hoãn lại? Phía sau sự âm thầm nhẫn



nhìn đó, điều gì là trở ngại, phải khổ tâm? Tôn Quyền đã làm gì trước những khó khăn để đi tới thành công?

Tập trước chúng ta đã nói vấn đề này, cuối cùng thì Tôn Quyền có điểm gì hơn người, hút được đám quần hùng. Vấn đề này đáng được bàn bạc. Chúng ta đều biết, trong “ba cái đầu lớn” Ngụy, Thục, Ngô, Tôn Quyền là người tương đối đặc biệt. Tào Tháo và Lưu Bị tự sáng lập nên cơ nghiệp, phải tự xông pha chiến trận để có được giang sơn. Còn Tôn Quyền, là người thay thế. Có điều, trong số những người thay thế thì Tôn Quyền là đột xuất nhất. Tào Phi chỉ là người hoàn thành lễ đội mũ, nhận “đế nghiệp” do người cha sáng lập, còn Lưu Thiện không giữ nổi cơ nghiệp nhỏ nhoi của mình. Chỉ có Tôn Quyền mới biết phát triển “bá nghiệp” của cha, anh thành “đế nghiệp”, chắt chiu đời sau đã ca ngợi Tôn Quyền: “tuổi nhỏ đã thành đế nghiệp, không ngơi nghỉ ngơi mà quyết trận ở Đông Nam, Thiên hạ anh hùng ai địch nổi? Con cái Tào, Lưu ai bằng Tôn Trọng Mưu!” (*Nam hương tử. Đãng Kinh khẩu bắc cổ đình hữu hoài của Tân Khí Tật*), đúng là Tôn Quyền rất giỏi.

Mọi người hâm mộ Tôn Quyền. Tào Tháo Nam chinh Bắc chiến, vào sinh ra tử mới từ tay trắng phát triển thành nửa giang sơn. Lưu Bị nằm gai nếm mật, khổ sở trăm bề, mới thoát cảnh ăn đậu ở nhờ, phát triển thành một vùng. Tôn Quyền rất khá, tiếp nhận cơ nghiệp của cha, anh lúc vị thành niên. Trong lúc hãi hùng lo sợ đó, đã được Trương Chiêu và Chu Du, cự thần lão tướng thời Tôn Sách, như hai cây cột chống trời, kịp ngăn được hoạ lớn, trời sụp. Tiếp đến là Lỗ Túc, Lã Mông, Lục Tốn, Cố Ung trước sau tìm đến như mây gió gặp nhau. Tôn Quyền không giống Tào Tháo, Lưu Bị, mỗi lần ra trận phải xách gươm, cầm giáo xông lên trước. Nhiều lúc, như trong các trận Xích Bích, Di Lăng, Tôn Quyền chỉ ngồi ở hậu phương mà bố lệnh. Vì vậy, nhiều người nói Tôn Quyền thật có phúc, thậm chí ngài Chu Trạch Hùng còn gọi Tôn Quyền là “phúc soái”.

Nhưng Tôn Quyền cũng chẳng dễ dàng gì.

Mọi người đều biết, trong ba nước Ngụy, Thục, Ngô, Tôn Quyền là người xưng đế sau cùng. Do Tôn Quyền không muốn? Đương nhiên không phải. Tôn Quyền không thể chẳng? cũng vị tất. Tháng mười năm Kiến An thứ XXV (Công nguyên năm 220), Tào Phi xưng đế, đổi hiệu là Hoàng Sơ. Năm sau, tháng tư niên hiệu Ngụy Văn đế Hoàng Sơ năm thứ II (Công nguyên năm 221), Lưu Bị xưng đế, đổi hiệu là Chương Võ. Nếu lúc này Tôn Quyền cũng làm thế thì chẳng có gì là không được. Ngay như A Q cũng biết, hoà thượng sờ được, sao ta không sờ được? Và lại Đại Hán mất thì đã mất rồi, bạn không xưng đế thì sẽ xưng thần với ai đây? Sau khi Lưu Bị xưng đế được bốn tháng, Tôn Quyền chọn “xưng phiên” với Tào Phi (vào tháng tám năm Hoàng Sơ thứ II), còn phái sứ giả đến, tỏ rõ sự thần phục, trả tướng Ngụy bị bắt là Vu Cầm. Và sau ba



tháng (tháng mười một Hoàng Sơ năm thứ II), Tôn Quyền được Tào Phi sắc phong là Ngô vương. Lần thứ nhất đã bỏ qua cơ hội xưng đế.

Lần thứ hai là tháng tư năm Hoàng Võ thứ II (Công nguyên năm 223), Hoàng Võ là niên hiệu của Đông Ngô. Trước lúc Tào Phi xưng đế, về danh nghĩa vương triều Đại Hán vẫn còn, nên mọi người phải dùng niên hiệu của Hán Hiến đế. Sau khi xưng đế, Tào Phi và Lưu Bị dùng niên hiệu của mình như Hoàng Sơ và Chương Võ. Tôn Quyền tuy chưa xưng đế, nhưng được phong là Ngô vương, là vương quốc độc lập, nên đến năm thứ hai thì đổi niên hiệu là Hoàng Võ. Tức là sau khi Hán Hiến đế bị hạ bệ thì không còn niên hiệu chung. Để có một thái độ chung với ba nước, mỗi khi nói nước nào, tôi sẽ dùng niên hiệu của nước đó. Tuy có phiền hà cho độc giả, nhưng cũng chẳng còn cách nào khác. Đằng sau từng niên hiệu còn ghi ngày theo dương lịch, có thể giúp mọi người thoát được cảnh mơ hồ.

Theo *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện*, vào tháng tư năm Hoàng Võ thứ II, quần thần có lời khuyên Tôn Quyền làm Hoàng đế, Tôn Quyền đã cự tuyệt (Quyền không theo). Nhìn chung trong lịch sử, mỗi khi các nhân vật cỡ lớn xưng “Tôn hiệu” là vương hay là đế, đều do người dưới có lời khuyên, còn mình thì từ chối và từ chối. Như Tào Tháo từ chối tới ba lần. Lưu Bị không chịu xưng đế, Gia Cát Lượng có lời khuyên. Nhưng lần này Tôn Quyền “không theo”, không phải giả vờ, mà là thực bụng không đồng ý. Theo lời chú dẫn *Giang Biểu truyện* của Bùi Tùng Chi, Tôn Quyền không đồng ý vì thấy không nỡ. Tôn Quyền nói, vương triều Đại Hán suy bại đến nước này (nhà Hán đổ vỡ), quả nhân không cứu được (không thể cứu giúp), còn bụng dạ nào mà tranh giành?

Đương nhiên đúng là dối trá, quỷ cũng không tin. Nếu thực bụng vì Hán thất thì vì sao lại nhận phong hiệu của “giặc Tào”? Nếu đúng là vì tiết nghĩa thì đừng làm Ngô vương nữa! Ngô vương làm được, sao Ngô đế không làm được? Vì vậy quần thần cho Tôn Quyền từ chối là làm trò, vì thế mới kiên trì (mời lại lần nữa). Tôn Quyền hết cách đành phải nói ra một chút sự thực. Tôn Quyền nói, vì sao quả nhân lại nhận phong hiệu của Tào Ngụy? Vì lúc đó Lưu Huyền Đức sắp đánh tới (chỉ trận chiến ở Di Lăng), phía Tào Ngụy lại có ý muốn giúp chúng ta. Quả nhân hiểu rõ, giúp đỡ như vậy khác gì là ép buộc. Nếu quả nhân không cúi đầu xưng thần, họ sẽ cùng Lưu Bị đánh thẳng tới (cùng phía tây đánh tới), khiến chúng ta “hai phía đều có giặc”. Hậu quả thực nghiêm trọng, vì vậy, quả nhân không thể không nén nhịn “nhận sự phong vương”. Ý đồ đó (nhận ở dưới người khác), quả nhân biết các vị chưa thực rõ (chưa biết hết), nhân tiện giải thích như vậy (xin nói như vậy)!

Nói như vậy mới đúng có một phần. Điều đó giải thích vì sao năm Hoàng Sơ thứ II (Công nguyên năm 221) lại nhận phong, nhưng chưa giải thích được vì sao năm Hoàng Võ thứ II (Công nguyên năm 223) lại không xưng đế. Vì chúng ta đều biết, lúc



này Lưu Bị đã bại trận ở Di Lăng, Tôn Quyền và Tào Phi đã trở mặt. Tôn Quyền và Tào Phi trở mặt trước đó một năm (Công nguyên năm 222). Đây là nguyên nhân khiến Tôn Quyền đổi hiệu Hoàng Võ. *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện* nói, “Quyền đổi niên hiệu, giữ vững Lâm Giang”. Ý tứ rất rõ ràng: Quả nhân không coi người là hoàng thượng, không dùng niên hiệu của người nữa, muốn đánh thì cứ đến mà đánh! Kể cũng lạ, Tôn Quyền đã trở mặt với Lưu Bị và Tào Phi, thì việc gì còn phải chờ đợi nữa?

Lý lẽ thật đơn giản. Chính vì trở mặt nên không còn cảm giác an toàn. Thực tế thì vấn đề lớn nhất của Tôn Quyền là không còn cảm giác an toàn. Theo *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện*, trước khi nhận phong hiệu của Tào Phi, Tôn Quyền từng có lệnh đến chư tướng. Tôn Quyền nói, khi sinh tồn thì đừng quên sự diệt vong (tồn không quên vong), khi được an toàn phải nghĩ đến lúc nguy hiểm (an tất nghĩ nguy), đó là bài học tốt nhất mà người xưa để lại (bài học hay của người xưa). Huống hồ các vị đang ở biên cảnh (thân tại biên cương), trước mặt là kẻ địch mạnh (hồ lang giao tiếp), lẽ nào có thể sơ suất không nghĩ tới điều lạ (khinh suất không nghĩ đến tai họa)! Rõ ràng, Tôn Quyền luôn coi Tào, Lưu là “hồ báo”, luôn phải đề phòng.

Có điều Tôn Quyền cũng biết, Tào Ngụy không dễ chơi, nhưng có thể tránh được. Vì vậy, sau khi trở mặt “vẫn còn đi lại với Ngụy Văn đế”. Bên phía Lưu Bị cũng không nên đắc tội nhiều, cái gì tốt vẫn nên thu. Tốt nhất, không nên đắc tội với hai nhà hoặc là vừa đẩy vừa kéo, đừng làm điều gì quá đáng. Có thể đây là tâm tư của Tôn Quyền. Không tin thì hãy xem niên hiệu của Tôn Quyền nói lên điều gì? Hoàng Võ. Rõ ràng đây là Hoàng Sơ của Tào Phi thêm Chương Võ của Lưu Bị. Sau này khi xưng đế, niên hiệu của Tôn Quyền là “Hoàng Long” (lúc này niên hiệu của Thục là Kiến Hưng, của Ngụy là Thái Hoà). Ý nghĩa thực rõ ràng: quả nhân khác gì cá chép đã vượt long môn, đành phải thế thôi!

Đó là Tôn Quyền. Tôn Quyền đi đường khác với Tào Tháo và Lưu Bị. Đại sư sử học, ngài Tiễn Bá Tán nói rất hay, Tào Tháo “coi hoàng bào như áo thường”. Từ đây, chúng ta có thể nói: Lưu Bị, coi áo thường là hoàng bào để mặc; Tôn Quyền mặc trái hoàng bào. Hoặc nói, Tôn Quyền tự may hoàng bào cho mình và lộn trái ra mặc. Chờ lúc thời cơ chín muồi, thật thuận tiện mới mặc mặt phải ra ngoài. Trần Thọ nói, Tôn Quyền “có cái hay của Câu Tiễn” (Binh *Ngô chủ truyện*), không còn gì chuẩn xác hơn. Mọi người nghĩ xem, lẽ nào Câu Tiễn lại là người có thể mặc áo trái? Có điều, áo Câu Tiễn mặc lại chính là vương bào!

Lúc này chúng ta đã có thể trả lời vấn đề đặt ra ở tập trước: Vì sao Tôn Quyền có thể được lão thần ủng hộ, người mới theo về, có thể được nhiều anh hùng hết sức phò tá? Là bởi Tôn Quyền có “cái hay của Câu Tiễn” là “anh tài kiệt xuất”. Không còn nghi ngờ gì, một người có thể may lấy hoàng bào, tự mặc hoàng bào thì đúng là người Chu Du, Lỗ Túc hy vọng phò tá.



Tôn Quyền đúng là một người như vậy?

Đúng. Trời phú cho con người Tôn Quyền có một số đặc thù. *Tam quốc chí* - Ngô chú truyện dẫn lời Lưu Uyển, Tôn Quyền “hình mạo kỳ vĩ, cốt thể bất thường”. Thế nào là “cốt thể bất thường”? Lời chú dẫn *Hiến đế Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi nói, “dài trên ngắn dưới”. Thế nào là “hình mạo kỳ vĩ”? Chú dẫn *Giang Biểu truyện* nói “Di vuông miệng lớn, mắt sáng lung linh”. Di, là hai bên má. “Di vuông, miệng lớn” có vẻ là uy vũ hùng tráng, “mắt sáng lung linh” tức là trong mắt có thần. Tính cách của Tôn Quyền cũng rất tốt, “rộng rãi, nhân từ và hào hiệp”. Điều quan trọng nhất, từ rất sớm Tôn Quyền đã tham dự chính sự cùng Tôn Sách (cùng bàn mưu kế), Tôn Sách luôn kinh ngạc về những phát biểu của Tôn Quyền (Sách thường thấy lạ, cho rằng mình không bằng). Vì vậy, Tôn Sách để Tôn Quyền luôn đi theo bên mình và mỗi lần gặp gỡ quần thần Sách luôn quay lại nói với Quyền, người anh em, sau này các vị đây sẽ là đại tướng của người.

Tôn Sách không nhìn nhầm Tôn Quyền. Chúng ta đều biết, Tôn Quyền thay thế lúc mới mười tám tuổi, đang độ khí huyết phương cương lại sẵn có hiệp khí trong người, nên vừa nhận chính quyền đã nhanh chóng ổn định. Phần trên đã nói, vào năm Tôn Quyền vừa thay thế, Lỗ Túc được Chu Du khuyên tiến đã về với Tôn Quyền, đã có quy hoạch to lớn giúp Tôn Quyền, xác định phải “dựng hiệu để vương giành thiên hạ”. Lúc đó Tôn Quyền đã nói như thế nào? Tôi nói một câu chẳng mận mà gì: để phò tá Hán thất, Tôn mỗ sẽ làm việc hết mình (tận lực để phò tá Hán thất). Bởi tướng quân chưa thể nghĩ và chưa thể làm được như điều ngài nói (chưa theo được lời đó). Theo tôi, đó là mấy lời khách sáo. Vì tình hình lúc đó, đúng như Lã Bố nói, “Quận quận muốn làm đế, huyện huyện muốn xưng vương” (xem lời Lã Bố và Tiêu Kiến Thư ghi trong chú dẫn *Anh hùng ký* của Bùi Tùng Chi ở *Tam quốc chí* - *Lã Bố truyện*) không ít người muốn làm Hoàng đế. Người khác muốn, Tôn Quyền không muốn chẳng? Theo tôi là muốn. Theo *Tam quốc chí* - *Lỗ Túc truyện*, Tôn Quyền xưng đế sau 22 năm, trước khi lên đàn còn quay lại nói với mọi người, bấy giờ Lỗ Tử Kính đã nghĩ tới hôm nay, thực là “thấu rõ sự đời”. Rõ ràng “chưa theo được lời đó” là chưa thành thực, “thấu rõ sự đời” mới là thực. Có điều, thực lực của tập đoàn Tôn thị, năng lực của cá nhân Tôn Quyền khi đó chưa đủ để thực hiện ước mơ làm Hoàng đế, vì vậy mới qua loa vài câu cho xong chuyện.

Sự việc đó nói rõ điều gì? Tôn Quyền biết nhẫn nhịn. Nhẫn nhịn là tố chất cần thiết của nhà quân sự, nhà chính trị. Những ai đã đọc *Tào Quế luận chiến* thì đều rõ: “Ra trận phải có dũng khí. Hăng xong rồi sẽ yếu, yếu rồi sẽ kiệt”. Tức là, khi hai bên đang dàn trận, ai biết nhẫn nhịn người đó sẽ hơn. Nếu địch mạnh ta yếu, lại càng phải nhẫn nhịn, nếu không là tự chuốc lấy diệt vong. Vì vậy, các nhà chính trị, nhà quân sự thành công đều là những người nhẫn nhịn trước, sau mới khắc địch, giành thắng lợi. “Địch tiến ta lui, địch ngừng ta quấy, địch mỏi ta đánh, địch chạy ta đuổi”, trước hết là



phải nhẫn nhịn (địch tiến ta lui), sau đó làm cho địch không nhịn được (địch ngừng ta quấy), cuối cùng mới có thể khắc địch giành thắng lợi.

Thực tế là trong quá trình sáng nghiệp, Tôn Quyền luôn biết nhẫn nhịn. Theo lời chú của Bùi Tùng Chi cuối thiên *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện*, Phó Huyền thời Tấn nói tới sự khác nhau giữa Tôn Sách và Tôn Quyền, nói tác phong của Tôn Sách “sáng suốt độc đoán, sức mạnh hơn người”, sách lược của Tôn Quyền “biết chờ thời cơ, binh không manh động”, cho nên “đánh ít bại và Giang Nam yên ổn”. Đúng, Tôn Quyền tuy “Làm chủ Đông Nam, chiến tranh không dứt” nhưng về cơ bản chỉ đánh những trận có đảm bảo. Và đã chủ động xuất kích thì luôn giành thắng lợi hoặc không có tổn thất lớn. Như năm Kiến An thứ VIII đánh Hoàng Tổ, kết quả “phá tan quân thuyền”; năm thứ XII lại đánh Hoàng Tổ, kết quả “dân chúng đến hàng”, năm thứ XIII, lần thứ ba đánh Hoàng Tổ, kết quả là “đánh vào thành” và “bắt kẻ cầm đầu”; năm thứ XIV đánh Tào Nhân, kết quả “Nhân bỏ thành mà chạy”; năm thứ XIX đánh Hoàn thành, kết quả là “phá thành”. Được như vậy, vì “binh không manh động”.

Duy còn một điều mọi người thấy khó hiểu là trận chiến Xích Bích.

Đúng. Nhiều người lấy làm khó hiểu vì sao Tôn Quyền lại liên Lưu chống Tào. Thứ nhất, cuộc chiến vốn chẳng có liên can gì, nhưng vì sao Tôn Quyền lại phải nhảy vào hồ nước đó? Thứ hai, cuộc chiến đó không chắc thắng, vì sao Tôn Quyền phải mạo hiểm? Thứ ba, cuộc chiến đó một bên không thân thiết (Lưu Bị), một bên không lễ tiết (Tào Tháo) thì vì sao Tôn Quyền lại nghiêng về một bên? Vì vậy, nhiều người cho rằng Tôn Quyền bị Lỗ Túc, Chu Du, Gia Cát Lượng kéo xuống nước, việc hình thành liên minh Tôn - Lưu quy công cho Lỗ Túc, Chu Du và Gia Cát Lượng. Trong quyển đầu *Phẩm Tam Quốc*, tôi cũng nói vậy.

Nhưng lúc này có thể nói với mọi người, người tạo dựng chính, liên minh Tôn - Lưu là Tôn Quyền, không phải Lưu Bị, không phải Khổng Minh, không phải Lỗ Túc, không phải Chu Du. Thực tế thì mấy truyện trong *Tam quốc chí* đã nói rất rõ. *Ngô chủ truyện* nói, Chu Du và Lỗ Túc “Tranh cãi xong xuôi, ý giống với Quyền”. *Chu Du truyện* dẫn lời Quyền “Ngài nói rất rõ, hợp ý cô đây”; *Lỗ Túc truyện* dẫn lời Tôn Quyền cũng nói, “ý của mọi người làm cô thất vọng, nay khanh có kế lớn, rất giống ý cô”. Lời chú dẫn *Giang Biểu truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Chu Du truyện* cũng nói, buổi tối Chu Du gặp Tôn Quyền muốn có 5 vạn tinh binh, Tôn Quyền nói lại “đã chọn 3 vạn người, thuyền lương, chiến cụ đầy đủ”, rồi để Chu Du, Lỗ Túc và Trình Phổ đi trước, mình hỗ trợ ở Sài Tang. Nếu bọn Chu Du ra quân thất lợi, Tôn Quyền chuẩn bị sống mái một trận với Tào Tháo (cô quyết chiến với Mạnh Đức).

Không còn gì rõ ràng hơn, quyết tâm liên Lưu chống Tào không phải ai khác, mà chính là Tôn Quyền. Nếu không, thì sao Tôn Quyền lại nói, kiến nghị của bọn Trương



Chiêu “khiến cô thất vọng”, lại nói, ý kiến của Lỗ Túc, Chu Du “chính giống ý cô”, “rất hợp ý cô”? Sao đã chuẩn bị xong cho Chu Du 3 vạn người, đến thuyền bè, lương thảo, vũ khí cũng đều có đủ? Sao lại có thể nói với Chu Du “gặp nhau có gì bất lợi sẽ trở lại, cô quyết đấu với Mạnh Đức một phen”? Rõ ràng là Tôn Quyền đã quyết định. Đôi mắt sáng của Tôn Quyền đã nhìn thấu qua sông, qua lớp sương mù, tới làn khói nhẹ tận vùng thượng du.

Dù vậy, Tôn Quyền vẫn giữ kín, xưa nay chưa từng chủ động nói rõ suy nghĩ của mình với người khác. Trong quá trình tìm quyết sách, Tôn Quyền luôn hỏi ý kiến mọi người. Lỗ Túc nói, Tôn Quyền vẫn muốn nghe Gia Cát Lượng nói. Gia Cát Lượng nói rồi, Tôn Quyền vẫn muốn nghe Chu Du nói. Mọi người có cảm giác như, Tôn Quyền đều nghe ý kiến mọi người. Tôn Quyền có đầy đủ tố chất một lãnh tụ. Tôn Quyền biết rất rõ, muốn có một quyết sách lớn, phải có sự bàn bạc kỹ lưỡng, phải có sự ủng hộ kiên quyết. Nói tới chủ chiến, tốt nhất là nghe ý kiến của phái chủ chiến (Lỗ Túc, Chu Du); nói tới liên minh, tốt nhất phải xem người chủ trương liên minh nói gì (Gia Cát Lượng). Có người bất đồng ý kiến (Trương Chiêu), không sao, đây đúng là lúc xem lại thái độ chính trị và lập trường chính trị của cá nhân người đó. Thời gian có kéo dài ra cũng không sao, Tôn Quyền biết nhẫn nại. Tôn Quyền hiểu rõ, chỉ có nhẫn nại mới có quyết sách đúng đắn, mới có thể khắc địch, thắng lợi.

Tôn Quyền nhẫn nại, thay đổi sắc mặt. Trong đời mình, không biết bao nhiêu lần Tôn Quyền đã trở mặt, Tôn Quyền và Lưu Biểu có thù đời đời, nhưng khi Lưu Biểu mất, Tôn Quyền cử Lỗ Túc đến viếng; Tôn Quyền và Lưu Bị là bạn liên minh, nhưng khi Quan Vũ đánh Tương Phàn, Tôn Quyền đã chọc dao ở sau lưng. Tôn Quyền liên Lưu rồi phản Lưu, hàng Tào rồi lại bội Tào, cho mượn Kinh châu rồi đoạt Kinh châu, thờ Tào rồi lại chửi Tào. Trước trận chiến Xích Bích, Tào Tháo khí thế dũng mãnh, Tôn Quyền chống lại; sau trận chiến Xích Bích, Tào Tháo thế công đã giảm, Tôn Quyền đầu hàng. Quan Vũ uy trấn Hoa Hạ, Tôn Quyền lên đánh; lúc Lưu Bị đại bại ở Di Lăng, Tôn Quyền xin hoà. Tôn Quyền giống như nhân vật trong truyện Cổ Long, vào lúc không thể bàn bạc được ở góc độ bế tắc, Tôn Quyền lại có chiêu có thể bàn bạc được, Tôn Quyền đánh cho Tào, Lưu đầu hôn mắt hoa, không biết phải làm gì nữa!

Xem ra Tôn Quyền là nhà chính trị thiên tài, bởi đã hiểu thế nào là chính trị. Thế nào là chính trị? Chính trị kỳ thực là quan hệ và có ba loại quan hệ chính trị: địch, ta và bạn. Ai là địch? Tào Ngụy (bao gồm Tào Tháo, Tào Phi, Tào Duệ). Ai là bạn? Lưu Bị là bạn. Nhưng “địch” là Tào Ngụy, luôn không nên đắc tội; còn “bạn” là Lưu Bị, lại luôn có thể trở mặt, không nhận. Vì vậy còn phải điều chỉnh sách lược, hóa địch thành bạn, hoặc anh trở mặt, tôi cũng trở mặt. Sau trận chiến Xích Bích, Tôn Quyền đánh Tào Tháo, đánh cả với Lưu Bị; và hoà với Lưu Bị cũng hoà cả với Tào Tháo. Coi đó là ngón nghề được Tôn Quyền dẫn rất khéo. Như tháng bảy năm Hoàng Sơ thứ II (Công nguyên



năm 221), Lưu Bị đến đánh, Tôn Quyền liền xưng thần với Tào Phi. Tháng sáu năm sau (Công nguyên năm 222), Tôn Quyền đánh bại Lưu Bị, đã trở mặt luôn. Chừng đến tháng Chín, Tào Phi sai Tào Tu, Tào Nhân, Tào Thực chia quân làm ba đường đánh tới, Tôn Quyền liền quay lại xin hoà với Lưu Bị, mặc dù lúc này Lưu Bị đang là bại tướng dưới trướng. Rõ ràng đây không phải là phản phúc vô thường mà là cung cách của người hay bị đánh, biết phải làm gì để từ trong kẽ hở đó có thể sinh tồn và phát triển.

Có người, đã biết điều đó, như Lưu Hoa, Lưu Hoa cho rằng không nên tin việc Tôn Quyền xưng thần. Theo *Tam quốc chí - Lưu Hoa truyện*, Lưu Hoa nói với Tào Phi, người Ngô ở xa, ngoài Trường Giang và Hán Thủy (xa xôi bên ngoài Giang và Hán), từ lâu đã không có ý thần phục (không có bụng thần phục từ lâu), sao bỗng dưng chạy đến biểu lộ sự trung thành? Nhất định vì “ngoại bức trong loạn” mới đến làm chúng ta dao động. Trên thực tế, Tôn Quyền đâu chỉ làm dao động một lần? Trước đây đã thường làm dao động. Phía Đông Ngô không chỉ có Tôn Quyền biết làm dao động? Nhiều người khác cũng biết. Lúc Quan Vũ đánh Trương, Phàn, Lã Mông và Lục Tồn đã làm cho Quan Vũ dao động đấy thôi? Đó là cái gì? Như lời của Bùi Tùng Chi trong chú dẫn *Phó tử*, đó là “cái lợi của nước nhỏ”. Nhược tiểu, không nên cứng quá, phải có biện pháp, phải biết uốn mình cầu toàn, thậm chí phải quanh co để cứu nước.

Làm được như vậy không phải dễ, không chỉ phải nhẫn nhịn, biết trở mặt, còn phải biết cong lưng uốn gối. Tôn Quyền làm được điều này. Cứ như việc nhận sách phong của Tào Phi, thực không đơn giản. Trước đây, cùng đứng cùng ngôi, bây giờ phải cúi đầu xưng thần, một sự thay đổi lớn? Trước đây chỉ mặt mũi chửi người ta là “giặc Hán”, lúc này lại uốn gối gọi người ta là “hoàng thượng” liệu có làm được như vậy không? Trước đây luôn miệng là “hết sức phò tá nhà Hán”, bây giờ đến làm “Ngụy thần”, biết giải thích sao đây? Vì vậy có nhiều người ở Giang Đông không đồng tình. Tôn Thịnh cũng nói, nếu theo “lời bàn của quần thần” thì cả đời xưng là “Hán tướng”, không xưng là “Ngụy thần”, há chẳng phải “đạo nghĩa hợp tình, mà đức nhân cảm hoá trăm đời sao?” Tôn Thịnh còn nói, giữ nghĩa thì không nhục, đến như Bá Di, Thúc Tề, Lỗ Trọng Liên còn chịu được hai chữ “thất phu”, đảng này chỉ là “vua một nước” trong “thiên hạ chia ba” sao không làm được?

Đó là lời nói trong sách vở. Làm người cũng nên như Bá Di, Thúc Tề “không ăn gạo nhà Chu” hoặc Lỗ Trọng Liên “vì nghĩa không chịu tôn xưng Tần làm đế”. Nhưng là một nhà chính trị thì không thể chỉ nghĩ đến danh dự đạo đức của cá nhân mà phải nghĩ tới đại thể thiên hạ và lợi ích đất nước. Trên thực tế thì ngay như Gia Cát Lượng có lúc cũng phải biến hoá. Theo chú dẫn *Hán Tân Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện*, thời Thục Hán năm Kiến Hưng thứ VII (Công nguyên năm 229), Tôn Quyền xưng đế, đã phái sứ giả đến Thục Hán, mong muốn “hai đế cùng tồn tại”, tức là nước Ngô thừa nhận Thục đế là Hoàng đế, nước Thục cũng thừa



nhận Ngô đế là Hoàng đế và đều không thừa nhận Ngụy đế là hoàng đế. Kết quả là triều đình Thục Hán đã bàn luận sôi nổi. Và theo đạo đức truyền thống thì, trời không thể có hai mặt, người không thể thờ hai vua, vậy làm sao có đến hai Hoàng đế trong thiên hạ? Vì vậy tất cả nhất trí chủ trương (người người không nên) tuyệt giao với Ngô (xoá bỏ liên minh).

Nhưng Gia Cát Lượng đã ngược lại, chủ trương thừa nhận Ngô đế, vì Thục Hán cần có sự “giúp đỡ của phía đó”. Rõ ràng, điều mà Gia Cát Lượng suy nghĩ không phải là hai chữ “đại nghĩa” chung chung mà suy nghĩ đến lợi ích của đất nước một cách thực tế. Quan trọng là Gia Cát Lượng đã nêu rõ một điều, quyết sách chính xác của nhà chính trị kiệt xuất phải “quyền thông biến hoá, nhìn xa trông rộng”, tuyệt không phải “nổi bực của kẻ thất phu”. Cũng tức là, nhà chính trị cần phải biết thời rõ thế (ứng quyền), nhìn thời mà biến hoá (thông biến), mưu sâu kế xa (nghĩ rộng), nghĩ tới lợi ích cơ bản, lợi ích lâu dài của nhân dân đất nước (lợi ích xa) không cần sự bực dọc của thất phu, không cần chủ nghĩa giáo điều. Lời nói rất hay! Mấy lời nói của Gia Cát Lượng khiến cho kẻ “thất phu phần nộ” kia có thể nghỉ được rồi.

Thực tế thì Tôn Quyền đã “nhìn thời thế mà biến hoá, nghĩ đến lợi ích lâu dài”. Tôn Quyền tuy phải khom lưng uốn gối với Ngụy, có sự so sánh không xác đáng lắm, là “bán nghệ nhưng không bán thân”, nhưng bản thân vẫn là bản thân, giữ được nguyên tắc, giữ được đường lối. Ví dụ Tào Ngụy nhiều lần muốn Tôn Quyền cho con cái đến kinh thành làm con tin, nhưng Tôn Quyền đâu có nghe. Rõ ràng không phải là thực bụng quy thuận, *Ngô chủ truyện*, “ngoài công việc ra, thành tâm là không thực”. Đây không phải là trò hai mặt, mà là bất đắc dĩ. Và Tôn Quyền còn công khai sự “không thành tâm” của mình. Theo *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện*, sau khi tiếp nhận phong hiệu Ngô vương, Tôn Quyền phái đô úy Triệu Tư sang sứ nước Ngụy. Vừa có mặt, Tào Phi đã hỏi Triệu Tư, “Ngô vương là loại chủ thế nào?” Triệu Tư nói: “Là chủ thông minh, nhân trí và hùng lược”. Tào Phi cảm thấy thú vị, hỏi tỉ mỉ hơn, Triệu Tư cứ giải thích từng chữ một (nhận Lỗ Túc giỏi giang là thông vậy; phái Lã Mông ra trận là minh vậy; thu Vu Cấm và không hại là nhân vậy; lấy Kinh châu, quân không đổ máu là trí vậy), cuối cùng nói thêm: “giữ ba châu nhìn thiên hạ chằm chằm là hùng vậy; khuất mình dưới bệ hạ là lược vậy”. Rõ ràng chưa! “Khuất mình dưới bệ hạ” là sự dao động, “nhìn thiên hạ chằm chằm” mới là thực.

Vấn đề không phải ở chỗ Tôn Quyền có thể nghĩ như vậy, có thể nói như vậy, mà đây là lời nói của sứ thần trước mặt Tào Phi, thế mới là giỏi. Điều đó nói lên điều gì? Nói rõ Tôn Quyền không chỉ có thể khom lưng mà còn có thể ngẩng đầu. Và ngay cả khi “Khuất mình dưới bệ hạ” thì đầu vẫn ngẩng lên. Tôn Quyền khom lưng nhưng không quỳ gối, quỳ gối nhưng không đầu hàng, ngạo xương nhưng không ngạo khí, có thể co có thể duỗi, có thể duỗi có thể co. Sứ thần của Tôn Quyền cũng chẳng kém cạnh gì trước



mặt Tào Phi. Theo chú dẫn *Ngô thư* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện*, Triệu Tư còn có buổi nói chuyện nữa với Tào Phi, cậu mình học vẫn tốt là nhà thơ lớn nhà lý luận lớn, Tào Phi với bộ mặt trào lộng đã hỏi Triệu Tư: Ngô vương cũng hiểu học thuật chứ? Triệu Tư nói, Ngô vương giữ hàng ngàn dặm đường sông, thống soái trăm vạn hùng binh, dẫn đầu nhiều người hiền tài. Chí hướng Tôn Quyền cao như núi dài như sông. Vì vậy, Tôn Quyền tuy đọc hàng đồng sách nhưng không hề bối lộng tìm vết, tầm chương trích cú. Tào Phi lại hỏi trăm có thể đánh nước Ngô không? Triệu Tư nói, bệ hạ có quân đội của bệ hạ, vua của thần có sự phòng vệ của Người (nước lớn có quân chinh phạt, nước nhỏ có phòng vệ kiên cố). Tào Phi hỏi nữa, nước Ngô có sợ Đại Ngụy của ta không? Triệu Tư nói, tinh binh cường tướng trăm vạn hùng binh, Trường Giang Hán Thủy lại có thành cao hào sâu, sợ cái gì! Tào Phi hỏi tiếp, bên nước Ngô, người giống như các hạ đây có nhiều không? Triệu Tư nói, có chừng chín, mười người thông minh đặc biệt! Còn như thần đây thì “vô khối, không sao đếm xuể”.

Triệu Tư nói đúng, trong thâm tâm Tôn Quyền đang nhìn “thiên hạ chằm chằm”. Và Tôn Quyền biết nhẫn nhịn, biết trở mặt, biết khom lưng, biết ngẩng đầu, nên cuối cùng đã thực hiện được mục đích của mình. Theo *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện*, mùa xuân niên hiệu Hoàng Long năm đầu (Công nguyên năm 229), quân thần lần nữa khuyến tiến. Lần này Tôn Quyền không từ chối và đã lên ngôi Hoàng đế ở Nam giao Vũ Xương (nay là thị trấn Ngạc Châu, Hồ Bắc). Vì sao lúc này Tôn Quyền lại không sợ? Vì ba năm trước Tào Phi đã qua đời, Tào Duệ kế vị, Tôn Quyền thấy không đáng sợ. Bên phía Thục Hán, Gia Cát Lượng cầm quyền, là người kiên quyết chủ trương phải có liên minh Ngô - Thục. Chính quyền trong nước đã “Giang Đông hoá”, bước đầu ổn định. Từ lâu Lục Tồn đã là thống soái, Cố Ung là thừa tướng (niên hiệu Hoàng Võ năm thứ IV, tức Công nguyên năm 225). Tôn Quyền có thể yên tâm, lộn phải hoàng bào, mặc vào người.

Tôn Quyền tính toán không sai. Tôn Quyền xưng đế được các nước láng giềng thừa nhận. Tháng sáu, Gia Cát Lượng phái Vệ úy Trần Chấn đến chúc mừng. Hai nước ký “điều ước không xâm phạm lẫn nhau”, cùng nhau tiêu diệt Tào Ngụy, “phi Hán và Ngô, không ai thắng nhiệm được” và hẹn nhau “Nếu ai hại Hán thì Ngô sẽ đánh; nếu ai hại Ngô thì Hán sẽ đánh”. Trên giấy họ còn có dự án phân chia địa bàn của Tào Ngụy: Dự châu, Thanh châu, Từ châu, U châu thuộc Ngô, Duyện châu, Ký châu, Tinh châu, Lương châu thuộc Thục, Tư châu mỗi nhà một nửa. Lúc này cách lúc Tào Phi xưng đế (Công nguyên năm 220) là 9 năm, cách lúc Lưu Bị xưng đế (Công nguyên năm 221) là 8 năm. Tôn Quyền thực biết nhẫn nhịn.

Thực tế Tôn Quyền không phải tầm thường mà rất anh vũ, thậm chí đã tự lên ngựa bắn hổ. Tôn Quyền cũng không hề để lộ mình là nhay bén, như ở trận Xích Bích. Nhưng Tôn Quyền rất hiểu, trước hết bản thân phải là “vị vua biết giữ”, sau đó mới thành “vị vua khai sáng”. Con đường của Tôn Quyền trước hết phải thức thời, sau mới



thành tuần kiệt; trước hết vờ là Tôn Tử, sau mới thành bá vương. Vì vậy Tôn Quyền có thể che giấu sự sắc sảo của mình, hoặc “đôi lúc mới lộ ra”. Trần Thọ nói: Tôn Quyền có “sự kỳ tài của Câu Tiễn”, có thể là nguyên nhân đó. Cũng tức là, đặc điểm của Tôn Quyền là anh vũ hào hùng lại có tài che giấu nhẫn nhịn.

Xem ra, Tôn Quyền còn là người có sức hấp dẫn, nhưng như vậy là chưa đủ. Hạng Võ, Viên Thiệu cũng có sức hấp dẫn, nhưng vì sao lại không thành công? Vì không biết dùng người. Tôn Quyền thành công vì Tôn Quyền biết dùng người. Vậy, Tôn Quyền có đặc điểm gì lúc dùng người?

Tập thứ bốn mươi nhăm: TÌNH TRÒI HẠN BIÊN

Tào Tháo, Tôn Quyền, Lưu Bị, Gia Cát Lượng là người lãnh đạo chủ yếu thời Tam Quốc. Đặc điểm của họ là biết dùng người, vì vậy mới được mọi người ủng hộ, tạo nên thế chân vạc. Nhưng tác phong và cách làm của từng người là khác nhau. Vậy đặc điểm của Tôn Quyền là gì? Tác phong của Tôn Quyền biểu hiện ở mặt nào? Và được hình thành như thế nào, đã đầy đủ chưa?

Ở tập trước, chúng ta đã nói sơ qua về con đường thành công của Tôn Quyền. Ở đây, chúng ta nhìn thấy nguyên nhân về mặt sách lược chính trị và tổ chức con người Tôn Quyền, tức là lòng có chí lớn, không lộ sự sắc bén, hiểu đời biết thế, co được duỗi được. Như lời Triệu Tư - sứ thần nước Ngô, tức là “hùng lược”. Nhưng đây chỉ là một trong những nguyên nhân khiến Tôn Quyền thành công. Muốn nói tương đối toàn diện e phải dùng tám chữ trong lời bình *Ngô chủ truyện* của Trần Thọ là “Uốn mình nhẫn nhục, sử dụng kế hay”. Trần Thọ cho rằng, vì thế nên Tôn Quyền mới có thể độc chiếm Giang Đông (tự chiếm Giang Biểu), hình thành thế chân vạc. Cũng tức là nói, Tôn Quyền thành công vì có ba nguyên nhân: nhẫn nhục với trọng trách, túc trí đa mưu, khéo biết dùng người. Hai nguyên nhân đầu, ít nhiều đã nói ở tập trước. Ở tập này, chúng ta nói tới cách dùng người của Tôn Quyền.

Chúng ta đều biết, Tam Quốc là thời đại nhân tài như mây gió gặp gỡ. Tào Tháo, Tôn Quyền, Lưu Bị, Gia Cát Lượng là những người lãnh đạo chủ yếu của thời Tam Quốc và đều là những người giỏi dùng người. Đúng như lời Triệu Dực nói trong *Nhị thập nhị sử trát ký*, “nhân tài thịnh nhất ở thời Tam Quốc, chủ của thời Tam Quốc đều biết dùng người, nên được nhiều người ủng hộ, mới thành được thế chân vạc”. Nếu cần có “bảng xếp thứ tự” (chỉ là việc dùng người; không phải đánh giá toàn diện) thì Tào Tháo là người xếp hàng đầu. Tào Tháo giỏi dùng người, từng nổi tiếng thời đó. Tôn Quyền nói về cách dùng người của Tào Tháo “Từ xưa ít có”. Tôn Quyền đã nói với Gia Cát Lượng như vậy, ý muốn nói, Tào Ngụy ngày một sa sút “Phi so với Tháo, vạn lần không bằng, nay Duệ không bằng Phi, do Phi không bằng Tháo vậy”. Nhưng Tôn Quyền đánh giá Tào Tháo lại rất “ngghiêm khắc”. Theo *Tam quốc chí - Gia Cát Cẩn truyện*, Tôn



Quyền nói với Gia Cát Lượng, Tào Tháo có phần quá đáng khi sát phạt (dùng sát phạt là hơi quá); về phần li gián thân tình cốt nhục thì thực khốc liệt (li gián cốt nhục người khác quá khốc liệt). Còn như việc dùng người (Khanh tướng), xưa nay ít thấy (từ xưa ít có).

Lời của Tôn Quyền có thể nói lại. Nói Tào Tháo “sát phạt có phần quá đáng” là không đúng, phải nói là “rất quá đáng”. Bản thân Tôn Quyền cũng giết người, nên đã nói như vậy. Còn việc đánh giá cách dùng người của Tào Tháo, cần phải nói công bằng khách quan, vì đây là cuộc chuyện trò giữa những người trong nhà với nhau, không cần phải nịnh bợ Tào Tháo - vừa là “kẻ thù” vừa là kẻ “sát nhân”. Và Tôn Quyền cũng là “chủ nhân” cũng biết dùng người, việc gì phải cố ý tâng bốc người khác? Trên thực tế, mức độ dùng người của Tôn Quyền cũng chỉ ở dưới Tào Tháo. Trong *Lưu Bị truyện*, ngài Trương Tác Diệu cũng nói, “đạo dùng người của Tôn Quyền cao hơn Lưu Bị”. Ngay như nước địch cũng không thể không bái phục Tôn Quyền giỏi dùng người. Vào tháng chín, niên hiệu Hoàng Vũ thứ III (Công nguyên năm 224), lúc thống lĩnh đại quân chuẩn bị đánh Ngô, Tào Phi từng đứng trên bờ Trường Giang mà cảm thán “Đây có người tài, chưa thể lấy được”, rồi cho lui quân. Trong *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện* có ghi lời này. Cũng vậy, khi Gia Cát Lượng nói vì sao không thể trở mặt với Đông Ngô, một trong những lí do là “ở đó người tài quá đông, người người tập mực”. Xem lời chú dẫn *Hán Tấn Xuân Thu* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Gia Cát Lượng truyện*. Tập mực là hoà mực. “Ở đó người tài quá đông, người người tập mực” là người tài chật ních, trên dưới cùng lòng cùng đức. Đó là đặc điểm thời đầu của tập đoàn Tôn Quyền (thời cuối thì ngược lại, sau này sẽ nói). Hơn nữa, nhân tài là thủ hạ của Tôn Quyền nhiều không kể hết. Về võ tướng, sau Chu Du có Lỗ Túc, sau Lỗ Túc có Lã Mông, sau Lã Mông có Lục Tồn, về năng lực trình độ, trên dưới gần như nhau. Lục Tồn văn võ toàn tài. Về văn thần có Trương Chiêu, Cố Ung, Gia Cát Cẩn, Bộ Trắc, một thời nổi danh.

Thực kỳ lạ, vì sao Đông Ngô lại có sức hút mạnh như vậy?

Đương nhiên, nguyên nhân có ở nhiều mặt nhưng khẳng định rằng, một trong những nguyên nhân quan trọng là Tôn Quyền giỏi dùng người. Vì sao Tôn Quyền lại giỏi dùng người? Phải nói thế này, Tôn Quyền hiểu rất nhiều người tài ở nước khác và rất muốn có họ. Ví dụ Tôn Quyền từng đoán rằng một khi Gia Cát Lượng qua đời thì Dương Nghi và Ngụy Diên “tất sẽ nhiễu loạn”, chuyện này đã nói trong tập “Hoạ từ bên trong”. Tôn Quyền trò chuyện với Phí Y; Tôn Quyền rất tán thưởng Phí Y. Lần đầu Phí Y sang sứ nước Ngô, Tôn Quyền rất xem trọng, theo *Tam quốc chí - Phí Y truyện*, lúc đó với thân phận là “Chiêu tín hiệu úy”, Phí Y sang sứ nước Ngô, theo lệ Tôn Quyền mở tiệc khoản đãi. Tôn Quyền vốn là người giỏi ăn giỏi nói (tính tình vui vẻ), bắt đầu những câu chuyện vui (hết sức trào lộng). Bọn thủ hạ của Tôn Quyền như Gia Cát Khắc,



người người mồm mép ghê gớm. Kết quả bữa tiệc thành nơi “cười cợt không dứt”, về phần Phí Y vẫn “đáp lại bằng những lời đầy lý lẽ, nghĩa tình chân thành”. Tôn Quyền vô cùng tán thưởng, nói với Phí Y, trên đời này, ngài là người đức tài đầy đủ (thiên hạ hiện minh) nhất định sẽ trở thành rường cột của nước Thục (tất là bây tôi chủ chốt của triều Thục), từ nay e sẽ khó được gặp lại.

Phí Y đã đấu lại với quần nho ra sao, không thấy ghi trong *Phí Y truyện*. Nhưng lời chú dẫn *Khắc biệt truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Gia Cát Khắc truyện* có ghi, còn là chuyện vui chưa từng nghe. Nghe nói lúc Phí Y vào phòng tiệc, mọi người đang cúi đầu ăn uống, riêng Tôn Quyền đứng dậy ra đón, trước đó Tôn Quyền đã vẫy gọi Phí Y. Vừa gặp mặt, Phí Y đã đọc bốn câu thơ: “Phượng hoàng bay lượn, kỳ lân vất vả. Lừa kia vô tri, mãi ăn những gì”. Như vậy, bên phía Đông Ngô còn mặt mũi nào nữa! Thế rồi Gia Cát Khắc cũng đọc luôn mấy câu: “Thích trồng Ngô đồng, chờ đón phượng hoàng. Có con chim sẻ, cũng đến lượn lờ. Sao không bắn ngay, chốn cũ đuổi về”, coi là sự trả miếng. Ở đây, Phí Y chỉ cười cợt quần thần Đông Ngô (họ cũng “đáng bị như vậy”) và vẫn giữ sĩ diện cho Tôn Quyền (kỳ lân vất vả), về cách điệu rõ ràng là hay hơn Gia Cát Khắc.

Loại “Khẩu thủy chiến” như thế này là chuyện thường tình trong lịch sử ngoại giao của Ngô - Thục, không trở ngại gì đến tình cảm bang giao giữa hai nước. Đây chỉ là một “bông hoa”, không phải là nội dung đàm phán ngoại giao. Sứ Ngô Phí Y nhất định sẽ còn nhiều biểu hiện tinh tế hơn, Tôn Quyền hết sức tán thưởng. Theo chú dẫn *Phí biệt truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Phí Y truyện*, Tôn Quyền còn “tặng luôn cả bảo đao cầm trong tay”. Một việc làm hết sức tình cảm. Trung Quốc xưa có câu nói, bảo đao tặng liệt sĩ, hàng cốt bán cho người sành. Quân nhân tặng nhau vũ khí, bước đầu coi nhau như hảo hán. Huống chi một nguyên thủ quốc gia tặng sứ thần nước ngoài và tặng phẩm lại là thứ vũ khí đeo trên người. Điều đó bao hàm rất nhiều ý nghĩa: là kính trọng, tán thưởng, tín nhiệm. Phí Y vô cùng xúc động. Phí Y nói, thần tài đức gì mà được coi trọng nhường ấy? Có điều, đao, dùng để “đánh kẻ chưa phục, cầm bạo loạn”, vậy cung kính không bằng tuân lệnh. Mong đại vương “xây dựng nghiệp lớn, cùng hưởng với Hán thất”. Thần tuy ngu muội, nhưng nhất định sẽ không phụ sự trông đợi của đại vương.

Ở đây, chúng ta thấy rõ đặc điểm dùng người của Tôn Quyền, tức là “bằng tình cảm”. Với mười hai chữ, tôi có thể khái quát được đặc điểm dùng người của những vị lãnh đạo chủ yếu trong thời Tam Quốc (bao gồm cả Gia Cát Lượng, thực thể chỉ là hạt nhân lãnh đạo, không phải quân chủ): Tháo lấy trí, Quyền lấy tình, Bị lấy nghĩa, Lượng lấy pháp. Tức là, Tào Tháo dựa vào trí tuệ, Tôn Quyền dựa vào tình cảm, Lưu Bị dựa vào nghĩa khí, Gia Cát Lượng dựa vào pháp chế. Và, chính vì Gia Cát Lượng công khai, công minh, công bằng trị nước theo phép, dùng người theo phép, vì vậy trong chính phủ



mới không có quan lại tham ô (lại không dung gian), ai nấy cần mẫn, quên mình vì công việc (cần phải quên mình). Có thể nói, chính phủ của Gia Cát Lượng giống chính phủ nhất.

Chính phủ của Tào Tháo, Tôn Quyền, Lưu Bị không ra một chính phủ. Tào Tháo có chút giống như xa lông, Lưu Bị hơi giống bang hội, đó cũng là ý muốn của họ. Bởi vì Tào Tháo, Lưu Bị và cả Tôn Quyền nữa, đều là một quá trình từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ quân phiệt đến đế vương. Tương ứng với đó, bộ hạ của họ cũng có một quá trình diễn biến, trước đó là tướng quân mạc phủ, sau này mới là triều đình đế vương. Mạc phủ mang nhiều sắc thái cá nhân. Quan tính cách thế nào thì mạc phủ cũng có phong cách tương tự. Tháo lấy trí nên mạc phủ tựa như xa lông; Bị lấy nghĩa, đương nhiên mạc phủ giống bang hội, cũng giống như “cái bang”.

Vậy, mạc phủ của Tôn Quyền là thế nào?

Giống một gia đình. Trương Chiêu là “trọng phụ”, Chu Du là “huynh trưởng”. Địa vị “trọng phụ” của Trương Chiêu được xác định ngay từ thời Tôn Sách, chúng ta đã nói tới trong tập “Giang Đông cơ nghiệp”. Chu Du từ bé chỉ “chơi bời hữu hảo” với một mình Tôn Sách, hai người từng “thăng đường bá tử, vô cùng hoà hợp”, là anh em keo sơn. Về sau, mẹ Tôn Quyền là Ngô phu nhân đã dặn dò, ta coi Chu Du như con ruột (coi như con), muốn Tôn Quyền phải gọi Chu Du là anh (người cùng anh lo việc), trong tập “Đề trụ giữa dòng nước”, chúng ta đã nói tới. Chu Du cùng Tôn Quyền thân như người nhà, cùng Lỗ Túc thân như anh em, vì vậy Tôn Quyền cũng thân tình với Lỗ Túc. Thực tế thì Lỗ Túc chạy sang với Tôn Quyền, Tôn Quyền đã chu cấp cho mẹ Lỗ Túc quần áo, chăn màn, đồ dùng sinh hoạt, giống như cháu đối với thím vậy. Việc này có ghi trong *Lỗ Túc truyện*, còn Lỗ Túc thì sao? Đã nhận mẹ Lã Mông là mẹ, Lỗ Túc và Lã Mông khác gì anh em. Việc này có ghi trong *Lã Mông truyện*. Lã Mông và Lỗ Túc là anh em, Lỗ Túc và Chu Du là anh em, Chu Du và Tôn Quyền là anh em, nên gọi là gì? “Anh em liên hoàn”.

Cũng giống như bên phía Lưu Bị, thân như anh em, trọng tình trọng nghĩa. Nói chung là, Lưu Bị trọng nghĩa hơn, Tôn Quyền trọng tình hơn. Có thể đây là sự khác biệt trong văn hoá Nam và Bắc. Người miền Nam trọng tình, người miền Bắc trọng nghĩa. Vì vậy, quan hệ giữa Lưu Bị và Quan Vũ, Trương Phi, trước sau xuyên suốt qua chữ “nghĩa”, bên phía Tôn Quyền thì tình cảm là màu sắc nồng hậu nhất. Trong *Chu Du truyện* nói, lúc Chu Du qua đời, Tôn Quyền “mặc tang phục cử lễ tang, người người đều cảm động”, Tôn Quyền đến tận Vu Hồ nhận linh cữu. Mãi về sau, Tôn Quyền không thể quên được Chu Du, nói Chu Du đã có công đánh bại Tào Tháo, đoạt Kinh châu, vì vậy “cô nhớ Công Căn, lẽ nào quên được” (Đó là sự hàm ơn, nhớ chuyện cũ, tình cảm vô cùng).



Tôn Quyền đối với Lỗ Túc, Lã Mông cũng vậy. Theo *Lỗ Túc truyện*, lúc Lỗ Túc qua đời, Tôn Quyền “cử ai” và “tham gia chôn cất”. *Lã Mông truyện* nói, lúc Lã Mông bệnh nặng, Tôn Quyền đón Lã Mông vào trong điện, tìm danh y khắp nơi đến cứu chữa. Lúc đó, bệnh của Lã Mông phải được châm cứu. Mỗi lần kim châm, Tôn Quyền đều thấy đau đớn (khi châm kim, Quyền thấy đau đớn). Tôn Quyền muốn xem sắc thái của Lã Mông như thế nào, nhưng lại sợ như vậy Lã Mông phải hành lễ, phải vất vả, đành phải chọc lỗ ở trên tường, lén nhìn sang. Thấy Lã Mông ăn được chút gì đó thì Tôn Quyền mặt mày rạng rỡ. Nếu Lã Mông không ăn được, Tôn Quyền liền thở ngắn than dài, suốt đêm trằn trọc. Thế chẳng phải như đối với người thân sao?

Bộ ba của Tôn Quyền đều có cảm giác đó, ít ra cũng được như Chu Du. Chu Du nói quan hệ của mình với Tôn Quyền “ngoài là nghĩa vua tôi, trong là tình cốt nhục”. Đó là lời Chu Du nói với Tưởng Cán. Theo chú dẫn *Giang Biểu truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Chu Du truyện*, Tưởng Cán đẹp người, tài mạo song toàn, “có nghị dung, tài biện luận, cả vùng Giang Hoài không ai bì kịp”, Tưởng Cán người Cửu Giang, Chu Du ở Lư Giang. Bấy giờ Cửu Giang và Lư Giang đều thuộc Dương châu, hai người coi là đồng hương. Đồng hương gặp đồng hương, hai mắt ứa lệ. Tào Tháo liền cử Tưởng Cán làm thuyết khách. Theo *Tư trị thông giám*, thời gian cụ thể là vào năm Kiến An thứ XIV, không thể có cái gọi là đạo sách. Cụ thể là sau thất bại ở trận chiến Xích Bích, Tào Tháo biết Chu Du là nhân vật lợi hại, mới có bụng sách phản, muốn để Tưởng Cán đến lôi kéo Chu Du.

Chu Du biết rõ bụng dạ của Tào Tháo. Vì vậy, lúc Tưởng Cán vừa đến doanh trại, Chu Du đứng ở cửa đã cười ầm lên, nói: Tử Dục thực vất vả! Đường xá xa xôi tới đây, để làm thuyết khách cho Tào Tháo phải không? Ba hôm sau, Chu Du còn đưa Tưởng Cán đi tham quan và mở tiệc khoản đãi. Trong tiệc, Chu Du nói với Tưởng Cán, nam tử hán đại trượng phu thực khó để có được “người chủ tri kỷ”, có thể “ngoài là nghĩa quân thần, trong là tình cốt nhục, cùng nhau lo liệu, họa phúc cùng hưởng”. Có được buổi quân thần gặp gỡ như vậy thì ngang như Trương Nghi, Tô Tần, Lê Thực sống lại, Chu Du còn sờ vai Tưởng Cán, cười hì hì từ chối Tưởng Cán (sờ vào vai, cắt lời nói), hướng chi là tức hạ? Tưởng Cán biết là không lay chuyển được Chu Du, nên chỉ vui vẻ mà không nói gì cả (chỉ cười và không nói). Sau khi trở về, Tưởng Cán nói với Tào Tháo, Chu Du là người khoan dung đại lượng, phẩm hạnh cao thượng (nhã lượng rất cao), không hề li gián bằng mấy lời hoa mỹ, giáo hoạt (không thể li gián bằng lời), cho qua việc này.

Đương nhiên, Chu Du “nhã lượng rất cao”, nhưng Tôn Quyền đã biểu hiện “tình như cốt nhục”. Rõ ràng, không phải mọi người đều có cảm nhận của Chu Du. Chẳng phải là trong một gia đình, một gia tộc cũng luôn có sự thân sơ, xa cách hay sao? Lúc này ở Tôn Quyền đã hình thành phong cách dùng người như vậy, cũng là chuyện thường,



bởi vì chính quyền Đông Ngô của Tôn Quyền vốn là một “công ty gia tộc”. Tôn Quyền, từ bé đã lăn lộn trong “công ty” đó, cùng với số tướng lĩnh Hoài Tứ vào sinh ra tử, kết nối tình hữu nghị sâu sắc rất tự nhiên. Huống chi tập đoàn Tôn thị khi đó cũng chỉ là một đội ngũ, không phải vương triều, không có gì là phức tạp, nhiều vẻ. (*Chu Du truyện* nói lúc Tôn Quyền thay thế “chủ tướng, tân khách cùng làm lễ đơn giản”) thân như người nhà, không có gì là lạ. Lúc đọc *Tam quốc chí*, chúng ta luôn phát hiện thấy Tôn Quyền thường uống rượu vui vẻ với quần thần, có thể đó là tình hình lúc sáng nghiệp còn rơi rớt lại.

Điều khó thấy là Tôn Quyền lại có thể đưa tình cảm vào trong lĩnh vực chính trị. Ví dụ sau đây nói rõ điều đó. Theo *Tam quốc chí - Chu Thái truyện*, vào năm Kiến An thứ XVIII (Công nguyên năm 213), Tào Tháo lui quân về Nhu Tu khẩu. Tôn Quyền nhiệm mệnh Chu Thái, một người xuất thân bản tiện là Bình Lỗ tướng quân ra trấn giữ vùng đó, Chu Nhiên và Từ Thịnh là phó. Tôn Quyền biết là Chu Nhiên và Từ Thịnh không phục, nên mới mượn cớ đi tuần sát, yến tiệc với chư tướng. Tôn Quyền lần lượt rót rượu cho từng người. Lúc đến trước mặt Chu Thái, Tôn Quyền bảo Chu Thái cởi áo ra, mọi người không hiểu, giương mắt nhìn. Thì ra trên người Chu Thái đầy những vết thương, không còn chỗ nào lành lặn. Tôn Quyền chỉ tay vào từng vết thương và hỏi lý do. Chu Thái lần lượt trả lời từng bị thương ở những chiến trường nào. Theo chú dẫn *Giang Biểu truyện* của Bùi Tùng Chi, lúc đó Tôn Quyền đã khóc. Tôn Quyền ôm Chu Thái, miệng gọi tên cúng cơm, Ấu Bình ơi Ấu Bình, người liều mạng chiến đấu vì anh em cô! Sao cô lại không thể coi người như anh em thân thiết (sao cô lại không đãi khanh như tình cốt nhục), sao lại không thể giao người trọng trách (uỷ khanh nắm trọng quyền binh mã)? Cứ yên tâm, đừng vì xuất thân nghèo hèn mà e ngại (đừng vì nghèo hèn mà chùn bước), cô và người có tình thân thích, vinh nhục cùng chịu (cô và khanh cùng vinh nhục, như thân thích)! Mọi người đều khâm phục, kể cả Chu Nhiên và Từ Thịnh.

Tôn Quyền lấy “tình cốt nhục” xử sự với các tướng lĩnh Hoài Tứ, những người đã cùng Tôn Sách giành giang sơn như Chu Du, Chu Thái, xử sự với nhiều người khác như Gia Cát Cẩn. Theo *Tam quốc chí - Gia Cát Cẩn truyện*. Trước trận chiến Di Lăng, Gia Cát Cẩn là anh Gia Cát Lượng từng có thư khuyên Lưu Bị lui quân. Có người phao tin nói Gia Cát Cẩn “thông với nước ngoài”. Và theo lời chú dẫn *Giang Biểu truyện* của Bùi Tùng Chi, sự việc trở nên âm ỉ (truyền ra ngoài), ngay như Lục Tốn cũng cảm thấy khó chịu, kiến nghị Tôn Quyền tìm cách dập tắt tin đồn. Tôn Quyền một mặt nói rõ, “Cô và Tử Du có lời thề sống chết bên nhau”, Tử Du sẽ không phản cô, cô cũng vậy không hề phản Tử Du. Đồng thời Tôn Quyền còn có thư gửi Lục Tốn, cô và Tử Du đã nhiều năm “tình như cốt nhục”, hiểu rõ Tử Du là người “không làm điều trái đạo, không nói lời phi nghĩa”. Nhớ năm nào khi ngài Khổng Minh sang sứ nước ta, cô muốn Tử Du giữ Gia Cát Lượng lại (chọc phá đối phương), cô nói với Tử Du, em phải theo anh, xưa nay vẫn vậy! Nếu Khổng Minh ưng thuận, cô sẽ nói rõ với Lưu Huyền Đức. Biết Tử Du



nói gì không? Tử Du nói, xá đệ đã theo Lưu Dự Châu thì sẽ “không hai lòng”. Xá đệ sẽ không ở lại đâu, giống như tại hạ sẽ không bao giờ chạy sang với Lưu Dự Châu. Thấy chưa, lòng thành đó đã được thần thánh chứng giám! Vì vậy, cô đã trao hết sổ thư cáo giác đó cho Tử Du. Lá thư này của Khanh cô cũng sẽ gửi đi, để Tử Du là “thần giao”, sẽ không có lời đường mật nào li gián nổi.

Rõ ràng là “dùng người thì không nghi ngờ”. Đó cũng là nguyên tắc cơ bản trong cách dùng người. Nhưng Tôn Quyền có điều hay riêng của mình, tức là “ngôn hành theo kế” và “tình như cốt nhục”. Tôn Quyền với Gia Cát Cẩn là “tình như cốt nhục”, với Chu Du, Chu Thái “tình như cốt nhục”, mặc phủ tướng quân của Tôn Quyền lẽ nào còn khác một gia đình? Tôn Quyền tín nhiệm ngoài lý tính ra (biết đối phương và tín nhiệm) còn có cả tình cảm nữa. Lúc Tôn Quyền biểu lộ tình cảm với Gia Cát Cẩn, lẽ nào những người khác lại không cảm nhận được những tình cảm đó? Và một khi tất cả đều cảm nhận được, lại không “bốn biển đều là anh em sao”? Thực tế đã có người từ nước khác, vì cảm động trước tình cảm của Tôn Quyền mà sau này trở thành trọng thân của Tôn Quyền như Phan Tuấn.

Phan Tuấn vốn là người của Lưu Bị, là một viên quan nhỏ. Lúc Quan Vũ bị giết đã theo Tôn Quyền. Theo lời chú dẫn *Giang Biểu truyện* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Phan Tuấn truyện*, lúc đó quan lại Kinh châu đều quy thuận Tôn Quyền, riêng Phan Tuấn “cáo bệnh không gặp”, thực tế là không chịu đầu hàng. Sau khi biết chuyện, Tôn Quyền đã sai người đến mời, cho nằm lên giường khênh ra tận nơi. Phan Tuấn cúi đầu, nằm bất động, nén đau thương, nước mắt giàn giụa. Tôn Quyền gọi tên Phan Tuấn, thăm hỏi an ủi (có lời ướm lạo), còn cho người lấy khăn lau nước mắt cho. Phan Tuấn vô cùng cảm động, sau này đã hết lòng phò tá Tôn Quyền. Nhân đây nói thêm, sau này lần nữa Phan Tuấn lại cảm động, như chuyện của Gia Cát Cẩn, có người tố cáo, nhưng vẫn được Tôn Quyền tín nhiệm như cũ.

Việc dùng người của Tôn Quyền còn nhiều điều hay, cũng giống Tào Tháo, dùng người không câu nệ, không nhìn gia cảnh, không nhìn thân phận, bỏ qua oán thù, cứ có tài là dùng. Như Bộ Trắc “Trồng dưa tự cung tự cấp”, Hán Trạch “đời đời làm nông nghiệp”, Trần Biểu “thuộc chi thứ tướng gia”, Trương Lương “chưa từng biết tiếng”, Lưu Cơ là con của kẻ thù, Cam Ninh là tướng của nước thù địch, Lăng Thống hay giết người, Hồ Tông Thị coi rượu như mệnh, Tôn Quyền đều sử dụng hết khả năng của từng người. Ngoài ra Tôn Quyền còn biết nghe lời can gián, biết tự xét về mình, chẳng khác gì Tào Tháo.

Còn một điểm nữa hai người cũng khá giống nhau, những ưu điểm của họ thường bộc ra từ sớm, thời kỳ đầu; sau này thực khó nói. Những năm cuối, Tôn Quyền không còn “tình cốt nhục” với quần thần, ngay cả với người nhà cũng vậy. Tôn Quyền có cả bảy con trai. Con đầu là Tôn Đăng, thứ hai là Tôn Lự, thứ ba là Tôn Hoà, thứ tư là



Tôn Bá, thứ năm là Tôn Phấn, thứ sáu là Tôn Hưu, thứ bảy là Tôn Lượng. Tôn Đăng nhiệm thái tử, chết trước mặt Tôn Quyền, được coi là phạm tội không quá lớn. Tôn Lữ mất lúc hai mươi tuổi được coi là vô tội. Tôn Hưu là hoàng đế thứ ba của nước Ngô, ở ngôi được sáu năm thì mất lúc ba mươi tuổi, Ích hiệu là Cảnh hoàng đế, được coi là có tài. Nhưng hoàng hậu và hai người con của Tôn Hưu đều bị Tôn Hạo giết rất thảm. Đó là chuyện sau này.

Thảm nhất là bốn người khác. Người con thứ ba là Tôn Hoà (người thứ hai là thái tử) và người thứ tư là Tôn Bá (Lỗ vương), vì tranh giành nên một người bị phế (Tôn Hoà), một người bị ban cho chết (Tôn Bá). Tôn Hoà không chỉ bị phế về sau còn bị giết bởi quyền thần Tôn Tuấn (là cháu Tôn Tĩnh và là em Tôn Kiên). Người con thứ năm là Tôn Phấn, sau này cũng bị Tôn Hạo giết chết. Người con thứ bảy là Tôn Lượng làm hoàng đế lúc mười tuổi. Năm mười sáu tuổi bị quyền thần lật đổ, sau này bị Hoàng đế thứ ba (cũng là người anh) Tôn Hưu bức chết hoặc đầu độc. Tôn Hưu giết em là Tôn Lượng, còn hoàng hậu và con của mình lại bị Tôn Hạo là con của anh trai Tôn Hoà giết chết. Nói xem, như thế là thế nào? Cha giết con (Tôn Quyền giết Tôn Bá), anh giết em (Tôn Hưu giết Tôn Lượng), cháu giết chú (Tôn Hạo giết Tôn Phấn), Tôn thất giết hoàng tộc (Tôn Tuấn giết Tôn Hoà), đó là “tình cốt nhục” chẳng? Không! Là “cốt nhục giết lẫn nhau”.

Đó là việc trong gia đình. Lại nói tới việc triều đình. Tình hình triều đình Tôn Quyền về sau ra sao? Quân vương có bụng nghi kỵ, quần thần lo lắng kinh hãi. Vì sao vậy? Vì lúc này Tôn Quyền bắt đầu thống trị bằng đặc vụ. Giữa những năm Gia Hoà (Công nguyên năm 232 đến năm 237), tức là sau lúc Tôn Quyền 51 tuổi, Tôn Quyền bắt đầu tín nhiệm quan hiệu sự là Lã Nhất. Hiệu sự còn gọi là điển hiệu, hiệu tào, hiệu lang, hiệu quan. Tào Ngụy, và Tôn Quyền đều có loại quan này. Theo lời giải thích trong *Tam quốc chí tuyển chú* thì người này là tai mắt của Hoàng đế, theo dõi việc làm và lời nói của quân dân, nói thẳng ra là đặc vụ. Lã Nhất là đặc vụ và là đặc vụ điên cuồng nhất – *Cổ Ung truyện* nói: “Huỷ diệt đại thần, hại người vô có” - *Bộ Trắc truyện* nói: “Bói lông tìm vết, vu cáo trọng tội”. Nhưng Tôn Quyền lại nghe Lã, kết quả triều đình đều thấy nguy cấp. Theo *Tam quốc chí - Thị Nghi truyện*, một lần Lã Nhất vu cáo Điêu Gia nguyên là thái thú Giang hạ, đã phỉ báng triều đình. Tôn Quyền lập tức nổi giận, hạ ngục Điêu Gia, tra xét đồng đảng. Những người liên lụy đều rất sợ, đều nói Điêu Gia công kích ác độc triều đình, chỉ có Thị Nghi nói không nghe thấy. Tôn Quyền càng giận, bức hỏi càng gấp, tất cả sợ hãi đến hết hơi (quần thần sợ hãi không dám thở), Thị Nghi nói, dao đã kề cổ tôi còn dối trá gì nữa? Không nghe thì bảo là không nghe, vậy thôi! Lúc này Tôn Quyền mới thả Điêu Gia. Khó mà tưởng tượng nổi, nếu không có Thị Nghi thì vô duyên vô cớ một cái đầu nữa đã lìa khỏi cổ!



Thực tế thì sau này Tôn Quyền quá miễn cảm, nghi thần nghi quỷ, buồn vui thất thường. Như danh sĩ Ngu Phiên suýt nữa đã bị Tôn Quyền giết, chỉ vì trong tiệc đám giả vờ say (xem *Tam quốc chí - Ngu Phiên truyện*). Thái tử thái phó Trương Ôn trước khi sang sứ nước Thục, Tôn Quyền “rất coi trọng”. Sau khi về nước, không hiểu vì sao Tôn Quyền sinh nghi, nghi Trương Ôn “tư thông với nước ngoài”, còn ghen tị vì người này “danh tiếng quá lớn” và cho rằng “không thể dùng được nữa” rồi bằng trăm phương ngàn kế tìm ra sở hở để trị. Nhân có vụ án liên can đến Trương Ôn, Tôn Quyền cho bắt Trương Ôn giam vào đại ngục, sau đó thì trừng phạt bằng cách cho làm lao dịch ở huyện nhà (xem *Tam quốc chí - Trương Ôn truyện*). So với lúc trẻ; thời kỳ đầu hay “tình như cốt nhục” thì Tôn Quyền lúc này như biến thành người khác. Vì vậy trong *Tam Quốc sử thoai tùy bút*, ngài Nghiêm Lãn nói, e Tôn Quyền đã mắc bệnh si, bệnh ngớ ngẩn của người già.

Đương nhiên đó là lời nói đùa. Đằng sau chuyện của Ngu Phiên, Trương Ôn còn có nguyên nhân chính trị vô cùng phức tạp, sau này sẽ nói tỉ mỉ hơn. Nhưng chế độ quân chủ vẫn là nguyên nhân cơ bản. Chế độ quân chủ là chế độ gia trưởng mở rộng, Tôn Quyền có tác phong gia trưởng điển hình. Những người này luôn coi mình là độc tôn, thường trở mặt với mọi người. Trên thực tế, cái gọi là “hùng lược chi chủ” xưa nay vẫn thế, nhất là vào những năm cuối cùng. Như Tào Tháo, Lưu Bang và cả Câu Tiễn trước kia đều là vậy. Trần Thọ nói trong lời bình về Ngô chủ truyện, Tôn Quyền “anh tài kỳ lạ như Câu Tiễn”, một lời mà có hai mặt. Thực tình thì Tôn Quyền rất giống Câu Tiễn, có thể nhẫn nhịn gánh vác, cũng có thể trở mặt với người khác. Đó là đặc điểm chung của loại người này, mặc dù họ một người là Việt vương, một người là Ngô đế.

Huống hồ, con người Tôn Quyền rất hay nghi ngờ, Trần Thọ nói “tính đa nghi, ưa giết chóc”, càng về cuối đời lại càng nghiêm trọng (càng về sau càng trở nên nghiêm trọng). Không có gì là lạ. Bất kỳ sự vật nào cũng có hai mặt, bất kỳ đặc điểm nào cũng như dao hai lưỡi. Tôn Quyền rất trọng tình cảm, nhưng người ta đa tình thì hay đa nghi, tình trời luôn đi đôi với hận biển. Tình sâu hận cũng nặng, vì vậy “Tình như cốt nhục” và “ưa giết chóc” chỉ là hai mặt sắp ngửa của đồng tiền. Vì vậy Tôn Quyền trở nên ghê gớm, cũng là hợp lý, kể cả việc Tôn Quyền lạnh nhạt với Trương Chiêu, bức chết Lục Tốn.

Vì sao hai vị trọng thần này bị đãi ngộ bất công đến như vậy?

Tập thứ bốn mươi sáu: ĐỜI NGƯỜI NÓNG LẠNH

Trương Chiêu và Lục Tốn là hai vị trọng thần của Tôn Quyền, từng lập công lớn cho Tôn Quyền. Nhưng cuối đời hai người lại không may. Trương Chiêu bị lạnh nhạt, Lục Tốn bị bức tử. Vậy đằng sau sự kiện này đã có nguyên nhân chính trị hoặc bối cảnh



thời đại nào chẳng? Hãy từ đời người nóng lạnh của Trương Chiêu và Lục Tồn xem có nhìn ra được điều gì không?

Ở tập trước chúng ta đã bàn tới cách dùng người của Tôn Quyền. Bàn tới vấn đề này không thể không nói tới Trương Chiêu và Lục Tồn. Chúng ta đều biết, võ tướng quan trọng nhất là Chu Du, Lỗ Túc, Lã Mông, Lục Tồn; văn thần quan trọng nhất là Trương Chiêu, Cố Ung. Có điều ba vị trước tuổi thọ không nhiều. Chu Du 36 tuổi; Lỗ Túc 46 tuổi; Lã Mông 42 tuổi. Tuổi thọ của Trương Chiêu và Lục Tồn tương đối dài, Trương Chiêu 81 tuổi, Lục Tồn 63 tuổi. Nhưng hai người này về cuối đời lại không may, thậm chí có thể nói Lục Tồn chết không phải do mệnh. Phần trước đã nói, Tôn Quyền là người luôn trọng tình nghĩa, luôn luôn thể hiện “tình cốt nhục” với người khác. Vậy vì sao Tôn Quyền lại xử sự với Trương Chiêu và Lục Tồn như vậy?

Nói về Trương Chiêu trước.

Trương Chiêu là đại công thần của Tôn Quyền. Nhớ lại năm đó nếu Trương Chiêu không “cùng quần thần thề phò tá” thì địa vị của Tôn Quyền không thể vững được. Trương Chiêu còn là đại quản gia của Tôn Quyền. Nếu năm đó không thu xếp ổn thỏa mọi việc trong cũng như ngoài thì việc của Tôn Quyền đã không thành. Lúc Tôn Quyền vừa thay thế, Trương Chiêu đã dâng biểu lên triều đình (dâng biểu lên Hán thất), ban bố công văn tới các quận, huyện (dưới đến thuộc thành), còn mệnh lệnh các thuộc tướng, quan viên phải có mặt ở vị trí (trong ngoài tướng hiệu, tất cả tại chức), có khác gì một tể tướng? Vì vậy, lúc Tôn Quyền xưng đế, gần như mọi người đều coi Trương Chiêu là tể tướng (mọi người bàn là Chiêu) kết quả Tôn Quyền lại bổ nhiệm Tôn Thiệu. Tôn Thiệu người Bắc Hải. Lúc Khổng Dung làm tướng Bắc Hải, Tôn Thiệu là công tào của Khổng Dung, về sau lại theo Lưu Do xuống phía nam, là “tân khách Tôn Quyền, nhưng chưa hề có công hiến gì đột xuất, tài hoa cũng chưa thấy, chỉ biết Khổng Dung gọi Tôn Thiệu là “người giữ miếu”, nhưng cũng chẳng có một chứng cứ nào. Mọi người lấy làm khó hiểu khi thấy Tôn Thiệu là thừa tướng. Theo *Tam quốc chí - Trương Chiêu truyện*, Tôn Quyền giải thích, nay nhiều việc, chức lớn thì trách nhiệm cũng lớn. Nếu để Trương công là thừa tướng thì còn gì là ưu đãi (không phải là ưu đãi), về sau khi Tôn Thiệu mất, mọi người lại tiến cử Trương Chiêu (trăm quan lại cử Chiêu). Tôn Quyền lại không đồng ý, mà cắt cử Cố Ung vào việc. Trương Chiêu vốn hy vọng có thể làm được việc gì đó lớn lao thì kết quả là không có việc, đành phải ngồi viết mấy cuốn, như *Xuân Thu Tả thị truyện giải* và *Luận Ngữ chú*.

Thực kỳ lạ, vì sao Tôn Quyền hết lần này đến lần khác không theo mọi người, không để Trương Chiêu làm thừa tướng? Có nhiều cách nói. Thứ nhất, Tôn Quyền là kẻ vong ân bội nghĩa. Con người Tôn Quyền là như vậy. *Tam Quốc sử* của ngài Mã Thực Kiệt nói Tôn Quyền bạc tình với Tôn Sách. Tôn Sách không được truy tôn là đế (chỉ được là Trường Sa Hoàn vương), con trai chỉ được phong hầu. Trần Thọ cũng thấy bất



bằng vì chuyện đó. Ở tập trước tôi nói Tôn Quyền nhớ cũ, hàm ân, nhưng nếu quan sát kỹ thì đó chỉ là câu nói cửa miệng. Sau khi Chu Du, Lỗ Túc, Lã Mông qua đời thì con cháu họ đều không được thăng tiến, cả ba nhà đều không trở thành đại tộc, thế chẳng phải là tình nhẹ ân sơ sao?

Có điều giải thích như vậy chưa phải là hay. Bởi vì lúc này Trương Chiêu vẫn còn, đâu phải người vừa đi thì trà đã nguội. Vì vậy, thứ hai, Tôn Quyền đã hận Trương Chiêu. Cụ thể là, năm đó Trương Chiêu chủ trương hàng Tào. Tôn Quyền không quên được điều này. Trong tập *Lực cản sóng giữ*, lúc đăng cơ, Tôn Quyền đã nói với Trương Chiêu, nếu năm đó trăm nghe lời ông thì không biết bây giờ sẽ phải đi ăn xin ở đâu! Trương Chiêu phủ phục dưới đất, mồ hôi ra ướt cả áo. Rõ ràng Tôn Quyền hận Trương Chiêu, đương nhiên sẽ không để Trương Chiêu làm thừa tướng.

Tài liệu này đã được Bùi Tùng Chi ghi trong *Trương Chiêu truyện* “Quyền xưng tôn hiệu, Chiêu nói bệnh tật hoàn trả quan vị”. Lời nói đã liên hệ hai sự kiện làm một, lý lẽ đầy đủ, ý tứ rõ ràng. Chẳng phải ông đã muốn trăm phải hàng Tào Tháo? Nếu trăm hàng Tào thì làm gì còn Hoàng đế mà xưng? Trăm không là Hoàng đế thì ông có gì để làm thừa tướng? Về cơ bản ông không thể là thừa tướng thì lúc này cũng không nên làm! Không chỉ không thể là thừa tướng mà mọi quan vị, quyền lực cũng nên giao hết ra (về danh nghĩa Trương Chiêu đã trả lại). Vì sao vậy? Cứ chờ đấy rồi sẽ tính nợ sau!

Có điều, sự “báo thù” hoặc “ác tâm” như vậy chỉ cần một lần là đủ. Huống chi sau trận chiến Xích Bích, lúc có thư dụ hàng Tôn Quyền, Tào Tháo đã ghi tên Trương Chiêu vào “sổ đen”, coi như tội danh “nịnh Tào” của Trương Chiêu đã được rửa sạch. Vậy, nếu Trương Chiêu xứng với chức thừa tướng, thì lúc Tôn Quyền qua đời, sao Trương Chiêu không là thừa tướng?

Có người nói, Tôn Quyền không hận mà là sợ Trương Chiêu. Đây là cách nói thứ ba. Trần Thọ bình cuối thiên *Trương Chiêu truyện* nói, “vì nghiêm mà sợ, vì cao mà xa”, tức là nghiêm khắc mà đâm sợ, địa vị cao mà xa dân. Vì vậy, không chỉ không là thừa tướng mà ngay đến các chức thái sư, thái phó, thái bảo cũng không.

Trần Thọ nói có lý. Trương Chiêu nghiêm không? Nghiêm. Chúng ta đều biết, theo *Tam quốc chí - Ngô chủ truyện*, lúc thay thế, Tôn Quyền đã “để Trương Chiêu là sư phó”. Vì vậy, Trương Chiêu có những yêu cầu chặt chẽ với Tôn Quyền và thái độ rất nghiêm. Trương Chiêu nghĩ thật đơn giản, chẳng phải ông đã cử ta làm sư phó sao? Vì vậy ta phải xử sự như một người thầy. Vì vậy Trương Chiêu luôn muốn quản Tôn Quyền. *Trương Chiêu truyện* nói, Tôn Quyền thích cưỡi ngựa săn bắn, tự mình bắn hổ dữ (nói như Tô Đông Pha “tự bắn hổ, nhìn Tôn lang”). Như vậy thực nguy hiểm, từng có chuyện hổ đã xông tới cắn vào yên ngựa. Trương Chiêu mặt biến sắc, bước lên nói, sao tướng quân lại làm vậy? Là quân vương cần không chê anh hùng, không phải là tuần



mã, cần đối phó với kẻ thù, không phải là dã thú. Vạn nhất xảy ra chuyện gì chẳng phải để thiên hạ cười chê! Tôn Quyền đành nhận sai, nói mình còn trẻ chưa hiểu việc, nhưng trong lòng lại cảm thấy xấu hổ.

Chùng đã xảy ra mấy lần như vậy. Tôn Quyền cứ nhận sai, nhưng không hề sửa. Vẫn cứ bắn hổ dữ, có điều không cười ngửa mà đi xe. Tôn Quyền cho thợ làm riêng một “cỗ xe bắn hổ”, ngồi trên xe mà bắn tên. Dù vậy, mãnh hổ vẫn cứ xông tới, Tôn Quyền lấy việc đấu với hổ làm vui. Đương nhiên là Trương Chiêu lại quản, lại nói. Tôn Quyền như đã quen, chỉ yên lặng và cười (thường cười và không đáp).

Ở đây chúng ta lại có cảm giác mặc phủ tướng quân Tôn Quyền như một gia đình. Đại thúc Trương Chiêu như một bà già, Tôn Quyền giống một đứa cháu ngang bướng khó bảo, có điều “cháu” là ông chủ còn đại thúc là người “làm công”. Có thể như vậy lắm chứ. Đại quản gia câu thúc cậu cả, trong lịch sử không phải là không có. Vấn đề là “cháu” càng lớn càng mạnh và vai trò “ông chủ” cũng càng lớn, cuối cùng lên làm Hoàng đế, tất phải bỏ mối quan hệ đó. Nhưng Trương Chiêu vẫn muốn như cũ. Một lần Tôn Quyền bày tiệc lớn ở đài Lâm Câu, Vũ Xương (nay là thị trấn Ngạc châu, Hồ Bắc). Mọi người đã say túy lúy, Tôn Quyền vẫn chưa thôi, sai người hắt nước vào mặt quần thần nói, hôm nay không say ngã xuống đài thì chưa được. Trương Chiêu nghe vậy không nói gì, xịu mặt, chạy thẳng ra ngồi lên xe ở bên ngoài mà rầu rĩ. Tôn Quyền cho người ra mời, chẳng phải hôm nay vui lắm sao? Vì sao Trương công phải tức giận? Trương Chiêu nói, năm nào Âu Trục vương cũng mở hồ rượu uống cả đêm, cũng rất vui, có gì là không tốt. Tôn Quyền không còn gì để nói lại, đành phải tuyên bố bãi tiệc.

Tiếp đến Trần Thọ nói: “Lúc đầu, Quyền định chọn thừa tướng, mọi người đều nói là Chiêu”. Kể như vậy chỉ để làm vui. Thực tế thì, Trần Thọ nói chuyện ở đài Lâm Câu trước, nói chuyện chọn thừa tướng sau là muốn giải câu đố vì sao Trương Chiêu không làm được thừa tướng. Ý muốn nói, sở dĩ Trương Chiêu không được làm thừa tướng vì Trương Chiêu đã quản việc quá chặt, quá nghiêm. Ngoài ra, Trương Chiêu địa vị càng cao thì tính tình càng cứng nhắc. Có lẽ đó là “nghiêm quá nên sợ, cao quá nên xa dần”!

Đúng vậy, Trương Chiêu trình độ rất cao, năng lực rất mạnh, tư cách đàng hoàng, có nhiều công lao, nên lời nói việc làm đều rất uy nghiêm (sắc mặt nghiêm nghị, có uy phong). Ngay như Tôn Quyền cũng không dám tùy tiện trò chuyện với Trương Chiêu (cô không dám nói đùa với Trương công). Một người như vậy làm cố vấn thì được, làm tổng lý thì không hợp. Thực tế thì Tôn Quyền cũng nói như vậy. Lần thứ hai lúc quần thần tiến cử Trương Chiêu, Tôn Quyền nói, hình như mọi người nghĩ là trăm không muốn dùng Tử Bô? Không phải thế. Công việc của chức thừa tướng thì nhiều mà tính tình của Trương công lại không hay (công quá cứng). Nếu Trương công không chịu



nghe ý kiến của mọi người thì oán hận và sai lầm lại tiếp tục xảy ra, thật không có lợi cho Trương công (không ích gì)!

Vấn đề là, Tôn Quyền chọn Tôn Thiệu có thích hợp không? Có vẻ không thích hợp. Tôn Thiệu không hề có mặt trong *Tam quốc chí*. Trong lời chú dẫn *Ngô lục* của Bùi Tùng Chi qua *Ngô chủ truyện* cũng chỉ có mấy câu. Nên Tôn Thiệu bất luận là thừa tướng trước hoặc thừa tướng sau thì chính tích cũng là bình thường, có gì đáng nói, có gì là thích hợp?

Kỳ thực đáp án là ở đây - Tôn Quyền có yêu cầu gì đặc biệt với chức thừa tướng của Tôn Thiệu.

Với sự gợi ý của ngài Điền Dư Khánh tôi kết luận như vậy. Ngài Điền Dư Khánh nói tới vấn đề này trong *An Kí Diễm và vấn đề liên quan* có hai câu: “Trương Chiêu là bề tôi mưu lược, nhưng không còn nắm chủ sự; Tôn nắm quyền lớn trong tay, cũng không riêng dựa vào Trương Chiêu”. Ý muốn nói, Trương Chiêu đã không quan trọng, Tôn Quyền cũng không cần chức thừa tướng quan trọng của Trương Chiêu.

Nhưng nói như vậy lại có vẻ lạ. Tôn Quyền đã không hy vọng chức thừa tướng quan trọng của Trương Chiêu, Trương Chiêu cũng đã hết quan trọng, vậy vì sao lại không thể tiến cử Trương Chiêu? Rất đơn giản, Trương Chiêu không quan trọng vì “không trực tiếp nắm chủ sự” (Theo chú dẫn *Ngô thư* của Bùi Tùng Chi trong chuyện này, Trương Chiêu sau mấy lần chỉ huy mấy trận đánh nhỏ, không còn là tướng soái nữa, chỉ còn là mặc liêu cao cấp). Làm thừa tướng, nắm chủ sự, lẽ nào không phải là quan trọng? Vì vậy ngài Điền Dư Khánh nói: “Dùng Chiêu thì tướng quyền quá lớn, Tôn Quyền không thể chấp nhận”. Ý muốn nói, một khi cắt cử Trương Chiêu là thừa tướng thì Trương Chiêu quan trọng, tướng quyền cũng quan trọng.

Vậy chúng ta muốn hỏi: Tôn Quyền không muốn Trương Chiêu ở thế mạnh hay không muốn thừa tướng ở thế mạnh?

Theo ý tôi, có cả hai quan niệm đó. Trước hết hãy nói vì sao không mong Trương Chiêu ở thế mạnh. Chúng ta đều biết, lúc Tôn Quyền xưng đế các vị lão thần, trọng thần thời sáng nghiệp còn lại không bao nhiêu. Chu Du, Lỗ Túc, Lã Mông đều đã mất; Gia Cát Cẩn, Bộ Trắc không thể sánh vai cùng Trương Chiêu. Vì Trương Chiêu là cố mệnh đại thần được Tôn Sách thác cô, hơn nữa Tôn Sách nói: “nếu Trọng Mưu không làm được thì ngài cứ tự lấy đi”. Đây tuy là lời nói lúc đặc biệt, lúc thác cô đặc biệt, không nhất thiết phải theo, nhưng cũng không có ai tuyên bố thủ tiêu (đương nhiên, không thủ tiêu nổi). Vạn nhất khi vua và tướng có sự bất hoà, Trương Chiêu giở con bài này ra thì sẽ như thế nào? Vì vậy, trong *Tam quốc chí chú chứng di* của Chu Thộ Xương cho đây là điều mấu chốt khiến Trương Chiêu không được làm thừa tướng.



Trên thực tế Trương Chiêu dám “quản giáo” Tôn Quyền cũng bởi có “thể thác cô”. Sau khi Trương Chiêu lui về tuyền hai, Tôn Quyền đến thăm. Trương Chiêu nói, năm đó thái hậu (là mẹ Tôn Quyền, Ngô phu nhân) và Hoàn vương (Tôn Sách) “không giao lão thần cho bệ hạ, mà giao bệ hạ cho lão thần”, nên lão thần muốn nói gì thì đã nói và nói hết. Tiếc là lão thần thô kệch, thiếu nhìn xa trông rộng (ý nghĩ nông cạn), làm phật lòng bệ hạ (vi nghịch thịnh chí), tự thấy phần đời còn lại sẽ phải chết nơi đồng không mông quạnh (tự biết phận hẩm hiu, bỏ hoài nơi khe hác). Không ngờ còn có thể được Triệu Kiến (không ngờ còn được gặp), lại được về bên bệ hạ (được hầu dưới trướng). Có điều, những gì lão thần làm được thì đã hết lòng hết sức báo đáp triều đình. Còn như việc xu thời phụ thế, nhìn gió bẻ thuyền, lão thần không sao làm được. Ý tứ rất rõ ràng, Hoàn vương thác cô, thái hậu di huấn, không phải giao thần cho bệ hạ mà là giao bệ hạ cho thần. Cái gì quản được thì thần đã quản, đáng nói đã nói và nên quản thế nào, nên nói thế nào thần đã làm đủ. Tôn Quyền không biết nói thế nào, đành phải xin lỗi (Quyền đành từ tạ).

Trương Chiêu đã nói như vậy và làm như vậy. Tháng mười niên hiệu Gia Hoà năm đầu (Công nguyên năm 232), thái thú Liêu Đông nước Ngụy là Công Tôn Uyên đã dâng biểu xưng thần lên Tôn Quyền. Tôn Quyền hết sức vui mừng, sách phong Công Tôn Uyên là Yên vương. Cả triều văn võ với thừa tướng cố Ung cầm đầu đều nói, Công Tôn Uyên là kẻ phản phúc vô thường, không trị được, nhưng Tôn Quyền không nghe ai, cứ làm theo ý mình. Trương Chiêu bàn luận nhiều lần, càng nói càng hăng. Tôn Quyền không nhin được nữa, tay đặt lên đốc kiếm nói với Trương Chiêu, kẻ sĩ nước Ngô chúng ta vào cung bái trẫm, xuất cung bái khanh. Trẫm kính trọng lấy lễ đãi các hạ coi đã đủ! Nhưng các hạ không giữ sĩ diện cho trẫm, nhiều lần chống đối trẫm trước mặt mọi người (nhiều lần cãi trẫm trước chúng), trẫm sợ mình không khắc chế nổi mà phạm sai lầm (cô sợ giữ không nổi)! Trương Chiêu nhìn kỹ Tôn Quyền rồi nói, lão thần biết có nói cũng vô ích. Nhưng vì sao vẫn cứ nói? Bởi vì di chúc của thái hậu như còn văng vẳng bên tai? Máy lời đó, trước lúc băng hà, thái hậu gọi thần đến bên sập mà nói! Nói xong, Trương Chiêu “nước mắt nhoà lệ”. Tôn Quyền ném kiếm đi và oà lên khóc, quân thần hai người cùng khóc.

Có điều Tôn Quyền khóc thì cứ khóc nhưng làm thì cứ làm. Tháng giêng năm sau, Tôn Quyền liền cử hai người quan trọng (Thái thượng Trương Di, Chấp kim ngô Hứa Yển) thống lĩnh vạn người sang Liêu Đông. Trương Chiêu tức giận, từ đó “cáo bệnh không lên triều”. Tôn Quyền cũng tức giận, hạ lệnh lấy đất bịt kín cửa nhà Trương Chiêu. Trương Chiêu vẫn tỉnh táo, cho xây tường bên trong cửa. Trương Di và Hứa Yển vừa đến Liêu Đông đã bị giết, thủ cấp đem nộp cho phía Tào Ngụy. Tôn Quyền xấu hổ, nhiều lần cho người đến xin lỗi Trương Chiêu, Trương Chiêu vẫn không chịu ra. Chẳng còn cách nào khác, nhân lúc ra ngoài, Tôn Quyền đến cửa nhà Trương Chiêu, Trương Chiêu vẫn không chịu ra gặp. Tôn Quyền rất rồi đành hạ lệnh phóng hỏa. Ngược lại,



Trương Chiêu cho gài cửa chặt thêm nữa. Tôn Quyền hết cách, hạ lệnh cứu hoả và cứ chờ ở cửa. Mấy người con của Trương Chiêu thấy không nên náo động thêm, liền vực cha dậy, đưa ra xe, cùng Tôn Quyền vào cung. Sau khi về cung, Tôn Quyền xét mình nghiêm khắc (xem xét trách nhiệm), lúc này Trương Chiêu mới miễn cưỡng đồng ý tham dự triều hội. Các bạn nghĩ xem, lúc này Trương Chiêu gần như đã nghỉ mà còn cứng như vậy, nếu làm thừa tướng thì liệu sẽ thế nào?

Đó là nguyên nhân Tôn Quyền không muốn Trương Chiêu ở thế mạnh. Vậy vì sao Tôn Quyền cũng không cần thừa tướng ở thế mạnh?

Theo tôi có hai nguyên nhân. Nguyên nhân một, chính ngài Điền Dư Khánh đã nói rõ, chính quyền Tôn Ngô cần phải “Giang Đông hoá”. Lúc Tôn Quyền xưng đế, thống soái vùng thượng du là sĩ tộc Giang Đông (Lục Tồn), quan văn ở vùng giữa cũng cần phải “Giang Đông hoá”, nhất là quan viên kề bên. Nhưng lực lượng tướng lĩnh Hoài Tứ và Bắc sĩ lưu vong còn rất lớn. Triều nghị muốn Trương Chiêu là tướng đã phản ánh yêu cầu cố chấp của họ. Tôn Quyền đành phải chọn người khác làm bước quá độ là Tôn Thiệu. Nhân vật quá độ không cần và không thể ở thế mạnh, đó là điểm thứ nhất.

Nguyên nhân thứ hai cũng như lời ngài Điền Dư Khánh, Tôn Quyền chọn tướng vốn không cần người đó phải mang vác quá nặng, làm quá nhiều việc, chỉ cần phù hợp là được. Nói dễ nghe “không mong có vị tướng vạn cơ”, nói khó nghe, chỉ để làm vật trang trí. Rõ ràng Trương Chiêu không thích hợp với yêu cầu đó. Người thích hợp là Tôn Thiệu và Cố Ung. Tôn Thiệu là thừa tướng chưa có công hiến nào đột xuất, xem ra cũng chỉ là A di đà phật! Nói dễ nghe là trầm tĩnh, Ôn định, thành tâm lo việc nước, nói khó nghe là “bình hoa cao cấp”. Cố Ung không phải là “bình hoa”, ít nhiều làm được một số việc. Nhưng Cố Ung không giống với Trương Chiêu. Thứ nhất, Cố Ung ít khi chủ động nêu ý kiến. Tôn Quyền không hỏi thì không nói. Thứ hai, cần nói thì nói trước mặt, không nói lung tung sau lưng. *Tam quốc chí - Cố Ung truyện* nói: “quân quốc được mất, làm được hay không, nói ngay trước mặt, miệng ít nói”. Thứ ba, tuy là nói trước mặt, nhưng không nói nhiều, luôn ôn hoà bình tĩnh. Không giống như Trương Chiêu, lời nói hiện ra sắc mặt, khẳng khái và kích động. Có một lần lên triều, Trương Chiêu về không hài lòng, nói một thôi nào là pháp lệnh quá nhiều, hình phạt còn nặng. Tôn Quyền mặc nhiên, quay lại hỏi Cố Ung: thừa tướng thấy thế nào? Cố Ung chỉ đáp vắn vắn một câu: Những ý kiến mà thần nghe được cũng giống như ý Trương Chiêu.

Từ đây có thể thấy, Cố Ung coi thừa tướng là cố vấn và làm cố vấn một cách thấu đáo, không nhờ việc, không phiền hà. Xem ra Cố Ung rất rõ Tôn Quyền cần một thừa tướng như thế nào. Như thế nào? Làm đúng chức năng không vượt quyền, giúp việc không thêm việc, có việc thì có cố vấn, không việc thì để trang trí. Cố Ung nắm rõ chừng mực, đã làm thừa tướng 19 năm. Niên hiệu Xích Ô thứ VI (Công nguyên năm 243) đã tạ thế khi đang làm việc, hưởng thọ 76 tuổi.



Thay Cố Ung làm thừa tướng là “Thượng đại tướng quân” Lục Tồn 62 tuổi. Nhìn vào việc này thấy rõ điều mà ngài Điền Dur Khánh nói “Giang Đông hoá”. Chúng ta đều biết, Lục Tồn và Cố Ung đều xuất thân từ sĩ tộc Giang Đông. Phần trước đã nói, Giang Đông có “tứ đại gia tộc”: Ngu, Ngụy, Cố, Lục. Ngu và Ngụy thì ở Cối Kê, Cố và Lục thì ở Ngô quận. Ngô quận cũng có “tứ đại gia tộc”: Cố, Lục, Chu, Trương. Cố Ung là Cố, Lục Tồn là Lục đều thuộc “Ngô quận tứ đại gia tộc” còn thuộc “Giang Đông tứ đại gia tộc”, bối cảnh các gia tộc đều vô cùng hiển hách. Trước hết Tôn Quyền để Lục Tồn là thống soái, Cố Ung là thủ phụ, về sau lại để Lục Tồn thay thế Cố Ung là tướng đó chính là tiêu chí “Giang Đông hoá”.

Thực tế thì Lục Tồn là nhân vật tiêu biểu cho “Giang Đông hoá” trong chính quyền Tôn Ngô. Vì Lục Tồn không chỉ là người của “tứ đại gia tộc” Giang Đông và Ngô quận mà giữa Lục gia và Tôn gia còn có hiềm khích. “Tòng tổ phụ” (anh hoặc em trai của tổ phụ) của Lục Tồn là Lục Khang. Lục Khang là thái thú Lư Giang những năm cuối thời Đông Hán. Theo *Hậu Hán thư - Lục Khang truyện*, lúc Viên Thuật ở Thọ Xuân đến cầu viện Lục Khang về quân lương, Lục Khang nghĩ Viên Thuật là “phản nghịch” nên bỏ mặc. Viên Thuật tức giận, sai Tôn Sách đi đánh Lục Khang. Chiến tranh kéo dài hai năm, cuối cùng thì thành bị phá, hơn một tháng sau, Lục Khang 70 tuổi phát bệnh qua đời, hơn một trăm người trong gia tộc Lục thị đi theo Lục Khang cũng lâm nạn và chết quá nửa (gặp cảnh đói khát mà chết gần nửa).

Vì vậy, hai nhà Lục, Tôn có thù nhà hận nước. Tôn Quyền và Lục Tồn đều vẫn còn giữ điều đó trong lòng. Một mặt do nhu cầu chính trị, Tôn Quyền không thể không lựa chiều để trọng dụng Lục gia, ví như đem con gái của Tôn Sách gả cho Lục Tồn. Mặt khác, lúc cần trọng dụng Lục Tồn, Tôn Quyền cũng có phần do dự. Theo *Lục Tồn truyện* và *Chu Nhiên truyện* trong *Tam quốc chí*, có hai lần Lã Mông đã tiến cử người thay thế mình. Lần thứ nhất là lúc Quan Vũ đánh Trương Phàn, Lã Mông vội ôm trở về Kiên Nghiệp, Tôn Quyền hỏi, “ai thay thế khanh”. Lã Mông tiến cử Lục Tồn- Trong tập *Áo trắng vượt sông*, chúng ta đã nói truyện này. Nhưng lúc bấy giờ Lã Mông chỉ vội rời chức, đưa Lục Tồn lên thay là để lung lạc Quan Vũ, nên Tôn Quyền bằng lòng ngay. Chờ khi chiến tranh kết thúc, Lã Mông thực sự ốm nặng, Tôn Quyền lại hỏi “Ai là người thay thế”, Lã Mông liền tiến cử Chu Nhiên.

Điều này đáng được bàn thêm. Thứ nhất, Lục Tồn đã chính thức thay Lã Mông nhận chức, vậy vì sao Tôn Quyền còn phải hỏi nữa? Rõ ràng Tôn Quyền vẫn còn hận thù. Thứ hai, vì sao khi Tôn Quyền hỏi, Lã Mông lại phải nói khác? Nên nhớ, trong cuộc chiến tranh lần này, Lục Tồn biểu hiện rất tốt! Theo tôi, có thể Lã Mông đã hiểu được tâm tư của Tôn Quyền nên mới tiến cử Chu Nhiên.

Việc tiến cử của Lã Mông rất có ý nghĩa. Chu Nhiên là con nuôi của Chu Trị. Chu Nhiên người Giang Đông, huyện Cổ Chương, quận Đan Dương. Nhưng trong *Tam*



quốc chí - *Chu Trị truyện* cho chúng ta hay, từ rất sớm, Chu Trị đã “theo Tôn Kiên chinh chiến”, về sau còn giúp Tôn Sách, được coi là “tướng lĩnh của Hoài Tứ”. Chu Nhiên là con nuôi của Chu Trị, đã trưởng thành trong “tập đoàn quân sự Hoài Tứ”, được gọi là “gốc chính”. Chu Nhiên từng là bạn học của Tôn Quyền, tình cảm rất tốt, gọi là “quan hệ thếp”. Hơn nữa Chu Nhiên gốc người Giang Đông, thuộc hệ Hoài Tứ, có thể tiếp nhận từ hai phía, hợp với việc quá độ từ tướng lĩnh Hoài Tứ sang sĩ tộc Giang Đông. Lã Mông tiến cử vậy là có nhiều hiểu biết, là hợp với đường lối chính trị.

Tôn Quyền tiếp nhận ý kiến của Lã Mông, để Chu Nhiên cầm tiết trưng ra trấn thủ Giang Lăng, quyền hơn cả Lục Tốn. Nhưng trong cuộc chiến Di Lăng, Lục Tốn là đại đô đốc, Chu Nhiên lại trở thành bộ thuộc của Lục Tốn, tại sao lại như vậy?

Có thể có nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân trực tiếp e là do Lưu Bị thân cầm quân, khí thế mạnh mẽ, không thể không để Lục Tốn thống lĩnh ba quân. Hơn nữa lúc đó, việc “Giang Đông hoá” cũng chưa xong, nếu cứ giằng dai mãi e đem dài lắm mòng, chi bằng nhân cơ hội này giành lấy thành công luôn. Ngoài ra, biểu hiện của Lục Tốn cũng làm cho Tôn Quyền vừa lòng. Ngài Điền Dư Khánh nói Lục Tốn “cẩn thận xử thế, trung thành hết mực”, rất chu đáo. Tôn Quyền cần những người như vậy.

Một lần Tôn Quyền trò chuyện với Lục Tốn, có ghi lại trong *Lã Mông truyện*. Tôn Quyền đánh giá ba người: Chu Du, Lỗ Túc, Lã Mông, đây được xem là chứng cứ Tôn Quyền giỏi biết dùng người. Nhưng tôi vẫn có cảm giác đây không phải là cuộc trò chuyện bình thường, mà có thâm ý khác. Hãy xem Tôn Quyền nói những gì? Nói Công Cẩn uy vũ mạnh mẽ, gan dạ hơn người, rất khó có người kế tục được sự nghiệp đó (khó có ai kế tục được), lúc này ngài đã kế thừa (nay ngài đã tiếp tục). Rõ ràng, Tôn Quyền đã coi Lục Tốn như “Chu Du thứ hai”, mong rồi sẽ vượt qua Lỗ Túc và Lã Mông. Tôn Quyền nói như vậy vào lúc nào? Không rõ. *Tư trị thông giám* cũng chỉ dùng chữ “sau”, tức là ngày, tháng, năm nào đó sau lúc Lã Mông qua đời. Và sự thật là, Lục Tốn không phụ sự kỳ vọng đó. Vì vậy, Cố Ung qua đời, Tôn Quyền đã để Lục Tốn thay thế. Vị nhân tài số một của Giang Đông cuối cùng đã “xuất tướng nhập tướng”.

Nhưng thực kỳ lạ, Lục Tốn làm tướng chưa bao lâu đã bị Tôn Quyền bức tử, lại có chuyện gì đây?

“Nam Lỗ đảng tranh” là nguyên nhân trực tiếp của sự việc. Nam, là Nam cung, chỉ thái tử. Lỗ là Lỗ vương, chỉ Tôn Bá. Phần trên đã nói, Tôn Quyền có bảy người con trai. Tôn Đãng là con cả, người đầu tiên là thái tử và đã mất lúc 33 tuổi. Lúc này con thứ là Tôn Lự cũng vừa mất (20 tuổi), người con thứ ba Tôn Hoà 19 tuổi, người thứ hai là thái tử. Tôn Hoà là đứa con được Tôn Quyền quý mến, mẹ của Tôn Hoà là Vương phu nhân cũng được Tôn Quyền sủng ái. Vấn đề là ở chỗ Tôn Quyền quý cả đứa con thứ tư là Tôn Bá và phong Bá là Lỗ vương. Theo *Tam quốc chí* - *Tôn Bá truyện*, Tôn



Bá được ân sủng đãi ngộ chẳng kém gì thái tử (sủng ái đãi ngộ chẳng khác gì Hoà). Một số người bắt đầu đem đặt về chuyện này, còn có người đưa chuyện để li gián. Theo *Tam quốc chí - Tôn Hoà truyện*, bấy giờ người con gái đầu lòng của Tôn Quyền là công chúa Toàn có mâu thuẫn với mẹ con Tôn Hoà, đã chạy đến chỗ Tôn Quyền nói xấu về họ. Tôn Quyền phần nộ, Vương phu nhân lo nghĩ và qua đời. Thế rồi Tôn Hoà bị thất sủng (mất sủng ái), lo sợ bị phế (sợ bị phế truất). Tôn Bá những muốn Tôn Hoà bị phế bỏ để mình được là thái tử (ham muốn vô cùng). Triều thần quý thích cũng vì thế mà chia thành hai phái, gây nhiều rắc rối. Trong *Tôn Hoà truyện*, Bùi Tùng Chi đã dẫn lời ở thông ngữ của Ân Cơ là văn thần võ tướng trong, ngoài triều đình “cả nước sôi sục”. Một sự chia rẽ lớn. Vào tháng tám niên hiệu Xích Ô thứ XIII (Công nguyên năm 250), Tôn Quyền phế truất Tôn Hoà, ban chết Tôn Bá. Vì sao phế truất Tôn Hoà? Rất đơn giản: trầm còn sống thì người đừng âm ỉ. Vì sao phải giết Tôn Bá? Cũng rất đơn giản, trầm không cho thì người đừng cướp!

Một cuộc giết chóc lớn. Các tướng lĩnh thân binh ủng hộ Tôn Hoà như Trần Chính, Trần Tượng bị diệt tộc, Phiêu Kỵ tướng quân Chu Cứ, Thượng thư bộc xạ Khuất Hoảng bị đòn, mười mấy nhà liên lụy bị giáng, bị giết. Vây cánh của Lỗ vương Tôn Bá như Toàn Ký, Ngô An, Tôn Kỳ, Dương Trú đều bị giết, xác Dương Trú còn bị ném xuống sông. Đảng của thái tử và đảng của Lỗ vương đều chẳng hay ho gì.

Lục Tồn vì muốn bảo vệ thái tử nên bị bức chết, việc này xảy ra vào tháng hai niên hiệu Xích Ô thứ VIII (Công nguyên năm 245). Theo *Lục Tồn truyện*, câu chuyện như sau, Tôn Quyền không theo ý kiến của Lục Tồn, không muốn gặp Lục Tồn, mà luôn cho người đến trách cứ Lục Tồn. Mấy đứa cháu ngoại của Lục Tồn, vì gần gũi thái tử, đều bị miễn chức, đi đầy. Thái tử thái phó Ngô Sán vì đã báo tin cho Lục Tồn nên đã bị hạ ngục xử tử. Lục Tồn buồn bức cho đến chết (phần hận đến chết), thọ 63 tuổi. Sau khi qua đời “gia sản không còn gì”. Còn như Tôn Quyền “luôn sai sứ đến trách Tồn”, có đưa hộp cơm rỗng hay không, chúng ta không biết, có thể không có.

Vì sao Tôn Quyền lại bức chết Lục Tồn? Nhìn bề ngoài, vì Lục Tồn đã dính vào “Nam Lỗ đảng tranh”, bị coi là lãnh tụ của “thái tử đảng”. Nhưng sau khi Lục Tồn mất, nhân vật số hai của “thái tử đảng” là Gia Cát Khắc lại được thăng làm Đại tướng quân, thay thế Lục Tồn “lo việc Kinh châu”; nhân vật hàng đầu của “Lỗ vương đảng” là Bộ Trắc thay thế Lục Tồn làm thừa tướng, nhân vật số hai là Lã Đại thăng là Thượng đại tướng quân, nhân vật số ba là Toàn Tông thăng Hữu đại tư mã. Xem ra vấn đề không đơn giản chút nào.

Thế nên chúng ta phải hỏi, liệu đảng sau án này còn điều gì bí mật, sâu xa nữa đây?



Tập thứ bốn mươi bảy: NGƯỢC DÒNG MÀ LÊN

Lục Tồn là nhân vật đại biểu cho “Giang Đông hoá” trong chính quyền Tôn Ngô, là thống soái và ở tướng vị, có thể coi là tới đỉnh. Nhưng lúc hành trình của đời người đạt tới đỉnh điểm lại bị Tôn Quyền bức chết. Cùng thời đó, một số nhân vật cũng dính vào thái tử và Lỗ vương đảng tranh, lại được thăng quan. Vậy, đằng sau sự kiện này liệu còn nguyên nhân chính trị nào, bối cảnh chính trị sâu sắc nào nữa? Những nguyên nhân, bối cảnh đó quan hệ gì tới con đường dựng nước của Tào Tháo, Lưu Bị và Tôn Quyền ?

Tập trước chúng ta nói tới cái chết của Lục Tồn. Cảnh ngộ của Lục Tồn giống ai đây? Thôi Diễm hay Tuân Úc? Xem ra giống mà cũng không giống. Lục Tồn cũng như Tuân Úc đều vì lo, giận mà chết (Tuân Úc chết vì lo), Lục Tồn “lo, giận đến chết”. Nhưng Tuân Úc chết vì lý tưởng, Tuân Úc và Tào Tháo có khoảng cách lớn về mặt chính trị, Lục Tồn không phải như vậy. Trong vấn đề lập tự, Tôn Quyền thái độ hàm hồ, xử lý không thoả đáng; và chưa rõ ràng gì là muốn lập Tôn Bá. Cuối cùng thì Tôn Bá được ban cho chết, có thể vì Tôn Bá muốn làm thái tử, coi như tự chuốc hoạ vào thân. Vì vậy, Lục Tồn chết không rõ ràng gì cả. Lúc này Lục Tồn lại có vẻ giống Thôi Diễm. Có điều, Thôi Diễm chết theo ý của Tào Tháo. Theo *Tam quốc chí - Thôi Diễm truyện*, “ban Diễm chết”. Lục Tồn không phải ban chết mà là tức đến chết, điều này lại không giống với Thôi Diễm.

Thực tế thì còn phải bàn nhiều về cái chết của Thôi Diễm. Trong tập *Chân tướng mệnh án*, tôi đã suy đoán rất nhiều, nhưng vẫn cảm thấy cứ thiếu cái gì đó. Sau này đọc *Quốc sử khái yếu* của ngài Phàn Thụ Chí mới hiểu ra nhiều điều. Ngài Phàn quy cái chết của Thôi Diễm và cái chết của Khổng Dung, Nễ Hành vào một loại, vì họ đều là “danh sĩ”. Như vậy là đúng. Thực ra thì vấn đề của Lục Tồn cũng là vậy. Tập trước chúng ta đã nói, sau khi Lục Tồn chết thì số người cùng dính vào “Nam Lỗ đảng tranh”, như nhân vật số hai của “Thái tử đảng” là Gia Cát Khắc; nhân vật hàng đầu như Bộ Trắc, hàng hai như Lã Đại, hàng ba như Toàn Tông trong “Lỗ vương đảng” đều không bị trừng phạt, ngược lại còn được thăng quan. Nguyên nhân là vì sao? Bởi vì bối cảnh chính trị và gia đình xuất thân không giống nhau. Xem lại thì rõ, Bộ Trắc là “tị nạn Giang Đông”, Lã Đại “lánh nạn vượt sông xuống phía nam”, đều là “Bắc sĩ lưu vong”. Gia Cát Khắc là đời sau của “Bắc sĩ Giang Đông”, cha là Gia Cát Cẩn “tránh loạn Giang Đông”. Toàn Tông vốn là người Giang Đông (người Tiền Đường Ngô quận), nhưng khi Tôn Sách đến Ngô, Toàn Tông đã đưa đội ngũ của mình đến ngay (cử binh theo ngay), coi là “thần theo rồng”, ít nhiều có đóng góp của “Hoài Tứ tướng lĩnh”. Còn một người nữa là Đằng Dận Thái thú Cối Kê, nhân vật số năm của “Thái tử đảng”, tuy không thăng quan nhưng vô sự. Lúc Tôn Quyền lâm chung, người này còn là cố mệnh đại thần. Nguyên nhân rất đơn giản, vì người này giống như Gia Cát Khắc đều là đời sau của “Bắc sĩ lưu vong”.



Ngoài ra còn một nhân vật đặc biệt nữa là Thị Nghi. Thị Nghi là sư phụ của Lỗ vương Tôn Bá, từ năm thứ V niên hiệu Xích Ô (Công nguyên năm 242) đã chủ trương giảm bớt sự đả ngộ của Tôn Bá, thậm chí xin ra khỏi kinh thành, nhưng cũng không việc gì. Đương nhiên là không việc gì. Thị Nghi người Doanh Lăng, Bắc Hải, thời cuối Hán đã “chạy loạn tới Giang Đông”, như vậy đúng là “Bắc sĩ lưu vong”!

Ngược lại, nhìn vào án Nam Lỗ, là người Giang Đông thì không một ai là không bị chinh trị. Thái tử thái phó Ngô Sán là người Ô Trình, Ngô quận, bị mất chức đi đầy. Lai lịch của Cố Đàm rất đặc biệt, là cháu của Cố Ung, anh em con dì con già của Lục Tồn, đó lại là điều đen đui. Có điều, Cố Đàm là nhân vật số ba của “Thái tử đảng”, lại còn nhảy cao (dâng thư lên Tôn Quyền), “ứng vào tội” là phải. Người em trai của Cố Đàm cũng bị đi đầy như anh, e đó là bị liên lụy.

Để vấn đề được rõ ràng, mọi người hãy xem danh sách ở phía dưới:

Thái tử đảng:

Lục Tồn, người huyện Ngô, quận Ngô, là một trong “Tứ đại gia tộc” ở Giang Đông và Ngô quận, bị bức “tức giận đến chết”.

Gia Cát Khắc, người Dương Đô, Lang Nha, đời sau của “Bắc sĩ lưu vong”, thăng quan.

Cố Đàm, người huyện Ngô, quận Ngô, là một trong “Tứ đại gia tộc” ở Giang Đông và Ngô quận, anh em con dì con già với Lục Tồn, bị miễn chức, đi đầy.

Chu Cứ, người huyện Ngô quận Ngô, là một trong “Tứ đại gia tộc” ở Ngô quận, niên hiệu Xích Ô thứ XIII, bị giáng chức, về sau được ban chết.

Đặng Dận, người huyện Kịch, Bắc Hải, đời sau của “Bắc sĩ lưu vong”, vô sự.

Ngô Sán, người Ô Trình, quận Ngô, hạ ngục xử tử.

Thị Nghi, người Doanh Lăng, Bắc Hải, “Bắc sĩ lưu vong”, vô sự.

Lỗ vương đảng:

Bộ Trắc, người Hoài Âm Lâm Hoài, “Bắc sĩ lưu vong”, thăng quan.

Toàn Tông, người Tiền Đường quận Ngô, thuộc phái hệ “Hoài Tứ tướng lĩnh”, thăng quan.

Điều này rất rõ ràng, trong án này, Tôn Quyền không hoặc không hoàn toàn căn cứ vào thái độ của thái tử và Lỗ vương. Vào tháng tám niên hiệu Xích Ô năm thứ XIII (Công nguyên năm 250), Tôn Quyền phế truất Tôn Hòa, ban chết Tôn Bá. Tháng hai niên hiệu Xích Ô thứ VIII (Công nguyên năm 245), Tôn Quyền bức chết Lục Tồn. Hai



sự việc trên cách nhau năm năm rưỡi, rõ ràng lúc bức chết Lục Tồn, Tôn Quyền chưa hề nghĩ sẽ giải quyết triệt để vấn đề “Nam Lỗ đảng tranh”; và “Thái tử đảng” và “Lỗ vương đảng” làm “náo động cả nước” cũng vừa mới bắt đầu. Vì vậy, Nam Lỗ đảng tranh, không phải nguyên nhân chủ yếu để Lục Tồn bị chinh, cũng không phải là tiêu chuẩn để Tôn Quyền vạch ranh giới.

Vậy, tiêu chuẩn để Tôn Quyền vạch ranh giới là gì? Đương nhiên là phái hệ. Trong “Thái tử đảng”, người bị chinh đều là người Giang Đông, những người khác thì không sao, Gia Cát Khắc còn được thăng quan. Rất rõ ràng, người khác (tướng lĩnh Hoài Tứ và Bắc sĩ lưu vương) tham gia qua loa vào việc lập tự thì còn được, các sĩ tộc Giang Đông thì không được, Lục Tồn lại càng không được! Trên thực tế, những người cản trở trong án Lục Tồn đều là người Giang Đông, là người có quan hệ với Lục Tồn. Ví dụ Cố Đàm là con dì con già với Lục Tồn, Ngô Sấn người báo tin cho Lục Tồn. Còn một nhân vật quan trọng khác nữa là Chu Cứ, tuy là “Thái tử đảng” nhưng thuộc “Tứ đại gia tộc” Ngô quận, nên mãi mãi năm năm rưỡi sau mới bị trừng trị. Vậy theo ý tôi, bảo vệ thái tử chỉ là nguyên nhân bên ngoài để Lục Tồn phải trừng trị; thân là sĩ tộc Giang Đông cũng chỉ là nguyên nhân bộ phận. Rốt cuộc chỉ là Tôn Quyền muốn trừng trị Lục Tồn.

Vậy, vì sao Tôn Quyền phải trừng trị Lục Tồn?

Theo *Tam Quốc sử* của ngài Mã Thục Kiệt thì có bốn nguyên nhân. Thứ nhất, Lục Tồn là sĩ tộc Giang Đông và là một trong số những người có thế lực mạnh nhất. Con em Lục gia thường có hôn nhân với các nhà quan cao lộc hậu, địa vị hiển hách bên Ngô. Thứ hai, Lục Tồn trấn thủ Võ Xương, danh vọng cao xa. Trên từ thái tử Tôn Đăng, dưới đến những người nắm quyền quan trọng ở nước Ngô, đều đi lại với Lục Tồn. Chỉ riêng hai điểm này, Tôn Quyền đã ghen tị và thấy sợ. Vì vậy mới dẫn tới nguyên nhân thứ ba, tức là Tôn Quyền sợ người thay thế mình không khống chế nổi Lục Tồn, nên cần phải loại bỏ khi mình còn sống. Thứ tư, Lục Tồn là con rể Tôn Sách, Tôn Quyền không muốn thế lực con cái Tôn Sách quá mạnh. Rõ ràng Lục Tồn có nhiều cái không nên có. Một - Lục Tồn không nên là sĩ tộc; Hai - là sĩ tộc, nhưng không nên là sĩ tộc lớn nhất; Ba - là sĩ tộc, nhưng không nên làm quan chỗ Tôn Quyền; Bốn - là quan, nhưng không nên là quan lớn nhất. Chỉ riêng bốn điểm này Lục Tồn đã đáng chết, huống chi Lục Tồn còn tham gia vào việc tranh giành ngôi vị thái tử, thế chẳng phải là tự tìm đến cái chết sao? Nên nhớ, đó là “việc trong nhà” của người ta, tham gia vào làm gì?

Nhưng Lục Tồn lại không nghĩ vậy, vì nghĩ mình là “Sĩ”. Đặc điểm của Sĩ là gì? Là người có trách nhiệm với thiên hạ. Thiên hạ là của ai? Từ góc độ kẻ sĩ, thiên hạ là của Hoàng đế, cũng là cây cột giữ thái bình cho thiên hạ. Sĩ nhân là giường cột của đất nước, không chỉ phò tá Hoàng đế trị lý thiên hạ, còn phải giúp Hoàng thượng xử lý tốt vấn đề lập thái tử. Vì thái tử quan hệ tới vận mệnh đất nước. Thái tử không mạnh đất nước sẽ lung lay. Bảo vệ thái tử là trách nhiệm của sĩ nhân đất nước. Vì vậy, Lục Tồn



không coi đó là “việc nhà” của Tôn Quyền và cho rằng đó là “quốc sự” của Đông Ngô. Lục Tồn không nghĩ rằng mình đã lắm chuyện, cho đó là sự trung thành tận tụy. Nhưng bầu nhiệt huyết của Lục Tồn như bị giội gáo nước lạnh, còn bị đao kiếm uy hiếp, bức bách, khiến lòng dạ trở nên băng giá, chẳng trách đã “bi phần đến chết”.

Thực tế, Lục Tồn quá ngây thơ. Cứ tưởng chính quyền Tôn Ngô đã “Giang Đông hóa”, sĩ tộc Giang Đông đã “Tôn Ngô hóa”, chính quyền Tôn Ngô, sĩ tộc Giang Đông đã dung hòa, thành “người một nhà”. Lục Tồn đâu có biết, bắt đắc dĩ Tôn Quyền mới phải “Giang Đông hóa”. Tôn Quyền chỉ lợi dụng sĩ tộc Giang Đông, không hề tin tưởng họ. Lục Tồn càng không biết, với những nguyên nhân đã nói, từ lâu Tôn Quyền đã muốn trị Lục Tồn, nhưng chưa có dịp. Chẳng qua lần này chỉ là mượn cớ để gây khó khăn.

Tôn Quyền biết mượn lại một chuyện để chinh trị người khác chẳng? Biết. Đó là án của Trương Ôn. Cảnh ngộ của Trương Ôn làm cho mọi người có thể hiểu được thế nào là “đời người nóng lạnh”. Trương Ôn là danh sĩ Giang Đông, xuất thân Trương gia “Tứ đại gia tộc” (Cổ, Lục, Chu, Trương) của Ngô quận. Tổ chất trong con người Trương Ôn là rất hay. *Tam quốc chí - Trương Ôn truyện* nói: “Nhỏ đã tiết tháo, dung mạo kỳ vĩ”. Theo ngài Điền Dư Khánh, năm ba mươi hai tuổi Trương Ôn ra làm quan. Có thể rất nhiều người đã tiến cử Trương Ôn, khiến Tôn Quyền phải chú ý. Tôn Quyền hỏi quần thần, Trương Ôn có thể sánh với ai? Đại Tư nông (bộ trưởng nông nghiệp) Lưu Kỳ nói: “Sánh được với Tuy nam tướng quân, Tiền Đường hầu Toàn Tông”. Thái Thường (bộ trưởng đứng đầu, trông nom việc tế lễ) Cổ Ung lại nói: “Nay chưa có ai sánh được với Trương Ôn” (nay chưa có ai). Tôn Quyền liền triệu kiến Trương Ôn. Lần triệu kiến đó, Trương Ôn phong thái ngời ngời, đối đáp lưu loát, những người chung quanh nghiêng vai rướn cổ, nghe đến mê mẩn, Tôn Quyền càng thêm kính trọng. Buổi triệu kiến kết thúc, Trương Chiêu liền kéo tay Trương Ôn nói: “Lão phu có lời thăm hỏi chúc mừng, ngài nên rõ về ý của lão phu!” Ý của Trương Chiêu là gì, chúng ta không biết. Nhưng Trương Chiêu nhìn Trương Ôn bằng con mắt khác thì rõ ràng. Có thể nói, Trương Ôn được nhiều người tiến cử, đăng đàn vinh quang. Trương Ôn bước vào chính quyền Đông Ngô như đi trong buổi trời quang mây tạnh, thông dong tiến tới, trong vài ba năm thăng chức liên tục, từ nghị lang, tuyền Tào thượng thư đến Thái tử Thái phó, rồi sang sứ Thục Hán với thân phận là Phụ nghĩa Trung lang Tướng.

Nhưng sau khi từ nước Thục trở về, tình thế của Trương Ôn đã biến đổi như trời long đất lở. Tôn Quyền bắt đầu nghi, hận Trương Ôn đến kỳ lạ, cuối cùng thì tìm ra chỗ hở để hạ ngục Trương Ôn, sau này lại phạt Trương Ôn làm khổ sai ở trong huyện, sáu năm sau Trương Ôn lâm bệnh, qua đời. Hai người em trai cũng bị phế. Ba người chị em gái bị liên lụy, số phận thê thảm vô cùng.

Vậy, từ án nào mà Trương Ôn đã bị trừng trị?



Án này nói là phức tạp thì phức tạp, nói là giản đơn thì giản đơn. Nói gọn lại, một viên quan tên là Kí Diễm kiểm tra Tam thụ đã tìm ra sai sót. Tam thụ là Ngũ quan Trung lang Tướng thụ, Tả Trung lang Tướng thụ, Hữu Trung lang Tướng thụ. Quan viên trong Tam thụ gọi là lang, lang quan, hữu lang trung, trung lang, thị lang. Lúc thường, những người này luôn ở cạnh Hoàng đế, Túc vệ Hồ tông, bồi dưỡng rèn luyện. Có dịp cho ra làm quan. Vì vậy, ngài Điền Dư Khánh gọi “Tam thụ” là nơi “cơ cấu nuôi dưỡng và chuẩn bị” hàng ngũ quan viên của nước Ngô. Lang quan trong Tam thụ có tên là “đệ Tam thê đội” như ngày nay. Lúc đó Kí Diễm lo việc chọn Tào thượng thư, phụ trách việc tuyển chọn, cất nhắc các quan. Kí Diễm phát hiện thấy trong Tam thụ có điều phức tạp, rỗng tõm lẫn lộn, nhiều người bằng quan hệ hoặc chạy chọt theo cửa sau mà chui vào, đã lớn tiếng đòi chỉnh đốn. Kết quả là đắc tội với các nhà quyền quý, bị vu cáo và tự sát, họa đến với Trương Ôn. Vì sao lại liên lụy đến Trương Ôn? Có ba nguyên nhân. Một - Trương Ôn và Kí Diễm đều là người Ngô quận. Hai - Trương Ôn đã tiên cử Kí Diễm. Ba - Hai người có chung quan điểm và thường đi lại mật thiết (nhiều lần có thư sớ, đi lại thăm hỏi). Kí Diễm bị bức tử, theo đó Trương Ôn cũng đen đủi (trách tội Ôn). Theo *Tam quốc chí - Trương Ôn truyện*, đại để chuyện diễn ra là như vậy.

Rõ ràng đây là án oan. Kí Diễm oan, Trương Ôn lại càng oan. Kí Diễm giúp Tôn Quyền giám sát quan viên, sàng lọc trị tốt, đánh vào tà ý, sao lại đáng chết? Hai người chỉ qua lại thân mật, Trương Ôn càng không có tội. Hãy xem những tội danh mà Tôn Quyền khoác lên người Trương Ôn, là “cực kỳ hung ác, luôn có ý khác”, là “nhìn qua trung gian, nguyên hình bại lộ”, là “mượn quốc ân, tạo hình thế”, là “tâm địa gian ác, không gì không làm”. Dịch ra ngôn ngữ hiện đại là, cực kỳ hung ác, nguyên hình lộ rõ, dùng quyền mưu riêng, ác độc không tha, đúng là hận đến xương tủy.

Vì sao Tôn Quyền lại hận Trương Ôn đến như vậy? Liên hệ tới án của Lục Tốn sau này, người người có cảm giác Tôn Quyền rất hận sĩ tộc Giang Đông. Nhưng điều đó không đúng. Trương Ôn đúng là một trong “Tứ đại gia tộc” ở Ngô quận, Kí Diễm cũng là người Ngô quận. Việc hai người kiểm tra Tam thụ, chỉnh đốn lại trị, thì trước hết là mắc tội với sĩ tộc Giang Đông. Đúng như ngài Điền Dư Khánh nói, thông qua Tam thụ để làm quan và lọt vào chính quyền Đông Ngô chính là “lợi ích của đại tộc Giang Đông, nhất là bốn họ ở Ngô”. Những người phản đối việc làm của Trương Ôn, như Lục Tốn, Lục Mạo, Chu Cứ cũng đều thuộc “Tứ đại gia tộc” Ngô quận. Qua đây có thể thấy, tính chất án của Trương Ôn và Lục Tốn là khác nhau. Lần này ngược lại Tôn Quyền đã ủng hộ lợi ích cơ bản của sĩ tộc Giang Đông.

Càng xem càng thấy kỳ lạ! Đây vừa là án oan vừa là kỳ án, lúc đó, dư luận vô cùng sôi nổi, ngay như Gia Cát Lượng cũng cảm thấy khó hiểu. Theo chú dẫn *Cối Kê diễn lục* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Trương Ôn truyện*, Gia Cát Lượng nghe chuyện của Trương Ôn rồi nghĩ mãi mà vẫn chưa hiểu. Sau mấy hôm, bỗng vỡ ra, Ta



hiểu rồi! Trương Ôn đã nhìn quá rõ, phân chia rành mạch những việc như: đúng sai thiện ác, sàng lọc vắn đục (thanh trừng rõ ràng, thiện ác phân minh)!

Lời của Gia Cát Lượng đáng được quan tâm. Đúng vậy, người, không thể không có đúng sai, không có thiện ác; không thể không hiểu về chính nghĩa, càng không thể khoan dung quá làm lợi cho kẻ gian. Nhưng việc gì cũng phải có “mức độ”. Gạn đục khơi trong, nhưng không nên quá trong; thiện ác phải phân nhưng đừng phân quá. Đại gian đại ác đương nhiên không thể dung, nhưng lỗi nhỏ thì đừng quá rạch ròi. Nhưng từ những ghi chép trong *Trương Ôn truyện*, trong chính đồn lại trị, hai người này “không hề bỏ qua một trường hợp nào”. Toàn bộ lang trong Tam thụ đều bị giáng cấp (từ cao đến thấp đều bị giáng), không còn mấy người được nguyên chức (trong mười không có một được giữ nguyên). Mọi người có cảm giác chỉ có họ mới là người tốt. Nên nhớ, nước trong quá thì làm gì có cá, người không thể không có sai lầm. Cứng quá thì dễ gãy, trắng quá thì dễ ố. Chỉ có tôi là trong, đã gây nên bao lời trách móc oán than, người người rời xa. Xem ra Trương Ôn không hiểu điều này.

Trương Ôn không hiểu và một người bạn là tướng quân Lạc Thống cũng không hiểu. Sau khi Trương Ôn bị hạ ngục, Lạc Thống dâng biểu biện hộ cho Trương Ôn, khiến Tôn Quyền lại tăng thêm tội danh cho Trương Ôn. Bùi Tùng Chi cho rằng giúp như vậy chẳng bằng đừng giúp. Trong lời chú *Trương Ôn truyện*, Bùi Tùng Chi nói Trang Tử từng giảng: “Danh cao là không tốt, đừng nên cao quá”. Một người danh vọng quá cao là không hay. Trương Ôn bị trị là bởi “danh vọng quá cao”, vì thế Tôn Quyền đã nghi, hận. Thế nhưng trong thư Lạc Thống còn nói: “Cao hơn mọi người, vượt trội thế gian, người đời không ai bì kịp”, như vậy là lừa dối thêm dầu?

Gia Cát Lượng nói, Trương Ôn đen đủi vì quá thẳng thắn; Bùi Tùng Chi lại nói, Trương Ôn đen đủi vì quá phô trương. Hai người nói đều có lý. Bởi vì thẳng thắn và phô trương lại là đặc điểm chung của loại người như Trương Ôn. Vậy “loại người như Trương Ôn” là loại người nào?

Là danh sĩ.

Trương Ôn là danh sĩ? Đúng. Không chỉ là danh sĩ, mà theo lời ngài Diên Du Khánh nói trong án của Kí Diễm và vấn đề tương quan, còn là “có đủ những đặc trưng một thủ lĩnh danh sĩ từ cuối thời Hán tới nay”. Danh sĩ có đặc trưng nào? Hoặc nói, tiêu chuẩn của danh sĩ là gì? Theo tôi có mấy điều sau. Một - Gia thế thanh bạch, xuất thân danh môn là tốt nhất. “Tướng mạo xấu xí” như Tào Tháo thì đừng hòng là danh sĩ. Hai - Tài hoa lỗi lạc, tốt nhất là đọc đủ thi thư, bụng đầy kinh luận. Còn giống như Lưu Bị “Không thích đọc sách, thích chó ngựa, âm nhạc, quần áo đẹp” cũng không được. Ba - Địa vị vừa phải, không làm quan hoặc không làm quan cao, quan lớn hoặc làm mà như không làm. Điều này vốn là điều kiện cơ bản của danh sĩ. Vì vậy “danh sĩ” là chỉ “người



có tiếng mà không làm quan”, Trịnh Huyền từng nói “danh sĩ không phải là quan”. Có điều, một sĩ nhân, nếu trước khi ra làm quan đã có tiếng, sau khi ra làm quan giữ được thân phận danh sĩ, quan niệm danh sĩ, lập trường danh sĩ, tư thế danh sĩ, quan hệ danh sĩ thì vẫn được coi là danh sĩ. Nhưng một người giống như Tôn Quyền, mười lăm tuổi là huyện trưởng, mười tám tuổi trở thành chủ nhân thì rõ ràng là không phải.

Đương nhiên, danh sĩ được gọi là danh sĩ, bởi họ đã nổi tiếng. Nguyên nhân để nổi tiếng có rất nhiều, như xuất thân từ danh gia vọng tộc, như người có chủ trương riêng, như người học vấn sâu rộng, luôn được người đời kỳ vọng, ngưỡng mộ. Một khi họ phát biểu thì lập tức ảnh hưởng tới dư luận. Những người này thường hay phát biểu, bất luận là trong triều hay ngoài ruộng, họ thường coi mình là người trong dân gian để phát biểu trên lập trường dân gian, gọi là “thanh nghị”. Từ đây thấy rõ, “danh sĩ” là “lãnh tụ ý kiến” hoặc gọi như ngày nay là “nhân vật của công chúng”.

Có điều danh sĩ cũng có nhiều loại. *Trung Quốc thông sử* của ngài Phạm Văn Lan chia danh sĩ cuối thời Hán làm ba loại. Loại một là những người “cầu danh không cần quan”, chúng ta gọi luôn là “thanh cao phái”. Loại này cả đời không làm quan, nhưng cả đời vẫn luôn nổi danh. Vì mỗi lần họ từ chối lời mời của quan phủ là mỗi lần danh vọng họ lại cao hơn. Càng không chịu làm quan thì danh tiết lại càng cao, cuối cùng thì địa vị xã hội thực tế cũng “ngang như một viên quan lớn”. Loại hai “nói làm nhất mực, ghét ác như thù”, có thể gọi luôn là “ngay thẳng phái”. Họ luôn sống có đạo đức (cơ bản là các nhà nho), chỉ cần thấy điều không thuận mắt là không cho qua, luôn mắng chửi xỉ vả. Những người này thường phát biểu về “thanh nghị”. Loại ba, là những người “nghênh hợp phong khí”, chúng ta gọi luôn là “phái thời thượng”. Họ thường phán đoán thời cuộc để chọn cho mình lập trường chính trị và thái độ chính trị, thích hợp tác với nhà đương cục, được nhà đương cục hoan nghênh. Loại một tuy không hợp tác nhưng cũng không thêm việc thêm loạn. Loại hai là những người làm cho nhà đương cục phải đau đầu nhất, đó là “danh sĩ phái ngay thẳng”.

Trương Ôn là “danh sĩ phái ngay thẳng”, một người danh tiếng hiển hách khác là Ngu Phiên cũng vậy. Ngu Phiên người Dư Diêu, Cối Kê, xuất thân từ Ngu gia “Giang Đông Tứ đại gia tộc” (Ngu, Ngụy, Cối, Lục). Họ Ngu học vấn khá, từng viết Chu Dịch chú, được Khổng Dung tôn sùng, đến nay người đời còn dẫn dụng. Vì vậy danh khí lớn, Triều đình và Tào Tháo có lời mời, nhưng đều cự tuyệt, ở lại Đông Ngô làm chức quan nhỏ. Tất cả đều phù hợp với tiêu chuẩn của danh sĩ. Nên, chỉ cần nhìn vào Ngu Phiên chúng ta hiểu được “danh sĩ phái ngay thẳng” là thế nào.

Theo *Tam quốc chí - Ngu Phiên truyện*, Ngu Phiên tính tình giản dị thẳng thắn (Phiên tính đơn giản thẳng thắn), là người biết tự lập (tính không thoả hiệp), không hoà hợp được với nhiều người. Trần Thọ nói: “thẳng thắn nhất xưa nay”, cương nghị, thẳng thắn. Người như vậy thường thích nói thẳng, thích va đập trực diện (nói năng trước mặt),



không nể nang ai. Trong chiến dịch Tương Phàn, tướng Ngụy Vũ Cầm đầu hàng Quan Vũ, bị nhốt ở Giang Lăng. Sau khi Tôn Quyền chiếm Giang Lăng, liền cho thả Vũ Cầm và đối đãi hơn người khác. Một lần Tôn Quyền đưa Vũ Cầm ra ngoài, hai người cưỡi ngựa song hành. Ngưu Phiên liền xông lên trước, lớn tiếng hạch Vũ Cầm, người là kẻ hàng phục, sao dám ngang hàng với chúa công ta? Còn lấy roi vụt Vũ Cầm, nhưng bị Tôn Quyền ngăn lại. Sau này, lúc Tôn Quyền thết tiệc quần thần trên lầu thuyền, Vũ Cầm “nghe nhạc mà rơi lệ”, Ngưu Phiên liền lớn tiếng vạch trần Vũ Cầm, người vờ làm bộ mặt thương cảm để cầu xin miễn tội (người giả vờ để xin được miễn)? Kết quả là Tôn Quyền rất không hài lòng (Quyền thấy bất bằng).

Ngưu Phiên xử sự với Vũ Cầm như vậy có thể xuất phát từ một tình cảm chính nghĩa. Chúng ta đều biết, danh sĩ của những năm cuối thời Đông Hán là những người có sự “trong trắng về đạo đức”. Sự “trong trắng” đó có khi là thực có khi là vờ. Nhưng không kể là thực hay giả, tất cả đều biểu hiện ra ngoài. Ngưu Phiên là như vậy, luôn biểu hiện sự khinh miệt đối với lũ hàng tướng, vẫn theo *Ngưu Phiên truyện*, một lần Ngưu Phiên ngồi thuyền gặp Mi Phương chỗ đường sông hẹp. Bộ hạ của Mi Phương tưởng rằng Ngưu Phiên sẽ nhường đường, nên đã gào ầm lên: “nhanh nhanh tránh đường cho thuyền của tướng quân ta!”. Chúng ta đều biết, Mi Phương vốn là bộ hạ của Quan Vũ. Lúc Lã Mông lên đánh Kinh châu, Mi Phương và Sĩ Nhân đã xin hàng Tôn Quyền, dâng hai thành Giang Lăng và Công An. Ngưu Phiên luôn xem thường những người như vậy. Đương nhiên là Ngưu Phiên không chịu nhường đường. Không chỉ không nhường đường, mà còn đứng trên thuyền quát mắng. Ngưu Phiên nói: “Vứt cả trung thành và tín nghĩa thì còn gì để phò tá quân vương? Bán rẻ hai ngôi thành lại còn dám to tiếng tự xưng là tướng quân sao?”. Kết quả, Mi Phương phải trốn trong khoang thuyền, không dám nói một câu nào, chỉ lệnh cho thuyền phải nhường đường cho Ngưu Phiên.

Chuyện này Ngưu Phiên nở mày nở mặt, biểu hiện rõ tình cảm đạo đức của mình. Nhưng có thể khẳng định, Tôn Quyền sẽ không vui. Thực tế thì đừng nói tới Tôn Quyền mà ngay cả Tào Tháo, Lưu Bị, Gia Cát Lượng cũng sẽ thấy không vui. Ví như Pháp Chính, được Lưu Chương phái đi đón Lưu Bị, Pháp Chính đã thao túng để Lưu Bị đoạt lấy Ích châu. Theo truyền thống đạo đức thì hành vi đó rõ ràng là “bán chủ cầu vinh”, nhưng vì sao Gia Cát Lượng lại không chê trách mà khẳng định đó là công hiến của Pháp Chính. Rõ ràng quan điểm của nhà chính trị và kẻ một sách là khác nhau. Cái gọi là “tình cảm đạo đức” của kẻ một sách chắc gì đã được họ thích thú. Ví như Tôn Quyền và Vũ Cầm đang du ngoạn trên ngựa, vốn là một động tác để mọi người nhìn, thì Ngưu Phiên lại nói tới thân phận của Vũ Cầm, bảo Tôn Quyền có vui được không?

Ngưu Phiên thì chẳng nghĩ gì việc Tôn Quyền vui hay không vui chỉ biết nói và làm theo tính cách của mình. Một lần, Tôn Quyền và Trương Chiêu bàn luận về thần tiên, Ngưu Phiên liền xen vào, chỉ Trương Chiêu nói với Tôn Quyền, họ đều là người đã



chết rồi, còn bàn gì tới thần tiên nữa! Ở đời làm gì có thần tiên! Tôn Quyền vốn không thể nhẫn nhịn với Ngu Phiên nữa (tức giận không chỉ một lần). Lần này thì không thể khoan dung, lệnh được ban, đầy Ngu Phiên đến Giao Châu (nay là một phần của Quảng Đông, Quảng Tây và Việt Nam). Cuối cùng thì Ngu Phiên đã chết ở đó.

Thực tình thì từ lâu Tôn Quyền đã muốn phế bỏ Ngu Phiên. Sau khi Tôn Quyền là Ngô vương đã bày tiệc mừng công với quần thần. Trước khi tiệc rượu kết thúc, Tôn Quyền đứng dậy tay rót rượu mời quần thần. Ngu Phiên đã vờ say, lảo đảo, không nhận chén rượu mời. Tôn Quyền đi khỏi, Ngu Phiên lại bò dậy vào chỗ ngồi. Rõ ràng đó là việc làm mất mặt Tôn Quyền. Thế là Tôn Quyền nổi giận, rút kiếm định giết Ngu Phiên. Khi đó mọi người sợ đến bạc mặt, chỉ có đại tư nông Lưu Kỳ dám bước tới ôm lấy Tôn Quyền và nói: “Đại vương uống rượu xong lại giết danh sĩ, dù người đó có tội nhưng ai biết? Hơn nữa, nước Ngô được thiên hạ ngưỡng mộ chẳng phải vì điện hạ tôn hiền kính sĩ hay sao? Nay chỉ vì Ngu Phiên mà vứt mất tiếng thơm đó, có đáng không? Tôn Quyền tức giận vừa thở vừa nói: “Tào Mạnh Đức còn giết cả Khổng Dung kia! Sao quả nhân lại không thể giết Ngu Phiên!” Lưu Kỳ nói: “chính vì Tào Tháo lạm sát danh sĩ, nên người đời mới chửi rửa mãi! Điện hạ muốn là Nghiêu Thuấn sao có thể học Tào Tháo?” Tôn Quyền suy nghĩ rồi buông Ngu Phiên. Nhưng việc hay thì phải làm tới chót, Tôn Quyền đã có quy định: “say rượu nói tới giết” thì không tính.

Điều đáng chú ý trong án này là câu nói của Tôn Quyền: “Tào Mạnh Đức đã giết Khổng Văn Cử, sao cô không thể giết Ngu Phiên”. Lời nói đáng được chú ý, vì người khác cũng nói đại loại như vậy, người này là Gia Cát Lượng. Theo *Tổng thư - Vương Vi truyện*, khi Gia Cát Lượng giải quyết vấn đề Lai Mẫn từng nói, “Lai Mẫn loạn quần, tội còn hơn Khổng Văn Cử”. Chuyện của Lai Mẫn, chúng ta đã nói trong tập *Nước lửa khó dung*. Theo *Tam quốc chí - Lai Mẫn truyện*, người này xuất thân “danh tộc Kinh Sở”, cha là Lai Diễm từng là tam công (nguyên tư đồ). Người này học văn uyên bác, tinh thông học thuật, là danh sĩ điển hình. Cũng như nhiều danh sĩ khác, người này thích bàn luận, can dự chính sự, kết quả bị Gia Cát Lượng khép tội “loạn quần” mà bãi quan.

So sánh như vậy là rất hay. Tôn Quyền coi Ngu Phiên như Khổng Dung, Gia Cát Lượng coi Lai Mẫn như Khổng Dung, Tào Tháo đã giết Khổng Dung. Tuy Tôn Quyền và Gia Cát Lượng không giết Ngu Phiên, Lai Mẫn, nhưng lại không cho rằng không thể giết. Ý của Tôn Quyền rất rõ ràng: Tào Tháo giết được Khổng Dung, ta cũng có thể giết Ngu Phiên. Ý của Gia Cát Lượng cũng rất rõ ràng, tội của Lai Mẫn nhiều hơn tội của Khổng Dung, không giết mà chỉ bãi quan là đã khoan dung nhiều lắm! Điều này nói lên điều gì? Nói rõ ba điểm. Một - Khổng Dung, Ngu Phiên, Lai Mẫn là một mẫu người “danh sĩ phải ngay thẳng”. Hai - Mẫu nhân vật này đâu cũng có, Lai Mẫn là Khổng Dung nước Thục, Ngu Phiên lại là Khổng Dung nước Ngô. Ba - Mẫu người này đi đến đâu cũng ít được hoan nghênh, Tào Tháo, Tôn Quyền, Lưu Bị, Gia Cát Lượng, những



người lãnh đạo chủ yếu của Tam Quốc đều không thích họ, chỉ có điều khi xử lý thì khoan nghiêm khác nhau. Không thích là đương nhiên rồi sẽ nói tới lý do. Khoan nghiêm cũng là đương nhiên, sau này sẽ nói tới lý do.

Bây giờ hãy tổng kết ba vụ án đã nói tới ở tập này. Lục Tồn bị trị vì bản thân là sĩ tộc. Ngưu Phiên bị chinh vì bản thân là danh sĩ. Trương Ôn bị chinh vì bản thân vừa là sĩ tộc vừa là danh sĩ. Mâu thuẫn giữa Tôn Quyền và ba người đó là mâu thuẫn giữa Tôn Quyền và sĩ tộc, danh sĩ. Đây cũng là vấn đề mà Tào Tháo, Lưu Bị, Gia Cát Lượng đã gặp phải. Tức là ba chính quyền lớn Ngụy, Thục, Ngô đã xung đột với sĩ tộc. Ba nhà lãnh đạo chủ yếu của Tam Quốc đã đấu tranh với danh sĩ. Trên thực tế, khoảng giữa của Hán và đế quốc Đường, đại thống nhất có thời kỳ Tam Quốc ở thế chân vạc, tiếp đến có Lưỡng Tấn thống nhất một nửa và Nam Bắc triều chia cắt, tất cả đều liên can đến mâu thuẫn này. Bởi vì sĩ tộc và những người đại diện cho danh sĩ vẫn là một lực lượng chính trị trên, theo Đông Hán, dưới, tiếp Lưỡng Tấn. Trong lúc lực lượng chính trị này đấu tranh, xung đột với Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền, nhưng do chưa nắm được chính quyền nên được coi là “ngược dòng mà lên”. Còn Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền là đại biểu cho xu thế tất yếu của lịch sử phát triển nên cũng được coi là “ngược dòng mà lên”. Chính từ hai ý nghĩa của “ngược dòng mà lên” này đã quyết định con đường dựng nước khác nhau của Ngụy, Thục, Ngô và cuối cùng đều phải đồng quy về Tấn. Vậy con đường của họ là thế nào, ý nghĩa việc quy về Tấn là thế nào?

Tập thứ bốn mươi tám: ĐƯỜNG RIÊNG ĐỒNG QUY

Mâu thuẫn xung đột giữa Tôn Quyền và danh sĩ, sĩ tộc, đã từng tồn tại ở chỗ Tào Tháo, Lưu Bị và Gia Cát Lượng. Bởi vì ba nước Ngụy, Thục, Ngô đều không do những người xuất thân từ sĩ tộc xây dựng. Họ cũng không muốn xây dựng một chính quyền của sĩ tộc và giai cấp địa chủ. Điều đó đã quyết định con đường dựng nước của họ chẳng bằng phẳng chút nào, chính quyền của họ cuối cùng sẽ diệt vong. Vậy, con đường của họ có điểm nào giống và khác nhau, vì sao ba nhà Ngụy, Thục, Ngô phải đồng quy về Tấn?

Tập trước chúng ta đã nói tới mâu thuẫn xung đột giữa Tôn Quyền và sĩ tộc, danh sĩ. Đây cũng là vấn đề mà Tào Tháo, Lưu Bị, Gia Cát Lượng từng đã gặp. Tào Tháo giết Biên Nhượng, giết Khổng Dung, giết Thôi Diễm, giết Dương Tu, Lưu Bị giết Trương Dục, Gia Cát Lượng giết Bành Dạng, phé Lai Mẫn, phé Liêu Lập, đều là những biểu hiện của loại mâu thuẫn xung đột này. Vậy vì sao Tào Tháo, Tôn Quyền, Lưu Bị, Gia Cát Lượng lại hay mâu thuẫn xung đột với danh sĩ và sĩ tộc?

Muốn hiểu rõ vấn đề này thì trước hết phải làm rõ thế nào là sĩ tộc.

Sĩ tộc là những gia tộc đòi đòi làm quan. Vì sao một gia tộc lại có thể đòi đòi làm quan? Vì thời đó làm quan đâu có dễ. *Trung Quốc thông sử* của ngài Phạm Van Lan



nói, thời Hán, một người muốn làm quan bằng con đường chính quy thì cần có ba điều kiện. Một - Phải là sĩ nhân; Hai - Phải thông hiểu kinh học; Ba - Phải đậu hiếu liêm. Hiếu liêm là hiếu tử liêm sĩ, đó là yêu cầu về đạo đức. Thông hiểu kinh học cũng gọi là minh kinh, đây là yêu cầu về tài. Phải là sĩ nhân, là yêu cầu về thân phận. Sĩ ở thời nhà Chu là quý tộc thấp nhất. Đến đời Hán lại biến thành bình dân cao nhất. Bình dân lại chia làm bốn loại, sĩ nông công thương. Sĩ là sĩ dân; nông là nông dân; công là công dân; thương là thương nhân. Nông dân làm nông, công dân làm công, thương nhân làm thương, sĩ dân đọc sách. Sĩ lấy đọc sách làm nghiệp, là thứ lao động về đầu óc. Nói cách khác, sĩ là “người lao động bằng não lực”, là “người lao tâm”. Người lao tâm trị người, người lao lực bị người trị. Vì vậy sĩ nông công thương thì địa vị của sĩ là cao nhất, địa vị của thương là thấp nhất, thậm chí họ không có quyền làm quan.

Nói như vậy là ai cũng hiểu, lúc đó người có thể đạt được ba tiêu chuẩn này là không nhiều. Chưa nói tới điều khác, riêng việc thông hiểu kinh học đã rất khó, vì không phải ai cũng có sách đọc và đọc tốt. Nếu còn yêu cầu không làm gì cả, chỉ luôn luôn đọc sách lại càng khó! Vì vậy, chỉ có những người có sách đọc, đọc được, đọc vào, đọc tốt và không làm gì cả (nông công thương) mới có khả năng làm quan. Làm quan cần phải đọc sách, đọc sách là để làm quan, đọc sách và làm quan biến thành một sự kiện, biến thành nghề nghiệp, một gia tộc, lấy đọc sách làm quan làm nghề nghiệp thì gọi là “sĩ tộc”. Nếu đời đời đọc sách và làm quan thì gọi là “thế tộc”. Vì vậy, “sĩ tộc” tức là “thế tộc”.

Từ đây có thể thấy, gọi là “sĩ tộc” là do đời đời đọc sách và làm quan, và trong giai cấp bình dân đã phân hoá, sản sinh ra một tầng lớp đặc thù. Tính đặc thù của họ biểu hiện ra ba mặt, là lũng đoạn con đường làm quan, là khống chế dư luận, là biến thành cường hào. Vì sao sĩ tộc lại lũng đoạn con đường làm quan? Vì một người đã có điều kiện đọc sách lại làm quan thì con cháu của họ tự nhiên sẽ có điều kiện đọc sách, làm quan hơn nhiều người khác. Thế là người đọc sách trở nên nhiều hơn, người có đời ông đời cha làm quan thì dễ dàng hơn trong cuộc giành giật làm quan với những người đọc sách khác. Thế là sẽ xuất hiện một hiện tượng, người làm quan có thể đời đời đều làm quan, thậm chí đều làm quan lớn, như nhà họ Viên “Tứ đại tam công”. Như vậy, nghề làm quan có thể bị một số gia tộc nào đó lũng đoạn hoặc lũng đoạn một số quan chức nào đó. Đây là nguyên nhân thứ nhất.

Thứ hai, một người làm quan thì có quyền tiên cử, có thể tiên cử người khác ra làm quan. Họ sẽ tiên cử loại người nào đây? Có hai loại. Một loại là người của mình, một loại nữa là những người đọc sách mà địa vị xã hội tương đối thấp. Những người này ít có cơ hội làm quan, một khi được tiên cử, họ sẽ cảm ơn, báo ơn, thậm chí họ sẽ có quan hệ lệ thuộc, tình cảm cha con với người tiên cử; họ sẽ trở thành “thành viên không cùng huyết thống trong gia tộc”. Một người quan càng cao thì quyền tiên cử cũng



càng lớn; Thời gian làm quan càng dài thì càng nhiều cơ hội để tiến cử; nếu như đời đời làm quan thì sẽ hình thành một cục diện “môn sinh cố lại khắp thiên hạ”. Số “môn sinh cố lại” đó cũng có thể tiến cử người khác làm quan. Nhưng họ là “môn sinh cố lại” của một gia tộc nào đó, nên khi sử dụng quyền tiến cử họ phải nhìn xem sắc thái của số gia tộc đó hoặc công hiến một thứ gì đó để báo ân. Vì vậy, “môn sinh cố lại” của một gia tộc nào đó càng nhiều thì quyền tiến cử của họ cũng càng nhiều. Thời gian dài, họ trở thành người lũng đoạn quyền làm quan.

Thứ ba, người có quyền tiến cử còn có thể tiến cử lẫn nhau, tôi tiến cử người của anh, anh tiến cử người của tôi. Phương pháp “ở đào báo lý” này cũng là một “quy tắc ngầm” trong chốn quan trường, người người đều biết, nên cứ tiến hành công việc mà không cần phải mặc cả. Cuối cùng thì quyền tiến cử, quyền làm quan đã bị một số sĩ tộc lớn bé chia nhau.

Vậy thì vì sao sĩ tộc lại có thể không chế được dư luận? Bởi vì họ từ đọc sách rồi mới làm quan và do làm quan mới thành sĩ tộc, đương nhiên họ là người có học vấn nhất có văn hoá nhất. Vì vậy, là lãnh tụ giới tư tưởng, giới văn hoá, giới học thuật, sĩ tộc càng dễ đoàn kết hàng loạt người có văn hoá gồm các danh sĩ và thái học sinh. Thái học sinh là sinh viên trong thái học (học viện cán bộ quốc gia), như nay nói là “cán bộ hậu bị”. Danh sĩ là nhân sĩ có tiếng trong xã hội, nay nói là “xã hội hiền đạt”. Danh sĩ không nhất thiết xuất thân sĩ tộc, có danh sĩ thân phận khác nhau, như Đậu Vũ là ngoại thích kiêm danh sĩ, Lưu Biểu là tông thất kiêm danh sĩ. Nhưng bất luận là thân phận gì, họ đều quan hệ mật thiết với sĩ tộc. Đại thể sĩ tộc là chỗ dựa của danh sĩ, danh sĩ làm vẻ vang sĩ tộc, thái học sinh trở thành vật đệm của họ. Ở tập trước chúng ta đã nói, “danh sĩ” là “lãnh tụ ý kiến” của thời đại, là “nhân vật công chúng”. Việc những người này thích nhất là phát biểu ý kiến, nói về người khác, bàn về thời sự chính trị. Thời đó gọi loại ý kiến này là “thanh nghị”. Thanh nghị có ảnh hưởng rất lớn, khả năng sát thương cũng rất mạnh. Một người được thanh nghị khen thì giá trị tăng thêm gấp bội; nếu bị thanh nghị chê thì thôi hết chỗ nói. Lực lượng thanh nghị đứng cùng phía với sĩ tộc, lại có thái học sinh hưởng ứng, đương nhiên sĩ tộc sẽ không chế được dư luận.

Sĩ tộc nắm quyền làm quan, sẽ không chế được quan trường; nắm quyền phát ngôn, sẽ không chế được dư luận. Có được hai điều kiện đó, họ biến thành cường hào chẳng khó khăn gì. Trở thành cường hào cũng chẳng có gì là lạ, vì chính quyền Đông Hán vốn do cường hào dựng nên (chủ yếu là cường hào Nam Dương). Chúa tể của vương triều luôn là cường hào, như ngoại thích, hoạn quan, đại thương nhân. Họ cũng đều là đại địa chủ. Sĩ nhân xuất thân từ địa chủ nhỏ, trung bình, vốn không phải là cường hào. Nhưng sau khi nhân sĩ biến thành sĩ tộc thì tình hình lại khác. Vì ngẫu nhiên khi họ được làm quan sẽ biến thành đời đời làm quan. Làm quan, địa vị cao, sẽ nổi danh. Làm quan có nhiều quyền lực, có nhiều lợi. Vừa có danh vừa có lợi, gia tộc của họ có thể lợi



dụng vốn chính trị, ưu thế chính trị vốn có để không ngừng phát triển lớn mạnh, từ địa chủ nhỏ, trung bình biến thành đại địa chủ, trở thành cường hào nhìn thiên hạ, xưng bá một vùng. Một hào tộc to lớn được gọi là “thế gia đại tộc”, gọi là “y quan vọng tộc”, hoặc “danh môn vọng tộc”, đơn giản gọi là sĩ tộc, vọng tộc, thế tộc. Thế gia, tức là đời đời làm quan; y quan, là thi thư chuyên gia. Thi thư chuyên gia, tất nhiên có danh vọng, vì vậy gọi là “vọng tộc”, là “danh môn”. Đời đời làm quan, tất nhiên sẽ có quyền thế, vì vậy gọi là “thế tộc”. Còn nhà thứ dân không quyền không thế, không danh vọng, gọi là “hàn môn”, là “thứ tộc”, là “hàn tộc”.

Hiển nhiên, sĩ tộc là giai tầng rất đặc biệt. Họ không phải quý tộc (hoàng thân quốc thích), cũng không phải thứ tộc (phổ thông bình dân). Thuộc giai cấp bình dân nhưng cao quý hơn bình dân; không thể thế tập quan chức, nhưng có thể lũng đoạn con đường làm quan. Nói về tính chất, họ là “chuẩn quý tộc nửa thế tập”, nói về địa vị, họ như “bình dân cao cấp” gần với quý tộc. Họ quan hệ mật thiết với danh sĩ, có quan hệ vừa có khác biệt. Khác biệt ở chỗ: sĩ tộc là một tộc danh sĩ là một người; sĩ tộc tất phải làm quan, danh sĩ thì không nhất thiết. Nhưng với một số đông như vậy thì danh sĩ và sĩ tộc có được sự nhất trí về lập trường giai cấp, về quan niệm chính trị và lí tưởng chính trị. Vì vậy sĩ tộc là ông chủ đứng sau hậu đài của danh sĩ, danh sĩ là người phát ngôn của sĩ tộc.

Lý tưởng chính trị của sĩ tộc là gì? Đương nhiên là xây dựng một chính quyền của giai cấp mình. Chí ít cũng có được những vị trí trong chính quyền đó. Điều này tất sẽ phát sinh mâu thuẫn xung đột với Tào Tháo. Tôn Quyền, Lưu Bị và Gia Cát Lượng. Bởi vì người chủ của Tam Quốc không phải sĩ tộc và họ cũng không muốn để sĩ tộc trở thành giai cấp thống trị. Có điều, tình hình ở ba nước Ngụy, Thục, Ngô có khác nhau, chúng ta sẽ nói riêng từng nước, để xem giai cấp sĩ tộc đấu tranh với họ như thế nào và sau đó sẽ quy họ về một mối như thế nào.

Nói về Tào Ngụy trước.

Con đường dựng nước của Tào Ngụy, tôi gọi là “diễn biến không hoà bình”. Vì sao lại gọi như vậy? Vì thiên hạ Tào Ngụy là do dùng vũ lực mà chiếm được, nên không phải là “diễn biến hoà bình”. Nhưng tính hợp pháp của chính quyền này lại có từ sự “nhường ngôi” cùng hàng loạt những phong thưởng trước đó của Hán Hiến đế, bao hàm gia Cữu tích, phong Ngụy công, tấn Ngụy vương, lại có hương vị của “diễn biến hoà bình”, nên chỉ có thể gọi là “diễn biến không hoà bình” hoặc “chính biến không cung đình”.

Tập đoàn Tào Tháo lựa chọn con đường này, phải chăng đây là kế hoạch từ trước? Không phải. Tào Tháo từng bước từng bước tìm ra con đường này. Dã tâm của Tào Tháo cũng lớn dần từng ngày. Chí ít chúng ta cũng có thể khẳng định, trước lúc thành



lập liên quân Quan Đông, Tào Tháo chưa nghĩ gì về việc xây dựng chính quyền. *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ* nói thế nào? “Tháng giêng Sơ Bình năm đầu, Hậu tướng quân Viên Thuật, Ký châu mục Hàn Phúc, Dự châu thứ sử Khổng Do, Duyện châu thứ sử Lưu Đại, Hà Nội thái thú Vương Khuông, Bộc Hải thái thú Viên Thiệu, Trần Lưu thái thú Viên Di, Tế Bắc tướng Pháo Tín, khởi binh cùng lúc, hàng mấy vạn người, tôn Thiệu là minh chủ, Thái Tổ là Phấn Võ tướng quân”. Rõ ràng, trong “Tập đoàn công ty” liên quân Quan Đông, Tào Tháo không có “cổ phần” Tháo không phải là “ông chủ”, không phải cổ đông, chỉ là “chân chạy”, có suy tính gì đây?

Chùng vào lúc nào thì Tào Tháo mới có suy nghĩ? Theo tôi, phải từ sau trận chiến Quan Độ, trước trận Xích Bích. Nếu coi chính quyền “thượng tầng kiến trúc” như xây phòng ở, coi việc thành lập chính quyền mới như “lợp một căn phòng” thì cả Trung Nguyên khi đó mới có một mình Tào Tháo là “nhà thầu” kiêm “kiến trúc sư” trong việc “lợp mới một căn phòng”. Tháo nghênh đón thiên tử mới có được đất, đánh thắng Viên Thiệu mới có vốn liếng. Một người vốn đã nhẵn nhụi về mặt này, nay đã có được hai điều đó mà không suy nghĩ để tiến tiếp thì đó mới là kỳ cục! Tháng sáu năm Kiến An thứ XIII (Công nguyên năm 208), Tào Tháo khôi phục chế độ thừa tướng đã bị bãi bỏ từ lâu và tự mình làm thừa tướng, coi đây là tín hiệu để Tào Tháo ra tay tiếp.

Vậy “căn phòng mới” của Tào Tháo có sơ đồ gì không? Không có. Đặc điểm con người Tào Tháo, có lý tưởng nhưng không có sơ đồ. Tào Tháo muốn xây dựng một “chính quyền không có sĩ tộc” - *Thôi Hạo và Khấu Khiêm Chi* của ngài Trần Dân Khắc nói, đó là “chính quyền Tào nguy của pháp gia hàn tộc”. Cứ theo lời nói và việc làm của Tào Tháo, chúng ta biết, Tào Tháo không tin thiên mệnh, thi hành pháp trị, vừa mời vừa ép, phá lệ dùng người, đề xướng tiết kiệm, không mộ hư danh, không có điểm nào là không xung đột với sĩ tộc? Nhất là điểm “cứ có tài là dùng”, coi như đã đào mộ tổ tông lớp sĩ tộc! Nếu chế độ dùng người được cải cách như vậy thì liệu sĩ tộc còn lũng đoạn được quan trường nữa không? Ngay cả việc cha con Tào Tháo cùng thích văn học cũng khiến cho sĩ tộc không hài lòng. Vì cái mà sĩ tộc coi trọng là “kinh nghĩa” tu thân trị quốc, không phải là mấy “lời lẽ” chải chuốt bông bẩy, vô bổ.

Vì vậy sĩ tộc đã chống lại Tào Tháo, danh sĩ đã cười nhạo Tào Tháo. Tào Tháo bị bất ngờ chưa hề có chuẩn bị. Tào Tháo biết rõ mình đã đắc tội với sĩ tộc, biết rõ phần lớn danh sĩ sẽ cùng cánh với sĩ tộc. Tào Tháo chỉ còn cách là chém giết. Tào Tháo những muốn giết Dương Bưu, nhưng không thành. Đã giết Khổng Dung, Dương gia (Dương Bưu) cũng giống Viên gia (Viên Thiệu) đều là vọng tộc sắc nhất trong số sĩ tộc. Dương gia còn hơn Viên gia, năm đời là tam công. Khổng Dung là danh sĩ nổi nhất trong số các danh sĩ, là cháu đời thứ hai mươi của Khổng Tử. Tào Tháo muốn giết Dương Bưu, dám giết Khổng Dung, rõ ràng Tào Tháo rất chú ý đến sĩ tộc (nếu không, không phải



giết) và không mấy quan tâm đến danh sĩ (nếu không, không dám giết). Sĩ tộc chống đối, danh sĩ phản đối, không phải khó khăn lớn nhất đối với Tào Tháo.

Vốn liếng mới là khó khăn của Tào Tháo. Vốn liếng của Tào Tháo là gì? Phụng thiên tử lệnh những kẻ chưa thần phục. Dựa vào cái vốn đó để có được đất đai. Nhưng như vậy, Tào Tháo phải đứng trước một thực tế, không thể giữ bỏ những căn nhà cũ trên mảnh đất đó, xây nên một căn nhà mới. Ngược lại, Tào Tháo còn phải ra vẻ muốn giữ gìn những căn nhà cũ đó, giống mấy vị quân gia tận tâm, tận trách, không thể cưỡng chế, giữ bỏ làm nơi buôn bán. Dựng được một căn phòng mới rõ ràng là điều khó khăn với Tào Tháo.

May sao Tào Tháo là người có lý tưởng, không cần sơ đồ, có thể vừa làm vừa nghĩ. Tào Tháo còn là người có biện pháp, biện pháp đó là “phục trang tu sửa”. Biện pháp “phục trang tu sửa” là cải tạo dần, cuối cùng thì biến nhà của người khác thành của mình. Biện pháp này tốt thì tốt thật, nhưng vẫn có một tiền đề, tức là “phòng cũ” không thể phá bỏ. Dù bên trong có nát vụn thì cột kèo vẫn phải giữ lại. Cột kèo trong căn “phòng cũ” của triều Đông Hán là gì? Ba cột nhà và một nóc nhà. Cột nhà là ngoại thích, hoạn quan và sĩ tộc, nóc nhà là thiên tử Đại Hán. Tào Tháo nghênh đón thiên tử về là nóc nhà đã có, ba chiếc cột thì đã đổ mất hai. Trước khi Đồng Trác vào kinh thành, ngoại thích và hoạn quan đã tàn sát lẫn nhau, người thì bại kẻ thì thương tích đầy người, không sao đứng lên được. Nếu không cần chiếc cột còn lại (sĩ tộc) thì căn phòng sẽ đổ.

Tào Tháo thấy khó và sĩ tộc cũng thấy khó. Cái khó của Tào Tháo là không thể phá bỏ căn phòng, vì vậy chiếc cọc kia không thể đổ; Tào Tháo phải trang trí và tu sửa; nói thẳng ra, phải lén thay kèo thay cột, không thể không động vào chiếc cột đó. Sĩ tộc cũng thấy khó khăn, xưa nay cột dùng để chống nóc, cột chỉ có thể đi cùng nóc. Lúc này nóc nhà đã chạy đến chỗ Tào Tháo, cột nên hay không nên tới đó? Nếu đi, thì rõ ràng đã biến thành cột của Tào Tháo. Nếu không đi thì coi như nhà không có nóc. Nhà không nóc thì cần cột làm gì? Đúng là khó khăn đến chết người.

Nói rõ điểm này thì dễ dàng giải thích được vấn đề sau, vì sao Tào Tháo lại thực hành “đường lối pháp gia hàn tộc”, Tào Tháo đâu có xuất gia từ sĩ tộc, đâu phải là danh sĩ mà phải tìm đến với sĩ tộc nhiều hơn những người khác. Vì sao vậy? Vì Tào Tháo rất rõ, không có mấy người này thì “trang trí tu sửa” ra sao! Sĩ tộc và danh sĩ cũng hiểu rất rõ, dù có đi Hứa Đô, cũng không phải là chạy đến với Tào Tháo; Dù có đến với Tào Tháo, cũng không phải là đã thay đổi; và dù có thay đổi, cũng không phải là cùng đường với Tào Tháo cho đến chết. Cũng tức là, Tào Tháo, sĩ tộc và danh sĩ ai cũng tính toán: lợi dụng đối phương thực hiện mục đích của mình.

Thế là, Tào Tháo và sĩ tộc, danh sĩ có quan hệ lợi dụng lẫn nhau và cảnh giác với nhau. Vì vậy, danh sĩ ở cạnh Tào Tháo nhiều hơn những người khác và cũng bị Tào



Tháo giết nhiều hơn những người khác. Vì vậy Tào Tháo không thể không đề phòng, thậm chí luôn lo sợ, nghi thần nghi quỷ, lạm sát vô cớ. Như bức chết Tuân Úc, giết Thôi Diễm, giết Dương Tu. Mọi người luôn thấy khó hiểu cảm thấy Tào Tháo luôn sinh chuyện, chuyện bé xé ra to. Nhưng chỉ cần nhớ rằng những người đó đều là đại tộc danh sĩ thì hiểu ngay được những bí mật trong đó.

Việc Tào Tháo lạm sát cần phải phê phán, còn việc Tào Tháo hoài nghi thì không sai. Sự thực, không ít danh sĩ có những ý nghĩ khác, ở đây có ba loại người đáng nói. Loại một, chỉ thấy nóc nhà, không thấy người tu sửa và cũng không muốn Tào Tháo trang trí tu sửa, như Khổng Dung. Loại hai, thấy đỉnh nhà, thấy người tu sửa, còn muốn góp phần, hy vọng Tào Tháo sửa sang được như cũ và trả lại cho chủ cũ, như Tuân Úc. Loại ba, anh sửa được thì tôi cũng sửa được. Bề ngoài là giúp anh sửa nhưng thực tế là tôi sửa. Chờ khi sửa gần xong mới bảo với anh, phòng phải được sửa sang như ý của tôi kia, như Trần Quần. Tháng giêng năm Kiến An thứ XXV (Công nguyên năm 220), Tào Tháo bệnh và qua đời ở Lạc Dương, Tào Phi kế vị trở thành Ngụy vương. Ít lâu sau, Trần Quần “kịp thời” đề xuất để Tào Phi đưa ra “Cửu phẩm quan nhân chi pháp” (Cửu phẩm trung chính chế). “Cửu phẩm quan nhân pháp” nói thẳng ra là, sĩ tộc lũng đoạn quan quyền rồi phân phối quan vị, quan chức trong sĩ tộc tùy theo danh vọng, môn phiệt, thế lực cao thấp lớn bé. Tào Phi tiếp nhận ý kiến của Trần Quần và hạ lệnh thi hành. Chẳng bao lâu, Tào Phi được sĩ tộc Trung Nguyên ủng hộ, lên làm hoàng đế, nóc nhà đế quốc này (lúc này chỉ còn hơn một nửa) từ tay họ Lưu đã chính thức “sang tay” họ Tào.

Đây là thắng lợi của Tào Phi và cũng là thất bại của Tào Tháo; kịch vui của Tào Phi và cũng là kịch buồn của Tào Tháo. Nên nhớ rằng, để xây dựng một chính quyền không sĩ tộc, Tào Tháo đã khổ sở vất vả, bị chửi cũng nhiều, giết chóc cũng nhiều, cuối cùng đành theo biện pháp “trang trí tu sửa” để “đổi phòng”. Nhưng khi tu sửa xong phòng, chờ giấy “chứng nhận quyền tài sản” mới phát hiện thấy “cây cột” vừa thay đã trở thành “nền móng”, thậm chí biến thành cơ cấu chủ thể của căn phòng. Nói xem, ở dưới xuôi vàng, Tào Mạnh Đức biết điều này thì nên cười hay nên khóc?

Tào Phi tiếp nhận ý kiến của Trần Quần là bởi Tào Phi đã hiểu được điều, như lời ngài Phạm Văn Lan nói: “sĩ tộc làm trở ngại việc Tào Tháo thay Hán làm Hoàng đế, nói là ủng hộ nhà Hán, chỉ bằng nói là đang trao đổi đặc quyền làm quan với Tào Tháo”. Và, Tào Ngụy đúng là một “chính quyền pháp gia hàn tộc” “không sĩ tộc”. Một khi tính chất cải biên, biến thành chính quyền của giai cấp địa chủ sĩ tộc thì còn có giá trị, ý nghĩa gì nữa? Vì vậy, triều Ngụy của Tào Phi không còn là nước Ngụy của Tào Tháo. Ngày Tào Phi thành công thay Hán cũng là lúc Tào Ngụy diệt vong. Để sĩ tộc Tư mã gia tộc cầm đầu, lật đổ chính quyền Tào Ngụy xây dựng không sĩ tộc, chỉ là lần nữa



thêm mũ cho cho chính quyền sĩ tộc. Đây là đường đi của Tào Ngụy và cũng là nguyên nhân cơ bản khiến Tào Ngụy diệt vong.

Vậy còn Tôn Ngô và Thục Hán thì sao?

Về cơ bản thì Tôn Ngô và Thục Hán không có tư cách lập nước. Nhờ vào vũ lực, cha anh Tôn Quyền đã cướp được địa bàn, về mặt lí luận thì đó là một căn nhà của đế quốc Đại Hạ, Tôn Quyền chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu. Lưu Bị đáng thương hơn, nói gì tới nhà cửa, đến một căn phòng cũng chẳng có, chỉ biết đi ở nhờ. Về sau cũng có được nhà cửa, phải cảm tạ Tào Tháo đã mở mang cho, cảm ơn Tào Tháo đã dạy cho kinh nghiệm về hai mặt chính, phản diện. Mặt chính diện là: sĩ tộc thực không đáng sợ, không sĩ tộc cũng có thể đoạt được thiên hạ. Mặt phản diện là: thế lực sĩ tộc cực lớn, chỉ nên sử dụng, không nên đối kháng.

Vì vậy Tôn Quyền và Lưu Bị đã có được một phương châm chiến lược, đường lối dựng nước khác với Tào Tháo. Nếu nói Tào Tháo ngược dòng mà lên thì Tôn Quyền và Lưu Bị một người thuận thế mà làm, một người đi đường vòng. Tôn Quyền thuận thế mà làm. Tức là “Giang Đông hoá”, cũng tức là “bản sĩ hoá”. Phần trước đã nói, chủ thể trong chính quyền Đông Ngô vốn là tướng lĩnh Hoài Tứ, Chu Du là đại diện; và Bắc sĩ lưu vong mà Trương Chiêu là đại diện. Những người này đều là lực lượng từ ngoài đến, người không đông, thế không mạnh, lực vừa phải, có thể yên tâm sử dụng. Nhưng cũng chính vì vậy, Tôn Quyền không thể chỉ dựa vào họ để dựng nước. Chỉ dựa vào tướng lĩnh Hoài Tứ và Bắc sĩ lưu vong thì Đông Ngô mãi mãi chỉ là một chính quyền non yếu. Vì vậy, Tôn Quyền chỉ có thể “Giang Đông hoá” và cần phải “Giang Đông hoá”. Thế là Tôn Quyền kiên quyết chia một phần chính quyền và một phần binh quyền giao cho Cố Ung và Lục Tốn. Con em “Tứ đại gia tộc” (Cố Lục Chu Trương) ở Ngô quận làm quan ở chỗ Tôn Quyền có đến cả ngàn. Như vậy, Giang Đông sĩ tộc và chính quyền Tôn Ngô đã được buộc vào với nhau, hình thành một lợi ích cộng đồng. Lợi ích của chính quyền Tôn Ngô và cũng là lợi ích của sĩ tộc Giang Đông. Để bảo vệ địa vị chính trị và lợi ích chính trị của mình, sĩ tộc Giang Đông phải ra sức bảo vệ chính quyền Tôn Ngô. Đó cũng chính là một trong những nguyên nhân để chính quyền Tôn Ngô trị lý đất nước kém nhất trong Tam Quốc lại có thời gian tồn tại dài nhất.

Nhưng mọi sách lược đều như con dao hai lưỡi. “Giang Đông hoá” tuy có làm cho chính quyền Tôn Ngô thêm vững mạnh nhưng nó đã làm thay đổi tính chất của chính quyền này. Tôn Quyền mong muốn có điều trước nhưng lại lo sợ vì điều sau. Nó làm cho nội bộ Tôn Ngô chia rẽ, tâm lý biến dạng, tác phong càn rỡ, việc làm trái ngược, đối với Giang Đông sĩ tộc càng thêm nghi thần nghi quỷ. Tập trước có nói tới mấy cái án người người lấy làm khó hiểu, có thể là từ nguyên nhân này. Trên thực tế, lúc lâm chung, Tôn Quyền chỉ định hai cố mệnh đại thần, một là đại tướng quân Gia Cát Khắc, một là thái thú Cối Kê Đằng Dận, đều là đời sau của “Bắc sĩ lưu vong”. Cho tới lúc chết,



Tôn Quyền chưa thực tin tưởng Giang Đông sĩ tộc. Vì vậy Tôn Quyền mới tự hành độc đoán, dùng hình nghiêm khắc, cả Đông Ngô ngôn luận không thông, li tâm li đức. Nước Ngô trở thành một đất nước nội bộ không ổn định nhất. Hơn nữa, Giang Đông sĩ tộc cũng đâu không lại với sĩ tộc phương bắc, vì vậy, Tôn Ngô bị mất trong tay nước Tấn.

Nếu nói Tào Ngụy là “diễn biến không hoà bình”, Tôn Quyền là “bản thổ hóa sinh tồn”, vậy, Thục Hán sẽ là “sinh ra ngoài kế hoạch”. Theo lý, Lưu Bị không có tư cách dựng nước. Tuy là hoàng tộc, tông thất, là Tả tướng quân, đầu hàm Dự châu mục, nhưng đều là “ngân phiếu không”, hết tác dụng. Lưu Bị cũng có một tập đoàn nhỏ của mình, nhưng “mạnh về võ yếu về mưu” (lời Phạm Văn Lan), chẳng làm nên trò trống gì. Nên lúc quần hùng đuổi hươu, chẳng ai coi Lưu Bị là đối thủ. “Bản *Long Trung đối Đông Ngô*” của Lỗ Túc cũng chỉ nói chia ba thiên hạ với Tào Tháo và Lưu Biểu. Thực tế thì Thục Hán là chính quyền tòi ra “ngoài kế hoạch”.

Lưu Bị đã thành công, một phần là do công sức của mình, phần nữa là do may mắn. May mắn bao gồm hai phương diện. Một - Lưu Bị được Gia Cát Lượng, Bàng Thống, Pháp Chính phò tá, từ chỗ “võ mạnh mưu yếu” thành võ và mưu đều mạnh; Hai - Hai người cùng họ với Lưu Bị là Lưu Biểu và Lưu Chương, võ sĩ, mưu sĩ và bản thân đều yếu hoặc võ sĩ, mưu sĩ đều mạnh nhưng không biết sử dụng, kết quả Lưu Bị đã cướp được địa bàn. Đương nhiên, Lưu Bị được Gia Cát Lượng, Bàng Thống, Pháp Chính phò tá và cũng có sự cố gắng của mình, đó gọi là cầu hiền như khát nước. Nhưng một người cầu hiền như khát nước, và cũng phải có người hiền để mà cầu, để mà khát, đó chính là gặp may. Và cái yếu của Lưu Biểu, Lưu Chương chính là cái may của Lưu Bị.

Chính quyền Thục Hán được thành lập trên cơ sở đó, tin rằng, Lưu Bị chưa hề có suy nghĩ gì về tính chất của chính quyền này. Đúng như ngài Điền Dư Khánh nói, Lưu Bị chỉ là “người thuận theo dòng chảy, chưa hề có một chiến lược rõ ràng nào”. May sao Lưu Bị là người thông minh. Lưu Bị cứ nhìn Tào Tháo và làm ngược lại (Lưu Bị từng nói với Bàng Thống “cứ làm ngược lại với Tào Tháo thì bao giờ cũng thành công”). Tào Tháo cứ ngược dòng mà lên, Lưu Bị lại đi đường vòng, tránh mọi xung đột trực diện với sĩ tộc. *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện* từng đánh giá cao sự sắp xếp nhân sự của Lưu Bị sau lúc vào Thục. Như Đồng Hoà, Hoàng Quyền, Lý Nghiêm là bộ ba của Lưu Chương; Ngô Nhất, Phí Quan là thân gia với Lưu Chương, Bành Dạng từng bị Lưu Chương chê bai; Lưu Ba từng bị nghi hận, tất cả đều được sắp xếp ở những vị trí xứng đáng (ở vị trí cao), khiến mọi người được phát huy hết tài năng của mình (hết mọi khả năng), kết quả “có chí thì đều thành công”.

Gia Cát Lượng trị nước còn có nhiều điểm rất hay. Trong hai tập *Tình trời hận biến* và *Bất lực về trời*, Gia Cát Lượng cầm quyền theo kiểu, trị nước theo phép, dùng người theo phép, kết quả trong chính phủ không có loại quan tham (quan không được gian), người người cần mẫn làm việc. Gia Cát Lượng chú ý đặc biệt việc dùng nhân tài



tại chỗ, kết quả được người Ích châu hết sức khâm phục (được người Tây Thổ thành tin phục, Lượng tận dụng tài năng của từng người). Trương Duệ người Thành Đô, Thục quận hết lời ca ngợi Gia Cát Lượng. Theo *Tam quốc chí - Trương Duệ truyện*, Trương Duệ thường nói với mọi người, Gia Cát xét công ban thưởng không để sót một người xa lạ nào (thường không quên ai); trừng phạt không thiên lệch vì người thân (phạt không vì từng thân); không có công thì không có tước vị (không công thì không tước); có quyền thế cũng không tránh được trừng phạt (hình không vì thế mà miễn). Đó chính là nguyên nhân khiến mọi người Thục đều làm việc quên mình (hiền hay ngu đều quên mình). Gia Cát Lượng làm việc công khai, công minh, công bằng, vì vậy chính phủ mới đúng là chính phủ. Dưới sự chủ trì của Gia Cát Lượng, Thục Hán trở thành một nhà nước có cách trị lý tốt nhất trong Tam Quốc.

Vậy, vì sao Thục Hán lại diệt vong sớm nhất trong Tam Quốc?

Có ba nguyên nhân. Thứ nhất, lý tưởng chính trị của Gia Cát Lượng là trị nước theo phép, không theo tình cảm. Theo phép thì không thể “theo người”; pháp trị, không phải “nhân trị”. Điều đó khác hẳn với lý tưởng, tình cảm của giai cấp sĩ tộc. Sĩ tộc muốn “theo người” và “người trị”. “Theo người” là theo danh vọng, môn đệ của gia tộc, hoàn toàn “vô pháp vô thiên”. Vì vậy, bề ngoài thì Thục Hán đi đường vòng, thực tế cũng là ngược dòng mà lên. Tào Ngụy lớn mạnh, cần mất nhiều sức; Thục Hán nhỏ yếu thì chống lại sao được?

Thứ hai, Thục Hán không chỉ là “chính quyền không sĩ tộc” mà còn là “chính quyền ngoại lai”, nên không thể không có mâu thuẫn với sĩ tộc bản địa (Ích châu sĩ tộc). Nếu Thục Hán cũng “địa phương hoá” như Đông Ngô thì chắc là tình hình sẽ khác đi. Nhưng Lưu Bị và Gia Cát Lượng vẫn một mực “Kinh châu là tập đoàn thứ nhất, Đông châu là tập đoàn thứ hai và Ích châu là tập đoàn thứ ba”. Những người kế cận Gia Cát Lượng như Tưởng Uyển, Phí Y, Khương Duy đều không phải là nhân sĩ Ích châu. Không những thế, chính quyền Thục Hán còn nghĩ cách moi tiền từ sĩ tộc, cường hào Ích châu chi phí cho việc quân vô cùng tốn kém. Thục Hán còn đối mặt với cái gọi là “nhân sĩ người Thục, chuyên quyền phóng túng”, định ra nhiều pháp luật nhằm trấn áp sự phản kháng của họ. Rõ ràng, sĩ tộc Ích châu đã bị rẻ rúng gạt ra ngoài lề. Về mặt chính trị họ bị bãi xích, về kinh tế bị rút ruột, về pháp luật bị ngăn cấm, không còn hy vọng gì con đường làm quan, họ không còn là “người cùng đường” với chính quyền Thục Hán, ngược lại trở thành “mặt đối lập”. Lợi ích của sĩ tộc Ích châu không còn nhất trí với lợi ích chính quyền Thục Hán, thậm chí đã có mâu thuẫn xung đột. Họ không muốn giữ nhà giữ nước như sĩ tộc Giang Đông, nhìn những việc không liên quan, họ đều lơ đi hoặc chê bai bài xích, thậm chí thấy nạn là vui thấy hoạn là mừng, trong ứng ngoại hợp. Lúc này thì những người chủ trì chính quyền Thục Hán có ưu tú đến mấy, cục cung tận



tụy đến mấy, mẫu mực đến mấy, phỏng còn có tác dụng gì. Lợi ích đã quyết định mọi hành động của sĩ tộc Ích châu.

Thứ ba, Gia Cát Lượng đánh giá quá cao về lời kêu gọi lý tưởng chính trị của mình. Gia Cát Lượng không biết (có thể không biết thật hoặc vờ không biết), Tào Ngụy lúc này không còn là Tào Ngụy năm nào, “Hưng phục Hán thất”, đã sớm thành lỗi thời. Đối với giai cấp địa chủ sĩ tộc mà nói, thực hành “Cửu phẩm quan nhân pháp” của Tào Ngụy hay hơn Đông Hán nhiều, họ cần gì đến “Hưng phục Hán thất” nữa? Ngược lại Thục Hán kiên trì với chế độ nhà Hán hoàn toàn mất sức hấp dẫn. Vì vậy, sĩ tộc Ích châu không mấy ủng hộ lý tưởng chính trị và đường lối dựng nước của Gia Cát Lượng. Điều mà họ mong đợi nhất, Tào Ngụy sớm đến “giải phóng” để họ được thực hiện lý tưởng của mình. Chúng ta đều biết, là “người Thục trị Thục” và “Cửu phẩm quan nhân”.

Lúc này chúng ta có thể tạm kết luận, Ngụy, Thục, Ngô về bản chất đều là “chính quyền không sĩ tộc”. Vì vậy, giữa họ và giai cấp sĩ tộc luôn có mâu thuẫn, xung đột và đấu tranh. Kết quả đấu tranh khiến Tào Ngụy vút bỏ, Tôn Quyền thoả hiệp, Thục Hán quyết giữ. Chính vì quyết giữ nên Thục Hán mới mất sớm. Vì vút bỏ nên Tào Ngụy cũng mất. Tôn Quyền thoả hiệp nên mới kéo dài thêm được ít nữa, nhưng rồi cũng mất. Vì chỉ có Tấn mới là chính quyền hoàn toàn thuộc về giai cấp địa chủ sĩ tộc.

Công nguyên năm 263, Ngụy diệt Thục; Công nguyên năm 265, Tấn diệt Ngụy; Công nguyên năm 280, Tấn diệt Ngô. Trung Quốc từ đây trở thành thời đại của giai cấp địa chủ sĩ tộc trong phạm vi cả nước. Lịch sử Tam Quốc đã kết thúc. Còn như chúng ta nên nhìn nhận thế nào về giai đoạn lịch sử này, lại là vấn đề khác.



LỜI KẾT THÚC: TRƯỜNG GIANG CUỐN CUỘN CHẢY VỀ ĐÔNG

Nội dung của Bình Tam Quốc đã nói xong, còn chuyện Tam Quốc thì chưa nói hết và cũng không thể nói hết. Đây là câu chuyện vô tận không thể nói hết, bàn hết trong một lúc. Từng người có thể nói lên quan điểm, cách nhìn của mình. Nhưng, đằng sau những quan điểm, cách nhìn đó đều có những quan điểm lịch sử làm chỗ dựa làm bối cảnh. Vì vậy, chúng ta cần có lịch sử quan như thế nào? Với sự chỉ đạo của lịch sử quan đó, chúng ta sẽ đánh giá giai đoạn lịch sử đó và những nhân vật trong đó như thế nào?

Ở tập ILVIII trước, tôi đã nói qua, nói đơn giản về lịch sử giai đoạn Tam Quốc. Mấy lời đó là không toàn diện, không hệ thống, không hoàn chỉnh và cũng không thể toàn diện, hệ thống và hoàn chỉnh. Vì cuốn sách (và những tiết mục điện ảnh có liên quan) chỉ là *Bình Tam Quốc*, không phải *Tam Quốc sử*, chúng ta không thể đòi hỏi theo tiêu chuẩn của *Tam Quốc sử*. Nhưng dù là “bình”, có một số vấn đề không thể không trả lời. Như, Tam Quốc là một đoạn lịch sử như thế nào? Nên nhìn nhận giai đoạn lịch sử này như thế nào? Nên đánh giá những nhân vật trong đó như thế nào?

Vấn đề là rất khó, đòi hỏi chúng ta phải có lịch sử quan và phương pháp luận khoa học.

Tôi liền nhớ tới cuốn sách, của K.Marx *Ngày mười tám tháng sương mù của Louis Bonaparte*, tôi đọc lại bộ sách kinh điển đó và đã hiểu ra. Hiểu ra điều gì? Sau khi đưa cháu của Napole'on làm chính biến, mọi người đều “cảm thấy kinh dị”, nhưng “không ai hiểu nó”. “Về đạo nghĩa ai cũng phẫn nộ”, cũng có người phân tích qua loa. Chỉ có Mác trả lời một vấn đề: Vì sao Louis Bonaparte, một con người “dung tục đáng buồn cười” đó “có thể phô diễn một vai anh hùng”. Vì sao vậy? Vì cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp đã “tạo nên một điều kiện và cục thế”. Chính nhờ “điều kiện và cục thế” đó, anh ta có thể phân sơn đảng đàn, làm nên một câu chuyện chấn động cả giới chính trị ở châu Âu. Có thể nói, một nhân vật lịch sử nào đó trở thành anh hùng, chủ yếu là nhờ vào “điều kiện và cục thế” lúc đó. Ở đây, “điều kiện và cục thế” quan trọng hơn tố chất và phẩm chất của cá nhân. Phân tích “điều kiện và cục thế” cũng quan trọng hơn nhiều so với “vì đạo nghĩa mà phẫn nộ”.

Rõ ràng phương pháp luận và lịch sử quan của Mác có đầy sức sống. Nó hợp với lịch sử Tam Quốc. Tam Quốc là thời đại của những anh hùng, anh hùng Tam Quốc vị tất là “dung tục và buồn cười” nhưng cũng được tạo nên từ một “điều kiện và cục thế”. Chúng ta cần phải “thoát ra khỏi Tam Quốc để xem Tam Quốc”, từ góc độ hùng tráng xem lại thế thiên hạ thời đó.



I. Sĩ tộc thay thế quý tộc

Nói ra thì, lịch sử Tam Quốc rất đặc biệt, thậm chí không thể dứt. Bởi vì nửa phần trước thuộc về Đông Hán, nửa phần sau thuộc về Ngụy Tấn. Sau Đông Hán là Ngụy Tấn. Năm Kiến An thứ XXV của Hán là năm Hoàng Sơ đầu tiên của Ngụy. Tam Quốc “như Hán không phải Hán, như Ngụy không phải Ngụy”, người thứ ba đã chen chân, hoàn toàn là đoạn xen kẽ.

Kỳ thực, Ngụy Tấn cùng Nam Bắc triều sau này, sao lại không thể coi là một đoạn xen kẽ? Có điều so với Tam Quốc, Ngụy Tấn và Nam Bắc triều được coi là đoạn xen kẽ lớn nhất. Ngụy Tấn và Nam Bắc triều có 369 năm không ngắt, và tình thế chính trị, hình thái đất nước của những nước này là xưa nay chưa từng có. Trước và sau đều có hai vương triều thống nhất và phần trước thì ngắn, phần sau thì dài. Trước thì có Tần và Hán và thời gian của Tần thì ngắn, thời gian của Hán thì dài; phần sau là Tuỳ và Đường, thời gian của Tuỳ thì ngắn, thời gian của Đường thì dài. Có điều, thời gian của Tần và Tuỳ tuy ngắn nhưng là thống nhất. Thời gian của Ngụy Tấn và Nam Bắc triều tuy dài, nhưng thống nhất một nửa, chia cắt một nửa và thời gian thống nhất là ngắn, thời gian chia cắt là dài. Đây không thể nói là trùng hợp, mà phải giải thích bằng tính hợp lý của lịch sử.

Nói về nước Tần trước. Vì sao Tần lại ngắn? Vì đây là lúc “thay đổi” của lịch sử Trung Quốc, vừa thay giai cấp thống trị vừa thay hình thái đất nước. Trước Tần, ai là giai cấp thống trị? Là giai cấp lãnh chúa. Còn sau Tần? Là giai cấp địa chủ. Hình thái đất nước trước Tần là thế nào? Là bang quốc. Còn sau Tần? Là đế quốc. Bang quốc và đế quốc có gì khác nhau? Bang quốc là chế độ phong kiến, đế quốc là chế độ quận huyện. Phong kiến, là “phong đất dựng nước”. Thế nào là “phong đất dựng nước”? Phong đất, tức là hoạch định khu vực; dựng nước, là chỉ định vua của nước. Nói cụ thể, một vùng từ trời đến đất gọi là “thiên hạ”, thiên hạ có một vị vua chung, gọi là “thiên tử”. Thiên tử chia thiên hạ thành nhiều lĩnh vực và phong cho các “chư hầu” gọi là “quốc”. Chư hầu lại chia “quốc” thành nhiều phần rồi phong cho “đại phu”, gọi là “gia”. Đại phu, chư hầu, thiên tử đều có “lãnh địa”, vì vậy đều là “lãnh chúa”. Có điều, đại phu có lãnh địa nhưng không có chính quyền, chỉ có thể gọi là “gia”. Chư hầu có lãnh địa, có chính quyền, nên gọi là “quốc”. Giữa quốc và quốc có thể giao chiến, hoà hợp, liên minh, thông thương, nhưng đều phải tôn thờ thiên tử là “chủ chung của thiên hạ”. Đây là “phong kiến chế” cũng là “bang quốc chế”.

Nghĩa lớn của “phong kiến chế” là “phong đất dựng nước”, đặc điểm quận huyện chế là “Trung ương tập quyền”. Phong kiến chế là “một thiên hạ có nhiều quốc gia; một thiên tử, có nhiều quốc quân”, quận huyện chế lại là “một thiên hạ, một quốc gia, một nguyên thủ, một chính phủ”. Một số “quốc” vốn có chủ quyền độc lập, không còn nữa, hợp thành một quốc gia thống nhất, như Tần hoặc Hán. Đồng thời cũng là thiên hạ. Một



số quốc quân vốn có chủ quyền độc lập cũng không còn nữa, đã hợp lại thành quốc quân, như Tần Thủy Hoàng và Hán Cao Tổ. Đồng thời cũng có thiên hạ. Thiên tử là quốc quân của một quốc gia thống nhất, cũng là nguyên thủ quốc gia duy nhất của thiên hạ. Không còn gọi là vương mà là hoàng đế. Vì vậy, chế độ này gọi là “đế quốc chế”. Đế quốc chế chỉ thừa nhận một quốc gia, một nguyên thủ, vậy, dù “quốc” có chủ quyền độc lập hay một “gia” không có chủ quyền độc lập thì đều không được tồn tại. Quốc và gia trong thời đại bang quốc, cần phải trở thành quận, huyện của đế quốc. Quan hệ giữa quận huyện và đế quốc là quan hệ giữa địa phương và trung ương. Người quản lý quận, huyện là quan viên do chính phủ trung ương bổ nhiệm. Gọi là chế độ quận huyện.

Quận huyện chế và phong kiến chế cũng có chỗ khác biệt, thiên tử, chư hầu, đại phu trong thời đại phong kiến (thời đại bang quốc) đều là thế tập; thời đại quận huyện (thời đại đế quốc) chỉ có hoàng đế là thế tập, quận thú và huyện lệnh thì không thế tập. Không chỉ quận thú, huyện lệnh mà mọi quan viên của đế quốc, bất luận là ở trung ương hay địa phương, về nguyên tắc đều không thế tập. Thế tập là quý tộc, không thế tập là quan viên. Vì vậy, phong kiến chế đồng thời cũng là quý tộc chế, quận huyện chế, đồng thời cũng là quan liêu chế.

Bây giờ chúng ta đã rõ. Bang quốc chế, và phong kiến chế, quý tộc chế là ba vị một thể, đế quốc chế cùng quận huyện chế, quan liêu chế là ba vị một thể. Thời đại bang quốc, thiên tử, chư hầu, đại phu đều là lãnh chúa; vì vậy giai cấp thống trị nó là giai cấp lãnh chúa. Thời đại đế quốc, quan liêu là người quản lý đất nước. Quan liêu không có lãnh địa, không thế tập, vì vậy giai cấp thống trị đế quốc là giai cấp địa chủ. Tần diệt sáu nước, thống nhất thiên hạ, không còn là phong kiến, biến quý tộc chế thành quan liêu chế, biến phong kiến chế thành quận huyện chế, biến bang quốc chế thành đế quốc chế, do giai cấp địa chủ thay thế giai cấp lãnh chúa trở thành giai cấp thống trị. Rất rõ ràng, đây là lần “thay đổi lớn”, vì mâu thuẫn xã hội rất gay gắt, xung đột giai cấp rất kịch liệt. Thêm vào đó, giai cấp thống trị mới thiếu kinh nghiệm, chọn hình thái ý thức (pháp gia học thuyết) sai lầm, cùng với phương thức thống trị (phương thức bạo lực) sai lầm, khiến cho người oán trời giận đất, kết quả sau hai đời đã mất. Giai cấp thống trị thời Hán nhận được bài học của đời Tần, đã thay đổi hình thái ý thức (trước là Đạo gia học thuyết, sau là Nho gia học thuyết), đồng thời cải biến cả phương thức thống trị (trước là để dân nghỉ ngơi, sau là tập dượt vương bá), nên thiên hạ thái bình, nhà Hán dài hơn 400 năm.

Lịch sử nhà Tần tuy ngắn, nhưng Tần là người khai sáng. Hán chỉ là người chấp hành di chúc chính trị của triều Tần. Không chỉ Lưỡng Hán mà các triều đại sau này đều thực hành chế độ do nhà Tần sáng lập nên. Giai cấp thống trị thời đại đế quốc đều là giai cấp địa chủ. Nhưng giai cấp địa chủ cũng có nhiều loại hình. Vì vậy có nhiều loại giai cấp địa chủ khác nhau giữ vai trò thống trị trong các thời kỳ lịch sử khác nhau. Cụ



thể là, Tần Hán là địa chủ quý tộc, Ngụy Tần là địa chủ sĩ tộc, Tuỳ Đường sau này là địa chủ thứ tộc.

Phong kiến lãnh chúa dần chuyển biến thành địa chủ quý tộc. Phong kiến lãnh chúa đều là quý tộc, nên còn được gọi là giai cấp lãnh chúa quý tộc. Sau khi Tần diệt được 6 nước đã phế bỏ “phong kiến chế” của “phong đất dựng nước” thay thế bằng “quận huyện chế” của “Trung ương tập quyền”. Lãnh chúa đều biến thành địa chủ. Địa chủ từ lãnh chúa biến thành, nên vẫn còn ít tính chất quý tộc. Vì vậy, chỉ có địa chủ quý tộc, mới là những địa chủ lớn nhất, địa chủ cầm quyền, địa chủ không chế được nhà nước và chính phủ trung ương. Đó chính là hoàng tộc và ngoại thích cũng những công hầu có thực ấp. Trong số họ có người được phong tước, có người được phong đất, nhưng đều là những người “có sản quyền không có trị quyền”, hoặc nói “có tài quyền không có chính quyền”, không thể hành sử chủ quyền quốc gia độc lập, chỉ có thể hưởng thụ lợi ích kinh tế, thuế má. Không chính quyền, về chính trị là địa chủ; có tài quyền, về kinh tế là lãnh chúa. Những người như vậy, nên gọi là “nửa lãnh chúa nửa địa chủ”, chẳng ngại gì gọi là “quý tộc địa chủ”. Họ là người thống trị của đế quốc Tần Hán. Vì vậy, Tần Hán là thời đại giai cấp địa chủ quý tộc.

Nhưng, bản chất của chế độ đế quốc là không có quý tộc. Vì vậy, trong nội bộ giai cấp thống trị đế quốc cũng phải “thay đổi”, do địa chủ quý tộc đổi thành địa chủ sĩ tộc, cuối cùng “rơi thành” địa chủ thứ tộc. Trong tập *Đường riêng đồng quy* chúng ta đã nói, sĩ tộc, là gia tộc đời đời làm quan, còn gọi là vọng tộc (có danh vọng), thế tộc (có quyền thế). Những nhà thứ dân vừa không có quyền thế vừa không có danh vọng, gọi là “Hàn môn”, còn gọi là “Thứ tộc” hoặc “Hàn tộc”. Vì sao địa chủ thứ tộc lại là giai cấp thống trị cuối cùng của đế quốc trong một thời gian dài từ Tuỳ Đường tới Minh Thanh? Bởi vì giai cấp này rất phù hợp với yêu cầu của đế quốc. Địa chủ thứ tộc là giai cấp địa chủ địa vị xã hội thấp nhất, để vào được chính quyền đất nước, họ phải thông qua học tập và thi cử. Đời đời phải học tập và thi cử, không có thế tập. Điều đó hoàn toàn hợp điều, mọi người rất yên tâm.

Chế độ để thành viên giai cấp thứ tộc vào chính quyền đất nước bằng học tập và thi cử gọi là “khoa cử chế”. Khoa là mở khoa thi; cử, là tuyển chọn quan viên. Chế độ thông qua việc thi để chọn người giỏi, gọi là “khoa cử”. Thi cử thì từ lâu đã có, thời kỳ Lưỡng Tấn có chế độ “Hiếu liêm thi kinh, tú tài thi sách”. Nhưng, mãi tới lúc Tuỳ Văn đế bãi bỏ cử phẩm trung chính chế thì khoa cử chế mới được chính thức đăng đàn lịch sử. Vì vậy, Tuỳ, cũng là thời đại có sự “thay đổi” và cũng giống như Tần thời gian rất ngắn. Đương nhiên, đây là sự “thay đổi nhỏ”. Những cuộc đấu tranh ở đây không kịch liệt như thời Tần. Ở đây, đế quốc đã tìm được một chế độ thích hợp nhất với yêu cầu của mình về nhân sự và giai cấp thống trị, nên việc thay triều đổi đại sau này chỉ là việc



trong nội bộ giai cấp địa chủ thứ tộc, tức là chỉ thay đổi người thông trị, giữ nguyên giai cấp thống trị.

Có điều lịch sử phát triển cần một quá trình, giai cấp địa chủ quý tộc không thể một lúc biến thành giai cấp địa chủ thứ tộc. Rõ ràng cần có sự quá độ và có tác dụng quá độ ở đây là giai cấp địa chủ sĩ tộc. Sĩ tộc và quý tộc có gì khác nhau? Quý tộc dựa vào quan hệ huyết thống để trở thành quý tộc, sĩ tộc dựa vào học hành và làm quan để trở thành sĩ tộc. Và sĩ tộc, thứ tộc lại khác nhau những gì? Thứ tộc qua đọc sách và thi cử để làm quan, sĩ tộc xét về xuất thân gia đình là chủ yếu để làm quan. Vì vậy, sĩ tộc nửa giống quý tộc nửa giống thứ tộc, nên có tác dụng quá độ. Ngụy Tấn Nam Bắc triều chính là thời kỳ quá độ.

Là thời kỳ quá độ, chế độ chính trị của Lương Tấn Nam Bắc triều là “chế độ môn phiệt”, hoặc “chế độ sĩ tộc”. “Chế độ môn phiệt”, một người muốn làm quan, ngoài việc học còn phải xét danh vọng tiếng tăm, đẳng cấp sang hèn, công lao từng trải của gia tộc người đó. Danh vọng tiếng tăm là “môn vọng”, đẳng cấp sang hèn là “môn đệ”, công lao từng trải là “phiệt duyệt”. Thời đó, trước cổng các nhà sĩ hoạn thường có hai cột trụ để ghi chép công lao từng trải của gia tộc. Ở bên trái gọi là “phiệt” ghi rõ công lao. Ở bên phải gọi là “duyet” ghi rõ quá trình từng trải. Phiệt và duyệt đều từ chữ “môn”. Chữ môn tức là “gia môn”, cũng tức là gia tộc. Môn vọng, môn đệ, phiệt duyệt hợp lại gọi là “môn phiệt”. Môn vọng có cao có thấp, danh vọng cao thì gọi là “vọng tộc”. Môn đệ cũng có cao có thấp, đẳng cấp cao gọi là “cao môn”. Một gia tộc đọc sách, làm quan, thậm chí đời đời làm quan thì được gọi là vọng tộc, cao môn. Làm quan mới có phiệt duyệt, có phiệt duyệt mới có danh vọng, đẳng cấp. Vì vậy, môn vọng, môn đệ, phiệt duyệt là ba trong một thể nên mới gọi là “môn phiệt”. Môn phiệt chỉ một gia tộc cao sang hiển hách làm quan thời đó. Chế độ môn phiệt là chế độ bảo vệ lợi ích chính trị của giai cấp. Nó thực thi phương án “Cửu phẩm quan nhân pháp” hoặc “Cửu phẩm trung chính chế”.

Đương nhiên sĩ tộc thích có một chế độ như vậy. Nhất là sĩ tộc lớp trung bình và cao lại càng thích, vì họ có thể lũng đoạn quyền lợi làm quan. Cuối cùng thì chế độ này cũng được thực thi. Vì sĩ tộc cuối những năm Đông Hán đã bắt đầu lũng đoạn quyền làm quan. Đúng như trong *Trung Quốc thông sử* của ngài Phạm Văn Lan đã nói: “Cửu phẩm quan nhân pháp” là “một quy định pháp luật đã thành sự thực”. Nhưng, lũng đoạn quyền làm quan là biến quan chức không thể thế tập thành thế tập, lập nên “thế tập chế không phải là thế tập”, hoặc là bán thế tập chế của tập đoàn quan liêu. Hiển nhiên, không phù hợp với yêu cầu của chế độ đế quốc. Chế độ đế quốc yêu cầu không có thế tập trong quan liêu. Do đó chế độ môn phiệt cần phải rút khỏi vũ đài lịch sử, nhường chỗ cho chế độ khoa cử hoàn toàn không có thế tập trong quan liêu. Giai cấp địa chủ sĩ tộc cũng phải rời khỏi vũ đài lịch sử, nhường chỗ cho giai cấp địa chủ thứ tộc không lũng đoạn quyền



làm quan. Chính vì vậy, chúng ta mới nói Ngụy Tấn Nam Bắc Triều là sự “xen kẽ lớn” trong lịch sử.

Điều rất vui là, trước sự “xen kẽ lớn” đó còn có một đoạn “xen kẽ nhỏ”. Đó là Tam Quốc. Trong tập *Đường riêng đồng quy*, chúng ta đã nói, trong những năm cuối thời Đông Hán, sĩ tộc đã lũng đoạn con đường làm quan, khống chế dư luận, biến thành cường hào. Lũng đoạn đường làm quan là chiếm lĩnh thượng tầng kiến trúc; khống chế dư luận, là nắm lấy hình thái ý thức; biến thành cường hào, là nắm trọn cơ sở kinh tế. Như vậy là đã nắm cả đất nước. Nếu cứ thế này mà phát triển tiếp thì giai cấp địa chủ sĩ tộc sẽ trở thành giai cấp thống trị đế quốc. Vậy thì, lịch trình của lịch sử sẽ không loạn, bản tính như ý của sĩ tộc sao có thể vút đi được?

Nhưng thực là bất hạnh, môn phiệt gặp phải quân phiệt.

II. Môn phiệt gặp phải quân phiệt

Quân phiệt là lũ cường hào địa phương có lực lượng vũ trang độc lập của riêng mình. Loại cường hào này đã có từ rất sớm, là loại thổ hào được sinh ra do vương triều Đông Hán đã không lưu tâm, không khống chế nổi. Cuối thời Đông Hán, nhất là sau lúc Khăn vàng khởi nghĩa, năng lực khống chế địa phương của chính phủ trung ương trở nên yếu ớt, thế lực bọn thổ hào càng thêm mạnh. Trong số họ, có người xưng hùng xưng bá ở địa phương, gọi là “hào bá”; có người xây dựng đội vũ trang riêng, gọi là “hào soái”; có người lợi dụng quan chức được triều đình bổ nhiệm để cát cứ, trở thành “chư hầu”. Vì họ đều có lực lượng vũ trang, nên đều là “quân phiệt”. Có điều, trước lúc Hán Linh đế tạ thế, họ chưa là gì cả.

Cần có điều kiện tiên quyết để quân phiệt trở thành một lực lượng, đó là chính phủ trung ương phải đổ, hoặc danh còn, lực hết. Trung ương không khống chế được địa phương, cường hào liên xưng bá; quan văn không trị lý được quốc gia, quân phiệt liên hoành hành. Suýt nữa thì họ trở thành sĩ tộc của giai cấp thống trị, chỉ có thể trao lại quyền thống trị. Trên thực tế sĩ tộc (bao gồm cả các thế lực chính trị khác) thế lực đã rất lớn, nhưng nguyên nhân cơ bản là tập đoàn trung ương, triều đình còn có thể hiệu lệnh thiên hạ. Nhưng nếu hoàng đế đã thực sự trở thành đơn độc, thậm chí “thiên tử” đã biến thành “lãng tử”, mục đích các địa phương không theo sự chỉ huy, họ cũng chẳng còn cách nào khác. Lúc này, đơn thuần là môn đệ danh vọng cao cũng vô dụng, đến như ân tín cũng vút, chỉ còn có súng là nói chuyện được. Ai cầm chắc cây súng? Quân phiệt. Ai cho chính phủ trung ương còn cái danh nhưng quyền thì hết? Cũng chính là quân phiệt. Và chúng ta biết rõ đó chính là Đồng Trác.

Đồng Trác là quân phiệt đầu tiên đánh vào vũ đài lịch sử. Đồng Trác vốn là cường hào địa phương ở Lương Châu, là người sớm biết dùng binh. Bộ thuộc của Đồng Trác, như lời ngài Phạm Văn Lan, là “thổ bá” một số địa phương, là “hào thủ” của tộc Khương



tộc Hồ. Đó đều là quân phiệt. Đồng Trác vào Lạc Dương không phải để làm quân phiệt, mà để xây dựng một trật tự mới. Vấn đề ở chỗ, Đồng Trác không hề biết trật tự mới phải xây dựng như thế nào, bản thân Đồng Trác cũng chẳng có chủ ý gì. Kết quả, chưa xây dựng được trật tự mới thì mệnh của trật tự cũ lại sắp hết.

Món nợ này đương nhiên không thể đổ hết lên đầu Đồng Trác, nói đến cùng thì vì vương triều Đông Hán đã quá mục nát chỉ cần đụng nhẹ là đổ. Trong tập “Đường riêng đồng quy” chúng ta đã nói, đế quốc Đại Hạ của vương triều Đông Hán có ba cây cột chống đỡ. Ba cây cột đó là ai? Ngoại thích, Hoạn quan và sĩ tộc. Ngoại thích là nhà mẹ của hoàng hậu, hoàng thái hậu, nói thông thường là hoàng thân quốc thích. Một người con gái nếu được làm hoàng hậu thì người nhà mẹ cô ta chẳng khác gì gà, chó được lên trời. Nếu hoàng đế chết sớm, tân hoàng đế tuổi nhỏ phải lo liệu việc nước, thái hậu phải lên triều, triều chính dễ dàng rơi vào tay người nhà thái hậu, tức là ngoại thích. Thời Đông Hán là như vậy. Thời Đông Hán có mười ba vị hoàng đế, bao gồm cả thiếu đế Lưu Biện. Ngoài Quang Vũ đế đầu tiên thọ 62 tuổi, thứ đến Hán Minh đế thọ 48 tuổi, cuối cùng là Hán Hiến đế thọ 30 tuổi, mười một người khác đều không đến 20 tuổi. Tuổi lớn nhất, Hán Chương đế 19 tuổi; tuổi ít nhất, Hán Thương đế chỉ có 100 ngày. Hán Xung đế chỉ có 2 tuổi. Triều Đông Hán có sáu lần thái hậu lâm triều, ngoại thích chấp chính. Thời Hán Hoà đế, Đậu thái hậu lâm triều, Đậu Hiến chấp chính; thời Hán An đế, Đặng thái hậu lâm triều, Đặng Chặt chấp chính; Thời Bắc Hương hầu, Diêm thái hậu lâm triều, Diêm Hiến chấp chính; Thời Hán Hoàn đế, Lương thái hậu lâm triều, Lương Ký chấp chính; Thời Hán Linh đế, Lương thái hậu lâm triều, Đậu Vũ chấp chính; Thời Hoàng Nông vương, Hà thái hậu lâm triều, Hà Tiến chấp chính. Thấy rõ, vương triều Đông Hán có tới gần nửa thời gian do thái hậu và ngoại thích lo việc nước.

Ngoại thích cầm quyền, đương nhiên hoàng đế không vui. Vì vậy số hoàng đế nhỏ tuổi này sau khi thân chính đều muốn đoạt quyền. Họ được các hoạn quan giúp đỡ. Hoạn quan vì lợi ích của mình, có thể giúp hoàng đế, thậm chí thay hoàng đế giết ngoại thích. Ví dụ, Công nguyên năm 92... giết Đậu Hiến, Công nguyên năm 121 giết Đặng Chặt. Công nguyên năm 125 giết Diêm Hiến, Công nguyên năm 159 giết Lương Ký, Công nguyên năm 168 giết Đậu Vũ, Công nguyên năm 189 giết Hà Tiến. Điều này rất có ý nghĩa. Vương triều Đông Hán, sáu lần thái hậu lâm triều, ngoại thích chấp chính. Cả sáu vị ngoại thích chấp chính đều bị giết do hoàng đế dựa vào hoạn quan hoặc hoạn quan giúp hoàng đế, thậm chí tự hoạn quan có chủ trương giết họ.

Vì vậy hoạn quan và ngoại thích mâu thuẫn rất lớn. Sử cung đình Đông Hán, gần như là sử đấu tranh giữa hoạn quan và ngoại thích. Trong cuộc đấu tranh này, sĩ tộc luôn thiên về ngoại thích, tuy họ chẳng thích gì cách lấn quyền của ngoại thích, nhưng họ còn căm ghét hơn lũ hoạn quan tham lam, lũ tiểu nhân theo chân hoạn quan, tranh đoạt quyền lợi hòng làm quan. Vì vậy, sau khi Hán Hiến đế qua đời, sĩ tộc mà đại biểu là



Viên Thiệu đã liên hợp cùng ngoại thích mà đại biểu là Hà Tiến để đấu tranh sống mái với tập đoàn hoạn quan. Kết quả là hoạn quan giết chết Hà Tiến, Viên Thiệu giết hoạn quan, ngoại thích lẫn hoạn quan đều hết đời. Ba cột chống của đế quốc Đại Hạ đã đổ mất hai, còn lại một cây rất khó chống.

Lúc này thì Đồng Trác được sĩ tộc (Viên Thiệu) mời đến. Đây là thời khắc mấu chốt. Nếu Đồng Trác là sĩ tộc, hoặc là người sĩ tộc có thể tiếp nhận thì có lẽ lịch sử đã sang trang. Mặc cho Đồng Trác muốn dựa vào sĩ tộc để xây dựng lại một trật tự mới cho đế quốc, nhưng sĩ tộc không muốn hợp tác với Đồng Trác và Đồng Trác cũng chẳng biết phải làm gì để hợp tác với sĩ tộc. Đồng Trác là kẻ làm bừa, hoành hành lấn quyền, không tuân theo pháp chế, không giữ lễ nghĩa, nên đã bị sĩ tộc hô hào “cả nước cùng giết, thiên hạ cùng đánh kẻ thù của nhân dân”. Vương Doãn cầm đầu triều quan tìm cách ám sát; Viên Thiệu cầm đầu ngoại quan, khởi binh đánh đuổi. Triều dã một phen hỗn loạn.

Lúc này, đế quốc vốn đã lộn xộn bất an càng thêm lộn xộn, thiên hạ của môn phiệt biến thành thiên hạ của quân phiệt. Một mặt triều đình phái châu mục, thứ sử, thái thú đến các vùng, cầm quân tự lo tự làm, cát cứ một phương; mặt khác thế gia đại tộc cũng vút bút bỏ bừa đua nhau chiêu binh mãi mã, kéo bè kết đảng, chiếm núi xưng vương, “to lớn thì liên quận quốc, trung bình thì chiếm thành ấp, nhỏ nhỏ thì tụ tập cả trăm cả ngàn” (Tào Phi *Diễn luận*), danh nghĩa là đánh Đồng Trác, thực tế là chiếm địa bàn. Đồng Trác, một quân phiệt không muốn là quân phiệt, đã khiến nhiều người thành quân phiệt.

Lịch sử đã bước vào thời đại quân phiệt, nên, chỉ có quân phiệt mới giải quyết được cục diện, môn phiệt phải bó tay. Thế nào là môn phiệt? Là các gia tộc đời đời hiển hách được quý trọng. Thế nào là quân phiệt? Là những tập đoàn dùng binh tự liệu. Đời đời hiển quý hoặc dùng binh tự liệu đều có địa vị và lực lượng đặc biệt, chi phối toàn bộ xã hội, vì vậy đều gọi là phiệt. Nhưng môn phiệt dựa vào danh vọng môn đệ trở thành phiệt, còn quân phiệt lại dựa vào lực lượng vũ trang để thành phiệt. Danh vọng môn đệ không đấu nổi với lực lượng vũ trang, vì vậy, môn phiệt cũng đấu không lại với quân phiệt. Môn phiệt gặp quân phiệt như tú tài gặp lính, có lý mà không được nói, trừ phi họ đều là quân phiệt.

Sĩ tộc không phải là không cố gắng về mặt này. Viên Thiệu và Viên Thuật đều là “môn phiệt kiêm quân phiệt”. Lưu Biểu và Lưu Yên lại là “Tông thất kiêm quân phiệt”. Đúng là họ đã một thời phong quang. Nhất là Viên Thiệu, áo mão vọng tộc, bốn đời tam công, môn sinh là quan lại khắp thiên hạ, còn có cả đất của bốn châu Ký, Thanh, Tinh, U, hơn nửa phương bắc, có thể coi là trời đã hậu đãi riêng, nhưng vì tài lớn khí thô, nên không thể trọn đời. Thiệu trở thành minh chủ liên minh đánh Đồng Trác. Rõ ràng là giai



cấp sĩ tộc đã khoác bảo giáp lên người Thiệu. Nhưng rồi thế nào? Điều đã thất bại. Vì sao lại thất bại? Vì Tào Tháo vừa xuất hiện.

Tào Tháo không phải sĩ tộc, Tháo xuất thân từ gia đình hoạn quan từng bị sĩ tộc miệt thị và căm ghét nhất. Tào Tháo vốn không phải là quân phiệt, Tháo tay trắng chạy đến Lạc Dương, không quân, không tướng, không quan chức, về sau “vung tiền, tập hợp nghĩa binh” ở Trần Lưu, thực lực là có hạn. Vì vậy, “tập đoàn công ty” liên quân Quan Đông mới không coi Tháo là “cổ đông”. Tào Tháo tự biết mình chẳng mấy vốn liếng, nên, cam chịu làm quân tốt trong liên quân. Nhưng chư hầu Quan Đông lại là lũ tự tư tự lợi, mắt chuột mơ hồ, lại rút đầu rút cổ, khiến Tháo vô cùng thất vọng. Cuối cùng thì Tào Tháo đã hiểu, thế gia đại tộc chỉ là hư danh, môn phiệt đấu không lại quân phiệt. Tào Tháo quyết định biến mình thành quân phiệt, sau đó mới giành lấy giang sơn.

Trên thực tế, người không để sĩ tộc diễn trò chính là Tào Tháo. Sau nhiều năm cố gắng, Tào Tháo đã biến thành quân phiệt, nhưng là quân phiệt khác hướng. Rất nhiều quân phiệt thời đó (như Lưu Yên) chỉ muốn cát cứ một phương xưng hoàng đế. Riêng Tháo lại muốn thống nhất thiên hạ. Đây là điểm một. Điểm hai, Tháo còn suy nghĩ khác sau khi Trung Quốc được thống nhất. Suy nghĩ của Tháo, như đã nói trong tập *Đường riêng đồng quy*, xây dựng một “chính quyền không sĩ tộc”, ít ra không đi vào đường cũ của Đông Hán, phải đổi mới về mặt chính trị. Đây là điều khác với Viên Thiệu. Viên Thiệu cũng muốn lập lại trật tự và là thứ trật tự cũ đại diện cho lợi ích giai cấp địa chủ sĩ tộc. Đó là điều khác biệt giữa Đồng Trác, Viên Thiệu và Tào Tháo. Đồng Trác phá vỡ trật tự cũ, Viên Thiệu ủng hộ trật tự cũ, Tào Tháo muốn xây dựng một trật tự mới. Đồng Trác chỉ biết phá hoại, không biết xây dựng, vì vậy Tào Tháo liên hợp với Viên Thiệu chống lại Đồng Trác và ra sức xây dựng lại trật tự bị Đồng Trác phá hoại. Nhưng phải xây dựng lại một trật tự như thế nào thì họ lại khác nhau về lập trường về quan điểm, cả về đường lối, vì vậy họ phải hậm hực chia tay, thậm chí quyết một trận sống mái.

Vậy, với Tào Tháo có dễ dàng gì không? Không dễ dàng.

Giai cấp sĩ tộc phản đối kịch liệt hành vi của Tào Tháo. Biểu hiện rõ nhất trong hai trận chiến, Duyệt châu và Quan Độ. Trận đánh ở Duyệt châu chúng ta đã nói rõ trong tập “Tiến thoái hết chỗ tựa”, đó là mùa hạ thời Hán Hiến đế Hưng Bình năm đầu (Công nguyên năm 194), Trương Mạo và Trần Cung nhân lúc Tào Tháo đi đánh Từ châu đã phản biến, liên hợp với Lã Bố cướp căn cứ địa của Tào Tháo. Nếu không có Tuân Úc và Trình Dục, Hạ Hầu Đôn giữ vững Quyên Thành, Phạm huyện, Đông A thì Tào Tháo đã như chó nhà có tang. Trương Mạo và Trần Cung là bạn cũ của Tào Tháo, vì sao phải làm phản? Vì trước đó, Tào Tháo đã giết Biên Nhượng danh sĩ Duyệt châu, khiến sĩ tộc và danh sĩ công phẫn (điều này *Hậu Hán thư* và *Tư trị thông giám* nói khác



nhau). Ở đây nói theo *Tư trị thông giám*. Tháo giết Biên Nhung nhằm uy hiếp sĩ tộc, kết quả suýt nữa chết không có đất chôn. Phản đối sĩ tộc đâu có dễ dàng!

Nhưng sĩ tộc vẫn chưa đề bẹp được Tào Tháo và lực lượng của Viên Thiệu cũng ngày một mạnh hơn. Vì vậy trận chiến Quan Độ mới xảy ra. Nếu nói trận chiến Duyện châu là sự tập kích đột xuất của thế gia đại tộc vào Tào Tháo, thì trận chiến Quan Độ là trận quyết chiến lớn giữa hai đường lối của hai giai cấp. Ngài Điền Dư Khánh nói đúng, chiến tranh giữa Viên và Tào là chiến tranh giữa sĩ tộc và hàn tộc trong xã hội, về hình thái ý thức là chiến tranh giữa Nho gia và Pháp gia (“chiến tranh Tào Viên và thế gia đại tộc”). Viên Thiệu thắng, thiên hạ là sĩ tộc và Nho gia; Tào Tháo thắng, chính quyền mới và trật tự mới sẽ do hàn tộc và Pháp gia xây dựng. Vì vậy, chiến tranh Quan Độ là chiến tranh quyết định vận mệnh và tiền đồ Trung Quốc lúc đó.

Trận chiến đó thực kinh điển và quyết liệt. Bảy giờ không chỉ có giai cấp địa chủ sĩ tộc mặc giáp trụ cho Viên Thiệu mà ngay cả một số người không là sĩ tộc cũng xem trọng Viên Thiệu, xem thường Tào Tháo. Đồng Thừa chính biến, Lưu Bị phản chạy, Dư Châu nhiều nơi hỗn loạn, Từ châu quận huyện hàng Viên, Lưu Biểu ngấm ngấm làm phản, Tôn Sách mưu mô đánh lén, lãnh tụ danh sĩ Khổng Dung đồn thổi tin tức ra khắp Hứa Đô, nói rằng không thể đánh bại được Viên Thiệu, xung quanh Tào Tháo là lời ca của nước Sở. Nếu không được Tuân Úc và những người khác kiên quyết chống đỡ e Tháo khó bề đứng vững. Trong tập “Thiên hạ quy tâm”, chúng ta nói tới chuyện, sau khi chiến thắng Viên Thiệu, Tháo cho đốt hết tất cả thư tín vừa thu được, là “giấy tờ tư thông với Viên Thiệu”. Tào Tháo giải thích “cô còn không tự giữ được”, sao trách người khác! Việc này luôn được xem là Tào Tháo rộng lượng hoặc quyền thuật. Kỳ thực là rộng lượng hay quyền thuật là do buộc phải thế, về cơ bản Tào Tháo không dám truy cứu tiếp.

Cuối cùng thì Tào Tháo đã thắng, Viên Thiệu thất bại. Lúc này thì lịch trình lịch sử đã rối loạn đến tận cùng. Lúc Đồng Trác đánh tới, giai cấp địa chủ sĩ tộc tuy bị trọng thương, nhưng họ vẫn có thể kỳ vọng ở Viên Thiệu “sĩ tộc kiêm quân phiệt”, được coi là kỳ ngộ và khiêu chiến để sinh tồn. Viên Thiệu bại trận thì mọi hy vọng đều biến thành mây khói. Họ Viên là vọng tộc lợi hại nhất trong sĩ tộc đã không thể thành công thì những người khác sẽ ra sao? Xem ra, trong thời đại quân phiệt này, người xuất thân từ sĩ tộc không còn trò để diễn, trừ phi họ tự biến mình thành quân phiệt. Chỉ có thể là người xuất thân không phải sĩ tộc mới nên chuyện, như Lưu Bị và Tôn Quyền.

Lưu Bị và Tôn Quyền đều không phải sĩ tộc và đều là quân phiệt, đây là điểm họ giống với Tào Tháo. Cái khác là, chính quyền của họ đều xây dựng ở miền Nam. Và cũng chính vì họ ở miền Nam, mới có thể thành thế chân vạc của Tào Tháo. Vì vậy, Tào Tháo chiến thắng Viên Thiệu là hàn tộc chiến thắng sĩ tộc; Tôn Lưu chống lại Tào Tháo



là miền Nam chống lại miền Bắc. Vậy, vì sao miền Nam có thể chống lại miền Bắc? Đằng sau sự chống đối này có điều gì là huyền diệu?

III. Miền Nam chống lại miền Bắc

“Miền Nam” chỉ là ba châu: Ích, Kinh và Dương ở về một bên của Trường Giang. Thời đó, ba châu này thuộc loại “Vùng kém phát triển”. Chính vì “kém phát triển”, nên vào “thời đầu Tam Quốc” (Đồng Trác vào kinh đến trận chiến Xích Bích), đây là chiến trường chủ yếu trong đấu tranh chính trị và quân sự. Ngoài việc Viên Thuật chiếm cứ miền Bắc Dương châu với ý đồ xưng vương xưng bá ở đó, thì quân phiệt vừa có dã tâm vừa có thực lực theo đúng nghĩa của nó như Tào Tháo và Viên Thiệu vẫn là lực lượng trong “tranh giành Trung Nguyên”. Còn quân phiệt xếp hạng nhất như Lã Bố, thì chiến trường chinh chiến là ở miền Bắc. Miền Nam “kém phát triển” trở thành nơi triều đình và những người tai to mặt lớn có thể sờ tới, nhất thời là nơi không còn có thể tự lo tự liệu. Và như vậy, số quân phiệt thực lực tương đối nhỏ có thể sẽ hết, ở ba châu nói trên, chur hầu cát cứ một phương chỉ còn là Lưu Yên, Lưu Biểu và Tôn Sách.

Tôn Sách có thể làm nên chuyện ở phía Nam, kẻ đó cũng là việc lạ, vì ba châu ở bên Trường Giang này vốn là của họ Lưu. Theo *Hậu Hán thư - Lưu Yên truyện* thời Hán Linh đế, niên hiệu Trung Bình thứ V (Công nguyên năm 188), để đối phó với cuộc khởi nghĩa của Khăn vàng, triều đình tiếp nhận ý kiến của Lưu Yên, gia thêm quyền cho các quan châu, đổi thứ sử là châu mục, phái trọng thần triều đình và hoàng thất “ra lo giữ”. Cắt cử lần thứ nhất có thái phó (bộ trưởng trông coi việc xe ngựa cho thiên tử) Hoàng Uyển nhận Dự châu mục; Tông chính (bộ trưởng trông coi tông thất hoàng tộc) Lưu Ngu, là U châu mục. Bản thân Lưu Yên là Ích châu mục. Ba vị châu mục này có hai vị là Tông thất, Lưu Yên và Lưu Ngu. về sau triều đình còn bổ nhiệm Lưu Biểu là bốn vị trong tông thất là châu mục, Ích châu mục Lưu Yên, U châu mục Lưu Ngu, Kinh châu mục Lưu Biểu và Dương châu mục Lưu Do. Niên hiệu Kiến An năm đầu (Công nguyên năm 196), Tào Tháo tiến cử Lưu Bị là Dự châu mục, có thể vì Lưu Bị là tông thất, có thể nhiệm mệnh theo lệ. Đương nhiên, đó là chuyện sau này.

Lưu Yên, Lưu Ngu, Lưu Biểu, Lưu Do, trong bốn vị là châu mục, có ba vị ở vùng Trường Giang. Lưu Yên ở Ích châu, Lưu Biểu ở Kinh châu, Lưu Do ở Dương châu. Tình hình ở ba châu này là khác nhau, cảnh ngộ của ba vị châu mục cũng khác nhau. Về mặt phát triển, chừng như Dương châu là tốt nhất, thứ đến Kinh châu, Ích châu là kém nhất. Nói về tình cảnh của ba người thì ngược lại, Lưu Yên có vẻ tốt nhất, thứ đến Lưu Biểu, Lưu Do là kém nhất. Bản thân Lưu Do không có tài trông giữ biên cương, đất Dương châu cũng bị chia làm đôi. Phía tây Trường Giang (Giang Đông), bị Tôn Sách dòm ngó. Kết quả, Lưu Do binh bại, lâm bệnh và mất, bốn trong sáu quận của Dương châu là Ngô quận, Cối Kê, Đan Dương, Dự chương rơi vào tay Tôn Sách, là cơ sở để thành lập chính quyền Tôn Ngô sau này.



Tháng Tư niên hiệu Kiến An thứ V (Công nguyên năm 200), Tôn Quyền tiếp nhận chính quyền Tôn thị. Lúc này Tào Tháo và Viên Thiệu đang đối địch ở Quan Độ, thắng bại thế nào chưa rõ. Nhưng kể từ sau tháng mười năm đó, cũng là lúc Tào Tháo vừa chiến thắng Viên Thiệu, bên cạnh Tôn Quyền đã có người nêu ý kiến “lập hiệu để vương để lấy thiên hạ”. Người đó chính là Lỗ Túc. Quy hoạch của Lỗ Túc, còn gọi là “Long Trung đối” theo “Đông Ngô bản” ở đó gồm ba bước. Bước một, củng cố Giang Đông, cùng với Trung Nguyên (Tào Tháo), Kinh châu (Lưu Biểu) lập thế châu vạc; bước hai, lúc thích hợp đoạt lấy Kinh châu, chiếm cứ toàn bộ Lưu vực Trường Giang, không theo miền Bắc; bước ba, xung để dựng nước, mưu cầu thống nhất thiên hạ. So với bản quy hoạch bảy năm sau Gia Cát Lượng lập cho Lưu Bị ở Long Trung, ở đây có điểm giống nhau đến kỳ lạ, cả hai đều chủ trương “phân ba trước, và thống nhất sau”, và đều là “miền Nam chống lại miền Bắc”. Có điều, Lỗ Túc nói ba nhà, là Tào Tháo, Tôn Quyền, Lưu Biểu; Gia Cát Lượng nói, là Tào Tháo, Tôn Quyền, Lưu Bị. Nhưng khái niệm là giống nhau, tức là Trung Nguyên, Giang Đông và Kinh châu. Kinh châu trong tay Lưu Biểu, tức là Tào Tháo, Tôn Quyền, Lưu Biểu, Lưu Bị. Trên thực tế, Lưu Biểu qua đời, Lưu Tôn đầu hàng, Lỗ Túc và Tôn Quyền điều chỉnh luôn. Không chỉ đối “người trong kịch” là Lưu Biểu thành Lưu Bị, mà còn đối cả sách lược với Kinh châu từ chống đối thành liên hợp.

Từ đây thấy rõ tác dụng của Lỗ Túc là vô cùng quan trọng khi ba nước Ngụy, Thục, Ngô hình thành thế chân vạc. Ai cũng biết, nếu không có liên minh Tôn Lưu thì không có trận chiến Xích Bích; không có trận chiến Xích Bích sẽ không có thế chân vạc của ba nước; và quyền chủ động trong liên minh Tôn Lưu lại thuộc về Tôn Quyền. Tôn Quyền không chịu liên minh thì Lưu Bị, Gia Cát Lượng cũng chẳng có cách gì. Vậy, vì sao Tôn Quyền lại quyết tâm liên Lưu chống Tào? Một trong mấy nguyên nhân đã được Lỗ Túc nói rõ từ bảy năm trước. Trong lần mật đàm lúc “cùng uống rượu ở trên giường”, Lỗ Túc không chỉ có quy hoạch chiến lược cho Tôn Quyền mà còn chỉ rõ căn cứ của quy hoạch đó, tức là “Hán thất không thể phục hưng, Tào Tháo không thể trừ ngay”. Lỗ Túc đã phán đoán đại thế thiên hạ là như vậy và đó là sự phán đoán chính xác. Chúng ta cần biết, điều đáng sợ nhất với một chính trị gia là hình thế không rõ ràng, mục tiêu không chính xác. Lỗ Túc phân tích tình hình, Tôn Quyền đã hiểu rõ. Hán thất đã không thể hưng phục, vậy, “từ bá nghiệp đến đế nghiệp” là có thể; Tào Tháo không thể loại bỏ ngay, vậy, “trước phân ba sau thống nhất” là cần thiết; Tôn Quyền và Tào Tháo đã phải “vạch sông để trị” thì “miền Nam chống lại miền Bắc” là tất yếu. Nhưng, miền Nam nhỏ yếu, miền Bắc lớn mạnh, muốn chống lại miền Bắc thì không thể không liên hợp. Đó chính là nguyên nhân để Lỗ Túc quyết tâm liên minh với Lưu Bị, và đây là nguyên nhân để Tôn Quyền tham gia trận chiến Xích Bích cuộn sóng.

Rõ ràng ý nghĩa *Đối sách trên giường* của Lỗ Túc không hề thua kém *Đối sách Long Trung* của Gia Cát Lượng. Trên thực tế, quy hoạch chiến lược của Gia Cát Lượng



có cao siêu, sâu xa đến mấy thì với ba lần đến lều tranh lúc đó, Lưu Bị làm gì có điều kiện để thực hiện. Thậm chí sau lúc bại trận chạy đến Đương Dương, điều mà Lưu Bị suy nghĩ là phải chạy tiếp đến với Ngô Cự thái thú Thương Ngô, sau này Lỗ Túc nói vui là “chỉ lo chạy lung tung”, đâu còn nghĩ tới việc thiên hạ chia ba! Đương nhiên, chạy đến với Ngô Cự chỉ là ý định, bởi vì Lưu Bị còn có thể đến với Lưu Kỳ ở Giang Hạ. Và nếu không có Lỗ Túc kiên quyết liên minh và Chu Du kiên quyết chống giặc, không biết tiền đồ của Lưu Bị sẽ ra sao nữa! Chạy đến với Ngô Cự thì sức cùng lực kiệt được kéo dài hơn, chạy đến với Lưu Kỳ thì nguy hiểm rình rập một sáng một chiều. Tào Tháo không đánh mà lấy được Tương Dương, thế như chẻ tre lấy nốt Giang Lăng, đối phó với Lưu Kỳ, Lưu Bị chỉ là việc sớm muộn gì cũng xảy ra. Lúc này thì sinh mệnh của Lưu Bị thực khó giữ, nói chi tới việc thực thi *Đối sách Long Trung* của Gia Cát Lượng? Vì vậy, sau này khi chạy đến Long Môn, Lưu Bị không chỉ phải cảm ơn Gia Cát Lượng mà còn phải cảm ơn Lỗ Túc nữa.

Lưu Bị còn phải cảm ơn một người, đó là Tào Tháo. Nếu Tào Tháo không đánh Kinh châu hoặc sau khi lấy được Giang Lăng không tiến tiếp về phía đông thì có thể sự việc đã khác. Nhưng xem ra Tào Tháo không đánh trận này không được. Thứ nhất, Tháo phải đoạt được Kinh châu. Kinh châu là nơi then chốt nhất trong ba châu ở tuyến một của Trường Giang. Đoạt được Kinh châu, nhất là chiếm được Giang Lăng, ngược lên có thể đánh lấy Ích châu, xuôi xuống có thể lấy gọn Dương châu. Đây cũng là lý do sau này Lưu Bị và Tôn Quyền phải liều mạng giành lấy Kinh châu. Ngược lại nếu bỏ Kinh châu thì không bao giờ Tháo đến được miền Nam Trường Giang, sự thực từ nay về sau sẽ chứng minh rõ điều này. Vì vậy, khi quy hoạch cho Tào Tháo, Quách gia đã nói: “Phải định Kinh châu trước”. Sau chiến tranh Quan Độ, bản thân Tào Tháo đã hai lần định đánh Lưu Biểu. Một lần là vào mùa xuân năm Kiến An thứ VI (Công nguyên năm 201), Tuân Úc đã can ngăn; một lần khác là vào mùa thu năm Kiến An thứ VIII (Công nguyên năm 203), Tuân Úc lại can. Tuân Úc nêu lý do, thế lực Viên Thiệu chưa bị tiêu diệt, tập đoàn Viên Thiệu “Người vẫn còn, ý chưa hết”. Nhưng đến năm Kiến An thứ IX (Công nguyên năm 204), Tào Tháo đã công phá Nghiệp Thành; năm Kiến An thứ X (Công nguyên năm 205), toàn bộ Ký châu rơi vào tay Tào Tháo; năm Kiến An thứ XII (Công nguyên năm 207), có thế lực cát cứ của Viên Thiệu làm hậu thuẫn, Ô Hoàn cũng bình định xong. Lúc này, Tào Tháo hết lo về họa ở phía sau, hoàn toàn có thể đoạt lấy Kinh châu, và cũng cần phải đoạt lấy Kinh châu.

Thứ hai, Tào Tháo cần phải tiêu diệt Lưu Biểu. Lưu Biểu là ai? Lưu Biểu không chỉ là Kinh châu mục mà còn là tông thất, danh sĩ, quân phiệt. Cũng tức là nói, Lưu Biểu vừa là thế lực quân phiệt cát cứ địa phương vừa là nhân vật đại diện cho giai cấp sĩ tộc. Lưu Biểu là nhân vật như vậy còn lại sau lúc Viên Thuật và Viên Thiệu qua đời. Lưu Chương là con Lưu Yên thực không đáng ngại. Dưới con mắt Tào Tháo, ảnh hưởng của Lưu Biểu mạnh hơn “ác liệt” hơn hẳn Lưu Chương. *Hậu Hán thư - Lưu Biểu truyện* nói,



ở Kinh châu, Lưu Biểu tiếp nhận “hàng ngàn” nhân sĩ lưu vong từ phương bắc, còn “bỏ tiền của an ủi giúp đỡ”. Lưu Biểu lại “mở mang trường học, cầu tìm nho thuật”, còn cho người “tuyển chọn chương cú trong Ngũ kinh lưu lại cho đời sau”. Cũng giống như Viên Thiệu, họ đều theo con đường “Nho gia sĩ tộc”. Năm Kiến An thứ XIII (Công nguyên năm 208), Tào Tháo khôi phục chế độ thừa tướng và ra làm thừa tướng, chuẩn bị xây dựng chính quyền của “Pháp gia hàn tộc”, lẽ nào còn dung được Lưu Biểu? Thêm nữa, Lưu Bị cũng đang ở chỗ Lưu Biểu, một lúc có thể diệt được cả hai.

Thứ ba, Tào Tháo còn muốn uy hiếp Tôn Quyền. Năm Kiến An thứ VIII (Công nguyên năm 202), Tào Tháo muốn Tôn Quyền cho con đến làm con tin, Tôn Quyền cự tuyệt, có nhiều khả năng Tào Tháo sẽ ghi tên Tôn Quyền vào sổ đen. Đánh Kinh châu, diệt Lưu Biểu, ít ra cũng là một đòn cảnh cáo Tôn Quyền. Vì thế Tào Tháo mới có “thư đe dọa” Tôn Quyền. Tiếc rằng, cách suy nghĩ của Tào Tháo đã chẳng có tác dụng gì. Tôn Quyền không sợ, còn liên hợp với Lưu Bị, như một bó lửa đốt thẳng vào chỗ Tào Tháo. Lưu Biểu tuy đã chết, nhưng Lưu Bị lại ngày một lớn mạnh. Giang Lăng tuy đã vào tay, nhưng lại mất, coi như chẳng được gì. Tào Tháo lấy được Tương Dương, nhưng Giang Lăng vẫn ở trong tay đối thủ. Tào Tháo cũng không thể bước qua Trường Giang. Trận này Tháo mất nhiều hơn được.

Vì vậy, trận chiến Xích Bích là điểm mấu chốt trong sử Trung Quốc. Do trận chiến này mà thế chân vạc đã xuất hiện, thế đối đầu đã hình thành. Từ đó, Nam Bắc đã có chiến tranh, như Tào Tháo xuống Nam đánh Tôn Quyền, Quan Vũ lên Bắc phá Tương Phàn và không tay trắng trở về (như Tào Tháo) thì cũng tự chuốc lấy diệt vong (như Quan Vũ), không ai có thể tiến thêm được, ngang như cuộc mua bán lỗ vốn.

Mãi tới trận chiến Đông Tây mới có kết quả, Lưu Bị đoạt Ích châu, Tôn Quyền lấy Kinh châu. Mùa hạ năm Kiến An thứ XIX (Công nguyên năm 214), Lưu Chương đầu hàng, Lưu Bị vào Thành Đô, Ích châu thuộc về Lưu Bị, với thân phận là Kinh châu mục, Lưu Bị kiêm lĩnh Ích châu mục. Mùa đông năm thứ XXIV (Công nguyên năm 219), Quan Vũ bị giết, Tôn Quyền vào Gia Lăng, phần lớn đất Kinh châu thuộc về Tôn Quyền, với thân phận là Từ châu mục, Tôn Quyền kiêm lĩnh Kinh châu mục. Từ đây, quyền sở hữu ba châu ở vùng Trường Giang đã thay đổi. Ba châu trước đây thuộc ba châu mục là tông thất, Lưu Do, Lưu Biểu và cha con Lưu Yên thì trước sau đều rơi vào tay giang hồ, miền Nam trở thành vũ đài của hai đại quân phiệt Tôn Quyền và Lưu Bị.

Điều này không có gì là lạ. Lịch sử cổ đại Trung Quốc thường vẫn là “lộn xộn, anh vừa hát xong, tôi đã bước ra”, hướng chi đây lại là thời đại hỗn loạn! Cần phải xem “phục trang” của các nhân vật đó. Chúng ta đều biết, chức “Từ châu mục” của Tôn Quyền do Lưu Bị tiến cử; chức “Kinh châu mục” của Lưu Bị, cũng được Tôn Quyền đồng ý. Như là họ đã tặng nhau những bộ “trang phục” đó, chỉ ít cũng là thừa nhận lẫn nhau. Nhưng, Từ châu mục biến thành Kinh châu mục, Kinh châu mục lại biến thành



Ích châu mục, cứ bát nháo thế này thì không ai thừa nhận. Lưu Bì không thừa nhận Tôn Quyền là Kinh châu mục, cho rằng Kinh châu là của mình. Tôn Quyền cũng không thừa nhận Lưu Bì là Ích châu mục, còn tuyên bố Ích châu là của Lưu Chương. Điều đó ngang như rạch vào mặt nhau. Vì vậy, liên minh Tôn Lưu tất sẽ vỡ, chiến tranh sẽ nổ ra và là trận chiến Di Lăng.

Trận chiến Di Lăng là chiến dịch quan trọng thứ ba trong sử Tam Quốc cuối thời Hán. Nó xác định cục diện hai miền Đông Tây phía Nam Trung Quốc cùng tồn tại chống lại miền Bắc. Trước đó, hai miền Đông Tây phía Nam Trung Quốc, là tập đoàn Tôn Quyền và tập đoàn Lưu Bì, có liên hợp có đấu tranh. Về phía Tôn Quyền có Chu Du, Lã Mông là đại diện, chủ trương “nuốt Lưu để lớn mạnh”; phía Lưu Bì có Lưu Bì và Quan Vũ là đại diện, luôn có “bụng muốn nuốt Ngô”. Tiêu điểm của mâu thuẫn là Kinh châu. Thế mới có áo trắng qua sông của Lục Tồn lên đánh Giang Lăng; Lưu Bì dốc toàn quân thẳng đến Khiếu Đình. Từ đây mới thấy tính chất quan trọng của Kinh châu - một trong ba châu ở tuyến Trường Giang. Trận chiến Xích Bích cũng là trận chiến Kinh châu; trận chiến Di Lăng cũng là trận chiến Kinh châu. Tào Tháo từng có Kinh châu, nhưng có rồi lại mất. Thế rồi Tào Tháo đành phải lui về miền Bắc, Lưu Bì thì lui về Tây Thục. Vậy cuối cùng thì Tôn Quyền là người có được và giữ được Kinh châu (nói chính xác là Nam quận và Giang Lăng), nhưng sao vẫn không thống nhất được thiên hạ?

Rất đơn giản, là “Trung Nguyên được hươu không do người” (thơ của Ôn Đình Quân).

IV. Đuổi hươu vị tất được hươu

Trước hết hãy nói từ trận chiến Di Lăng.

Là một trong ba chiến dịch lớn (Quan Độ chiến, Xích Bích chiến, Di Lăng chiến) của Tam Quốc cuối thời Hán, chiến dịch Di Lăng vẫn còn nhiều điều khó hiểu. Như trong *Nhận thức lại Long Trung đối* của ngài Điền Dư Khánh nói, “khiến người ta khó hiểu” về cách bố trí và cách chỉ huy chiến tranh của Lưu Bì. Sử sách cũng không ghi rõ thái độ của Gia Cát Lượng đối với cuộc chiến này, sử gia chỉ có thể mò mẫm suy đoán. Ngoài ra, kết cục của cuộc chiến cũng làm người ta bất ngờ. Lục Tồn giành toàn thắng đã chủ động lui quân, kẻ chiến bại như Lưu Bì lại muốn đánh tiếp. Theo *Tam quốc chí - Lục Tồn truyện*, sau khi bại trận Lưu Bì chạy về thành Bạch Đế, nhiều tướng lĩnh bên Đông Ngô giành nhau dâng biểu lên Tôn Quyền, cho rằng nên thừa thắng truy kích bắt bằng được Lưu Bì. Lục Tồn và Chu Nhiên, Lạc Thống cho rằng Tào Phi đang điều binh khiển tướng, danh nghĩa là giúp Ngô đánh Lưu Bì, thực tế thì họ đã có dã tâm, vì vậy phải rút khỏi cuộc chiến. Điều này vốn là rất tốt với Thục Hán, nào ngờ Lưu Bì lại tỏ ra già mồm. Theo chú dẫn *Ngô lục* của Bùi Tùng Chi trong *Lục Tồn truyện*, khi đó Lưu Bì có thư gửi Lục Tồn, nói lúc này giặc (Ngụy quân) đã tới Giang Lăng, trăm cũng muốn



Đông tiến lần nữa, tướng quân thấy có được không (tướng quân thấy nên chăng)? Kết quả là Lục Tốn đã phải nói thẳng ra, liệu vết đau của các vị đã khỏi chưa, có lẽ chẳng cần phải đến để nộp mạng! Lúc này Lưu Bị mới chịu giảng hoà.

Quyết sách của Lục Tốn là hoàn toàn đúng, và chắc gì Lưu Bị đã muốn đến lần nữa. Họ, bao gồm Tào Phi, Tôn Quyền, đều đã rõ, ba nhà Ngụy, Thục, Ngô đã thành thế chân vạc, chẳng ai có thể nuốt được ai. Hơn nữa, một bên nào đó lớn mạnh, hai bên kia sẽ đến hạn chế. Hai bên giao chiến quyết phải thắng, thua, mà ngay cả khi chưa ra quân, thì bên thứ ba sẽ đến xen vào, can dự. Vì vậy, Lục Tốn chỉ có thể thấy thắng là thu quân, và bên Lưu càng không thể bới việc, tìm việc. Sau khi Lưu Bị qua đời, Gia Cát Lượng chấp chính, sai luôn Đặng Chi sang sứ nước Ngô, nối lại liên minh. Theo *Tam quốc chí - Đặng Chi truyện*, khi đó Đặng Chi đã nói hết nhẽ với Tôn Quyền, hai bên chúng ta, một bên có “chỗ hiểm để vững chắc”, một bên có “ba con sông để ngăn cản”. Nếu liên hợp lại gần bó như môi với răng thì “tiền có thể lấy thiên hạ, thoái thành thế chân vạc”. Ngược lại, nếu đại vương chạy sang với Tào Ngụy, còn muốn nước được độc lập, thì kết quả Tào Ngụy sẽ đến đánh đại vương, Thục Hán cũng muốn đánh đại vương, vùng đất Giang Nam sẽ không còn là của đại vương nữa. Tôn Quyền yên lặng hồi lâu, cuối cùng không thể thừa nhận lời nói rất hay. Khi lập thế chân vạc, hai bên nhỏ yếu chỉ có thể chung sống hoà bình, thậm chí còn phải giúp nhau mới có thể chống lại phía mạnh. Vì vậy, tháng tư niên hiệu Hoàng Long năm đầu (Công nguyên năm 229), Tôn Quyền xưng đế, Gia Cát Lượng không còn nói “Trời không có hai mặt, người không thờ hai vua”, mà sai sứ sang chúc mừng, ký kết “điều ước không xâm phạm lẫn nhau”, thừa nhận Đông đế (Ngô đế), Tây đế (Thục đế), tôn trọng lẫn nhau, còn dự tính phân chia địa bàn với Tào Ngụy.

Đây cũng là sự kiện lớn của Tam Quốc cuối đời Hán. Bởi vì chỉ đến lúc này thì danh phận trong Tam Quốc mới được thành lập rõ ràng. Dù Tào Ngụy không thừa nhận Thục Hán và Tôn Ngô, Tôn Ngô và Thục Hán cũng không thừa nhận Tào Ngụy, nhưng hai bên Ngô - Thục lại thừa nhận lẫn nhau. Cũng tức là, họ không câu nệ cái gọi là “chính thống”, công nhiên thừa nhận dưới gầm trời này có thể đồng thời có hai hoàng đế, thực tế đây là sự phá cách ghê gớm.

Ở đây phía Thục Hán là khó nói nhất. Nên nhớ, Thục Hán tự cho mình là “chính thống”. Ngược lại, Tôn Quyền vốn không phải là “chính thống” và cũng không thể giành được địa vị “chính thống” lại hết sức thoải mái, “cùng tôn hai đế”, chính họ đã đề ra phương án này. Thực tế thì Tôn Quyền đã sớm nghĩ tới ngày hôm nay. Niên hiệu Kiến Hưng năm thứ II (Công nguyên năm 224) thời Thục Hán, Đặng Chi lần thứ hai sang sứ nước Ngô, Tôn Quyền đã nói rõ ý đó. Tôn Quyền nói với Đặng Chi, nếu tiêu diệt được Tào Ngụy, khôi phục được thái bình, hai nước chúng ta phân chia thiên hạ, như thế mới hay. Đặng Chi nói, trời không có hai mặt người không thờ hai vua. Sau khi kiêm quản



được Tào Ngụy, nếu đại vương không biết thiên mệnh ở đâu (cũng tức là không chịu đầu hàng Thục Hán), vậy, hai nước chúng ta đành phải “vua thực thi đức hạnh của mình, thần phải tận tụy tận hiếu” mọi người, lại giương cờ giống trống. Lúc đó, chiến tranh như vừa mới bắt đầu! Tôn Quyền nghe xong cười âm thầm lên nói, ngài thành thực lắm!

Nhưng năm năm sau, chưa nói tới Đặng Chi, mà ngay cả Gia Cát Lượng cũng không nói: “Trời không có hai mặt, người không thờ hai vua”. Điều đó nói rõ việc gì? Nói, Gia Cát Lượng đã ý thức được, ba nước ở thế chân vạc đã thành sự thực không thể thay đổi, việc “hưng phục Hán thất” không còn là việc dễ dàng nữa. Kỳ thực, đâu chỉ có không dễ dàng. Theo tôi, không thực hiện được! Theo lời chú dẫn *Ngụy lược* của Bùi Tùng Chi trong *Tam quốc chí - Vũ đế kỷ*, lúc Trần Quân và Hoàn Giới khuyên Tào Tháo làm Hoàng đế từng nói: “một người dân, một tác đất đều không có”. Vương triều Hán một người dân, một tác đất đều không có, làm sao có thể phục hưng được?

Người chỉ ra sự thực “tàn khốc” đó sớm nhất, phải kể là Lỗ Túc. Trước đó đã nói, trong *Đối sách trước giường* vào năm Kiến An thứ V (Công nguyên năm 200), Lỗ Túc đã nói rõ với Tôn Quyền “Hán thất không thể phục hưng”. Nhưng bảy năm sau đó, một lần trò chuyện với Lưu Bị ở Long Trung, Gia Cát Lượng lại nói “có thể dựng lại Hán thất”. Thậm chí vào năm Kiến Hưng thứ V (Công nguyên năm 227) thời Thục Hán, Tào Phi đã qua đời, Gia Cát Lượng trước lúc *Xuất sư biểu* Bắc phạt còn lấy “Phục hưng Hán thất, về lại đô cũ” làm lời hiệu triệu. Qua đây, có người cho rằng Gia Cát Lượng không thức thời. Thực ra đều không đúng. Lỗ Túc không phải ít hiểu biết, mà có con mắt nhạy cảm; Gia Cát Lượng cũng không phải không thức thời, mà là có yêu cầu khác. Ở họ, một người nhìn thẳng vào sự thực, một người có lý tưởng, nhưng họ đáng được chúng ta kính trọng.

Sự thực, ở hai trận doanh Ngô - Thục, quan hệ giữa Gia Cát Lượng và Lỗ Túc là rất tốt. *Tam quốc chí* phần tiếc mực như vàng nói rất hay, lúc Lỗ Túc qua đời “Gia Cát Lượng đến phát tang”. Chúng ta hoàn toàn có thể hiểu được tình cảm sâu nặng của hai người. Tình cảm hữu nghị đó được hình thành trong quá trình hai người thúc đẩy và ủng hộ liên minh Tôn, Lưu; trong quá trình làm việc, hiểu biết lẫn nhau, thực hiếm hoi! Thực khó để hiểu được, hai người cách nhau rất xa, lại có được tình cảm sâu nặng đến như vậy. Thực tế thì ý niệm chính trị của Lượng, Túc là khác nhau, nhưng không can hệ gì tới phẩm chất và tư tưởng, mà can hệ tới lập trường chính trị. Cũng tức là, lập trường của họ khác nhau, nên mới có ý niệm và phán đoán khác nhau, nhưng không ngăn cản họ trở thành bạn trong liên minh, bè bạn, thậm chí là chiến hữu.

Vậy, lập trường của Gia Cát Lượng và Lỗ Túc là gì? Lập trường của Lỗ Túc là phò tá Tôn Quyền nên “bá nghiệp” rồi “đế nghiệp”. Lập trường của Gia Cát Lượng là phò tá Lưu Bị thành “bá nghiệp” rồi “hưng phục Hán thất”. Mục tiêu giai đoạn đầu là như nhau, nhưng sau cùng là khác nhau. Vì vậy Lỗ Túc và Gia Cát Lượng có thể trở



thành bè bạn, nhưng không thể trở thành đồng chí. Và đây cũng là điều mà Tôn Quyền và Lưu Bị có thể liên minh, nhưng rồi ai đi đường nấy, và cuối cùng có thể trở mặt. Trở mặt, đương nhiên vì lợi ích hai nước xung đột; còn đường lối khác nhau lại do một nguyên nhân khác.

Nói tới Tôn Quyền trước. Tôn Quyền không phải Viên Thiệu, không phải thế gia đại tộc; Tôn Quyền cũng không phải Lưu Bị, không phải hoàng tộc, tông thất. Về mặt xuất thân gia đình, Tôn Quyền có điểm giống với Tào Tháo. Tào Tháo xuất thân không tốt, vì “không sạch”; Tôn Quyền xuất thân không tốt, vì “nghèo túng”. Có điều, Tôn Quyền không được như Tào Tháo - có kinh nghiệm vì đã “làm việc trung ương” và ưu thế “phụng thiên tử để lệnh kẻ chưa thần phục”. Tôn Quyền chỉ có một danh hiệu là tướng quân (đánh Lỗ tướng quân) và một chính quyền (chính quyền Giang Đông) chưa thực ổn định, nói trắng ra là một quân phiệt không to không nhỏ. Với những cái đó, Tôn Quyền đứng trước một hiện thực, mưu cầu sinh tồn trong một khoảng hẹp. Vì vậy, chủ nghĩa hiện thực của Lỗ Túc hợp với khẩu vị của Tôn Quyền, quy hoạch chiến lược của Lỗ Túc có điều kiện để thực thi. Cũng có Giang Đông, lập thế chân vạc, Tôn Quyền đã làm được, đoạt lấy Kinh châu, chia ra mà đánh, Tôn Quyền cũng đã làm được. Thậm chí Tôn Quyền còn xưng đế dựng nước, có điều muộn hơn người khác. Tôn Quyền cũng có ý đoạt lấy Ích châu, chiếm cứ toàn bộ lưu vực Trường Giang, có điều chưa làm được. Như vậy, Lỗ Túc không phí công có quy hoạch cho Tôn Quyền. Theo *Tam quốc chí - Lã Mông truyện*, sau này trong buổi trò chuyện với Lục Tốn, Tôn Quyền đã ví Lỗ Túc như Đặng Vũ - người đầu tiên mong Quang Vũ để Lưu Tú đoạt thiên hạ, xưng đế dựng nước. Rõ ràng, lập trường của Lỗ Túc cũng là lập trường của Tôn Quyền, đường lối của Tôn Quyền cũng là đường lối của Lỗ Túc.

Tình huống của Lưu Bị không như vậy. Nói về xuất thân gia đình thì điều kiện của Lưu Bị tốt hơn Tào Tháo và Tôn Quyền. Tào Tháo là đời sau của yên loạn, Tôn Quyền xuất thân hàn môn, sĩ tộc đều xem thường họ. Lưu Bị cùng họ với Hoàng đế, còn là học trò của danh nho Lư Thực, ít nhiều đã có vốn liếng về chính trị. Lưu Bị còn biết phải làm gì, trong lúc quân phiệt hỗn chiến, người khác thì mở rộng địa bàn, Lưu Bị mở rộng danh vọng, còn hình thành được cái mà ngài Phạm Văn Lan gọi là tập đoàn nhỏ “Võ sĩ mạnh mưu sĩ yếu”. Vì vậy, dù có người (như Viên Thuật) xem thường Lưu Bị, nhưng rất nhiều đại quân phiệt khác thêm phần coi trọng. Lưu Bị chạy đến chỗ Đào Khiêm, Đào Khiêm tiến cử Lưu Bị là Dự Châu thứ sử, về sau còn gửi cả Từ châu. Lưu Bị chạy đến với Tào Tháo, Tào Tháo tiến cử Lưu Bị là Dự châu mục, Tả tướng quân, còn được “đi cùng xe, ngồi cùng chiếu”. Lưu Bị chạy đến với Viên Thiệu, Viên Thiệu “sai tướng đi nghênh đón”, bản thân ra ngoài thành chừng vài trăm dặm để gặp mặt; đối với Lưu Biểu, Lưu Biểu cũng “tự ra ngoài đón và đối đãi như tân khách”. Chỉ riêng việc Tào Tháo và Viên Thiệu tranh nhau tiếp đãi cũng đủ thấy vai trò của Lưu Bị là không nhỏ.



Các quân phiệt xem trọng Lưu Bị, vì Lưu Bị có sức hấp dẫn đặc biệt với sĩ tộc. Nhất là sau khi Viên Thiệu qua đời, người mà các sĩ tộc phản Tào phục Hán có thể gửi gắm hy vọng cũng chính là Lưu Bị. Gia Cát Lượng nói với Tôn Quyền, Lưu Bị “Dòng dõi vương thất, anh tài cái thế, các sĩ ngưỡng mộ, như nước chảy ra biển”, tuy là có chút phô trương, nhưng cũng không phải là không thể. Chính việc lựa chọn của Gia Cát Lượng đã nói rõ điều đó. Gia Cát Lượng lựa chọn Lưu Bị, ngoài việc Lưu Bị ba lần đến lều tranh, tỏ rõ thành ý cầu hiền như khát nước, còn có một nguyên nhân quan trọng khác: Lưu Bị là tông thất. Chúng ta đều biết, Gia Cát Lượng muốn “hưng phục Hán thất”. Một “sứ mạng lịch sử” như vậy, đương nhiên, tốt nhất là do tông thất hoàn thành thậm chí chỉ có tông thất mới hoàn thành được. Mở đầu có thể làm như Quang Vũ đế, cần có một vị tông thất cầm đầu nhưng lúc này thì mấy vị tông thất là châu mục như Lưu Yên, Lưu Do, Lưu Ngu đều đã chết, Lưu Do và Lưu Ngu còn làm mất cả địa bàn. Lưu Chương là con của Lưu Yên tiếp tục là Ích châu mục, nhưng chẳng ra hồn, và Ích châu không phải là nơi tiến thủ. Lưu Biểu là người duy nhất có thể chọn. Nhưng tiếc Lưu Biểu chỉ là kẻ hẹp hòi, không có chí lớn. Bao nhiêu là nhân sĩ Trung Nguyên lánh nạn ở Kinh châu, Lưu Biểu thường chỉ an ủi, không trọng dụng. Ngược lại, Lưu Bị tuy còn phải nhờ vả người khác, nhưng uy vọng lại rất cao. Vì vậy, Gia Cát Lượng đã chọn Lưu Bị, còn đưa ra một quy định chiến lược “Trước lấy Kinh châu, sau đoạt Ích châu, vượt qua Kinh ích để lấy thiên hạ”. Đó là *Long Trung đối* nổi tiếng. Theo ý tưởng đó của Gia Cát Lượng, Lưu Bị có thể hoàn thành bá nghiệp, hưng phục Hán thất, trở thành hậu duệ của Quang Vũ đế, liên quan tới sự tồn vong của nhà Hán.

Đây là ý tưởng hay, khiến Gia Cát Lượng vừa xuống núi đã nổi tiếng. Nhưng Gia Cát Lượng cũng gặp phải một khó khăn, một khi không thực hiện được ý tưởng đó thì làm thế nào? Trên thực tế, chỉ cần nhìn vào ba chiến dịch lớn đã kể cũng có thể thấy, rất nhiều sự việc không thể thay đổi được bằng ý chí chủ quan của con người. Ba chiến dịch đó có điểm gì giống nhau? Những người gây ra chiến tranh đều thất bại và kết thúc. Viên Thiệu gây chiến ở Quan Độ, Viên Thiệu thất bại; Tào Tháo gây chiến ở Xích Bích, Tào Tháo thất bại; Lưu Bị gây chiến ở Di Lăng, Lưu Bị thất bại. Thế là thế nào? Là mệnh ư? Vận ư? Phong thủy ư? Đều không phải. Vậy là gì? Là do thế. Thời thế quyết định đường hướng của lịch sử, sau này cũng sẽ là như vậy. Viên Thiệu thất bại, vì môn phiệt gặp phải quân phiệt; Tào Tháo thất bại, vì miền Nam chống lại miền Bắc; Lưu Bị thất bại, như đã nói trước đây, hai nước Ngô Thục trong một phạm vi nhất định, chỉ có thể thành “bá một phía”, không thể phát triển hơn, nên mới có cái gọi là “Trung Nguyên được hươu không do người”.

Rõ ràng, Gia Cát Lượng, một người có lý tưởng, gặp thực tế đó sẽ hết sức đau khổ. Tào Phi không theo chủ nghĩa lý tưởng, đã nhượng bộ trước sĩ tộc Trung Nguyên, thi hành chế độ “Cửu phẩm quan nhân”. Tôn Quyền cũng không theo chủ nghĩa lý tưởng, vì vậy đã nhượng bộ sĩ tộc Giang Đông, thi hành chế độ “người Ngô trị Ngô”



Gia Cát Lượng không theo “Cửu phẩm quan nhân” cũng không theo “người Thục trị Thục”, kết quả Thục Hán diệt vong sớm nhất trong ba nước. Đó là vận may hay là bất hạnh đây?

Điều này làm tôi nhớ tới một người khác, nhớ tới Tuân Úc.

V. Tháo chuông rồi lại buộc chuông

Tuân Úc, Lỗ Túc, Gia Cát Lượng (theo thứ tự trước sau xuống núi), có thể đây là ba vị “mưu sĩ” đáng chú ý nhất trong ba tập đoàn lớn thời đó. Đương nhiên, không có nghĩa là những người khác (như Chu Du, Lã Mông, Lục Tốn bên phía Tôn Quyền) không quan trọng. Nhưng nói tới việc lập nước của Ngụy, Thục, Ngô thì không thể không kể tới ba vị này. Vì họ có ý niệm chính trị và phương lược dựng nước (những *Long Trung đối* khác nhau) và đều có ảnh hưởng đến vị quân chủ của mình. Từ góc nhìn đó, không thể coi họ là “mưu sĩ” chung chung, thậm chí không nên gọi là mưu sĩ mà gọi là “chính trị gia”. Nhưng ba người đó đã có những kết cục khác nhau. Tuân Úc bất hạnh nhất. Tuân Úc cả đời vất vả phục vụ Tào Tháo, nhưng lúc 50 tuổi đã bị Tào Tháo làm cho rầu rĩ phần nộ đến chết. So với Lỗ Túc, Gia Cát Lượng là khác biệt một trời một vực. Gia Cát Lượng được Lưu Bị gửi con, gửi nước; Lỗ Túc được Tôn Quyền đánh giá rất cao (dù chỉ “dăm bảy phần mười”). Tuân Úc được những gì? Được “Ích là Kính”.

Về cái chết của Tuân Úc, chúng ta phân tích trong tập *Tiến thoái hết chỗ tựa*. Ở đây, cần nói rõ thêm “điều kiện và cục thế” khi đó, đã quyết định thế nào đến số phận các nhân vật lịch sử. Chúng ta đều biết, Tuân Úc là nhân vật đặc biệt trong tập đoàn Tào Tháo. Tuân Úc xuất thân sĩ tộc, ông là huyện lệnh Lang Lăng, cha là quốc tướng Tế Nam, chú Tuân Sảng từng là tam công (tư không). Bản thân Tuân Úc là danh sĩ, được Hà Ngung ở Nam Dương bình là “có tài vương tá”. Hà Ngung là người không đơn giản, là “người trong đảng cố” những năm cuối thời Đông Hán, một nhân vật quan trọng trong tập đoàn danh sĩ, từng vạch mưu giết Đổng Trác. Tuân Úc cũng là một trong hai người nhìn ra Tào Tháo sớm nhất (người kia là Kiều Huyền). Vì vậy, Tuân Úc vừa là sĩ tộc vừa là danh sĩ.

Nhưng Tuân Úc, một người vừa là sĩ tộc vừa là danh sĩ đã chạy đến với Tào Tháo. Hơn nữa, trước đó Tuân Úc còn ở chỗ Viên Thiệu. Chúng ta cần biết, đường lối của Viên Thiệu là “sĩ tộc Nho gia”. Đường lối của Tào Tháo là “Pháp gia hàn tộc”. Tuân Úc bỏ Viên sang với Tào, là chuyện không bình thường. Không bình thường hơn nữa, Tuân Úc sang với Tào Tháo vào năm Sơ Bình thứ II (Công nguyên năm 191) thời Hán Hiến đế. Lúc này Viên Thiệu đã đoạt được địa bàn của Hàn Phức, là Ký châu mục, Tào Tháo mới được Viên Thiệu tiến cử là thái thú Đông quận, về cơ bản chưa sánh được với Viên Thiệu. Phần trước đã nói, trong chiến dịch Quan Độ (Công nguyên năm 200), Tào Tháo đã “phụng thiên tử để lệnh kẻ chưa thần phục”. Rất nhiều người chưa biết đến Tào Tháo,



đều cho rằng Viên Thiệu sẽ thắng. Thế mà chín năm trước đó, Tuân Úc đã bỏ Viên Thiệu, chẳng nhẽ lại là bình thường?

Vậy, vì sao Tuân Úc lại rời khỏi Viên Thiệu, đến với Tào Tháo? Tuân Úc “đồng ý rằng Thiệu sẽ không hoàn thành được việc lớn”. “Việc lớn” của Tuân Úc là gì? Giống như Gia Cát Lượng, là “hưng phục Hán thất”. Đáng tiếc, số chư hầu tham gia liên quân Quang Đông khi đó đều không đáng dùng. Trong số đó có hai người hăng hái và có điều kiện nhất là Viên Thiệu và Viên Thuật, nhưng hai người này lại đều muốn làm hoàng đế và không làm nô. Vì vậy, Tuân Úc mới bằng lòng đến với Tào Tháo, khi đó còn chưa có danh tiếng gì. Thực tế thì Tào Tháo là người gan dạ thao lược, đã sớm biểu hiện ra. Lúc này Tháo mới chỉ là trung thần vương triều Đông Hán, một anh hùng quên mình vì đất nước. Tuân Úc kỳ vọng ở Tào Tháo. Xem *Long Trung đối - Tuân Úc bản* thấy rõ, Tuân Úc đánh giá Tào Tháo như thế nào? Là “Lòng dạ luôn bên vương thất”, là “có chí giúp rập thiên hạ” Tuân Úc đưa ra cương lĩnh chính trị thế nào cho Tào Tháo? Một là “Phụng chúa thương để lòng dân theo về” hai là “giữ lễ chí công để hùng kiệt phải thần phục”, ba là “đề cao nghĩa lớn để anh tuấn tìm đến”. Nói như vậy là hết sức rõ ràng.

Vào niên hiệu Kiến An năm đầu (Công nguyên năm 196), Tuân Úc đã đưa ra cương lĩnh chính trị đó. Mười mấy năm trôi qua, vào năm Kiến An thứ XVIII (Công nguyên năm 212), tình hình đã thay đổi. Tào Tháo không còn là “Lòng dạ luôn bên vương thất”, cũng không còn là “phụng thiên tử để lệnh kẻ chưa thần phục”, mà là “Ép thiên tử để lệnh chư hầu”, muốn mình được phong công lập tước. Đây chính là một tín hiệu nguy hiểm. Việc phát triển ở bước sau sẽ ngược lại với lòng trung và lý tưởng của Tuân Úc. Vì vậy, Tuân Úc không thể không ngăn. Nhưng lời khuyên của Tuân Úc chẳng có kết quả gì. Tào Tháo như người đã bước lên “thuyền giặc”, chỉ còn một đường là đi tới tột. Tuân Úc đành phải chia tay với Tào Tháo, tìm đến cái chết. Tuân Úc muốn bằng sinh mệnh của mình để chôn vùi lý tưởng đó, cũng muốn bằng sinh mệnh của mình để khuyên can Tào Tháo lần cuối.

Có nhiều nguyên nhân để Tuân Úc lựa chọn như vậy. Nhưng nói cho cùng, Tuân Úc có thân phận là danh sĩ, có lập trường của sĩ tộc và tư tưởng Nho gia. Vương triều Đông Hán lấy danh giáo dựng nước, lấy thế gia đại tộc và Nho học để lập thân, quan niệm trung quân giữ nước là thâm căn cố đế, thay triều đổi đại là vấn đề nhạy cảm nhất, thậm chí đã trở thành tiêu chuẩn ranh giới. Như *Trung Quốc thông sử* của ngài Phạm Văn Lan đã phân sĩ tộc Trung Nguyên tụ tập ở Hứa Đô thành hai phái, “giúp Hán” và “giúp Tào”, đều là sĩ tộc cả. Tuân Úc thuộc phái hệ “giúp Tào”, nhưng thực chất là “giúp Hán”, rõ ràng là “người ở bên Tào, lòng ở chỗ Hán”. Chính do mâu thuẫn nội tại này đã nung nấu và trở thành bi kịch của Tuân Úc.

Không nung nấu thành bi kịch cũng có, như Trần Quần. Theo *Tam quốc chí - Trần Quần truyện* và lời chú dẫn của Bùi Tùng Chi, ông, cha và chú của Trần Quần đều



“nổi tiếng” thời đó. Họ đều làm quan. Bản thân Trần Quân từng được Khổng Dung chọn cử, Trần Quân vừa là sĩ tộc vừa là danh sĩ. Nhưng Trần Quân không hề phản đối Tào Tháo lập nước, thậm chí còn hùn vào, muốn Tào Tháo xưng đế (Đương nhiên Tào Tháo không đồng ý). Như vậy, Trần Quân rõ ràng là thuộc “phái giúp đỡ” nhưng khi Tào Tháo vừa mất, Trần Quân đã đưa “phép cứu phẩm quan nhân” của mình cho Tào Phi, và được thực hiện luôn. Tào Tháo đoạt mất quyền lợi của giai cấp sĩ tộc, Trần Quân cũng “lấy” mất đường về của họ, nói xem Trần Quân thuộc phái nào?

Thực tế thì Tuân Úc và Trần Quân đều không phải “phái giúp Tào” thực bụng. Tuân Úc ủng hộ vương triều Đông Hán sắp diệt vong; Trần Quân ủng hộ giai cấp sĩ tộc đang đà phát triển. Tuân Úc thông minh, hiểu rõ nếu muốn quy về một mối mà chỉ dựa vào hoàng đế là chưa đủ, chỉ có thể dựa vào thế lực tên “Chung Quỳ” là Tào Tháo để “đuổi quỳ”. Có điều Tuân Úc không ngờ trong quá trình “Chung Quỳ” “đuổi quỳ” thì bản thân mình biến thành “quỳ”, vì thế Tuân Úc phải lấy thân tuấn đạo. Trần Quân cao minh, biết rằng “người cỡi chuông phải là người buộc chuông”, muốn lấy lại quyền lợi của giai cấp sĩ tộc, trước hết phải đánh giá được kẻ đã đoạt quyền. Vì vậy, Trần Quân “Lấy đạo của người để trị người”. Tào Tháo “trộm rường đôi cột”, Trần Quân liền “đổi cột trộm rường”. Tào Tháo giương cờ “giúp Hán” để “tiếm Hán”, Trần Quân liền giương cờ “giúp Tào” để “biến Tào”. Rõ ràng, Tuân Úc là cao thượng, Trần Quân là cao minh.

Lập trường của Tuân Úc không phải là lập trường của Tào Tháo, lập trường của Lỗ Túc lại là lập trường của Tôn Quyền. Vì vậy, kết cục của Lỗ Túc tốt hơn nhiều, vấn đề của Tôn Quyền cũng đơn giản hơn nhiều. Tôn Quyền không phải sĩ tộc. Lỗ Túc cũng không phải danh sĩ, họ không phải chịu một áp lực nào. Vì vậy, Lỗ Túc có thể nói thẳng “Hán thất không thể phục hưng”, Tôn Quyền có thể lúc thì phản Tào lúc thì hàng Tào. Ở chỗ Tôn Quyền giúp Tào hay phản Tào không có mâu thuẫn, hàng Tào và giúp Hán cũng không có mâu thuẫn. Muốn hàng Tào (lúc phải đối phó với Lưu Bị) chỉ cần nói Tào Tháo là “Hán tướng”; muốn phản Tào (lúc liên hợp với Lưu Bị) lại nói Tào Tháo là “Hán tặc”. Một điển hình của chủ nghĩa thực dụng! Đông Ngô nhỏ, e cũng chỉ làm được như vậy. Tôn Quyền cũng không thể hiến thân vì lý tưởng, và Tôn Quyền cũng không hề có lý tưởng.

Vì vậy Tôn Quyền khá thành thạo trong trò “trở mặt”. Nói khó nghe thì đó là “lựa gió bẻ thuyền”, nói dễ nghe hơn “thức thời độ thế” mục tiêu cơ bản là “Lập hiệu để vương để lấy thiên hạ”. Nhưng muốn “lấy thiên hạ” là phải “xưng đế vương”; muốn “xưng đế vương” phải “vững Giang Đông”; muốn “vững Giang Đông” phải được sĩ tộc Giang Đông ủng hộ. Vì vậy, Tôn Quyền phải giao cho sĩ tộc Giang Đông phần quyền lực tương đối lớn, để Lục Tốn và Cố Ung chia nhau nắm giữ quân quyền và chính quyền, để phần lớn con em sĩ tộc và mặc phủ, chính phủ, thực hành “Người Ngô trị Ngô”. Tôn Quyền đã thực hiện “bản thổ hoá” và cũng là “sĩ tộc hoá” trong chính quyền Tôn Ngô,



chẳng khác gì những việc Tào Phi đang làm ở Trung Nguyên, có thể gọi là “một bản nhưng khác khúc”. Chúng ta đều biết, chính quyền Tôn thì vốn đối lập với sĩ tộc Giang Đông. Lúc này Tôn Quyền lại bắt tay vui vẻ với họ, còn để họ tham gia chính sự. Đúng, chỉ có “Người buộc chuông mới mở được chuông”. Có điều, ở chỗ Tào Phi thì Trần Quần giúp làm việc này. Ngược lại, Tôn Quyền tự mình làm lấy.

Vì sao Tôn Quyền lại có thể làm được như vậy? Tôn Quyền là người không theo một lý tưởng nào cả. Chính xác hơn, Tôn Quyền chỉ có mục tiêu không có lý tưởng. Bởi vậy, Tôn Quyền không để ý tới việc vương triều Đông Hán còn hay mất, không để ý xem Tào Tháo là trung hay gian, mà chỉ lo giữ địa bàn. Thậm chí còn chẳng để ý xem chính quyền thuộc về giai cấp nào (sĩ tộc hay thứ tộc) miễn là họ Tôn vẫn còn. Tôn Quyền không có một gánh nặng nào cả.

Điều phiền hà chỉ là Lưu Bị và Gia Cát Lượng vẫn còn đó.

Lưu Bị thân phận là tông thất. Thân phận đó khiến Lưu Bị thêm dễ dàng và cũng thêm gánh nặng. Phần trước đã nói, sau khi Viên Thiệu mất, số sĩ tộc và danh sĩ giúp Hán phản Tào chỉ còn biết kỳ vọng vào Lưu Bị. Lưu Bị đã giương cao ngọn cờ thương cảm “Hán thất nghiêng đổ, gian thần nắm mệnh, chúa thượng lao đao”, “muốn lấy tín nghĩa giúp thiên hạ”. Đó là vốn liếng chính trị và đồng thời cũng là gánh nặng về chính trị của Lưu Bị. Lưu Bị không thể tùy cơ ứng biến như Tôn Quyền, chỉ có thể giương cao ngọn cờ “phản Tào hưng Hán” tới cùng. Chính vì vậy Lưu Bị mới lấy gọn được mảnh đất phong thủy đẹp của Lưu Chương, tuy Lưu Chương cũng là “tông thất”. Lưu Bị từng bước từng bước theo con đường dựng nước của Tào Tháo, tuy Tháo là “Hán tặc”. Cứ nhìn vào cung cách làm ăn của Lưu Bị thì thấy rõ. Tào Tháo xưng Ngụy vương, Lưu Bị liền xưng Hán Trung vương; Tào Phi xưng Ngụy đế, Lưu Bị liền xưng Hán đế. Chẳng trách trong *Con đường dựng nước của Tôn Ngộ*, ngài Điền Dư Khánh nói về nước Thục “Sao chép lịch sử, giống như nước láng giềng”. Tóm lại, thời kỳ đầu Thục Hán dựng nước không có phiền hà gì, phiền hà là ở phần sau. Có điều, đó không còn là phiền hà của Lưu Bị, mà là phiền hà của Gia Cát Lượng. Bởi vì, sau hai năm xưng đế, Lưu Bị đã phải cười hạc ra đi, Gia Cát Lượng mới chính thức trị lý nước Thục.

Chính bởi lý tưởng chính trị khiến Gia Cát Lượng gặp phải phiền hà. Lý tưởng của Gia Cát Lượng là gì? Một là “hưng phục Hán thất”, hai là “y pháp trị nước”. Việc trước quan hệ tới “thiên hạ”, không thể thực hiện được, không cần bàn tiếp; việc sau quan hệ tới “đất nước”, là việc Gia Cát Lượng nên làm và làm được, làm tốt. Xin nói thêm mấy câu, Gia Cát Lượng muốn “y pháp trị nước”, là muốn xây dựng một xã hội trong sạch, công bằng, một chính phủ liêm khiết ở mức cao. Nói như Trần Thọ, trạng thái xã hội, chính phủ phải là “không có quan gian, phải tự nghiêm khắc, không rời đạo đức, mạnh không ép yếu, phong hoá thoáng đảng”. Trần Thọ từng mô tả tình trạng nước Thục với sự trị lý của Gia Cát Lượng. Đã làm được như vậy, vì Gia Cát Lượng biết “Vô



về trăm họ, theo con đường đúng, hạn chế quan chức, tuân theo quyền chế, một lòng thành tâm, ban bố đạo lý”. Cũng tức là trị nước theo phép.

Thực kỳ lạ! Một việc tốt như vậy sao có thể gây phiền hà? Rất đơn giản, vì thế gia đại tộc, và cường hào địa phương không vui. Vì nếu muốn công bằng thì không thể thiên lệch sĩ tộc; muốn ở cấp cao phải xem ở xuất thân; muốn liêm khiết thì không dung tham lam; muốn thanh cao không cho bá đạo. Tóm lại, những điều đó đều ngược với ba đặc điểm lớn của giai cấp địa chủ sĩ tộc là “Lũng đoạn quan trường. Không chế dư luận, trở thành cường hào”, lẽ nào lại được bọn họ ủng hộ?

Hơn nữa để thực hiện lý tưởng “hưng phục Hán thất” của mình, Gia Cát Lượng không thể thực hiện cái gọi là “người Thực trị Thực” giống như Tôn Quyền thực hiện “người Ngô trị Ngô”. Vì một khi Thực Hán “bản thổ hoá” thì sẽ trở thành “một nước tạm yên” giữ vững ở nơi hiểm yếu. Ai nấy yên tâm với thực tại, không muốn tiến thủ, còn đâu tinh thần Bắc tiến Trung Nguyên? Và là một người lãnh đạo chính quyền từ ngoài tới, Gia Cát Lượng không tin tưởng hoàn toàn ở những người “địa phương”. Vì vậy, Gia Cát Lượng không chỉ không thể thực hành “người Thực trị Thực”, người lại còn không chế về mặt chính trị, ổn định về kinh tế đối với sĩ tộc và cường hào vùng Ích châu. Chưa nói tới cái khác, riêng về quân phí to lớn mỗi khi Bắc phạt đều lấy ở họ, vì họ là con “dê mọt”. Thực tế, nếu Gia Cát Lượng chấp pháp công bằng, thì người bỏ tiền ra nhiều chính là họ. Nếu muốn họ không oán than, chỉ còn cách không Bắc phạt nữa, không nói tới công bằng nữa. Tiếc thay, tất cả các mục đó đều liên quan tới lý tưởng của Gia Cát Lượng. Vì vậy, chúng ta mới nói tới hai chữ phiền hà, và là sự phiền hà đã kết thành khối, không gỡ ra được. Tức là Thực Hán chỉ có người buộc chuông, không có người cởi chuông. Cuối cùng thì người đến “cởi chuông” là Tào Ngụy.

VI. Sóng sau biển thành sóng trước

Cuối cùng thì Tào Ngụy đã diệt Thực Hán, người người cảm thấy nuối tiếc, không nói thành lời. Không chỉ vì, dưới sự trị lý của Gia Cát Lượng, Thực Hán là nước có nền chính trị tốt nhất thời đó; mà còn vì Tào Ngụy đã trở thành một đất nước không theo lý tưởng của Tào Tháo, ngược lại từ một ý nghĩa nào đó, Thực Hán của Gia Cát Lượng vẫn chấp hành đường lối của Tào Tháo. Nhưng Thực Hán chấp hành đường lối của Tào Tháo lại bị diệt bởi Tào Ngụy sớm đã vứt bỏ con đường của Tào Tháo. Âu đó cũng là ý trời, đâu phải mưu của con người?

Rõ ràng đây là vấn đề lớn. Trước lúc trả lời vấn đề này, chúng ta cần phải làm rõ, “Trên một ý nghĩa nào đó”, Thực Hán của Gia Cát Lượng phải chăng đã chấp hành “đường lối của Tào Tháo”?

Tôi khẳng định điều này.



Với nhiều người, Tào Tháo và Gia Cát Lượng không chỉ đại diện cho tập đoàn chính trị khác nhau mà cơ bản còn là những người không cùng đường. Nói vậy là có lý. Chưa nói tới “Hình tượng văn học” và “Hình tượng dân gian”, họ đã khác nhau một trời một vực, mà ngay cả “Hình tượng lịch sử”, cũng có khác biệt lớn, khiến cho trong tác phẩm văn học, hay truyền thuyết dân gian, họ biến thành “không cùng tồn tại với Hán tặc” trong “hai thứ sắc nhọn đối nhau”. Nhưng nếu chúng ta tạm thời vứt bỏ sự tranh giành vô vị cái gọi là vương triều truyền thống, tạm thời không đánh giá phẩm chất, đạo đức từng cá nhân mà chỉ nhìn vào lập trường giai cấp và đường lối chính trị, thì chẳng khó khăn gì thấy ngay, ở họ có những điểm tương đồng đến dễ sợ. Tức là, ý niệm chấp chính và con đường lập nước của họ khác hẳn với đường lối “Nho gia sĩ tộc” của Viên Thiệu. Không phải nói nhiều về biện pháp của Tào Tháo, hãy nói về đường hướng của Lưu Bị và Gia Cát Lượng.

Phần trước đã nói, người chủ chốt của Tam Quốc đều không phải sĩ tộc, và tình hình của Lưu Bị là tương đối đặc biệt, tiếng là tông thất, nhưng thực là hàn môn. Theo *Tam quốc chí - Tiên chủ truyện*, Lưu Bị là “Dòng dõi của Trung Sơn Tĩnh vương, cháu xa của Hán Cảnh đế”, vì thế mới “quý”; nhưng từ bé đã “cùng mẹ làm nghề dệt chiếu”, lại là “nghèo”. Vì vậy, Lưu Bị xuất thân không “bần tiện” cũng không “phú quý”, có thể chỉ hợp với hai chữ “bần quý”. Một người xuất thân như vậy là có đầy đủ hai thân phận, nên cả hai mặt sĩ tộc và hàn môn đều hoan nghênh. Nhìn lại thì đúng là Lưu Bị “được nhân hoà” - Theo tôi, Lưu Bị sống như vậy là hay, nhất là việc dệt chiếu bán chiếu. Với cuộc sống ở tầng đáy xã hội đó, Lưu Bị đã hiểu được nỗi khổ trong dân gian, càng hiểu được tính cách của con người. Về mặt này thực giống như Tào Tháo. Một người như Lưu Bị, xuất thân “bần hàn” giống như Tào Tháo xuất thân nơi “văn đục”, họ đều không thích danh sĩ và sĩ tộc, nhất là những kẻ luôn hư trương thanh thế tự cho mình là thanh cao. Cả hai người nguyện chung sống với hàn tộc với thứ dân. Thực tế thì những thành viên hạt nhân trong tập đoàn Lưu Bị thời kỳ đầu đều không xuất thân từ danh môn vọng tộc như Quan Vũ và Trương Phi. Nhất là Quan Vũ, luôn xem thường sĩ tộc, danh sĩ và sĩ đại phu (Trương Phi thì ngược lại, xem *Tam quốc chí - Trương Phi truyện*). Vì sao Tào Tháo lại tán thưởng Quan Vũ đến như vậy, theo tôi, vì một nguyên nhân khó nói nên lời, tức là Quan Vũ còn miệt thị sĩ tộc hơn cả Tào Tháo. Còn Lưu Bị thì sao? Lưu Bị đối với các danh sĩ có phần khách khí hơn. Nhưng từ trong xương tuỷ mà nói, vị tất Lưu Bị đã thích họ. Như danh sĩ Trương Dục trong Thục, chỉ vì một câu nói không khiêm tốn đã bị Lưu Bị giết. Theo *Tam quốc chí - Chu Quần truyện*, lúc đó như Lưu Bị nói, ngay cả hoa lan đi nữa, cứ vương cửa là huỷ (hoa lan vương cửa, không thể không cuốn đi)! Khẩu khí đó chẳng khác gì khẩu khí của Tào Tháo.

Về phần mình, Gia Cát Lượng có phần đồng tình với danh sĩ hơn. Lúc Lưu Bị giết Trương Dục, Gia Cát Lượng có đến cứu, nhưng tiếc là không cứu được. Sau khi Gia Cát Lượng tiếp quản chính quyền Thục Hán, mấy danh sĩ trong Thục như Đỗ Vi, Tiều



Chu được đối đãi khá hơn (vì vậy Tiều Chu phản Thục Hán, không phản Cát Lượng). Không có gì là lạ, bởi Gia Cát Lượng cũng là sĩ nhân, cũng là Bắc sĩ lưu vong như Pháp Chính, Trương Chiêu, Lỗ Túc (Bàng Thống là danh sĩ ở Kinh châu). Nhưng Gia Cát Lượng không chỉ đơn thuần là sĩ nhân mà còn là thừa tướng Thục Hán. Thân phận và chức tước như vậy đương nhiên là càng quan trọng. Vì vậy, khi mà lời nói và việc làm của các danh sĩ nguy hại đến chính quyền Thục Hán, Gia Cát Lượng sẽ không khách khí thậm chí sẽ “trị tội vì lời nói” như Tào Tháo. Liêu Lập “Người tài của Sở” đã bị phế làm thứ dân với tội danh “phỉ báng tiên đế, trách hạch quân thần”. Lai Mẫn “Danh tộc Kinh Sở” cũng bị phế làm thứ dân với tội danh “loạn quần”. Danh sĩ Ích châu Bành Dạng bị xử tội chết lúc 37 tuổi.

Cái chết của Bành Dạng tương tự như cái chết của Khổng Dung và Nễ Hành. Tội danh của Bành Dạng như là “sách động mưu phản lật đổ chính quyền”, từng nói với Mã Siêu “Khanh ở ngoài, ta ở trong, đủ để định thiên hạ”. Nhưng Bành Dạng lại giải thích, là muốn Mã Siêu lập võ công ở ngoài, bên trong mình sẽ phò tá Lưu Bị, cùng nhau đánh Tào, không có ý mưu phản. Theo tôi, việc này còn khá mơ hồ. Bành Dạng là người “tính tình kiêu ngạo, xem thường hết thảy”, một danh sĩ hàng đầu, nói năng bất chấp hậu quả. Như trước đó, có lần Bành Dạng đã nói với Mã Siêu, Lưu Bị đã “già rồi hết tác dụng”. Về sau, lúc ở trong ngục lại dâng thư nói, “chúa công thực chưa già”, thần chỉ vì rượu mà nhớ lời. Rõ ràng Bành Dạng quen nết ăn nói lung tung. Lúc này cũng vậy, mở miệng nói bừa. Nhưng Bành Dạng tuy không có ý mưu phản, nhưng đã bị nghi là mưu phản, vì vậy Gia Cát Lượng có thể giết Bành Dạng. *Tam quốc chí - Bành Dạng truyện* nói rất rõ, bề ngoài Gia Cát Lượng khách khí với Bành Dạng (bề ngoài tiếp đãi), thực tế thì không thích (bên trong thì ghét), nhiều lần đã nhắc nhở riêng Lưu Bị (nhiều lần mật báo tiên chủ), nói không thể trọng dụng Bành Dạng (Dạng tâm rộng chí lớn, khó mà yên được). Lần này là cơ hội tốt, cuộc bỏ “hoa lan” vương cửa.

Có cùng một nguyên nhân để Gia Cát Lượng ghét Bành Dạng, Tào Tháo ghét Nễ Hành, Khổng Dung. Mấy danh sĩ này thường bị mọi người ghét bỏ, họ là “những kẻ giao tiếp phù hoa”. Loại danh sĩ này có đặc điểm, danh khí lớn tính khí cũng lớn, học vấn nhiều nhu cầu nhiều, thích thú bàn luận, mở miệng nói bừa, thành thì ít bại thì nhiều. Theo *Hậu Hán thư - Khổng Dung truyện*, trước lúc giết Khổng Dung, Tào Tháo có thư cho Khổng Dung nói, Tào mỗ ta tuy “tiền, chưa làm tốt được việc trong nước, thoái, chưa có đức chưa được lòng người”, nhưng “nuôi dưỡng chiến sĩ, sát thân vì nước”, ta có thừa sức để chinh trị “những kẻ giao tiếp phù hoa”. Suy nghĩ của Gia Cát Lượng cũng tương tự như vậy. Lúc phế Lai Mẫn, Gia Cát Lượng nói: “Lai Mẫn loạn quần, còn hơn cả Khổng Văn Cừ”. Rõ ràng, Lai Mẫn là Khổng Dung của nước Thục, Bành Dạng lại là Nễ Hành của nước Thục. Những người như vậy, bất luận là ở Tào Ngụy hay ở Thục Hán đều không được hoan nghênh.



Gia Cát Lượng và Tào Tháo là như nhau, đều là những người rất thực tế. Không tin thì cứ xem *Long Trung đối* của Gia Cát Lượng, liệu có câu nào sáo rỗng không? Không. Các biểu chương, bản tấu, hiệu lệnh, phong cách khác của Gia Cát Lượng đều là như vậy. *Ngụy thị Xuân Thu* nói, lúc còn ở trong quân, Gia Cát Lượng thường tự chủ trì (tự làm lấy) những lần phạt từ hai mươi gậy trở lên. Không ai tin đó là thực hoặc nói vậy là để chứng minh Gia Cát Lượng không biết quản lý. Đúng vậy, thân là tướng quốc lại hạ mình đến nhường ấy, đương nhiên không tin được hoặc không thể thừa nhận. Nhưng theo tôi, làm gì có khả năng thường xuyên đến hiện trường chủ trì hình phạt, còn như thỉnh thoảng mới đến thì hoàn toàn có khả năng. Vì không thể thì không thể hiện được mẫu mực, không thể thì không đủ để nghiêm minh pháp kỷ, không đủ để ngăn cấm bọn quan lại vi phạm pháp quy, bất chấp pháp luật. Gia Cát Lượng đã thể hiện một tinh thần thực tiễn như vậy. Những người thực tế sao có thể thích thú những “danh sĩ” hay khoa trương, chỉ biết nói mà không biết làm?

Có điều, Tào Tháo giết Không Dung, Lưu Bị giết Trương Dục, Gia Cát Lượng giết Bành Dạng, không hoàn toàn xuất phát từ suy nghĩ tốt xấu của cá nhân, mà xuất phát từ nhu cầu chính trị và cũng không đơn thuần là nhu cầu củng cố chính quyền, mà nhu cầu đó có quan hệ tới đường lối chính trị của họ. Thực tế, thì từ lúc Đông Trác náo loạn thiên hạ, thì hầu hết những người có chí có hiểu biết đều nghĩ phải xây dựng lại trật tự xã hội. Phần trước chúng ta đã nói, Đông Trác là kẻ phá hoại trật tự cũ, Viên Thiệu là người ủng hộ trật tự cũ. Tào Tháo là người xây dựng lại trật tự mới. Thực ra thì Gia Cát Lượng cũng là người xây dựng lại trật tự mới. Hơn nữa, Viên Thiệu và Tào Tháo đều cho rằng cần phải xây dựng lại trật tự, còn xây dựng như thế nào thì có điểm khác nhau. Theo cách nói trong bài *Tào Viên tranh giành và thế gia đại tộc* của ngài Điền Dư Khánh thì điểm khác nhau là, Viên Thiệu muốn thế gia đại tộc dắt dẫn theo đường cũ của Đông Hán; Tào Tháo muốn có cải cách, đưa thế gia đại tộc đi theo.

Về vấn đề này, Gia Cát Lượng và Viên Thiệu khác nhau, với Tào Tháo như nhau, không theo đường cũ của Đông Hán. “Đường cũ của Đông Hán” là tiếp tục để thế gia đại tộc “lũng đoạn quan trường, khống chế dư luận, trở thành cường hào”. Gia Cát Lượng không theo đường cũ mà kiên trì “Sát cử chế” thời đầu nhà Hán, không để sĩ tộc lũng đoạn đường làm quan; Gia Cát Lượng giết Bành Dạng, phế Lai Mẫn, phế Liêu Lập, để sĩ tộc hết khống chế dư luận. Chính sách của Gia Cát Lượng đối với cường hào là hai chữ: ức chế.

Thực tình thì Gia Cát Lượng và Tào Tháo là như nhau, họ vừa là người xây dựng trật tự mới, vừa là người cải cách chế độ cũ. *Trung Quốc thông sử* của ngài Phạm Văn Lan nói, Tào Tháo ở miền Bắc, Gia Cát Lượng ở nước Thục đều “vứt bỏ số ác chính của Đông Hán”. Mấy vấn đề về Tào Tháo của ngài Điền Dư Khánh nói, Tào Tháo “Bỏ phù hoa, sạch lại trị, chế hào cường”, hình thành một cái gì đó mới mẻ so với Viên



Thiệu, chỉ có Gia Cát Lượng “có thể cũng như Tháo”. Đây chính là lời bàn trung thực của các sử gia.

Rõ ràng Gia Cát Lượng đã thi hành “Đường lối Tào Tháo không có Tào Tháo” hoặc “Đường lối Tào Tháo phản lại Tào Tháo”. Hơn thế, Gia Cát Lượng còn đi xa hơn. Con người Tào Tháo có lý tưởng nhưng không có sơ đồ thiết kế. Tào Tháo chỉ biết không nên đi theo đường cũ của Đông Hán, nhưng không biết con đường mới sẽ phải đi như thế nào. Đối với con đường mới bản thân phải đi, Tào Tháo không có ý niệm gì, không có lòng tin tuyệt đối, nên thường phạm sai lầm hoặc chùn bước. Tào Tháo giết Biên Nhung, làm cỏ thành Từ châu, ra oai với thế gia đại tộc, để lại tiếng xấu muôn đời. Tào Tháo đầu Viên Thiệu, đánh Ô Hoàn, nhưng ý chí không kiên định bằng Tuân Úc, Quách Gia, thậm chí đến phút chót mới giành được thắng lợi. Chính sách quan trọng nhất của Tào Tháo - có tài là dùng, cũng mãi tới năm Kiến An thứ XV (Công nguyên năm 210) mới được đề xuất. Lúc này là sau trận chiến Xích Bích, Tào Tháo đã 56 tuổi. Rõ ràng Tào Tháo cứ phải dò đường mà đi, sai lầm, rồi sửa sai rồi lại sai lầm. Ngay như *Đường lối Pháp gia Hàn tộc* cũng phải từng bước, từng bước mò mẫm mà thành.

Gia Cát Lượng thì không thế, Gia Cát Lượng vừa có lý tưởng vừa có sơ đồ thiết kế. Cứ xem Gia Cát Lượng trị Thục, có thứ có tự, có đường có hướng, ý niệm rõ ràng. Tức là Gia Cát Lượng có ý niệm chấp chính và đường hướng dựng nước rõ ràng. Thậm chí chúng ta có thể nói, trên cơ sở tổng kết được mất về chính trị của Lương Hán, Gia Cát Lượng xây dựng nên một chế độ quốc gia mới. Từ thực tiễn của Gia Cát Lượng, chúng ta có thể khái quát chế độ mới bằng tám chữ: Vua hờ tướng thực, trị nước theo phép. Phần sau Tào Tháo cũng làm, nhưng Gia Cát Lượng làm tốt hơn. Pháp trị của Tào Tháo còn nhuốm màu người trị, ở Gia Cát Lượng thì thuần túy hơn, công bằng hơn. Chính phủ của Tào Tháo vẫn còn tham nhũng. Chỗ Gia Cát Lượng thì liêm khiết hơn nhiều. Thực tế thì điều này bị chi phối bởi “điều kiện và cục thế”. Tào Tháo bị sĩ tộc và danh sĩ bao vây, Tào Tháo còn phải dựa vào họ, nên không thể không nhượng bộ ít nhiều. Thực tế đúng như trong *Lý Nghiêm hương phế* và *Gia Cát dùng người của ngài* Điền Dư Khánh, có rất nhiều sự việc trong hai nước Ngụy Thục không thể nói cùng ngày. Tào Ngụy ở Trung Nguyên, ở Trung ương, sĩ tộc đông đúc, là cục diện lớn; Thục Hán ở Ích châu, ở địa phương, danh sĩ không nhiều, cục diện bé nhỏ. Cùng là một sự kiện, ở chỗ Tào Ngụy sẽ nổi lên một làn sóng lớn, ở Thục Hán chỉ là những làn sóng lăn tăn. Như Gia Cát Lượng giết Bành Dạng, không có ảnh hưởng lớn như Tào Tháo giết Khổng Dung, thậm chí có ít người biết. Ở đây không có ý biện hộ cho Tào Tháo, chỉ muốn nói rõ, phạm việc gì cũng phải là vấn đề cụ thể, phân tích cụ thể.

Tào Tháo cũng trị nước theo phép, riêng vua hờ tướng thực có thể chỉ là lý tưởng chính trị của Gia Cát Lượng. Từ thực tế chúng ta thấy, Tào Tháo là tướng, Gia Cát Lượng là tướng, không có khác biệt, đều là thừa tướng nắm trọn quyền lớn, hoàng đế



chỉ là cái tiếng. Hán Hiến đế chỉ là con rối, Lưu A Đầu có quyền hành gì? Con người Gia Cát Lượng đến chức vụ cũng hết như Tào Tháo, đều là thừa tướng khai phủ, đều được phong là huyện hầu (Tào Tháo Võ Bình hầu, Gia Cát Lượng Võ Hương hầu), đều là châu mục (Tào Tháo là Ký châu mục, Gia Cát Lượng là Ích châu mục). Nhưng, về sau Tào Tháo còn được phong là Ngụy công, lập Ngụy quốc, xưng Ngụy vương, Tào Phi còn đoạt đế vị. Gia Cát Lượng không làm những việc đó. Đây là điểm khác nhau. Khác nhau những gì? Ai cũng có thể nhận ra, Tào Tháo thực hiện “Vua hờ tướng thực” để sau này sẽ “Tiếm vị đoạt quyền”, Gia Cát Lượng không như vậy. Vì Gia Cát Lượng không phong công, không lập nước, không xưng vương gì gì đó và sau khi qua đời cũng không truyền lại tướng vị cho con. Có thể khẳng định, Gia Cát Lượng thực hiện “vua hờ tướng thực” là công tâm.

Nhưng như vậy thì có không ít người thấy khó hiểu. Đã là trung quân ái quốc, nếu không có bụng tiếm nghịch, thì vì sao lại để cho hoàng đế không có quyền hành gì? Những người muốn bảo vệ danh dự cho Gia Cát Lượng thì khẳng khái cho rằng do Lưu Thiện kém về trí lực. Một số học giả có khả năng từng rõ về Lưu Thiện không khỏi nghi ngờ Gia Cát Lượng muốn có quyền lớn, muốn tiếm quyền. Chúng ta có thể bàn bạc về hai cách nói trên. Với tất cả thiện chí của mình, tôi cho rằng, Gia Cát Lượng thực hiện “Vua hờ tướng thực” là muốn cải cách chế độ, hoàng đế là nguyên thủ quốc gia trên danh nghĩa, tượng trưng cho chủ quyền và sự thống nhất đất nước; thừa tướng là đầu não của chính phủ làm những việc thực tế, phụ trách việc định ra và thi hành các chính sách. Thời đầu nhà Tây Hán là như vậy, và rõ ràng đó là chế độ tốt nhất. Nước Thục của Gia Cát Lượng có thể coi là “đặc khu chính trị” thời đó. Tiếc rằng việc đó chỉ có thực tiễn, không có lý luận, vừa không hình thành pháp luật, vừa không trở thành một chế độ chính thức. Hơn nữa, Gia Cát Lượng đã qua đời lúc còn đầy nhiệt huyết, và thế là hết tất cả, người người lấy làm thương tiếc.

Nhưng đây chưa phải là điều bất hạnh của Gia Cát Lượng. Điều bất hạnh là không có mấy người hiểu rõ những suy nghĩ của Gia Cát Lượng, thêm vào đó là đất nước lại bị diệt vong sớm nhất. Gia Cát Lượng qua đời, thực nghiệm của Gia Cát Lượng cũng ngừng; nước Thục mất, lý tưởng của Gia Cát Lượng mất theo. Ngay cả những người sùng bái thương tiếc Gia Cát Lượng cũng chỉ nghĩ tới “hưng phục Hán thất”, canh cánh bên lòng “xuất sư chưa thành”, không hề nhắc tới “Trị nước theo phép” và “vua hờ tướng thực” là những điều có ý nghĩa nhất, lẽ nào lại không là bất hạnh? Có người nói, nhân vật vĩ đại thường đều cô độc. Tin rằng Gia Cát Lượng là như vậy.

Lẽ nào Tào Tháo không như vậy! Hàng ngàn năm nay, có thể Tào Tháo là nhân vật số một lịch sử được bàn tới nhiều nhất, đến nay người người vẫn còn tranh luận, vinh khắp thiên hạ và phỉ báng cũng khắp thiên hạ. Nhưng có được bao người thực sự hiểu về Tào Tháo? Những lời đánh giá khách quan, công bằng và sâu sắc mà Tháo nhận được có



bao nhiêu? Điều mà tôi nghe được chỉ là những lời “phản nộ về đạo nghĩa”. Nhưng Engels lại không cho là vậy (xem *Lời tựa xuất bản lần thứ ba* của Engels viết năm 1885 cho cuốn “Ngày mười tám tháng sương mù Louis Bonaparte” của K.Marx).

Chẳng có cách gì để đánh giá, phân tích đầy đủ về Tào Tháo (với Gia Cát Lượng cũng vậy), chỉ muốn đưa ra vài cách suy nghĩ đơn giản, chưa thật chín với bản thân. Theo tôi, công trạng chủ yếu của Tào Tháo không phải ở thống nhất, vấn đề của Tào Tháo cũng không phải ở gian trá và tàn khốc. Thống nhất không phải đặc quyền của Tào Tháo, cũng không phải việc của một người. Lưu Bị và Tôn Quyền đều có tư cách thống nhất thiên hạ, đã có sự chuẩn bị và công hiến cho sự thống nhất sau này. Còn như gian trá và tàn khốc thì đúng là có và không cần phải thanh minh hoặc che dấu bớt cho Tào Tháo. Nhưng phải nói, sự gian trá và tàn khốc đó đã bị nói khổng lên nhiều, về điều này, từ lâu đã được nhiều sử gia đánh chính, không phải nói thêm.

Tào Tháo muốn xây dựng một trật tự mới, theo tôi, đây mới là điều đáng khẳng định nhất. Nói về quan hệ giai cấp thì trật tự mới đó chính là thứ tộc; nói về hình thái ý thức là pháp gia. Vì vậy, điều này và cá nhân Tào Tháo phải được đánh giá rõ ràng. Lịch sử đã chứng minh, địa chủ thứ tộc và giai cấp thống trị thích hợp nhất ở thời đế quốc; và tư tưởng pháp gia không phải là hình thái ý thức thích hợp nhất với đế quốc. Đường lối chính trị từ sau đời Tùy Đường vừa không phải là “Nho gia sĩ tộc” của Viên Thiệu vừa không phải “pháp gia thứ tộc” của Tào Tháo mà là “nho gia thứ tộc”. Nhưng tận sau khi Ngụy Tấn Nam Bắc triều sửa sai vào năm 369, điều đó mới được thực hiện, dùng chính quyền sĩ tộc với Tư Mã gia tộc làm đại biểu cũng là một tất yếu trong lịch sử. Tào Tháo vừa vượt thời gian vừa sai lầm, lẽ nào lại không thất bại?

Lúc này chúng ta đã biết, vì sao giai cấp địa chủ sĩ tộc lại xa rời Tào Tháo đến nhường ấy. Bởi vì Tào Tháo đã ngăn đường họ, làm nhỡ thời gian của họ. Phần trước đã nói, vào những năm cuối thời Đông Hán, sĩ tộc đã là lực lượng chủ yếu của tập đoàn thống trị. Họ muốn trở thành giai cấp thống trị, có thể có hai loại phương thức. Một là quá độ hòa bình, hai là đấu tranh vũ trang. Đồng Trác vào kinh; sử dụng phương thức trước và không xong; sau trận chiến Quan Độ, lại sử dụng phương thức sau, cũng trở thành ảo ảnh. Lúc này chỉ có quân phiệt, không xuất thân từ sĩ tộc, mới có thể đoạt được chính quyền. Hơn nữa, chỉ có tạm thời vứt bỏ “đường lối nho gia sĩ tộc” mà Viên Thiệu là đại biểu thì họ mới có thể thành công. Đó là nguyên nhân để Lưu Bị, Tôn Quyền và những người khác thắng lợi “sau thời kỳ Viên Thiệu”. Số quân phiệt không sĩ tộc được lộ mặt, số chính quyền không sĩ tộc có thể, nói rõ ra vì “trước có xe, sau có vết”, nhờ có “tác dụng dẫn đầu” của Tào Tháo. Vì vậy giai cấp địa chủ sĩ tộc mới khẳng định phải trút hết mọi phần nộ lên người Tào Tháo, ôm mối thù khắc cốt ghi xương, coi Tháo là “yêu ma hóa”. Thêm vào đó, nhiều lần Tào Tháo đã bắt nghĩa, nên không tránh khỏi từ anh hùng trở thành gian hùng.



Huống chi bản thân Tào Tháo lại bị người khác nắm chuỗi. Sai lầm lớn nhất của Tào Tháo là đã chuẩn bị điều kiện để sau này Tào Phi xưng đế. Dù lịch sử không thể là giả, nhưng chúng ta cứ coi là giả, như Tào Tháo không xưng Ngụy vương, thậm chí không phong Ngụy công, không lập nước Ngụy, thì dù Tào gia đời đời có làm tướng, chắc sự việc đã khác. Đáng tiếc là Tào Tháo đã bị thứ quyền lực tối cao đó làm cho lú lẫn, rồi tự mình vác đá đập vào chân mình. Nhớ năm đó, khi Louis Bonaparte phát động chính biến giống như người bác Napole'on, Mác đã từng dự đoán: “nếu như hoàng bào được khoác lên người Louis Bonaparte, thì pho tượng đồng của Napole'on sẽ bị đẩy nhào từ đỉnh trụ tròn vườn Vendome xuống”. Chúng ta cũng có thể nói một câu: Khi Tào Phi khoác lên mình tấm hoàng bào, Tào Tháo chỉ có thể chờ để được vẽ thành một bộ mặt trắng bệch.

Lúc Tào Tháo bước vào địa ngục, Gia Cát Lượng cũng bước lên thiên đường. Không thể phủ nhận, trên người Gia Cát Lượng luôn tỏa sáng ánh hào quang. Gia Cát Lượng một lòng vì thiên hạ, lo cho dân cho nước, cúc cung tận tụy, liên kết thân trọng, khép mình trong nguyên tắc, là một mẫu mực ngàn đời. Nhưng Gia Cát Lượng thành thần tiên không hoàn toàn vì những cái đó. Nguyên nhân chủ yếu vì xã hội cần có điển hình. Người thống trị đế quốc cần một trung thần, trăm họ cần một thanh quan, văn nhân sĩ đại phu cần một người phát ngôn. Đó cũng là đạo lý khiến Tào Tháo biến thành quỷ. Xã hội không chỉ cần điển hình chính diện và cũng cần cả điển hình phản diện.

Theo tôi, Gia Cát Lượng và Tào Tháo, hai nhân vật lịch sử, chẳng qua chỉ là con sóng trước con sóng sau của Trường Giang; là hình tượng dân gian, hình tượng văn học, Gia Cát Lượng và Tào Tháo chỉ như hai mặt của đồng tiền. Đồng tiền đó là hai mặt của nhân chính. Người, một nửa là thiên sứ, Tào Tháo chỉ có thể là ma quỷ. Gia Cát Lượng được coi là con “sóng sau”, vậy, Tào Tháo con “sóng trước”, đành phải “chết trên bãi cát”.

Đây không phải là hy vọng của chúng ta. Chúng ta hy vọng “con sóng sau của Trường Giang đẩy sóng trước, sóng trước không ngừng biến thành sóng mới”. Nhưng, đúng là sông dài lịch sử có thể như vậy sao?

Lời sau cùng

Hơn một năm trôi qua nhanh chóng, cuối cùng bản thảo đã hoàn thành. Lời chưa hết và cũng không thể nói hết được, vẫn phải nói lại một câu: Biểu dương phê bình, đều rất hoan nghênh; hiểu về tôi, trị tội tôi, xin tùy các vị!

Ngày 8 tháng 3 năm 2007

DỊCH TRUNG THIÊN

